CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

SÁCH CHỈ DẪN
CÁC PHÔNG VÀ SƯU TẬP LƯU TRỮ
BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SÁCH CHỈ DẪN

CÁC PHÔNG VÀ SƯU TẬP LƯU TRỮ
BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

SÁCH CHỈ DẪN

CÁC PHÔNG VÀ SƯU TẬP LƯU TRỮ BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

VŨ VĂN TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II[1]

BAN BIÊN SOẠN:

NGUYỄN THỊ THIÊM
NGUYỄN THỊ LAN
LƯƠNG THỊ VÂN

1 Bản quyền thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II - Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

Lời nói đầu

Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II rất phong phú về nội dung và đa dạng về loại hình, gồm: tài liệu hành chính, tài liệu khoa học kỹ thuật, tài liệu nghe nhìn,… và tư liệu lưu trữ. Thời gian hình thành tài liệu có từ năm 1564 đến nay. Số lượng tài liệu khoảng hơn 14.000m giá.

Năm 2007, nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II tổ chức biên soạn cuốn *"Sách chỉ dẫn các phông, sưu tập lưu trữ bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II"*, nhằm hướng dẫn cho độc giả, người nghiên cứu có cái nhìn khái quát trước khi tiếp cận tài liệu lưu trữ tại Trung tâm. Việc biên soạn cuốn sách do những cán bộ chuyên môn đã trải qua nhiều năm công tác, gắn bó với nghề thực hiện, dưới sự chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước về nội dung công bố và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Trung tâm Lưu trữ quốc gia II cùng với sự đóng góp ý kiến của các viên chức đang công tác, đã chuyển công tác và nghỉ hưu.

Sau khi xuất bản, cuốn sách đã được công bố rộng rãi, đáp ứng được nhu cầu tiếp cận và tra tìm tài liệu của độc giả, người nghiên cứu trong nước và nước ngoài. Đồng thời, cuốn sách cũng giúp cho viên chức của Trung tâm nắm rõ thêm về tài liệu mà Trung tâm II đang quản lý, từ đó nâng cao chất lượng quản lý, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng hiệu quả tài liệu lưu trữ.

Từ năm 2007 đến nay, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đã chỉnh lý thêm được nhiều phông tài liệu quan trọng, đồng thời xây dựng hệ thống công cụ tra cứu bằng mục lục hồ sơ và cơ sở dữ liệu, giúp cho độc giả, người nghiên cứu khi tiếp cận tài liệu lưu trữ được dễ dàng và nhanh chóng.

Nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Trung tâm (29/11/1976 - 29/11/2015), chúng tôi chỉnh lý, bổ sung và tái bản lần thứ nhất cuốn ***"Sách chỉ dẫn các phông và sưu tập lưu trữ bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II"***, để cung cấp thêm cho độc giả, nhà nghiên cứu các phông tài liệu, tư liệu đã được chỉnh lý, thu thập, bổ sung trong thời gian qua.

Cuốn ***"Sách chỉ dẫn các phông và sưu tập lưu trữ bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II"*** được biên soạn như sau:

I. Về phạm vi

Sách giới thiệu toàn bộ các phông tài liệu, các loại hình tài liệu, các khối tư liệu hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, gồm những phông tài liệu đã được chỉnh lý hoàn chỉnh; những phông mới chỉnh lý sơ bộ, xác định nội dung; những phông tài liệu phân phông, chưa được chỉnh lý; các sưu tập lưu trữ; các khối tư liệu,… được viết chủ yếu bằng chữ Quốc ngữ, chữ Pháp, chữ Anh, chữ Hán - Nôm,…

II. Bố cục cuốn sách gồm các phần

- Lời nói đầu.
- Bảng chữ viết tắt.
- Phần nội dung chính.
- Mục lục.

III. Nội dung biên soạn

Mỗi phông tài liệu được trình bày như sau:

1. Số lượng tài liệu

2. Thời gian tài liệu

3. Ngôn ngữ tài liệu

4. Loại hình tài liệu

5. Tình trạng vật lý của tài liệu

6. Công cụ tra cứu

7. Lịch sử đơn vị hình thành phông

8. Nội dung tóm tắt tài liệu của phông.

Trung tâm Lưu trữ quốc gia II ngoài việc bảo quản tài liệu của những cơ quan đơn vị hình thành phông đã chấm dứt hoạt động (phông đóng) còn thu thập, bảo quản tài liệu lưu trữ lịch sử của những cơ quan, đơn vị hình thành phông đang hoạt động thuộc diện nộp lưu hồ sơ tài liệu vào Trung tâm (phông mở). Mặt khác, cuốn sách giới thiệu toàn bộ các loại hình tài liệu hiện có tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, chứ không chỉ giới thiệu đơn thuần một loại hình tài liệu hành chính. Vì vậy, việc giới thiệu tài liệu ở một số phông, một số sưu tập không theo một khuôn mẫu nhất định như trên mà căn cứ vào tính chất, đặc thù tài liệu, tình hình thực tế của tài liệu để giới thiệu những thông tin cần thiết đến độc giả.

Trong cuốn sách này, các phông tài liệu hầu hết được sắp xếp theo thời kỳ lịch sử. Trong từng thời kỳ lịch sử, các phông được sắp xếp theo khu vực hành chính, kết hợp với tính chất và tầm quan trọng của đơn vị hình thành phông, theo nguyên tắc từ quan trọng đến ít quan trọng, từ khái quát đến cụ thể,... Trong mỗi bộ, các cơ quan trực thuộc bộ sẽ được sắp xếp đi liền sau đó. Đặc biệt, đối với các loại hình tài liệu đặc thù như: Tài liệu nghe nhìn, Tài liệu Khoa học kỹ thuật, Tài

liệu cá nhân - gia đình - dòng họ,… chúng tôi sắp xếp riêng để giúp độc giả, các nhà nghiên cứu thuận tiện trong việc tra cứu.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, bên cạnh sự nỗ lực của Ban Biên soạn, chúng tôi còn nhận được sự cộng tác, ủng hộ và đóng góp ý kiến của Phòng Nghiệp vụ Văn thư và Lưu trữ Trung ương, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước; Hội đồng Khoa học Trung tâm Lưu trữ quốc gia II và nhiều nhà khoa học, các đồng nghiệp,… cùng với sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Nhân đây, Ban Biên soạn xin bày tỏ lòng tri ân tới toàn thể quý vị.

Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015

Ban Biên Soạn

Bảng chữ viết tắt

BCH : Ban Chấp hành

BHXH : Bảo hiểm xã hội

CBCNV : Cán bộ công nhân viên

CKN : Công kỹ nghệ

CSDL : Cơ sở dữ liệu

CSQG : Cảnh sát Quốc gia

ECAFE : Ủy ban Kinh tế Á châu và Viễn Đông
(Economic Commission Asia and Far East)

GS.TSKH : Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học

GTGT : Giá trị gia tăng

GTVT : Giao thông Vận tải

HC-QT : Hành chính Quản trị

HĐBT : Hội đồng Bộ trưởng

HĐQT : Hội đồng Quản trị

KHKT : Khoa học Kỹ thuật

KCS : Kiểm tra chất lượng sản phẩm

KTXH : Kinh tế xã hội

LĐTL : Lao động tiền lương

PCCC : Phòng cháy chữa cháy

SXKD : Sản xuất kinh doanh

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

TSCĐ : Tài sản cố định

TTLTQGII : Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

TTLTQGIV : Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

UBHPTW : Ủy ban Hành pháp Trung ương

UBLĐQG : Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia

UBND : Ủy ban nhân dân

UNESCO : Tổ chức Văn hóa, Giáo dục và Khoa học Liên hợp quốc
(United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization)

USAID : Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
(United States Agency for International Development)

USOM : Phái đoàn Viện trợ Mỹ
(United States Operation Mission)

VHGD : Văn hóa Giáo dục

VHGDTN : Văn hóa Giáo dục Thanh niên (Bộ)

VHXH : Văn hóa xã hội

VNCH : Việt Nam Cộng hòa

VTX : Việt Tấn xã

XDCB : Xây dựng cơ bản

XHCN : Xã hội chủ nghĩa

XNLH : Xí nghiệp Liên hiệp

XNLHRBNGKII : Xí nghiệp Liên hiệp Rượu Bia Nước giải khát II

TÀI LIỆU TRƯỚC NĂM 1945

- Tài liệu thời kỳ phong kiến
- Tài liệu thời kỳ Pháp thuộc

TÀI LIỆU THỜI KỲ PHONG KIẾN

SƯU TẬP TÀI LIỆU SỔ BỘ HÁN - NÔM (1819 - 1918)

* **Số lượng tài liệu:** 54 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1819 - 1918
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán - Nôm
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy dó
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. SƠ LƯỢC VỀ TÀI LIỆU SỔ BỘ

Sưu tập Sổ bộ Hán - Nôm được hình thành cách đây gần 200 năm (1819 - 1918), hiện nay đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Trước năm 1975, khối tài liệu này do Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia của chính quyền Sài Gòn quản lý. Sau năm 1975, khối tài liệu này đã được Kho Lưu trữ Trung ương II, Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng (nay là Trung tâm Lưu trữ quốc gia II) tiếp quản trong tình trạng hầu hết tài liệu bị mục mủn, rách nát, dính bết,… và bị xuống cấp trầm trọng do không được bảo quản và xử lý khoa học.

Về nội dung, Sổ bộ Hán - Nôm ghi chép về các đối tượng, loại mục như: đinh, điền, thuyền, ngưu, công nghệ, kiều lộ, thanh nhân, hộ tịch, sinh, tử, hôn thư, viên chức, thu chi,… của từng thôn, xã, phục vụ hoạt động quản lý và thu các loại thuế. Mỗi loại sổ được ghi chép một cách cụ thể, chi tiết về các hạng mục phải đóng thuế và những công việc liên quan đến việc thu thuế của từng thôn, xã, nội

dung tài liệu phản ánh tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam tại vùng Nam Bộ trong thời phong kiến Pháp thuộc.

Về chữ viết, sưu tập sổ bộ hầu hết được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm trên giấy dó, ngoài ra có một số sổ viết bằng chữ Khmer. Trong các văn bản, chữ Nôm chiếm đa phần khi viết về các địa danh, tên người, sông ngòi, cây cối,… và đều mang đậm nét ngôn ngữ địa phương Nam Bộ xưa.

Sưu tập Sổ bộ Hán - Nôm gồm nhiều loại sổ. Mỗi loại sổ có bố cục khác nhau. Ngay trong cùng một loại sổ, bố cục cũng không thống nhất, nhưng hầu hết chúng đều có các yếu tố cơ bản như sau:

- Đơn vị lập sổ (thôn, tổng, huyện, phủ).
- Chức danh người lập sổ.
- Lý do lập sổ.
- Phần kê khai chi tiết.
- Thời gian lập sổ.
- Chữ ký.
- Con dấu.
- Chứng thực của các quan chức, viên chức liên quan.

II. TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA SƯU TẬP

Sưu tập Sổ bộ Hán - Nôm phản ánh khá toàn diện đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở nông thôn Nam Kỳ từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, đặc biệt có giá trị đối với việc nghiên cứu quá trình biến đổi xã hội, những đặc điểm của nông thôn và cơ cấu làng xã ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung - một vấn đề có vị trí quan trọng đối với các quốc gia nông nghiệp như nước ta. Sổ bộ gồm những loại sổ sau:

1. Đinh bộ

Kê khai toàn bộ số nhân đinh trong từng thôn. Phân ra các hạng như: chức sắc, binh đinh, người già, thanh niên, trẻ em. Số đinh ngoại hạng, số đinh ngụ cư,... số dân đinh trong mỗi hạng được liệt kê đầy

đủ họ tên, tuổi của từng người; số tiền sưu thuế các loại phải đóng trong mỗi năm.

2. Điền bộ

Sổ thống kê ruộng đất có trong thôn, ghi rõ diện tích từng loại ruộng đất công điền, công thổ, tư điền, tư thổ của bản thôn, tứ cận của mỗi thửa đất. Trong đó, kê khai cụ thể đất, ruộng hạng 1, 2, 3, 4. Tình trạng canh tác: phân canh, phụ canh; tên chủ đất, diện tích ruộng đất của từng người, họ tên người phân canh, hoặc người đang ở, tứ cận của từng thửa ruộng; số ruộng từng người có ở thôn khác, xứ khác; số ruộng đất không phải đóng thuế, số ruộng đất phải nộp thuế và số tiền thuế phải nộp.

3. Đinh điền bộ

Sổ thống kê nhân đinh và ruộng đất trong thôn, trong đó có các nội dung như: số đinh được thống kê theo từng hạng; số lượng mỗi hạng; họ tên từng người, tuổi, tình trạng cư trú; số lượng đất được phân loại, thống kê theo từng sở đất thuộc công hay tư, hạng đất; tên chủ sở hữu đất, số tiền thuế hàng năm phải đóng cho từng sở đất,...

4. Thế bộ

Sổ kê khai các hạng dân đinh trong thôn như tráng hạng, lão hạng, chức sắc và ngoại hộ (các hộ dân từ nơi khác đến ngụ cư). Các hạng dân đinh được phân theo hộ gia đình, trong mỗi hộ kê khai đầy đủ họ tên, tuổi từng người, kể cả cha mẹ, anh em, vợ con và người ở,... từ một tuổi trở lên.

5. Binh đinh bộ

Sổ thống kê họ tên binh đinh ở độ tuổi từ 20 đến 30 có trong thôn, trong đó ghi họ tên, tuổi của từng người, có mấy anh em, số ruộng đất có từ 9 mẫu 50 sào trở lên. Ghi đầy đủ họ tên từng người và số ruộng hiện có của họ.

6. Hôn thú bộ

Sổ đăng ký kết hôn của từng thôn. Nội dung ghi họ, tên, tuổi của cô dâu, chú rể; quê quán của cha mẹ cô dâu, chú rể và người đứng chủ hôn.

7. Sinh tử bộ

Sổ khai sinh, tử được lập theo từng tháng.

Về sinh, ghi rõ số trẻ được sinh ra trong thôn; tên tuổi, nghề nghiệp, quê quán, quốc tịch của cha mẹ; thời gian, ngày tháng năm sinh, giới tính của trẻ; họ tên, quê quán người đứng khai và người làm chứng; chức sắc của người biên chép sổ.

Về tử, thống kê đầy đủ họ tên, tuổi người chết, nguyên nhân chết,...

8. Thanh nhân bộ

Sổ thống kê số người Thanh (Trung Quốc) đến ở các thôn, họ tên, tuổi, quê quán của từng người, giới tính, số thuế phải đóng.

9. Ngưu bộ

Sổ kê khai những hộ nông dân trong thôn đang làm ruộng có trâu bò để cày, trong đó, số trâu thuộc quyền sở hữu của mỗi gia đình được kê khai theo từng loại, nguồn gốc do đâu mà có, đặc điểm của từng con và số tiền thuế phải đóng.

10. Thuyền bộ

Sổ thống kê các hạng thuyền lớn, nhỏ có trong thôn, theo từng chủ thuyền với các nội dung: họ tên chủ thuyền, số lượng thuyền của mỗi chủ, đặc điểm của mỗi thuyền, kích thước dài, rộng, sâu và tải trọng của mỗi chiếc, số thuế phải nộp.

11. Công nghệ bộ

Sổ thống kê số người làm các nghề buôn bán, nghề thợ bạc, thợ nhuộm, làm nghề thầy thuốc trong thôn, trong đó ghi rõ nghề gì, số người làm nghề đó, họ tên của từng người và số tiền thuế phải đóng hàng năm.

12. Đà chử bộ

Sổ thống kê diện tích bến bãi, sông rạch, ao đầm có trong thôn, trong đó kê cụ thể các sở bãi thuộc công, thuộc tư; diện tích, tên bến bãi; những sông rạch có thể đánh cá, khai thác nguồn lợi thủy sản được và những sông rạch không thể đánh bắt cá, khai thác nguồn lợi thủy sản được của từng thôn và số thuế hàng năm phải đóng.

13. Kiều lộ bộ

Sổ thống kê số cầu, đường có trong thôn: chiều dài, chiều rộng của mỗi con đường hoặc chiều dài, chiều rộng và độ cao của cây cầu; số công làm đường, làm cầu; mỗi thôn thường có bản đồ kèm theo.

14. Thâu xuất bộ

Sổ kê khai các loại tiền thu được đưa vào công quỹ; số tiền chi cho các công việc trong thôn như tế tự, sửa sang đình miếu,…

15. Thâu nhập bộ

Sổ thống kê các khoản thu trong năm để đưa vào công quỹ thôn: các nguồn thu từ thuế các loại, sau khi nộp lên trên còn lại; số thu từ việc cho thuê mướn ruộng đất và các nguồn khác.

16. Diêm điền bộ

Sổ thống kê ruộng muối có trong thôn: diện tích diêm điền công, diêm điền tư, tứ cận của từng sở ruộng, tên chủ ruộng, số thuế phải đóng hàng năm cho mỗi sở ruộng; tổng số tiền thuế thu từ diêm điền trong thôn.

17. Viên chức bộ

Sổ thống kê các quan viên, chức dịch lớn nhỏ trong tổng, trong đó, các chức dịch được phân loại, sắp xếp kê khai theo từng thôn, theo thứ bậc từ lớn đến nhỏ; mỗi chức danh đều ghi rõ họ tên, tuổi, quê quán của từng người.

SƯU TẬP TÀI LIỆU MỘC BẢN (BẢN DẬP)
(1802 - 1945)

* **Số lượng tài liệu**: 29,5 mét
  - 55.318 tờ bản dập
  - 184 đĩa CD cơ sở dữ liệu
* **Thời gian tài liệu**: 1802 - 1945
* **Ngôn ngữ tài liệu**: Hán - Nôm
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy dó, tài liệu được ghi trên CD
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu**: mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Mộc bản là những văn bản chữ Hán hoặc chữ Nôm được khắc ngược trên những tấm gỗ để in ra các sách.

1. Quốc sử Quán, cơ quan sản sinh ra tài liệu Mộc bản của Triều đình

Quốc sử Quán Triều Nguyễn được thành lập năm Minh Mạng thứ nhất (1821), Nhà được dựng ở phường Phú Văn trong Kinh thành, gồm Nhà Chính để làm việc và hai dãy Nhà Phụ hai bên để nhân viên tu thư trong quán cư trú. Năm Tự Đức thứ 2 (1849), dựng thêm Tàng bản Đường ở phía sau Quốc sử Quán để chứa Mộc bản. Quốc sử Quán có nhiệm vụ biên soạn quốc sử, thực lục các triều Vua và những sách chuyên khảo về giáo dục, địa chí,…

Quốc sử Quán làm việc trên các sách cổ và những tài liệu được hình thành trong quá trình hoạt động của nhà Vua và các Bộ, Nha,

Trấn, Thành,… Đó là những Chiếu, Dụ, Chỉ của Hoàng Đế đã được đưa ra thi hành, các Phiếu Tấu, Sớ, Sách của các cơ quan và địa phương đã được Vua phê duyệt và hầu bửu (Bản chính của các văn bản gọi là Châu bản).

Theo lệ định, các Châu bản được giao xuống Nội các để sao chép những lời Ngự phê vào 2 phó bản. Khi sao chép và hầu bửu xong, Nội các gửi một phó bản cho Quốc sử Quán làm sử liệu biên soạn các sách. Nhưng trên thực tế thì ngay từ triều Minh Mạng và các triều tiếp theo, Châu bản đã được đưa về Quốc sử Quán để làm căn cứ biên soạn và trước thuật các sách.

Sách *Minh Mạng chính yếu* có ghi: Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) vâng Chỉ "… đem các bản Châu phê, cũng như bản ghi chép trong lúc khởi, cư, động, tác, chia loại, vựng đính thành bộ sách nhan đề Minh Mạng chính yếu toàn thư".

Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), Châu bản lại được chuyển về Quốc sử Quán để Nội các biên soạn Hội điển. Cũng cần nói thêm rằng, Châu bản là bản chính duy nhất. Vì vậy, khi đưa ra sử dụng được trông coi rất kỹ. Hết giờ làm việc, hàng đêm đều có một ban ở lại coi giữ. Các sách biên soạn xong, bản thảo được chép "tinh tả" rõ ràng theo nguyên bản kèm theo Biểu dâng sách tiến trình lên để Hoàng đế "ngự lãm". Sau khi Vua xem và phê duyệt, bản thảo được giao xuống cho thợ khắc in, khắc lên những tấm gỗ để in ra các sách.

Vì vậy, tại Quốc sử Quán có hai loại tài liệu: Châu bản và Mộc bản.

Mộc bản là những bản gỗ khắc chữ để in ra các sách.

Gỗ dùng làm ván khắc, sách *Đại Nam nhất thống chí* có ghi: "Gỗ cây Nha đồng, tục danh là Sống mật, sớ gỗ trắng, sáng ngời như ngà voi".

Mộc bản sau khi in xong, được đưa vào bảo quản ở Tàng bản Đường. Có thể nói đây là kho lưu trữ Mộc bản chính của triều đình.

Trong hơn một thế kỷ tồn tại, Quốc sử Quán đã biên soạn nhiều bộ sử có giá trị như: *Đại Nam thực lục, Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam nhất thống chí*,… Đồng thời trong quá

trình hoạt động đó, Quốc sử Quán đã sản sinh ra một khối lượng lớn tài liệu Mộc bản, chủ yếu là ván khắc in những tác phẩm chính văn, chính sử của vương triều Nguyễn,…

2. Quốc Tử Giám triều Nguyễn - nơi tiếp nhận, lưu trữ và bảo quản Mộc bản các sách công

"Năm Gia Long 2 (1803) triều đình đã thành lập một trường quốc gia để dạy dỗ các con cháu trong tôn thất và các thượng quan cùng các sinh viên ưu tú trong nước". Năm Minh Mạng 2 (1821), Vua đặt tên trường này là Quốc Tử Giám. Trường được xây dựng ở phía Tây Kinh thành, gồm Di luân Đường và các dãy Nhà Giám.

Ngoài chức năng đào tạo, Quốc Tử Giám còn tiếp nhận, bảo quản, tu bổ các ván in sách,… được thu chuyển từ Bắc thành về.

Năm Minh Mạng 8 (1827), có Chỉ "Sai quan Bắc thành kiểm xét các ván in nguyên trữ ở Văn Miếu (Hà Nội) về các sách Ngũ kinh, Tứ thư đại toàn, Vũ kinh trực giải cùng Tiền hậu chính sử và Tứ trường văn thể gửi về Kinh để ở Quốc Tử Giám.

Ngay năm sau, Mộc bản các sách *Tiền hậu chính sử*, *Tứ trường văn thể* đã được cho in thành sách để ban cấp cho các đường quan và sinh viên trong trường.

Việc thu thập Mộc bản ở Bắc thành đưa về Kinh còn được thực hiện tiếp trong những năm sau đó. Vua Thiệu Trị, người kế vị Minh Mạng, ngay năm đầu sau khi đăng quang, đã ban Sắc "Quốc Tử Giám (Hà Nội) trước có chứa các bản in về sách *Tứ thư ngũ kinh, Đại học diễn nghĩa, Đại Việt sử ký, Thi vận tập yếu*. Vậy liệu cho bắt thuyền binh đi vận tải các bản ấy đem về Quốc Tử Giám mà chứa đấy".

Mộc bản đưa về được bảo quản ở Nhà Giám, do nhân viên Quốc Tử Giám coi giữ và thường xuyên kiểm tra xem xét. Đồng thời: "Cho sinh viên học ở quán xét xem có mất nét, sai lầm, cần phải khắc lại, thì lấy của công ra viết lại giao cho Viên Đốc công Vũ khố, đốc sức cho thợ khắc lại bản in".

Qua đó cho thấy việc lưu giữ Mộc bản của Quốc Tử Giám được thực hiện khá chu đáo, từ khâu thu thập, lưu trữ đến bảo quản, tu bổ

(đôi khi phục chế bằng cách khắc lại các bản hư hỏng), và in ấn để phục vụ nhu cầu giảng dạy và học tập của nhà trường và xã hội.

Năm 1933, Quốc Tử Giám bị bãi bỏ, nhà trường được dùng làm trụ sở thư viện đầu tiên của Nam Triều. Sau đó, cơ sở này được tiến hành sửa chữa, nâng cấp với quy mô lớn, biến nơi đây thành một Tổng thư viện Trung ương. Năm 1937, công việc hoàn thành, thư viện được đặt tên là Thư viện Bảo Đại, tập trung tất cả những sách vở, những tài liệu của các khố văn thư lớn nhỏ từng được thiết lập tại Huế, kể cả kho sách và tài liệu của Nội các. Về sau, thư viện này một lần nữa được đổi tên là Viện Văn hóa Trung phần.

Năm 1959, toàn bộ văn khố Hoàng Triều gồm Châu bản, Mộc bản, Địa bộ và sách Ngự lãm được chuyển từ Viện Văn hóa Trung phần về Đà Lạt - "Kinh đô" của Hoàng Triều cương thổ.

3. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II - nơi lưu trữ, bảo quản bản dập sưu tập tài liệu Mộc bản

Năm 1975, Cục Lưu trữ nhà nước (nay là Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước) tiếp quản tài liệu trong tình trạng vật lý xuống cấp trầm trọng.

Năm 1994, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã xúc tiến đệ trình Chính phủ cho phép đầu tư một Đề án xử lý tài liệu Châu bản và tài liệu Mộc bản. Được sự phê duyệt của Chính phủ, Cục Lưu trữ nhà nước đã chỉ đạo TTLTQGII triển khai thực hiện Đề án "Cấp cứu tài liệu Châu bản và Mộc bản". Tổng cộng có 55.318 mặt khắc Mộc bản đã được in dập; phân loại, hệ thống hóa, scan và ghi toàn bộ bản dập vào đĩa CD để bảo quản và phục vụ mục đích tra cứu, sử dụng.

Năm 2006, sau khi TTLTQGIV được thành lập, toàn bộ Sưu tập tài liệu Mộc bản được TTLTQGII chuyển giao cho TTLTQGIV lưu trữ, quản lý và phục vụ độc giả tại số 2 Yết Kiêu, thành phố Đà Lạt.

Hiện nay, TTLTQGII chỉ còn lưu trữ, bảo quản một bộ bản dập và 184 đĩa CD cơ sở dữ liệu.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần sưu tập tài liệu Mộc bản gồm: 152 đầu sách, thuộc 3 nhóm chính sau:

- Các chính sử triều Nguyễn gồm các sách Khâm định, Thực lục, Chính yếu.

- Các tác phẩm văn chương chính thống của triều Nguyễn gồm các Ngự chế văn, Ngự chế thi và các tác phẩm Thánh chế của các Hoàng đế triều Nguyễn.

- Các tác phẩm kinh điển của nhà nho, các sách dùng để dạy và học thời bấy giờ như: *Tứ thư ngũ kinh, Bội văn vận phủ, Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm, Tòng Chính di quy, Giáo nữ di quy,…*

Đây là một kho tư liệu quý, là nguồn sử liệu có giá trị cao, cung cấp cho giới nghiên cứu nguồn tư liệu phong phú và đáng tin cậy khi nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận đại.

Nội dung của tài liệu Mộc bản đã được giới thiệu trong cuốn *Mộc bản triều Nguyễn - Đề mục Tổng quan* của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004. Đến năm 2009, TTLTQGIV đã tái bản *Mộc bản triều Nguyễn - Đề mục Tổng quan*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

SƯU TẬP TÀI LIỆU HÁN - NÔM VỀ CỐNG QUẬN CÔNG TRẦN ĐỨC HÒA (1564 - 1715)

* **Số lượng tài liệu:** 0,15 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1564 - 1715
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán - Nôm
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy, tài liệu được ghi trên DVD
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Tài liệu do ông Trần Đức Nghị, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang hiến tặng năm 2013.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm:

- Cơ sở dữ liệu (DVD) là tài liệu Hán - Nôm về Cống Quận công Trần Đức Hòa tại phủ Quy Nhơn (Bình Định) do ông Trần Đức Nghị, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang hiến tặng năm 2013.

- Tập bản sao tài liệu Hán - Nôm dòng họ Trần Đức Hòa (Bình Định) năm 1564 - 1715.

- Bản sao "Đại Nam Liệt truyệt tiền biên" - quyển 3 và bản dịch tờ số 09, 10 do ông Trần Đức Nghị trao tặng năm 2013.

- Bản sao "Đại Nam Liệt truyệt tiền biên" - quyển 9 và bản dịch tờ số 42, 43 do ông Trần Đức Nghị trao tặng năm 2013.

SƯU TẬP SẮC PHONG CỦA CÁC VUA NHÀ NGUYỄN CHO DÒNG HỌ MẠC TẠI HÀ TIÊN - KIÊN GIANG (1822 - 1850)

* **Số lượng tài liệu:** 0,15 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1822 - 1850
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Trong chuyến công tác từ ngày 15-18/12/2009, đoàn cán bộ nghiệp vụ của TTLTQG II đã chụp lại các Sắc phong của các vua nhà Nguyễn cho dòng họ Mạc (một dòng họ có công rất lớn trong việc khai phá vùng đất Hà Tiên) tại Khu Di tích núi Bình San, Hà Tiên, Kiên Giang.

Thành phần tài liệu trong sưu tập: Sắc phong của các vua nhà Nguyễn cho dòng họ Mạc tại Hà Tiên - Kiên Giang.

SƯU TẬP TÀI LIỆU HÁN - NÔM TẠI VĨNH LONG (1804 - 1869)

* **Số lượng tài liệu:** 0,15 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1804 - 1869
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán - Nôm
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy; tài liệu được ghi trên CD, DVD
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Sưu tập tài liệu Hán - Nôm do Ban quản lý Di tích tỉnh Vĩnh Long hiến tặng TTLTQG II năm 2013.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm:

- Danh mục và cơ sở dữ liệu 85 đạo sắc Công Thần miếu do Ban Quản lý Di tích tỉnh Vĩnh Long trao tặng năm 2012.

- Bản phiên âm, dịch nghĩa 85 đạo sắc Công Thần miếu do Ban Quản lý Di tích tỉnh Vĩnh Long trao tặng năm 2012.

- Tài liệu Hán - Nôm do do Ban Quản lý Di tích tỉnh Vĩnh Long trao tặng năm 2013, cơ sở dữ liệu gồm:

+ Hơn 3.000 trang Hán - Nôm của Hội quán Minh Hương;

+ 85 đạo sắc Công Thần miếu;

+ Sắc phong Phan Thanh Giản.

Tài liệu Hán - Nôm của Hội quán Minh Hương đã được phiên âm, dịch nghĩa, do Ban Quản lý Di tích tỉnh Vĩnh Long trao tặng năm 2013 (3 tập).

SƯU TẬP TÀI LIỆU TỪ VI ẢNH

* **Số lượng tài liệu:** 1,71 mét (12.484 ảnh)
* **Thời gian tài liệu:**
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán - Nôm
* **Loại hình tài liệu:** ảnh
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Năm 2013, TTLTQGII tiếp nhận vi ảnh do Thư viện Khoa Lịch sử - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hiến tặng. Trung tâm đã chụp và lập mục lục hồ sơ, CSDL bổ sung vào nguồn tài liệu lưu trữ tại Trung tâm.

Thành phần tài liệu gồm 68 quyển: An Nam cửu long kinh, An Nam địa cảo lục, An Nam kỷ lược, Bắc sử trình đồ, Bắc thư tái nam sự, Bắc xứ thông lục, Bản triều thứ chính tập biên, Bằng trình thản bộ, Cách ngôn tạp lục, Cao Chu thần thi tập, Chansons Vietnamiennes, Đại Nam hồi điển toán yếu, Chiêm thành khảo, Cổ Loa thành sự tích điển thổ sắc phong hộp biên, Đại Nam điển lệ toát yếu biên, Châu phong tạp thảo, Đại Nam quốc thư tập (Thư từ trao đổi giữa Tây Sơn và Vua Càn Long), Đại Nam quốc túy toát yếu tân biên, Đại Nam toàn đồ, Đại việt sử ký toàn thư (tập 1, 2, 3, 4), Đăng khoa lục sưu giảng, Danh hoàn toàn chí, Địa lý tiện lãm, Định công trang thần tích, Đông Ngạc Phạm tộc phả, Hà Nội địa dư, Hà Nội trường quy, Hà thành linh tích cổ lục, Hải Dương tỉnh địa dư chí, Hàn Các anh hoa, Hàn Mặc Lâm, Hành Nam diện đối ký, Hổ trường yêu đàm, Hoan Châu phong

thổ chí, Hoàng Việt thần kỳ tổng sách, Hoàng Việt xuân thu, Hương Hải Minh Châu Toàn tập, Huấn mông tập, Hưng Hóa ký lược, Kim Vân Kiều, Lịch triều sử ký văn tuyển, Liễu Trai văn tập, Lĩnh Nam chích quái liệt truyện, Lục bộ điều lệ, Nam Bắc thực lục, Nam Chi tập, Nam sử diễn ca, Nam sử tư ký, Phạm Công niên phả, Phong tục sử, Quảng tập hoa văn (tập 1, 2), Quốc sử dị biên, Việt Nam khai quốc chí truyện, Quốc triều sử toát yếu (tập 1, 2), Sử cục loại biên, Tân biên truyền kỳ mạn lục, Tây Hồ chí, Trầm hương quân thứ lục, Trình tiên sinh quốc âm, Vạn tuyển tân biên (quyển 1, 2, 3), Việt sử địa sư, Hoàn vũ kỷ, Cổ kim nguyên lưu chí luận, Hồng vũ cấm thư, Kim Giang tướng quốc nhân nhật lịch tùng ký nhất, Chân vũ quán lục, Lân hảo lệ, Nam Xương liệt truyện nữ truyện.

SƯU TẬP THƯ TỊCH CỔ CHĂM TẠI NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN

* **Số lượng tài liệu:** 1,15 mét
* **Thời gian tài liệu:**
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chữ Chăm cổ
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu viết trên lá buông, thư tịch, phim
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Năm 2013 và 2014, TTLTQG II đã sưu tầm 03 thẻ Kinh, 62 thư tịch và 281 cuộn phim tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.

Trong đó, 03 thẻ Kinh gồm:

- Thẻ 1: dài: 31,5cm, rộng: 4,5cm, gồm 23 lá có chữ.

- Thẻ 2: dài: 26cm, rộng: 4cm, gồm 54 lá có chữ.

- Thẻ 3: dài: 25cm, rộng: 4cm, gồm 51 lá có chữ.

Nội dung chủ yếu của sưu tập là các câu nhận diện, thần chú, bài kinh làm các lễ,…

TÀI LIỆU THỜI KỲ PHÁP THUỘC

PHÔNG PHỦ THỐNG ĐỐC NAM KỲ
(1859 - 1945)

* **Số lượng tài liệu:** 2,435.5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1859 - 1945
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy, bản đồ, ảnh)
* **Tình trạng vật lý:** ố giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sau khi Chính phủ Trung Hoa ký Hiệp ước Thiên Tân với Pháp 27/6/1858, chính quyền Pháp điều Phó Đô đốc Hải quân Rigault de Genouilly sang xâm lược Việt Nam.

Ngày 1/9/1858, Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp đã cử Thiếu tướng Tổng chỉ huy Lực lượng Hải quân Pháp trên vùng biển Đông, Phó Thủy sư Đô Đốc Rigault de Genouilly giữ chức Tổng chỉ huy Lực lượng viễn chinh tại Việt Nam, bắt đầu nhiệm kỳ đầu tiên ở Nam Kỳ.

Tháng 2/1859, được sự hỗ trợ đắc lực của quân Tây Ban Nha, thực dân Pháp đã đem quân tấn công thành phố Sài Gòn và chiếm toàn bộ vùng này vào ngày 24/2/1861.

Năm 1861, Pháp đặt Thống đốc đầu tiên tại Gia Định thành.

Ngày 9/11/1864, Thống đốc Nam Kỳ (Gouverneur de la Cochinchine) ra Quyết định thành lập Nha Nội chính (Direction de l'Intérieur)[1].

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1945)*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 68.

Đây là một tổ chức chuyên nghiên cứu, theo dõi và giải quyết tất cả các công việc có liên quan đến thuộc địa.

Chế độ võ quan cai trị Nam Kỳ kéo dài 17 năm với 24 đời sĩ quan, cấp bậc từ Đô đốc đến Thiếu tướng Hải quân. Năm 1879, thực dân Pháp mới tạm ổn định được bộ máy thống trị ở Nam Kỳ. Lúc này, Pháp mới thiết lập chế độ văn quan sang nắm quyền. Giữ chức Thống đốc ngạch văn quan đầu tiên ở Nam Kỳ là Le Myre de Vilers.

Tổ chức của Nha Nội chính liên tục được sửa đổi bởi các văn bản sau

- Nghị định ngày 20/5/1884[1].

- Nghị định ngày 1/9/1884[2].

Với Sắc lệnh ngày 17/10/1887, Liên bang Đông Dương được thành lập, toàn bộ Đông Dương đều trực thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa.

Ngày 29/10/1887, Tổng thống Pháp ban hành Sắc lệnh ấn định quyền hạn của Thống đốc Nam Kỳ (Lieutenant - Gouverneur de la Cochinchine)[3]. Theo Sắc lệnh này thì chức Giám đốc Nha Nội chính Nam Kỳ bị bãi bỏ; Quyền hạn của Giám đốc Nha Nội chính trước đây được chuyển giao cho Thống đốc Nam Kỳ. Thống đốc Nam Kỳ đại diện cho Toàn quyền Đông Dương (Gouverneur Général de l'Indochine) ở Nam Kỳ. Thống đốc Nam Kỳ có một Tổng Thư ký phụ tá để thay thế Thống đốc trong trường hợp Thống đốc vắng mặt hoặc bận công tác khác. Các phòng của Nha Nội chính trước đây được chuyển thành các phòng của Nha Tổng Thư ký.

Ngày 29/9/1894, Tổng thống Cộng hòa Pháp lại ra Sắc lệnh bãi bỏ chức vụ Tổng Thư ký Nam Kỳ[4]. Các văn phòng của Nha Tổng Thư ký trước đây được đặt dưới sự chỉ đạo của Thống đốc Nam Kỳ với tên gọi là các phòng thuộc Nha Tổng Thư ký Phủ Thống đốc Nam Kỳ.

---

1 Bulletin Officiel de la Cochinchine Française 1884, pages 200- 201.

2 Bulletin Officiel de la Cochinchine Française 1884, pages 365 - 366.

3 Journal Officiel de la Cochinchine Française 1887, pages 1185 - 1186.

4 Journal Officiel de l'Indochine Française 1894, pages 1169 - 1170.

Ngày 13/2/1899, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định ấn định nhiệm vụ, quyền hạn của Thống đốc Nam Kỳ[1].

Ngày 26/7/1909, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định ấn định tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng và các phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ[2].

Ngày 20/10/1911, Tổng thống Pháp ban hành Sắc lệnh ấn định quyền hạn của Thống đốc Nam Kỳ[3]. Theo Sắc lệnh này thì thuộc địa Nam Kỳ có quyền tự trị về hành chính. Thuộc địa Nam Kỳ do Thống đốc Nam Kỳ quản trị. Thống đốc Nam Kỳ được đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương. Toàn quyền Đông Dương có thể ủy quyền cho Thống đốc Nam Kỳ theo Điều 5 của Sắc lệnh ngày 20/10/1911.

Thống đốc Nam Kỳ được liên hệ trực tiếp với Toàn quyền Đông Dương. Thống đốc Nam Kỳ thực thi các luật, sắc lệnh được ban hành ở Đông Dương cũng như các nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Thống đốc Nam Kỳ phải chủ động các biện pháp hành chính và an ninh và phải báo cáo Toàn quyền Đông Dương. Tất cả nhân viên đang phục vụ tại Nam Kỳ đều thuộc quyền quản lý của Thống đốc Nam Kỳ và được phân bổ tùy theo nhu cầu công việc.

Thống đốc Nam Kỳ có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự công cộng và có thể trưng dụng quân đội. Thống đốc phải báo cáo Toàn quyền Đông Dương tất cả những vụ việc gây mất an ninh, trật tự và trình các biện pháp giải quyết.

Thống đốc Nam Kỳ có Hội đồng Tư mật Nam Kỳ phụ tá. Hội đồng Tư mật được thành lập ngày 21/4/1869.

Tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Văn phòng và các phòng (Cabinet et des Bureaux) thuộc Phủ Thống đốc Nam Kỳ được ấn định và sửa đổi bởi các văn bản sau:

---

1 Journal Officiel de l'Indochine Française 1899, pages 192 - 193.

2 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1909, pages 1918 - 1921.

3 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1911, pages 3208 - 3210.

- Nghị định ngày 1/1/1914 của Thống đốc Nam Kỳ[1].
- Nghị định ngày 17/3/1914 của Thống đốc Nam Kỳ[2].
- Nghị định ngày 27/6/1914 của Thống đốc Nam Kỳ[3].
- Nghị định ngày 26/5/1922 của Thống đốc Nam Kỳ[4].
- Nghị định ngày 4/8/1925 của Thống đốc Nam Kỳ[5].
- Nghị định ngày 7/3/1927 của Thống đốc Nam Kỳ[6].
- Nghị định ngày 9/9/1927 của Thống đốc Nam Kỳ[7].
- Nghị định số 527 bis ngày 7/2/1935 của Thống đốc Nam Kỳ[8].
- Nghị định ngày 12/5/1941 của Thống đốc Nam Kỳ[9].
- Nghị định ngày 8/6/1942 của Thống đốc Nam Kỳ[10].
- Nghị định ngày 31/3/1943 của Thống đốc Nam Kỳ[11].
- Nghị định ngày 30/5/1945 của Thống đốc Nam Kỳ[12].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ chưa được chỉnh lý hoàn chỉnh. Trong đó, có khoảng 1,865.5 mét tài liệu của phông đã được xác định nội dung theo cặp, bó; số lượng còn lại trên 570 mét đã được chỉnh lý sơ bộ năm 2012. Toàn bộ tài liệu trong phông đã được thay bìa, đánh ký hiệu thông tin tra tìm theo khung phân loại Boudet

---

1 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1914, pages 27 - 31.
2 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1914, pages 853 - 854.
3 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1914, page 1936.
4 Tập các văn bản pháp quy áp dụng ở Đông Dương năm 1922, tr. 507 - 510.
5 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1925, pages 2206 - 2212.
6 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1927, pages 863 - 864.
7 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1927, pages 2532 - 2536.
8 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1935, pages 683 - 685.
9 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1941, pages 1802 - 1817.
10 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1942, pages 2230 - 2231.
11 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1943, pages 809 - 810.
12 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1945, page 387.

và đang được phục vụ khai thác. Nội dung tài liệu trong phông có thể tóm tắt như sau:

A. Văn bản pháp quy

A.2 - Các tập lưu Nghị định, Quyết định, Thông tư của Thống đốc Nam Kỳ.

A.3 - Các tập lưu Thông tư của Toàn quyền Đông Dương và Thống đốc Nam Kỳ.

- Các tập lưu Thông tư mật của Thống đốc Nam Kỳ.

B. Công văn trao đổi

B.01 - Thông tư quy định mẫu công văn trình lên Toàn quyền Đông Dương.

- Thông tư của Thống đốc Nam Kỳ quy định về nguyên tắc gửi công văn, công điện.

- Chỉ thị về cách thức gửi công văn.

- Bảng thống kê hồ sơ gửi Nha Văn khố và Thư viện Nam Kỳ.

B.2 - Các tập lưu công văn của Thống đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương.

- Tập lưu công văn đi của Văn phòng Thống đốc Nam Kỳ, Phòng Nhất, Phòng Nhì, Phòng Ba, Phòng Bốn, Phòng Năm, Phòng Sáu Phủ Thống đốc Nam Kỳ.

- Tập lưu công văn mật đi.

B.5 - Các tập lưu điện tín đi.

B.6 - Các tập lưu điện tín đến.

C. Nhân sự

C.0 - Quy chế nhân viên và lương bổng.

- Hồ sơ nguyên tắc về thăng trật và thăng bậc cho nhân viên.

- Sắc lệnh, Nghị định quy định điều kiện cho các công chức tại xứ gửi đi công tác ở các thuộc địa.

- Công chức người Đông Dương phục vụ trong ngạch Âu, công chức người Ấn Độ lai.

- Thống kê nhân viên châu Âu, nhân viên bản xứ làm việc tại Nam Kỳ, công chức động viên, công chức về hưu được trưng dụng, nhân viên phù động,...

- Tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng thưởng, kỷ luật, nghỉ phép, lương, phụ cấp, trợ cấp, hưu trí của nhân viên người Âu, người bản xứ làm việc tại các công sở ở Nam Kỳ.

C.1 - C.2 - Hồ sơ cá nhân của công chức người Âu.

C.3 - C.9 - Hồ sơ cá nhân của công chức người bản xứ.

D. Tổ chức chính quyền Trung ương

D1 - Tài liệu về việc thành lập Ủy ban Ngũ cốc Đông Dương.

- Biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia.

- Định ranh giới giữa Nam Kỳ và Trung Kỳ.

D.2 - Tài liệu về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Liên bang Đông Dương, Hội đồng Tư mật Nam Kỳ, Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ.

- Đại diện bản xứ Nam Kỳ tại Hội đồng Tối cao Pháp quốc Hải ngoại.

D.3 - Tài liệu về tổ chức, cải tổ Phủ Thống đốc Nam Kỳ.

- Tài liệu về việc cải tổ hành chính các tỉnh, thành lập, bãi bỏ các quận, các trung tâm hành chính; tách, sáp nhập, bãi bỏ, đổi tên các làng ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Tài liệu về các cuộc kinh lý của Toàn quyền Đông Dương ở các tỉnh Nam Kỳ. Viếng thăm các đồn điền trà, cà phê ở Djiring của Toàn quyền Đông Dương.

D.4 - Tài liệu về thành phần Hội đồng Tố tụng Hành chính.

- Tài liệu về Hành chính Pháp viện tại Đông Dương.

- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của Tham Chánh viện, các quy định của Tham Chánh viện về tài phán.

- Các cơ quan và cá nhân kiện Chính phủ Toàn quyền và Chính phủ Nam Kỳ.

- Các vụ kiện tụng của các cơ quan Chính phủ và các cá nhân.

D.5 - Tài liệu về việc đề nghị và ân thưởng huy chương cho người Âu và người Đông Dương.

D.6 - Sắc lệnh của Thủ tướng Pháp về hiệp hội.

- Thành lập, tổ chức, giải tán và hoạt động của các hiệp hội.

- Sổ kiểm soát các hiệp hội.

- Điều lệ Hội Tương tế những người Trung Hoa tại Thái Lan.

- Hoạt động của Hội các nhà báo Nhật tại Sài Gòn.

- Tài liệu về việc đề nghị mở rộng nghĩa địa của người Âu châu và thiết lập nghĩa địa cho người Á châu.

D.7 - Tài liệu về tổ chức, quân số vệ binh.

- Danh sách nhân viên các đội vệ binh phục vụ ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Báo cáo thanh tra các đội vệ binh.

E. Tổ chức chính quyền địa phương

E.02 - Tiểu dẫn và địa phương chí các tỉnh ở Nam Kỳ.

E.03- Báo cáo về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của các tỉnh.

- Báo cáo thống kê về dân số, nông nghiệp của các tỉnh.

E.1 - Biên bản bàn giao giữa các Tỉnh trưởng ở Nam Kỳ.

- Hồ sơ nguyên tắc về việc Chánh Tham biện ủy quyền cho Phó Tham biện.

E.2 - Tổ chức hành chính các tỉnh, các trung tâm hành chính,... ở Nam Kỳ.

E.3 - Tổ chức và hoạt động của các Hội đồng hàng tỉnh ở Nam Kỳ.

E.5 - E.7- Tổ chức lại các làng ở Nam Kỳ.

- Bầu cử các Chánh, Phó tổng ở Nam Kỳ. Thăng trật cho các hương chức xã.

E.9 - Cải tổ thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.

- Tổ chức Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, các Thị xã Mỹ Tho, Bạc Liêu.

- Bầu cử Hội đồng thành phố Sài Gòn.

- Biên bản họp Ủy ban thị xã Vũng Tàu.

F. Chính trị

F.0 - Báo cáo chính trị hàng tháng, hàng quý, năm của các tỉnh ở Nam Kỳ và thành phố Sài Gòn.

- Báo cáo hàng tháng của các Nha, Sở gửi Thống đốc Nam Kỳ.

- Báo cáo hàng tháng của các tỉnh gửi Nha Nội chính.

- Tài liệu về quỹ đặc biệt.

F.1 - Quan hệ Pháp - Nhật.

- Công văn trao đổi giữa Thống đốc Nam Kỳ và các Lãnh sự quán Pháp ở các thuộc địa.

- Tài liệu về việc tiếp đón Miên Hoàng.

- Tài liệu về việc tiếp đón Phái đoàn Thái Lan, Phó Thủy sư Đô Đốc Anh Percy Noble và các sĩ quan tùy tùng trên chiến hạm Kent.

- Tài liệu về tiệc khoản đãi Phái đoàn quân sự Thái Lan, các võ quan cao cấp Anh, Đoàn thủy thủ chiến hạm Mỹ.

- Lễ khai mạc y tế Pháp - Nhật.

- Tình trạng những viên chức Tòa Lãnh sự tại Nam Kỳ.

- Thỏa ước thương mại Pháp - Hoa, Pháp - Anh.

- Thỏa ước kinh tế Nhật - Đông Dương,...

F.6 - Tài liệu về biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia.

- Thống kê các vụ trộm cắp, cướp bóc ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Báo cáo về các vụ tai nạn, trộm cắp, cướp của ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Tài liệu về cuộc đình công của công nhân Hãng Xe điện, biểu tình tổ chức ở Chợ Mới (Long Xuyên) nhân dịp ngày 14/7/1938, ở các tỉnh Nam Kỳ và trong các trường học.

- Báo cáo của các tỉnh về các cuộc biểu tình của Cộng sản nhân ngày 1/5/1930.

- Biểu tình của Cộng sản ngày 26/10/1930 ở Sài Gòn.

- Biểu tình ở nhà lao Vĩnh Long.

- Tài liệu về hoạt động của Đông Dương Cộng sản Đảng.

- Tổ chức kỷ niệm ngày Xô Viết Nghệ Tĩnh.

- Tổ chức kỷ niệm ngày chiến thắng của Cách mạng Tháng Mười Nga 7/11/1940.

- Tài liệu về vụ bắt Hà Huy Tập, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Long (thầy giáo Long).

- Tổ chức ngày giỗ Phan Châu Trinh.

- Tài liệu về hoạt động của Cộng sản ở Bà Rịa, Châu Đốc, Long Xuyên, Mỹ Tho, Trà Vinh, Tân An, Vĩnh Long, Vũng Tàu, Sa Đéc. Tìm thấy truyền đơn ở Tân Phú, Chợ Mới (Long Xuyên), Tân Phú Trung (Gia Định), Bạc Liêu, Bến Tre.

- Truyền đơn kỷ niệm Công xã Paris ở Long Xuyên.

- Tìm thấy tờ báo "Lao khổ" ở Châu Đốc.

- Tài liệu về cuộc biểu tình của lính Campuchia ở Vĩnh Long năm 1939.

- Tài liệu về cuộc nổi dậy của lính bản xứ ở Yên Bái năm 1930.

- Tin tức chính trị về các chùa Khmer ở Cần Thơ.

- Tài liệu về việc biểu tình, tuyên truyền chống đóng thuế thân.

- Ám sát các hương quản.

F.7 - Báo cáo về tình hình an ninh công cộng ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Dịch các bản tin tức ngoại quốc.

- Hoạt động của Hãng Thông tấn xã Pháp.

- Cấm bán các sách không lành mạnh.

- Tổ chức Sở Di trú.

- Hồ sơ nguyên tắc về hồi hương.

- Hồ sơ những người hồi hương, hồi hương của người Pháp bằng tàu Bồ Đào Nha.

- Danh sách người Ấn Độ hồi hương.

- Đơn xin hồi hương của các cá nhân người Âu, người Ấn Độ, Madagascar, Réunion.

- Quy chế, kiểm tra, kê khai, quản lý tài sản của người Do Thái.

- Lưu thông giữa Lào và Nam Kỳ của người Lào và người Á châu.

- Trục xuất người Hoa, người nước ngoài, người bản xứ ra khỏi Nam Kỳ.

- Trục xuất qua Campuchia những người Khmer bất hảo.

- Di cư của người Bắc vào Nam.

- Bầu cử các Bang trưởng người Hoa ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Lệ phí cấp thông hành cho ngoại kiều Á châu ở Campuchia.

- Đơn xin cấp thông hành.

- Cấp thông hành cho người Âu ở Nam Kỳ.

F.9 - Tài liệu về tôn giáo.

- Tài liệu về hoạt động của đạo Cao Đài ở Tây Ninh và ở các tỉnh Nam Kỳ. Thái độ Pháp chống Cao Đài giáo.

- Báo cáo của tỉnh Tây Ninh về hoạt động của Phạm Công Tắc.

- Tài liệu về hoạt động của Hội kín Thiên Địa Hội, Thiên Địa Nhơn Phật.

- Điều lệ, tổ chức, hoạt động của Hội Tin Lành, Thiên Chúa giáo.

- Tuyên truyền thuyết Thần trí ở Sài Gòn và ở các tỉnh Nam Kỳ.

G. Tư pháp

G.0 - Cải tổ tư pháp ở Đông Dương.

- Tổ chức các Tòa Hòa giải Rộng quyền.

- Tổ chức, hoạt động của Hành chính Pháp viện.

- Dân luật Nam Kỳ.

G.2 - Các vụ kiện tụng giữa Chính phủ Toàn quyền và các cơ quan, cá nhân.

G.3 - Hoạt động của các Tòa án bản xứ.

G.8 - Quy chế tổ chức các đề lao địa phương.

- Bãi bỏ các đề lao tại các tỉnh.

- Bổ nhiệm, kỷ luật các Thừa Phát lại. Các Thừa Phát lại xin phục chức.

- Thông tư về chế độ tù nhân chính trị. Chế độ giam giữ thường dân Đức.

- Phúc trình hàng tháng về hoạt động của các đề lao.

- Thanh tra các đề lao.

- Báo cáo lục cá nguyệt về tình trạng chính trị phạm.

- Thống kê tù nhân.

- Danh sách tù nhân chết, trốn và mãn tù ở Côn Đảo do Tòa án Nam Vang xử.

- Xây dựng, sửa chữa, chi phí của Khám Lớn Sài Gòn, Đề lao Côn Đảo, các trại giam tại các tỉnh.

- Nuôi dưỡng, thuốc thang, tiền công của các phạm nhân.

- Các tỉnh xin tội nhân để làm việc.

- Kiểm soát những người bị quản thúc.

- Tăng cường canh giữ các nhà lao.

- Truy tìm tội nhân vượt ngục.

- Hộ tống, chuyên chở tù nhân đi Toulon, Nouméa, Poulo Condore.

- Chở sang Pháp những tội nhân người Âu.

- Chuyển chính trị phạm và tội phạm người Âu ở khám đường Hà Nội vào Đề lao Trung ương Sài Gòn, chính trị phạm ở Bắc Kỳ ra Côn Đảo,...

- Chuyển tội nhân Nguyễn An Ninh về Trung ương Khám đường.

- Miễn biệt xứ cho các tội phạm.

- Vấn đề các Ấn kiều bị giam giữ ở các tỉnh, những ngoại kiều Ý và Đức bị giam.

- Hoạt động của Trại Giáo hóa Ông Yểm.

G.9 - Phóng thích tội nhân, ân xá tội phạm và các hồ sơ xin đặc xá.

- Trả tự do cho những thường phạm.

H. Công chánh

H.0 - Tổ chức các Sở Công chánh ở Đông Dương.

- Kế hoạch công tác của Khu Công chánh Nam Kỳ và các tỉnh.

- Biên bản họp Ủy ban Công chánh địa phương.

H.1 - H.3 - Hồ sơ nguyên tắc chuyên chở đường bộ, đường sông và đường biển.

- Tài liệu về việc mở đường, xây dựng, sửa chữa cầu, đường ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ.

- Xếp hạng các đường.

- Khai thác bến đò, thuế đò.

- Công tác xây cầu chữ Y.

H.6 - Phúc trình về sự hoạt động của Khu Thủy nông và Hàng hải Nam Đông Dương.

- Nghị quyết của Hội đồng Khảo cứu về việc dẫn thủy nhập điền.

- Biên bản họp của Ủy ban Nghiên cứu Thủy nông - Sở Thủy nông Khu Tây Nam Kỳ.

- Công tác đại quy mô dẫn thủy nhập điền và đường thủy ở Nam Kỳ.

- Công tác nông nghiệp trị thủy tại vùng xuyên Hậu Giang.

- Tài liệu về việc đào kênh, nạo vét kênh ở các tỉnh Nam Kỳ.

H.7 - Tài liệu về việc xây dựng, tu bổ các công sở, công xá, trường học, bệnh viện, trại vệ binh, đình làng, chùa chiền, các chợ ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ.

H.8 - Tài liệu về việc thiết lập các cơ quan cấp nước.

- Cung cấp nước, tiếp tế nước, đào thêm các giếng nước, giá nước.

- Quy định về việc phân phối điện năng.

- Sản xuất điện và tiêu thụ điện, tiết kiệm điện.

I. Mỏ

I.0 - Hồ sơ nguyên tắc về chế độ hầm mỏ ở Đông Dương.

- Nghị định của Toàn quyền Đông Dương cho phép lập chi cuộc hầm mỏ và kỹ nghệ tại Phnôm-Pênh.

- Phúc trình về thanh tra các mỏ và kỹ nghệ tại Nam Kỳ.

I.2 - Cho phép khai thác các hầm đá ong, đá xanh, đá đỏ, các hầm sỏi, hầm cát ở các tỉnh Nam Kỳ.

I.3 - Nhượng quyền khai thác hầm mỏ tại Thanh Hóa.

I.4 - Tài liệu về việc khai thác than bùn tại các tỉnh Nam Kỳ.

I.5 - Tài liệu về Hội Nghiên cứu Nước suối Vĩnh Hảo.

I.8 - Tài liệu về việc xin bán hóa phẩm đồng hóa với chất nổ.

J. Đường sắt - Vận tải đường bộ và đường hàng không:

J.0 - Báo cáo của Tổng Thanh tra Công chánh Đông Dương về việc khai thác các hệ thống đường sắt ở Đông Dương.

J.1 - Hoạt động của đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, Sài Gòn - Đà Lạt.

- Các tuyến đường sắt mới tại Campuchia.

- Điều kiện chuyên chở hành khách, hàng hóa và hành lý bằng tàu hỏa Sài Gòn, Hà Nội.

- Liệt kê các cuộc vận tải và tiền thu vào của Sở Hỏa xa.

- Cấp phiếu chuyên chở bằng hỏa xa.

- Giá biểu tàu hỏa.

- Tai nạn tàu hỏa.

- Cảnh sát hỏa xa.

- Cung cấp củi cho Sở Hỏa xa, sửa chữa đầu máy xe lửa.

- Tăng cường an ninh cho đường sắt.

J.7 - Khế ước ký với Công ty Xe điện Đông Dương.

- Công tác tu bổ và sửa chữa thiết lộ.

- Dời ga xe lửa Mỹ Tho, Tân An.

- Giảm giá biểu xe đò và xe điện cho người tàn tật.

K. Bưu điện

K.0 - Tổ chức Sở Bưu điện và Điện thoại Campuchia.

- Tài liệu về Hội nghị Bưu chính Washington.

K.2 - Tài liệu về việc mở các Bưu cục ở Lào, Campuchia. Chi phí thiết lập các Bưu cục ở Stung Treng và ở Khone.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự ngành bưu điện.

- Vận chuyển thư tín.

- Cước phí vận chuyển bưu điện, miễn bưu phí.

- Tem thư.

K.3 - K.7 - Hệ thống điện thoại ở Nam Kỳ, Nam Trung Kỳ và Campuchia.

- Thiết lập các đường dây điện thoại, điện báo ở Nam Kỳ, Lào và Campuchia.

L. Thương mại - Kỹ nghệ - Du lịch

L.0 - Quy định về thương mại ở Á châu.

- Báo cáo tình hình thương mại ở Nam Kỳ và thống kê xuất, nhập khẩu ở Nam Kỳ.

- Nghị định và Thông tư của Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ cho phép thành lập, mở rộng, hoặc nhượng lại các cơ sở thương mại và công nghiệp.

- Hội nghị Thương mại của Pháp quốc và hải ngoại.

L.1 - Tổ chức lại các Phòng Thương mại ở Đông Dương.

- Báo cáo của Chủ tịch Phòng Thương mại Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội.

- Sửa đổi lại Sắc lệnh về quy chế Phòng Thương mại Sài Gòn.

- Bầu cử Phòng Thương mại Sài Gòn, bổ nhiệm các thành viên của Phòng Thương mại.

- Hoạt động của Phòng Thương mại Sài Gòn. Biên bản họp Phòng Thương mại Sài Gòn. Báo cáo quyết toán và dự trù ngân sách của Phòng Thương mại Sài Gòn.

- Bầu cử và hoạt động của Tòa án Thương mại Sài Gòn.

- Điều tra về việc áp dụng bộ Luật Thương mại Pháp ở Đông Dương.

L.2 - Hoạt động của Ngân hàng Đông Dương, Pháp - Hoa ngân hàng.

- Báo cáo hàng năm của Ngân hàng Java.

- Tài liệu về vấn đề tiền tệ.

L.3 - Hồ sơ triển lãm thuộc địa ở Paris, Marseille, Calcutta.

- Hồ sơ triển lãm quốc tế ở Hà Lan, Chicago, Lyon, Roubaix, Luân Đôn.

- Hồ sơ triển lãm các sản phẩm công nghiệp bản xứ ở Marseille.

- Hồ sơ triển lãm nông nghiệp ở Bang Kok.

- Hồ sơ triển lãm cao su ở NewYork, Luân Đôn, Singapore, Batavia.

- Triển lãm hội họa Trung Hoa, triển lãm nghệ thuật trang trí ở Paris.

- Hồ sơ hội chợ San-Francisco, hội chợ Campuchia.

- Hồ sơ hội chợ ở Hà Nội, Hải Phòng, Hội An, Bandoeng, hội chợ gia súc ở Châu Đốc, chợ phiên Bạc Liêu.

- Báo cáo của Cơ quan Kinh tế Đông Dương về chuyến công tác nghiên cứu ở Bắc Phi.

- Thành lập ở Sài Gòn một Bảo tàng Thương mại và Công nghiệp.

L.4 - Báo cáo hàng tháng về tình hình kinh tế ở Nam Kỳ và của các Tỉnh trưởng, các trung tâm hành chính và các tổng ở Nam Kỳ.

- Phúc trình hoạt động của Sở Kinh tế.

- Phúc trình thanh tra của Sở Canh nông Nam Kỳ.

- Thông tin của các tỉnh về việc sản xuất các sản phẩm công nghiệp.

- Các thông tin thương mại. Thông tin để soạn thảo "Niên giám Kinh tế Đông Dương". Tạp chí ngoại thương.

- Thông tin về công nghiệp sản xuất đường ở Nam Kỳ.

- Hoạt động thương mại ở Manille.

- Ngoại thương của Thái Lan.

L.5 - Hoạt động của các Nghiệp đoàn Thương mại và Kỹ nghệ, Nông Lâm sản, Hội đồng Hợp tác Kinh tế Đông Dương.

L.6 - L.7 - Tài liệu về các hoạt động thương mại và tiếp tế ở Nam Kỳ.

- Danh sách các công ty của Nhật được khai thác các dịch vụ thương mại ở Nam Kỳ.

- Danh sách các thương nhân ở các tỉnh.

- Hoạt động của các Hợp tác xã tiêu thụ.

- Tổ chức của Ủy ban Vật giá địa phương.

- Báo cáo của các hương chức về giá cả thị trường và tình hình trồng lúa.

- Hoạt đông của Sở Trừng trị Mạo hóa.

- Thuế môn bài đối với các nhà buôn Nhật Bản.

L.8 - Tổ chức hành chính, tài chính và du lịch ở các thuộc địa của Pháp.

- Báo cáo về tình hình du lịch ở Đông Dương.

- Quy định về săn bắn ở Nam Kỳ. Thành lập các khu bảo tồn săn bắn ở các tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh.

- Quy định về săn bắn ở Tây Phi thuộc Pháp để áp dụng ở Đông Dương.

- Hoạt động của các Hội Thể thao các tỉnh, các cuộc đua thể thao.

M. Khai thác thuộc địa - Kỹ nghệ - Du Lịch

M.1- Tài liệu về tổ chức Nha Thanh tra Lao động.

- Luật về nữ công nhân.

- Tuyển mộ nhân công.

- Sổ đăng ký các khế ước về nhân công giữa người Âu hoặc người đồng hóa với dân bản xứ hoặc ngoại kiều Á châu.

- Báo cáo, biên bản các cuộc viếng thăm đồn điền của Thanh tra Lao động.

M.2- Chế độ điền thổ ở Nam Kỳ.

- Nghiên cứu vấn đề điền địa tại các tỉnh.

- Phúc trình về tình hình điền địa ở Nam Kỳ.

- Hoạt động của các cơ quan địa chính các tỉnh.

- Hồ sơ bán đấu giá đất công sản. Bảng kê đặc nhượng công sản khai thác.

- Khai thác ruộng đất của các hãng Pháp và của người Pháp.

- Điều tra, khiếu nại về điền thổ.

- Cầm cố bất động sản.

M.3- Cải tổ Sở Địa chính, các Phòng Điền thổ.

- Bảng danh sách các trắc địa viên.

- Chỉ thị về việc bảo tồn tài liệu địa chính.

- Hoạt động của Sở Địa chính Nam Kỳ. Lập sổ bộ địa chính của Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ.

M.4-M.9- Trưng dụng, đặc nhượng đất đai công sản ở Nam Kỳ. Quy định về mướn công điền.

- Hoạt động của Công ty Bất Động sản Đông Dương.

- Tài liệu về việc khai khẩn ruộng đất.

N. Nông - Lâm nghiệp

N.0 - Chương trình hoạt động, báo cáo hàng tháng của Sở Canh nông, Trường Canh nông Bến Cát, Trạm nuôi tằm Tân Châu.

N.1 - Tài liệu về việc thành lập, tổ chức, hoạt động của Phòng Canh nông Nam Kỳ. Ngân sách của Phòng Canh nông Nam Kỳ.

- Bản tin hàng tháng của Phòng Canh nông.

- Biên bản họp của Phòng Tư vấn Hỗn hợp Thương mại và Canh nông Campuchia.

- Thành lập Nghiệp đoàn những người trồng tỉa Âu châu ở Nam Kỳ.

N.2 - Biên bản thanh tra các đồn điền.

N.3 - Hoạt động của Trường Nông Lâm Bến Cát, Trường Nông nghiệp Cần Thơ, Trường Nông súc Vĩnh Châu (Bạc Liêu), Trường Canh nông súc Bình Thủy (Long Xuyên), Trường Canh nông súc Sóc Trăng, Trà Vinh.

N.4 - Bảng kê diện tích trồng trọt ở các tỉnh.

- Bảng thống kê tình hình trồng trọt của người Âu ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Tình hình trồng lúa và xuất khẩu gạo ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Trồng thử nghiệm ngô Mexico.

- Tài liệu về việc trồng mía, sản xuất đường ở Nam Kỳ.

- Quy chế sản xuất cà phê. Tình hình trồng trà, cà phê, tiêu, đậu phộng,...

N.5 - Thông tin về các đồn điền cao su. Thống kê trồng cây cao su ở Nam Kỳ.

- Trồng thuốc lá, gai, bông vải ở Nam Kỳ.

N.6 - Hồ sơ nguyên tắc về tín dụng nông nghiệp ở Nam Kỳ.

- Báo cáo của thanh tra thuộc địa về việc sử dụng nông tín tại Đông Dương.

- Tổ chức, hoạt động của HĐQT Đông Dương Nông tín, các Ngân hàng Canh nông, Nông tín Cuộc và Quỹ Nông tín. Thanh tra các quỹ Nông tín của các tỉnh.

- Bảng kê các nông dân Pháp hay những người có quốc tịch Pháp có đồn điền ở các tỉnh Nam Kỳ để Nông tín Cục Pháp cho vay.

- Hoạt động của các Hội Tương tế Nông tín tại các tỉnh.

- Hội nghị quốc tế về tín dụng nông nghiệp.

- Hoạt động của các Hiệp hội Canh nông.

N.7 - Tổ chức Sở Thú y.

- Danh sách nhân viên Sở Thú y. Đào tạo cán bộ thú y Pháp tại Đông Dương.

- Chương trình hoạt động của Sở Thú y.

- Báo cáo tổng quát về tình hình chăn nuôi.

- Tài liệu về việc kiểm soát, buôn bán, buôn lậu, vận chuyển gia súc Campuchia ở Nam Kỳ.

- Tài liệu về việc xuất khẩu heo, bò sang Hồng Kông.

- Hội chợ gia súc ở Campuchia, Nam Kỳ, Trung Kỳ.

N.8 - Bệnh dịch gia súc.

N.9 - Thành lập các trại Thủy lâm, các đồn thủy lâm.

- Báo cáo hoạt động của Sở Thủy lâm.

- Quy chế thương mại, chuyên chở và sử dụng gỗ trên địa bàn Đông Dương.

- Tài liệu về khai thác lâm sản.

O. Giao thông đường thủy

O.0 - Ban hành các Luật, Sắc lệnh, Nghị định về hàng hải.

- Quy định về tàu chở hàng và tàu chở khách.

- Áp dụng ở Đông Dương Thỏa ước Thương mại và Hàng hải Pháp - Nhật.

- Biên bản họp Ủy ban Giám sát tàu thủy và máy thủy.

O.1 - Đăng kiểm hàng hải.

- Hồ sơ nguyên tắc về lưu thông đường sông ở Đông Dương.

- Quy định về giao thông đường thủy ở các tỉnh.

- Kiểm soát hàng hải. Thể lệ về tàu chạy sông.

- Quy chế phá hủy hay đổi chủ các tàu, bè trên sông.

O.2 - Quy định về cảnh sát đường sông, biển ở Đông Dương.

- Cảnh sát tàu thuyền. Kiểm soát các chủ tàu thuyền.

O.3 - Tổ chức Sở Hoa tiêu sông Sài Gòn.

- Biên bản các buổi họp của Ủy ban Quản trị Hoa tiêu.

- Giấy phép hoạt động của các tàu thuyền.

- Tài liệu về tai nạn, đắm tàu, thuyền. Hồi hương những người bản xứ bị đắm tàu.

O.4 - Tài liệu về việc mở rộng Thương cảng Sài Gòn.

- Hồ sơ các phiên họp HĐQT Thương cảng Sài Gòn. Ngân sách và tài chính của Thương cảng Sài Gòn.

- Thống kê các tàu Pháp và tàu ngoại quốc ở Thương cảng Sài Gòn.

- Xây dựng, di chuyển, hủy bỏ các bến tàu.

O.6 - Tình hình vận chuyển thương thuyền hàng ngày tại Thương cảng Sài Gòn.

- Vận chuyển hàng hóa sang Lào.

- Cho phép bán, thuê mướn, hủy tàu thuyền.

- Nhập tịch Pháp cho các tàu, thuyền, sà lan.

- Tài liệu về các đường biển Sài Gòn - Manille, Sài Gòn - Singapore, Sài Gòn - Poulo Condore.

O.8 - Cho phép các công ty khai thác chuyên chở bằng đường thủy.

O.9 - Ban hành ở thuộc địa Luật ngày 1/3/1888 về nghề đánh bắt cá.

- Quy định về đánh, bắt cá ở Đông Dương.

- Cung cấp thông tin về nghề đánh bắt hải sản cho Toàn quyền Đông Dương.

P. Hải quân.

- Hoạt động của Hải quân Pháp tại Đông Dương.

Q. Quân sự

Q.0 - Báo cáo hàng tháng của các đồn Hiến binh ở Sài Gòn.

Q.1 - Giới hạn khu quân sự vùng Vũng Tàu.

- Dùng quân lực để tái lập trật tự ở Nam Kỳ.

Q.2 - Tổ chức phòng thủ Đông Dương.

- Tổ chức quốc gia lúc có chiến tranh.

- Kế hoạch tăng cường phòng thủ những con đường địa phương, các cửa biển.

- Tài liệu về phòng thủ thụ động.

- Trưng dụng nhân lực, xe cộ, ngựa,... cho việc phòng thủ quốc gia.

- Động viên kinh tế và kỹ nghệ trong thời kỳ chiến tranh.

Q.3 - Tàu chiến Mỹ ghé các bến ở Đông Dương.

- Tàu chiến Anh, Thái Lan ghé Sài Gòn.

Q.4 - Tổ chức và cải tổ các đội quân bản xứ ở Nam Kỳ.

- Tổ chức vệ binh, tuyển mộ vệ binh.

- Thành lập Thủy quân Nam Kỳ.

- Bãi bỏ quân đội đồn trú người Âu ở Châu Đốc, Tây Ninh,...

Q.5 - Ngân khoản của quân đội.

- Phụ cấp và trợ cấp cho các gia đình binh lính. Cải thiện lương bổng và phụ cấp cho nhân viên quân chính.

- Trợ cấp cho gia đình binh lính động viên sang Pháp trong chiến tranh 1914 - 1918.

- Danh sách chiến binh Việt Nam và Campuchia chết trong chiến tranh 1914 - 1918.

- Phúc trình hoạt động của Ủy ban Thuộc địa về Cựu Chiến binh.

Q.6 - Tài liệu về công tác quân y và hoạt động của Bệnh viện quân sự ở Sài Gòn.

Q.7 - Tài liệu về xây dựng, sửa chữa, mở rộng và tổ chức các doanh trại ở Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Nam Kỳ.

- Tình hình nhà ở của các sĩ quan bản xứ ở Sài Gòn.

- Tình hình vũ khí, đạn dược của các tỉnh. Thanh tra vũ khí, đạn dược ở các đồn bót ở Nam Kỳ.

- Quy định về buôn bán vũ khí ở Nam Kỳ.

Q.8 - Hoạt động của các Tòa án binh.

Q.9 - Dự thảo quy định tuyển mộ lính ở Nam Kỳ.

- Thông tư về nguyên tắc tuyển mộ binh lính Đông Dương để biệt phái đi tiếp viện.

- Tài liệu về tuyển mộ binh lính người Âu, người Việt.

- Phiếu quân bạ của nhân viên người Âu.

- Quân dự bị bản xứ ở các tỉnh.

- Tình hình quân nhân bản xứ phục vụ ngoài Đông Dương.

R. Giáo dục - Khoa học - Nghệ thuật

R.0 - Tổ chức Học chính và Y tế Đông Dương.

- Quy chế tổng quát về giáo dục.

- Bảng thống kê tình hình giáo dục ở các tỉnh.

- Phúc trình về việc mở mang nền giáo dục bình dân ở Nam Kỳ.

- Chương trình giáo dục bản xứ.

- Báo cáo thanh tra các trường ở Nam Kỳ của Hội đồng Giáo dục Đông Dương.

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của các trường ở các tiểu khu.

- Thông tư về việc thống nhất ngày nghỉ hè trên toàn cõi Đông Dương.

- Chế độ nghỉ hè của các trường công ở Nam Kỳ.

- Đăng ký mua các ấn phẩm, tạp chí giáo dục Đông Dương.

R.1 - Tổ chức, ngân sách của Trường Y Hà Nội.

- Các kỳ thi tuyển vào các trường Đại học.

R.2 - Cải tổ nền giáo dục trung học ở Đông Dương.

- Tìm biện pháp để bảo đảm việc giáo dục bổ túc ở Nam Kỳ.

- Thành lập các trường tiểu học cho người bản xứ và người Âu ở Bến Tre, Trảng Bàng, Vũng Tàu, Côn Đảo, Cù Lao Rồng.

- Hoạt động của các trường tiểu học và trung học ở Nam Kỳ: Trường Tiểu học Pétrus Ký, Trường Nữ trung học Gia Long, Trường Trung học Chasseloup - Laubat, Trường Trung học Paul Bert tại Hà Nội.

- Mở lại trường sư phạm và cấp học bổng cho các thí sinh trúng tuyển.

- Cấp học bổng và trợ cấp cho học sinh.

- Hoạt động của các trường tư thục.

R.3 - Các kỳ thi kiểm tra và thi cấp bằng.

- Tài liệu về các kỳ thi cấp học bổng cho học sinh.

- Trao tặng phần thưởng cho học sinh các trường.

R.5 - Hồ sơ các kỳ thi ngôn ngữ Đông phương.

- Mở các trường dạy nghề tại các tỉnh.

- Thành lập và hoạt động của các trường dạy nghề: Trường Công chức Đông Dương, Trường Cao đẳng Thương mại Sài Gòn, Trường Thú y Hà Nội, Trường dạy nghề Sài Gòn, Trường Cao đẳng Mỹ nghệ Hà Nội, Trường Cao đẳng Công chánh Hà Nội, Trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định, Trường Kỹ nghệ Gia Định, Trường Cơ khí Á châu, Trường dạy nghề dệt ở Tân Châu,...

R.6 - Xây kho cho Bảo tàng Blanchard de la Brosse.

- Hoạt động của Nhà hát thành phố Sài Gòn.

- Hồ sơ các kỳ thi hàng năm chọn tác phẩm văn chương viết bằng chữ quốc ngữ.

- Điều tra các di tích lịch sử ở Nam Kỳ.

- Triển lãm lịch sử tại Nam Vang, Đà Lạt.

- Tài liệu về các cuộc kinh lý khảo sát đồ cổ ở Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Châu Đốc, Gò Công, Long Xuyên, Tây Ninh.

R.7 - Chương trình vẽ bản đồ của Sở Địa dư. Hoạt động của Sở Địa dư.

R.8 - Hoạt động của Trạm Quan sát Phú Liễn.

- Bảng kê quan sát hàng tháng, hàng tuần của các Trạm Khí tượng Thủy văn các tỉnh.

S. Các cơ sở y tế và cứu tế xã hội

S.0 - Tổ chức các Sở Y tế ở Đông Dương.

- Tổ chức Sở Y tế Nam Kỳ. Thiết lập các Trạm Y tế ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Thể lệ cứu trợ y tế tại Ma Rốc.

- Phúc trình hoạt động của Sở Y tế Nam Kỳ.

- Báo cáo về tình hình y tế ở thành phố Sài Gòn và các tỉnh.

- Biên bản các cuộc họp của Ủy ban Y tế thành phố Sài Gòn và các tỉnh.

- Quy chế bào chế, xuất, nhập cảng dược phẩm.

- Danh mục thuốc nhập khẩu của Nhật.

- Lập kho thuốc, cung cấp, mua, bán thuốc, thanh tra việc cấp thuốc cho bệnh nhân.

- Danh sách các bác sĩ, phẫu thuật viên, nha sĩ, y sĩ, bào chế và nữ hộ sinh hành nghề tại Nam Kỳ.

S.1 - Khế ước, đấu thầu cung cấp vật dụng, thực phẩm, thiết bị y tế cho các bệnh viện.

- Tổ chức lại Bệnh viện Grall.

- Hoạt động của Bệnh viện bản xứ Nam Kỳ ở Chợ Lớn, Bệnh viện Grall, Bệnh viện Lalung Bonnaire, Bệnh viện Drouhet, Bệnh viện Chợ Quán, Bảo sanh bản xứ Nam Kỳ.

- Thiết lập và hoạt động của các bệnh viện, các trạm y tế ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Hoạt động của Trại phong Cù Lao Rồng, Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa.

S.4 - Báo cáo tình hình bệnh dịch của Sở Y tế.

- Tài liệu về bệnh dịch hạch, bệnh dịch tả, bệnh đậu mùa, bệnh tê phù ở các tỉnh Nam Kỳ.

- Lập một Ủy ban nghiên cứu về phòng bệnh và cách chữa bệnh hủi ở Nam Kỳ. Lập làng hủi tại đảo Mai Đàm ở Cần Thơ.

S.5 - Hoạt động của Trường Y tá Đông Dương ở Nam Kỳ, Trường Y Chợ Lớn, Chợ Quán, Trường Y tế Thực hành Bản xứ, Trường Nữ hộ sinh Nam Kỳ, Trường Nữ hộ sinh Hà Nội, Trường Y tá thực hành, Trường Y tá tại Huế và Đà Nẵng.

- Hoạt động của Hội Ái hữu Nha sĩ Việt - Hoa ở Nam Kỳ, Hội Y sĩ tư ở Sài Gòn.

- Hoạt động của Viện Pasteur Sài Gòn.

S.6 - Hoạt động của Trại Cô nhi Thủ Đức, Hội Bảo vệ Cô nhi tại Nam Kỳ.

- Cứu trợ trẻ mồ côi trong chiến tranh.

- Trợ cấp cho các nạn nhân bị lũ lụt tại tỉnh Cần Thơ của Hội đồng thành phố Carency.

S.8 - Báo cáo năm về tình hình các tiệm cầm đồ ở Nam Kỳ.

- Danh sách các tiệm cầm đồ ở các tỉnh. Khế ước khai thác các tiệm cầm đồ.

S.9 - Biện pháp y tế đối với các tàu đến từ Hồng Kông bị nhiễm bệnh dịch hạch.

T. Tài chính

T.0 - Các Nghị định, Thông tư, Chỉ thị về tài chính, ngân sách, ngân khố, thuế vụ.

- Hồ sơ nguyên tắc về kế toán.

- Tài liệu về việc dự trù, thực thi, quyết toán ngân sách Đông Dương, ngân sách Nam Kỳ và ngân sách các tỉnh, thành phố, thị xã ở Nam Kỳ, ngân sách Thương cảng Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Thành lập Sở Thuế trực thâu và Phòng Thuế trực thâu bên cạnh chính quyền địa phương.

- Quy chế quốc khố, quốc trái Đông Dương ngắn hạn.

- Hoạt động của các ngân khố.

- Liên lạc giữa chính quyền địa phương và Nha Kiểm soát Tài chính. Hoạt động của Nha Kiểm soát Tài chính.

- Báo cáo tình hình tài chính hàng năm, hàng tháng.

T.1 - Danh bộ thuế trực thâu của Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh.

- Báo cáo tình hình thu thuế và thuế lợi tức, thuế lương bổng.

- Thuế môn bài.

- Sổ theo dõi thuế thân của nhân viên người Âu, người Đông Dương và ngoại kiều Á châu.

- Báo cáo về việc làm xâu ở các tỉnh. Làm xâu của công nhân đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho.

- Bảng kê tiền thuế ở các tỉnh.

- Sổ theo dõi thuế điền địa, ấn định thuế điền địa của từng vùng, sửa đổi biểu thuế ruộng đất.

T.2 - Thuế ghe thuyền, thuế xe cộ, thuế trâu bò. Sửa đổi biểu thuế ghe thuyền.

T.3 - Lệnh thâu ngân, kiểm soát lệnh thâu ngân.

T.4 - Tài liệu về việc phê chuẩn các khế ước đấu thầu cung cấp vật dụng, văn phòng phẩm cho các cơ quan và các tỉnh.

T.5 - Chế độ lương bổng, phụ cấp của công chức người Âu, người Ấn Độ, người Đông Dương.

- Tính lương bằng tiền Đông Dương cho công chức người Pháp.

- Bảng đối chiếu lương giữa đồng quan và đồng bạc của các viên chức người Âu làm việc tại Đông Dương.

- Danh sách lương nhân viên các cơ quan. Thanh toán lương, phụ cấp cho nhân viên.

- Quỹ hưu bổng liên thuộc địa.

- Đóng tiền hưu liễm, hoàn tiền hưu bổng.

T.7 - Kiểm kê tài sản của các cơ quan, bệnh viện, trường học.

- Tài liệu về động sản và bất động sản của các tỉnh Nam Kỳ.

T.9 - Thuế trước bạ.

U. Thương chánh - Thuế gián thâu

U.1- Biểu thuế quan của Thái Lan.

U.3-U.6- Thuế rượu. Sản xuất, mua bán, vận chuyển, giá rượu trắng, rượu ngoại, á phiện, muối, thuốc lá.

V. Lưu trữ và Thư viện

V.0 - Tổ chức cơ quan Văn khố và Thư viện ở Đông Dương và Nam Kỳ.

V.2 - Thu thập, chỉnh lý, khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ của các cơ quan và các tỉnh Nam Kỳ.

V.4 - Hoạt động của Thư viện lưu động ở Nam Kỳ.

V.5 - Hồ sơ nguyên tắc về nạp bản.

- Sổ theo dõi nạp bản các tác phẩm văn học.

V.8 - Tài liệu về việc đặt mua báo, ấn phẩm của các tỉnh.

V.9 - Tài liệu về việc đóng sách, báo.

PHÔNG HỘI ĐỒNG TƯ MẬT NAM KỲ (1864 - 1932)

* **Số lượng tài liệu:** 60,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1864 - 1932
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy), bản đồ, bản vẽ
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 10/1/1863, Tổng thống Pháp ban hành Sắc lệnh về tổ chức hành chính và tài chính ở Nam Kỳ. Theo Sắc lệnh này thì Thống đốc Nam Kỳ có một Hội đồng Tư vấn (Conseil Consultatif) phụ tá. Thành phần của Hội đồng này được ấn định bằng Nghị định của Bộ Hải quân và Thuộc địa.

Ngày 12/1/1864, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định ấn định thành phần tạm thời của Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ[1].

Ngày 21/4/1869, Hoàng đế Pháp Napoléon ký Sắc lệnh thành lập Hội đồng Tư mật Nam Kỳ[2]. Đây là một tổ chức cai trị cao cấp, có tính chất tư vấn của Pháp ở Nam Kỳ.

Thành phần Hội đồng gồm: chủ tịch và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng là Thống đốc Nam Kỳ. Chủ tịch đầu tiên của Hội đồng là Thống đốc Ohier.

1 Bulletin Officiel de la Cochinchine Française 1864, pages 16 - 17.

2 Répertoire législative de la Cochinchine 1889, pages 667 - 885.

Chức năng của Hội đồng được quy định giống như chức năng của Hội đồng Tư mật ở Quần đảo Antilles thuộc Pháp tại các Dụ của Triều đình Pháp ngày 9/2/1827 và ngày 22/8/1833[1].

Những văn bản liên quan đến sự thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và quy chế làm việc của Hội đồng Tư mật Nam Kỳ là:

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 14/10/1874[2].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 22/1/1887[3].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 22/6/1887[4].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 19/11/1887[5].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 16/7/1888 (Với Sắc lệnh này thì Chủ tịch Hội đồng Tư mật Nam Kỳ là Toàn quyền Đông Dương (Gouverneur général de l'Indochine)[6].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 26/8/1889[7].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 27/11/1889[8].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 11/9/1901[9].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 4/9/1905[10].

- Sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 8/9/1910[11].

---

1 Répertoire législative de la Cochinchine 1889, pages 667 - 885.
2 Répertoire législative de la Cochinchine 1889, pages 667 - 885.
3 Répertoire législative de la Cochinchine 1889, pages 667 - 885.
4 Répertoire législative de la Cochinchine 1889, pages 667 - 885.
5 Répertoire législative de la Cochinchine 1889, pages 667 - 885.
6 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1888, pages 459 - 461.
7 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1889, pages 459 - 461.
8 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1890, pages 43 - 44.
9 Bulletin Officiel de l'Indochine 1902: série Cochinchine-Cambodge, pages 35 - 36.
10 Bulletin Officiel de l'Indochine 1906: série Cochinchine-Cambodge, pages 147 - 149.
11 Bulletin Officiel de l'Indochine 1910: série Cochinchine-Cambodge, pages 1171 - 1173.

Ngày 20/10/1911, Tổng thống Pháp đã ký Sắc lệnh quy định chức năng và quyền hạn của Thống đốc Nam Kỳ[1]. Theo Sắc lệnh này, Thống đốc có Hội đồng Tư mật Nam Kỳ phụ tá.

* ***Thành phần của Hội đồng Tư mật Nam Kỳ gồm:***

Chủ tịch Hội đồng là Thống đốc Nam Kỳ.

Các ủy viên gồm:

- Giám đốc phụ trách các phòng thuộc Phủ Thống đốc Nam Kỳ (Directeur des bureaux du Gouvernement de la Cochinchine).

- Tổng chỉ huy quân đội Pháp tại Nam Kỳ (trong trường hợp vắng mặt sẽ được thay bằng một viên sĩ quan cao cấp do Tổng chỉ huy tối cao quân đội Pháp tại Đông Dương chỉ định).

- Quan Biện lý Pháp tại Sài Gòn.

- Giám đốc Sở Công chính (Chef du Service des Travaux publics).

- Hai ủy viên người Pháp và hai ủy viên người bản xứ có nhiệm kỳ 2 năm do Thống đốc đề cử và được Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm bằng Sắc lệnh.

- Chủ sự Văn phòng Thống đốc Nam Kỳ làm Thư ký Hội đồng.

- Hai ủy viên dự khuyết người Pháp và hai ủy viên dự khuyết người bản xứ.

Các viên chức cao cấp: Chánh Thanh tra Thuộc địa, Trưởng Phái bộ truyền giáo, Giám đốc Kiểm soát Tài chính được quyền tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng. Và Thống đốc có quyền triệu tập giám đốc các nha, sở dân sự, quân sự tham dự các phiên họp khi bàn thảo những vấn đề có liên quan đến những nhân vật đó.

* ***Chức năng của Hội đồng Tư mật được quy định lại như sau:***

- Góp ý kiến về việc lập ngân sách và quyết toán.

- Góp ý kiến về vấn đề thuế khóa.

---

1 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1911, pages 3208 - 3210.

- Quy định các khu vực hành chính.

- Xem xét các vụ chuyển nhượng tạm thời hoặc vĩnh viễn đối với công sản hoặc tư sản.

- Góp ý kiến đối với việc mở các khế ước hoặc đấu thầu cung cấp vật dụng trị giá từ 1.500 francs trở lên.

- Trưng dụng và thu mua bất động sản.

Ngày 3/7/1913, Tổng thống Pháp lại ra Sắc lệnh về việc thay đổi thành phần Hội đồng Tư mật[1]. Theo đó, viên Tổng Biện lý - Giám đốc Sở Tư pháp Đông Dương sẽ lại thay thế cho viên Biện lý Pháp tại Sài Gòn.

Hội đồng Tư mật Nam Kỳ tồn tại và hoạt động cho đến năm 1946, khi viên Cao ủy Pháp (Haut-Commissaire de France) tại Đông Dương ra Sắc lệnh ngày 18/7/1946 cho tạm ngưng hoạt động đối với các Hội đồng Tư mật và Hội đồng Bảo hộ tại Đông Dương[2]. Kể từ đây, những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của các hội đồng này sẽ do viên Cao ủy Pháp trực tiếp quyết định sau khi tham khảo ý kiến của viên Tổng Biện lý hoặc viên Biện lý Pháp đại diện cho viên Tổng Biện lý.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Các sổ ghi biên bản họp Hội đồng Tư mật Nam Kỳ.

- Hồ sơ các cuộc họp Hội đồng Tư mật Nam Kỳ.

- Tài liệu về việc chuyển nhượng, mua bán, thuê bất động sản.

- Tài liệu về xây dựng, sửa chữa các công trình bệnh viện, trụ sở các cơ quan,...

- Tài liệu về khai thác nước uống ở Sài Gòn, Tây Ninh.

---

1 Bulletin Officiel de l'Indochine 1913: série Cochinchine - Cambodge, pages 770 - 772.

2 Journal Officiel de la Fédération Indochinoise 1946, page 519.

- Tài liệu về ngân sách địa phương Nam Kỳ và ngân sách các tỉnh ở Nam Kỳ.

- Các khế ước cung cấp vật liệu, hóa chất, dụng cụ văn phòng, lúa gạo, củi, dầu dừa, cá khô, trà,...

- Các điều kiện sách liên quan đến việc đấu thầu cung cấp sữa, thực phẩm cho các bệnh viện,...

PHÔNG HỘI ĐỒNG THUỘC ĐỊA NAM KỲ
(1880 - 1926)

* **Số lượng tài liệu:** 9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1880 - 1926
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 8/2/1880, Tổng thống Pháp Jules Grévy đã ký Sắc lệnh thành lập Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ[1].

**** Thành phần của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ bao gồm:***

- 6 thành viên là công dân Pháp hoặc mang quốc tịch Pháp.

- 6 thành viên người gốc Á mang quốc tịch Pháp.

- 2 thành viên thuộc ngạch dân sự của Hội đồng Tư mật Nam Kỳ được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh.

- 2 thành viên là đại biểu của Phòng Thương mại.

Nhiệm kỳ của các thành viên này là 4 năm. Và cứ 2 năm một lần sẽ tổ chức bầu cử bán phần Hội đồng.

Các khu vực và thể lệ bầu cử các thành viên của Hội đồng sẽ được thông qua tại Hội đồng Tư mật bằng Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ.

---

1 Répertoire législative de la Cochinchine, année 1889, pages 602 - 607.

** Về quy chế làm việc:*

Chủ tịch Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ là thành viên của Hội đồng, được bổ nhiệm bằng Nghị định của Thống đốc; thư ký sẽ do Hội đồng chỉ định.

Hội đồng họp mỗi năm một kỳ họp thường lệ theo sự triệu tập của Thống đốc. Phiên họp kéo dài không quá 20 ngày. Tuy nhiên Thống đốc có thể gia hạn bằng một Nghị định được thông qua tại Hội đồng Tư mật.

Thống đốc cũng có thể cho triệu tập phiên họp bất thường bằng một Nghị định được thông qua tại Hội đồng Tư mật và ấn định thời hạn cũng như nội dung của phiên họp này.

Nghị quyết của Hội đồng chỉ có giá trị khi được hơn ½ số thành viên của Hội đồng biểu quyết. Nghị quyết được viết bằng tiếng Pháp và sau đó dịch ra tiếng Việt.

Hội đồng chỉ được kiến nghị lên Bộ Hải quân và Thuộc địa thông qua Thống đốc.

** Chức năng của Hội đồng:*

Hội đồng được thảo luận về các vấn đề:

- Mua, bán và trao đổi các động sản và bất động sản trong xứ không thuộc quyền sở hữu của các công sở.

- Thay đổi người và quyền sử dụng những tài sản không thuộc về các công sở.

- Chế độ quản lý tài sản trong xứ.

- Các khế ước cho, cầm cố, cho thuê tài sản lâu dài.

- Các vụ giao dịch tài sản liên quan đến lợi ích của xứ thuộc địa.

- Chấp nhận hay từ chối tiếp nhận những tài sản không phải là bất động sản, được hiến tặng hoặc di tặng cho Nhà nước mà những tài sản này không bị kiện tụng.

- Quản lý, quy hoạch đường sá.

- Giao các công trình công ích cho các hội đoàn, công ty hoặc các cá nhân thực hiện.

- Phần đóng góp của xứ vào chi phí của Nhà nước trong việc xây dựng các công trình công cộng.

- Lập các dự án, kế hoạch xây dựng các công trình được thực hiện bằng ngân quỹ của xứ.

- Bảo vệ các động sản và bất động sản của xứ.

Ngoài ra, Hội đồng còn thảo luận đến các vấn đề thuế khóa.

* ***Nghị quyết của Hội đồng:***

Hội đồng được ra nghị quyết về các vấn đề liên quan đến ngân quỹ và tài chính; đồng ý hay từ chối tiếp nhận những tài sản hiến tặng hoặc di tặng cho Nhà nước; cơ sở và quy định tính thuế, thu thuế; chi phí dành cho các công việc: tố tụng, thờ tự, lương bổng nhân viên và vật liệu chi dụng của Ban Thư ký Phủ Thống đốc Nam Kỳ, chi phí cho giáo dục, cho các nhà tù; mua, bán và trao đổi tài sản của các công sở trong xứ.

Các nghị quyết của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ sẽ được chuẩn y bằng Sắc lệnh của Tổng thống Pháp hoặc bằng Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ tại Hội đồng Tư mật Nam Kỳ, tùy theo từng vấn đề mà nghị quyết đó đề cập đến.

* ***Hội đồng được đưa ra ý kiến:***

- Về các biểu phí thương chính trong xứ.

- Về các đề nghị thay đổi địa giới hành chính đối với các tỉnh, tổng, xã và ấn định các tỉnh lỵ.

* ***Việc biểu quyết ngân sách của Hội đồng:***

Ngân sách của xứ được biểu quyết tại Hội đồng Thuộc địa và được Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định tại Hội đồng Tư mật Nam Kỳ.

Thành phần, chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ được sửa đổi nhiều lần qua các văn bản:

- Sắc lệnh ngày 12/3/1881 của Tổng thống Pháp[1].

- Sắc lệnh ngày 6/10/1887 của Tổng thống Pháp[2].

- Sắc lệnh ngày 28/9/1888 của Tổng thống Pháp[3].

- Sắc lệnh ngày 2/4/1910 của Tổng thống Pháp[4].

Ngày 3/11/1910, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh thành lập một Ủy ban Thường trực của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ[5]. Ủy ban này sẽ được bầu hàng năm vào cuối mỗi phiên họp thường lệ.

Thành phần của Ủy ban này gồm: ít nhất là 3 người và nhiều nhất là 5 người, trong đó có 1 thành viên là người bản xứ. Chủ tịch của Ủy ban là người nhiều tuổi nhất trong Ủy ban và Thư ký sẽ được bầu tại kỳ họp.

Nghị quyết của Ủy ban chỉ được thông qua khi được đa số thành viên có mặt ủng hộ. Ủy ban sẽ họp theo lệnh triệu tập của Thống đốc. Tại phiên khai mạc kỳ họp thường lệ của Hội đồng Thuộc địa, Ủy ban sẽ trình bày bản báo cáo tổng hợp những vấn đề đã thực hiện và đưa ra những kiến nghị.

Sau đó, Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ còn được cải tổ nhiều lần qua các văn bản:

- Sắc lệnh ngày 9/8/1922 của Tổng thống Pháp[6].

- Sắc lệnh ngày 4/7/1931 của Tổng thống Pháp[7].

- Sắc lệnh ngày 1/9/1936 của Tổng thống Pháp[8].

---

1 Journal Officiel de la Cochinchine, année 1881, page 261.

2 Journal Officiel de la Cochinchine, année 1887, page 1073.

3 Journal Officiel de la Cochinchine, année 1888, page 946.

4 Journal Officiel de l'Indochine, année 1910, pages 1106 - 1107.

5 Journal Officiel de l'Indochine Française, année 1911, pages 102 - 103.

6 Journal Officiel de l'Indochine Française, année 1922, pages 1672 - 1677.

7 Journal Officiel de l'Indochine Française, année 1931, pages 2747 - 2748.

8 Journal Officiel de l'Indochine Française, année 1936, page 2854.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó, gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp.

- Sổ lưu công văn đi, đến.

- Sổ lưu phiếu gửi đi.

- Sổ đăng ký công văn đi, đến.

- Sổ chuyển giao công văn.

- Tài liệu về việc bổ nhiệm các đại biểu Hội đồng Thuộc địa, về phụ cấp đi đường, lưu trú cho đại biểu Hội đồng Thuộc địa; các giáo sư biệt phái làm tốc ký tại Hội đồng Thuộc địa.

- Tài liệu về việc thăng thưởng cho nhân viên châu Âu và nhân viên bản xứ.

- Tài liệu về việc thiết lập, tổ chức của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ.

- Hồ sơ các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ.

- Sổ ghi báo cáo tại Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ.

- Báo cáo của Ủy ban Thường trực Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ.

- Tài liệu về các kỳ họp của Ủy ban Thường trực Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ.

- Các báo cáo của Ủy ban Ngân sách và Công chánh.

- Tài liệu về điều tra các đơn khiếu nại, tố cáo các hương chức.

- Tài liệu về hoạt động của Ủy ban Kiểm tra ấn phẩm, sách giáo khoa ở Nam Kỳ.

- Tài liệu về nhập tịch.

- Báo cáo về tình hình chính trị, kinh tế của các Tỉnh trưởng và các Nha, Sở ở Nam Kỳ (để chuẩn bị soạn thảo sách xanh).

2. Tài liệu về XDCB

- Tài liệu về xây dựng, sửa chữa các trường học, bệnh viện,...

- Tài liệu về việc khánh thành Trường Canh nông Bến Cát (Thủ Dầu Một), sửa chữa các trường Chasseloup - Laubat, trường Tân Định, xây dựng bệnh viện Chợ Quán, nhà chọn giống ở Thảo Cầm viên Sài Gòn.

3. Tài liệu về GTVT

- Tài liệu về đào kênh ở các tỉnh Nam Kỳ, mở rộng kênh Trà Cú (Rạch Giá - Sóc Trăng); nạo vét kênh Rạch Ngư (Rạch Giá); xin đào kênh Tổng Đốc Lộc của các điền chủ ở Đồng Tháp Mười.

- Tài liệu về đường sắt Sài Gòn - Gò Vấp, di chuyển nhà ga.

- Tài liệu về việc Nam Kỳ tham dự Hội chợ Marseille.

- Tài liệu về vận tải đường sông.

- Tài liệu về việc thành lập cơ quan tự trị Thương cảng Sài Gòn.

- Biên bản họp của HĐQT Thương cảng Sài Gòn.

- Tài liệu về việc mở rộng Thương cảng Sài Gòn.

4. Tài liệu về tài chính, ngân sách, thuế

- Tài liệu về tình hình tài chính ở Đông Dương.

- Danh sách các điền chủ ở Vũng Tàu.

- Tài liệu về việc chuẩn bị ngân sách, kiểm tra dự toán ngân sách, ngân hàng, tín dụng điền địa.

- Tài liệu về thuế quan, các báo cáo thống kê về thuế quan, thuế xuất khẩu lúa gạo sang Philippines, khai thác, miễn thuế bưu chính, thuế muối, thuế thuốc lá, thuế điền địa, thuế xe hơi, xe máy, thuế thân của công dân người Pháp và người nước ngoài ở Nam Kỳ, điều chỉnh thuế môn bài, lệ phí cấp thẻ căn cước.

- Đơn thỉnh cầu, khiếu nại của người dân các tỉnh Nam Kỳ về vấn đề đất đai; chuyển nhượng đất đai ở các tỉnh.

PHÔNG TÒA HÒA GIẢI RỘNG QUYỀN TÂY NINH (1888 - 1914)

* **Số lượng tài liệu:** 9,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1888 - 1914
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 25/7/1864, Hoàng đế Pháp Napoléon đã ký Sắc lệnh về tổ chức nền tư pháp trên những vùng đất của Pháp tại Nam Kỳ[1]. Theo Sắc lệnh này, tại Nam Kỳ tồn tại song song 2 hệ thống tư pháp là Tòa Tây án (Tribunaux français) và Tòa Nam án (Tribunaux indigènes).

Ngày 25/5/1881, Tổng thống Pháp Jules Grévy ban hành Sắc lệnh về việc cải tổ nền tư pháp Nam Kỳ[2]. Theo Sắc lệnh này, nền tư pháp tại Nam Kỳ chỉ còn các Tòa Tây án, bao gồm: tòa hòa giải, tòa sơ thẩm, tòa thương mại và một tòa thượng thẩm.

Đến ngày 9/12/1886, thực dân Pháp lại một lần nữa ban hành Sắc lệnh về việc cải tổ nền tư pháp ở Nam Kỳ[3]. Theo Sắc lệnh này, Tòa Sơ thẩm Bình Hòa bị bãi bỏ, và 7 Tòa Hòa giải rộng quyền được thành

---

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 36.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 85.

3 Journal Officiel de l'Indochine 1888, pages 918 - 919.

lập, bao gồm các tòa: Bà Rịa, Biên Hòa, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá, Tây Ninh và Trà Vinh.

Ngày 15/11/1887, Tổng thống Pháp lại ra Sắc lệnh về việc cải tổ nền tư pháp ở Nam Kỳ[1]. Theo Sắc lệnh này, các Tòa Hòa giải rộng quyền tại các tỉnh: Biên Hòa, Tây Ninh, Mỹ Tho, Châu Đốc và Sóc Trăng được thiết lập. Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh được quyền xét xử các vụ án xảy ra tại các Tiểu khu Tây Ninh và Thủ Dầu Một.

Ngày 3/11/1888, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thực thi các Sắc lệnh ngày 9/12/1886 và 15/11/1887[2]. Theo Nghị định này, Tòa Sơ thẩm Bình Hòa sẽ chính thức ngừng hoạt động kể từ ngày 8/11/1888, Tòa Hòa giải Tây Ninh sẽ đi vào hoạt động kể từ ngày 12/11/1888. Phạm vi xét xử của Tòa là hai Tiểu khu Tây Ninh và Thủ Dầu Một.

Ngày 19/4/1889, Tổng thống Pháp lại ra Sắc lệnh sửa đổi Sắc lệnh ngày 15/11/1887[3]. Theo đó, phạm vi xét xử của Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh là chỉ xét xử những vụ án trên địa bàn Tiểu khu Tây Ninh, những vụ án ở Tiểu khu Thủ Dầu Một trước đây sẽ do Tòa Hòa giải rộng quyền Biên Hòa xét xử.

Ngày 17/5/1895, Tổng thống Pháp Félix Faure ra Sắc lệnh cải tổ nền tư pháp ở Nam Kỳ[4]. Sắc lệnh này quy định rõ thẩm quyền và phạm vi xét xử của Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh.

Ngày 16/2/1921, Tổng thống Pháp lại ra Sắc lệnh cải tổ nền tư Pháp Đông Dương, quy định lại thẩm quyền và thủ tục xét xử của các tòa hòa giải rộng quyền[5]. Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Tòa Thượng thẩm Sài Gòn, có 1 chánh án, 1 chánh án dự khuyết và được xét xử các vụ án trên địa bàn của tỉnh.

---

1 Journal Officiel de l'Indochine 1888, pages 919 - 923.

2 Journal Officiel de l'Indochine 1888, page 932.

3 Journal Officiel de l'Indochine 1889, page 634.

4 Journal Officiel de l'Indochine 1895, pages 1030 - 1037.

5 Journal Officiel de l'Indochine 1921, pages 755 - 774.

Với Sắc lệnh cải tổ nền tư pháp Đông Dương của Tổng thống Pháp ngày 11/5/1934, Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh bị bãi bỏ[1]. Các vụ án xảy ra trên địa bàn Tây Ninh lại thuộc phạm vi xét xử của Tòa Hòa giải rộng quyền Biên Hòa.

Như vậy, Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh chính thức chấm dứt hoạt động từ đây.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó. Nội dung tài liệu chủ yếu liên quan đến các vụ án hình sự, dân sự và thương sự, cụ thể:

- Các vụ án về trộm cắp, cờ bạc, đầu độc, giết người, đánh nhau, hăm dọa và hành hung các nhà chức trách,... (1889 - 1914).

- Các vụ án liên quan đến việc sử dụng căn cước giả, tự ý bỏ việc, lạm dụng chức quyền, nhận hối lộ (1890 - 1914).

- Các vụ án liên quan đến việc phân chia tài sản, ly dị, thanh toán nợ (1893 - 1914).

- Các vụ án vi phạm lâm luật, buôn lậu rượu, trốn thuế thuốc lá (1899 - 1914).

1 Journal Officiel de l'Indochine 1934, page 2126.

PHÔNG SỞ THƯƠNG CHÁNH NAM KỲ
(1892 - 1928)

* **Số lượng tài liệu:** 145 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1892 - 1928
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Nghị định ngày 15/12/1897 của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer, trong lĩnh vực thương chánh, toàn bộ Đông Dương được chia làm 4 khu vực: Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Cao Miên[1]. Đứng đầu Sở Thương chánh Nam Kỳ là một Thanh tra Thương chánh do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương.

Giám đốc Sở Thương chánh Nam Kỳ liên lạc trực tiếp với Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương.

Sở Thương chánh Nam Kỳ cũng như các Sở Thương chánh ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Cao Miên lại được chia thành các khu thương chánh. Đứng đầu mỗi khu thương chánh là một thanh tra hoặc một kiểm soát viên chính chịu trách nhiệm về hoạt động của các phòng và các trạm thương chánh.

---

1 Journal Officiel de l'Indochine Française 1897, pages 975 - 976.

Ngày 30/12/1898, Tổng thống Cộng hòa Pháp Félix Faure ban hành Sắc lệnh ấn định tổ chức của các Sở Thương chánh ở Đông Dương trong đó có Sở Thương chánh Nam Kỳ[1]. Theo Sắc lệnh này, Sở Thương chánh Nam Kỳ được đặt dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương. Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh theo đề nghị của Toàn quyền Đông Dương. Các nhân viên thương chánh thường trực người Âu do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo các quy định tại Sắc lệnh ngày 21/4/1891.

Ngày 3/4/1899, Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương ra Quyết định số 211 ấn định nhiệm vụ của Giám đốc các Sở Thương chánh ở Đông Dương trong đó có Sở Thương chánh Nam Kỳ[2]. Theo Quyết định này thì Giám đốc Sở Thương chánh ở Sài Gòn được Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương ủy quyền cho làm đại diện ở Sài Gòn. Giám đốc Sở Thương chánh Nam Kỳ giám sát việc thực hiện các yêu cầu của Nha Thương chánh Đông Dương.

Với Sắc lệnh ngày 10/6/1905 của Tổng thống Cộng hòa Pháp Émile Loubet, Nha Thương chánh Đông Dương được đặt dưới sự chỉ đạo của một Tổng Giám đốc được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh theo đề nghị của Bộ Thuộc địa và với sự giới thiệu của Toàn quyền Đông Dương[3]. Phụ tá cho Tổng Giám đốc có một Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc các Sở Thương chánh ở khu vực Đông Dương. Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc các Sở Thương chánh ở khu vực Đông Dương trong đó có Giám đốc Sở Thương chánh Nam Kỳ do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm bằng Nghị định theo đề nghị của Tổng Giám đốc Nha Thương chánh Đông Dương.

Ngày 27/7/1930, Tổng thống Cộng hòa Pháp ban hành Sắc lệnh đặt Sở Thương chánh Đông Dương dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương[4].

---

1 Journal Officiel de l'Indochine Française 1899, pages 137 - 139.

2 Tài liệu phông Sở Thương chánh Nam Kỳ.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1905, pages 1342 - 1344.

4 Journal Officiel de l'Indochine Française 1930, pages 3467 - 3468.

Đến ngày 24/4/1934, Tổng thống Cộng hòa Pháp Albert Lebrun lại ban hành Sắc lệnh hủy bỏ Sắc lệnh ngày 27/7/1930 đặt Sở Thương chánh Đông Dương dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương[1].

Sở Thương chánh Nam Kỳ được tổ chức như sau[2]:

- Giám đốc Sở Thương chánh Nam Kỳ có 2 Thanh tra phụ tá.

Sở Thương chánh Nam Kỳ gồm có:

+ Văn phòng và Phòng Nhân viên.

+ Phòng Thuế quan.

+ Phòng Quan quản, kế toán, vật liệu và tố tụng.

+ Phòng Kiểm soát thuế.

+ Đội thuyền.

Ngoài ra, Sở Thương chánh Nam Kỳ còn có các trạm phụ thu đặt tại các tỉnh Nam Kỳ.

Nhà máy thuốc phiện Sài Gòn cũng được đặt trực thuộc Sở Thương chánh Nam Kỳ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó, gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Các sổ lưu công văn; sổ lưu quyết định, sự vụ lệnh; sổ kiểm soát nhân viên bản xứ; sổ theo dõi xuất, nhập khẩu hàng hóa; sổ tổng hợp các vụ tố tụng; sổ theo dõi thu, chi,…

- Các loại bảng kê, biên bản: nhu cầu thuốc phiện tiêu thụ, tình hình tịch thu thuốc phiện ở Đông Dương, vũ khí và đạn dược gửi cho Sở Thương chánh Campuchia; biên bản tịch thu thuốc phiện, biên

1 Journal Officiel de l'Indochine Française 1934, pages 169.

2 J. de Galambert: các cơ quan và công sở Đông Dương (Les Administrations et Services publics Indochinois), Nhà in Lê Văn Tân, Hà Nội, năm 1931, tr. 419 - 421.

bản phân tích mẫu thuốc phiện, biên bản tiếp nhận, biên bản gửi thuốc phiện.

- Phiếu đặt hàng thuốc phiện.

- Hồ sơ các vụ tố tụng.

- Tài liệu về miễn giảm thuế thân cho nhân viên.

- Khế ước cung cấp văn phòng phẩm, thuốc men, ấn phẩm,... Điều kiện sách đấu thầu cung cấp lúa gạo, than củi, rượu,...

- Tài liệu về các trạm phụ thu ở Nam Kỳ,...

2. Tài liệu về tổ chức, cán bộ

- Tài liệu về hoạt động của Nhà máy Thuốc phiện Sài Gòn.

- Tài liệu về nhân sự, bổ nhiệm, nghỉ phép, phụ cấp, lương bổng,...

PHÔNG TÒA ĐỐC LÝ SÀI GÒN
(1880 - 1940)

* **Số lượng tài liệu:** 43,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1880 - 1940
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1867, việc quản lý Sài Gòn được giao cho một tổ chức riêng biệt là Ủy ban thành phố được thành lập theo Nghị định ngày 4/4/1867 của Thống đốc Nam Kỳ De La Grandière[1].

Ngày 8/7/1869, tổ chức thành phố Sài Gòn được sửa đổi bởi Nghị định số 131 của Thống đốc Nam Kỳ Ohier. Theo Nghị định này, Ủy ban thành phố được cải danh thành hội đồng thành phố với 1 Chủ tịch hay Ủy viên trưởng và 13 ủy viên[2]. Ủy viên trưởng Hội đồng Thành phố được gọi là Đốc lý Sài Gòn (Maire de SaiGon) do Thống đốc Nam Kỳ bổ nhiệm.

Ngày 8/1/1877, Tổng thống Pháp Patrice de Mac-Mahon đã ra Sắc lệnh chính thức thành lập thành phố Sài Gòn[3]. Theo Sắc lệnh này, thành phố Sài Gòn có một viên Đốc lý (Maire), 2 viên phó Đốc lý

1 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1867, pages 359 - 367.
2 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1869, pages 232 - 234.
3 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1877, pages 128 - 144.

(Maire adjoint) và 12 ủy viên Hội đồng. Ủy viên Hội đồng thành phố đều do bầu cử. Nhiệm kỳ của các ủy viên là 3 năm.

Ngày 13/12/1880, Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers ra Nghị định thành lập Khu Sài Gòn - Chợ Lớn và cho đặt dưới quyền cai trị của Giám đốc Nha Nội chính[1]. Khu Sài Gòn - Chợ Lớn bao gồm: thành phố Sài Gòn, thành phố Chợ Lớn và vùng phụ cận của 2 thành phố này.

Ngày 12/1/1888, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định xóa bỏ Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. thành phố Sài Gòn và thành phố Chợ Lớn được tổ chức riêng biệt như cũ[2].

Ngày 11/7/1908, Tổng thống Pháp đã ký Sắc lệnh cải tổ các thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng[3].

Về tổ chức: mỗi thành phố trên đều có một Hội đồng thành phố, một Đốc lý và 2 Phó Đốc lý. Hội đồng thành phố gồm 12 thành viên là người Pháp hoặc mang quốc tịch Pháp, 4 thành viên là người bản xứ. Tất cả các thành viên đều được lựa chọn thông qua bầu cử, nhiệm kỳ của các thành viên trong Hội đồng là 4 năm. Đốc lý và các Phó Đốc lý được chọn từ trong số các thành viên của Hội đồng.

Hội đồng này có thể bị tạm ngưng hoạt động, hoặc bị giải tán bằng Nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Trong trường hợp khẩn cấp, Hội đồng có thể bị Thống đốc ra Nghị định cho tạm ngưng hoạt động và sau đó báo cáo lại với Toàn quyền Đông Dương.

Về quy chế hoạt động: Hội đồng họp mỗi năm 4 kỳ thường lệ vào các tháng 1, 4, 7 và 10. Thời gian mỗi kỳ họp là 15 ngày, riêng kỳ họp tháng 10, phải biểu quyết về ngân sách, sẽ kéo dài 30 ngày. Tuy nhiên, thời gian họp có thể được kéo dài thêm nhưng phải được sự cho phép của Thống đốc.

---

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 115.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 115.

3 Journal Officiel de l'Indochine 1908, pages 1265 - 1276.

Thống đốc sẽ yêu cầu hoặc cho phép, theo đề nghị của Đốc lý, triệu tập các phiên họp bất thường. Đốc lý sẽ tiến hành các phiên họp bất thường khi có quá nửa số thành viên Hội đồng yêu cầu.

Hội đồng chỉ được thông qua nghị quyết khi có quá nửa số thành viên tham dự phiên họp.

Ngày 27/4/1931, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh thành lập lại Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Địa bàn gồm: thành phố Sài Gòn, thành phố Chợ Lớn và vùng phụ cận của hai thành phố này. Đứng đầu Khu Sài Gòn - Chợ Lớn là một viên Trưởng khu, do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm. Một số quyền hạn của Đốc lý thành phố Sài Gòn và của Đốc lý thành phố Chợ Lớn được chuyển vào tay Trưởng khu. Trưởng khu là Chủ tịch HĐQT Khu Sài Gòn - Chợ Lớn (Conseil d'Administration de la Région de Sài Gòn - Chợ Lớn). Một số quyền hạn của Hội đồng thành phố Sài Gòn và Ủy ban thành phố Chợ Lớn cũng được chuyển sang HĐQT Khu Sài Gòn - Chợ Lớn[1].

Ngày 19/12/1941, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh về việc bãi bỏ chức Đốc lý thành phố Sài Gòn và chức Đốc lý thành phố Chợ Lớn; mọi quyền hành của hai viên chức này được chuyển sang tập trung vào tay Trưởng Khu Sài Gòn - Chợ Lớn; bãi bỏ Hội đồng thành phố Sài Gòn và Ủy ban thành phố Chợ Lớn, mọi quyền hạn của tổ chức này đều chuyển sang HĐQT Khu Sài Gòn - Chợ Lớn[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó, gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu về công tác bầu cử

2. Tài liệu quản lý về hộ tịch, lưu trú...

- Báo cáo của Sở Cảnh sát Sài Gòn.

- Báo cáo hàng ngày về tình hình ra vào của các tàu ngoại quốc.

---

1 Journal Officiel de l'Indochine 1931, pages 2091 - 2093.

2 Journal Officiel de l'Indochine 1941, pages 3822 - 3828.

- Sổ theo dõi hộ tịch.

- Công văn trao đổi với Giám đốc Sở Nhập cư và Căn cước về lệ phí cấp giấy phép lưu trú và thuế của ngoại kiều Á châu.

3. Tài liệu về quản lý thuế

- Tài liệu về việc thu và miễn thuế điền địa, thuế thân, thuế môn bài.

- Các đơn xin miễn thuế trình tại Hội đồng thành phố Sài Gòn.

4. Tài liệu kế toán

- Bảng kê tình hình thu hàng tháng.

- Bảng kê chi tiết các ngân phiếu đã cấp.

- Bảng kê hủy ngân phiếu.

- Chứng từ thu, phiếu thu.

- Chứng từ chi, hóa đơn thanh toán.

- Tài liệu về cung cấp trang phục cho cảnh sát thành phố Sài Gòn.

- Tài liệu về đấu thầu cung cấp máy móc, khế ước cung cấp phụ kiện ô tô,… cho thành phố Sài Gòn.

5. Tài liệu về bảo hiểm

PHÔNG TÒA ĐỐC LÝ CHỢ LỚN
(1908 - 1911)

* **Số lượng tài liệu:** 3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1908 - 1911
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 6/6/1865, Thống đốc Nam Kỳ ra quyết định về việc tổ chức thành phố Chợ Lớn[1].

Ngày 20/10/1879, Thống đốc dân sự đầu tiên của Pháp tại Nam Kỳ Le Myre de Vilers ký Nghị định thành lập Hội đồng thành phố Chợ Lớn[2].

Ngày 13/12/1880, Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers ra Nghị định thành lập Khu Sài Gòn - Chợ Lớn và đặt dưới quyền cai trị của Giám đốc Nha Nội chính[3]. Khu Sài Gòn - Chợ Lớn bao gồm: thành phố Sài Gòn, thành phố Chợ Lớn và vùng phụ cận của hai thành phố này.

---

1 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1865, pages 242 - 244.

2 Bulletin Officiel de la Cochinchine 1879, pages 406 - 409.

3 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 115.

Ngày 12/1/1888, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định xóa bỏ Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Thành phố Sài Gòn và thành phố Chợ Lớn được tổ chức riêng biệt như cũ[1].

Ngày 27/6/1912, Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ban hành Nghị định cải tổ thành phố Chợ Lớn[2]. Theo Nghị định này, Chánh Tham biện Chủ tỉnh Chợ Lớn sẽ điều hành thành phố Chợ Lớn và có một Ủy ban thành phố phụ tá.

Ngày 27/4/1931, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh thành lập lại Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Khu Sài Gòn - Chợ Lớn gồm: thành phố Sài Gòn, thành phố Chợ Lớn và vùng ngoại ô của hai thành phố. Đứng đầu Khu Sài Gòn - Chợ Lớn là một viên Trưởng khu, do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm. Một số quyền hạn của Đốc lý thành phố Sài Gòn và của Đốc lý thành phố Chợ Lớn được chuyển sang Trưởng khu. Trưởng khu là Chủ tịch HĐQT Khu Sài Gòn - Chợ Lớn (Conseil d'Administration de la Région de Sài Gòn - Chợ Lớn). Một số quyền hạn của Hội đồng thành phố Sài Gòn và Ủy ban thành phố Chợ Lớn cũng được chuyển sang HĐQT Khu Sài Gòn - Chợ Lớn[3].

Ngày 19/12/1941, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh bãi bỏ chức Đốc lý thành phố Sài Gòn và chức Đốc lý thành phố Chợ Lớn; mọi quyền hành của hai viên chức này được chuyển sang tập trung vào tay Trưởng Khu Sài Gòn - Chợ Lớn; bãi bỏ Hội đồng thành phố Sài Gòn và Ủy ban thành phố Chợ Lớn, mọi quyền hạn của các tổ chức này đều chuyển sang HĐQT Khu Sài Gòn - Chợ Lớn[4].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó. Thành phần tài liệu chủ yếu là tài liệu kế toán thuộc ngân sách thành phố Chợ Lớn:

---

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 115.

2 Journal Officiel de l'Indochine 1912, pages 1289 - 1297.

3 Journal Officiel de l'Indochine 1931, pages 2091 - 2093.

4 Journal Officiel de l'Indochine 1941, pages 3822 - 3828.

- Điều kiện sách, khế ước cung cấp vật dụng (1909 - 1910).
- Bảng so sánh thu, chi (1908 - 1911).
- Bảng kê các khoản thuế không thu được (1908 - 1909).
- Chứng từ chi (1911).
- Ủy nhiệm chi (1908 - 1911).
- Bảng kê chuyển khoản (1909).

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH BÀ RỊA
(1867 - 1929)

* **Số lượng tài liệu:** 17 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1867 - 1929
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Từ đầu năm 1859 đến ngày 24/6/1867, vùng Nam Kỳ lục tỉnh đã lần lượt bị thực dân Pháp thôn tính. Ngày 5/6/1862, tại Sài Gòn, triều đình Huế đã ký với thực dân Pháp bản Hiệp ước "Hòa bình và Hữu nghị" (hay còn gọi là Hiệp ước Nhâm Tuất). Theo Hiệp ước này, các tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và đảo Côn Lôn đã hoàn toàn thuộc chủ quyền của Pháp. Ngày 5 tháng 6 năm 1862, triều đình Pháp đã cử Bonard, Thiếu tướng Hải quân Pháp được phong làm Phó Thủy sư Đô đốc là viên võ quan đầu tiên sang trực tiếp cai trị các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Đây là thời kỳ võ quan trực tiếp cai trị ở Nam Kỳ cả về mặt dân sự và quân sự.

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[1]. Mỗi khu vực hành chính này lại được

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 177 - 178.

chia nhỏ thành các tiểu khu hành chính (arrondissement). Tiểu khu (sau này gọi là tỉnh) Bà Rịa nằm trong khu vực Sài Gòn.

Mỗi tiểu khu lại được chia ra thành các trung tâm hành chính lớn, vừa và nhỏ. Đứng đầu mỗi tiểu khu là một viên quan cai trị người Pháp. Đứng đầu mỗi trung tâm hành chính là một quan chức người Việt. Đứng đầu trung tâm hành chính lớn là Đốc phủ sứ, trung tâm hành chính vừa là Tri phủ, trung tâm hành chính nhỏ là Tri huyện. Tất cả các quan chức này đều trực thuộc viên quan người Pháp đứng đầu tiểu khu.

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định đổi gọi tiểu khu (arrondissement) - đơn vị hành chính ở Nam Kỳ - thành tỉnh (province) kể từ ngày 1/1/1900 và phân chia thành 3 miền: miền Đông, miền Trung, miền Tây và gồm 20 tỉnh[1]. Tỉnh Bà Rịa thuộc khu vực miền Đông.

Đứng đầu tỉnh Bà Rịa là một viên Tham biện người Pháp. Quan Tham biện làm Chủ tỉnh về nguyên tắc phải là viên chức hành chính do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Thống đốc Nam Kỳ.

Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện tương đương với các Tòa Công sứ ở các tỉnh Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Hội đồng Tiểu khu.

- Giúp việc cho Chủ tỉnh có một Phụ tá ngạch dân sự và các công chức người bản xứ.

- Hội đồng Tiểu khu (Conseil de l'arrondissement).

Ngày 12/5/1882, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định số 116 thành lập và ấn định tổ chức tạm thời của các Hội đồng Tiểu khu ở Nam Kỳ[2]. Theo Nghị định này, tại mỗi tiểu khu ở Nam Kỳ được thành lập một Hội đồng Tiểu khu. Quan Tham biện sẽ đại diện cho quyền hành pháp trong tiểu khu và có nhiệm vụ thẩm cứu các vấn đề liên quan đến tiểu khu, đồng thời thực hiện các quyết định của Hội đồng Tiểu khu.

---

1 Journal Officiel de l'Indo - chine Française 1900, pages 30.

2 Bulletin Officiel de la Cochinchine Française 1882, pages 218 - 223.

Ngày 5/3/1889 Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh thành lập và ấn định tổ chức Hội đồng Tiểu khu ở Nam Kỳ[1].

Các văn bản liên quan đến thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Tiểu khu gồm:

- Sắc lệnh ngày 12/11/1903 của Tổng thống Pháp[2].

- Sắc lệnh ngày 11/6/1915 của Tổng thống Pháp[3].

- Sắc lệnh ngày 14/5/1929 của Tổng thống Pháp đổi tên gọi "Hội đồng Tiểu khu" thành "Hội đồng Hàng tỉnh"[4].

- Sắc lệnh ngày 19/8/1930 của Tổng thống Pháp[5].

- Sắc lệnh ngày 27/6/1931 của Tổng thống Pháp[6].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó, gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Các sổ lưu công văn.

- Công văn trao đổi giữa tỉnh Bà Rịa với Văn phòng Thống đốc Nam Kỳ, các phòng thuộc Phủ Thống đốc Nam Kỳ và các tỉnh khác.

- Sổ ghi báo cáo hàng tháng.

- Sổ theo dõi vũ khí, giấy phép mang vũ khí.

- Sổ theo dõi tang vật.

- Sổ kiểm soát lương bổng của nhân viên người Âu và người bản xứ.

- Sổ kiểm kê tài sản của các cơ quan trong tỉnh.

- Sổ ghi các giao dịch của tỉnh Bà Rịa và khu vực Vũng Tàu.

- Đơn từ khiếu nại.

---

1 Bulletin Officiel de l'Indochine Française 1889, pages 327 - 332.

2 Journal Officiel de l'Indochine Française 1904, pages 105 - 106.

3 Bulletin Administratif de la Cochinchine Française 1915, pages 2121 - 2122.

4 Bulletin Administratif de la Cochinchine Française 1929, pages 2067 - 2071.

5 Bulletin Administratif de la Cochinchine Française 1930, pages 2060 - 2061.

6 Bulletin Administratif de la Cochinchine Française 1931, pages 2257 - 2259.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự, lương bổng, ngân sách, công nho

- Tài liệu về bầu cử Hội đồng Thuộc địa, Phòng Thương mại.

- Tài liệu về bầu cử Hội đồng tỉnh.

- Tài liệu về các kỳ họp Hội đồng tỉnh Bà Rịa; sổ ghi biên bản các kỳ họp Hội đồng tỉnh Bà Rịa.

- Tài liệu về bầu cử Phó tổng các tổng: An Phú Hạ, An Phú Tân, An Trạch, Long Xương, Nhơn Xương, Phước Hưng Hạ.

- Tài liệu về việc tách, sát nhập Vũng Tàu vào tỉnh Bà Rịa.

- Tài liệu về ranh giới của các tổng thuộc tỉnh Bà Rịa.

- Các kỳ thi tuyển thông ngôn, lương bổng, quy chế thông ngôn.

- Tài liệu về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, thuyên chuyển, hưu trí, nghỉ phép của nhân viên châu Âu và nhân viên bản xứ.

- Nhân công tuyển dụng ở Trung Kỳ.

- Tài liệu về ngân sách tỉnh, công nho của các tổng An Phú Hạ, Phước Hưng Hạ, Phước Hưng Thượng.

3. Tài liệu về nông nghiệp

- Sổ theo dõi quyền sở hữu đất của các làng thuộc các tổng An Phú Hạ, An Phú Thượng, Phước Hưng Hạ, Phước Hưng Thượng, Phước Lễ.

- Sổ theo dõi chuyển nhượng đất, tài liệu về chuyển nhượng đất.

- Sổ địa bộ của các làng thuộc các tổng tỉnh Bà Rịa.

- Đơn xin chuyển nhượng đất.

- Tài liệu về trồng trọt: trồng sắn, thuốc lá,...

- Sổ đăng ký lệnh thu.

- Sổ kiểm soát trâu bò.

4. Tài liệu về lâm nghiệp

5. Tài liệu về XDCB, bưu tín

- Tài liệu về việc xây dựng các cầu Rạch Hào, Rạch Bông.

- Tài liệu về việc xây dựng, sửa chữa công sở, nhà cửa.

- Tài liệu nghiên cứu về đường thủy ở Nam Kỳ.

- Các khế ước chuyên chở bưu tín.

6. Tài liệu về quân sự

- Tài liệu về việc huy động nguồn lực khi có xung đột quân sự.

- Tài liệu về hoạt động của Ủy ban tuyển mộ binh lính.

- Tài liệu về tuyển mộ binh lính bản xứ; Gửi thanh niên Việt Nam sang Pháp.

- Tài liệu về an ninh, hiến binh Vũng Tàu.

7. Tài liệu về thương mại, thuế

- Thương chánh - Thuế gián thâu.

- Biên bản các vụ vi phạm về muối, buôn lậu thuốc phiện.

8. Tài liệu về lao động và dân số

- Tài liệu về hộ tịch của người Âu và người bản xứ.

- Thống kê dân số của các tổng An Phú Hạ, An Phú Thượng, An Phú Tân, Nhơn Xương, Phước Hưng Hạ, Phước Hưng Thượng, Vũng Tàu.

- Danh sách các nhà sư ở các tổng An Phú Hạ, An Phú Thượng.

9. Tài liệu về tôn giáo

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH BẠC LIÊU
(1865 - 1913)

* **Số lượng tài liệu:** 15,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1865 - 1913
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Các khu vực hành chính này lại được chia nhỏ thành 19 tiểu khu hành chính (arrondissement) như sau:

1. Khu vực Sài Gòn gồm 5 tiểu khu: Sài Gòn, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Bà Rịa.

2. Khu Vực Mỹ Tho gồm 4 tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Chợ Lớn.

3. Khu vực Vĩnh Long gồm 4 tiểu khu: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sa Đéc.

4. Khu vực Bassac gồm 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng.

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử*, Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

Ngày 18/12/1882, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định tách 2 tổng của tiểu khu Sóc Trăng và 3 tổng của tiểu khu Rạch Giá để thành lập thêm một tiểu khu mới nữa là tiểu khu Bạc Liêu trực thuộc khu vực hành chính Bassac[1].

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định đổi gọi tiểu khu (arrondissement) - đơn vị hành chính ở Nam Kỳ - thành tỉnh (province) kể từ ngày 1/1/1900 và phân chia thành 3 miền: miền Đông, miền Trung, miền Tây và gồm 20 tỉnh[2]. Tỉnh Bạc Liêu thuộc khu vực miền Tây.

Đứng đầu tỉnh Bạc Liêu là một viên Tham biện người Pháp. Quan Tham biện làm Chủ tỉnh về nguyên tắc phải là viên chức hành chính do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Thống đốc Nam Kỳ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó, gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu về bầu cử Hội đồng tỉnh của các tổng Long Thủy, Quản Xuyên, Thạnh Hòa, Thạnh Hưng và Phòng Thương mại (1883 - 1913).

- Tài liệu về nhập cư của ngoại kiều Á châu (1899 - 1913).

- Sổ theo dõi các giao dịch giữa những người Á châu (1895 - 1909).

- Tài liệu về chuyển nhượng đất đai (1888 - 1913):

+ Chuyển nhượng đất đai, biên bản cắm mốc, đơn xin chuyển nhượng đất đai tại các làng Vĩnh Lợi, Vĩnh Hưng,... (1890 - 1914).

+ Hồ sơ đất đai của Sở Thương chánh (1905 - 1913).

- Tài liệu về việc chuyển nhượng các ruộng muối, bản vẽ các ruộng muối và miễn thuế muối (1880 - 1906).

---

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử*, Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

2 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

2. Tài liệu về tài chính (1893 - 1914)

- Sổ theo dõi ngân sách.

- Sổ theo dõi lệnh thu ngân sách Nam Kỳ, Đông Dương.

- Sổ tổng hợp thu, sổ thâu xuất của các làng thuộc các tổng Long Thủy, Quản Long, Quản Xuyên, Thạnh Hòa, Thạnh Hưng, Vĩnh Lợi thuộc Trung tâm Hành chính Cà Mau.

- Sổ theo dõi miễn thuế điền địa.

- Bộ điền, bộ sanh ý của các làng trong tỉnh.

- Tài liệu về kiểm kê tài sản, vật liệu.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH BẾN TRE
(1867 - 1930)

* **Số lượng tài liệu:** 37 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1867 - 1930
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, mục, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tạm.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Các khu vực hành chính này lại được chia nhỏ thành 19 tiểu khu hành chính (arrondissement). Tiểu khu Bến Tre nằm trong khu vực Vĩnh Long.

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định đổi gọi tiểu khu (arrondissement) - đơn vị hành chính ở Nam Kỳ - thành tỉnh (province) kể từ ngày 1/1/1900 và phân chia thành 3 miền: miền Đông, miền Trung, miền Tây và gồm 20 tỉnh[3]. Tỉnh Bến Tre thuộc khu vực miền Trung.

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử*, Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

Đứng đầu tỉnh Bến Tre là một viên Tham biện người Pháp. Quan Tham biện làm Chủ tỉnh về nguyên tắc phải là viên chức hành chính do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Thống đốc Nam Kỳ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông mới chỉ được xác định nội dung theo cặp, bó, gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tập lưu công văn đi.
- Sổ đăng ký phiếu gửi công văn đi.
- Sổ ghi công văn đến.
- Sổ đăng ký công văn đến.
- Sổ theo dõi xử phạt hành chính.
- Tài liệu về xây dựng, sửa chữa các trường học, bệnh viện.
- Tài liệu về giáo dục.

2. Tài liệu về kế toán

- Hóa đơn thanh toán chi phí chuyên chở nhân viên, vật liệu.
- Hóa đơn thanh toán chi phí xây dựng, sửa chữa, cung cấp xi măng, xăng dầu, phụ tùng ô tô, xe đạp, bàn, tủ cho các cơ quan trong tỉnh, mua ấn phẩm, báo chí, cung cấp thực phẩm cho học sinh các trường nội trú và cho phạm nhân.
- Sổ theo dõi thuế của các làng trong tỉnh.
- Sổ thâu xuất của các làng trong tỉnh.
- Tài liệu về công nho của các làng trong tỉnh.
- Sổ theo dõi lệnh chi và các sổ sách kế toán khác.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH CẦN THƠ
(1888 - 1915)

* **Số lượng tài liệu:** 7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1888 - 1915
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Bassac gồm 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng. Như vậy tiểu khu Cần Thơ được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Cần Thơ do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chưa được sắp xếp, hệ thống, nội dung tài liệu gồm các vấn đề sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu về bầu cử.
- Sổ kiểm soát nhân viên.
- Sổ kiểm soát lương bổng của nhân viên người Âu và bản xứ.
- Báo cáo năm về tình hình chính trị, hành chính.
- Tài liệu về an ninh, tôn giáo.
- Đơn xin sử dụng vũ khí.
- Đơn xin nhập quốc tịch Pháp.
- Xây dựng các trạm bưu điện tại Cần Thơ.

2. Tài liệu về kế toán

- Nhật ký tài sản.
- Sổ kiểm kê tài sản không sử dụng được.
- Sổ theo dõi lệnh thu thuộc ngân sách Đông Dương.
- Sổ đăng ký lệnh thu và các sổ sách kế toán khác.
- Tài liệu về tình hình chăn nuôi.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH CHÂU ĐỐC
(1911 - 1930)

* **Số lượng tài liệu:** 2 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1911 - 1930
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Bassac gồm 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng. Như vậy tiểu khu Châu Đốc được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Ngày 9/2/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về việc sáp nhập tỉnh Hà Tiên vào tỉnh Châu Đốc[4].

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

4 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1913, pages 588 - 589.

Ngày 29/2/1924, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định về việc tái lập các tỉnh Hà Tiên, tách ra từ tỉnh Châu Đốc[1].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Châu Đốc do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu là sổ sách kế toán, nội dung gồm các vấn đề sau:

- Sổ theo dõi lệnh thu thuộc ngân sách Đông Dương.
- Sổ theo dõi chi tiết tình hình thu ngân sách tỉnh.
- Sổ theo dõi các khế ước.
- Sổ theo dõi các sắc thuế và cho miễn thuế.
- Sổ theo dõi các loại thuế thân và thuế môn bài.

1 Journal Officiel de l'Indochine Française 1924, pages 489.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH CHỢ LỚN
(1864 - 1924)

* **Số lượng tài liệu:** 18 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1864 - 1924
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Mỹ Tho gồm 4 tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Chợ Lớn. Như vậy tiểu khu Chợ Lớn được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Chợ Lớn do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu là sổ sách quản lý hành chính như sau: sổ lưu công văn đi, đến; sổ lưu phiếu gửi đi; sổ lưu điện tín đi, đến; sổ lưu trát; sổ ghi toàn văn các bản án.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH HÀ TIÊN
(1893 - 1924)

* **Số lượng tài liệu:** 9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1893 - 1924
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực Bassac gồm 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng. Như vậy tiểu khu Hà Tiên được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Ngày 9/2/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về việc sáp nhập tỉnh Hà Tiên vào tỉnh Châu Đốc[4].

Ngày 29/2/1924, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định về việc tái lập các tỉnh Hà Tiên, tách ra từ tỉnh Châu Đốc[5].

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

4 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1913, pages 588 - 589.

5 Journal Officiel de l'Indochine Française 1924, pages 489.

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Hà Tiên do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu gồm các nội dung như sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu về các phiên họp Hội đồng tỉnh Hà Tiên.
- Sổ lưu điện tín đi.
- Sổ kiểm soát ngoại kiều Á châu.

2. Tài liệu về kế toán

- Tài liệu về ngân sách tỉnh.
- Sổ kiểm soát lương bổng nhân viên người Âu và bản xứ.
- Sổ theo dõi, kiểm kê tài sản, vật liệu.
- Sổ theo dõi lệnh chi ngân sách tỉnh.
- Sổ theo dõi thu các sắc thuế, miễn giảm thuế.
- Sổ theo dõi trâu, bò, ghe.
- Các sổ sách kế toán khác.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH LONG XUYÊN
(1896 - 1934)

* **Số lượng tài liệu:** 38 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1896 - 1934
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Bassac gồm 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng. Như vậy tiểu khu Long Xuyên được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 01/01/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Long Xuyên do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu bao gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu về bầu cử Hội đồng tỉnh; các chánh tổng, phó tổng, bang trưởng, phó bang Hoa kiều như Phước Kiến, Triều Châu,….

- Sổ ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng tỉnh.

- Báo cáo về tình hình chính trị, kinh tế hàng quý của tỉnh.

- Sổ lưu công văn đi, đến.

- Sổ lưu phiếu gửi đi, sổ lưu điện tín đến.

- Tài liệu về nhân sự, hồ sơ cá nhân. Danh sách hương chức các làng và tình hình tài chính của họ.

- Sổ kiểm soát nhân viên, quân số cảnh sát, dân vệ.

- Tài liệu về quân sự, tuyển mộ lính, thống kê phương tiện vận chuyển có thể trưng dụng cho quân đội.

- Tình hình tù nhân.

- Tài liệu về hộ tịch, nhập cư.

- Xây dựng, sửa chữa các trạm xăng dầu, trường học, cơ sở y tế,…

- Tài liệu về sáp nhập các làng, ranh giới các làng. Sang nhượng đất đai, tài sản tại các làng, đấu thầu công điền, công thổ.

2. Tài liệu về kế toán

- Tài liệu về miễn giảm thuế.

- Kiểm kê tài sản, vật dụng.

- Bộ đinh, bộ thuyền, bộ ngưu,... của các làng trong tỉnh.

- Sổ cùi phiếu chuyên chở.

- Hóa đơn thanh toán, điều kiện sách cung cấp hàng hóa,…

- Tài liệu về nông nghiệp, cứu trợ nạn nhân bão lụt,...

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH MỸ THO
(1873 - 1935)

* **Số lượng tài liệu:** 152 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1873 - 1935
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Mỹ Tho gồm 4 tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Chợ Lớn. Như vậy tiểu khu Mỹ Tho được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Ngày 9/2/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về việc sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho[4].

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

4 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1913, pages 588 - 589.

Ngày 29/2/1924, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định về việc tái lập tỉnh Gò Công, tách ra từ tỉnh Mỹ Tho[1].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Mỹ Tho do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Một phần tài liệu của phông đã được xác định nội dung cụ thể theo từng cặp, bó, phần còn lại chưa được sắp xếp, hệ thống. Tài liệu trong phông nội dung chủ yếu gồm các vấn đề sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu về bầu cử Hội đồng tỉnh, các chánh tổng, phó tổng, hương chức.

- Sổ ghi biên bản, hồ sơ các cuộc họp Hội đồng tỉnh.

- Tài liệu về bầu cử thành viên Phòng Thương mại.

- Sáp nhập ranh giới các làng.

- Báo cáo tổng hợp, báo cáo quý về tình hình chính trị, kinh tế, quan thuế, y tế, hộ tịch của tỉnh.

- Báo cáo của các cai tổng, xã trưởng về tình hình thu thuế, làm xâu, hộ tịch,….

- Tài liệu về nhân sự người Âu và bản xứ.

- Sổ lưu công văn đi, đến.

- Sổ lưu điện tín đi.

- Sổ lưu trát.

- Sổ chuyển giao công văn.

- Sổ theo dõi xử phạt hành chính.

---

1 Journal Officiel de l'Indochine Française 1924, pages 489.

- Tài liệu về quân sự, an ninh, kiểm soát vũ khí, hộ tịch, phạm nhân vượt ngục,…

- Tài liệu về công nghiệp, công chánh, thương mại, đấu thầu, cầm đồ,…

- Sang nhượng đất đai, tài sản tại các làng; đấu thầu công điền, công thổ.

- Tài liệu về văn hóa, giáo dục, y tế.

2. Tài liệu về kế toán .

- Tài liệu về ngân sách, thuế vụ,…

- Kiểm kê tài sản, vật dụng.

- Bộ đinh, bộ thuyền của các làng trong tỉnh.

- Phiếu đặt hàng, khế ước cung cấp hàng hóa, vật dụng,…

- Tài liệu về kiểm soát súc vật (trâu, bò, ngựa).

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH RẠCH GIÁ
(1877 - 1933)

* **Số lượng tài liệu:** 33 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1877 - 1933
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Bassac gồm 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng. Như vậy tiểu khu Rạch Giá được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Rạch Giá do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu là tài liệu quản lý hành chính, sổ sách kế toán, bao gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu về bầu cử Hội đồng tỉnh, các chánh tổng, phó tổng.
- Sổ ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng tỉnh.
- Sổ lưu công văn đi, đến.
- Sổ lưu phiếu gửi đi.
- Sổ lưu điện tín đến.
- Tài liệu về nhân sự, sổ kiểm soát nhân viên.
- Kiểm tra, bổ nhiệm, cách chức hương chức các làng.
- Tài liệu về quản lý vũ khí, đạn dược.
- Tài liệu về quân sự, tuyển mộ lính.
- Nhập quốc tịch, nhập cư của ngoại kiều gốc Á.
- Sổ ghi các bản án.
- Báo cáo hàng ngày của Nhà lao Rạch Giá.
- Sổ theo dõi tù nhân.
- Tài liệu về văn hóa, giáo dục, y tế.

2. Tài liệu về sổ sách kế toán

- Tài liệu về xây dựng, công chánh.
- Sổ theo dõi lệnh chi thuộc ngân sách Đông Dương và ngân sách địa phương.
- Tài liệu về việc miễn giảm thuế.
- Sổ theo dõi kiểm kê tài sản, vật liệu.
- Hóa đơn thanh toán, điều kiện sách cung cấp hàng hóa, vật phẩm,...

- Dự trù ngân sách của các làng.

- Sổ thâu xuất của các làng.

- Bộ đinh, bộ sanh ý, bộ thuyền, bộ ngưu của các làng.

- Sổ theo dõi các giao dịch.

- Sổ đăng ký các hợp đồng về nhân công giữa người Âu với người bản xứ hoặc ngoại kiều gốc Á.

- Tài liệu về nhân công.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH SA ĐÉC
(1882 - 1924)

* **Số lượng tài liệu:** 20 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1882 - 1924
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, tiểu khu Vĩnh Long gồm 4 tiểu khu là Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc và Bến Tre. Như vậy tiểu khu Sa Đéc được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Ngày 9/2/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về việc sát nhập tỉnh Sa Đéc vào tỉnh Vĩnh Long[4].

Ngày 29/2/1924, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định về việc tái lập các tỉnh Sa Đéc, tách ra từ tỉnh Vĩnh Long[5].

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

4 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1913, pages 588 - 589.

5 Journal Officiel de l'Indochine Française 1924, pages 489.

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Sa Đéc do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu là tài liệu quản lý hành chính, sổ sách kế toán, bao gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Sổ lưu công văn đi, điện tín đi.
- Sổ đăng ký phiếu gửi công văn đi.
- Sổ ghi công văn đến, điện tín đến.
- Sổ đăng ký công văn đến.
- Sổ ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng tỉnh.
- Sổ ghi các đơn từ chuyển cho các Cai tổng và Phó tổng.
- Sổ kiểm soát lương bổng nhân viên.
- Sổ cùi giấy đi đường của nhân viên người Âu và bản xứ.
- Sổ kiểm soát ngoại kiều Á châu.
- Sổ theo dõi vũ khí.
- Sổ ghi chép các bản án.
- Sổ theo dõi phạm nhân.

2. Sổ sách kế toán

- Sổ theo dõi kiểm kê tài sản, vật liệu.
- Bộ đinh, bộ thuyền, bộ sanh ý,… của các làng trong tỉnh.
- Sổ theo dõi thu, chi và các sổ sách kế toán khác.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH TÂN AN
(1862 - 1934)

* **Số lượng tài liệu:** 12 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1862 - 1934
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, Khu vực hành chính Mỹ Tho gồm 4 tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Chợ Lớn. Như vậy tiểu khu Tân An được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Tân An do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chủ yếu là tài liệu quản lý hành chính, sổ sách kế toán, bao gồm các nội dung sau:

- Sổ ghi biên bản, hồ sơ các cuộc họp Hội đồng tỉnh.
- Sổ ghi biên bản các cuộc họp hàng tháng.
- Sổ theo dõi hộ tịch của người bản xứ.
- Sổ theo dõi điền địa của các làng.
- Điều kiện sách về đấu thầu công điền, công thổ của các làng.
- Dự trù ngân sách của tỉnh.
- Bảng kê tài sản, vật dụng.
- Tài liệu về kiểm kê tài sản, vật liệu của các nha, sở trong tỉnh.
- Tài liệu về mua xe hơi, đấu thầu cung cấp các loại vật phẩm, vật liệu.
- Dự trù ngân sách của các xã trong tỉnh.
- Bộ đinh, bộ thoàn của các làng trong tỉnh.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH TRÀ VINH
(1910 - 1925)

* **Số lượng tài liệu:** 2 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1910 - 1925
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Nam Kỳ được chia làm 6 tỉnh, bao gồm 3 tỉnh miền Đông: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và 3 tỉnh miền Tây là: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, tỉnh Vĩnh Long cũ chia thành 3 tiểu khu làVĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre. Như vậy tiểu khu Trà Vinh được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Trà Vinh do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, pages 30.

quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu là tài liệu quản lý hành chính, sổ sách kế toán, bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo năm về tình hình chính trị, hành chính.
- Sổ theo dõi lệnh chi thuộc ngân sách Đông Dương.
- Tài liệu dự trù chi, đồ biểu ngân sách tỉnh.
- Sổ theo dõi lệnh chi.
- Tài liệu về tình hình, diện tích trồng trọt.

PHÔNG VĂN PHÒNG TỈNH VĨNH LONG
(1868 - 1923)

* **Số lượng tài liệu:** 25 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1868 - 1923
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG[1]

Ngày 5/1/1876, Đô đốc Duperré, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra Nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac[2]. Theo đó, tỉnh Vĩnh Long cũ chia thành 3 tiểu khu là Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre. Như vậy tiểu khu Vĩnh Long được chính thức thành lập từ đây. Và kể từ ngày 1/1/1900, các tiểu khu tại Nam Kỳ được đổi gọi là tỉnh[3].

Ngày 9/2/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về việc sáp nhập tỉnh Sa Đéc vào tỉnh Vĩnh Long[4].

Ngày 29/2/1924, Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định về việc tái lập các tỉnh Sa Đéc, tách ra từ tỉnh Vĩnh Long[5].

---

1 Xem phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa.

2 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử,* Tập 1, Sđd, tr. 177 - 178.

3 Journal Officiel de l'Indochine Française 1900, page 30.

4 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1913, pages 588 - 589.

5 Journal Officiel de l'Indochine Française 1924, page 489.

Cũng giống như tất cả các tỉnh khác tại Nam Kỳ, việc điều hành công việc hành chính tại tỉnh Vĩnh Long do một viên Chánh Tham biện - Chủ tỉnh người Pháp đảm nhiệm. Chủ tỉnh có các cơ quan phụ tá là Sở Tham biện và Hội đồng Tiểu khu (sau đổi gọi là Hội đồng hàng tỉnh).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông chưa được sắp xếp, hệ thống, chủ yếu là tài liệu quản lý hành chính, sổ sách kế toán, bao gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Sổ lưu công văn đi, điện tín đi.
- Sổ lưu trát của Văn phòng Đốc phủ sứ.
- Sổ đăng ký phiếu gửi công văn đi.
- Sổ ghi toàn văn thông tư đến.
- Sổ ghi công văn đến, điện tín đến.
- Sổ đăng ký công văn đến.
- Sổ ghi biên bản họp hàng tháng.
- Sổ kiểm soát các cai tổng, hương chức, thành viên Hội đồng tỉnh.
- Sổ kiểm soát ngoại kiều Á châu.
- Sổ theo dõi vũ khí.
- Sổ theo dõi phạm nhân.
- Sổ cùi giấy đi đường.

2. Sổ sách kế toán

- Sổ kiểm soát lương bổng nhân viên.
- Sổ theo dõi kiểm kê tài sản, vật liệu.
- Sổ theo dõi khế ước.
- Sổ thâu xuất của các làng trong tỉnh.
- Bộ đinh, bộ thuyền, bộ sanh ý,… của các làng trong tỉnh.
- Sổ theo dõi thu, chi và các sổ sách kế toán khác.

PHÔNG NHA THỦY LÂM ĐÔNG DƯƠNG
(1921 - 4/1950)

* **Số lượng tài liệu:** 8,6 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1921 - 1950
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sở Thủy Lâm Trung ương của Đông Dương được ấn định bởi Nghị định ngày 20/6/1921 của Toàn quyền Đông Dương và được sửa đổi bởi các Nghị định ngày 3/8/1921, 28/6/1922, 20/7/1922, 9/8/1922 và 22/12/1922.

Theo Nghị định ngày 19/9/1924 của Toàn quyền Đông Dương thì tổ chức của Sở Thủy lâm Đông Dương như sau:

- Sở Thủy lâm được đặt dưới quyền của Thống đốc Nam Kỳ hoặc các Thống sứ, Khâm sứ trong các nước thuộc liên hiệp Pháp.

- Trong mỗi nước, Sở Thủy lâm được chỉ đạo bởi một Quản đốc nếu không có Quản đốc thì một Thanh tra hoặc Phó Thanh tra giữ chức vụ Giám đốc. Giám đốc Sở Thủy lâm sẽ do Toàn quyền Đông Dương chỉ định dựa trên đề nghị của Thống đốc hoặc các Khâm sứ, Thống sứ liên quan và ý kiến của Tổng Thanh tra Nông Lâm Súc.

- Sở Thủy lâm được đảm nhận bởi nhân sự người Âu và người bản địa. Nhân sự người Âu thường được chọn trong các nhân viên biệt phái của ngạch thủy lâm chính quốc.

Sắc lệnh ngày 12/2/1938 và ngày 7/8/1939 về việc tổ chức lại Sở Thủy lâm ở các thuộc địa.

Nghị định ngày 8/1/1942 của Cao ủy Pháp về việc thành lập và tổ chức Thanh tra các Sở Thủy lâm và săn bắn ở Đông Dương trực thuộc Nha Kinh tế.

Sắc lệnh ngày 10/9/1942 của Tổng thống Pháp về việc tổ chức lại Sở Thủy lâm ở các thuộc địa (được ban hành ở Đông Dương bởi Nghị định ngày 21/6/1943).

Năm 1947, Sở Thủy lâm ở Đông Dương được tổ chức thành Sở Thủy lâm liên bang đổi tên thành Sở chung Thủy lâm, Các Sở Thủy lâm quốc gia và địa phương.

- Sở chung Thủy lâm:

Đầu tiên được sắp đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Ủy Khanh liên bang của Bộ Kinh tế (sau đó là Cố vấn kinh tế), Sở Thủy lâm trực thuộc Nha Cố vấn Kế hoạch theo Nghị định ngày 7/12/1947.

Sở Thủy lâm Đông Dương gồm: Sở Sản xuất Thủy lâm, Sở Sưu tầm và Giáo huấn Thủy lâm, Sở Ngư nghiệp và Săn bắn.

- Các Sở Thủy lâm Quốc gia và địa phương:

a. Cao Miên

Một mặt, theo tạm ước Pháp Miên ngày 7/1/1946, Sở Thủy lâm Cao Miên hoàn toàn trực thuộc quốc gia và một Cố vấn Kỹ thuật người Pháp giữ chức Giám đốc Sở. Mặt khác, theo Kram của Quốc vương Cao Miên ngày 26/6/1946 thì Sở Thủy lâm Cao Miên được sắp đặt dưới quyền của Bộ Quốc gia Kinh tế và hoạt động theo các quy định của Nghị định ngày 31/3/1930 (Nghị định ấn định chế độ lâm chính ở Đông Dương).

Sự phân chia vùng lãnh thổ của đất nước được tu chỉnh bởi Prakas ngày 24/9/1947. Văn bản này hủy bỏ sự phân chia được thiết lập bởi Prakas ngày 16/7/1946 giữa bộ phận kỹ thuật và bộ phận quản lý. Cao Miên được phân thành hai Hạt Thanh tra

- Hạt Thanh tra Kampong Cham.

- Hạt Thanh tra Kampong Chhnang (đặt tại Phnôm-pênh).

Kram của Quốc vương Cao Miên ngày 6/12/1947 thành lập và ấn định các quyền hạn của Sở Ngư nghiệp ở Cao Miên. Sở này trực thuộc Sở Thủy lâm.

b. Lào

Sở Thủy lâm Quốc gia Lào được sắp đặt dưới quyền của Bộ Quốc gia Kinh tế và hoạt động theo các quy định của Nghị định ngày 21/3/1930 ấn định chế độ lâm chính ở Đông Dương.

Tổ chức vùng lãnh thổ của Sở Thủy lâm quốc gia Lào được chia thành hai Hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra phía Bắc Lào ở Luang - Prabang.

- Hạt Thanh tra phía Nam Lào ở Savannakhet.

Do những khó khăn về tài chính của Chính phủ Lào, vào ngày 14/3/1947, Vua Lào và Cao ủy Pháp đã ký một Hiệp ước sáp nhập Sở Thủy lâm Lào vào Sở chung Thủy lâm Đông Dương.

c. Nam Việt (Nam Kỳ)

Sự phân chia vùng lãnh thổ của Nam Việt (Nam Kỳ) trong năm 1947 có nhiều sự thay đổi.

Quân đội Pháp rút khỏi Cà Mau vào tháng 2 và đảo Phú Quốc vào tháng 7 đã buộc các đơn vị thủy lâm phải rời khỏi các vùng này.

Vào ngày 31/12/1947, các vị trí sau được bổ nhiệm:

- Hạt Thủy lâm Bạc Liêu:

  + 1 Hạt Trưởng Thủy lâm.

  + 2 vị trí Kiểm soát Thủy lâm (ở Cà Mau và Cần Thơ).

- Hạt Thủy lâm Bà Rịa - Nhà Bè:

  + 1 Hạt Trưởng Thủy lâm ở Vũng Tàu.

  + 1 Chi Trưởng Thủy lâm ở Bà Rịa.

- Hạt Thủy lâm Biên Hòa:

  + 1 Hạt Trưởng Thủy lâm ở Biên Hòa.

  + 4 Chi Trưởng Thủy lâm (ở Biên Hòa, Long Thành, Trảng Bom và Xuân Lộc).

- Hạt Thủy lâm Rạch Giá:

+ 1 Hạt Trưởng Thủy lâm ở Rạch Giá.

+ 1 Chi Trưởng Thủy lâm ở Hà Tiên.

+ 1 Đội Kiểm soát lưu động ở Rạch Giá.

- Hạt Thủy lâm Tây Ninh:

+ 1 Hạt Trưởng Thủy lâm ở Tây Ninh.

+ 1 Chi Trưởng Thủy lâm ở Tây Ninh.

+ 3 vị trí kiểm soát Thủy lâm (ở Gò Dầu Hạ, Thanh Điền và Vên Vên).

- Hạt Thủy lâm Thủ Dầu Một:

+ 1 Hạt Trưởng Thủy lâm ở Thủ Dầu Một.

+ 4 Chi Trưởng Thủy lâm (ở Thủ Dầu Một, Bến Cát, Chơn Thành và Lộc Ninh).

- Khu Tự trị Thủy lâm Mỹ Tho (ở Mỹ Tho).

- Khu Tự trị Thủy lâm Châu Đốc (ở Châu Đốc).

- Khu Tự trị Gia Định (ở Sài Gòn).

- Khu Tự trị Cầu Kho (ở Sài Gòn).

- Khu Tự trị Thủy lâm Thương cảng Sài Gòn (Sài Gòn).

d. Nam - Trung Việt và vùng Cao nguyên Nam Việt

Dụ của Liên bang Đông Dương ngày 27/5/1946 tạo ra vùng lãnh thổ Cao nguyên Nam Việt và Nghị định ngày 31/7/1947 sáp nhập các tỉnh vùng Đồng Nai Thượng vào vùng lãnh thổ này.

Tuy nhiên, mỗi một vùng, giữa Nam Trung Việt và các quận của Cao ủy Pháp vùng Cao nguyên Nam Việt tồn tại Sở Thủy lâm riêng của từng vùng. Nhưng hai Sở này chỉ phân biệt trên phương diện hành chính còn vẫn chịu sự chỉ đạo của một Giám đốc Sở duy nhất ngụ tại Nha Trang.

Sở Thủy lâm Nam Trung Việt gồm:

- Hạt Thủy lâm Nha Trang (gồm 3 Chi Thủy lâm trong đó 2 Chi bị chiếm).

- Hạt Thủy lâm Phan Thiết (3 Chi Thủy lâm trong đó 1 Chi bị chiếm).

Sở Thủy lâm vùng Cao nguyên Nam Việt gồm Hạt Thanh tra Cao nguyên ở Đà Lạt gồm:

- Hạt Thủy lâm Đà Lạt (3 Chi Thủy lâm trong đó 2 Chi bị chiếm).

- Hạt Thanh tra Ban Mê Thuột (3 Chi Thủy lâm).

e. Trung Việt

Sở Thủy lâm ở Trung Việt chưa được tái lập. Chỉ tồn tại một Ban Thủy lâm trực thuộc Ủy ban Hành chính Việt Nam ở Huế.

f. Bắc Việt

Tháng 5/1947, do hòa bình lập lại tại một số vùng, đặc biệt là các vùng ven biển, và nhu cầu về gỗ tạo tác và củi cho dân sự và quân sự cũng tăng, vì thế, việc tổ chức lại Phái bộ Thủy lâm vùng Bắc Việt rất cần thiết.

Tháng 6/1947, ông Houtman, Chánh Thanh tra Thủy lâm Đông Dương được bổ nhiệm vào vị trí đại biểu của Nha Thủy lâm khu Bắc Việt và Bắc Trung Việt. Ông đặt trụ sở tại Hải Phòng. Nhiệm vụ của ông là thiết lập lại Sở Thủy lâm Trung ương thực sự để vận hành lại các Hạt và Chi thủy lâm tùy vào mức độ bình định hóa lãnh thổ.

Ngày 31/12/1947, các đơn vị thủy lâm sau được thiết lập lại:

- Hạt Thủy lâm trung tâm ở Hà Nội (gồm 1 Chi Thủy lâm).

- Hạt Thủy lâm phía Đông ở Tiên Yên (gồm 5 Chi Thủy lâm).

- Hạt Thủy lâm Đông Nam ở Quảng Yên (gồm 3 Chi Thủy lâm).

- Khu Thủy lâm Hải Phòng.

Vào tháng 12/1947, quyết định của Quốc vụ khanh Cộng hòa Bắc Việt đã giao trách nhiệm quản lý một số sở trong đó có Sở Thủy lâm cho Ủy ban quản lý hành chính Bắc Việt. Quyết định trên cũng đã đề cập cụ thể đến vấn đề tổ chức lại Sở Thủy lâm Bắc Kỳ.

Ngày 30/12/1949, Đức Quốc Trưởng Bảo Đại và Cao ủy Pháp đã ký một hiệp ước về việc chuyển giao tất cả các sở và các đơn vị trực thuộc Nha Cố vấn Kế hoạch thuộc ủy Pháp cho Chính phủ Việt Nam.

Ngày 30/3/1950, chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam thẩm quyền, các sở và các đơn vị trực thuộc Nha Thủy lâm Đông Dương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình hoạt động của Nha, của các sở, ty, hạt trực thuộc.

- Tập lưu công văn, nghị định, sự vụ lệnh.

- Hội nghị trong nước và quốc tế về bảo vệ rừng và thiên nhiên.

- Các văn bản pháp quy ấn định quy chế bảo vệ rừng.

- Đơn tố cáo, tập biên bản kiểm chứng, biên bản vi phạm lâm luật, phúc trình các phiên tòa xử vi phạm lâm luật.

2. Tài liệu chuyên môn

- Hồ sơ vấn định các loại hóa chất để bảo vệ mùa màng.

- Hồ sơ về việc cải hóa rừng, thiết lập các khu rừng.

- Báo cáo diện tích, kỹ thuật, bản đồ trồng cây.

- Hồ sơ về việc phân phối hạt giống, xuất cảng gỗ.

- Tập khế ước, hồ sơ điều tra các nhà khai thác gỗ.

- Thống kê lâm sản.

3. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định về tổ chức bộ máy.

- Văn kiện nguyên tắc ấn định quy chế ngạch thủy lâm và quản trị nhân viên.

- Nghị định, Quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên; hồ sơ cá nhân; huấn luyện nhân viên.

- Tài liệu học tập.

4. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Văn kiện nguyên tắc về tài chính.

- Dự án, chứng từ chi phí tái thiết và trồng rừng.

- Dự án ngân sách: sổ tài sản, kiểm kê vật tư, nhiên liệu.

- Bản tính thuế lâm sản, hồ sơ đấu giá, tịch thu gỗ.

PHÔNG SỞ LÚA GẠO ĐÔNG DƯƠNG
(1930 - 1952)

* **Số lượng tài liệu:** 21,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1930 - 1952
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, chữ mờ, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sở Lúa gạo Đông Dương được thành lập bởi Sắc lệnh ngày 10/4/1930 với chức năng cải thiện về mặt sản xuất, xay xát và xuất khẩu gạo.

- Nghị định ngày 20/6/1930 của Toàn quyền Đông Dương cụ thể hóa Sắc lệnh ngày 10/4/1930.

- Sở Lúa gạo Đông Dương được điều chỉnh bởi một Giám đốc và một Phụ tá do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm.

- Nghị định ngày 31/5/1930 của Toàn quyền Đông Dương tổ chức về chế độ hành chính, tài chính, kế toán và các quy định chung của Sở Lúa gạo Đông Dương.

- Về chế độ hành chính:

+ Sở Lúa gạo Đông Dương được quản trị bởi HĐQT và Hội đồng Tư vấn về cây trồng lúa ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

- Về chế độ tài chính và kế toán:

+ Ngân sách Sở Lúa gạo Đông Dương được chia thành hai loại Ngân sách thường lệ và Ngân sách đặc biệt của Toàn quyền Đông Dương.

+ Nghị định ngày 14/8/1931, 29/1/1933, 28/9/1934 sửa đổi, Nghị định ngày 31/5/1930 bị bãi bỏ. Ngày 3/6/1936 Toàn quyền Đông Dương lần lượt sửa đổi bãi bỏ các nghị định trước đây.

+ Nghị định ngày 19/11/1938 tổ chức chế độ tài chính của Sở Lúa gạo Đông Dương như sau:

Sở Lúa gạo Đông Dương được quản trị bởi HĐQT và Ban Tư vấn ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Cao Miên.

+ Nghị định ngày 30/8/1934 của Toàn quyền Đông Dương tái lập Sở Lúa gạo Đông Dương.

+ Nghị định ngày 9/6/1943 bãi bỏ Nghị định ngày 30/8/1934, 10/2/1938, 3/6/1936, 17/11/1936, 15/12/1937, 19/11/1938, 16/12/1942 và thay thế bằng các quy định sau:

- Về vai trò của Sở Lúa gạo Đông Dương:

+ Sở Lúa gạo Đông Dương chịu trách nhiệm về tất cả các công trình nghiên cứu và khảo cứu về mặt khoa học và kỹ thuật nhằm cải thiện trồng trọt, xay xát và xuất khẩu lúa gạo, là cơ quan nghiên cứu kỹ thuật phục vụ cho tất cả các nghề liên quan đến lúa gạo.

+ Các thành tựu đạt được của Sở Lúa gạo Đông Dương trong lĩnh vực trồng lúa sẽ được chuyển cho tiểu ban các nhà sản xuất gạo và phó sản địa phương, Hiệp hội sản xuất Canh nông và Lâm chính Đông Dương (còn gọi là Hội Sản xuất lúa gạo), Hiệp hội này chịu trách nhiệm khai thác và truyền bá các thành tựu trên.

- Về chế độ hành chính:

+ Sở Lúa gạo Đông Dương được quản trị bởi HĐQT.

+ Sở Lúa gạo Đông Dương khu Nam Kỳ thiết lập một Ban chỉ đạo kỹ thuật chịu trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động của Sở Lúa gạo Đông Dương.

+ Sở Lúa gạo Đông Dương khu Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ mỗi khu thiết lập một Ban Tư vấn.

+ Nghị định ngày 18/3/1946 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi như sau: Bàn giao lại cho Sở Lúa gạo Đông Dương các hoạt động trước đây đã chuyển giao cho Tiểu ban sản xuất lúa gạo, Hiệp hội sản xuất canh nông và lâm chính.

+ Nghị định ngày 28/12/1948 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi vai trò của Sở Lúa gạo Đông Dương như sau:

. Sở Lúa gạo Đông Dương chịu trách nhiệm về tất cả các công trình nghiên cứu và khảo cứu liên quan đến việc cải thiện trồng trọt, xay xát và xuất khẩu lúa gạo.

. Việc khai thác và truyền bá các kết quả đạt được là trách nhiệm của các nước liên quan, thông qua hoạt động của các cơ quan Trung ương, trong đó Sở Lúa gạo Đông Dương đóng vai trò cố vấn kỹ thuật.

- Cơ cấu tổ chức của Sở Lúa gạo Đông Dương (năm 1948):

Sở Lúa gạo Đông Dương được quản trị bởi HĐQT, Ban chỉ đạo kỹ thuật và Ban giám định.

Gồm các Sở và Phòng ban:

1. Sở Giám định mễ cốc xuất khẩu

2. Sở Giám định lúa giống

3. Các Phòng thí nghiệm và Khảo cứu Trung ương:

3.1. Phòng Di truyền học;

3.2. Phòng Sinh lý;

3.3. Phòng Thực vật bệnh học;

3.4. Sở Thí nghiệm Trung ương;

3.5. Nhà máy thử nghiệm;

3.6. Phòng Hóa nông và Công nghệ lúa gạo;

3.7. Phòng Thống kê;

3.8. Phòng Tuyên truyền;

3.9. Phòng Kiểm soát các khu.

4. Các phòng ban:

4.1. Hành chính;

4.2. Sự vụ;

4.3. Thư viện;

4.4. Phòng kế toán.

Tổ chức Trung ương của Sở Lúa gạo Đông Dương được chia theo 4 khu:

1. Sở Lúa gạo Đông Dương Bắc Kỳ;

2. Sở Lúa gạo Đông Dương Trung Kỳ;

3. Sở Lúa gạo Đông Dương Nam Kỳ;

4. Sở Lúa gạo Đông Dương khu Cao Miên.

Trong đó khu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Cao Miên mỗi khu có một Ban tư vấn. Riêng khu Nam Kỳ thì do Ban chỉ đạo kỹ thuật quản trị. Ngoài ra mỗi khu còn có Phòng ban, Trạm Di truyền học, Sở Thống kê Tổng quát.

Sở Túc mễ tỉnh gồm:

Ban Tư vấn hoặc Ban chỉ đạo địa phương:

1. Chi cuộc Túc mễ;

2. Các Sở tuyển lựa (thí nghiệm);

3. Hộ cây giống;

4. Trung tâm phân phối lúa giống;

5. Ruộng thí nghiệm bán kỹ nghệ;

6. Trạm thanh tra chăm sóc thực vật;

7. Phòng thống kê mùa vụ;

8. Phòng tuyên truyền.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình của Sở Lúa gạo Đông Dương, các Sở thí nghiệm.

- Hội nghị hội thảo.

- Các tập lưu công văn đi.

2. Tài liệu về hoạt động chuyên môn

- Tài liệu hướng dẫn về trồng trọt.

- Tài liệu về việc cung cấp phân hóa học.

- Tài liệu về phân tích các giống lúa.

- Tài liệu về phân tích các mẫu gạo.

- Tài liệu về phân tích chất đất, mẫu nước.

3. Tài liệu về tổ chức bộ máy, nhân sự

4. Tài liệu về ngân sách, kế toán, tài vụ

- Các tài liệu về ngân sách, kế toán, vật liệu.

- Các chứng từ, hóa đơn thanh toán lương bổng, chi phí mua vật tư, vật liệu.

- Tài liệu thuê và trưng dụng đất đai của Trại thí nghiệm.

PHÔNG CÔNG TY BIA VÀ NƯỚC ĐÁ ĐÔNG DƯƠNG (B.G.I) (1927 - 1977)

* **Số lượng tài liệu:** 913,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1927 - 1977
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Bia và Nước đá Đông Dương là công ty vô danh, được thành lập vào ngày 12/9/1927[1].

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 6 đường Paul Blanchy, Sài Gòn (hiện nay là đường Hai Bà Trưng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo Điều lệ năm 1958 của Công ty Bia và Nước đá Đông Dương thì Công ty có mục đích sau[2]:

- Sản xuất bia, nước uống có ga, nước đá và tất cả các sản phẩm tương tự.

- Bán các sản phẩm do Công ty sản xuất, mua bán tất cả các sản phẩm mà Công ty làm đại diện ở Đông Dương và vùng Viễn Đông.

---

1 Dương Trung Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1919 - 1945),* Tập 2, Nxb. Giáo dục, 2001, tr. 132.

2 Điều lệ của Công ty Bia và Nước đá Đông Dương (Brasseries et Glacières de l'Indochine - BGI) năm 1958.

- Tham dự trực tiếp hoặc gián tiếp vào các hoạt động thương mại hay kỹ nghệ liên quan đến một trong các mục tiêu trên bằng cách vay vốn, mở tín dụng, hùn vốn, thành lập các công ty mới,...

- Tất cả các hoạt động tài chính, thương mại, kỹ nghệ, động sản và bất động sản liên quan trực tiếp hay gián tiếp với các mục tiêu trên.

Về tổ chức, Công ty có HĐQT, các ủy ban và các nhà quản lý. Chỉ đạo hoạt động của Công ty là Ban Tổng Giám đốc vùng Viễn Đông.

Công ty hoạt động tới năm 1977[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chưa được chỉnh lý, mới chỉ được xác định nội dung sơ bộ theo từng hộp, nội dung bao gồm các vấn đề sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo tại các phiên họp HĐQT Công ty.

- Hồ sơ Đại hội bất thường ngày 20/9/1955 về việc sửa đổi Điều lệ, chuyển trụ sở Công ty sang Pháp.

- Các tập lưu công văn đi của Công ty và các chi nhánh.

- Các tập lưu công văn đến.

- Tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty.

- Xây dựng, sửa chữa, mở rộng các nhà máy.

- Tài sản, nhà đất của Công ty.

- Bản vẽ kỹ thuật thiết bị máy móc.

- Báo cáo xuất, nhập, tồn kho hàng tháng.

- Biểu đồ bán hàng tại các thị trường Đông Dương.

- Nộp thuế, khấu trừ thuế.

- Quy trình sản xuất, đóng gói, thành phẩm.

2. Tài liệu về kế toán

- Chứng từ, sổ sách kế toán.

---

1 Tài liệu phông Công ty Bia và Nước đá Đông Dương (Brasseries et Glacières de l'Indochine - BGI).

PHÔNG CÔNG TY CAO SU ĐÔNG DƯƠNG
(1837 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 22,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1837 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp.
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy, họa đồ, ảnh)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty *Đồn điền Cao su Đông Dương* được thành lập ngày 9/8/1935 trên cơ sở hợp nhất các Công ty Đất Đỏ An Lộc, Công ty Nông nghiệp Suzannach và Công ty Nông nghiệp Kỹ nghệ Bến Củi. Công ty có trụ sở tại Sài Gòn, có số vốn nguyên thủy là 29.600.000 francs. Công ty chuyên trồng, khai thác và chế biến cao su[1]. Theo tài liệu hiện có trong phông, tổ chức của Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương gồm có[2]:

- Sở Nội dịch.
- Sở Kế toán.
- Sở Nông học.
- Sở Kỹ thuật.
- Sở Đối ngoại.

1 Dương Kinh Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1919 - 1945)*, Sđd, tr. 245.

2 Tài liệu phông Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương.

- Sở Y tế.

- Ban Thanh tra.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông chưa được chỉnh lý hoàn chỉnh, nội dung bao gồm các vấn đề sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo hoạt động hàng năm, hàng tháng của Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương, các nha, sở và các đồn điền trực thuộc: Đồn điền Đại khối An Lộc, Đồn điền Suzannach, Đồn điền Long Thành, Đồn điền Gallia (Phước Tuy), Đồn điền Ông Quế, Đồn điền Bến Củi, Bình Lộc, Đồng Nai, của Công ty Cao su Kampong-Thom.

- Tài liệu về Đại hội Cổ đông hàng năm.

- Biên bản các buổi họp HĐQT Công ty Cao su Kampong-Thom, Công ty Cao su Đồng Nai.

- Biên bản các buổi họp HĐQT Viện Nghiên cứu Campuchia.

- Biên bản các buổi họp Hiệp hội những người trồng Cao su ở Campuchia.

- Sơ đồ vị trí các đồn điền thuộc Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương.

- Các tập lưu công văn đi.

2. Tài liệu về tổ chức cán bộ (1937 - 1975)

- Tài liệu về tình hình nhân viên Việt Nam, nhân viên châu Âu làm việc tại Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương và các đồn điền trực thuộc.

- Hồ sơ cá nhân của nhân viên Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương và các đồn điền trực thuộc.

3. Tài liệu về kỹ thuật

- Tài liệu về diện tích, sản xuất, mở rộng đồn điền.

- Tài liệu về nhân công.

- Tài liệu về an ninh bảo vệ đồn điền.

- Tài liệu về thiệt hại trong chiến tranh của Đồn điền Bến Củi năm 1966.

4. Tài liệu về XDCB

- Tài liệu về xây dựng các xưởng sản xuất, đóng gói.

5. Tài liệu về kế toán tài vụ

- Tài liệu về vấn đề tài chính, thanh quyết toán.

- Thuế lương bổng của nhân viên Việt Nam.

- Tài liệu về bất động sản của Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương.

PHÔNG CÔNG TY CAO SU ĐẤT ĐỎ
(1924 - 1976)

* **Số lượng tài liệu:** 2,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1924 - 1976
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy); sơ đồ, bản vẽ kỹ thuật
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Tài liệu của Công ty Cao su Đất Đỏ được thu thập về TTLTQGII, không có tài liệu về tổ chức bộ máy của công ty.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Công văn đi, đến của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1960 - 1970.

- Tập thông tư của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1968 - 1970.

- Điều lệ của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1963 - 1969.

- Biên bản các kỳ họp của Ban Quản trị quỹ dự phòng nhân viên châu Âu và các Công ty Cao su Đất Đỏ Đông Dương năm 1951 - 1957.

- Biên bản phiên họp Ban Đồn điền thuộc Liên hiệp Chi đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam và các đại diện Đồn điền Cao su ngày 19/9/1975.

- Hồ sơ nguyên tắc về chế độ lao động và quản trị nhân viên các đồn điền cao su (Cuốn 1, 5) năm 1954 - 1968.

- Bảng tổng hợp lương và phụ cấp của nhân viên Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1971 - 1973.

- Bảng kê phiếu chuyển tiền tiết kiệm của nhân viên Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1966 - 1969.

- Báo cáo công tác năm 1967 - 1969, 1975 của Công ty Cao su Đất Đỏ (Bản thảo).

- Báo cáo hàng tháng của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1966 - 1975.

- Báo cáo hàng tháng của Nha Kỹ thuật Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1960 - 1964.

- Tài liệu về chế biến, bảo quản và sử dụng cao su của Nha Kỹ thuật Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1951 - 1969.

2. Tài liệu về kỹ thuật

- Tài liệu nghiên cứu về hệ thống rễ cây cao su năm 1953.

- Tài liệu về việc ươm cây, trồng tỉa năm 1949 - 1976.

- Bảng kê diện tích trồng cao su của Đồn điền Long Thành và kế hoạch trồng mới của Đồn điền Courtenay năm 1963 - 1975.

- Bản vẽ kỹ thuật của hệ thống sấy khô cao su của Đồn điền Xa Cam năm 1951 - 1963.

- Bản vẽ thiết kế kỹ thuật xe hai bánh để chở bình chứa mủ cao su năm 1969.

- Bản vẽ mẫu các loại bao bì đóng gói sản phẩm cao su năm 1965.

3. Tài liệu về kế toán tài vụ

- Bảng kê khai tình hình sản xuất cao su của Đồn điền Long Thành và Courtenay năm 1924 - 1974.

- Bảng kê số lượng cao su bán ra của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1967.

- Tài liệu về việc xuất cảng cao su của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1964 - 1974.

- Báo cáo quyết toán hàng năm của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1960 - 1974.

- Báo cáo quyết toán hàng tháng của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1975.

- Sổ ngân hàng của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1969 - 1976.

- Tài liệu về quyền sở hữu các bất động sản của Công ty Cao su Đất Đỏ tại Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang, Hải Phòng, Cambodge năm 1920 - 1960.

- Tài liệu về quyền sở hữu đất đồn điền của các Đồn điền Xa Trạch, Quản Lợi, Long Thành năm 1927 - 1950.

- Dự án xây dựng và trang bị cho Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1957 - 1964.

- Dự toán xây dựng nhà máy tinh chế cao su Chợ Quán năm 1972 - 1973.

- Tài liệu về việc xây dựng và trang bị nhà máy chế biến cao su, các đồn điền, kho Chợ Quán, Văn phòng Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1971 - 1976.

- Họa đồ các Đồn điền Courtenay, Bình Sơn, An Viêng, Long Thành năm 1974.

- Bảng kiểm kê tài sản, bất động sản của Công ty Cao su Đất Đỏ năm 1971 - 1975.

SƯU TẬP TÀI LIỆU SƯU TẦM TẠI PHÁP
(1922 - 1945)

* **Số lượng tài liệu:** 1.7 mét, 22.156 trang tài liệu, 50 bản đồ
* **Thời gian tài liệu:** 1922 - 1945
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu**: sao chụp
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Tài liệu được sưu tầm trong 2 đợt vào năm 2009 và năm 2011, chia thành 2 phông:

1. Phông Cao ủy Đông Dương (HCI-Haut-Commissariat pour l'Indochine)

- Hồ sơ về các nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu, Nguyễn An Ninh, Dương Bạch Mai, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai,...

- Tài liệu Nam Kỳ: tình hình tư tưởng của dân chúng ở Sài Gòn - Chợ Lớn; Báo cáo về các phong trào nổi dậy của Trung Kỳ và Nam Kỳ (11/1940 - 5/1941); Báo cáo các tháng về hoạt động của người nước ngoài ở Nam Kỳ (1944 - 1945).

2. Phông Phủ Toàn quyền Đông Dương (Gouvernement Général de l'Indochine)

- Phân định ranh giới Trung - Việt (1889 - 1896).

- Biên giới Quảng Đông, từ Paxi Na Long đến Bắc Cường Ai (1894).

- Phân định ranh giới Việt - Trung. Hội đồng cắm mốc biên giới do tướng Serviere làm Chủ tịch (1894).

- Phân định biên giới Bắc Kỳ, Trung Kỳ.

- Cắm mốc biên giới giữa biển Đen và sông Mekong (1895).

- Đơn của ông Calisti - Giám đốc Công ty mỏ Trung và Bắc Kỳ xin tìm kiếm mỏ ở đảo Phú Quốc.

- Tổ chức nhà lao Côn Đảo (1906 - 1910).

- Nhà lao Côn Đảo (1897 - 1905).

- Báo cáo tình hình chính trị ở Trung Kỳ (1887).

- Nổi loạn ở các tỉnh: Châu Đốc, Quảng Trị, nhà lao Côn Đảo.

- Thư của Hội đồng Cơ mật về biên giới Việt Nam và Thái Lan (1888).

- Nghiên cứu khoáng chất ở đảo Phú Quốc của Dược sĩ Anthomu Parnault (1867).

- Thông tin về biên giới các nước Việt Nam, Thái Lan, Lào, Cao Miên và Trung Quốc.

- Báo cáo của ông Brière gửi Toàn quyền Đông Dương về chuyến công tác của phái đoàn Thái Lan liên quan đến vấn đề biên giới với Việt Nam (1891).

- Các quy định đặc biệt tại các đảo, tổ chức nhà tù Côn Đảo, chế độ nhà tù ở Nam Kỳ.

- Báo cáo về việc khai thác ngọc ở Phú Quốc.

- Phân định ranh giới Trung - Việt, Việt Nam và Lào, Tây Ninh và Soài Riêng (Cao Miên), Trung Kỳ (Quảng Trị) và Lào (Lao Bảo).

- Hồ sơ về việc sáp nhập các đơn vị hành chính tỉnh, huyện.

- Hồ sơ về các tù chính trị.

- Tập văn kiện liên quan đến vấn đề ngoại giao giữa Pháp và triều đình An Nam.

- Quan hệ ngoại giao giữa Pháp và Trung Quốc: Hiệp ước Tientsin và Hội đồng phân định biên giới Việt - Trung, cắm mốc biên giới Việt - Trung.

- Bảng tổng kết thông tin về chính trị, tư pháp, xã hội, kinh tế, khoa học ở Đông Dương.

- Báo cáo về các sự kiện ở Trung Kỳ.

- Ghi chép về hoạt động của các đảng đối lập chống Pháp ở Đông Dương (1928).

- Các tổ chức chống Pháp ở Đông Dương và việc tuyên truyền Cộng sản.

- Khái quát về sự phát triển của các tổ chức cách mạng (1936).

- Thông báo hàng tháng về các hoạt động nổi dậy ở Nam Kỳ (1936).

- Báo cáo các tháng về các hoạt động nổi dậy ở Nam Kỳ (1938).

- Báo cáo các tháng về các hoạt động nổi dậy ở Nam Kỳ (1939).

- Báo cáo các tháng về các sự kiện chính trị (1940 - 1941).

- Các cuộc nổi dậy ở Ninh Thạnh Lợi (1927).

TÀI LIỆU SAU NĂM 1945

- Tài liệu thời kỳ Chính phủ Quốc gia Việt Nam
- Tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa
- Tài liệu thời kỳ cách mạng

TÀI LIỆU THỜI KỲ CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM

PHÔNG PHỦ THỦ HIẾN NAM VIỆT
(9/1945 - 4/8/1954)

* **Số lượng tài liệu:** 178 mét
* **Thời gian tài liệu:** 9/1945 - 4/8/1954
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sau Cách mạng tháng Tám, hệ thống chính quyền thuộc địa của thực dân Pháp sụp đổ trên toàn cõi Đông Dương. Tuy nhiên, sau khi Pháp trở lại xâm lược nước ta, tại Nam Kỳ, thực dân Pháp đã ký một bản Thỏa ước ngày 20/5/1946 và Thỏa ước phụ ngày 3/6/1946[1]. Theo đó, Chính phủ lâm thời Cộng hòa Nam Kỳ được thành lập. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ này cũng được quy định cụ thể như sau:

- Thủ tướng Chính phủ lâm thời do Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ bầu với 2/3 số phiếu.

- Thủ tướng làm Chủ tịch HĐBT.

- Thủ tướng bổ nhiệm các chức vụ trong Chính phủ theo đề nghị của các Bộ trưởng. Dưới quyền Thủ tướng, các Bộ trưởng chịu trách nhiệm quản lý các nhiệm sở của mình.

---

1 Journal Officiel de la Fédération Indochinoise 1946, pages 488 - 491.

- Việc bổ nhiệm các Giám đốc các nha, sở kỹ thuật phải được sự đồng ý của Ủy viên Cộng hòa Pháp.

- Các Tỉnh trưởng do Thủ tướng bổ nhiệm. Ủy viên Cộng hòa Pháp được thông báo trước về sự bổ nhiệm này.

- Thủ tướng Chính phủ ký các văn bản pháp quy, các nghị định và quyết định.

Dụ số 1 ngày 23/5/1948 về việc thành lập và tổ chức Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam và Dụ số 5 ngày 14/6/1948 ấn định tổ chức tạm thời các cơ quan công quyền Việt Nam[1]. Từ đó, nước Việt Nam được chia thành 3 phần: Bắc phần, Trung phần, Nam phần. Mỗi phần đều có pháp nhân về mặt hành chính và do một Tổng trấn cai trị, có tổ chức hành chính và ngân quỹ riêng.

Tổng trấn do Thủ tướng bổ nhiệm và chọn trong những người ở địa phương. Tổng trấn ngang hàng với Quốc Vụ khanh và có 3 chức vụ:

- Vừa là Tổng trưởng trong Chính phủ Trung ương.

- Vừa là Đại diện của Chính phủ tại mỗi phần.

- Vừa là vị chỉ huy ở địa phương.

Như vậy Tổng trấn có rất nhiều quyền hành: vừa cai trị địa phương, vừa tham gia cả vào các công việc của Trung ương.

Tổng trấn có Ủy viên và Phó Ủy viên phụ tá. Các vị Ủy viên và Phó Ủy viên được đặt ngang hàng với các vị Quốc Vụ khanh và Thứ trưởng và do Tổng trấn bổ nhiệm, sau khi được Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời đồng ý.

Tổng trấn là Phó Chủ chi ngân sách quốc gia.

Tổng trấn điều khiển và kiểm soát tất cả các công sở thuộc địa phương hành chính và bổ nhiệm tất cả các công chức của các sở đó.

Chỉ một mình Tổng trấn có quyền quản trị nhân viên của các ngạch địa phương.

---

1 Công báo Việt Nam năm 1948, tr. 7, 21-23.

Tổng trấn là chủ chi ngân sách địa phương.

Tổng trấn có nhiều Hội đồng phụ tá.

Ngày 1/7/1949, Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam ban hành Dụ số 1 và 2 ấn định quy chế các cơ quan công quyền của Quốc gia Việt Nam[1]. Theo đó, nước Việt Nam được chia thành 3 phần: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt và đặt trực thuộc ba vị Thủ hiến. Tổ chức hành chính tại các phần được quy định như sau:

- Về phương diện hành chính, lãnh thổ quốc gia Việt Nam có ba Phần: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt. Mỗi phần có hành chính pháp nhân và một ngân sách địa phương để thi hành thẩm quyền do Dụ này ấn định cho mỗi phần.

- Mỗi phần đặt dưới quyền một ông Thủ hiến do Quốc trưởng bổ nhiệm bằng sắc lệnh, quyết định tại Hội đồng Tổng trưởng. Những ông Thủ hiến đầu tiên đặc cách do Quốc trưởng tự quyền bổ nhiệm.

- Thủ hiến là vị đại diện của Chính phủ trong địa hạt mình. Với tư cách ấy, Thủ hiến phụ trách sự thi hành trong địa hạt mình các dụ, sắc lệnh và nghị định. Thủ hiến săn sóc tới những sở thuộc quyền Chính phủ đặt tại địa hạt mình để cho việc điều hành các sở ấy được hoàn bị. Thủ hiến trực tiếp giao thiệp với các Tổng trưởng và Bộ trưởng sở quan. Thủ hiến là Phó chủ chi ngân sách quốc gia.

- Thủ hiến điều khiển tổ chức hành chính địa phương. Với tư cách ấy, Thủ hiến bổ nhiệm nhân viên các cơ quan thuộc tổ chức này và có quyền lập quy. Quyền này Thủ hiến thi hành trong phạm vi luật lệ tổng quát, bằng cách ra các nghị định, Thủ hiến kiểm soát các tổ chức hành chính các tỉnh, các thị xã và các xã. Trừ trường hợp định ở Điều 6 của Dụ, Thủ hiến giao thiệp thẳng với Thủ tướng Chính phủ, nhưng các công văn phải do Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng chuyển đệ. Thủ hiến là chủ chi ngân sách bản phần. Ngân sách này phải do Quốc trưởng duyệt y bằng sắc lệnh. Tổng trưởng

1 Công báo Việt Nam năm 1949, tr. 1 - 4.

Bộ Tài chính kiểm soát sự thi hành ngân sách này. Những phương pháp đặc biệt để duyệt y và kiểm soát ngân sách trong phạm vi mỗi phần có thể do sắc lệnh ấn định.

Thủ hiến chịu trách nhiệm về sự giữ gìn an ninh trật tự trong địa hạt mình. Về việc này, Thủ hiến tường trình Tổng trưởng hoặc Bộ trưởng Bộ Nội vụ những phương pháp đã thi hành hoặc sẽ thi hành. Thủ hiến có thể trưng tập binh lực để phụ trợ.

Sắc lệnh số 4 ngày 3/7/1949 đã bổ nhiệm vị Thủ hiến đầu tiên tại Nam Việt[1].

Năm 1954, Đạo Dụ số 21 ngày 4/8/1954 bãi bỏ chức Thủ hiến. Như vậy Phủ Thủ hiến Nam Việt chính thức chấm dứt hoạt động từ đây[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông Phủ Thủ hiến Nam Việt là tài liệu của các chính phủ tại Nam Việt (Nam Kỳ cũ) qua các thời kỳ từ tháng 9/1945 - 8/1954. Khối tài liệu này hiện đã được phân loại sơ bộ theo khung phân loại Boudet, gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1. Văn bản pháp quy

- Các nghị định, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ lâm thời Nam Kỳ, Tổng trấn, Thủ hiến Nam Việt.

2. Tổ chức chính quyền Trung ương

- Tài liệu về tổ chức nhân sự, các nghị định, quyết định về nhân viên, hồ sơ nhân viên.

- Tài liệu về các cuộc kinh lý của Thủ tướng, Thủ hiến tại các tỉnh.

- Hồ sơ các phiên họp hàng tháng của Hội đồng Nam Kỳ.

- Tài liệu về tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh Nam Việt.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Nha Công an Nam Việt.

1 Công báo Việt Nam năm 1949, tr. 6.

2 Công báo Việt Nam năm 1954, tr. 1980.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Cảnh sát Đô thành Sài Gòn.

- Hoạt động của Việt cộng.

- Kiểm báo.

3. Tổ chức chính quyền địa phương

- Tài liệu về tổ chức bộ máy, thành lập Hội đồng hàng tỉnh.

- Phúc trình tổng quát hàng năm, hàng tháng của các tỉnh Nam Việt.

- Phúc trình kinh lý của các tỉnh trưởng.

- Hội nghị hàng tháng của các Quận trưởng tại Nam Việt.

- Địa phương chí các tỉnh Nam Việt.

4. Chính trị

- Hiệp ước Pháp - Việt.

- Tài liệu về thanh tra chính trị, hành chính các tỉnh Nam Việt.

5. Tư pháp

- Hoạt động của Ủy ban chọn lọc tù binh và can cứu chính trị tại các tỉnh Nam Việt, phóng thích tù binh.

6. Công chánh - Giao thông

- Xây cất, quản lý, duy tu nhà cửa, công thự.

- Xây cất, quản lý, duy tu, đổi tên, quy hoạch đường sá.

7. Văn hóa, giáo dục, xã hội

- Tổ chức bộ máy, nhân sự ngành giáo dục.

- Các cuộc thi cử.

- Xây dựng đài kỷ niệm, hoạt động của các viện bảo tàng.

- Các hoạt động VHXH khác.

PHÔNG PHỦ THỦ TƯỚNG QUỐC GIA VIỆT NAM (1948 - 25/10/1955)

* **Số lượng tài liệu:** 52,05 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1948 - 25/10/1955
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Với Chỉ Dụ số 1 ngày 3/5/1948, Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam được thành lập[1]. Tổ chức và điều hành của Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam được ấn định bởi Dụ số 2 ngày 23/5/1948[2].

Sắc lệnh số 40-SG ngày 28/7/1948 của Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam ấn định tổ chức của các nha, sở thuộc Phủ Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam[3]. Theo Sắc lệnh này, tổ chức của các nha, sở Phủ Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam gồm có:

- Ty Giám đốc Văn phòng.
- Văn phòng Tổng Thư ký.

1 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
2 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
3 Journal Officiel du Viet Nam 1948, pages 51-53.

Ty Giám đốc Văn phòng đặt dưới quyền của một viên Đổng lý Văn phòng, nếu cần được một viên Phó Đổng lý trợ giúp. Ngoài Văn phòng Bí thư, Ty Giám đốc Văn phòng gồm có: Văn phòng; Võ phòng và Sở Chính trị.

Văn phòng Tổng Thư ký đặt dưới quyền của một viên Tổng Thư ký, được một viên Chủ sự trợ giúp và gồm có: Văn phòng Pháp chế và Hành chính Tổng quát; Văn phòng Công chức, Văn phòng Tổng vụ; Văn phòng Thư ký.

Tổ chức các nha, sở của Phủ Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam được ấn định và sửa đổi bởi các Nghị định sau:

- Nghị định số 22-Cab/Prés ngày 20/6/1950 của Thủ tướng Chính phủ[1].

- Nghị định số 478-Cab/Sài Gòn ngày 17/6/1952 sát nhập các cơ quan thuộc Văn phòng Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng vào Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng[2].

- Nghị định số 18-PTT/VP ngày 29/1/1954 của Thủ tướng Chính phủ[3].

- Nghị định số 64-PTT/VP ngày 15/6/1954 của Thủ tướng Chính phủ[4].

- Nghị định số 126-PTT/DL ngày 3/9/1954 của Thủ tướng Chính phủ[5].

- Nghị định số 154-PTT/VP/KT ngày 4/10/1954 của Thủ tướng Chính phủ[6].

---

1 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
2 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
3 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
4 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
5 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.
6 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.

- Nghị định số 166-PTT/VP ngày 26/11/1954 của Thủ tướng Chính phủ[1].

Ngày 23/10/1955, Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để lập ra chính thể VNCH và ngày 26/10/1955 lấy danh hiệu là Tổng thống VNCH. Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam chấm dứt hoạt động từ đây.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Kế hoạch, chương trình hoạt động của các Chính phủ Quốc gia Việt Nam.

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của các Nha, Sở thuộc Phủ Thủ tướng, các Bộ, Phủ Thủ hiến Nam Việt, Trung Việt, Bắc Việt.

- Tờ trình hàng tháng, hàng tuần của Phủ Thủ hiến Bắc Việt về tình hình hành chính, kinh tế, tài chính và xã hội.

- Báo cáo về các cuộc kinh lý của các Tỉnh trưởng Nam Việt.

- Hồ sơ các cuộc họp Hội đồng Nội các.

2. Tài liệu về tổ chức, thi đua, khen thưởng

- Tài liệu về tổ chức bộ máy của Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, các bộ, các Tòa Đại biểu, các tỉnh.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, thuyên chuyển, biệt phái, nâng ngạch, nâng lương, kỷ luật, miễn nhiệm, bãi chức, nghỉ phép của nhân viên người Việt và người Pháp.

- Tài liệu về việc tổ chức các kỳ thi tuyển nhân sự vào Hội đồng Liên hiệp Pháp.

- Tài liệu về việc hồi hương của nhân viên người Pháp.

- Tài liệu về việc thiết lập, ân thưởng huân, huy chương.

---

1 Tài liệu phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam.

3. Hành chính quản trị

- Tập lưu Dụ, Sắc lệnh của Quốc trưởng Bảo Đại.

- Tập lưu Nghị định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập lưu công văn đi, công văn mật đi của Văn phòng Phủ Thủ tướng.

- Tập lưu công văn đi của Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng.

- Tập lưu công điện mật mã đi, công điện đi của Văn phòng Phủ Thủ tướng.

4. Quân sự

- Tài liệu về an ninh quốc phòng.

- Hồ sơ các cuộc họp của Ủy ban Bình định Pháp - Việt.

- Kế hoạnh đồn trú của quân đội Quốc gia Việt Nam.

- Tài liệu về quân dịch, đào tạo, huấn luyện quân nhân.

- Tài liệu về hoạt động của quân đội Nguyễn Trung Trực ở Long Xuyên.

- Các nhân vật và tướng lĩnh Pháp, Mỹ,... viếng thăm Việt Nam.

5. An ninh

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của Bộ Nội vụ.

- Bản tin hàng ngày của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và An ninh Quốc gia, của Trung ương Tình báo Cuộc, của Sở An ninh - Phủ Cao ủy Pháp tại Nam Việt.

- Tài liệu về trật tự trị an, an ninh địa phương, công sở.

- Tài liệu về cải huấn.

- Hội nghị Liên quốc về nhập cư.

6. Chính trị

- Tài liệu về hoạt động của Việt Minh vùng Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tài liệu về các vụ ám sát, mưu sát Quốc trưởng và các nhân vật cao cấp.

- Truyền đơn của Việt cộng.

- Tài liệu về hoạt động của Thanh niên Bảo quốc Đoàn, Việt Nam Phục quốc hội, Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Đại Việt, Mặt trận Quốc gia Liên hiệp.

7. Tài liệu về tòa án, tư pháp, thanh tra

8. Tài liệu về ngoại giao

- Hồ sơ các phái đoàn các nước viếng thăm Việt Nam và các phái đoàn Việt Nam công du các nước.

- Tài liệu về trình ủy nhiệm thư.

- Hồ sơ các hội nghị quốc tế.

- Hồ sơ các Hội nghị Liên quốc về thương mại, quan thuế, tài chính.

- Tài liệu về Hội nghị Pau.

- Tài liệu về việc Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn đi dự các Hội nghị Thị trưởng Á châu.

9. Tài liệu về kinh tế

- Tài liệu về các hội nghị kinh tế quốc tế.

- Tài liệu về viện trợ kinh tế Mỹ cho Việt Nam.

- Hồ sơ phái đoàn kinh tế Mỹ thăm Hà Nội và vùng Hà Đông (Bắc Việt).

- Tài liệu về các cuộc kinh lý của Bộ trưởng Bộ Kinh tế Quốc gia.

10. Tài liệu về tài chính

- Tài liệu về thống kê tài chính ở Đông Dương.

- Tài liệu về ngân sách quốc gia, ngân sách các bộ, các địa phương Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt.

- Tài liệu về kiểm kê tài sản, vật dụng của các cơ quan.

- Tài liệu về các quỹ ứng trước, quỹ đặc biệt cấp cho các bộ.

- Tài liệu về việc thanh toán tiền tu bổ công thự.

- Tài liệu về việc trợ cấp cho Bắc Việt để tổ chức Bảo chính Đoàn, trợ cấp cho thành phố Đà Lạt, cho Hội Phật giáo thế giới ở Hà Nội, trợ cấp cho dân hồi cư Bắc Việt,...

- Tài liệu về việc đóng góp của Việt Nam vào chương trình trợ giúp người tị nạn Palestine.

- Đơn xin bồi thường chiến tranh.

- Tài sản thừa kế của các cá nhân ngoại quốc ở Việt Nam.

- Tài liệu về việc thiết lập và sửa đổi giá ngạch các thứ thuế ở Hải Phòng, tăng thuế sát sinh ở Hà Nội.

- Tài liệu về thuế đảm phụ quốc phòng, thuế sát sinh, thuế lưu hành thuốc lá.

11. Tài liệu về thương mại

- Báo cáo hoạt động của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ.

- Tài liệu quy định chế độ thương mại và kỹ nghệ ở Việt Nam.

- Tài liệu về dự thảo Hiệp ước hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

- Tài liệu về xuất, nhập khẩu hàng hóa, tiếp tế trong nước.

12. Tài liệu về CKN

- Tài liệu về các vấn đề công nghiệp.

- Tài liệu về kiến thiết: xây dựng trụ sở, nhà cửa, trường học, bệnh viện,...

- Tài liệu về việc mua, bán, chuyển nhượng nhà, đất.

- Tài liệu về GTVT và bưu điện.

- Báo cáo hoạt động của Bộ Công chánh và Giao thông.

- Báo cáo về việc khai thác đường hàng không ở Việt Nam.

- Tài liệu về việc sửa chữa các quốc lộ.

- Tài liệu về việc đặt các bưu cục tại các tỉnh lỵ.

13. Tài liệu về nông - lâm - ngư nghiệp

- Tài liệu về tình hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, đê điều, khí tượng thủy văn, lâm, ngư nghiệp.

14. Tài liệu về văn hóa thông tin, thể dục thể thao

- Tài liệu về việc tổ chức các ngày lễ, tết.

- Tài liệu về việc tổ chức các giải thưởng văn học nghệ thuật.

- Tài liệu về việc xin xây cất đền thờ.

- Tài liệu về việc kiểm duyệt báo chí, ấn phẩm.

- Tài liệu về thể dục thể thao, về hoạt động của Hội Hướng đạo Việt Nam.

15. Tài liệu về giáo dục.

- Tài liệu về tình hình giáo dục, chính sách cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ở Pháp và ngoại quốc.

- Tài liệu về việc cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ở Pháp.

16. Tài liệu về y tế.

- Tài liệu về các hội nghị của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Tài liệu về việc kiểm soát các hiệu thuốc, xin mở hiệu thuốc, dược phẩm.

17. Tài liệu về xã hội.

- Tài liệu về việc cứu trợ các nạn nhân bị hỏa hoạn, lũ lụt.

18. Tài liệu về đoàn thể.

- Quy chế các hiệp hội ở Bắc Việt.

- Hoạt động của các hội đoàn, Hội Nam Việt Tương tế ở Bắc Việt.

19. Tài liệu về lao động.

- Tài liệu về việc sửa đổi Bộ Luật Lao động.

- Tài liệu về việc Việt Nam tham dự các hội nghị quốc tế về lao động.

- Tài liệu về việc đình công của công nhân, thống kê nhân công ở Việt Nam.

20. Hoạt động riêng biệt của Thủ tướng và các nhân vật khác

- Hồ sơ các cuộc kinh lý của Thủ tướng.

- Các cuộc phỏng vấn Thủ tướng của các ký giả ngoại quốc.

- Tài liệu về việc Thủ tướng Chính phủ tiếp xúc với dân chúng ở Bắc Việt tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội.

- Các bài diễn văn của Thủ tướng.

- Các đơn xin yết kiến Thủ tướng.

TÀI LIỆU THỜI KỲ VIỆT NAM CỘNG HÒA

PHÔNG PHỦ TỔNG THỐNG ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA (1954 - 1/11/1963)

* **Số lượng tài liệu:** 460,25 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1954 - 1/11/1963
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy), bản đồ, ảnh
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 16/6/1954 với Sắc lệnh số 38-QT, Quốc trưởng Bảo Đại đã chỉ định Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng để thành lập Chính phủ[1]. Tiếp theo, ngày 19/6/1954 Quốc trưởng Bảo Đại giao toàn quyền về dân sự và quân sự cho Ngô Đình Diệm vì lý do vắng mặt ở Việt Nam[2].

Sau khi được giao một quyền hạn rộng lớn về mọi mặt đối nội, đối ngoại, quân sự, dân sự,... trong phiên họp của "Hội đồng Nhân dân Cách mạng" ngày 8/5/1955 đã tuyên bố truất phế Bảo Đại và ủy nhiệm cho Ngô Đình Diệm thành lập Chính phủ lâm thời. Dụ số 8 và 9 ngày 23/1/1956 đã triệu tập và ấn định thể thức bầu cử Quốc hội lập hiến. Thực tế, Quốc hội này chỉ nghiên cứu, thảo luận một dự án Hiến pháp do Tổng thống chuyển đến. Ngày 4/3/1956 Quốc

1 Công báo VNCH năm 1954, tr. 1355.

2 Công báo VNCH năm 1954, tr. 1496.

hội được bầu xong. Ngày 17/4/1956, Ngô Đình Diệm đã chuyển đến Quốc hội bản thông điệp nêu lên những nguyên tắc làm nền tảng cho chính thể mới. Thông điệp này phê phán sự lỗi thời của chế độ dân chủ cổ điển đã làm suy yếu vai trò hành pháp, không thích ứng với hoàn cảnh xã hội Việt Nam. Thông điệp quy định sự phân biệt quyền hạn giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp "Chủ quyền thuộc về toàn dân, Quốc hội có quyền lập pháp, Tổng thống dân cử có quyền hành pháp". Ngày 26/10/1956, Hiến pháp VNCH được ban hành, văn kiện này tạo cơ sở pháp lý cho chính quyền Ngô Đình Diệm, nhằm hợp thức hóa quyền lãnh đạo đã được thực thi từ trước khi có Hiến pháp. Theo Hiến pháp năm 1956, Quốc hội giữ quyền lập pháp do dân cử. Tổng thống giữ quyền hành pháp cũng do dân cử. Hai quyền này hoàn toàn độc lập. Như vậy trong suốt nhiệm kỳ cầm quyền 5 năm, Tổng thống chỉ chịu trách nhiệm trước quốc dân là thành phần trực tiếp bầu ra Tổng thống, các cơ quan Tư pháp, Lập pháp không có quyền giải nhiệm, truất phế hay tuyên bố bất tín nhiệm Tổng thống. Quyền truất phế Tổng thống phải do cử tri, có nghĩa là phải hết một nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng thống là 5 năm. Nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống bắt đầu từ ngày 26/10/1956 - ngày ban hành Hiến pháp và chấm dứt vào ngày 30/4/1961. Ngày 9/4/1961 Ngô Đình Diệm đã tái cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Quyền chỉ huy của Tổng thống được thể hiện dưới nhiều hình thức[1]:

* ***Về phương diện ngoại giao:***

- Tổng thống ký kết và phê chuẩn các Điều ước và Hiệp định quốc tế (sau khi được Quốc hội chấp thuận).

- Tổng thống bổ nhiệm các Sứ thần Việt Nam và tiếp nhận ủy nhiệm thư của đại diện ngoại giao các nước.

- Tổng thống thay mặt quốc gia để giao thiệp với ngoại quốc.

- Tổng thống tuyên chiến và ký hòa ước với sự thỏa thuận của Quốc hội.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 35 - 37.

* ***Về phương diện dân sự:***

Tổng thống điều khiển tất cả các cơ quan hành pháp trong nước. Các cơ quan hành pháp được phân chia thành 14 bộ như sau: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Kinh tế, Bộ Thông tin và Thanh niên, Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Bộ Canh nông, Bộ Công chánh và Giao thông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Bộ Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.

Mỗi bộ đặt dưới quyền một vị Bộ trưởng do Tổng thống bổ nhiệm và chịu trách nhiệm đối với Tổng thống về mặt chính trị cũng như về mặt chuyên môn.

Riêng Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có nhiệm vụ phụ tá Tổng thống về các công việc trong Phủ. Các Bộ trưởng là cộng sự viên của Tổng thống nhóm họp thành Hội đồng Nội các, dưới quyền chủ tọa của Tổng thống để bàn xét các vấn đề quan trọng trong nước.

* ***Về phương diện quân sự:***

Tổng thống là Tư lệnh Tối cao các lực lượng quân sự và bổ nhiệm, cách chức các tướng sĩ, công chức ngành quân sự.

* ***Về phương diện tư pháp:***

Tổng thống sử dụng quyền ân xá, ân giảm, hoán cải hình phạt.

* ***Về phương diện tài chính:***

Tổng thống lập dự án ngân sách chuyển sang Quốc hội thảo luận.

Tóm lại, Tổng thống là người đứng đầu cơ quan Chính phủ và là người tổ chức, ấn định kế hoạch vừa là người chỉ đạo thực hiện. Các Bộ trưởng đều do Tổng thống bổ nhiệm, đặc trách một công tác riêng của mình trong kế hoạch chung do Tổng thống ấn định và chỉ chịu trách nhiệm trước Tổng thống mà không qua một cấp chỉ huy trung gian nào cả. Như vậy Tổng thống có quyền ký Sắc lệnh hay các Sắc luật với tư cách Quốc trưởng và ký Nghị định với tư cách Thủ tướng Chính phủ. Đối với các vấn đề có tính cách lập pháp, trước ngày có Quốc hội lập pháp, Tổng thống quyết định bằng Dụ sau khi Hội đồng Nội các thảo luận. Trong trường hợp khẩn cấp, giữa hai khóa họp của Quốc hội,

Tổng thống có quyền ký Sắc luật nhưng phải chuyển đến Quốc hội ngay sau đó. Nếu Quốc hội không bác bỏ, các Luật sẽ trở thành Đạo luật. Tổng thống còn có quyền đề nghị sửa đổi Hiến pháp hoặc đưa Quốc hội ủy quyền ký Sắc luật trong thời hạn nhất định. Đúng ra, Quốc hội là cơ quan cao nhất do dân cử và có quyền lập pháp. Nhưng thực chất Quốc hội chỉ là một tổ chức để hợp pháp hóa việc ban hành luật lệ, các chế độ, chính sách do Tổng thống dự định trước.

Tổ chức Phủ Tổng thống gồm hai cơ quan nòng cốt là Văn phòng Phủ Tổng thống (Nha Đổng lý Văn phòng) và Tòa Tổng Thư ký.

Ngoài hai cơ quan trên còn có Văn phòng Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống trực thuộc Tổng thống. Nha Đổng lý Văn phòng được cải tổ theo Nghị định số 126/TTP/ĐL ngày 3/1/1954 và được sửa đổi bởi các Nghị định: số 154-TTP/VP/KT ngày 4/10/1954, số 183-TTP/VP/KT ngày 17/10/1955, số 662-TTP/CV ngày 1/3/1956, số 1266-TTP/NV ngày 15/5/1956, số 3020-TTP/NV ngày 24/12/1956, số 1321-TTP/NV ngày 28/8/1957, số 969-TTP/VP ngày 5/6/1958, số 805-TTP/VP ngày 11/6/1959, số 888-TTP/VP ngày 4/9/1961.

* ***Văn phòng Tổng thống phụ trách[1]:***

- Việc phân phối thư từ, công văn và hồ sơ gửi đến cho Tổng thống.

- Chuyển đạt tới các Bộ, các cơ quan hay các tỉnh chỉ thị hay mệnh lệnh của Tổng thống và theo dõi việc thi hành các chỉ thị, mệnh lệnh này.

- Chuẩn bị hồ sơ, các vấn đề trình Hội đồng Nội các và theo dõi việc thi hành những Quyết định này cùng với Tòa Tổng Thư ký.

- Phụ trách các vấn đề có tính cách mật chung, các việc đặc biệt quan hệ và khẩn bách thuộc phạm vi: chính trị, ngoại giao, quân sự, an ninh lãnh thổ, hành chính, tiền tệ, di cư, dinh điền, xã hội.

- Đệ trình Tổng thống các vấn đề riêng biệt về nhiệm vụ, tư nhân hoặc đoàn thể.

- Tổ chức các cuộc du hành hay kinh lý của Tổng thống, tổ chức hoặc phối hợp công việc tổ chức các cuộc lễ lớn trong nước.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 40.

- Tổ chức hoặc phối hợp công việc tổ chức các cuộc đưa rước các thượng khách ngoại quốc viếng thăm.

- Theo dõi và trình Tổng thống các cuộc điều tra của Nha Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính.

- Lược trình Tổng thống các báo cáo đặc biệt của các Bộ, các Tòa Đại biểu Chính phủ và của các nhân viên cao cấp được Tổng thống giao phó một công cán, một trách vụ riêng.

- Cấp giấy công lệnh và giấy chuyên chở.

- Cấp thưởng và truy tặng huy chương.

Thanh toán và chuẩn bị ngân sách Phủ Tổng thống và chuẩn chi ngân sách các cơ quan trực thuộc.

* ***Tổ chức Văn phòng Phủ Tổng thống gồm[1]:***

Văn phòng Đặc biệt, Nha Báo chí, Nha Nghi lễ, Nha Giao tế, Sở Nội dịch, Nha Nhân viên và Kế toán, Sở Mật mã và Bí thư, Tham mưu Biệt bộ, Lữ đoàn Liên binh phòng vệ Phủ Tổng thống, Sở Văn thư và Lưu trữ công văn, Sở Hộp thư Dân ý.

* ***Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống[2]:***

Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống là Tòa Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng trước kia, được tổ chức theo Nghị định số 22Cab/Prés ngày 17/6/1952 của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi bởi Nghị định số 166-PTT ngày 26/11/1954. Từ đó cho đến năm 1962, trong khi Nha Đổng lý Văn phòng được cải tổ nhiều lần, Tòa Tổng Thư ký vẫn giữ nguyên tổ chức cũ.

Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống đặt dưới quyền điều khiển của ông Tổng Thư ký, có một Phó Tổng Thư ký phụ tá phụ trách các vấn đề: hành chính và chính trị cần được nghiên cứu kỹ, nhất là các vấn đề liên quan đến thẩm quyền nhiều Bộ.

Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống chú trọng giữ cho có sự thống nhất quan điểm cần thiết trong các luật lệ.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 40 - 41.

2 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 42.

Ngoài việc nghiên cứu kể trên, Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống có nhiệm vụ:

- Lập các hồ sơ lưu trữ vĩnh viễn trong Văn khố Quốc gia.

- Tập trung các hồ sơ nguyên tắc, sưu tầm các tài liệu về mọi vấn đề pháp lý, hành chính và chính trị để tạo thành một Văn khố dùng vào việc tham khảo nói chung.

- Thâu nhận và lưu trữ hồ sơ của các Bộ bị giải tán để lâm thời giao lại cho các Bộ nào tiếp lãnh nhiệm vụ của các Bộ cũ.

Về phương diện hành chính, Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống tương đối có đủ tài liệu tham khảo. Vì vậy, các dự án luật lệ trình lên Tổng thống (hoặc một vị Bộ trưởng nào) ban hành, đều được đưa qua Tòa Tổng Thư ký để kiểm tra lại xem có điều gì mâu thuẫn với luật lệ hiện hành hay không.

Trong trường hợp dự án có những điều khoản trái ngược với luật lệ hiện hữu, hoặc với một dự án của một Bộ khác không được biết dự án trên, cũng như trong trường hợp đó có ảnh hưởng vào địa hạt lân cận, mà chưa có một sự trao đổi ý kiến giữa các Bộ liên hệ, Tòa Tổng Thư ký đều trình bày nhận xét riêng và yêu cầu các Bộ này liên lạc với nhau để tìm một giải pháp thích ứng. Nếu xét thấy cần, Tòa Tổng Thư ký tự hỏi ý kiến Bộ Tư pháp về các dự án hành chính có thể có ảnh hưởng vào địa hạt tư pháp.

* ***Tổ chức Tòa Tổng Thư ký gồm[1]:***

Phòng Văn thư, Sở Hành chính Tổng quát và Sưu tầm Tài liệu, Sở Công báo VNCH và ấn loát phẩm chính thức.

* ***Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống[2]:***

Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có nhiệm vụ giúp Tổng thống về các vấn đề Tổng thống giao phó, ngoài ra còn có nhiệm vụ phối hợp các công việc và kiểm soát các cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 42.

2 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 39.

như: Nha Ngân sách, Nha Tổng Giám đốc Công vụ, Nha Tổng Giám đốc Kế hoạch,...

Như vậy không có một "Bộ" Phủ Tổng thống với những Nha, Sở riêng cho "Bộ" đó, mà chỉ có ông Bộ trưởng giúp việc Tổng thống ngay tại Dinh Độc Lập, vì thế các Nha, Sở trong Dinh đều làm việc dưới sự phối hợp của ông Bộ trưởng, cũng như dưới quyền điều động trực tiếp của ông Đổng lý Văn phòng và ông Tổng Thư ký.

Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có một Đổng lý Văn phòng giúp việc.

Ngoài các Nha, Sở trực thuộc còn có một số Hội đồng do Tổng thống hoặc ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống thừa lệnh chủ tọa như

- Hội đồng Quốc gia Ngoại viện.

- Hội đồng Ủy ban Thống kê.

- HĐQT Quốc gia Doanh tế cục.

- Hội đồng Du học.

Đó là chưa kể các cuộc hội thương có tính cách bất thường không ấn định bởi các văn kiện, nhưng được ông Bộ trưởng thừa lệnh Tổng thống nhóm họp mỗi khi cần các Bộ, Nha, hay các tỉnh sở liên quan về những vấn đề quan trọng.

Ngoài ba cơ quan chính nói trên, Phủ Tổng thống còn có các cơ quan chuyên môn sau:

* ***Sở Nghiên cứu Chính trị và Xã hội:***

Báo cáo lên Tổng thống tình hình về phương diện chính trị, quân sự, hành chính, kinh tế, xã hội và đệ trình những đề nghị cần ích về các ngành hoạt động.

* ***Nha Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ:***

Nha Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ được thành lập do Nhiệm vụ lệnh số 2.410-TTP/VP ngày 10/9/1956, có nhiệm vụ: "Theo dõi các hoạt động, dưới mọi hình thức của người Hoa kiều trong toàn quốc, nhất là tại Sài Gòn - Chợ Lớn".

* ***Ban Chuyên viên Kỹ thuật:***

Được thành lập do Sự vụ lệnh số 294-TTP ngày 16/2/1959, gồm có một số chuyên viên, có nhiệm vụ:

- Xem xét tại chỗ về phương diện kỹ thuật, quá trình tiến hành các công tác dân sự hay quân sự.

- Giúp đỡ các cơ quan chuyên trách nghiên cứu và thực hiện các đồ án quan trọng (ước lượng nhu cầu và trị giá cho sát thực tế, sử dụng tiết kiệm và bảo toàn vật liệu, dụng cụ, phân phối, hướng dẫn và tận dụng nhân viên chuyên môn),...

- Góp ý kiến với những vụ đấu thầu cung cấp vật liệu, dụng cụ, hoặc tiếp nhận những công tác đã hoàn thành.

- Cứu xét những hồ sơ kỹ thuật và trình bày nhận xét lên Tổng thống.

Ngoài ra những công việc giao cho chuyên viên kỹ thuật, nếu có tính cách quan trọng sẽ được chỉ định mỗi lần bằng Sự vụ lệnh.

* ***Các Tham vụ và Phụ tá Chuyên môn:***

Được thành lập do Sắc lệnh số 102-TTP ngày 19/7/1956, có nhiệm vụ: sưu tầm, khảo sát về những vấn đề do Tổng thống giao phó.

Thời kỳ hoạt động của Ngô Đình Diệm trải qua hai hình thức tổ chức cơ quan lãnh đạo nhà nước:

- Chế độ Quốc trưởng và Thủ tướng 1954 - 10/1955 dưới sự giúp đỡ và ủng hộ của Pháp.

- Chế độ Tổng thống (Đệ nhất Cộng hòa) từ tháng 10/1955 đến 1/11/1963 dưới sự giúp đỡ và ủng hộ của Mỹ.

Dưới chế độ Quốc trưởng và Thủ tướng thì quyền hành từ lập pháp, hành pháp đến tư pháp đều tập trung trong tay Quốc trưởng.

Chế độ Đệ nhất Cộng hòa quyền hành tập trung triệt để vào tay Tổng thống. Chính vì vậy có thay đổi và thành lập thêm một số tổ chức nhỏ để thích hợp với chính thể mới. Nhưng về cơ bản nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức nội phủ để điều hành công việc thường xuyên của một cơ quan lãnh đạo nhà nước thì vẫn giữ nguyên như thời kỳ 1949 - 1954 và hầu như không có gì thay đổi.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu chung (1954 - 1963)

- Dự thảo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, 5 năm lần thứ hai của Chính phủ VNCH.

- Báo cáo tình hình KT-XH 7 năm của các cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế, Bộ Công chánh và Giao thông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Bộ Canh nông, Bộ Giáo dục, Bộ Lao động,...

- Tài liệu về thành tích hoạt động 9 năm của Chính phủ từ ngày 7/7/1954 đến 7/7/1963.

- Báo cáo hoạt động 1 năm của Chính phủ.

- Báo cáo hoạt động tháng, quý, năm của các Nha, Sở thuộc Phủ Tổng thống, các Bộ, Tòa Đại biểu Chính phủ, các tỉnh.

- Báo cáo của Phái đoàn công tác Trung ương về tình hình chung tại đảo Phú Quốc (Kiên Giang).

- Biên bản các phiên họp Hội đồng Liên bộ.

- Biên bản Hội nghị các Thị trưởng, Tỉnh trưởng Trung Việt, các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Long Xuyên, Hội đồng Đô thành; Biên bản Hội nghị thường kỳ hàng tháng của các tỉnh.

- Biên bản Hội nghị các Quận trưởng, Ty, Sở của các tỉnh.

- Biên bản Hội nghị Hành chính và chuyên môn của Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần tại Đà Lạt.

- Tài liệu về việc Chính phủ Ấn Độ đề nghị phát triển các liên lạc về kinh tế, văn hóa và kỹ thuật với Việt Nam.

- Tài liệu địa phương chí các tỉnh: Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên, Kon Tum, Chợ Lớn, Gia Định, Vũng Tàu, Tây Ninh, Long Xuyên, Ba Xuyên, Châu Đốc, Kiên Giang.

2. Tổ chức (1954 - 1963)

- Dự thảo Hiến pháp VNCH, sửa đổi Hiến pháp.

- Tài liệu về việc thành lập Ủy ban Soạn thảo Hiến pháp và các phiên họp.

- Tài liệu về tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.

- Tài liệu về việc thiết lập, thành phần Chính phủ.

- Bầu cử Quốc hội lập hiến.

- Tài liệu về các khóa họp Quốc hội thường lệ.

- Luật bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống và Quốc hội.

- Tiểu sử các dân biểu, các cuộc thăm viếng trong và ngoài nước của các đại biểu Quốc hội.

- Tài liệu về ranh giới lục tỉnh có biên giới với Cao Miên.

- Tài liệu về ranh giới mới của tỉnh Bình Thuận.

- Tài liệu về việc sửa đổi ranh giới của 3 tỉnh: Phú Yên, Pleiku, Đắk Lắk.

- Tài liệu bàn giao vùng Ndreng của tỉnh Phước Long cho tỉnh Lâm Đồng.

- Tài liệu về việc sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Quảng Nam.

- Tài liệu về tình hình biên giới tỉnh Kiến Tường - Cao Miên.

- Tài liệu thành lập nền hành chính xã, thành lập các quận: Hương Mỹ tỉnh Kiến Hòa, Kiên Long tỉnh Kiên Giang, Đức Long - tỉnh Phong Dinh, tái lập quận Vĩnh Châu - tỉnh Ba Xuyên, điều chỉnh hiện trạng hành chính một số quận tại tỉnh Pleiku, phân chia các quận tại Đô thành Sài Gòn ra nhiều phường, bảng kê của Bộ Nội vụ về các quận, xã trong toàn quốc, danh sách các ấp thuộc các tỉnh miền Tây Nam phần.

- Bầu cử Hội đồng xã.

- Tài liệu về việc chuyển các quyền hạn của Đại biểu Chính phủ cho các cán bộ và sự ủy quyền của các Bộ trưởng cho các Tỉnh trưởng, quyền triệu tập các Tỉnh trưởng tham dự hội nghị, họp.

- Tài liệu về việc nghiên cứu ảnh hưởng của 10 Sắc luật "cải tổ cơ cấu kinh tế và tài chính quốc gia", Luật "Bảo vệ luân lý". Quyết nghị, công văn của Quốc hội tán trợ quốc sách ấp chiến lược.

- Tài liệu về việc cải tổ Chính phủ, tổ chức Phủ Tổng thống và các Bộ, tổ chức Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, thành lập Nha Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính, các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, ấn định lại các quản hạt của Tòa án Quân sự và sửa đổi thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt, tổ chức Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt, bàn giao Trung tâm Huấn luyện, thành lập Bộ Tư lệnh Lục quân, Ủy ban liên Bộ Đặc trách ấp chiến lược, tài liệu về việc tổ chức lãnh thổ và phân nhiệm cho các đơn vị Quân đội VNCH, tài liệu bàn giao Tiểu khu 32 và 33 chiến thuật giữa Thiếu tướng Tôn Thất Đính và Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, thành lập chi khu quân sự An Lạc, bàn giao yếu điểm Nhà Bè cho Biệt khu Thủ đô,...

- Tài liệu về việc tiếp nhận, bổ nhiệm, điều động, thăng thưởng, kỷ luật nhân sự các cơ quan, danh sách các cấp chỉ huy, nhân viên tòng sự tại các cơ quan nội phủ, các Bộ.

3. Thi đua khen thưởng (1954 - 1963)

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về việc kê và thiết lập các loại huy chương cho các ngành; thiết lập "Trung dũng Bội tinh"; Huy chương "Canh nông Bội tinh" cho Bộ Canh nông; thiết lập, ấn định đẳng cấp và thăng thưởng Huy chương "Kim khánh"; ảnh, tranh vẽ mẫu các huy chương VNCH, tài liệu của Bộ Nội vụ về việc xin thiết lập huy hiệu riêng cho Bộ Nội vụ và các nha trực thuộc. Tài liệu về việc làm Huy chương Dân vệ.

- Sắc lệnh, Nghị định về việc ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh, Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân trong nước có thành tích, ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân nước ngoài.

- Hồ sơ về việc ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân trong dịp lễ tuyên thệ ở Ban Mê Thuột, ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh, Bảo quốc Huân chương cho các nhân viên cảnh sát, công an và các sĩ quan biệt phái giúp việc tại Nha này, ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh cho Liên đoàn công chức Cách mạng Quốc gia có thành tích trong cuộc trưng cầu dân ý, ân thưởng Đệ Nhị hạng Chương Mỹ Bội tinh cho các cá nhân tỉnh Mỹ Tho.

Tài liệu về việc hợp thức hóa Anh dũng Bội tinh cho công chức các tỉnh Trung Việt, tài liệu về việc cấp huy chương cho nhân viên ngoại quốc tùng sự giúp "Chiến dịch Bác Ái" tại Việt Nam; Tài liệu đề nghị khen thưởng huy chương kỳ thường lệ, ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho cán bộ công chức ngành y tế, công chánh, truy tặng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân tỉnh Kiến Hòa.

4. Nội an (1954 - 1963)

- Bản tóm tắt phúc trình hàng ngày của các tỉnh về tình hình an ninh, chính trị.

- Tờ trình tổng quát hàng tháng của Tòa Đại biểu Chính phủ Trung Việt, các tỉnh về hoạt động quân sự, chính trị của Việt cộng, phiến loạn tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Bình Định, Bình Thuận, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Pleiku, Long An, Tây Ninh, Kiên Giang,...

- Bản tin tức của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu về tình hình các nước Á châu, Việt Nam qua đài phát thanh Việt cộng.

- Tài liệu hoạt động của Phái đoàn Cố vấn Anh tại Việt Nam.

* ***Quân sự:***

- Phúc trình hoạt động và chương trình công tác hàng tháng, năm của Bộ Quốc phòng, Tham mưu Biệt bộ, Tiểu đoàn An ninh Phủ Tổng thống, tài liệu của Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu về tình hình Á châu.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Thiếu tướng Aubert về việc vận chuyển quân lực Pháp.

- Tài liệu của Phòng Quân huấn về công tác huấn luyện trong nước và du học ở nước ngoài.

- Bản tin tức của Tham mưu Biệt bộ về hoạt động của Việt cộng và các lực lượng giáo phái. Tờ trình, công văn của Nha An ninh Quân đội, Tiểu đoàn an ninh Phủ Tổng thống về tình hình an ninh. Công văn của Văn phòng Phủ Tổng thống về việc cấp giấy thông hành đặc biệt cho nhân viên Pháp, quân đội Pháp giam giữ 5 công dân Việt Nam.

- Tài liệu của Nha An ninh Quân đội về việc Pháp giúp Việt cộng dời cơ quan ở trụ sở Ủy hội Quốc tế tại Sài Gòn, Gia Định, Vũng Tàu.

- Tài liệu về chiến dịch bình định miền Tây Nam Việt.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Nha Tổng Giám đốc Bảo an, phúc trình của Hiến binh Quốc gia về tình hình an ninh hàng ngày tại các tỉnh. Tài liệu của Phủ Tổng thống, Hiến binh Quốc gia về việc Nha Hiến binh Quốc gia được chiếm đóng doanh trại Lý Thái Tổ I và II do quân đội Pháp trao trả. Thuyết trình, điệp văn của Hiến binh Quốc gia về nhu cầu khẩn cấp và cấp phát quân xa.

- Tài liệu của Nha Quân vụ về việc di chuyển bất hợp pháp máy phát điện và khám phá âm mưu cung cấp máy phát thâu thanh cho các lực lượng phiến loạn.

- Tài liệu về hoạt động của ngành quân pháp.

- Dụ của Tổng thống VNCH quy định việc chế tạo, buôn bán mang và giữ vũ khí cùng đạn dược trên lãnh thổ Việt Nam.

- Tài liệu về kết quả các cuộc hành quân tại tỉnh Kiến Tường, tài liệu về việc bắt giữ thường dân và khám xét tư gia.

- Bản đồ khu phi quân sự Bến Hải, tỉnh Quảng Trị.

- Tài liệu về việc tỉnh Quảng Ngãi xin tăng cường quân lực để phòng ngự miền thượng du. Tài liệu về chiến dịch bình định miền thượng du Quảng Ngãi.

- Tài liệu về hoạt động của Nha Địa dư Quốc gia, bản đồ quân sự về hệ thống giao thông VNCH, vị trí đồn điền, dinh điền và nông trường định cư tỉnh Đắk Lắk, Long Khánh.

- Phúc trình của Hải quân Việt Nam về hoạt động của giang lực, hải lực, viễn thông.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về việc chiếm đóng và hoạt động xung quanh đảo Hoàng Sa, Cù Lao Ré...

- Tài liệu ấn định thành phần thực phẩm áp dụng cho binh sĩ quân đội VNCH.

- Tài liệu về việc Tổng thống viếng thăm Quân y Viện Cộng hòa.

- Tài liệu về trận liệt Việt cộng tại Trung phần, Vùng I chiến thuật, Vùng II chiến thuật, Khu 31 chiến thuật.

- Tập đồ thị và bảng so sánh lực lượng, tổn thất của Việt cộng và VNCH, các bản tin hàng ngày về tình hình miền Bắc Việt Nam.

- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của Ủy ban 202: phá hủy ruộng rẫy và diệt trừ mùa màng Việt cộng bằng hóa chất 2R, khai quang đồn bốt, các yếu điểm và cơ cấu tiếp vận của Việt cộng bằng hóa chất 2op, khai quang các trục lộ giao thông bằng hóa chất 2ot.

- Tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu về việc khai thác báo cáo của Việt cộng về trận đánh Ấp Bắc.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống về việc hướng dẫn các cá nhân phái đoàn ngoại quốc thăm các cơ quan quân sự VNCH.

- Tài liệu về chế độ quân dịch, tình trạng quân dịch của những người có gốc tịch Miên ở Việt Nam.

- Tài liệu về việc Việt cộng tuyên truyền chống quân dịch.

- Tài liệu về việc các công sở, cá nhân xin hoãn dịch.

- Tài liệu của Phòng III, Phòng Quân huấn về việc tổ chức các khóa học tại trường Đại học Quân sự; tài liệu về huấn luyện đào tạo tại Trường Biệt động đội và Thể dục Nha Trang, Trường Quân báo và Chiến tranh Tâm lý, Trung tâm Huấn luyện Quang Trung; tài liệu về huấn luyện cán bộ chiến tranh tâm lý, huấn luyện bộ binh, công binh.

* ***An ninh:***

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, các tỉnh về các hoạt động chống phá Chính phủ.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung nguyên Trung phần, Nha Cảnh sát và Công an Quốc gia về quân sự của Việt cộng tại Bắc vĩ tuyến và tình hình khu phi quân sự.

- Tài liệu về hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo, bắt và xét xử thủ lĩnh Hòa Hảo Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, hoạt động của Cao Đài, Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Liên Minh.

- Tài liệu về việc thiết lập an ninh và trật tự cho đồng bào vùng thánh địa Tây Ninh, giao nhận, kiểm soát đồn bót, vũ khí, đạn dược của quân đội Cao Đài về hợp tác với Chính phủ VNCH. Tài liệu về hoạt động của Bình Xuyên, hoạt động của Lê Văn Viễn.

- Tài liệu về việc kiểm soát lưu thông vùng biên giới Việt - Miên - Lào.

- Tài liệu về việc giao phó một số công tác hành chính cho Bảo an ở những vùng xa lánh, giao thông khó khăn chưa được tổ chức hành chính.

- Tài liệu về cuộc hành quân của Bảo an tại Phong Định và Vĩnh Bình.

- Báo cáo hoạt động hàng tuần, tháng, năm của Nha Tổng Giám đốc Bảo An; Tài liệu về việc di chuyển binh sĩ Bảo an vào Nam và lên cao nguyên để thay thế các trung đoàn địa phương đã giải tán, phân phối quân số Bảo an để đảm bảo trật tự an ninh lãnh thổ tại các tỉnh.

- Tài liệu về việc Pháp duy trì một cơ quan tình báo tại Sài Gòn.

- Tài liệu về tình hình an ninh tại Đô thành Sài Gòn và các địa phương. Tài liệu về việc truy nã cán bộ Việt cộng từ Trung Việt đổi vùng vào Nam hoạt động; tập bảng kê của Bộ Thông tin về các vụ mưu sát, ám sát và khám phá được vũ khí. Tài liệu của Bộ Nội vụ về hoạt động mậu dịch của Trung cộng tại Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tài liệu về việc tố cáo hành vi bất chính, lạm quyền của Cảnh sát Trưởng tỉnh Vĩnh Long và nhân viên Ty Hiến binh Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Tài liệu về việc xung đột giữa quân nhân Bảo an, Cảnh sát, Dân vệ, nhân viên hành chính và biện pháp giải quyết.

- Tài liệu về việc trục xuất ngoại kiều, quản trị, kiểm soát Hoa kiều trên lãnh thổ Việt Nam, đổi thẻ căn cước.

- Tài liệu của Hội đồng An ninh về việc cải tổ lãnh thổ các vùng chiến thuật.

* ***Chính trị:***

- Tài liệu về hoạt động của Việt cộng tại Cao Miên, hoạt động kinh tế mậu dịch của Việt cộng tại Nhật Bản. Tài liệu của Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu về tình hình Á châu. Tài liệu về việc Việt kiều tại Pháp ủng hộ chính quyền Bắc Việt và đòi hiệp thương thống nhất đất nước.

- Tài liệu về tình hình an ninh trong dịp bầu cử Quốc hội, bầu cử Tổng thống VNCH.

- Tài liệu về việc dân chúng phản đối chính quyền tỉnh Bạc Liêu ép dân đi đắp đê.

- Biên bản các cuộc hội thương tại Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn, Báo cáo hoạt động của Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn, tài liệu về công cuộc định cư đồng bào di cư tỵ nạn tại Ban Mê Thuột, các trại vùng Cái Sắn, các trại định cư tại Đà Lạt, La Ngà, Pleiku. Thống kê dân số tại các trại định cư Nam Việt, Trung Việt, Cao nguyên miền Nam. Tài liệu của Tòa Đại biểu Chính phủ về chương trình di dân lên vùng thượng du Trung Việt.

- Tài liệu về việc gian lận tại Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn, điều tra một số linh mục tại trại định cư ở Tây Ninh, Chợ Lớn.

- Báo cáo tổng quát về tình hình chính trị của Văn phòng Bác sĩ Nguyễn Kim Tuyến, tỉnh Phú Yên.

- Tài liệu về tình hình chính trị tại các tỉnh và các nông trường ở Nam phần, Trung phần.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về biện pháp để đối phó với các hoạt động của Việt cộng đòi tổng tuyển cử.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an về việc điều tra các đoàn thanh niên lao động của Việt cộng.

- Tài liệu của Tỉnh trưởng Quảng Nam về việc cán bộ trung kiên Việt cộng tự sát để bảo tồn cơ sở, tài liệu về việc theo dõi và lập hồ sơ các phần tử nguy hiểm, tài liệu về chiến dịch tố cộng tại các tỉnh.

- Tài liệu của Tòa Đại sứ VNCH tại Pháp về hoạt động của Nguyễn Tôn Hoàng - Chủ tịch Đảng Đại Việt.

- Tài liệu về hoạt động của Đảng Nguyễn Long Châu, Đảng "Nhân dân", Đảng Đại Việt.

- Tài liệu về hoạt động của Chính phủ lưu vong Bảo Đại, hoạt động của Tổ chức Hòa bình chung sống.

* ***Thanh tra:***

- Phúc trình thanh tra của Tham vụ chuyên môn Phủ Tổng thống về hoạt động của hàng không dân sự, phi trường Tân Sơn Nhất, bưu điện và các tiệm Hoa kiều.

- Phúc trình của Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính về hoạt động của các cơ quan Bình dân Nông nghiệp Tín dụng; kết quả thanh tra tỉnh Biên Hòa và tình hình tại trại giam Chí Hòa.

- Tài liệu về tình trạng phạm nhân chính trị bị lực lượng Cảnh sát, Công an Nam Việt bắt giam.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Bộ Nội vụ về việc giải quyết tình trạng phạm nhân chính trị sau các cuộc thanh tra.

- Tài liệu về việc bắt giam nhân viên của Nghiệp đoàn Nông dân tại Gò Công.

- Tài liệu về việc điều tra hành vi ám muội của công chức cao cấp và nhân viên Nha Công chánh Cao nguyên miền Nam.

- Tài liệu về việc thanh tra Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn.

- Tài liệu của Văn phòng Bộ trưởng, Phủ Tổng thống, Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần về việc thanh tra các tỉnh Nam phần.

- Tài liệu về việc thanh tra Trung tá Huỳnh Văn Tư - nguyên Tỉnh trưởng Ba Xuyên (Sóc Trăng).

* ***Tư pháp:***

- Phúc trình hoạt động hàng tháng, quý, năm của Bộ Tư pháp.

- Tài liệu về việc sửa đổi Bộ Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Tài liệu về việc bổ túc Dụ cho phép các cơ quan tài phán tuyên bố hình phạt theo đồng bạc Việt Nam.

- Tài liệu về việc ban hành Dụ ấn định những tội do quân nhân phạm pháp trong lúc chiến tranh hay trong các cuộc hành quân tảo thanh.

- Tài liệu về sửa đổi Bộ Luật Cải cách thi hành án tử hình, trừng phạt tội phạm chống nền an ninh quốc ngoại, ban hành Sắc lệnh ấn định những thể thức xét đơn khai về quốc tịch, nhập tịch, hồi tịch và bỏ quốc tịch Việt Nam. Ban hành Dụ ấn định thể thức đặt tên cho trẻ sơ sinh và xin đổi họ, tên trẻ sơ sinh có quốc tịch Việt Nam.

- Tài liệu về người nước ngoài xin nhập quốc tịch Việt Nam và việc Ty Mộ nhân kêu gọi công nhân Việt Nam nhập quốc tịch Pháp.

- Tài liệu về việc xét xử các vụ án dân sự, ấn định thể thức đại ân xá cho các chính trị phạm.

- Tài liệu về ân xá cho các tội phạm nhân dịp lễ, tết và các ngày khánh tiết.

- Tài liệu về Dự án Luật hủy bỏ án chính trị thời Pháp thuộc.

5. Ngoại vụ (1954 - 1963)

- Phúc trình hoạt động năm của Bộ Ngoại giao.

- Tài liệu về hội nghị các Trưởng phái đoàn Bộ Ngoại giao và Lãnh sự Việt Nam.

- Tài liệu liệt kê các hội nghị quốc tế Việt Nam đã tham dự.

- Tài liệu về việc phái đoàn Việt Nam do ông Đoàn Thêm hướng dẫn sang thăm Nhật Bản và Phi Luật Tân.

- Tài liệu về hoạt động của các đại sứ Việt Nam tại ngoại quốc.

- Mật điện của Tòa Đại sứ Việt Nam tại Mỹ về việc xin gia nhập Liên Hiệp Quốc.

- Tài liệu về các tổ chức quốc tế, các nước sang thăm Việt Nam, tài liệu về quan hệ ngoại giao giữa VNCH với Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Ấn Độ, Đại Hàn, Campuchia, Lào, Indonésia, Thái Lan, Nhật Bản, Úc, Tân Tây Lan,...

- Tài liệu về lễ trình ủy nhiệm thư của đại sứ, đặc sứ các nước tại Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao về hoạt động của sứ quán các nước tại Việt Nam.

- Tài liệu về việc Tổng thống đãi tiệc các quan khách cao cấp trong ngoại giao đoàn cùng các vị Bộ trưởng.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về việc Quân đội Nhân dân Việt Nam phản đối việc đưa vũ khí, nhân viên Mỹ vào Việt Nam, đổi giấy thông hành đặc biệt trong vùng phi quân sự.

- Bản sao thơ của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về việc thi hành khoản 14-c Hiệp định Genève.

- Báo cáo tổng quát về hoạt động hai năm của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về thư phản kháng của Võ Nguyên Giáp.

- Báo cáo của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về khu phi quân sự, về những hoạt động của Việt cộng, VNCH, Ủy hội Quốc tế.

- Bản sao bản tổng hợp tin tức quân sự, Biên bản phiên họp của Ủy hội Quốc tế về chiến tranh tại Việt Nam.

- Tài liệu của Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung Việt, tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa về việc dân chúng bao vây Ủy hội Quốc tế.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về việc kiểm soát xe phi cơ của Ủy hội Quốc tế tại phi trường Tân Sơn Nhất.

- Bản tổng hợp tin tức của Ban Quan sát khu phi quân sự, biên bản họp của Ủy hội Quốc tế về cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

- Tài liệu của Ủy hội Quốc tế về việc photo cuốn Bạch thư của Việt cộng phản ánh về Hiệp định Genève và sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc Phái đoàn thuộc Ủy hội Quốc tế viếng thăm Đà Lạt, Ninh Thuận, Khánh Hòa và ấp chiến lược tại Mỹ Tho.

6. Kinh tế - Tài chính (1954 - 1963)

- Sắc lệnh của Tổng thống VNCH về việc ấn định thể lệ dự liệu các sản phẩm.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế, Bộ Ngoại giao về việc trừng trị và kiểm soát các vi phạm luật kinh tế, bảo vệ an ninh và kiểm soát kinh tế miền Tây Nam Việt.

- Tài liệu về hội nghị của Ủy ban Tư vấn Trung tâm Nghiên cứu những ảnh hưởng xã hội gây ra bởi sự kỹ nghệ hóa miền Nam Á châu.

- Phúc trình của Phái đoàn Kinh tế Trung Việt về tình hình kinh tế Trung Việt và các biện pháp nâng đỡ.

- Bản đồ kinh tế VNCH và bản đồ kinh tế Trung Việt; tài liệu của Bộ Kinh tế về tình hình khuếch trương kinh tế tại các tỉnh.

- Tài liệu về việc khai thác Côn Đảo và Quần đảo Trường Sa; tài liệu về việc chấn hưng kinh tế tỉnh Cà Mau.

- Báo cáo của các chuyên viên Phái đoàn Nghiên cứu Kinh tế Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam.

- Biên bản Đại hội kinh tế toàn quốc họp tại Nha Trang.

- Tài liệu của Ủy ban Quốc gia Ngoại viện, Hội đồng Liên bộ, Hội nghị Colombo về việc viện trợ cho Việt Nam.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm, 3 năm của Bộ Tài chính.

- Tài liệu về dự án, ngân sách quốc gia Đô thành, Bộ Quốc phòng, Nha Tổng Giám đốc Bảo an.

- Tài liệu về ngân sách Trung Việt, Cao nguyên miền Nam.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế về chương trình viện trợ Mỹ cho Việt Nam.

- Tài liệu của Văn phòng Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Thương vụ về việc sử dụng viện trợ Mỹ, viện trợ của Nhật, Đức cho VNCH.

- Tài liệu về việc bồi thường chiến tranh Việt - Nhật.

- Tài liệu về bồi thường chiến tranh, bồi thường thiệt hại cho Pháp kiều trong cuộc phiến loạn Bình Xuyên.

- Tài liệu về việc cấp giao tế phí và giải nhiệm mật phí.

- Tài liệu về việc cấp quỹ đặc biệt cho Đại sứ Việt Nam tại Thái Lan.

- Tài liệu về việc xem xét và chuyển giao Bệnh viện Grall của Chính phủ Pháp cho Chính phủ Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế về việc áp dụng và miễn các sắc thuế, sửa đổi giá biểu quan thuế nhập nội.

- Tài liệu về hệ thống thuế vụ và ngân sách của Việt Nam.

- Tài liệu của Nha Tổng Giám đốc Thuế vụ về chương trình cải cách thuế khóa.

- Tài liệu về việc sửa đổi Điều 160 của Bộ Luật Quan thuế về thời hạn lưu khố hàng hóa nhập cảng.

- Tài liệu về việc thiết lập một sắc thuế đặc biệt đánh vào dầu, xăng.

- Tài liệu về việc xin miễn thuế điền thổ và đất bỏ hoang của các tỉnh cao nguyên, Phú Yên, Mộc Hóa.

- Tài liệu về việc thâu thuế hàng hóa do quân đội viễn chinh Pháp bán lại cho dân chúng.

- Tài liệu về việc bán đấu giá bạc nén và bạc đồng của Nha Quan thuế và Công quản.

- Phúc trình hoạt động của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Quốc gia Doanh tế Cuộc, Viện Hối đoái.

- Tài liệu về việc đổi giấy bạc cũ của Đông Dương Ngân hàng, ước lượng lợi tức quốc gia, kiểm soát giấy bạc nhập cảng, bãi bỏ Hiệp ước tiền tệ Pháp - Việt, thành lập cơ quan tín dụng "Việt Nam Thương tín".

- Tài liệu về việc thanh lý việc phát hành giấy bạc và quỹ tự trị của Liên Quốc gia Việt Nam - Lào - Campuchia.

- Tài liệu về các phiên họp Hội đồng Tối cao Tiền tệ và Tín dụng.

- Tài liệu của Bộ Tài chính về việc lập và sử dụng quỹ; tài liệu về việc đổi bạc.

- Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an về việc khám phá các vụ làm và tiêu thụ bạc giả.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Phủ Cao ủy Việt Nam tại Pháp về mối quan hệ tiền tệ Việt Nam - Pháp.

- Sắc lệnh về việc xuất nhập cảng, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển vàng bạc.

- Dụ quy định việc kiểm soát kinh tế trong nước.

- Tài liệu về việc VNCH tham dự Hội chợ triển lãm quốc tế tại Nam Vang; điều tra những hành vi không chính đáng của Hội chợ Quang Trung.

- Thư của Đại sứ quán các nước đặt tại Pháp đề nghị ký Hiệp ước Thương mại với Việt Nam.

- Chương trình viện trợ thương mại của Nha Ngoại thương, tình hình nhập cảng hàng hóa của Hồng Kông.

- Tài liệu về nhãn hiệu hàng hóa dán trên hàng Pháp để nhập cảng sang Việt Nam.

- Tài liệu về việc Chính phủ mua lúa gạo tại các tỉnh để lập kho gạo tiếp tế, tình hình tiếp tế lúa gạo.

- Kế hoạch cải thiện ngành mễ cốc trong nước, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tài liệu về kế hoạch kỹ nghệ hóa khoáng chất và tiểu công nghệ.

- Tài liệu của Nha Tổng Giám đốc Kế hoạch, ông T.H Robinson về tình hình công nghệ của Việt Nam.

- Công ty Nhật xin phép khai thác cát ở Vịnh Cam Ranh.

- Tài liệu về việc khai thác khoáng sản ở Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, các Bộ quy định các quy chế chuyển nhượng bất động sản và các dụng cụ CKN cho người ngoại quốc.

- Danh sách các công ty và các nhân vật Việt Nam có tên tuổi trong ngành kỹ nghệ.

- Tài liệu về việc phối hợp sản xuất CKN với chương trình xuất, nhập cảng để bảo vệ và khuyến khích ngành kỹ nghệ trong nước.

- Tài liệu về hoạt động tiểu công nghệ và kỹ nghệ tại tỉnh Bình Định.

- Tài liệu của Bộ Thông tin, Nha Tổng Giám đốc CSQG về việc tìm được mỏ sắt, mỏ dầu tại Mộc Hóa và Kon Tum.

- Tài liệu về hoạt động của mỏ than Nông Sơn; Tài liệu về việc khai thác cát trắng và khoáng nghiệp tại đảo Paracels (Hoàng Sa); Tài liệu về việc khai thác nước suối Vĩnh Hảo.

- Chương trình, kế hoạch kiến thiết thành thị và thôn quê.

- Tài liệu về việc lập đồ án tu chỉnh, khuếch trương và chỉnh trang các đô thị.

- Tài liệu về hoạt động của Nha Tổng Giám đốc Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.

- Tài liệu về công tác xây dựng 64 căn nhà tại Tân Định - Sài Gòn.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc xin mua biệt thự cho Cao ủy Việt Nam tại Pháp.

- Tài liệu về việc mua nhà, đất của Bộ Quốc phòng.

- Báo cáo hoạt động của Quốc gia Doanh tế Cuộc.

- Tài liệu khởi công xây dựng Thư viện Quốc gia và Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Sài Gòn.

- Tài liệu về việc thiết kế đô thị tỉnh Cà Mau.

- Tài liệu về việc đồng bào di cư chiếm đất tư hữu và làm nhà bất hợp pháp đại đường Y.Jut, Ban Mê Thuột.

- Tài liệu về việc phân tán dân di cư tại Đô thành Sài Gòn và vùng phụ cận.

- Tài liệu về tình hình công sản của Việt Nam hiện Pháp còn chiếm giữ và các bất động sản do quân đội Pháp trao trả.

- Ảnh các căn nhà tại Sài Gòn.

- Thỏa ước Việt - Nhật về việc trục vớt tàu đắm trong khuôn khổ bồi thường chiến tranh.

- Báo cáo tình hình hoạt động của Sở Hỏa xa Việt Nam.

- Tài liệu về việc Cao ủy Pháp tại Việt Nam đài thọ các phí khoản sửa chữa các phá hoại do chiến tranh gây ra cho Sở Hỏa xa Việt Nam.

- Tài liệu của Tham mưu Biệt bộ, tỉnh Phước Tuy về công tác thiết lập đường Thanh Tóa - Trà Lú, tiến triển công tác làm đường tại các tỉnh.

- Tài liệu về việc tiếp tế nước uống cho Đô thành Sài Gòn.

- Bảng kê diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại Cao nguyên miền Nam và các tỉnh Nam Việt.

- Tài liệu về kế hoạch khuếch trương canh nông; báo cáo hoạt động tháng, năm của Bộ Canh nông.

- Tài liệu về việc gia nhập Ban Túc mễ của Viện Nghiên cứu Thực phẩm tại Paris.

- Tài liệu về việc mua dụng cụ, sản vật thuộc viện trợ Mỹ và cấp phát nông cụ, nông súc cho nông dân.

- Tài liệu về quy chế tá điền, cải cách điền địa; tài liệu của Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa về việc khai thác lại các ruộng đất bỏ hoang.

- Tài liệu về việc xin cấp kinh phí để đắp đê và tu sửa kênh.

- Tài liệu của Nha Khí tượng các tỉnh về việc dự đoán thời tiết, tình hình mưa gió hàng tuần tại Trung nguyên Trung phần, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Khánh Hòa, Ninh Thuận.

- Tài liệu về việc trưng thâu, bồi thường, tranh chấp, khiếu nại, đổi đất tại vùng dinh điền Cái Sắn.

- Tài liệu về các phiên họp của Hội đồng Cải cách Điền địa, Huấn thị của Tổng thống VNCH tại Đại hội Điền địa.

- Tài liệu về việc thiết lập dinh điền tại Bình Tuy, Phước Long, Long Khánh, An Xuyên.

- Tài liệu các phiên họp của Ủy ban Phối trí Công tác Nghiên cứu Hạ lưu sông Cửu Long.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của hạt lâm vụ các tỉnh.

- Tài liệu của Bộ Canh nông về Đại hội Thủy lâm toàn quốc.

- Sưu tập tài liệu về thể lệ săn bắn và ngư nghiệp ở Việt Nam.

- Tài liệu về việc phát quang khu rừng cải hóa 219 tại khu trù mật Xuyên Mộc (Phước Tuy) để cấp cho nông dân trồng trọt.

- Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Cải tiến Nông thôn về việc trồng thông và dương liễu tại Quảng Tín, khai thác gỗ tại Long Thành.

- Tài liệu về săn bắn.

7. Văn hóa - Xã hội (1951 - 1963)

- Biên bản các phiên họp về cuộc đàm phán văn hóa Việt - Pháp, báo cáo tình trạng văn hóa các tỉnh Phong Thạnh, Bến Tre, Sa Đéc, Cần Giờ, Bạc Liêu; tài liệu về việc bảo vệ và trùng tu những cổ tích và thắng cảnh trong nước.

- Dụ, công điện của Tổng thống, Văn phòng Phủ Tổng thống về việc ấn định các ngày lễ chính thức được nghỉ và hưởng lương, tài liệu về tổ chức Tết dương lịch, Tết Nguyên đán, tổ chức lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, lễ Thanh Minh, Quốc tế Lao động, tổ chức lễ thánh bổn mạng của Tổng thống, lễ Quốc khánh.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Phủ Đặc ủy Công dân vụ.

- Tài liệu về việc cán bộ công dân vụ ở Bến Tre hoạt động chống đối chính quyền.

- Tài liệu của Phủ Đặc ủy Công dân vụ về chuyển phương thức hoạt động.

- Tài liệu của Bộ Công dân vụ về việc tăng cường cán bộ công dân vụ tại các tỉnh.

- Tài liệu về việc viện trợ Mỹ cho Phủ Đặc ủy Công dân vụ.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Thông tin và Thanh niên về công tác thông tin tuyên truyền.

- Phúc trình của Ty Thông tin và Chiến tranh Tâm lý về phong trào cổ vũ cho cuộc Trưng cầu dân ý và liên hoan mừng chính thể.

- Tài liệu về việc kiểm duyệt, đăng báo và phát thanh.

- Tài liệu về việc sản xuất, mua bán, kiểm duyệt phim chiếu bóng.

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của Nha Vô tuyến Truyền thanh Việt Nam.

- Tài liệu của Tổng thống, Bộ Thông tin và Thanh niên về việc thành lập Nha Báo chí và khai thác vô tuyến truyền thanh truyền hình trên lãnh thổ Việt Nam.

- Tài liệu về hoạt động của thanh niên tại các tỉnh.

- Phúc trình của Phái đoàn Túc cầu Việt Nam về việc sang Mã Lai thi đấu.

- Tài liệu về việc sử dụng sân quần vợt trong phạm vi biệt điện của Tổng thống, Phái đoàn Thể thao Việt Nam tham dự các giải bóng bàn quốc tế.

- Tờ trình, báo cáo hoạt động tháng, năm, 4 năm của Bộ Quốc gia Giáo dục, các Trường Kỹ thuật, Mỹ thuật, Nông Lâm mục, sư phạm, các ty tiểu học.

- Tài liệu của Bộ Giáo dục về trường học và giáo viên tại các làng định cư trên cao nguyên.

- Tài liệu về việc đề nghị bán công hóa các tư thục gốc Hoa kiều ở đô thành và các tư thục bang lập ở địa phương, danh sách các trường trung học tại Sài Gòn.

- Tài liệu về việc phát triển giáo dục tại các địa điểm dinh điền.

-Tài liệu về việc Việt Nam cử phái đoàn tham dự Hội nghị Quốc tế Giáo dục tại Genève.

- Tài liệu của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc học sinh, sinh viên, công chức du học tại Hoa Kỳ, Pháp. Tài liệu về việc thiết lập học bổng dành cho nữ sinh Việt Nam ưu tú.

- Tài liệu về chương trình chiến dịch thanh toán nạn mù chữ.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Bộ Y tế.

- Sắc luật quy định sự trừng phạt các vi phạm quy lệ hành chính liên quan đến âu dược, dụng cụ y khoa và giải phẫu có tính cách lợi ích quân sự.

- Tài liệu quy định thể lệ hành nghề y sĩ, nha sĩ và hộ sinh tại Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống về ý kiến của một số bác sĩ về nền y khoa Việt Nam.

- Tài liệu về việc thành lập các tủ thuốc thôn quê tại các tỉnh Thừa Thiên, thiết lập trạm y tế cấp cứu tại các làng.

- Tài liệu của Bộ Y tế, các tỉnh về tình trạng bệnh dịch và biện pháp phòng ngừa.

- Tài liệu về việc cho phép bác sĩ người Pháp hành nghề y tư tại Việt Nam.

- Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Xã hội về việc bài trừ "Tứ đổ tường" tại Sài Gòn và các tỉnh.

- Tài liệu về việc lập một Cô nhi viện Quốc gia tại Thủ Đức, lập một tỉnh dưỡng đường cho sinh viên mắc bệnh lao.

- Tài liệu của Bộ Xã hội và Y tế về việc trợ cấp cho nạn nhân tại khu chiến dịch Nguyễn Huệ và Thoại Ngọc Hầu.

- Tài liệu về việc cứu trợ đồng bào bị bão lụt, hỏa hoạn; tài liệu về cứu trợ của các nước cho Việt Nam.

- Tài liệu về việc dân biểu Thượng và Chăm yêu cầu hưởng các quyền lợi của đồng bào Kinh, tài liệu về kế hoạch khai thác người Thượng trên cao nguyên miền Nam, về chính sách đối với đồng bào Thượng.

- Tài liệu về việc thành lập các hiệp hội, đoàn thể, tài liệu về việc tổ chức "Ngũ gia liên bảo" trong vùng quốc gia.

- Tài liệu về việc bầu BCH Trung ương của Đảng Xã hội Việt Nam, Đảng Đại Việt.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Xã hội về hoạt động của Phong trào Cách mạng Quốc gia, Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia, hoạt động của Cao Đài Tây Ninh, hoạt động của các tôn giáo, tài liệu về tình hình Thiên Chúa giáo tại Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về việc kiểm soát và công nhận các hiệp hội có ích.

- Tài liệu về việc trợ cấp cho các hiệp hội, đoàn thể.

- Tài liệu về việc đồng bào Thượng quận Hương Hòa bỏ trốn vào rừng.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Bộ Lao động.

- Tài liệu của Bộ Lao động về việc ấn định quy chế kiểm tra và phó kiểm tra lao động và an ninh xã hội.

- Tài liệu của Bộ Lao động về việc ấn định lương hàng ngày của công nhân đồn điền cao su, điều chỉnh mức lương ngày tối thiểu của công nhân tại 41 tỉnh toàn quốc.

- Tài liệu về tranh chấp lao động và sự đàn áp của chính quyền đối với giới lao động, về các cuộc đình công của công nhân, tài liệu về các tranh chấp giữa công nhân, tư nhân và Công ty Thủy điện.

- Tài liệu về việc giải quyết nạn thất nghiệp, tăng lương cho đồn điền cao su.

8. Hành chính - Quản trị (1955 - 1963)

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, các Bộ về việc tổ chức hành chính, hội nghị hành chính tại Đà Lạt, về hội nghị quốc tế hành chính.

- Tài liệu về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, tài liệu về việc Việt Nam gia nhập Liên hiệp Quốc tế các nhà chức trách hành chính địa phương, tài liệu về việc liên lạc và phối hợp điều hành công vụ.

- Tập lưu dụ, sắc lệnh, nghị định, thông tư, công văn, công điện,… của Văn phòng Phủ Tổng thống.

- Luật mật mã liên lạc giữa Cao nguyên và Trung Việt.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống về việc mở lớp tu nghiệp về lưu trữ công văn và quản thủ thư viện.

- Tài liệu về việc phân phối, sử dụng công xa.

- Tài liệu hướng dẫn học tập của Ban Hướng dẫn Học tập Phủ Tổng thống, tài liệu về việc tổ chức học tập tại các nha, sở.

9. Riêng biệt (1955 - 1963)

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về việc Tổng thống tiếp phái đoàn đồng bào Thượng và phái đoàn tố cộng Hoa kiều tại Dinh Độc Lập; ảnh về cuộc tiếp dân của Tổng thống.

- Tài liệu của Tham mưu Biệt bộ, Phủ Tổng thống về công tác chuẩn bị cho Tổng thống đi thị sát, kinh lý. Tài liệu về việc Tổng thống đi kinh lý tại Trung nguyên Trung phần, Ban Mê Thuật, Huế, Bình Định, vùng B'Lao - Đà Lạt, Biên Hòa, các tỉnh miền Tây Nam phần.

- Tài liệu về việc các phái đoàn, cá nhân trong nước xin yết kiến Tổng thống.

- Thư, thiệp, công điện, công văn trong nước, ngoài nước gửi Tổng thống.

PHÔNG HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN CÁCH MẠNG
(1/11/1963 - 14/6/1965)

* **Số lượng tài liệu:** 2,41 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1/11/1963 - 14/6/1965
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Hội đồng Quân nhân Cách mạng được thành lập ngay sau ngày Quân đội thực hiện thành công cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm (1/11/1963)[1]. Đứng đầu Hội đồng là BCH Hội đồng do Trung tướng Dương Văn Minh làm Chủ tịch. Ngày 4/11/1963, Hiến ước số 01 được ban hành. Hội đồng Quân nhân Cách mạng ký Sắc lệnh số 01/HĐQN cử ông Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ tướng Chính phủ lâm thời.

Nhiệm vụ của BCH Hội đồng này chấm dứt vào ngày 30/1/1964 sau khi Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm phản đảo chính, và được thay thế bằng Hội đồng Quân sự Cách mạng hay còn gọi là Hội đồng Cách mạng, hay Hội đồng Quân lực do Nguyễn Khánh làm Chủ tịch. Trong thời gian này, Hiến ước số 02 được ban hành, Hội đồng Quân nhân Cách mạng ủy nhiệm Trung tướng Dương Văn Minh giữ chức vụ Quốc trưởng và Trung tướng Nguyễn Khánh giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ.

---

1 Hồ sơ số 1, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.

Ngày 16/8/1964, Hiến chương VNCH được ban hành. Theo Hiến chương, Hội đồng Quân nhân Cách mạng là cơ quan cao nhất, có nhiệm vụ lãnh đạo quốc gia và bầu Chủ tịch VNCH. Tổ chức của Hội đồng này bao gồm:

- Bộ Tổng tư lệnh gồm:
  + Bộ Tổng Tư lệnh Không quân
  + Bộ Tổng Tư lệnh Hải quân
  + Bộ Tổng Tư lệnh Quân huấn
  + Bộ Tổng Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt
  + Bộ Tổng Tư lệnh Địa phương quân và Nghĩa quân
  + Các đơn vị
  + Các vùng chiến thuật
  + Tổng Cục Thẩm vấn
  + Tổng Cục Chiến tranh Chính trị.
- Bộ Quân lực gồm:
  + Nha Đổng Lý
  + Nha Tổng Thanh tra Tài chính và Thanh tra Quân khí
  + Nha Động viên
  + Nha Quân pháp
  + Nha Cựu binh và phế binh.

Ngày 27/8/1964, Hội đồng Quân nhân Cách mạng tuyên cáo bỏ Hiến chương ngày 16/8/1964 và tự ý giải tán. Vào thời điểm này, Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực được thành lập do Trung tướng Dương Văn Minh làm Chủ tịch[1].

Ngày 8/9/1964, Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực thành lập Thượng Hội đồng Quốc gia do ông Phan Khắc Sửu làm

1 Hồ sơ số 1, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.

Chủ tịch[1]. Ngày 20/10/1964, Hiến chương lâm thời được ban hành và kèm theo là Quyết định số 01 ngày 24/10/1964 của Thượng Hội đồng và cử ông Phan Khắc Sửu làm Quốc trưởng.

Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực chấm dứt nhiệm vụ và giải tán vào ngày 26/10/1964. Ngày 13/10/1964, Quốc trưởng Phan Khắc Sửu bổ nhiệm ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ[2]. Ngày 20/12/1964, các Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Hữu Có làm đảo chánh và Hội đồng Quân lực VNCH được thành lập, giữ chức Chủ tịch là Tướng Nguyễn Khánh. Hội đồng này tuyên cáo ủng hộ Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Chính phủ dân sự Trần Văn Hương[3]. Ngày 27/1/1965, Hội đồng Quân lực bổ nhiệm Bác sĩ Phan Huy Quát thay ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ và lập Chính phủ mới. Đến ngày 28/1/1965, Hội đồng cử ông Nguyễn Xuân Oánh làm quyền Thủ tướng Chính phủ[4].

Ngày 16/2/1965, Hội đồng Quân lực cử ông Phan Huy Quát làm Thủ tướng. Ngày 17/2/1965, Hội đồng Quân lực ban hành Quyết định số 06 thành lập Hội đồng Quốc gia lập pháp[5].

Ngày 21/2/1965, Hội đồng Quốc gia Lập pháp truất quyền Tổng Tư lệnh của Tướng Khánh và cử Tướng Dương Văn Minh thay thế. Hội đồng Quân lực VNCH quyết định tự giải tán vào ngày 5/5/1965[6]. Ngày 11/6/1965, Chính phủ Dân sự tuyên cáo trao trả quyền lãnh đạo quốc gia cho Quân đội và được chấp nhận trong khi chờ đợi thành lập cơ cấu quốc gia phù hợp. Ngày 14/6/1965, UBLĐQG ra đời do Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch và cũng là thời điểm kết thúc sự lãnh đạo của Hội đồng Quân nhân Cách mạng[7].

---

1 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
2 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
3 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
4 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
5 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
6 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.
7 Hồ sơ số 24, phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Phông tài liệu Hội đồng Quân nhân Cách mạng có thời gian từ 1963 - 1965. Tài liệu trong phông chủ yếu là tài liệu hành chính, bao gồm:

- Tài liệu về các cuộc binh biến.

- Tài liệu về các Hiến ước, hiệu triệu, tuyên cáo.

- Tài liệu về việc đề cử, ân thưởng.

- Tài liệu về Đại hội, các phiên họp của Hội đồng Quân nhân Cách mạng.

- Tài liệu về đình công của công nhân.

- Tài liệu về các cuộc bãi khóa của học sinh, sinh viên.

- Tài liệu về các cuộc biểu tình của đồng bào Phật giáo, Công giáo.

- Tài liệu về việc cải tổ bộ máy hoạt động của các Bộ, cơ quan Trung ương.

- Tài liệu về các vấn đề liên quan đến khôi phục trật tự, xã hội,...

PHÔNG ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA
(14/6/1965 - 31/10/1967)

* **Số lượng tài liệu:** 15,28 mét
* **Thời gian tài liệu:** 14/6/1965 - 31/10/1967
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu Tổ chức - HCQT
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách, nấm mốc
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia được thành lập do Quyết định số 03-QLVNCH/QĐ ngày 14/6/1965 và được bổ túc bởi Quyết định số 6, 7-QLVNCH/QĐ ngày 6/6/1966 do Hội đồng Quân lực VNCH ấn định[1].

Thành phần của UBLĐQG gồm:

- Chủ tịch: Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu.

- Một Tổng Thư ký: Trung tướng Phan Xuân Chiểu.

- Một Ủy viên Điều khiển Hành pháp: Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ.

- 7 Ủy viên Quân nhân.

- 10 Ủy viên Dân sự do 10 Ủy viên Quân nhân nói trên đề nghị và được Hội đồng Quân lực chấp nhận.

Theo Ước pháp tạm thời ngày 19/6/1965, Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia có thẩm quyền[2]:

---

1 Hồ sơ số 1, Phông Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia.

2 Hồ sơ số 146, Phông Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia.

Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia có nhiệm vụ hành xử chủ quyền và điều khiển mọi công việc quốc gia, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Quân lực về mọi quyết định của Ủy ban[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông Phủ Chủ tịch UBLĐQG là tài liệu hành chính. Phần lớn là tài liệu bản gốc, có bút tích của Trung tướng Chủ tịch UBLĐQG (như khối tài liệu lưu công văn đi, khối tài liệu kinh lý, đoàn thể,...). Một số lượng tài liệu nhỏ được photo, sao y.

Nội dung phông tài liệu phản ánh các hoạt động Quốc gia như: quân sự, an ninh trật tự, kinh tế, văn hóa - xã hội…; tài liệu tổ chức - HCQT; các hoạt động mang tính riêng biệt của Trung tướng Chủ tịch UBLĐQG như: các cuộc kinh lý, công du, yết kiến, tin tức báo chí, thư tín riêng, đơn thư, thỉnh nguyện của nhân dân gửi đến,...

1 Hiến pháp năm 1967, Chương IX, Điều 111.

PHÔNG PHỦ TỔNG THỐNG ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA
(1967 - 30/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 158,60 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1967 - 30/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung, Thái, Khmer, Hàn, Ả Rập
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý**: ố, giòn, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa được bầu ngày 3/9/1967 và chính thức nhậm chức vào ngày 31/10/1967. Nhiệm kỳ của Tổng thống là 4 năm. Theo Luật số 001/1974 ngày 22/1/1974 tu chính Hiến pháp thay đổi nhiệm kỳ của Tổng thống là 5 năm. Tổng thống có thể được tái cử 2 lần. Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa do Nguyễn Văn Thiệu lãnh đạo theo Hiến định trải qua 2 nhiệm kỳ:

- Nhiệm kỳ I từ ngày 3/9/1967 đến ngày 3/10/1971.

- Nhiệm kỳ II từ ngày 3/10/1971 đến ngày 31/10/1975.

Trên thực tế, chưa hết nhiệm kỳ II đã phải chấm dứt hoạt động vào ngày 21/4/1975 - ngày Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.

Sau khi Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức đến ngày 30/4/1975, chế độ VNCH đã trải qua hai thời kỳ Tổng thống là:

- Tổng thống Trần Văn Hương từ ngày 21 - 27/4/1975.

- Tổng thống Dương Văn Minh từ ngày 27 - 30/4/1975.

Từ ngày 21/4/1975 cho đến ngày 30/4/1975, trong sự hoảng loạn tận cùng của chế độ ngụy quyền Sài Gòn, mọi hoạt động hầu như bị tê liệt, Tổng thống chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Chính vì vậy, dù trải qua 3 đời Tổng thống nhưng tài liệu sản sinh ra trong quá trình hoạt động hầu hết nằm trong thời gian Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng thống.

Để điều hành Phủ Tổng thống đi vào hoạt động, cùng ngày nhận chức (31/10/1967), trong khi chờ đợi hoàn thành việc tổ chức Phủ Tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành Sắc lệnh giữ nguyên trạng các cơ quan thuộc Phủ Chủ tịch UBLĐQG và hoạt động dưới danh nghĩa cơ quan thuộc Phủ Tổng thống.

Tháng 11/1967, Nguyễn Văn Thiệu ấn định lại tổ chức Phủ Tổng thống gồm: Cơ quan riêng biệt và Tòa Tổng Thư ký. Tháng 10/1969 cơ cấu tổ chức Phủ Tổng thống được thay đổi hoàn thiện hơn gồm[1]: thành phần cố vấn, thành phần riêng biệt, thành phần phụ trách các lĩnh vực quốc gia, thành phần quản trị hành chính và các cơ quan trực thuộc như: Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện, Tổng nha Kế hoạch.

Các thành phần và cơ quan trên là bộ máy giúp việc cho Tổng thống về các vấn đề liên quan đến việc ấn định các chính sách và kế hoạch quốc gia; theo dõi, nhật tu các phúc trình và các vấn đề liên quan tới quân lực VNCH như: kế hoạch phòng thủ lãnh thổ, theo dõi các hoạt động của đồng minh, thu thập các tin tức, tài liệu trong phạm vi trách nhiệm, thu thập các tin tức trên báo chí; các vấn đề chỉ đạo đường lối, chính sách thuộc các lĩnh vực quốc gia, phối hợp hoạt động khi công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau có nhận định chung và trình lên Tổng thống; liên lạc với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp, đoàn thể để thu thập tài liệu, nhận định tình hình, làm sáng tỏ đường lối, chính sách do Tổng thống đề ra; quản trị và yểm trợ tất cả các cơ quan thuộc phủ trên phương diện nhân viên, ngân sách, công ốc, vật liệu, công xa, bảo đảm an ninh cho Tổng thống và gia đình.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1971, tr. 43.

Năm 1974, sau khi lập Chính phủ mới ngày 18/2/1972 và với tinh thần cải cách hành chính, giảm nhẹ nhân số và ngân sách tối đa, nhằm mục đích tránh giẫm chân, trùng lặp giữa Phủ Tổng thống và Nội các, Huấn thị số 02 ngày 20/2/1974 ra đời đã quy định việc sắp xếp các cơ cấu chỉ đạo Trung ương và các Văn phòng phụ tá tại Phủ Tổng thống.

Những văn bản liên quan đến việc thay đổi chức năng, nhiệm vụ của Phủ Tổng thống:

- Sắc lệnh số 023/TT/SL ngày 22/11/1967.

- Sắc lệnh số 479-A/TT/SL ngày 26/9/1969.

- Huấn thị điều hành số 001-TT/TH ngày 1/10/1969.

- Huấn thị điều hành số 02/74-TT/TH ngày 20/9/1974.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu chung

- Kế hoạch, báo cáo hoạt động 3 năm, 4 năm, 5 năm của Chính phủ trên các lĩnh vực KT-XH.

- Báo cáo tháng, quý, năm của các Bộ, Tòa Đại biểu Chính phủ, các Vùng chiến thuật.

- Tờ trình nguyệt để, báo cáo hoạt động, báo cáo thành tích công tác tháng, năm, 2 năm, 4 năm của các tỉnh.

- Tài liệu về hoạt động của các tỉnh.

- Biên bản các phiên họp Hội đồng Nội các, Hội đồng Tổng trưởng, Hội đồng tỉnh, Hội đồng xã.

- Tài liệu chỉ đạo, kế hoạch, báo cáo, biên bản họp về công tác bình định xây dựng, công tác phát triển nông thôn tại Trung ương và các vùng chiến thuật, các tỉnh.

- Tài liệu, kế hoạch, báo cáo về công tác tái thiết và phát triển.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về dân cán chánh, phát triển đời sống kinh tế nông thôn và chống cộng ở Đông Nam Á.

- Tài liệu về lịch sử, điều kiện tự nhiên, xã hội của các tỉnh.

- Thư của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về chương trình phát triển KT-XH ở Việt Nam sau chiến tranh.

- Ảnh về hoạt động của VNCH trên các lĩnh vực.

- Tài liệu về kế hoạch tấn công bình định đặc biệt do Thủ tướng ban hành.

- Kế hoạch, báo cáo, biên bản về công tác bình định, xây dựng nông thôn, hội thảo bình định xây dựng tại các vùng chiến thuật, Tổng thống VNCH thăm viếng các tỉnh trong chương trình bình định xây dựng.

- Tài liệu về hội nghị duyệt xét kế hoạch cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương, phục hồi, tái thiết và phát triển quốc gia.

- Huấn thị của Tổng thống VNCH về an ninh và phát triển quốc gia trong 4 năm.

- Tài liệu tổng hợp về tổ chức hành chính, chính trị, dân số các tỉnh.

- Bài trích từ đài BBC liên quan đến tù nhân chính trị, vị trí các tôn giáo,… tuyển cử, tham nhũng.

- Tuyên bố của Chính phủ VNCH tại cuộc họp báo về việc bắt giữ một số cán bộ Cộng sản xâm nhập, thu hồi biên lai 5 nhật báo và giải tán Tổng đoàn Bảo an.

2. Tài liệu chung về nội an - quân sự

- Tài liệu chỉ đạo, kế hoạch, báo cáo chung về tình hình quân sự, an ninh, chính trị.

- Bản tổng hợp tin tức hàng tuần của Phủ Tổng thống về quân sự, chính trị trong nước và ngoài nước.

- Phiếu trình, phiếu tin tức của Ủy ban phối hợp Tình báo Quốc gia về tình hình quân sự, chính trị.

- Kế hoạch, báo cáo của Bộ Quốc phòng.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống với quân dân chính.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Cố vấn Hoa Kỳ (MAV) về bảo đảm an ninh Quốc lộ 4.

- Bảng tổng hợp tin tức hàng tuần, tháng về chính trị, quân sự trong nước và ngoài nước.

- Tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu về việc trích bản tin Việt Nam Thông tấn xã Hà Nội và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Tài liệu về Hội nghị Quốc phòng Đông Nam Á (SEATO) và Hội nghị 7 Quốc gia Hội viên Thượng đỉnh Manila.

- Thông cáo của Tổng thống Johnson, Đại sứ Bunker, Nghị sĩ Douglas về tình hình chiến sự tại miền Bắc Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về hoạt động của Việt cộng.

- Tài liệu về việc động viên từng phần nhân lực và trưng dụng tài nguyên quốc gia.

- Tài liệu về huấn luyện sĩ quan trù bị, huấn luyện quân chánh, Tổng thống chủ tọa các lễ mãn khóa huấn luyện.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về các kế hoạch và chiến dịch.

- Tài liệu về biến cố Tết Mậu Thân, bản chụp và các tài liệu tịch thu của Việt cộng trong các cuộc hành quân.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về lực lượng quân sự Bắc Việt.

- Báo cáo đặc biệt của Cục An ninh Quân đội VNCH.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về tổn thất nhân mạng, vũ khí của quân Đồng minh, quân lực VNCH và Việt cộng.

- Tài liệu về hội nghị bảy quốc gia tham chiến tại Việt Nam, hoạt động của quân Đồng minh.

- Tài liệu về việc tái lập vùng phi quân sự tại vĩ tuyến 17 và thành lập các cơ quan giám sát, kiểm soát đình chiến.

- Tài liệu của Tham mưu Biệt bộ về việc quân nhân phải đeo thẻ bài kim khí và phân loại máu.

- Tài liệu về việc quân đội Campuchia bắn vào tàu Hải quân Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về danh sách các Tùy viên quân lực, tướng lĩnh và Tư lệnh nước ngoài tại VNCH.

- Tài liệu về kế hoạch Phụng Hoàng, các cuộc hành quân: Cửu Long 44/1 tại Châu Đốc, Lam Sơn 719, hành quân truy quét Cộng sản trên lãnh thổ Campuchia.

- Tài liệu về việc Thái Lan kêu gọi rút quân đội Thái Lan ra khỏi VNCH, tình trạng quân số, phối trí, thay thế, rút quân ra khỏi VNCH của quân đội Đồng minh.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về trận liệt quân sự Cộng sản Bắc Việt.

- Tài liệu về hoạt động của Tòa án Quân sự Mặt trận.

- Tài liệu về chiến dịch công kích của Cộng sản mùa Xuân năm 1975, Cộng sản tấn công Pleiku, Phú Bổn, giải trình tình hình khẩn trương về quân sự.

- Tài liệu về Trung úy Nguyễn Thành Trung lái phi cơ ném bom Dinh Độc Lập, chỉ thị, nhật lệnh của Tổng thống VNCH, kế hoạch Trương Minh Giảng.

- Tài liệu về việc phân phối hàng quân tiếp vụ.

- Tài liệu thống kê của Văn phòng Dân vụ Vùng 1 Chiến thuật về công tác cải huấn, chiêu hồi, nhân dân tự vệ, tổn thất về quân sự.

- Tài liệu về việc ban hành các sắc luật quy định tình trạng báo động, tình trạng khẩn trương, tình trạng giới nghiêm, thiết quân luật.

- Tài liệu về việc tàu đánh cá Thái Lan xâm phạm hải phận VNCH.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về an ninh, quân sự; tình hình an ninh, quân sự tại Sài Gòn - Gia Định, các tỉnh.

- Báo cáo tình hình thực tại và chương trình, kế hoạch hoạt động chính yếu trong 2 năm của Bộ Quốc phòng.

- Tài liệu về hình thức tác chiến của quân lực VNCH và đồng minh.

- Tài liệu thuyết trình của Bộ Quốc phòng về hệ thống thiết kế quốc phòng và kế hoạch quốc phòng 4 năm.

- Tài liệu về tối tân hóa và phát triển quân lực VNCH 8 năm.

- Tài liệu về liên minh quân sự Việt Nam - Campuchia - Lào - Thái Lan.

- Tài liệu về việc mở khóa huấn luyện quân chánh, Tổng thống chủ tọa lễ mãn khóa.

- Huấn thị của Đại tướng Cao Văn Viên về việc quân lực VNCH trưng dụng để giải tán các cuộc biểu tình, bạo động, tài liệu về hoạt động của Việt cộng, biến cố Tết Mậu Thân; bản chụp tài liệu hoạt động của Việt cộng.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về việc gọi thanh niên, công chức nhập ngũ.

- Tài liệu về việc quân đội Campuchia bắn vào tàu hải quân VNCH.

- Tài liệu về việc tham nhũng trong quân đội, cái chết của một số sĩ quan, hoạt động của quân tiếp vụ và ngành quân vụ.

- Tài liệu của Cục Tâm lý chiến về hoạt động tâm lý chiến.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống về việc sử dụng khóa ngụy thoại.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng về việc khai thác và trao trả tù binh giữa Việt cộng và VNCH, khai thác tài liệu của Cộng sản về nghị quyết, chỉ thị, thông tư của Trung ương Cục miền Nam.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về việc tổng kết các cuộc hành quân sang biên giới Lào - Campuchia và ném bom ra miền Bắc.

- Tài liệu về "Chiến dịch thừa thắng xông lên" tái chiếm các vùng Cộng sản chiếm đóng.

- Tài liệu của Nha Địa dư Quốc gia về việc tân tạo bản đồ Việt Nam.

- Tài liệu về hoạt động của Quân đoàn 1, Thiết giáp binh; hoạt động của ngành chiến tranh chính trị, Hải quân VNCH, Quân đoàn 4, Không quân.

- Tài liệu về quản lý, cấp phát, sử dụng quân xa, công xa trong quân đội.

- Tài liệu về việc viện trợ quân sự và việc sử dụng quân đội của các nước cho VNCH.

- Hoạt động của Quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, phái đoàn Bộ Quốc phòng thăm viếng VNCH, bản tin báo cắt nói về sự can thiệp của Mỹ tại Việt Nam, hoạt động của Hải quân, Không quân Hoa Kỳ, máy bay Hoa Kỳ xạ kích lầm vào quân lực VNCH đóng tại trường Phước Đức - Chợ Lớn, quân đội Hoa Kỳ tàn sát thường dân tại xã Sơn Mỹ - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi, Hoa Kỳ rút quân khỏi VNCH, lễ tiễn đưa quân nhân Hoa Kỳ về nước.

3. Tài liệu về an ninh

- Tài liệu của Bộ Tư lệnh CSQG về việc Đảng Lao động Việt Nam chỉ thị Trung ương Cục miền Nam ám sát Tổng thống, Phó Tổng thống, Thủ tướng.

- Tài liệu về việc Ủy hội Luật gia Quốc tế xin trả tự do và phỏng vấn việc bắt bà Ngô Bá Thành.

- Hồ sơ về tình hình "nguy hại" tại trại tù binh Phú Quốc.

- Hồ sơ điều tra hành vi thân cộng của Dân biểu Nguyễn Ngọc Nghĩa, Phạm Xuân Huy.

- Tài liệu về hoạt động kinh tài của Việt cộng.

- Báo cáo ngày, tuần, tháng, năm của Tổng nha CSQG.

- Báo cáo đặc biệt, tin tức hàng ngày của Tổng nha Cảnh sát.

- Tài liệu của Hạ Nghị viện, Bộ Nội vụ về hành quân kiểm soát sổ gia đình.

- Tài liệu của Tòa Thị chính Đà Lạt về việc cứu xét, an trí các can phạm bị bắt trong các cuộc hành quân của Cảnh sát.

- Tài liệu về việc sử dụng những biện pháp thích nghi với người chứa chấp những kẻ phạm pháp tàng trữ vũ khí.

- Lời tuyên bố, huấn thị của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Trung tướng Nguyễn Chánh Thi về tình hình chính trị, đất nước.

- Bản nghiên cứu đặc biệt của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo về địa bàn tiếp vận của Việt cộng trên đất Cambốt.

- Báo cáo chính trị đặc biệt của Nha Giám đốc CSQG, Cục An ninh Quân đội.

- Tài liệu của Bộ Nội vụ, VTX về Huấn thị điều hành, huấn luyện chính trị cho các khóa nhân dân tự vệ, và việc nữ sinh Huế bị bắt buộc gia nhập nhân dân tự vệ.

- Luật trừng trị tội bắt cóc.

- Biện pháp đối với linh mục Nguyễn Ngọc Lan và Giáo sư Châu Tân Luận.

- Tài liệu của Văn phòng Đặc biệt về việc Lê Văn Viên bị câu lưu về tội hoạt động đảng phái bất hợp pháp và chống Chính phủ VNCH.

- Báo cáo của Nha Tổng Giám đốc CSQG về việc đấu tranh, đình công của công nhân.

- Tài liệu của Nha Tổng Giám đốc CSQG về các hoạt động của các đoàn thể chính trị.

- Tài liệu của Bộ Nội vụ về việc di chuyển can phạm nội địa ra Côn Sơn và phân loại, cải huấn, cải tiến lề lối giải quyết tình trạng can phạm.

- Tài liệu về một máy bay của không lực VNCH trốn sang Singapore.

- Tài liệu của Bộ Nội vụ, các tỉnh về tình trạng dân số toàn quốc.

4. Tài liệu về chính trị

- Tài liệu của Bộ Chiêu hồi về tình hình chiêu hồi và chính sách đại đoàn kết dân tộc.

- Tài liệu về các phong trào chống VNCH và can thiệp của Mỹ ở Việt Nam.

- Kế hoạch, báo cáo về tình hình an ninh, chính trị.

- Tài liệu về hoạt động chính trị của trí thức, sinh viên và học sinh.

- Tài liệu tịch thu được của Việt cộng về tổ chức Trung ương Cục miền Nam.

- Tài liệu về hòa đàm Ba Lê giữa VNCH, Hoa Kỳ, Đồng minh.

- Dự thảo thư của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu gửi Cụ Hồ Chí Minh bàn về hòa bình tại Việt Nam.

- Tài liệu về các hoạt động của Cộng sản Bắc Việt.

- Tài liệu về tù binh Bắc Việt, VNCH, Mỹ.

- Bảng tổng kết tình trạng phạm nhân liên quan đến biến cố chính trị đã được khoan hồng, chế tài.

- Tài liệu của Tòa Đại sứ VNCH tại Anh về các phong trào chống VNCH và can thiệp của Mỹ ở Việt Nam.

- Tuyên cáo của Chính phủ VNCH về các giải pháp hòa bình, phỏng vấn Tổng thống Johnson của Đài truyền tin Networks về vấn đề hòa bình tại Việt Nam, tài liệu về dư luận Hoa Kỳ đối với cuộc chiến tại Việt Nam, quan điểm của một số quốc gia trong việc tìm kiếm hòa bình và quan điểm của Bắc Việt trong việc giải quyết chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, tài liệu về việc tiếp xúc chính trị của Tổng thống VNCH tại Dinh Độc Lập, đối phó với các tổ chức chính trị trá hình của Cộng sản.

- Tài liệu của Tổng Thư ký Phủ Tổng thống về việc thống nhất những danh từ dùng để gọi các tổ chức Cộng sản và lập trường của Việt Nam đối với việc vận động hòa bình.

- Tài liệu về việc dược sĩ Nguyễn Thái Nhuận - Chủ tiệm thuốc tây Tân Việt, Chợ Lớn gửi mua thuốc chữa bệnh cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tài liệu về việc tiếp nhận 100 cán bộ Cộng sản bị bắt tại Thái Lan do Chính phủ Thái Lan trao trả.

- Tài liệu của Bộ Chiêu hồi về việc ấn định giá biểu các khoản phụ cấp cho người hồi chánh và tưởng thưởng cho những người có công vận động chiêu hồi.

- Tài liệu về các phiên họp khoáng đại lần thứ 1 - 121 bàn về vấn đề hòa bình Việt Nam tại Paris năm 1969.

- Bản tường trình của Bộ Ngoại giao về tù binh, báo "Le Monde" (Pháp) xuyên tạc cách đối xử tù binh của VNCH với tù binh Cộng sản Bắc Việt bị bắt tại Ai Lao, phái đoàn quốc tế muốn thăm viếng đề lao, trại giam tù binh Cộng sản, phóng thích tù binh Bắc Việt nan y, tàn phế.

- Tài liệu về vụ ba dân biểu Trần Ngọc Châu, Hoàng Hồ, Phạm Thế Trúc liên lạc với Việt cộng.

- Tài liệu về việc ba giáo viên Kim Mạnh, Thạch Tết, Sơn Thọ tổ chức sư sãi Việt gốc Miên biểu tình bạo động.

- Phiếu trình của Bộ Ngoại giao về lời kêu gọi hòa bình của cựu Hoàng Bảo Đại.

- Tài liệu về hoạt động của Ủy ban Liên hiệp Quân sự hai bên, bốn bên về việc thi hành Hiệp định Ba Lê.

- Tài liệu nhận định về tình hình chính trị tại Việt Nam, các đề nghị giải pháp chính trị ôn hòa để ngừng tiếng súng giữa hai miền Nam - Bắc.

- Thư của Thủ tướng VNCH gửi Tổng thống và Chủ tịch Thượng Nghị viện Hoa Kỳ về cuộc tấn công của Cộng sản và bày tỏ quan điểm được ký kết thỏa hiệp kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Bản tin của VTX tại ngoại quốc đưa tin thông điệp của Tổng thống Hoa Kỳ về sự thất bại của VNCH.

- Điểm báo của Bộ Ngoại giao, đài BBC về tình hình chiến cuộc tại Việt Nam.

- Bản tin VTX về vấn đề ngừng bắn tại Việt Nam.

- Tập công điện trao đổi giữa Chính phủ VNCH với Đại sứ VNCH tại các nước về tình hình chính trị tại Việt Nam.

5. Tư pháp

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về Đại hội Luật gia chế bản gửi tin về thành tích hoạt động một năm của Bộ Tư pháp.

- Phiếu trình, báo cáo của Văn phòng Tổng thống, Bộ Tư pháp về sự thiệt hại của các cơ quan Tư pháp trong vụ biến cố Tết Mậu Thân.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Tư pháp về việc ân xá, ân giảm cho các tù nhân nhân dịp các ngày lễ, tết.

- Tài liệu của Bộ Tư pháp giới thiệu Bộ Luật giá thú, tử hệ thay hệ thay thế Bộ Luật Gia đình, luật lệ hiện hành trừng trị các hành vi phản động phá hoại, thông đồng tiếp tay cho Cộng sản.

- Hồ sơ về soạn thảo ban hành Bộ Dân luật, Bộ Hình luật, Luật quy chế ngành chưởng khế.

- Thông báo của Bộ Tư pháp về thể thức bồi thường tai nạn lưu thông do quân nhân đồng minh gây ra.

- Hồ sơ về vụ án Thượng toạ Thích Thiện Minh bác đơn xin ân xá của tử tội Huỳnh Bá Vạn, Mai Văn Thát, Huỳnh Công Cảnh, bác đơn xin ân xá của Luật sư Trương Đình Dzu.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống về tổng kết ân xá.

- Tài liệu về việc chấp nhận cho người nước ngoài được nhận con nuôi tại Việt Nam.

- Tài liệu về Đại hội Thẩm phán toàn quốc.

6. Thanh tra

- Tài liệu về bài trừ tham nhũng, buôn lậu, vận chuyển á phiện.

- Các đơn từ khiếu nại, tố cáo.

- Tài liệu về việc soạn thảo các sắc luật nhằm hữu hiệu hóa công cuộc bài trừ tham nhũng.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về việc phát động phong trào bài trừ chống tham nhũng.

- Báo cáo của Tòa Đại biểu Chính phủ, Văn phòng Thanh tra liên tỉnh về việc chống tham nhũng.

- Tài liệu về nạn tham nhũng tại Sài Gòn, các tỉnh, điều tra tham nhũng tại Cơ quan Tiếp vận Trung ương, ngành điện lực, Biệt khu 44, quỹ tương trợ và tiết kiệm quân nhân.

- Tài liệu kê khai tài sản của nhân viên Văn phòng Tổng thống.

- Tài liệu về việc các dân biểu tố cáo Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có hành vi tham nhũng.

- Đơn, thư tố cáo tham nhũng, buôn lậu, vận chuyển á phiện.

7. Ngoại giao

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác tháng, quý, năm của Bộ Ngoại giao.

- Tài liệu về chính sách ngoại giao của VNCH.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc Bộ trưởng Trần Chánh Thành giải đáp các thắc mắc liên quan đến đường lối ngoại giao của VNCH.

- Tài liệu của Thượng Nghị viện, Phụ tá Liên lạc Quốc hội về việc tái lập hòa bình tại Việt Nam và một số biến cố.

- Tài liệu, tin tức báo chí Indonesia và các nước đưa tin về chiến cuộc tại Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về cải cách thủ tục về quy chế Việt kiều.

- Báo cáo của Bộ Ngoại giao về kế hoạch và tổng kết những thực hiện của Chính phủ trong lĩnh vực ngoại giao.

- Báo cáo hoạt động của Tòa Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, tài liệu về việc các nhiệm sở ngoại giao VNCH thuộc vùng Á châu Thái Bình Dương tổ chức họp báo phổ biến đạo luật "Người cày có ruộng".

- Tài liệu về hoạt động và thành tích của Tòa Đại sứ VNCH tại Phnôm-Pênh.

- Tài liệu của Chủ tịch Thượng Nghị viện, Tòa Đại sứ Việt Nam tại Washington về hoạt động của cựu Trung tướng Nguyễn Chánh Thi và việc Giáo sư Nguyễn Thanh Bình xin cho Trung tướng Thi hồi hương.

- Tuyên bố của Bộ Ngoại giao VNCH về cuộc tổng tiến công của Việt cộng, tài liệu về công tác ngoại giao vận và hoạt động của Bắc Việt tại Liên Hiệp Quốc.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc các nước công nhận và tuyên bố quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

- Tài liệu về việc Thụy Sĩ, Úc thiết lập quan hệ ngoại giao với Bắc Việt, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và cho phép mở phái bộ thường trực, văn phòng liên lạc tại Thụy Sĩ, Úc.

- Tài liệu hướng dẫn về nghi lễ ngoại giao, tiếp ngoại giao đoàn tại Đà Lạt và Phan Rang.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao, VTX về hoạt động của Việt kiều tại Ai Lao, hoạt động của Phái bộ Quân sự VNCH tại Campuchia.

- Tài liệu về cựu Hoàng Bảo Đại khởi tố Tòa án khẩn cấp Paris xin trục xuất Đại sứ VNCH tại Pháp ra khỏi căn nhà số 69 Avenue De Vilers, Paris 17è.

- Phúc trình của Tòa Đại sứ VNCH tại Rome về việc tiếp xúc và liên lạc với Tòa thánh Vatican.

- Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao về việc Chính phủ Gia Nã Đại tiếp nhận dân tị nạn và cứu trợ nạn nhân chiến cuộc Việt Nam.

- Tài liệu thuyết trình về bang giao và tương tranh quốc tế, Thông cáo chung giữa VNCH với các nước và giữa các nước khác trên thế giới. Tài liệu về việc Mã Lai Á dự định mời VNCH gửi giám sát viên tham dự thao diễn quân sự và thương thuyết thỏa hiệp hàng không giữa VNCH với Mã Lai Á.

- Tài liệu ký kết hiệp ước cứu trợ và giao hoàn phi hành gia hoặc khí cụ không quân rơi xuống trái đất, tài liệu về các văn kiện song phương giữa VNCH và đồng minh. Tài liệu nghiên cứu của Phụ tá Đặc biệt về Ngoại vụ về quyền ký hiệp ước quốc tế của Tổng thống VNCH, Hoa Kỳ, Pháp và các vấn đề thỏa ước hành pháp. Bản kê các văn kiện ngoại giao do VNCH ký kết hoặc gia nhập.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc VNCH tham dự Hội nghị ngoại giao về tái xác định và phát triển Luật Nhân đạo quốc tế tại Genève, tài liệu tu chỉnh Thỏa ước Việt - Mỹ.

- Tài liệu về tình hình chính trị tại Campuchia, Ai Lao, Đại Hàn, Mỹ, Tây Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Pháp, Tây Ban Nha, Ba Tây.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về các cuộc viếng thăm của Tổng thống VNCH, các phái đoàn tại Hoa Kỳ, Đại Hàn, Trung Hoa Dân quốc, Đài Loan, Phi Luật Tân,...

- Tài liệu về việc Tổng thống các nước và phái đoàn nước ngoài viếng thăm VNCH, tài liệu về việc xin thu hình, phỏng vấn Tổng thống, Tổng thống tiếp khách, họp báo.

8. Tài liệu về kinh tế

- Chương trình và chính sách phát triển, ổn định kinh tế VNCH.

- Tài liệu về các phiên họp của Ủy ban Kinh tế - Tài chính.

- Tài liệu về ngân sách quốc gia của các phủ, bộ, tỉnh.

- Tài liệu về thành lập ngân hàng tại các tỉnh.

- Tài liệu về tuyên cáo, tuyên bố của Chính phủ VNCH, Bộ Ngoại giao đối với tài nguyên thiên nhiên quốc gia trong vùng biển, dưới đáy biển, tranh chấp biên giới, tìm kiếm, khai thác dầu mỏ thềm lục địa.

- Thiết lập các khu công nghiệp, khuếch trương hệ thống thủy điện, viễn thông, GTVT, các vấn đề khẩn hoang lập ấp.

- Tài liệu về áp dụng thuế GTGT, miễn thuế, ấn định giá lúa, gạo.

- Dự luật về chấn chỉnh kinh tế - tài chính quốc gia.

- Chương trình và chính sách phát triển, ổn định kinh tế VNCH, kế hoạch tài chính trong thời kỳ chuyển tiếp.

- Chính sách kinh tế đoản kỳ của Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo của Bộ Kinh tế về tình hình hoạt động tháng, quý, năm, 3 năm. Tài liệu của Tổng Nha Kế hoạch về kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế 4 năm.

- Biên bản các phiên họp của Ủy ban Kinh tế - Tài chính.

- Thông điệp của Tổng thống VNCH về các biện pháp kinh tế tài chính và các ý kiến xung quanh Thông điệp này, bài thuyết trình của Tổng trưởng Kinh tế Tài chính về tình hình và các chủ trương, đường lối của Chính phủ trong lĩnh vực kinh tế.

- Tài liệu về Hội nghị Phát triển Kinh tế Vùng 1 Chiến thuật miền Bắc Trung nguyên Trung phần.

- Bản thống kê kinh tế tài chính 10 năm.

- Tài liệu của Giáo sư Nguyễn Văn Hảo nhận định về tình hình kinh tế tài chính Việt Nam trong 15 năm.

- Danh sách các quốc gia, các tổ chức, cá nhân đang viện trợ hoặc sẽ viện trợ cho VNCH, tài liệu đề nghị viện trợ ngầm của thế giới tự do cho VNCH.

- Tài liệu về việc Chính phủ Mỹ viện trợ kinh tế và quân sự cho VNCH, hợp đồng bảo đảm đầu tư của các cơ quan viện trợ Mỹ, tình hình viện trợ của Nhật Bản, tài liệu về việc VNCH xin viện trợ của Ý.

- Tài liệu của Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Tái thiết và Phát triển về chương trình phát triển kinh tế các vùng; chương trình cải cách kinh tế mùa thu.

- Tài liệu về việc ổn định và phát triển kinh tế trong giai đoạn Việt Nam hóa chiến tranh.

- Dự án Luật Bài trừ tham nhũng và chống lạm phát của Dân biểu Phan Huỳnh Đức.

- Tài liệu ban hành Luật Ngân sách quốc gia, dự án ngân sách quốc gia của các Bộ.

- Tài liệu của Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương về việc cấp ngân khoản đặc biệt cho Hội đồng.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế về việc ước lượng tình hình ngân sách và sai ngạch lạm phát.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế về tình hình viện trợ thương mại và tín dụng ngoại quốc.

- Tài liệu về việc cấp quỹ đặc biệt cho Tổng Giám đốc CSQG, Tổng Tham mưu Quân lực VNCH.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc giải tán liên hiệp tiền tệ và thanh toán tiền tệ giữa VNCH - Campuchia và Lào.

- Tài liệu ban hành Luật "khoản đảm tái thiết và tương trợ", Luật Ấn định quan thuế biểu xuất, nhập cảng.

- Tài liệu của Tổng thống VNCH, Liên Bộ Kinh tế Tài chính về biện pháp đối với các vụ vi phạm luật lệ thuế vụ.

- Tài liệu của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam về áp lực lạm phát và đề án cải tổ của USAID nhằm chống lạm phát.

- Tài liệu về việc chuyển ngân bồi hoàn cho Tòa Lãnh sự Việt Nam tại Hồng Kông.

- Báo cáo của Viện Thống kê về sự tiến triển của giá cả. Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Kinh tế về việc mỗi xã mở tại Ty Ngân khố tỉnh "trương mục không lời" và nới rộng cho vay quỹ tiểu thương cho quân nhân, công chức.

- Tài liệu về việc Phái đoàn VNCH dự Hội nghị Liên hiệp quốc về Mậu dịch và Phát triển tại New Delhi.

- Tài liệu về Hội chợ "kỹ nông công thương", VNCH tham dự các hội chợ quốc tế.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế, Nha Mãi mại, tỉnh Ba Xuyên, Bình Định về việc thu mua, chuyên chở, bán lúa gạo, hàng hóa.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Bộ Kinh tế về việc sản xuất nông - ngư - lâm nghiệp liên hệ tới vấn đề xuất cảng.

- Tài liệu về việc VNCH gia nhập Hiệp định Quốc tế về khế ước du lịch.

- Tài liệu của Nhóm Nghiên cứu Kế hoạch Hành chính về kế hoạch phục hồi và phát triển kỹ nghệ Việt Nam.

- Bảng thống kê kỹ nghệ sản xuất và nhập cảng của VNCH.

- Tài liệu của Thượng Nghị viện khuyến cáo Chính phủ sớm ban hành Dự Luật ấn định tổ chức, điều hành, quản trị và kế hoạch phát triển các xí nghiệp công.

- Tài liệu ban hành Luật Tìm kiếm, khai thác dầu mỏ, cùng điều kiện thuế khóa, lệ phí và hối đoái liên hệ. Tài liệu về việc dời khu Mỹ nghệ An Hòa - Nông Sơn về gần Nhà máy Nhiệt điện Đà Nẵng.

- Tài liệu của Bộ Phát triển Nông thôn và các tỉnh về việc xin tái thiết, xây cất cầu, đường ở các địa phương, dự án xây dựng cầu Bắc Mỹ Thuận.

- Tài liệu về việc Hỏa xa Việt Nam xin tái thiết các thiết lộ.

- Tài liệu của Nha Kiến thiết và Thiết kế Đô thị về bản tổng kết cuộc hội thảo chỉnh trang đô thành và vùng phụ cận, tài liệu của Phủ Thủ tướng về việc cấp ngân sách quốc gia xây cất gia cư cho thương phế binh và chỉnh trang khu Thủ Thiêm, An Khánh, Quận 9. Tài liệu về việc thuê, mua, hoán đổi nhà, đất.

- Hồ sơ ban hành Luật "Người cày có ruộng", bài nói chuyện của Tổng thống nhân dịp lễ phát bằng khoán ruộng đất tại các tỉnh.

- Tài liệu của Phái đoàn Kinh tế Mỹ tại Việt Nam về việc nền nông nghiệp Việt Nam bị tàn phá nhưng vẫn phát triển.

- Tài liệu về việc hợp tác kinh tế với tổ chức TCRR của Đài Loan về canh nông.

- Chương trình hoạt động tổng quát của Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp.

- Tờ trình của Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông về dự án xây đập Ba Tri thuộc tỉnh Kiến Hòa.

- Tài liệu của Bộ trưởng Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục về hoạt động phát triển nông nghiệp.

- Ban hành Luật phê chuẩn thỏa ước vay tiền của Ngân hàng Phát triển Á châu để phát triển ngư nghiệp.

9. Tài liệu về văn hóa - xã hội - đoàn thể

- Tài liệu về tổ chức các ngày lễ, tết.

- Kế hoạch, báo cáo về giáo dục, thông tin, y tế, xã hội.

- Tài liệu về hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, nghiệp đoàn, các hiệp hội, mặt trận, tổ chức phụ trợ.

- Tài liệu về công tác cứu trợ nạn nhân chiến cuộc, bão lụt.

10. Tài liệu về hoạt động riêng biệt

- Tài liệu về các chuyến kinh lý của Tổng thống, các bài nói chuyện, diễn văn.

- Báo chí phục vụ cho Tổng thống.

- Đơn, thư, thiệp trong nước, ngoài nước gửi Tổng thống.

- Hoạt động của phu nhân, lễ đính hôn của con gái Tổng thống.

11. Tài liệu về tổ chức

- Tài liệu về bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống, Thượng Nghị viện, Hạ Nghị viện nhiệm kỳ I, II.

- Bầu cử Hội đồng đô, tỉnh, thị, xã.

- Tài liệu tổ chức bộ máy các cơ quan Chính phủ, các bộ, đô, tỉnh, thị.

- Tài liệu về đề bạt, bổ nhiệm, thăng thưởng, hồ sơ nhân sự các nhân vật cao cấp, nhân viên các phủ, bộ.

- Tài liệu về tổ chức hành chính tại Trung ương, địa phương.

- Tài liệu về dự luật "Hải phận Việt Nam", soạn thảo, ban hành Sắc luật ấn định lãnh hải Việt Nam về phương diện ngư nghiệp, các vi phạm chủ quyền VNCH trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, thu thập tài liệu chứng minh chủ quyền của VNCH trên đảo Hoàng Sa, Trường Sa, các tàu thuyền nước ngoài vi phạm hải phận Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế về việc phổ biến ranh giới thềm lục địa Việt Nam.

- Tài liệu về việc tách, sáp nhập, điều chỉnh ranh giới các tỉnh, quận, huyện, xã.

12. Tài liệu thi đua khen thưởng

- Tài liệu về việc thiết lập các loại huân, huy chương.

- Tài liệu về ân thưởng Bảo quốc Huân chương, Chương Mỹ Bội tinh, huy chương,… cho các cá nhân trong và ngoài nước.

- Tài liệu về lễ gắn huân, huy chương.

13. Tài liệu về Hành chính - Quản trị

- Chỉ thị của Tổng thống về cách thức làm hồ sơ trình Tổng thống đọc và ký các văn kiện.

- Tài liệu về hội nghị, hội thảo hành chính.

- Tập lưu các sắc lệnh, nghị định, công văn, phiếu trình.

- Tài liệu về cách sắp xếp và lưu trữ hồ sơ.

- Tài liệu về trực hàng ngày, di dời văn phòng, mua xe, xăng nhớt, địa chỉ, điện thoại của các phủ, bộ.

PHÔNG PHỦ THỦ TƯỚNG VIỆT NAM CỘNG HÒA (1954 - 1975)

*** Số lượng tài liệu:** 1,021.50 mét

*** Thời gian tài liệu:** 1954 - 1975

*** Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Nhật, Pháp, Ý, Thái, Hàn, Đài Loan, Nga, Miên, Đức, Miến Điện

*** Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy, bản đồ, ảnh)

*** Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách

*** Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 6/7/1954, Quốc trưởng Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 43-CP ấn định thành phần Chính phủ và bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam kiêm Tổng trưởng Bộ Nội vụ[1].

Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng tồn tại đến ngày 23/10/1955 là ngày trưng cầu dân ý để thành lập chính thể Cộng hòa.

Với Hiến ước tạm thời số 1 ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm tự phong mình là Quốc trưởng đồng thời cũng là Thủ tướng Chính phủ lấy danh hiệu là "Tổng thống VNCH"[2].

Ngày 1/11/1963, Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Với biến cố này đã chấm dứt chế độ gia đình trị của họ Ngô.

---

1 Công báo Việt Nam năm 1954, tr. 1692.

2 Công báo VNCH năm 1955, tr. 2.

Từ tháng 11/1963 có các đời Thủ tướng sau:

- Chính phủ lâm thời Nguyễn Ngọc Thơ từ ngày 4/11/1963 - 7/2/1964.

- Nội các Nguyễn Khánh từ ngày 8/2/1964 - 31/10/1964.

- Nội các Trần Văn Hương từ ngày 4/11/1964 - 28/1/1965.

- Nội các Nguyễn Xuân Oánh từ ngày 28/1/1965 - 16/2/1965.

- Nội các Phan Huy Quát từ ngày 16/2/1965 - 11/6/1965.

- Nội các Nguyễn Cao Kỳ từ ngày 19/6/1965.

- Nội các Nguyễn Văn Lộc từ ngày 9/11/1967.

- Nội các Trần Văn Hương thành lập ngày 25/5/1968.

- Nội các Trần Thiện Khiêm thành lập ngày 1/9/1969 - 4/4/1975.

- Nội các Nguyễn Bá Cẩn từ ngày 4/4/1975 - 24/4/1975.

Ngày 28/4/1975, Vũ Văn Mẫu được cử làm Thủ tướng Chính phủ, trong khi nội các chưa thành hình thì ngày 30/4/1975 miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Về tổ chức Phủ Thủ tướng, từ thời Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng và khi làm Tổng thống kiêm Thủ tướng đều lấy cơ cấu tổ chức Phủ Thủ tướng thời Nguyễn Văn Tâm làm chính, trên cơ sở đó sửa đổi và bổ sung thêm. Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các đời Thủ tướng tiếp tục lên nắm chính quyền nhưng chỉ trong thời gian ngắn, vì vậy tổ chức Phủ Thủ tướng cơ bản vẫn giữ nguyên.

Từ năm 1965 trở về sau, do tình hình chính trị ổn định nên cơ cấu tổ chức rõ ràng hơn.

Sắc lệnh số 155-SL/Th.T/PC1 ngày 6/7/1974 và Nghị định số 623-NĐ/Th.T/PC1 ngày 8/8/1974 ấn định lại tổ chức Phủ Thủ tướng gồm: Phụ tá Đặc biệt, Văn phòng Đặc biệt, Võ phòng, Văn phòng Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng.

Phụ tá Đặc biệt: Các Phụ tá Đặc biệt do Thủ tướng bổ nhiệm và trực tiếp điều động. Mỗi Phụ tá Đặc biệt phụ trách một hay nhiều lĩnh vực do Thủ tướng ấn định cụ thể: Phụ trách công tác văn thư và điều

hành tổng quát, liên lạc với các cơ quan, đánh máy công văn, tài liệu, lưu trữ hồ sơ.

Văn phòng Đặc biệt: do một Chánh Văn phòng điều khiển với sự trợ giúp của một Bí thư, một Công cán Ủy viên, một số Tham chánh Văn phòng. Ngoài ra Văn phòng Đặc biệt còn có ba Phòng phụ trách: Công vụ mật và dành riêng, Văn thư và liên lạc tổng quát, Mật mã.

Võ phòng: do một Chánh Võ phòng điều khiển với một Phụ tá, có nhiệm vụ: thu thập và đệ trình Thủ tướng Chính phủ các vấn đề thuộc phạm vi quân sự trong và ngoài nước; bảo vệ an ninh cận Phủ Thủ tướng; Phòng Phủ Thủ tướng và tư dinh Thủ tướng theo dõi việc thực hiện các kế hoạch hoặc giải pháp đã được ấn định liên quan tới chiến lược và chiến thuật, tổ chức huấn luyện, tiếp vận, quản trị nhân viên của quân lực VNCH; nghiên cứu các đề nghị liên quan đến việc áp dụng và thực hiện các kế hoạch giải pháp nói trên; phụ trách về kế hoạch truyền tin tại Phủ Thủ tướng.

Văn phòng Bộ trưởng Phủ Thủ tướng gồm: các Phụ tá Bộ trưởng, Chánh Văn phòng, Bí thư, một số Công cán Ủy viên, một số Tham chánh Văn phòng. Trực thuộc Văn phòng Bộ trưởng có hai phòng là: Phòng Huy chương, Phòng Xã hội và Tiếp liệu.

Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng: do một Tổng Thư ký điều khiển và hai Phó Tổng Thư ký phụ tá, có nhiệm vụ: Phụ trách các vấn đề liên quan đến Hành chính Trung ương và địa phương kể cả quốc phòng và các ngành, bổ nhiệm các chức vụ từ Phó Tổng Giám đốc trở lên và các Trưởng cơ quan tự trị, các vấn đề liên quan đến ngành ngoại giao, tư pháp, trưng thu, trưng dụng, chỉnh trang lãnh thổ, nhà, phố, đất đai; các vấn đề liên quan đến kế hoạch phát triển quốc gia, kinh tế - tài chính, ngoại viện, công ốc, công xa, lương bổng, phụ cấp quân nhân, công chức, cán bộ, nhân viên chính quyền; các vấn đề về văn hóa, giáo dục, thanh niên, y tế, xã hội, lao động cựu chiến binh, dân vận, chiêu hồi, sắc tộc, các vấn đề thuộc Trường Quốc gia Hành chính, Trường Cao đẳng Quốc phòng. Theo dõi, cứu xét và phúc trình các vấn đề có tính cách chính trị, cứu trình các ý kiến, thỉnh nguyện, khiếu nại của Hội đoàn và tư nhân; nghiên cứu

các vấn đề về pháp lý, tổ chức quản trị, cải tổ hành chính; giải quyết các vấn đề về nghi lễ, lập chương trình hoạt động của Thủ tướng, tổ chức các buổi lễ, tiệc; theo dõi báo chí để phân tích, phúc trình Thủ tướng các tin tức quốc tế, dư luận báo chí trong và ngoài nước, soạn thảo và phổ biến các tin tức liên quan đến hoạt động của Thủ tướng.

Những văn bản liên quan đến việc thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của Phủ Thủ tướng:

- Sắc lệnh số 1-SL-Th.T/VP ngày 13/11/1967 và bổ túc Sắc lệnh số 39-SL/Th.T/VP ngày 21/12/1967 và Nghị định áp dụng số 285-NĐ/Th.T/VP cùng ngày.

- Sắc lệnh số 51-SL/Th.T/VP ngày 3/6/1968 và sửa đổi bởi Sắc lệnh số 152-SL/Th.T/CS ngày 5/11/1968 và Nghị định số 1337-NĐ/PTh.T/CS ngày 24/12/1968.

- Sắc lệnh số 176-SL/Th.T/QTCS ngày 1/12/1972 sửa đổi tổ chức Phủ Thủ tướng.

- Sắc lệnh số 155-SL/Th.T/PC1 ngày 6/7/1974 ấn định lại tổ chức Phủ Thủ tướng và Nghị định số 623-NĐ/Th.T/PC1 ngày 8/8/1974.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu chung

- Tài liệu về các phiên họp Hội đồng Nội các, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quân chánh, Hội đồng Dân quân,...

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo hoạt động của phủ, bộ và các tỉnh.

- Tập lưu quyết định, nghị định, biên bản họp Hội đồng Nội các.

- Tập lưu công văn, công điện, sự vụ lệnh.

- Tài liệu về công tác bình định xây dựng, phát triển ấp chiến lược.

- Tài liệu về viện trợ của Hoa Kỳ cho chương trình phát triển.

- Tài liệu về hoạt động của Trung tâm Điện toán.

2. Tài liệu về hành chính - quản trị

- Tập lưu dụ của Đức Quốc trưởng.

- Tập lưu các luật, sắc luật, sắc lệnh, thông tư.

- Tập lưu công văn, công điện, sự vụ lệnh.

- Sổ ghi công văn.

- Tài liệu về việc di dời công sở.

3. Tài liệu về hoạt động riêng biệt.

- Hoạt động của Quốc trưởng, Thủ tướng: yết kiến, chiêu đãi, kinh lý.

- Điệp văn, thư của các đoàn thể, cá nhân xin phế truất Bảo Đại.

- Tập lưu diễn văn, công văn, thư từ chúc mừng Thủ tướng.

4. Tài liệu về tổ chức.

- Tài liệu về phân ranh địa giới.

- Tài liệu về hoạt động của Quốc hội.

- Tài liệu về bầu cử Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

- Tài liệu về cải tổ hành chính và công vụ.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Phủ Thủ tướng và các cơ quan trực thuộc, các bộ, các tỉnh.

5. Tài liệu về thi đua - khen thưởng

- Tập Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định về việc ân thưởng Huân, Huy chương,...

6. Tài liệu về nội an - quân sự - an ninh - chính trị

- Chương trình, kế hoạch quân sự, an ninh, tình báo,...

- Báo cáo hoạt động của Bộ Quốc phòng, các quân khu, đơn vị.

- Hồ sơ Hội nghị Genève 1954, Hiệp định Paris.

- Hồ sơ các hiệp ước, thỏa ước quân sự với nước ngoài.

- Tập bản tin, công văn, công điện về tình hình an ninh, quân sự và chính trị trong và ngoài nước.

- Tài liệu về việc tuyển dụng đào tạo sĩ quan, huấn luyện và công tác quân dịch.

- Bản đồ hành chính, quân sự, không ảnh.

- Hồ sơ các cuộc hành quân, chiến dịch.

- Hồ sơ các hoạt động của Việt Minh, Việt cộng và các lực lượng đảng phái đối lập.

- Tài liệu về việc kiểm soát hoạt động của các hiệp hội, nghiệp đoàn.

- Tài liệu về vấn đề di cư, tị nạn.

- Hồ sơ về việc quản lý, sử dụng và cấp phát quân trang, quân dụng, và khí tài quân sự.

- Hồ sơ về việc kiểm soát xuất, nhập cảnh.

- Tài liệu về việc bảo đảm an ninh cho Thủ tướng và nguyên thủ quốc gia.

- Hồ sơ về các cuộc đảo chính và biến cố chính trị.

- Hồ sơ về việc ban bố tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật trên toàn quốc.

- Tài liệu về việc kiểm tra tài nguyên quốc gia trong thời kỳ bình định lãnh thổ.

- Hồ sơ về các cuộc công du, thăm viếng các quân khu, tỉnh của các nguyên thủ quốc gia.

- Hồ sơ về việc tham dự các hội nghị ở nước ngoài.

- Tài liệu về việc Hội Hồng Thập tự Việt Nam xin ban hành quy ước về bảo vệ dân thường trong chiến tranh và chế độ tù binh.

- Tài liệu về việc bố trí, sử dụng các hệ thống thông tin liên lạc.

- Các văn bản pháp quy, luật, sắc lệnh, nghị định,...

- Hồ sơ về việc tiếp nhận quản lý và phân phối viện trợ quân sự nước ngoài.

- Tài liệu về việc quản lý trại giam, tù nhân.

- Tài liệu về hoạt động của quân đội Hoa Kỳ và các nước tại VNCH.

- Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ, tết cho các lực lượng và quân đội Đồng minh.

- Tài liệu về vấn đề trợ cấp cho sinh viên thụ huấn quân sự.

- Tài liệu về vấn đề tôn giáo, ngoại kiều.

- Tài liệu về việc triệt thoái quân đội Đồng minh tại miền Nam Việt Nam.

- Hồ sơ các phiên họp của Ủy ban An ninh.

- Tài liệu về hoạt động của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam: Hội đồng Thập tự, Ủy hội Quốc tế, Ủy ban Liên hợp Quân sự bốn bên.

- Tài liệu về hoạt động của Cựu Hoàng Bảo Đại.

- Hoạt động báo chí tại Việt Nam.

- Hồ sơ về việc quản lý phạm nhân.

7. Tài liệu về tư pháp

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo của Bộ Tư pháp.

- Các bộ luật soạn thảo, sửa đổi và ban hành sắc lệnh, dụ,...

- Tài liệu về hộ tịch: thay đổi quốc tịch, khai sinh, khai tử, kết hôn, cho và nhận con nuôi.

- Tài liệu về việc phóng thích, xét xử, ân xá, giảm án cho phạm nhân.

- Các cuộc hội thảo, đại hội của ngành tư pháp.

8. Tài liệu về ngoại vụ

- Tài liệu về các cuộc thăm viếng của các phái đoàn, chính khách VNCH và các nước, các tổ chức tôn giáo.

- Tài liệu về các cuộc thương thuyết, thỏa ước giữa VNCH với các nước.

- Hoạt động của Tòa Đại sứ VNCH tại các nước.

- Tài liệu về chính sách đối ngoại của VNCH.

- Tài liệu về việc tham dự các hội nghị quốc tế.

- Tài liệu về ngoại giao của Việt cộng.

- Bản tin hàng tuần của Bộ Ngoại giao.

- Tài liệu về hoạt động của quân đội Bắc Việt.

- Tài liệu về tình hình Việt kiều ở các nước.

- Tài liệu về vấn đề biên giới với Cao Miên.

- Tài liệu về việc chúc mừng Việt Nam và các quốc gia nhân dịp quốc khánh, lễ, tết.

9. Tài liệu về thanh tra

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo về công tác thanh tra.

- Hồ sơ về việc điều tra xác minh đơn, thư khiếu nại và tố cáo các vụ việc tham nhũng, lợi dụng và có hành vi mờ ám.

- Tài liệu về việc kiểm tra, kiểm soát hành chính - tài chính tại các tỉnh, các cơ quan.

- Tập lưu công văn của cơ quan Tổng Thanh tra Trung ương.

10. Tài liệu về kinh tế - tài chính

- Các văn bản pháp quy về kinh tế - tài chính: Luật, Sắc lệnh, Nghị định,...

- Kế hoạch và báo cáo của các bộ, ngành khối kinh tế - tài chính.

- Tài liệu về Hội nghị kế hoạch Colombo.

- Tài liệu về vấn đề viện trợ.

- Dự trù, chuẩn y và ban hành ngân sách của các bộ, ngành và địa phương.

- Tài liệu về việc tham gia, tham dự các Hội nghị đàm phán, ký kết các Hiệp ước kinh tế - tài chính với nước ngoài.

- Tài liệu về các phiên họp của Ủy ban Kinh tế - Tài chính.

- Tài liệu về các thể thức chi tiêu ngân sách quốc gia.

- Tài liệu về vấn đề giao dịch ngân hàng: tín dụng, chuyển ngân, hối đoái tiền tệ.

- Tài liệu về quản lý và sử dụng các quỹ.

- Tài liệu về việc ấn định, tu chỉnh và thi hành các sắc thuế.

- Tài liệu về việc ấn định và áp dụng giá biểu trong các lĩnh vực kinh tế.

- Tài liệu về việc quản lý và sử dụng công sản.

- Tài liệu về thanh toán lương, thưởng, bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân chiến tranh.

- Tài liệu về việc kiểm soát tài sản của công chức.

- Tài liệu về việc quản lý và khai thác khách sạn và khuếch trương du lịch.

- Tài liệu về hoạt động sổ xố kiến thiết.

- Tài liệu về việc đề nghị thành lập thị trường chung châu Á.

- Tài liệu về việc xuất nhập cảng: máy móc, thiết bị, hàng hóa.

- Tài liệu về việc thu mua, kiểm soát tiếp tế lúa gạo, hàng hóa và nhu yếu phẩm.

- Tài liệu về việc tham dự các hội chợ thương mại ở nước ngoài.

- Tài liệu về việc đàm phán, ký kết các thương ước với nước ngoài.

- Tài liệu về việc khai thác tài nguyên, khoáng sản: than đá, dầu mỏ, thủy điện.

- Tài liệu về việc quản lý, khai thác giao thông công chánh: đường bộ, đường thủy, hàng không, thương cảng.

- Tài liệu về việc thiết lập và phát triển các khu CKN.

- Tài liệu về việc quy hoạch kiến trúc đô thị, xây dựng nhà cửa, đường sá và các công trình khác.

- Tài liệu về việc ấn định các thể lệ quản lý và khai thác các dịch vụ bưu chính viễn thông, khí tượng thủy văn.

- Tài liệu về công tác quản lý ruộng đất, cải cách điền địa: khai khẩn, mua bán, cấp phát.

- Tài liệu về việc xây dựng các hệ thống thủy lợi.

- Tài liệu về việc khai phá, cải hóa các khu rừng và khai thác lâm sản.

- Tài liệu về hoạt động của các khu dinh điền, đồn điền.

- Tài liệu về việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi.

11. Tài liệu về văn hóa - xã hội

- Báo cáo hoạt động của các Bộ, Nha, Sở thuộc khối VHXH.

- Các văn bản pháp quy về lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế.

- Tài liệu về việc tổ chức các ngày lễ, tết, khánh tiết.

- Tài liệu về việc tổ chức lạc quyên, công tác cứu trợ.

- Tài liệu về việc kiểm duyệt báo chí, phim ảnh: đình chỉ, thu hồi, thiêu hủy các ấn phẩm vi phạm luật.

- Tài liệu về việc tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Tài liệu về việc xét, cấp học bổng cho các du học sinh.

- Tài liệu về việc hoạt động của các tổ chức tôn giáo, đoàn thể xã hội, sinh viên,...

- Tài liệu về việc giao lưu thể thao, văn hóa với các nước.

- Tài liệu về các buổi lễ trao giải thưởng điện ảnh, văn học.

- Tài liệu về việc bài trừ các tệ nạn xã hội.

- Tài liệu về việc thành lập đoàn thể, hiệp hội,...

- Tài liệu về việc bảo vệ thắng cảnh, di tích văn hóa.

PHÔNG TÒA ĐẠI BIỂU CHÍNH PHỦ NAM PHẦN (4/8/1954 - 1959)

* **Số lượng tài liệu:** 104 mét
* **Thời gian tài liệu:** 4/8/1954 - 1959
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Dụ số 21 ngày 4/8/1954, chức Thủ hiến chính thức bị bãi bỏ, thay vào đó là các Đại biểu Chính phủ tại Phần trong đó có Đại biểu Chính phủ tại Nam phần[1]. Theo đó, Đại biểu Chính phủ tại Nam phần có chức năng đại diện cho Chính phủ và thực thi các nhiệm vụ được Chính phủ giao phó tại các tỉnh Nam phần. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Đại biểu Chính phủ được quy định tại Dụ số 57a ngày 24/10/1956 của Tổng thống VNCH.

Theo tài liệu hiện có trong phông, Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần được tổ chức như sau[2]:

Đứng đầu Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần là một Đại biểu Chính phủ và bên cạnh Đại biểu Chính phủ là một Ủy viên Chính trị và Hành chính. Tổ chức Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần gồm có:

- Đổng lý Văn phòng và Phòng Công văn.

---

1 Công báo Việt Nam năm 1954, tr. 1980.

2 Hồ sơ D.3 - 58, Phông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần.

- Đổng lý Sự vụ.

- Võ phòng.

- Quản trị Địa phương Ngoại quốc Viện trợ.

Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần bị bãi bỏ bằng Sắc lệnh số 480-TTP ngày 24/9/1958 của Tổng thống VNCH[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Khối tài liệu này đã được phân loại sơ bộ theo khung phân loại Boudet, gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1. Văn bản pháp quy

- Các Sắc lệnh của Tổng thống VNCH.

- Các nghị định, quyết định, chỉ thị của Đại biểu Chính phủ Nam phần.

2. Tổ chức chính quyền Trung ương

- Tài liệu về tổ chức nhân sự, các nghị định, quyết định về nhân viên, hồ sơ nhân viên.

- Tài liệu về sửa đổi ranh giới các tỉnh Nam phần.

- Công văn trao đổi giữa Tòa Đại biểu và các tỉnh Nam phần.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Nha Công an Nam phần.

- Tài liệu về hoạt động của bảo an, vệ binh, các trung tâm huấn luyện.

- Tài liệu về tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh Nam phần.

- Hoạt động của Việt cộng, Pháp, Mỹ.

- Tài liệu về hoạt động của tôn giáo, ngoại kiều.

- Kiểm báo.

---

1 Công báo VNCH năm 1958, tr. 3780.

3. Tổ chức chính quyền địa phương

- Phúc trình tổng quát hàng năm, hàng tháng của các tỉnh Nam phần.

- Phúc trình kinh lý của các tỉnh trưởng tại Nam phần.

- Bản tin tức các địa phương của các tỉnh Nam phần.

- Địa phương chí các tỉnh Nam phần.

- Tài liệu về công tác bình định các xã.

4. Chính trị

- Hiệp ước Genève 1954.

- Tài liệu về thanh tra chính trị, hành chính các tỉnh Nam phần.

5. Tư pháp

- Hoạt động của các nhà tù.

- Phóng thích tội phạm.

6. Công chánh - Giao thông

- Xây cất, quản lý, duy tu nhà cửa, công thự.

- Xây cất, quản lý, duy tu, đổi tên, quy hoạch đường sá.

7. Văn hóa, giáo dục, xã hội

- Tổ chức bộ máy, nhân sự ngành giáo dục.

- Các cuộc thi cử.

- Xây dựng đài kỷ niệm, hoạt động của các viện bảo tàng.

- Các hoạt động VHXH khác.

PHÔNG NHA TỔNG QUẢN TRỊ
(1969 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 7,28 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Điều 66 của Hiến pháp VNCH ngày 1/4/1967 quy định Phó Tổng thống là Chủ tịch Hội đồng VHGD, Hội đồng KTXH và Hội đồng các Sắc tộc thiểu số[1]. Trên thực tế, đến năm 1969, Tổng thống VNCH mới ban hành Luật ấn định tổ chức và điều hành của các Hội đồng trên. Năm 1972, Nha Tổng Quản trị được thành lập với nhiệm vụ như sau: quản trị nhân viên, quản trị kế toán, hành chính,... cho 3 Hội đồng trên. Hoạt động của Nha Tổng Quản trị chấm dứt vào tháng 4/1975.

Về tổ chức Nha Tổng Quản trị các Hội đồng: VHGD, KTXH, các sắc tộc có Sở Công tác. Tổ chức Sở Công tác gồm:

- Phòng Chương trình.
- Phòng Thông tin.
- Phòng Công tác.
- Phòng Phổ biến tài liệu.
- Ban Công văn.

1 Niên giám Hành chính năm 1971, tr. 19.

Theo Nội vụ lệnh số 05/HDVHGD/CT ngày 14/8/1970 của Chánh sự vụ Sở Công tác thì nhiệm vụ của từng Phòng, Ban được ấn định cụ thể như sau[1]:

1. Phòng Công tác gồm 2 Ban

* ***Ban Thư ký có nhiệm vụ:***

- Phối hợp với Văn phòng Thường trực để phổ biến các văn kiện liên hệ thuộc mỗi Hội đồng.

- Kiểm soát chỗ ngồi tại phòng họp trước giờ khai mạc.

- Kiểm diện hội viên dự phiên họp.

- Lập biên bản các phiên họp khoáng đại và chuyển bản thảo đến Tổng Thư ký Hội đồng.

- Nhận bản thảo các tài liệu, biên bản của Văn phòng Tổng Thư ký và các Ủy ban; chuyển đánh máy và soát lại trước khi in.

* ***Ban An ninh Hành chính và phục dịch có nhiệm vụ:***

- Túc trực tại Sở và các phòng làm việc của các Hội đồng.

- Vệ sinh trong khu vực làm việc của Sở và các Hội đồng.

- Cung cấp nước uống hàng ngày.

- Chuẩn bị các phòng làm việc và phòng họp.

- Trang trí các buổi lễ.

- Trang bị hệ thống phóng thanh và ghi âm.

2. Phòng Chương trình

- Liên lạc với Văn phòng Thường trực các Hội đồng lập chương trình các khóa họp định kỳ (chương trình cả năm).

- Niêm yết lịch trình các phiên họp của Hội đồng và các Ủy ban.

- Thông báo chương trình các phiên họp cho Ban An ninh Hành chính và phục dịch để sửa soạn phòng họp.

---

1 Hồ sơ 25, phông Nha Tổng Quản trị các Hội đồng: Văn hóa Giáo dục, Kinh tế Xã hội, các Sắc tộc.

- Tiếp nhận, đăng ký, phổ biến, lưu trữ các dự án, đề án, phúc trình, biên bản của các Hội đồng và các Ủy ban chuyên môn.

3. Phòng Thông tin

- Điểm báo hàng ngày.

- Soạn thảo và phổ biến các bản tin, thông cáo của Hội đồng.

- Liên lạc và cung cấp tin tức về hoạt động của Hội đồng cho các cơ quan thông tấn.

- Triệu tập hội viên và mời quan khách dự các khóa họp và các buổi lễ.

- Lưu trữ danh sách và lý lịch các hội viên.

- Phụ trách thực hiện nội san và kỷ yếu của Hội đồng.

4. Phòng Phổ biến tài liệu

- Ấn loát các tài liệu, phúc trình, tham luận, dự án, đề án, biên bản của các Hội đồng và và các Ủy ban.

- Đánh máy các văn kiện của Sở và các Hội đồng.

5. Ban Công văn

- Nhận vào sổ và đệ trình các công văn gửi đến Sở và các Hội đồng.

- Phân phối hoặc lưu trữ các công văn đến.

- Trình ký, cho số và gửi đi các nơi công văn của Sở và các Hội đồng.

- Giữ sổ công văn đến, công văn đi thường và mật, các con dấu của Sở và mỗi Hội đồng.

- Hồ sơ luân chuyển các văn kiện.

- Hồ sơ nghỉ phép, nghỉ bệnh của nhân viên.

- Hồ sơ nguyên tắc tổ chức hành chính và tuyển dụng nhân viên.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau

- Tài liệu về hoạt động của Hội đồng VHGD, Hội đồng KTXH, Hội đồng các Sắc tộc.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự của Nha Tổng Quản trị các Hội đồng.

- Các tập luật, sắc luật, sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện,… của Tổng thống, Thủ tướng, Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Thượng Nghị viện, Hạ Nghị viện, các Bộ và các cơ quan khác.

- Các tập lưu công văn đi, phiếu gửi, tờ trình, chứng thư hành chính.

- Tài liệu về hoạt động của nhân dân tự vệ.

- Tài liệu về việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản.

PHÔNG HỘI ĐỒNG KINH TẾ XÃ HỘI
(1969 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 14,87 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 -1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu bằng tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Hội đồng KTXH được thành lập theo Điều 95, 96 Hiến pháp của VNCH ngày 1/4/1967 và được Luật số 013/69 ngày 25/9/1969 quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ[(1)].

Nội quy của Hội đồng KTXH được duyệt y bởi Sắc lệnh số 616-TT/SL ngày 3/7/1970 của Tổng thống và được tu chỉnh một số điều tại Sắc lệnh số 258-TT/SL ngày 28/3/1973 của Tổng thống VNCH[(2)].

Nhiệm vụ của Hội đồng KTXH như sau:

- Cố vấn Chính phủ, trình bày sáng kiến, đề nghị kế hoạch về các vấn đề KTXH.

- Tham gia ý kiến bằng văn thư hoặc cử đại diện thuyết trình trước Hạ Nghị viện hoặc Thượng Nghị viện về các vấn đế kinh tế và xã hội.

- Hội đồng phải được Tổng thống tham khảo ý kiến về các kế hoạch từ 4 năm trở lên và các dự thảo luật liên quan tới vấn đề KTXH.

---

1 Hồ sơ số 73, phông Hội đồng Kinh tế Xã hội.

2 Hồ sơ số 73, phông Hội đồng Kinh tế Xã hội.

Thành phần và tổ chức của Hội đồng bao gồm:

**** Thành phần Hội đồng:***

- 1 Chủ tịch.

- 1 Phó Chủ tịch đặc nhiệm về kinh tế.

- 1 Phó Chủ tịch đặc trách về xã hội.

- 1 Tổng Thư ký và 1 Phó Tổng Thư ký.

- 45 hội viên chính thức.

- 18 hội viên dự khuyết.

Nhiệm kỳ của hội viên là 4 năm.

**** Tổ chức Hội đồng:***

- Văn phòng Thường trực.

- Các ban chuyên môn.

Mỗi khóa họp thường lệ không quá 15 ngày và các phiên họp của Hội đồng của các Tiểu ban không công khai.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Phúc trình hoạt động của Hội đồng KTXH.

- Hồ sơ các khóa họp thường lệ và bất thường của Hội đồng KTXH.

- Hồ sơ các phiên họp của Văn phòng thường trực và các liên Ban và Trưởng ban chuyên môn thuộc Hội đồng KTXH.

- Tập lưu nghị định, quyết định, phiếu trình, công văn đi của Hội đồng KTXH.

- Tài liệu về việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Hội đồng KTXH.

- Tài liệu về việc viếng thăm các nước và xuất ngoại để dự hội nghị, học tập và nghiên cứu các chương trình hợp tác kinh tế của các Phái đoàn Hội đồng KTXH.

- Tài liệu về việc viếng thăm các tỉnh và các cơ sở sản xuất trong nước của các Phái đoàn Hội đồng KTXH.

2. Tài liệu về tổ chức

- Tài liệu về việc thành lập, tổ chức bộ máy của Hội đồng KTXH.

- Tài liệu về việc đề cử, bổ nhiệm hội viên Hội đồng KTXH.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, thuyên chuyển, biệt phái, nâng ngạch, nâng lương, kỷ luật, từ nhiệm, nghỉ phép của nhân viên.

- Hồ sơ cá nhân nhân viên, hội viên Hội đồng KTXH.

PHÔNG HỘI ĐỒNG VĂN HÓA GIÁO DỤC
(1969 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 17,25 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Hội đồng VHGD do Hiến pháp năm 1968 của VNCH quy định tại các Điều 93, 94 và được thành lập, tổ chức theo Luật số 005/69 ngày 2/5/1969[1].

Nội quy của Hội đồng VHGD được duyệt y bởi Sắc lệnh số 617-TT/SL ngày 3/7/1970[2] và được tu chỉnh một số điều tại Sắc lệnh số 804-TT/SL ngày 11/10/1972[3] của Phủ Tổng thống VNCH.

- Chủ tịch Hội đồng VHGD là Phó Tổng thống VNCH theo Điều 66 Hiến pháp VNCH.

- Thành phần và nhiệm kỳ các Hội viên của Hội đồng VHGD được ấn định tại các Điều 3, 4, 5, 6 và 7 của Luật 005/69 ngày 2/5/1969.

Trong trường hợp nhiệm kỳ của Hội viên chấm dứt trước thời hạn, Tổng thống sẽ bổ nhiệm Hội viên dự khuyết thuộc thành phần liên hệ ghi ở Điều 4 Luật số 005/69 ngày 2/5/1969 theo thứ tự ưu tiên

1 Hồ sơ số 67, phông Hội đồng Văn hóa Giáo dục.
2 Hồ sơ số 67, phông Hội đồng Văn hóa Giáo dục.
3 Hồ sơ số 67, phông Hội đồng Văn hóa Giáo dục.

ấn định trong danh sách dự khuyết chậm nhất là một tháng kể từ ngày xảy ra tình trạng khống khuyết.

Nhiệm vụ của Hội đồng VHXH được ấn định tại các Điều 93, 94 Hiến Pháp VNCH như sau:

- Cố vấn Chính phủ trong việc hoạch định và thực thi chính sách VHGD.

- Trình bày ý kiến và soạn thảo kế hoạch về các vấn đề VHGD.

- Nghiên cứu việc thiết lập Hàn lâm viện Quốc gia.

- Hội đồng VHGD có thể tham gia ý kiến về các dự luật liên quan đến VHGD hoặc cử đại diện thuyết trình trước Quốc hội về các vấn đề liên hệ.

Thành phần và tổ chức của Hội đồng bao gồm:

* ***Thành phần Hội đồng:***

- 1 Chủ tịch: Phó Tổng thống.

- 1 Phó Chủ tịch đặc nhiệm về văn hóa .

- 1 Phó Chủ tịch đặc trách về giáo dục.

- 1 Tổng Thư ký và 1 Phó Tổng Thư ký.

- 45 hội viên chính thức.

- 15 hội viên dự khuyết.

Nhiệm kỳ của hội viên là 4 năm

* ***Tổ chức Hội đồng:***

- Văn phòng Thường trực gồm:
  + Một Chủ tịch.
  + Một Phó Chủ tịch đặc trách văn hóa.
  + Một Phó Chủ tịch đặc trách giáo dục.
  + Một Tổng Thư ký.
  + Một Phó Tổng Thư ký.
- Các Ủy ban chuyên môn gồm:
  + Ủy ban Nghiên cứu thiết lập Hàn lâm viện Quốc gia.

+ Ủy ban Nhân văn.

+ Ủy ban Nghệ thuật.

+ Ủy ban Bảo tồn di tích lịch sử và Phát triển các cơ sở văn hóa.

+ Ủy ban Đại học.

+ Ủy ban Trung, Tiểu học.

+ Ủy ban Kỹ thuật và Chuyên nghiệp.

+ Ủy ban VHGD đại chúng.

+ Ủy ban Thanh Thiếu niên.

- Văn phòng Ủy ban chuyên môn gồm có:

+ 1 Chủ tịch Ủy ban.

+ 1 Phó Chủ tịch Ủy ban.

+ 1 Thư ký.

+ 1 hay nhiều thuyết trình viên.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Tập lưu văn bản pháp quy.

- Các văn kiện ấn định thể thức bầu cử Hội viên Hội đồng, bầu các Ban chuyên môn.

- Tập lưu công văn, công điện, phiếu gửi.

- Tài liệu về các phiên họp của các ban chuyên môn.

- Các đề nghị, dự án thiết lập chính sách VHGD, thiết lập Hàn lâm viện.

- Tài liệu về việc tuyển dụng, thăng thưởng, bổ nhiệm,... nhân viên.

- Hồ sơ về việc thi hành ngân sách.

- Nhận định về chế độ quân dịch đối với giáo dục đại học.

- Tài liệu về việc hội viên xin từ dịch.

- Các bài thuyết trình.

- Tập bản tin các loại.

PHÔNG HỘI ĐỒNG CÁC SẮC TỘC
(1969 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 17,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Hội đồng các Sắc tộc do Hiến pháp VNCH ngày 1/4/1967 quy định tại các Điều 97, 98 được thành lập và tổ chức bởi Luật số 014/69 ngày 14/10/1969 của Tổng thống VNCH[1].

Nhiệm vụ của Hội đồng các Sắc tộc như sau:

- Cố vấn Chính phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.

- Trình bày ý kiến và soạn thảo kế hoạch về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.

- Nghiên cứu việc thiết lập Hàn lâm viện Quốc gia.

- Hội đồng các Sắc tộc, với sự chấp thuận của Quốc hội, có thể cử đại diện liên quan đến đồng bào thiểu số.

- Quốc hội có thể tham khảo ý kiến Hội đồng các Sắc tộc về các dự luật liên quan đến đồng bào thiểu số trước khi đưa ra thảo luận.

Thành phần và tổ chức của Hội đồng bao gồm:

---

1 Hồ sơ số 124, phông Hội đồng các Sắc tộc.

** Thành phần Hội đồng:*

- 1 Chủ tịch: Phó Tổng thống.
- 1 Phó Chủ tịch.
- 1 Tổng Thư ký và 2 Phó Tổng Thư ký.
- 48 hội viên chính thức.
- 12 hội viên dự khuyết.

Nhiệm kỳ của hội viên là 4 năm.

** Tổ chức Hội đồng:*

- Văn phòng Thường trực.
- Các Ủy ban chuyên môn.

Mỗi khóa họp thường lệ không quá 15 ngày.

Mỗi khóa họp bất thường không quá 10 ngày.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Phúc trình hoạt động của Hội đồng các Sắc tộc.
- Hồ sơ các khóa họp thường lệ của Hội đồng các Sắc tộc.
- Hồ sơ các phiên họp của Văn phòng Thường trực và các Ủy ban chuyên môn thuộc Hội đồng các Sắc tộc.
- Sổ đăng ký công văn đi, công văn đến của Hội đồng các Sắc tộc.
- Tài liệu về việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Hội đồng các Sắc tộc.

2. Tài liệu về tổ chức

- Tài liệu về tổ chức và điều hành Hội đồng các Sắc tộc.
- Tài liệu về tổ chức nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, thuyên chuyển, biệt phái, nâng ngạch, nâng lương, kỷ luật, từ nhiệm, nghỉ phép của nhân viên.

- Hồ sơ cá nhân, hội viên Hội đồng các Sắc tộc.

- Tài liệu về việc viếng thăm và công tác tại các tỉnh và các cơ sở sản xuất trong nước của các Phái đoàn Hội đồng các Sắc tộc.

- Tài liệu về các hoạt động khác của Hội đồng các Sắc tộc.

- Tài liệu về công tác kiến điền, quản trị và sử dụng ruộng đất tại các khu vực sinh sống chính của đồng bào Thượng.

- Các tập lưu nghị định, quyết định, phiếu trình, công văn đi, công điện, phiếu gửi của Hội đồng các Sắc tộc.

PHÔNG TỔNG NHA ĐẶC TRÁCH PHÁT TRIỂN NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN (1969 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 22,40 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên là cơ quan trực thuộc Phủ Thủ tướng được thành lập bởi Sắc lệnh số 0112/PTh.T/QTCS ngày 18/9/1969[1].

Tổng nha có nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp cho người Việt gốc Miên, nghiên cứu chương trình học vấn cho phù hợp với khả năng của các học viên người Việt gốc Miên.

Nghị định số 1211-NĐ/Th.T/QTCS ngày 17/11/1969 ấn định tổ chức và điều hành của Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên[2] như sau:

- Tổng nha do 01 Tổng Giám đốc điều khiển và có 01 Phó Tổng Giám đốc phụ giúp công việc.

---

1 Hồ sơ số 193 phông Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên.

2 Hồ sơ số 9519, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Tổ chức gồm có:

+ Phòng Bí thư.

+ Phòng Văn thư.

+ Thanh Tra Đoàn.

+ Sở Hành chính, Nhân viên và Kế toán.

+ Sở VHGD.

+ Sở KTXH.

+ Các Ty và Ty liên tỉnh.

Từ năm 1971 đến năm 1973, Tổng nha có một số thay đổi về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ qua các Nghị định: số 884-NĐ/Th.T/QTCS ngày 1/9/1971[1]; số 354-NĐ/Th.T/QTCS ngày 1/9/1971[2]; số 096-NĐ/Th.T/QTCS ngày 26/1/1973[3] và số 658-NĐ/PTh.T/PC.I ngày 20/8/1974[4].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Sổ kiểm soát lý lịch an ninh, ghi công văn đi, đến; sổ Phật tử, sổ theo dõi thanh toán, trợ cấp, lương bổng.

- Báo cáo công tác an ninh hành chính hàng tháng của các ty, báo cáo nguyệt trạng của các nha, ty.

- Bảng tổng hợp thống kê các chùa, tình hình tôn giáo các tỉnh.

- Sổ lưu chứng minh thư, sổ thống kê phiếu lý lịch, sổ ghi chứng chỉ người Việt gốc Miên, sổ đăng ký thăng thưởng nhân viên.

- Lưu công văn đi, đến, sự vụ lệnh, công điện, phiếu trình.

- Kế hoạch Miên vận, chương trình phát triển sắc tộc các tỉnh.

---

1 Hồ sơ số 9519, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9519, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3 Hồ sơ số 9519, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

4 Hồ sơ số 9519, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Dự án ngân sách, dự án cầu viện, chương trình thực phẩm phụng sự hòa bình, dự án phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt.

- Báo cáo thi hành ngân sách, kinh phí ước chi, công tác cứu trợ, trợ cấp cho người Việt gốc Miên.

- Hồ sơ xin xây cất, sửa chữa chùa chiền, trường học, bệnh viện cho người Việt gốc Miên.

- Danh sách học sinh, sinh viên người Việt gốc Miên được trợ cấp, cấp học bổng.

- Danh sách các tu sĩ, thanh niên người Việt gốc Miên nhập ngũ, hoãn dịch, chứng chỉ quân dịch, quân nhân biệt phái.

- Hồ sơ, đơn từ khiếu nại của sư sãi, kiến nghị của Giáo hội Phật giáo.

2. Tài liệu về tổ chức

- Tài liệu nguyên tắc về tuyển dụng, quản lý nhân viên; hồ sơ cá nhân, hồ sơ lương bổng nhân viên, danh sách công chức xuất ngoại tu nghiệp.

- Danh sách dân số các tỉnh, danh sách người Việt gốc Miên các tỉnh, danh sách các tu sĩ.

PHÔNG TỔNG NHA NGÂN SÁCH VÀ NGOẠI VIỆN (1949 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 32,9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện được thành lập bởi Sắc lệnh số 15-TTP ngày 14/11/1955 trực thuộc Phủ Thủ tướng[1].

Theo Nghị định số 1245-TTP/NS ngày 8/5/1956 Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện có nhiệm vụ[2]:

- Thiết lập và kiểm soát việc thi hành ngân sách quốc gia.

- Xem xét và kiểm soát việc thi hành ngân sách của những đoàn thể công quyền thứ cấp và tự trị.

- Khảo sát việc thi hành ngân sách và tình trạng kế toán của các cơ quan tài chính mà sự điều hành có ảnh hưởng đến ngân sách quốc gia.

- Cứu xét và chiếu hội tất cả các dự án có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến ngân sách quốc gia.

Theo Sự vụ Văn thư số 732-TTP/VP ngày 24/4/1957 thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện đặt trực thuộc Phủ Thủ tướng[3].

---

1 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Với Sự vụ Văn thư số 689-TTP/NSNV ngày 21/4/1958, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện được đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Giám đốc và có Phó Tổng Giám đốc phụ tá[1].

Với Nghị định số 9-TC ngày 6/11/1963, thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện trực thuộc Bộ Tài chính[2].

Theo Nghị định số 122-TTP/VP ngày 16/1/1965, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện trực thuộc Phủ Thủ tướng[3].

Theo Sắc lệnh số 015/TT/SL ngày 18/11/1967, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện trực thuộc Phủ Thủ tướng[4].

Theo tờ trình số 190/PTh.T/SX ngày 16/4/1975 của Phó Thủ tướng Đặc trách sản xuất thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện đặt dưới quyền điều động trực tiếp của Bộ Tài chính[5].

Đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam 30/4/1975 thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện chấm dứt hoạt động.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự, tiền lương

- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của các bộ.
- Tài liệu về cải tổ hành chính địa phương.
- Tài liệu quy định về thể lệ hành nghề, quy chế nhân viên.
- Tình hình kinh phí, lương bổng nhân viên.

---

1 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 5667, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
5 Hồ sơ số 10307, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3. Tài liệu về thuế, ngân sách, kế toán

- Sắc lệnh, Nghị định về thuế.

- Sắc luật quy định về đầu tư.

- Dự án vay nước ngoài.

- Phúc trình về ngân sách của các tỉnh, các ngành.

- Báo cáo tổng kết chi tiêu của các Trung tâm Chuẩn chi.

- Biểu tổng hợp về thâu ngân sách quốc gia.

- Bảng kết toán ngân sách, bảng kê kinh phí và đề nghị giải tỏa kinh phí của các ngành, tỉnh.

- Trợ cấp ngân sách cho các tỉnh, trại cải huấn.

- Chứng từ ngân sách quốc gia về việc giải ngân kinh phí viện trợ Mỹ.

- Tài liệu về trợ cấp của Hoa Kỳ, Pháp cho VNCH.

- Thủ tục chuyển nhượng và sa thải vật dụng Mỹ.

- Thỏa hiệp án, thủ tục sử dụng quỹ đối giá.

- Biên bản họp của Hội đồng Liên bộ.

- Tài liệu về việc xây dựng tại các cơ quan, các tỉnh.

- Bảng kê bất động sản của nhân viên các tỉnh.

- Tập khế ước cung cấp văn phòng phẩm.

- …

PHÔNG PHỦ TỔNG ỦY DI CƯ TỴ NẠN

(-)

* **Số lượng tài liệu:** 4 mét
* **Thời gian tài liệu:**
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:**

Tài liệu chưa được xác định nội dung.

PHÔNG PHỦ TỔNG TÂN SINH NÔNG THÔN

(-)

* **Số lượng tài liệu:** 16,30 mét
* **Thời gian tài liệu:**
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:**

Tài liệu chưa được xác định nội dung.

PHÔNG PHỦ TỔNG ỦY CÔNG VỤ
(1933 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 355,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1933 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** rách, mối, dính kết
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 26/1/1954, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58-NV thiết lập Nha Tổng Giám đốc Công vụ trực thuộc Tổng trưởng Bộ Nội vụ[1]. Điều khiển Nha này là một Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám đốc phụ tá.

Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Nha Tổng Giám đốc Công vụ được quy định bằng Nghị định số 10-NĐ/CT ngày 24/2/1954 như sau[2]:

* ***Nhiệm vụ:***

- Soạn thảo các văn kiện chung, các quy chế về công vụ, bảo an và hưu bổng cho các công chức và nhân viên Chính phủ.

- Quản trị công chức và nhân viên các hạng.

- Thỏa hiệp với các bộ để tổ chức và cải tổ các công sở.

* ***Tổ chức:***

- Sở Trung ương.

---

1 Công báo VNCH năm 1954, tr. 436.

2 Công báo VNCH năm 1954, tr. 570.

- Nha Pháp chế và Tố tụng.

- Nha Quản trị Nhân viên.

Năm 1955, theo Sắc lệnh số 16-TTP ngày 14/11/1955 của Tổng thống VNCH thì Nha Tổng Giám đốc Công vụ là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống, những thẩm quyền và chức chưởng về công vụ trước đây thuộc Bộ trưởng Nội vụ nay do Tổng thống đảm nhiệm[1].

Năm 1965, Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 66-TTP ngày 6/4/1965 giải tán Nha Tổng Giám đốc Công vụ và phân phối nhiệm vụ của Nha này cho các bộ và nha, sở khác[2].

Năm 1967, Nha Tổng Giám đốc Công vụ được thành lập lại bằng Sắc lệnh số 6-SL/Th.T/VP ngày 17/11/1967 của Thủ tướng Chính phủ và đặt cơ quan này trực thuộc Phủ Thủ tướng[3].

Ngày 5/3/1968, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 261-NĐ/Th.T/CS quy định tổ chức của Nha Tổng Giám đốc Công vụ như sau[4]:

- Phòng Bí thư.

- Sở Hành chính và Kế toán.

- Nha Nghiên cứu và Pháp chế.

- Nha Quản trị Nhân viên.

- Nha Huấn luyện Tu nghiệp và Giao tế.

- Sở Lưu trữ và Thống kê.

Đến năm 1973, Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 419-TT/SL ngày 19/5/1973 cải biến Nha Tổng Giám đốc Công vụ thành Phủ Tổng ủy Công vụ và đặt trực thuộc Phủ Tổng thống[5]. Sau đó, ngày 20/8/1973 ban hành tiếp Nghị định số 156-TT/NĐ để ấn định tổ chức của Phủ này như sau[6]:

---

1 Công báo VNCH năm 1955, tr. 61.

2 Công báo VNCH năm 1965, tr. 1527.

3 Công báo VNCH năm 1967, tr. 489.

4 Công báo VNCH năm 1968, tr. 1494.

5 Công báo VNCH năm 1973, tr. 2488.

6 Công báo VNCH năm 1973, tr. 4155.

- Ban Cố vấn.

- Văn phòng Tổng ủy trưởng.

- Thanh tra đoàn.

- Đoàn chuyên viên.

- Tổng Nha Quản trị Nhân viên.

- Tổng Nha An ninh Hành chính.

- Nha Quản trị Công sở.

- Các cơ quan trực thuộc.

Năm 1974, Phủ Tổng ủy Công vụ là cơ quan thuộc Phủ Thủ tướng được ấn định bằng Sắc lệnh số 133-TT/SL ngày 18/2/1974 của Tổng thống VNCH[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

- Tài liệu về tổ chức bộ máy: Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định,...

- Tài liệu về tổ chức nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng thưởng, đào tạo,...

- Dự thảo ngân sách, bảng kê khai tài sản, tài liệu về quản trị hành chính, tài chính và các hoạt động khác của Phủ Tổng ủy Công vụ.

- Tài liệu về cải tổ hành chính công vụ.

- Tài liệu về các hội nghị, hội thảo.

- Tài liệu về các cuộc công cán trong và ngoài nước.

- Tài liệu về an ninh hành chính, phòng vệ cơ sở.

- Đơn, thư tố cáo, khiếu nại.

1 Công báo VNCH năm 1974, tr. 970.

PHÔNG HỘI ĐỒNG AN NINH VÀ PHÁT TRIỂN (1965 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 97,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1965 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung, Campuchia, Thái
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tiền thân của Hội đồng An ninh và Phát triển là các hội đồng:

- Hội đồng Tái thiết Nông thôn (4/1965 - 7/1965).
- Hội đồng Xây dựng Nông thôn (7/1965 - 11/1968).
- Hội đồng Bình định Phát triển (11/1969 - 1971).
- Hội đồng Tái thiết Phát triển (1973).
- Hội đồng An ninh và Phát triển (1974).

Hội đồng Tái thiết Nông thôn Trung ương được thành lập do Sắc lệnh số 64/TTP ngày 5/4/1965 sau khi bãi bỏ Ủy ban Bình định Trung ương và Hội đồng Nội An[(1)].

Ngày 30/7/1965, với Sắc lệnh số 157-XDNT, Hội đồng Tái thiết Nông thôn Trung ương bị bãi bỏ và thay vào đó là Hội đồng Xây dựng Nông thôn Trung ương[(2)].

---

1 Sắc lệnh số 104-SL/CT ngày 9/3/1964.

2 Công báo VNCH năm 1965, tr. 3035.

Với Sắc lệnh số 155-SL/BĐXD ngày 9/11/1968, Hội đồng Bình định và Xây dựng nông thôn Trung ương được thành lập để thay thế cho Hội đồng Xây dựng Nông thôn Trung ương[1].

Năm 1969, Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 098-SL/BĐXD ngày 5/9/1969 sáp nhập Trung ương Ủy ban Quốc gia Nhân dân Tự vệ và Ủy ban Trung ương Phượng Hoàng vào hệ thống Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương[2].

Sắc lệnh số 626a/TT/SL ngày 15/11/1969 đổi tên Hội đồng Bình định và Phát triển các cấp thành Hội đồng Bình định và Phát triển[3]. Thành phần, tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng Bình định và Phát triển vẫn được giữ nguyên.

Hội đồng Bình định và Phát triển các cấp được đổi tên lại là Hội đồng Tái thiết và Phát triển theo Sắc lệnh số 150-TT/SL ngày 15/3/1973[4].

Sau cùng, Hội đồng Tái thiết Phát triển được đổi tên thành Hội đồng An ninh và Phát triển vào ngày 22/2/1974 theo Sắc lệnh số 150-TT/SL[5].

* ***Thành phần Hội đồng bao gồm:***

- Chủ tịch: Thủ tướng Chính phủ.

- Hội viên gồm: Các Phó Thủ tướng, Tổng trưởng các bộ, ngành.

- Tổng Thư ký: Trung tâm Trưởng Trung tâm Điều hợp An ninh và Phát triển Trung ương.

* ***Tổ chức bộ máy:***

- Hội đồng An ninh Phát triển Trung ương.

- Hội đồng An ninh và Phát triển 4 Vùng Chiến thuật (Quân khu).

- Hội đồng An ninh và Phát triển các đô, tỉnh, thị.

---

1 Công báo VNCH năm 1968, tr. 6431.

2 Công báo VNCH năm 1969, tr. 6250.

3 Hồ sơ số 6159, phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa.

4 Hồ sơ số 6323, phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa.

5 Hồ sơ số 6323, phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa.

- Hội đồng An ninh và Phát triển các quận, huyện.

- Hội đồng An ninh và Phát triển xã (do cơ quan chính quyền xã điều hành).

Và các Ủy ban trực thuộc: Ủy ban Liên bộ, Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Động viên Chính trị, UBND Tự vệ, Ủy ban Quốc gia Phụng Hoàng,…

Nhiệm vụ của Hội đồng An ninh và Phát triển được quy định như sau:

- Ấn định các nguyên tắc căn bản cho toàn bộ các vấn đề an ninh và phát triển.

- Thiết lập và ban hành kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển địa phương hàng năm.

- Cứu xét và duyệt y các kế hoạch, chương trình an ninh phát triển do Hội đồng An ninh Phát triển quân khu, đô, tỉnh, thị đệ trình.

- Hướng dẫn và kiểm soát thực thi các kế hoạch, chương trình an ninh và phát triển tại các địa phương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông chủ yếu là tài liệu hành chính, bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chung: chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác; hội nghị, hội họp.

- Tài liệu về quân sự, chính trị, trật tự trị an: các vấn đề về an ninh, tình báo, nhân dân tự vệ, lượng giá ấp; chiêu hồi, ngưng bắn, hòa bình thiết lập ngoại giao, Hội đồng Ba Lê.

- Tài liệu về nông nghiệp, nông thôn có các vấn đề liên quan đến phát triển nông thôn như thủy nông, định cư.

- Tài liệu về tài chính: ngân sách, viện trợ Mỹ, tín dụng.

- Tài liệu về thương mại.

- Tài liệu về văn hóa - xã hội: thông tin đại chúng, giáo dục, y tế: cứu trợ chiến cuộc, tỵ nạn Cộng sản, sắc tộc.

- Tài liệu về công nghiệp: XDCB, giao thông công chánh.

PHÔNG HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA
(1953 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 5,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1953 - 1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** rách, mối, dính kết
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Học viện Hành chính Quốc gia tại Sài Gòn được thiết lập bằng Nghị định số 483-PTT/TK ngày 9/8/1955 để thay thế cho Trường Quốc gia Hành chính Đà Lạt[1].

Trong 2 năm 1957 - 1958, để hoàn thiện tổ chức Học viện Hành chính Quốc gia, Tổng thống VNCH đã ban hành các Nghị định số 382-TTP/TTK ngày 30/8/1957[2] và Nghị định số 270-PTT/TTK ngày 28/7/1958[3].

Đến năm 1956, Chủ tịch UBHPTW tiếp tục ban hành Nghị định số 2425-NĐ/HV/HC ngày 21/12/1966 sửa đổi tổ chức của Học viện Quốc gia Hành chính[4].

Trong quá trình thành lập và hoạt động, tuy có một số thay đổi về cơ cấu tổ chức nhưng mục đích và nhiệm vụ của Học viện vẫn tập trung vào các lĩnh vực sau:

---

1 Công báo VNCH năm 1955, tr.2172.

2 Công báo VNCH năm 1957, tr. 3119.

3 Công báo VNCH năm 1958, tr. 3020.

4 Công báo VNCH năm 1967, tr. 67.

- Đào tạo công chức các ngạch hành chính quốc gia.

- Tổ chức các lớp huấn luyện về hành chính cho công chức.

- Tu nghiệp cho công chức.

- Sưu tầm, điều tra và nghiên cứu về nền hành chính Việt Nam và ngoại quốc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy, dự án sửa đổi quy chế của Học viện.

- Tài liệu về nguyên tắc quản trị nhân viên: tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, thăng thưởng….

- Hồ sơ các phiên họp HĐQT.

- Hội nghị, hội thảo về tu nghiệp.

- Hồ sơ về việc mở các lớp đào tạo, tu nghiệp về năng lực hành chính, cải tổ hành chính.

- Tài liệu về ngân sách quốc gia, viện trợ Mỹ về tu nghiệp.

- Bảng kê khai tài sản của Học viện.

- Hồ sơ về công tác xây cất và mua sắm trang thiết bị.

PHÔNG VIỆN TU NGHIỆP QUỐC GIA
(1971 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1971 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** rách, mối, dính kết
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1971, Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 096-SL/Th.T/QTCS ngày 13/8/1971 thành lập Viện Tu nghiệp Quốc gia và đặt cơ quan này trực thuộc Phủ Thủ tướng[1].

Năm 1972, với Nghị định số 610-NĐ/Th.T/QTCS ngày 17/6/1972 của Thủ tướng đã ấn định tổ chức và nhiệm vụ của Viện Tu nghiệp Quốc gia như sau[2]:

* ***Tổ chức:*** do một Viện trưởng điều khiển và một Phó Viện trưởng trợ giúp và bao gồm

- Ủy ban Tu nghiệp Liên bộ.
- Đoàn Cố vấn và Giảng sư.
- Vụ Nghiên kế.
- Vụ Tổ chức.

1 Công báo VNCH năm 1971, tr. 5680.

2 Công báo VNCH năm 1972, tr. 4896.

- Vụ Yểm trợ.

- Sở Quản trị.

* ***Nhiệm vụ:***

- Tổ chức các khóa tu nghiệp về năng lực hành chính, phân tích quản trị và kỹ thuật giảng huấn cho công chức.

- Nghiên cứu và soạn thảo các chương trình huấn luyện và tu nghiệp.

Năm 1973, với Sắc lệnh số 419-TT/SL ngày 19/5/1973 của Tổng thống VNCH về việc cải biến Nha Tổng Giám đốc Công vụ thành Phủ Tổng ủy Công vụ thì Viện Tu nghiệp Quốc gia là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng ủy Công vụ[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy, dự án sửa đổi quy chế của Học viện.

- Tài liệu về nguyên tắc quản trị nhân viên: tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, thăng thưởng,..

- Hồ sơ các phiên họp HĐQT.

- Hội nghị, hội thảo về tu nghiệp.

- Hồ sơ về việc mở các lớp đào tạo, tu nghiệp về năng lực hành chính, cải tổ hành chính.

- Tài liệu vê ngân sách quốc gia, viện trợ Mỹ về tu nghiệp.

- Bảng kê khai tài sản của Học viện.

- Hồ sơ về công tác xây cất và mua sắm trang thiết bị.

1 Công báo VNCH năm 1973, tr. 2488.

PHÔNG TÒA ÁN LAO ĐỘNG SÀI GÒN
(1955 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 11,14 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1955 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** giòn, gãy, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tòa án Lao động Sài Gòn được thành lập do Dụ số 15 ngày 8/7/1952[1] và được sửa đổi bởi Sắc lệnh số 140-TTP ngày 6/5/1955 của Thủ tướng Ngô Đình Diệm[2]. Tòa án Lao động Sài Gòn có thẩm quyền xét xử các vụ tranh tụng giữa chủ nhân và công nhân trong phạm vi đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn và địa hạt hành chính các tỉnh Gia Định và Chợ Lớn.

* ***Về nhiệm vụ:***

- Tòa án Lao động Sài Gòn có thẩm quyền xét xử các vụ tranh tụng giữa chủ nhân và công nhân trong khi thi hành khế ước lao động, tranh chấp lương bổng, phụ cấp,... nếu có kháng cáo, các án văn sơ thẩm của Tòa án Lao động Sài Gòn sẽ do Tòa Sơ thẩm hoặc Tòa Hòa giải Rộng quyền cùng cấp phúc thẩm.

---

1 Công báo Việt Nam năm 1952, tr. 932.

2 Hồ sơ số 1444, phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa.

Về cơ cấu tổ chức, Tòa án Lao động Sài Gòn gồm có:

- 01 vị Thẩm phán Tòa Sơ thẩm hay Thẩm phán hòa giải giữ chức Chánh thẩm.

- 04 phụ thẩm: 02 người thuộc giới chủ nhân, 02 người thuộc giới công nhân.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm: tài liệu về tổ chức; danh sách nhân viên, Cảnh sát giúp việc tại Tòa án Lao động Sài Gòn; tài liệu về công tác HC-QT; tập lưu giấy báo luật sư; tập tài liệu về phiên xử các vụ phân tranh lao động,…

PHÔNG BỘ PHÁT TRIỂN SẮC TỘC
(1967 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 61,10 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1967 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** giòn, gãy
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Phát triển Sắc tộc thành lập năm 1967 bởi Sắc lệnh số 36-ST/PTST ngày 15/12/1967[1] do Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc ký và Nghị định số 022/PTST/ND ngày 16/12/1967[2] ấn định tổ chức, phân nhiệm và điều hành các cơ quan thuộc Bộ Phát triển Sắc tộc.

Theo các Sắc lệnh và Nghị định này, Bộ Phát triển Sắc tộc gồm các cơ quan sau:

- Cơ quan Trung ương.
- Cơ quan địa phương.
- Cơ quan ngoại thuộc.

Theo đó, Bộ có nhiệm vụ:

- Thực thi chính sách của Chính phủ đối với đồng bào sắc tộc.
- Thực hiện bình đẳng và đoàn kết Kinh Thượng.

1 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Thực hiện sự tôn trọng phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số.

- Nâng đỡ đồng bào sắc tộc theo kịp đà phát triển chung của dân tộc.

Để hoàn thiện về tổ chức và đáp ứng các yêu cầu điều hành hoạt động của Bộ Phát triển Sắc tộc, các Sắc lệnh, Nghị định tiếp theo đã được ban hành

- Sắc lệnh số 106-SL/PTST ngày 8/8/1968 ấn định cơ cấu tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc[1].

- Sắc lệnh số 197-SL/PTST ngày 22/12/1968 ấn định chức chưởng của Tổng trưởng Bộ Phát triển Sắc tộc[2].

- Sắc lệnh số 198-SL/PTST ngày 22/12/1969 ấn định tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc[3].

- Nghị định số 41-PTST/NĐ ngày 9/2/1973 tổ chức, phân nhiệm và điều hành Bộ Phát triển Sắc tộc[4].

- Sắc lệnh số 020-SL/PTST ngày 9/2/1973 ấn định tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc[5].

- Nghị định số 039-ST/NĐ ngày 19/2/1973 ấn định tổ chức phân nhiệm và điều hành Bộ Phát triển Sắc tộc[6].

- Sắc lệnh số 121-SL/PTST ngày 30/5/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc[7].

- Nghị định số 190-ST/NĐ ngày 24/8/1974 ấn định tổ chức, phân nhiệm và điều hành Bộ Phát triển Sắc tộc[8].

---

1 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Công báo VNCH năm 1970, tr. 256.
3 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
5 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
6 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
7 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
8 Hồ sơ số 9520, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Nghị định số 356/ST/NĐ ngày 26/12/1974 của Tổng trưởng Bộ Phát triển Sắc tộc ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Phát triển Sắc tộc như sau:

Bộ Phát triển Sắc tộc đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng, có 3 phụ tá xếp ngang Tổng Giám đốc bao gồm:

- Các cơ quan gồm hai thành phần:

+ Thành phần chỉ đạo gồm:

Tổng trưởng, 1 phụ tá Tổng trưởng, hai chuyên viên đặc nhiệm, Văn phòng Tổng trưởng.

+ Thành phần chuyên môn hành chính gồm:

• Khối Thanh tra;

• Sở Nghiên cứu và Kế hoạch;

• Khối Chấp hành Trung ương;

• Khối Yểm trợ.

+ Các cơ quan trực thuộc gồm:

• Văn phòng đại diện Bộ Phát triển Sắc tộc tại Cao nguyên;

• Trung tâm Huấn luyện cán bộ quốc gia Pleiku;

• Trung tâm Khảo cứu Sắc tộc.

+ Các cơ quan địa phương thuộc bộ gồm:

• Các Ty và Phòng Phát triển Sắc tộc tại tỉnh và thị xã;

• Các ký túc xá học sinh sắc tộc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình hoạt động của Bộ, các nha, ty.

- Các phiên họp, hội nghị, hội thảo.

- Hồ sơ, hình ảnh về việc Tổng trưởng công cán trong và ngoài nước, thư từ riêng của Tổng trưởng.

- Tổ chức bộ máy của Bộ, Văn phòng, các sở, nha, ty, chi.

- Tài liệu về việc quan hệ công tác giữa các cơ quan phát triển Sắc tộc.

- Ấn định quy chế cho đồng bào Thượng.

- Dự án thành lập các đại đội sơn chiến thượng, các địa phương quân.

- Thống kê dân số và các vùng sinh sống của đồng bào Thượng.

- Việc thực hiện chương trình sơn thôn.

- Chương trình tự túc phát triển xã, công tác xây dựng buôn ấp.

- Công tác về định cư kiến điền cho đồng bào Thượng.

- Các hoạt động về kinh tế (chăn nuôi, trồng trọt, thủy lâm).

- Công tác an ninh hành chính; cấp phát, sử dụng vũ khí.

- Tập lưu công văn của các nha, sở.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về nguyên tắc quản trị tài chính.

- Huấn luyện công chức, cán bộ sơn thôn.

- Tổ chức nhân sự (tài liệu nguyên tắc, quy chế về quản trị nhân viên, bảng kê về nhân số nhân viên các cấp, hồ sơ cá nhân,...).

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Dự án ngân sách, viện trợ Mỹ.

- Bảng kê lương, phụ cấp.

- Bảng kê chi tiêu, chứng minh quỹ ứng trước.

- Tài liệu về công tác xây cất (trụ sở, trường học, ký túc xá,...).

- Chứng từ thanh toán thù lao.

- Hồ sơ cấp phát cán trang, cán dụng cho nhân viên.

- Bảng kê số lượng chứng chỉ sắc tộc đã cấp.

- Tập giấy chứng nhận sắc tộc.

4. Tài liệu về đoàn thể

- Hoạt động của các đoàn thể.

- Khen thưởng các loại huân huy chương, giấy khen.

5. Tài liệu về văn hóa thông tin, thể dục thể thao, giáo dục, y tế, xã hội

- Các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao.

- Các hoạt động về giáo dục.

- Các hoạt động về lao động, y tế, xã hội.

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH VÀ GIAO THÔNG (1948 - 1966)

* **Số lượng tài liệu:** 205 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1948 - 1966
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung, Thái, Đức
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Chỉ Dụ số 1 ngày 2/6/1948 về việc quy định thành phần Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam, Bộ Công tác và Kế hoạch (tiền thân của Bộ Công chánh và Giao thông) được thành lập[1]. Tiếp theo đó, Chỉ Dụ số 26 ngày 20/7/1948 đã quy định cơ cấu, tổ chức của Bộ Công tác và Đồ án[2]. Sắc lệnh số 32-GT ngày 19/9/1949 của Quốc trưởng ấn định chức chưởng của Bộ trưởng Bộ Công tác Giao thông và Kiến thiết. Sắc lệnh này được bãi bỏ và thay thế bằng Sắc lệnh số 60-CC ngày 9/8/1951 thì Bộ này lại được đổi tên thành Bộ Công chánh - Giao thông và Kiến thiết[3]. Từ năm 1952, Bộ Công chánh - Giao thông và Kiến thiết được gọi là Bộ Công chánh và Bưu điện và được tổ chức theo Nghị định số 301-Cab/SG ngày 24/4/1952[4]. Và đến ngày 11/12/1954, Bộ này có

1 Công báo Việt Nam năm 1948, tr. 15.
2 Công báo Việt Nam năm 1948, tr. 41.
3 Công báo Việt Nam năm 1951, tr. 819.
4 Công báo Việt Nam năm 1952, tr. 667.

tên chính thức là Bộ Công chánh và Giao thông theo Nghị định số 1108-PTT/TTK[1].

Năm 1959, với Nghị định số 104-BCC/NV/NĐ ngày 13/2/1959 Nha Thủy vận được cải tổ thành Nha Thủy vận và Thủy nông.

Ngày 30/12/1960, Bộ Công chánh và Giao thông lại một lần nữa được cải tổ theo Nghị định số 60/301-NĐ/CC[2] và bổ túc bởi Nghị định số 61-067/NĐ/CC ngày 3/3/1961. Bộ gồm các cơ quan Trung ương và các Nha, Sở trực thuộc cùng các cơ quan thuộc quyền quản trị và giám hộ sau đây:

1. Các cơ quan Trung ương

- Nha Đổng lý Văn phòng.
- Nha Tổng Thư ký.
- Nha Tổng Thanh tra Công chánh.

2. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc

- Nha Tổng Giám đốc Bưu điện.
- Nha Kiều lộ.
- Nha Thủy vận và Thủy Nông.
- Nha Hàng không Dân sự.
- Nha Căn cứ Hàng không.
- Nha Khí tượng.

3. Các cơ quan tự trị thuộc quyền quản trị của Bộ Công chánh và Giao thông

- Công quản Hỏa xa Việt Nam.
- Thương cảng Sài Gòn.
- Thương cảng Đà Nẵng.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 192.

2 Công báo VNCH năm 1961, tr. 321.

- Công quản Chuyên chở công cộng Đô thành.

- Sài Gòn Thủy cục.

- Quốc gia sản cấp Thủy cục.

- Trùng tu Điện lực Cuộc.

- Cơ quan Quản trị chương trình Đa Nhim.

4. Các cơ quan tự trị thuộc quyền giám hộ của Bộ Công chánh và Giao thông

- Công ty Hàng không Việt Nam.

- Công Ty Việt Nam Viễn thông.

Tình trạng này được giữ y đến ngày 21/2/1966 là ngày Bộ Công chánh và Giao thông được chia làm 2 bộ: Bộ Công chánh và Bộ GTVT (Sắc lệnh số 070-CT/LĐQG/SL ngày 21/2/1966 của Chủ tịch UBLĐQG.

Bộ này tiếp tục tồn tại cho đến năm 1966 thì ngừng hoạt động và được thay thế bởi các bộ khác mới thành lập là Bộ GTVT (thành lập theo Sắc lệnh số 41-SL/GTVT ngày 17/3/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương)[1] và Bộ Công chánh (thành lập theo Sắc lệnh số 71-SL/CC ngày 22/4/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương)[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc, các Ty Công chánh.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh và Giao thông.

---

1 Công báo VNCH năm 1966, tr. 1365.

2 Công báo VNCH năm 1966, tr. 2023.

- Dự án, chương trình phát triển các ngành thuộc Bộ Công chánh và Giao thông.

- Các tập lưu công văn đi.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông công chánh.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

- Tài liệu về học tập, biên bản các buổi họp tố cộng của các Nha, Sở thuộc Bộ.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc.

3. Tài liệu về ngân sách, dự án

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Các dự án chương trình viện trợ Mỹ của Bộ Công chánh và Giao thông.

- Kinh lý của các nhân viên cao cấp Bộ Công chánh và Giao thông.

4. Tài liệu về giao thông, vận tải, bưu điện

- Hồ sơ thiết kế, xây dựng các công trình công thự, công ốc, trường học, nhà thờ, các nhà máy nước, nhà máy thủy điện, các phi trường, kiều lộ,...

- Tài liệu về các phi trường, phân loại các phi trường quân sự, dân sự và hỗn hợp.

- Hoạt động của Công quản Chuyên chở công cộng, Công quản Hỏa xa, Nha Thương cảng Sài Gòn, Đà Nẵng.

- Nha Thương cảng Sài Gòn, Đà Nẵng.

- Hoạt động của Ủy ban Quốc gia sông Cửu Long.

- Kiểm soát tàu, ghe máy, xe tự động.
- Quản lý tàu thuyền chuyên chở xuyên qua Việt Nam.
- Giá biểu chuyên chở bằng đường bộ, khuân vác.
- Tài liệu dự thi lái xe, xin đăng bộ, sang tên xe.
- Tài liệu về nạo vét, đào đắp kênh rạch và xây dựng cống.
- Tài liệu về hoạt động bưu điện,…

PHÔNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(1966 - 1968)

* **Số lượng tài liệu:** 34,4 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1966 - 1968
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Công chánh và Giao thông được thành lập năm 1952. Đến năm 1966 Bộ Công chánh và Giao thông được tách thành 2 bộ: Bộ Công chánh và Bộ GTVT bởi Sắc lệnh số 070/LĐQG/SL ngày 21/2/1966 của Phủ Chủ tịch UBLĐQG.

Năm 1966 với Sắc lệnh số 41-SL/GTVT ngày 17/3/1966 của Phủ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương thì Bộ GTVT được chính thức thành lập[(1)] sau khi được tách ra từ Bộ Công chánh và Giao thông với các cơ quan sau đây:

1. Cơ quan Trung ương

- Nha Tổng Thư ký.

- Nha Đổng lý Văn phòng.

2. Cơ quan chuyên môn trực thuộc

- Nha Tổng Giám đốc Bưu điện.

---

1 Công báo VNCH năm 1966, tr. 1365.

- Nha Thủy vận.

- Nha Hàng không Dân sự.

- Nha Khí tượng.

- Sở Kiểm soát xe tự động.

3. Cơ quan tự trị thuộc quyền quản trị của Bộ

- Công quản Hỏa xa Việt Nam.

4. Cơ quan tự trị thuộc quyền giám hộ của Bộ

- Công ty Hàng không Việt Nam.

Năm 1968 Thủ tướng Chính phủ ra Sắc lệnh số 63-SL/CC-GTVT ngày 17/6/1968 ấn định tổ chức Bộ Công chánh và GTVT trên cơ sở sáp nhập Bộ Công chánh với Bộ GTVT[1], Bộ GTVT chính thức chấm dứt hoạt động từ đây.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ GTVT cùng các đơn vị trực thuộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động công tác của Bộ GTVT cùng các đơn vị trực thuộc.

- Biên bản các phiên họp của Bộ GTVT.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành GTVT.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước của Tổng trưởng và các nhân vật cấp cao của Bộ.

- Hồ sơ các phái đoàn viếng thăm VNCH.

- Các tập lưu công văn đi.

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc,...

---

1 Công báo VNCH năm 1968, tr. 3701.

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH
(1966 - 1968)

* **Số lượng tài liệu:** 37,14 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1966 - 1968
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Công chánh và Giao thông được tổ chức từ năm 1952. Ngày 21/2/1966, Bộ Công chánh và Giao thông được chia làm hai bộ: Bộ Công chánh và Bộ GTVT bởi Sắc lệnh 070/LĐQG/SL của Chủ tịch UBLĐQG.

Theo Sắc lệnh số 71-SL/CC ngày 22/4/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, Bộ Công chánh được thành lập sau khi được tách ra từ Bộ Công chánh và Giao thông[1], có những cơ quan sau đây:

1. Cơ quan Trung ương.

- Văn phòng.
- Nha Tổng Thư ký.
- Ban Thanh tra.

2. Cơ quan chuyên môn trực thuộc.

- Tổng Nha Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.

1 Công báo VNCH năm 1966, tr. 2023.

- Nha Kiều lộ.

- Nha Căn cứ Hàng không.

- Nha Cấp thủy.

- Ủy ban Quốc gia sông Cửu Long.

3. Cơ quan tự trị thuộc quyền quản trị của Bộ Công chánh

- Sài Gòn Thủy cục.

- Điện lực Việt Nam.

- Ban Doanh lý Kiến thiết.

Theo Sắc lệnh số 71-SL/CC ngày 22/4/1966 của Phủ Chủ tịch UBHPTW, Bộ Công chánh được thành lập và có các nhiệm vụ sau:

- Soạn thảo, thi hành và kiểm soát sự áp dụng các văn kiện lập pháp và lập quy liên quan đến: việc bảo tồn các công sản công dụng quốc gia đường sá, cầu cống và phi trường và những cơ sở phụ thuộc, ngoại trừ công trình thuộc quân sự, hệ thống phân phối điện nước và nước uống trong toàn quốc, các kế hoạch thiết kế thị thôn, kế hoạch công ốc và gia cư bình dân kiểu mẫu rẻ tiền cho đại chúng.

- Nghiên cứu việc thi hành trên bình diện quốc gia, hay kiểm soát sự thi hành tại địa phương những công tác: kiến tạo, tu bổ, sửa chữa hay tái thiết liên quan đến:

+ Các công trình kỹ thuật và mỹ thuật;

+ Đường sá, cầu cống và các cơ sở phụ thuộc;

+ Phi trường và cơ sở phụ thuộc;

+ Hệ thống sản xuất và phân phối nước uống trên toàn quốc;

+ Hệ thống sản xuất và phân phối điện lực trong toàn quốc;

+ Khai thác và sử dụng những nguồn năng lượng thiên nhiên để phát triển việc điện khí hóa hầu khuếch trương nền kỹ nghệ, nông nghiệp và thương mại toàn quốc.

Đến năm 1967, Phủ Chủ tịch UBHPTW ra Sắc lệnh số 112-SL/CC ngày 7/8/1967 đã cải tổ Ban Doanh lý Kiến thiết trực thuộc Bộ Công chánh thành Tổng cục Gia cư. Tổng cục Gia cư là cơ quan công lập có tư cách pháp nhân, được hưởng quyền tự trị về phương diện hành chính và tài chính. Tài sản của Tổng cục Tư gia gồm tất cả động sản và bất động sản đã và đang thực hiện của Ban Doanh lý Kiến thiết cũ.

Tổng cục Tư gia có nhiệm vụ:

- Phụ trách xây cất những trú khu bình dân và cư xá công chức để cho thuê, mua trả góp dài hạn.

- Mua đất để thiết lập hạ tầng cơ sở rồi bán cho dân chúng tự xây cất.

- Cho các tư nhân và các cơ quan Chính phủ vay trả góp dài hạn để tự xây cất.

- Nghiên cứu nhà rẻ tiền, vật liệu tiền chế.

- Quản trị các cộng đồng gia cư trên toàn quốc.

Tuy nhiên, Bộ này chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn rồi lại được sáp nhập với Bộ GTVT thành Bộ Công chánh và GTVT theo Sắc lệnh số 63-SL/CC-GTVT ngày 17/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ VNCH[1]. Bộ Công chánh chính thức chấm dứt hoạt động từ đây.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, đồ biểu công tác của Bộ Công chánh cùng các đơn vị trực thuộc, các Ty Công chánh.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành công chánh.

1 Công báo VNCH năm 1968, tr. 3701.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

- Hồ sơ các Phái đoàn ngoại quốc viếng thăm VNCH.

- Các tập lưu công văn đi.

2. Tài liệu về tổ chức

Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh cùng các đơn vị trực thuộc.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Phiếu xét hồ sơ, hóa đơn, lệnh phát ngân về công tác trùng tu kiều lộ, công ốc, công thự.

- Tài liệu về giá nhân công, vật liệu.

- Tài liệu về cung cấp nhiên liệu cho các tỉnh.

4. Tài liệu về XDCB

- Quy chế hành nghề thầu khoán xây dựng.

- Hồ sơ các công trình xây dựng các khách sạn, các khu nhà bình dân, ký túc xá, tu bổ phi trường, kiều lộ, xây dựng, sửa chữa cầu tàu,...

- Tái thiết các khu vực bị tàn phá.

- Hồ sơ trưng thu đất để xây dựng các công trình.

- Tu bổ các công trình thoát nước.

- Thiết lập các nhà máy nước, khai thác, kiểm soát tiêu thụ nước, điện. Bảo vệ an ninh cho các công trình điện, nước.

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI (1968 - 1969)

* **Số lượng tài liệu:** 34,27 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1968 - 1969
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Sắc lệnh số 63-SL/CC-GTVT ngày 17/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ VNCH, Bộ GTVT được sáp nhập với Bộ Công chánh thành Bộ Công chánh và GTVT[1]. Sau đó, Sắc lệnh này lại được sửa đổi bởi Sắc lệnh số 73-SL/CC/GTVT ngày 2/7/1968[2]. Theo đó, tổ chức Bộ Công chánh và GTVT được ấn định như sau:

1. Cơ quan Trung ương gồm có (Điều 1 Sắc lệnh 63-SL/CC-GTVT)

- Văn phòng Tổng trưởng.
- Khối quản trị.
- Khối Công chánh.
- Khối Tiện ích.
- Khối Vận tải.
- Nha Tổng Thanh tra Công chánh.

1 Công báo VNCH năm 1968, tr. 3701.

2 Công báo VNCH năm 1968, tr. 3958.

2. Cơ quan trực thuộc

- Nha Tổng giám đốc Kiều lộ.
- Tổng Nha Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.
- Nha Tổng Giám đốc Bưu điện.
- Nha Hàng không Dân sự.
- Nha Căn cứ Hàng không.
- Nha Thủy vận.
- Nha Lộ vận.
- Nha Khí tượng.
- Nha Cấp thủy.
- Ủy ban Quốc gia sông Cửu Long.

3. Cơ quan tự trị và cơ quan đặt dưới quyền giám hộ của Bộ

- Điện lực Việt Nam.
- Sài Gòn Điện lực Công ty.
- Tổng cục Gia cư.
- Sài Gòn Thủy cục.
- Thủy cục Đà Nẵng.
- Công ty Việt Nam hàng không.
- Công ty quản Hỏa xa Việt Nam.

Tuy nhiên, đến năm 1969, ngành Công chánh và GTVT lại được tổ chức thành 2 Bộ riêng biệt: Bộ Công chánh và Bộ Giao thông theo các Sắc lệnh

- Sắc lệnh số 114-SL/GT-BĐ ngày 25/5/1969 tổ chức Bộ Giao thông Bưu điện[1].

1 Công báo VNCH năm 1969, tr. 6537.

- Sắc lệnh số 109-SL/CC ngày 16/9/1969 ấn định chức chưởng của Tổng trưởng Công chánh[1] và Sắc lệnh số 142-SL/CC ngày 20/10/1969 tổ chức Bộ Công chánh[2].

* ***Chức năng và nhiệm vụ của Bộ Công chánh và GTVT:***

Ban hành, soạn thảo những văn bản pháp quy và những văn kiện khác để chỉ đạo các đơn vị trực thuộc những hoạt động liên quan đến các lĩnh vực:

- Công chánh như bảo tồn, sửa chữa, tu bổ các công sản quốc gia đường sá, cầu cống, phi trường, hệ thống phân phối điện, nước trong toàn quốc, cho phép thành lập các đơn vị liên quan đến ngành nghề, đến phạm vi hoạt động trong lĩnh vực công chánh,...

- GTVT trong phạm vi cả nước và kiểm soát sử dụng các văn kiện lập pháp và lập quy liên quan đến việc nghiên cứu và thực hiện việc thi hành trên bình diện quốc gia như: hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế liên quan đến vấn đề công chánh và GTVT, kiến tạo, tu bổ, sửa chữa hay tái thiết đường sá, cầu cống, điện công xa, kiểm soát các lĩnh vực về GTVT đường thủy, đường bộ, đường không, thuê mướn các loại tàu thuyền, hỏa xa, máy bay,...

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Bộ Công chánh và GTVT cùng các đơn vị trực thuộc.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh và GTVT, các đơn vị trực thuộc.

- Các tập lưu công văn đi.

---

1 Công báo VNCH năm 1969, tr. 6536.

2 Công báo VNCH năm 1969, tr. 7220.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông công chánh.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và GTVT cùng các đơn vị trực thuộc.

3. Tài liệu về ngân sách, tài chính

- Tài liệu về ngân sách, ủy ngân kinh phí, quỹ tạm ứng.

- Viện trợ Mỹ cho ngành công chánh.

- Tu bổ máy móc, dụng cụ thuộc chương trình viện trợ Mỹ. Quản lý dụng cụ, vật liệu.

4. Tài liệu về XDCB

- Hồ sơ về tái thiết các vùng bị lũ lụt miền Tây.

- Tài liệu về việc xin bồi thường sử dụng đất đai canh tân kiều lộ, xây dựng các nhà máy nhiệt điện.

- Hồ sơ xây dựng các công trình công ốc, công thự, các trạm xăng, các nhà máy nước.

5. Tài liệu về GTVT, bưu chính

- Ký kết các thỏa ước về hàng không.

- Hoạt động của không tải và lộ vận.

- Khai thác các tàu dầu và sà lan. Nhập cảng, thuê, mua, bán tàu biển.

- Tổ chức giang vận, hệ thống thương thuyền trên sông Cửu Long.

- Điều chỉnh giá chuyên chở.

- Quy chế sử dụng, thi, cấp phát, rút bằng lái xe.

- Đăng bộ công xa.

- Bảo hiểm, bảo vệ phi cơ.

- Hồ sơ các vụ tai nạn giao thông.

- Hoạt động bưu chính.

PHÔNG NHA KIỀU LỘ VIỆT NAM CỘNG HÒA (1960 - 1973)

* **Số lượng tài liệu:** 3,83 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1960 - 1973
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy, bảng vẽ, bản đồ, họa đồ
* **Tình trạng vật lý:** giòn, ố, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu trong phông gồm:

- Biên bản khám xét công trình sự các tuyến đường.
- Các bảng vẽ các tuyến đường.
- Tài liệu về các hoạt động thay mới cầu, công tác tái tạo cầu, đường.
- Thống kê tình hình đường sá, cầu, cống và phà.
- Tên mới của cầu, đường trên toàn quốc.
- Hồ sơ về các cầu, đường, sông.

PHÔNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN
(1969 - 1973)

* **Số lượng tài liệu:** 64,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 1973
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Sắc lệnh số 114-SL/GT-BĐ ngày 25/5/1969, Bộ Giao thông và Bưu điện được chính thức thành lập[1]. Tổ chức của Bộ Giao thông và Bưu điện gồm những cơ quan sau đây:

*** Cơ quan Trung ương:**

- Văn phòng.
- Nha Tổng Thư ký.
- Ban Thanh tra.

*** Cơ quan chuyên môn trực thuộc:**

- Nha Tổng Giám đốc Bưu điện.
- Nha Hàng không Dân sự.
- Nha Khí tượng.
- Nha Thủy vận.
- Nha Lộ vận.

1 Công báo VNCH năm 1969, tr. 6537.

*** Cơ quan tự trị và cơ quan đặt dưới quyền giám hộ của Bộ:**

- Công quản Hỏa xa Việt Nam.

- Công ty Việt Nam Hàng không.

*** Về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Giao thông và Bưu điện:**

- Sưu tầm và nghiên cứu về ngành GTVT bưu điện, hàng không, khí tượng, thủy vận, lộ vận, hỏa xa,...

- Soạn thảo, thi hành và kiểm soát sự áp dụng các văn kiện lập pháp và lập quy liên quan đến việc bảo tồn các công sản quốc gia như đường sá, cầu cống, phi trường,...

Đến ngày 5/3/1971, với Quyết định số 40/GTBĐ/HĐQT của Bộ Giao thông và Bưu điện thì Cơ quan Khai thác Xáng được thành lập. Như vậy đến thời điểm này, ngành giao thông và bưu điện ngoài các đơn vị tổ chức trên đã có thêm Cơ quan Khai thác Xáng đảm nhiệm việc quản trị và khai thác trong việc thi hành hành chính và tài chính do sự ủy nhiệm của HĐQT.

Đến ngày 23/10/1973, Tổng thống VNCH lại ra Sắc lệnh số 956-TT/SL. Theo đó, Bộ Giao thông Bưu điện và Bộ Công chánh được sáp nhập thành Bộ Công chánh và Giao thông[1]. Bộ Giao thông và Bưu điện chấm dứt hoạt động từ đây.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, đồ biểu công tác của Bộ Giao thông và Bưu điện cùng các đơn vị trực thuộc.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Giao thông và Bưu điện.

- Các dự án thực hiện các chương trình phục hồi, tái thiết và phát triển.

---

1 Công báo VNCH năm 1973, tr. 5390.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông, bưu điện.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

- Hồ sơ các cuộc khảo sát vận tải ở các nước.

- Hồ sơ các Phái đoàn nước ngoài viếng thăm VNCH.

- Các tập lưu công văn đi.

- Các Thỏa ước hàng không với Campuchia và các nước.

- Tài liệu về việc khai thác các đường bay.

- Cấp giấy phép cho các công ty nước ngoài mở phòng vé tại Việt Nam. Cho phép các Công ty Hàng không thay đổi Tổng đại lý.

- Tranh chấp các tuyến đường xe đò.

- Tài liệu về khuếch trương hàng hải, khai thác hỏa xa.

- Kiểm soát ghe, xuồng.

- Nghiên cứu vấn đề lưu thông trên sông Cửu Long.

- Thương thuyết về bưu điện và viễn thông với Lào, Campuchia.

- Tàng trữ, sử dụng máy thu, phát tin. Di chuyển máy vô tuyến.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Giao thông và Bưu điện cùng các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về cải tổ hành chính và công vụ của Bộ.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ thanh toán, lệnh phát ngân, phiếu ước chi.

- Tài liệu về giá cước chuyên chở đường bộ.

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH
(1969 - 1973)

* **Số lượng tài liệu:** 72,30 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 1973
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1969, ngành Công chánh và GTVT VNCH được tổ chức thành hai Bộ riêng biệt: Bộ Công Chánh và Bộ Giao thông Bưu điện.

Sắc lệnh số 114-SL/GT-BĐ ngày 25/5/1969 tổ chức Bộ Giao thông và Bưu điện.

Theo Sắc lệnh số 109-SL/CC ngày 16/9/1969 ấn định chức chưởng của Tổng trưởng Bộ Công chánh và Sắc lệnh số 142-SL/CC ngày 20/10/1969 tổ chức Bộ Công chánh, thì Bộ Công chánh được tái lập[(1)].

Theo Sắc lệnh 142-SL/CC ngày 20/10/1969 của Thủ tướng Chính phủ thì tổ chức Bộ Công chánh gồm các cơ quan sau đây:

*** Cơ quan Trung ương:**

- Văn phòng Tổng trưởng.
- Nha Tổng Thư ký.
- Nha Tổng Thanh tra Công chánh.

---

1 Công báo VNCH năm 1969, tr. 6536.

*** Cơ quan phụ thuộc gồm có:**

- Nha Tổng Giám đốc Kiều lộ.
- Nha Tổng Giám đốc Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.
- Nha Căn cứ Hàng không.
- Nha Cấp thủy.

*** Cơ quan thuộc quyền giám hộ của Bộ:**

- Điện lực Việt Nam.
- Sài Gòn Điện lực Công ty.
- Quốc gia sản cấp Thủy cục.
- Sài Gòn Thủy cục.
- Thủy cục Đà Nẵng.
- Tổng cục Gia cư.

Đến ngày 23/10/1973, Tổng thống VNCH lại ra Sắc lệnh số 956-TT/SL, Bộ Giao thông Bưu điện và Bộ Công chánh sáp nhập thành Bộ Công chánh và Giao thông[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, đồ biểu công tác của Bộ Công chánh và các đơn vị trực thuộc các Ty Công chánh.
- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh.
- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành công chánh.
- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.
- Hồ sơ các Phái đoàn nước ngoài viếng thăm VNCH.
- Các tập lưu công văn đi.

---

1 Công báo VNCH năm 1973, tr. 7220.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và các đơn vị trực thuộc các Ty Công chánh.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Phiếu ước chi, phiếu điều chỉnh ước chi, quỹ đặc biệt trùng tu các dự án xây dựng.

- Viện trợ của các nước.

4. Tài liệu về XDCB

- Dự án chỉnh trang và tái thiết các tỉnh lỵ, thị xã.

- Dự án thiết kế, xây dựng các nhá máy, cao ốc, khu thương mại, khu chợ,...

- Áp dụng các chương trình địa dịch và tạo tác tại các tỉnh.

- Kiểm soát kiến trúc xây dựng.

- Trưng thu, trưng dụng, chỉnh trang và thiết kế các ấp thôn.

- Khiếu nại về vấn đề thiết kế đô thị.

- Giải tỏa, bồi thường nhà cửa, hoa màu.

- Hồ sơ xây dựng các phi trường, cầu đường, cầu tàu, hải cảng.

- Hồ sơ các công tác sửa chữa, tân trang, tân tạo các xa lộ, cầu, phà tại các tỉnh,…

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH VÀ GIAO THÔNG
(1973 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 33,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1973 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Sắc lệnh số 956-TT/SL ngày 23/10/1973 của Tổng thống VNCH, Bộ Giao thông Bưu điện và Bộ Công chánh được sáp nhập thành Bộ Công chánh và Giao thông[1]. Tiếp theo đó, ngày 18/7/1974, Thủ tướng Chính phủ VNCH lại ra Sắc lệnh số 171-SL/CCGT ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Công chánh và Giao thông[2].

**** Nhiệm vụ:***

Bộ Công chánh và Giao thông phụ trách các lĩnh vực hoạt động sau:

- Vận tải dưới mọi hình thức: lộ vận, thủy vận, thiết vận và không vận, kể cả các hạ tầng cơ sở và các phương tiện chuyên chở.

- Viễn thông và Bưu chính, gồm các hệ thống liên lạc bưu chính, điện thoại, điện tín và vô tuyến điện.

---

1 Công báo VNCH năm 1973, tr. 7220.

2 Hồ sơ số 1305/2, phông Bộ Công chánh và Giao thông.

- Thiết kế và chỉnh trang đô thị, gồm các hạ tầng cơ sở và công ốc, công thự.

- Phối hợp và phát triển việc khai thác thủy lợi, năng lượng.

**** Cơ cấu tổ chức:***

Bộ Công chánh và Giao thông đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng Công chánh và Giao thông gồm có

- Các cơ quan Trung ương.

- Các cơ quan thuộc quyền giám hộ hoặc kiểm soát của Bộ.

- Các cơ quan địa phương.

Tổ chức và hoạt động của Bộ này tiếp tục tồn tại cho đến ngày chế độ ngụy quyền miền Nam sụp đổ vào tháng 4/1975.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác, bản tin hàng tuần của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc.

- Các tập lưu công văn đi.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giao thông công chánh.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

4. Tài liệu về XDCB

- Hồ sơ xây dựng các công trình công thự, công ốc, các nhà máy nước, các phi trường, kiều lộ,...

- Hồ sơ về bồi thường, truất hữu đất, tạo mãi đất để xây dựng các công trình công cộng, thiết lập các Ty Bưu điện.

- Tài liệu về công tác thực thi kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển.

5. Tài liệu về GTVT, bưu chính

- Thanh tra công chánh.

- Tài liệu ấn định thể lệ đăng bộ, thể thức chuyển nhượng và việc tái đăng bộ để kiểm soát các loại xe.

- Kiểm kê giang thuyền.

- Giá biểu qua phà.

- Đăng bộ công xa.

- Hoạt động của ngành hàng không, hỏa xa.

- Tài liệu về công tác bưu chính: vận chuyển phân phát thư tín, sách báo, thực hiện các dịch vụ chuyển công văn, tài liệu cho các cơ quan của Chính phủ,...

PHÔNG NHA VIỄN THÔNG VIỆT NAM
(1952 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 21,95 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1952 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Tổng Giám đốc Bưu điện thành lập theo Biên bản chuyển giao thẩm quyền bưu điện và viễn thông của Chính phủ Pháp cho Chính phủ Việt Nam vào ngày 10/1/1951 và Nghị định số 383-Cab/SG ngày 27/5/1952 về tổ chức Bưu điện Việt Nam[1]. Theo đó, Nha Viễn thông được thành lập và nằm trực thuộc Nha Tổng Giám đốc Bưu điện trực thuộc Bộ Công chánh Giao thông và Bưu điện (sau là Bộ Công chánh và Giao thông).

Ngày 25/6/1973, Tổng thống VNCH ký Sắc lệnh số 585-TT/SL về việc thành lập Cơ quan Viễn thông Việt Nam[2]. Đây là cơ quan duy nhất có chức năng cung cấp dịch vụ viễn thông dân sự, cùng các mạch viễn thông quốc tế và quốc nội tại VNCH. Viễn thông Việt Nam có một HĐQT gồm 9 thành viên do Thủ tướng bổ nhiệm. Số thành viên là nhân viên của Chính phủ chiếm tối đa là 2/3 thành viên của Hội đồng. Tiếp theo đó, ngày 6/8/1973, Thủ tướng Chính

1 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 406.

2 Công báo VNCH năm 1973, tr. 3142.

phủ VNCH ra Sắc lệnh số 132-SL/GTBĐ ấn định các thể thức về quản trị, điều hành tài chính, kế toán, kiểm soát và điều kiện chuyển tiếp của Viễn thông Việt Nam[1].

Theo Sắc lệnh trên, Nha Viễn thông Việt Nam là cơ quan công lập tự trị, có tư cách pháp nhân. Nha Viễn thông Việt Nam là cơ quan duy nhất cung cấp dịch vụ viễn thông dân sự cùng các mạch viễn thông quốc nội và quốc tế trên toàn lãnh thổ VNCH.

Tổ chức Nha Viễn thông Việt Nam được ấn định như sau:

1. Khối quản trị và điều hành

- Hành chính - Tổ chức.

- Kế toán - Kiểm toán.

- Hoạt động viễn thông.

Nha Viễn thông Việt Nam có một HĐQT điều hành gồm:

- Đại diện Bộ Giao thông và Bưu điện (Chủ tịch).

- Đại diện Bộ Quốc phòng (Hội viên).

- Đại diện Bộ Tài chính (Hội viên).

- Đại diện Nha Tổng Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện (Hội viên).

- Lựa chọn 2 Hội viên theo năng lực (Hội viên).

HĐQT ấn định thể thức và đường lối hoạt động của Nha Viễn thông Việt Nam và kiểm soát sự quản trị và điều hành cơ quan.

- Ấn định tổ chức tổng quát, nội quy hành chính và tài chính kế toán.

- Ấn định quy chế nhân viên, chế độ lương bổng và phụ cấp cho nhân viên và công nhân.

- Ấn định những quy tắc lập giao kèo, khế ước liên hệ đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông.

- Chấp hành chương trình khai thác tổng quát, chương trình khuếch trương và canh tân, những ngân sách hàng năm và ngân sách dài hạn.

---

1 Công báo VNCH năm 1973, tr. 4037.

- Định giá biểu dịch vụ viễn thông, và áp dụng sau khi được Bộ Giao thông và Bưu điện duyệt.

- Kế toán chương mục khai thác, chương mục lời lỗ, bảng đối chiếu tài sản.

- Ký kết các khoản vay, định điều kiện để phát hành những trái khoản.

HĐQT có thể ủy nhiệm một phần quyền hạn cho Chủ tịch hoặc Tổng Giám đốc Viễn thông Việt Nam để giải quyết.

2. Khối tài chính kế toán và kiểm soát

- HĐQT biểu quyết tất cả các khoản thu, chi ngân sách hàng năm.

-Tổ chức và hoạt động của cơ quan này tiếp tục tồn tại cho đến ngày chế độ ngụy quyền miền Nam sụp đổ vào tháng 4/1975.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông Nha Viễn thông Việt Nam hầu hết là tài liệu cá nhân, của các nhân viên ngành Viễn thông Việt Nam phục vụ cho chế độ VNCH thời kỳ trước tháng 4 năm 1975. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, các nhân viên này không còn làm việc nữa, một số nghỉ việc, một số chạy trốn và định cư ở nước ngoài,...

PHÔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM THUỘC BỘ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH, VIỆT NAM CỘNG HÒA

* **Số lượng tài liệu:** 0,10 mét
* **Thời gian tài liệu:** trước năm 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:**

Năm 2007, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II tiếp nhận từ Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện II khối tài liệu Phông Công ty Điện Lực Việt Nam thuộc Bộ Giao thông Công chánh VNCH, ngày 14/6/2007 theo Biên bản bàn giao số 237/BB-TTII.

Tài liệu còn trong tình trạng bó gói, chưa được xác định nội dung.

PHÔNG TỔNG CUỘC PHÁT TRIỂN GIA CƯ
(1951 - 29/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 237,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1951 - 29/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính, tài liệu kỹ thuật (họa đồ, bản vẽ thiết kế)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Quốc gia Kiến ốc Cục được thiết lập tại Bộ Kế hoạch và Kiến thiết bằng Nghị định số 291-Cab/SG ngày 15/6/1951[1]. Cơ quan này đặt dưới quyền điều hành và kiểm soát của Tổng trưởng Bộ Kế hoạch.

Năm 1958, với Nghị định số 2113-TTP/VP ngày 5/12/1958 của Tổng thống VNCH, Quốc gia Kiến ốc Cục bị bãi bỏ và được thay thế bằng Ban Doanh lý Kiến thiết đặt dưới quyền trực tiếp của Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống[2].

Năm 1963, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 69-TTP/VP ngày 16/11/1963 sáp nhập Ban Doanh lý Kiến thiết vào Bộ Công chánh và Giao thông[3].

---

1 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.

2 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.

3 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.

Năm 1967, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương ban hành Sắc lệnh số 112-SL/CC ngày 7/8/1967 cải tổ Ban Doanh lý Kiến thiết trực thuộc Bộ Công chánh thành Tổng Cục Gia cư [1].

Năm 1967, Bộ Công chánh ban hành Nghị định số 67/282-NĐ/CC ngày 17/10/1967 ấn định tổ chức điều hành của Tổng Cục Gia cư[2].

Năm 1970, Tổng trưởng Công chánh ra Nghị định số 198-CC/VP-TTK/PC.NĐ ngày 7/12/1970 sửa đổi Nghị định số 62/282/NĐ/CC ngày 17/10/1967 về tổ chức và điều hành của Tổng cục Gia cư[3].

Năm 1972, do Sắc lệnh số 005-SL/CC ngày 17/4/1972 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Gia cư được cải biến thành Tổng cục Phát triển Gia cư và Địa ốc[4].

Năm 1973, Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 096-SL/Th.T/QTCS ngày 31/5/1973 đặt Tổng cục Phát triển Gia cư và Địa ốc thuộc quyền giám hộ của Thủ tướng Chính phủ[5]. Cũng trong năm 1973, Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 658-TT/SL ngày 18/7/1973 thành lập Tổng cuộc Phát triển Gia cư và giải tán Tổng cục Phát triển Gia cư và Địa ốc[6].

Ngày 12/10/1973, Tổng cuộc trưởng Phát triển Gia cư ra Quyết định số 153/TCGC/QT/HC/QĐ ấn định tổ chức chi tiết Tổng cuộc Gia cư[7].

Ngày 24/11/1973, Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 1040-TT/SL sửa đổi Sắc lệnh số 658-TT/SL ngày 18/7/1973[8]. Theo Sắc lệnh này, Tổng cuộc Phát triển Gia cư được đặt dưới quyền giám hộ của Phủ Thủ tướng.

---

1 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
2 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
3 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
4 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
5 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
6 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
7 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.
8 Hồ sơ số 1200, phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư.

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cuộc Phát triển Gia cư như sau:

* ***Về cơ cấu tổ chức:***

- Văn phòng Tổng cuộc Trưởng.
- Nha Tạo tác.
- Nha Nghiên cứu Kỹ thuật.
- Nha Địa ốc.
- Nha Quản trị.
- Nha Doanh lý.
- Nha Tín dụng và Thương mại.
- Các Cuộc Phát triển Gia cư ở các tỉnh, thị.

* ***Về chức năng nhiệm vụ:***

- Đề nghị các chính sách quốc gia về phát triển gia cư và địa ốc.
- Nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương thực hiện việc chỉnh trang lãnh thổ, khuếch trương kỹ nghệ gia cư và địa ốc.
- Nghiên cứu và thực hiện các dự án tạo tác được Chính phủ giao phó.
- Khuyến khích và yểm trợ các chương trình tín dụng gia cư.
- Huy động, vay mượn và nhận lãnh các nguồn tài nguyên trong và ngoài nước để tài trợ cho chính sách phát triển gia cư của Chính phủ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp.

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo hoạt động của Tổng cuộc và các nha, sở trực thuộc.
- Hồ sơ các phiên họp của HĐQT Tổng cuộc.

- Tài liệu về việc hợp tác kinh tế kỹ thuật với các nước.

- Hồ sơ các công trình xây dựng nhà cửa, kiến thiết, chỉnh trang đô thị.

- Hồ sơ mua bán, cấp phát đất đai, nhà cửa.

- Tài liệu tham khảo về công tác chuyên môn và công tác tổ chức hành chính, quản trị.

- Tài liệu về động viên quân dịch, quân nhân biệt phái.

- Tài liệu về an ninh hành chính.

- Tập lưu công văn.

2. Tài liệu tổ chức, nhân sự, lương bổng, thi đua khen thưởng

- Hồ sơ thành lập và ấn định tổ chức điều hành của Tổng cuộc Phát triển Gia cư và các nha, sở trực thuộc.

- Tài liệu về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, giải nhiệm đối với cán bộ công chức.

- Tài liệu về lương bổng, phụ cấp.

- Tài liệu về khen thưởng, kỷ luật.

3. Tài liệu về kế toán

PHÔNG NHÀ MÁY XI MĂNG HÀ TIÊN
(1961 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 2,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1961 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ

Nội dung tài liệu phông phản ánh các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của CBCNV Nhà máy Xi măng Hà Tiên, gồm các vấn đề sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động của Nhà máy Xi măng Hà Tiên.

- Sổ theo dõi hợp đồng nhập khẩu.

- Báo cáo kết quả SXKD của Nhà máy Xi măng Hà Tiên.

- Kế hoạch ngân sách, dự toán ngân sách, bảng cân đối tài khoản.

- Đề án xây dựng nhà nhân viên, trường mẫu giáo, xây dựng nhà máy điện tại khu cư xá nhân viên.

- Tập tài liệu kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu và tìm kiếm công nghệ về các chất dẻo kết dính trong nước.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về hệ thống phân nhiệm các Nha của Nhà máy Xi măng Hà Tiên năm 1970 - 1974.

- Tập công văn về lập sơ đồ tổ chức của các phòng năm 1970 - 1972.

- Quy chế cư xá nhân viên, thống kê quản lý LĐTL.

- Hồ sơ quân dịch nhân viên Nha Tài chính Kế toán.

- Tập lưu công văn đi, tập lưu sự vụ văn thư của Nhà máy Xi măng Hà Tiên.

- Tập tài liệu về quản lý cư xá nhân viên của Nhà máy Xi măng Hà Tiên.

- Tập tài liệu về thành lập và xây dựng Nhà máy Xi măng Hà Tiên năm 1972 - 1973.

PHÔNG PHỦ TỔNG ỦY DINH ĐIỀN VÀ NÔNG VỤ (1957 - 1963)

* **Số lượng tài liệu:** 532,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1957 - 1963
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Phủ Tổng ủy Dinh điền là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống theo Sắc lệnh số 103-TTP ngày 23/4/1957 và Nghị định số 691/TTP/VP ngày 23/4/1957 của Tổng thống VNCH[1]. Cơ quan này đặt dưới quyền kiểm soát và điều hành của Phó Tổng thống với nhiệm vụ:

- Sưu tầm và áp dụng những phương pháp kỹ thuật để khai khẩn ruộng đất bỏ hoang để tăng cường diện tích canh tác.

- Di chuyển và phân cấp đất đai cho các phần tử nông nghiệp muốn khai thác và giúp đỡ họ với mọi phương tiện sẵn có.

- Tăng cường sức sản xuất, cải thiện cơ cấu nông thôn trên mọi phương diện.

- Đệ trình Tổng thống những kế hoạch thích hợp và theo dõi việc thực hiện kế hoạch.

Tổ chức của Phủ Tổng ủy Dinh điền được tổ chức như một bộ đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng ủy ngang hàng với Bộ trưởng,

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 48.

gồm một số cơ quan tại Trung ương và các địa phương giúp việc, gồm có Văn phòng và các nha, sở nội thuộc.

Phủ Tổng ủy Dinh điền hoạt động đến ngày 28/9/1959 thì được cải tổ theo tinh thần Mật văn số 417-TTP/ĐL ngày 29/9/1959 của Văn phòng Tổng thống.

Năm 1961, với Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và Nghị định số 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 về việc ấn định tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn thì Phủ Tổng ủy Dinh điền là cơ quan trực thuộc của Bộ này[1].

Năm 1963, Sắc lệnh số 9-TTP ngày 12/11/1963 bãi bỏ Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ và thiết lập Phủ Tổng ủy Tân sinh Nông thôn trực thuộc Phủ Thủ tướng[2].

* ***Về tổ chức:***

- Văn phòng gồm:
  + Văn phòng chính dân
  + Phòng Bí thư
  + Ban giao tế và an ninh.
- Nha, Sở Nội thuộc.
- Các Trung tâm.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình của Phủ Tổng ủy Dinh điền, các nha, sở trực thuộc.

- Báo cáo hoạt động của các địa điểm dinh điền.

- Hồ sơ hội nghị dinh điền.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 333.

2 Công báo VNCH năm 1963, tr. 85.

- Tài liệu về công tác an ninh công sở, an ninh dinh điền.

- Dự án thành lập các địa điểm dinh điền.

- Huấn thị và tài liệu liên quan đến học tập.

- Tài liệu hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng hòa Dinh điền.

- Tài liệu về việc huấn luyện các địa điểm trưởng dinh điền (tài liệu học tập và kiểm tra).

- Sổ kiểm soát dân vệ, bảng kê cấp vũ khí, phiếu lý lịch dân vệ (an ninh dinh điền), hướng dẫn thanh niên bảo vệ hương thôn.

- Thể lệ cấp phát giấy trưng vận chuyên chở nhân viên đi công tác.

- Tập giấy lộ trình, nội vụ lệnh.

- Bảng chấm công.

- Lưu công văn.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định về tổ chức bộ máy.

- Quyết định, sự vụ lệnh về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, lương bổng nhân viên.

- Tài liệu về nguyên tắc nhân viên.

- Hồ sơ nhân viên.

- Hồ sơ thăm viếng các địa điểm dinh điền.

- Tài liệu về công tác khen thưởng.

- Đơn xin đi định cư, tờ khai gia đình.

- Danh sách gia đình, danh sách đồng bào di dân.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán, tài vụ

- Dự trù ngân sách của Nha, Sở.

- Tài liệu về việc cấp phát ruộng đất cho đồng bào di dân, di cư.

- Tập giấy biên nhận tiền, danh sách cấp phát gạo và tặng phẩm cho đồng bào.

- Chứng từ nhận hàng viện trợ Mỹ.

- Bảng thống kê kết quả canh tác tại các địa điểm dinh điền.

- Chứng từ về việc xây dựng nhà ở, làm cầu đường và các khu dinh điền; khai thác các vùng đầm lầy.

- Chứng từ trợ cấp, thanh toán vãng lai cho nhân viên.

- Phiếu đặt hàng, khảo sát vật tư, cây trồng; phiếu chi tiêu, chứng từ vật tư nhiên liệu,...

PHÔNG BỘ CẢI TIẾN NÔNG THÔN
(1961 - 1965)

* **Số lượng tài liệu:** 1,6 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1961 - 1965
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1961, Bộ Cải tiến Nông thôn được thành lập và ấn định tổ chức bằng các Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961 của Tổng thống VNCH, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và Nghị định số 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 của Bộ Cải tiến Nông thôn[(1)].

Bộ Cải tiến Nông thôn đảm nhiệm các trách vụ của các Bộ Canh nông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Hợp tác xã và Nông tín, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Sở Kiến thiết Nông thôn.

Tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn gồm có các cơ quan Trung ương, các cơ quan ngoại thuộc và các cơ quan đặc biệt:

**** Cơ quan Trung ương:***

- Nha Đổng lý Văn phòng.
- Nha Tổng Thư ký.
- Nha Thanh tra.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 333.

**** Cơ quan ngoại thuộc:***

- Tổng nha Điền địa.
- Nha Lâm vụ.
- Nha Mục súc.
- Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn.
- Nha Khảo cứu.
- Thảo cầm viên.

**** Cơ quan đặc biệt:***

- Phủ Tổng ủy Hợp tác xã Nông tín.
- Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ.

Năm 1965, Bộ Cải tiến Nông thôn chấm dứt nhiệm vụ bằng các Nghị định số 985-CN ngày 2/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC ngày 16/8/1965[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tập biên bản họp.
- Hồ sơ về việc tiếp tế thuốc cho các địa điểm dinh điền chưa địa phương hóa.
- Công văn trao đổi về xuất, nhập cảng mục súc, giống, thức ăn gia súc.
- Chứng từ về việc xây cất tại các kho trù mật.
- Bản tin tức, tập san.
- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ, các ty.

1 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 254.

PHÔNG BỘ CANH NÔNG
(1952 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 8,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1952 - 1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý**: ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1952, Bộ Canh nông được thành lập theo Sắc lệnh số 81-CN ngày 8/8/1952[1]. Theo Sắc lệnh này, Bộ Canh nông được tách ra từ Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động.

Cũng trong năm 1952, với Nghị định số 43/BCN/ND ngày 4/12/1952, tổ chức Bộ Canh nông được ấn định như sau[2]:

- Các cơ quan chính danh của Bộ: Nha Đổng lý Văn phòng, Nha Tổng Thư ký.

- Các cơ quan chuyên môn: Nha Canh nông, Nha Mục súc, Nha Thủy lâm, Nha Khảo cứu và Sưu tầm Nông lâm, Nha Hỗ tương Nông lâm, Nha Giáo dục Chuyên môn và Thực hành.

- Các cơ quan tư vấn và tổ chức tự trị: Hội đồng Canh nông, các Phòng Canh nông, các tổ chức chuyên nghiệp canh nông, Liên hiệp Túc mễ Cục.

---

1 Hồ sơ số 4061, phông Phủ Thủ tướng VHCH.

2 Hồ sơ số 4061, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Năm 1954, Bộ Canh nông có thêm một nha, đó là Nha Cải cách Điền địa được thiết lập do Nghị định số 66-BCN/ND ngày 19/11/1954. Một năm sau đó, Nha này lại được tách ra theo Nghị định số 372-PTh.T/TTK ngày 23/5/1955 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 1961, với Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và Nghị định số 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 ấn định tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn, thì Bộ Canh nông đã được sáp nhập vào Bộ Cải tiến Nông thôn[1].

Năm 1965, Bộ Cải tiến Nông thôn đổi tên thành Bộ Canh nông do Nghị định số 985-CN ngày 2/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC ngày 16/8/1965[2].

Sang nền Đệ nhị Cộng hòa, Bộ Canh nông được cải danh thành Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông.

Theo Sắc lệnh số 65-SL/CCĐĐ-CN ngày 25/6/1968, Nghị định số 579-BCCĐĐCN/HCTC4/NĐ ngày 27/7/1968 và sau cuộc cải tổ Nội các tháng 8/1969 Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông lại được cải danh thành Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp[3].

Năm 1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM ngày 17/3/1972 do Thủ tướng ban hành, Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp đổi tên thành Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư mục[4].

Năm 1973, Tổng thống VNCH đã cải danh Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư mục thành Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa bằng Sắc lệnh số 267/SL ngày 30/3/1973[5].

Cũng trong năm này, với Sắc lệnh số 955-TT/SL ngày 20/10/1973, Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa lại được cải danh thành Bộ Canh nông.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 333.

2 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 254.

3 Niên giám Hành chính năm 1971, tr. 217.

4 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

5 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH

Năm 1974, Thủ tướng Chính phủ ra Sắc lệnh số 178-SL/CN ngày 29/7/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Canh nông như sau[1]:

+ Các cơ quan Trung ương:

- Thành phần chỉ đạo: Tổng trưởng Canh nông và các phụ tá, Văn phòng Tổng trưởng.

- Thành phần chuyên môn và hành chính gồm: Khối Thanh tra, Khối Kế hoạch và Kỹ thuật, Khối Chấp hành Trung ương, Khối Yểm trợ.

Năm 1974, Bộ Canh nông chấm dứt hoạt động khi Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 1.100-TT/SL ngày 28/11/1974 cải biến Bộ Canh nông thành Bộ Canh nông và Kỹ nghệ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ Canh nông và các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển địa phương.

- Phúc trình về việc kiểm tra nông nghiệp tỉnh An Giang.

- Tài liệu nghiên cứu, cứu xét đề nghị về lệ phí điền thổ, cải hóa rừng vĩnh viễn.

- Tập san, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt.

- Nghị định về việc phân phối giờ dạy đối với các trường Canh nông Thực hành Cần Thơ và Huế.

- Dự án ngân sách.

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ, các ty.

- Nghị định, quyết định về nhân sự.

- Danh sách giới chức có điện thoại tại công sở và tư thất.

---

1 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

PHÔNG NHA CANH NÔNG
(1952 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 51,13 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1952 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** rách, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Nghị định số 43/BCN/NĐ ngày 4/12/1952 thì Nha Canh nông là một cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Canh nông[(1)], đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc có các Chánh sự vụ quốc gia và Giám đốc địa phương phụ tá, có nhiệm vụ và phụ trách:

- Mọi vấn đề liên quan đến sản xuất và các kỹ nghệ canh nông, thảo mộc, tầm tang, nuôi ong và các vật sinh trưởng trên cây.

- Kiểm soát sự phân phối và tiếp tế nông sản.

- Nghiên cứu và thi hành các công tác nông thôn, thủy lợi nông nghiệp và cải thiện điền thổ.

- Sưu tầm và phân chất về nông học.

- Tổ chức và kiểm soát các Nha Canh nông địa phương và các cơ sở thí nghiệm nông học quốc gia, địa phương.

---

1 Hồ sơ số 4061, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 344.
3 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 254.

Theo Nghị định trên, Nha Canh nông gồm các phòng và sở sau:

1. Phòng Hành chính và Tài chính.

2. Sở sản xuất và kỹ nghệ canh nông, thảo mộc, tầm tang, nuôi ong và các vật sinh trưởng trên cây.

3. Sở Thanh tra vệ sinh thảo mộc và Kiểm chế Nông phẩm.

4. Sở Công tác Nông thôn, Thủy lợi Nông nghiệp và Cải thiện Điền thổ.

5. Phòng Thí nghiệm Phân chất Nông phẩm.

Nghị định số 41-BCN/NĐ ngày 7/5/1953 của Bộ Canh nông cải chánh Nghị định số 43-BCN/NĐ ngày 4/12/1952 như sau:

- Bỏ Sở Thanh tra vệ sinh thảo mộc và Kiểm chế Nông phẩm.

- Bỏ Phòng Thí nghiệm Phân chất Nông phẩm và thay vào đó là: Sở Bảo vệ và Cải thiện thảo mộc và Sở Thổ địa học, Phân chất nông phẩm và Kiểm chế Nông phẩm.

Nghị định số 185-BCTNT ngày 30/4/1962 của Bộ cải tiến Nông thôn thì Nha Canh nông thuộc phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ được đổi thành Nha Nông vụ. Theo Nghị định này, Nha Nông vụ do một Giám đốc điều khiển gồm 1 ban và 4 sở sau:

1. Ban văn thư

2. Sở Túc mễ, gồm 2 phòng

- Phòng Tuyển lựa, Cây giống và Khảo sát Lúa giống.

- Phòng Chuyên môn.

3. Sở Nông phẩm, gồm 2 phòng

- Phòng Chương trình.

- Phòng Kiểm chế Nông phẩm.

4. Sở Khuyến nông gồm 2 phòng

- Phòng Thanh niên Nông thôn.
- Phòng Sinh hoạt Gia đình.

5. Sở Bảo vệ Mùa màng, gồm 5 phòng

- Phòng Kiểm định.
- Phòng Bài trừ sâu bọ.
- Phòng Bài trừ bệnh thảo mộc.
- Phòng Lập quy.
- Phòng Bảo vệ mùa màng ở địa phương.

Năm 1965 Bộ Canh nông ra Nghị định số 492 BCN/NĐ/HCTC/3 ngày 27/8/1965 ấn định lại tổ chức Nha Nông vụ. Theo Nghị định này Nha Nông vụ được đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc, có một Phó Giám đốc phụ tá. Nha Nông vụ gồm: cơ quan Trung ương và cơ quan địa phương.

a. Cơ quan Trung ương gồm:

Các phòng:

- Phòng Hành chính và Văn thư.
- Phòng Tài chính và Vật liệu.
- Phòng Phối kiểm.

Các sở

- Sở Túc mễ.
- Sở Cao su.
- Sở Nông phẩm.
- Sở Bảo vệ mùa màng.
- Sở Khuyến nông.
- Sở Dinh điền.

b. Cơ quan địa phương gồm

- Ty Nông vụ tại các tỉnh.

- Chi Nông vụ: một số chi Nông vụ được thiết lập tại các quận thuộc những tỉnh quan trọng về nông nghiệp.

- Trung tâm thực nghiệm Cây sơn.

- Trung tâm Thực nghiệm Lúa gạo Long Định.

- Trung tâm Bảo vệ mùa màng.

- Chi Kiểm soát Vệ sinh thảo mộc.

Năm 1968 với Nghị định số 693/BCCĐĐCN/HCTC-4/NĐ ngày 5/9/1968 do Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông ban hành, Nha Nông vụ lại đổi thành Nha Canh nông thuộc Tổng Nha Nông nghiệp.

Theo Nghị định trên, Nha Canh nông có sự cơ cấu lại gồm 3 sở và 2 phòng sau:

- Phòng Văn thư và Vật liệu.

- Sở Lúa gạo.

- Sở Nông phẩm.

- Sở Bảo vệ mùa màng.

- Phòng Bảo vệ mùa màng địa phương.

Với Nghị định số 136/CCĐĐNNM/HCTC-4 ngày 7/2/1973 Nha Canh nông được thành lập lại thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư mục[1].

Năm 1974, Nha Canh nông thuộc Bộ Canh nông, và sau đó là Tổng Nha Nông nghiệp, Bộ Canh nông theo Sắc lệnh số 178-SL/CN ngày 29/7/1974[2].

---

1 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Sắc lệnh số 1.100-TT/SL ngày 28/11/1974 của Tổng thống VNCH, Nha Canh nông thuộc Bộ Canh nông và Kỹ nghệ do sự cải biến Bộ Canh nông thành Bộ Canh nông và Kỹ nghệ.

Dưới Nha Canh nông là các Ty Canh nông ở các tỉnh.

Quyết định số 320-BCN/QĐ ngày 17/7/1958 của Bộ Canh nông đã sáp nhập các Ty Canh nông, Túc mễ tại các tỉnh thành Ty Nông vụ.

Nghị định số 802/BCN/HCTC-4/NĐ ngày 18/8/1974 của Bộ Canh nông thiết lập tại mỗi tỉnh một Ty Canh nông.

Như vậy cùng với sự đổi tên của Nha Nông vụ thì ở các tỉnh có Ty Nông vụ, khi đổi tên thành Nha Canh nông thì các ty cũng đổi thành Ty Canh nông.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp.

- Kế hoạch, báo cáo, chương trình, phúc trình của Sở Lúa gạo, các Ty Nông vụ.
- Hội nghị, hội thảo.
- Tài liệu về nhân viên: quyết định, sự vụ lệnh,...
- Tài liệu học tập.
- Tài liệu hướng dẫn về trồng trọt.
- Tài liệu về việc phát triển nghề tằm tang.
- Tình hình sản xuất lúa gạo.
- Công văn xin cấp phân bón hóa học.
- Giám định hạt giống.
- Phiếu khảo nghiệm gạo nhập cảng.

- Ước phí canh tác lúa gạo.

- Tập thông báo khí tượng hàng ngày của Nha Khí tượng (Bộ Giao thông Công chánh).

- Bảng kê chi tiết liên quan đến chương trình gây giống do trại thí nghiệm của các Ty Nông nghiệp.

2. Tài liệu về kế toán

- Tờ thuận tá, khế ước tá điền.

- Chứng từ chi tiêu, chứng từ xuất nhập vật tư, phân bón.

- Chứng thư kiểm chế trà.

- Tập phiếu phân chất (kiểm tra chất lượng gạo).

- Dự thảo quy chế sản xuất nước tương và tàu vị yểu,...

PHÔNG BỘ XÃ HỘI VÀ KHẨN HOANG LẬP ẤP (1949 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 5,24 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

1. Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động (1949)

Với Sắc lệnh số 31/XLN ngày 19/9/1949 ấn định chức chưởng của Bộ trưởng Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động thì Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động được thành lập.

Ngoài các vấn đề về canh nông và lao động, Bộ trưởng Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động sau khi thỏa hiệp với các Tổng trưởng và Bộ trưởng Sở quan đệ trình Quốc trưởng phê chuẩn một chính sách về các vấn đề liên quan đến dự phòng và cứu tế xã hội, mục đích để cải thiện và bảo đảm điều kiện sinh hoạt của nhân dân; các vấn đề thuộc phạm vi xã hội. Ngoài ra mỗi khi cần sẽ thỏa hiệp với các Tổng trưởng và Bộ trưởng Sở quan.

2. Bộ Y tế và Xã hội (1950 - 1952)

Ngày 26/10/1950, Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã ban hành Nghị định số 615-YT/XH/VP nhằm cải tiến Bộ Y tế thành Bộ Y tế và Xã hội[(1)].

1 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

Về nhiệm vụ: Bộ Y tế và Xã hội ngoài nhiệm vụ trước đây được quy định cho ngành Y tế nay còn tăng thêm quyền kiểm soát nhân công, sưu tầm thống kê về lao động, liên lạc với các tổ chức lao động quốc tế; cứu tế xã hội, thanh tra lao động, bài trừ và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

Về tổ chức: Bộ Y tế và Xã hội gồm có:

- Nha Đổng lý văn phòng.
- Nha Giám đốc Hành chính và Kế toán.
- Nha Giám đốc Y tế và Bệnh viện.
- Nha Giám đốc Lao động và Xã hội.
- Nha Đại diện Bộ Y tế và Xã hội.

3. Bộ Xã hội (1952 - 1955)

Ngày 22/10/1952, Bộ Y tế và Xã hội được tách thành hai bộ riêng biệt[1].

Để hoàn thiện bộ máy của Bộ Xã hội, ngày 23/10/1954, Tổng trưởng Xã hội đã ban hành Nghị định số 54-XH/NĐ ấn định cụ thể tổ chức và nhiệm vụ của Bộ Xã hội[2].

Về nhiệm vụ: Bộ Xã hội có nhiệm vụ:

- Cứu trợ Xã hội.
- Bảo trợ Xã hội.

Về tổ chức: Bộ Xã hội gồm có:

- Nha Đổng lý Văn phòng.
- Nha Tổng Thư ký.
- Các Sở Xã hội tại Bắc, Trung, và Nam Việt.

4. Bộ Xã hội và Y tế (10/5/1955 - 9/11/1956)

Bộ Xã hội sáp nhập vào Bộ Y tế do Sắc lệnh số 145-CP ngày 10/5/1955 với tên gọi mới là Bộ Xã hội và Y tế[3].

---

1 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

2 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

3 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

Nghị định số 73-NĐ ngày 24/2/1956[1] đã sửa đổi một phần Nghị định số 54-XH/NĐ ngày 23/10/1954. Theo Nghị định này, tổ chức của Bộ Xã hội và Y tế gồm có:

- Nha Hành chính Tổng quát Nhân viên và Kế toán.

- Nha Xã hội.

- Sở Viện trợ Kinh tế Mỹ quốc.

- Sở Tuyên huấn.

Trong đó, Nha Hành chính Tổng quát Nhân viên và Kế toán được điều chỉnh lại gồm có:

- Sở Nhân viên.

- Sở Kế toán.

- Phòng Vật liệu.

Và Nghị định số 722-HC/NĐ ngày 25/7/1956 đã quy định lại tổ chức hành chính Trung ương tại Bộ này[2].

Tổ chức hành chính Trung ương tại Bộ Xã hội và Y tế đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của ông Bộ trưởng, gồm có các cơ quan sau:

- Nha Đổng lý Văn phòng.

- Nha Hành chính Nhân viên Tài chính.

- Phòng Công văn và Văn khố.

- Nha Giám đốc Y tế và các Bệnh viện.

5. Bộ Xã hội (9/11/1956 - 20/8/1968)

Bộ Xã hội được tách ra khỏi Bộ Y tế do Sắc lệnh số 154-TTP ngày 9/11/1956 và mang tên Bộ Xã hội.

Từ năm 1956 đến 1968, để thực hiện nhiệm vụ của ngành ngày càng hoàn thiện hơn, Bộ Xã hội đã từng bước được bổ sung hoặc cải tổ bộ máy các cấp trực thuộc Bộ.

---

1 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

2 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

Sau khi lật đổ chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm (1/11/1963), Hội đồng Quân nhân Cách mạng và Chính phủ lâm thời đã tiến hành cải tổ hàng loạt các cơ quan chính quyền nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Nghị định số 559B-BXH/NĐ ngày 1/8/1964 của Bộ Xã hội đã ấn định cụ thể tổ chức của Bộ này:

* ***Cơ quan Trung ương:***

- Văn phòng Bộ trưởng và các cơ quan trực thuộc Bộ.

- Nha Tổng Thư ký.

* ***Các cơ quan địa phương:***

- Các Nha Đại diện Xã hội ở các Vùng Chiến thuật.

- Các đoàn công tác xã hội cấp tỉnh.

6. Bộ Xã hội và Tỵ nạn Cộng sản (21/2/1968 - 19/8/1968)

Với Sắc lệnh số 18-SL/XHTNCS ngày 21/2/1968 Bộ Xã hội và Tỵ nạn Cộng sản được thành lập[1].

Tổ chức các cơ quan của Bộ Xã hội và Tỵ nạn Cộng sản như sau:

* ***Cơ quan Trung ương gồm:***

- Nha Đổng lý Văn phòng.

- Nha Tổng Thư ký.

- Đoàn Thanh tra.

- Khối Tỵ nạn Cộng sản.

- Khối Xã hội.

* ***Cơ quan địa phương gồm:***

- Sở Xã hội Đô thành và các Chi Xã hội tại các quận trong Đô thành.

- Văn phòng Đại diện Xã hội và Tỵ nạn Cộng sản cạnh các Tòa Đại biểu Chính phủ tại xã Vùng Chiến thuật.

---

1 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

- Các Ty Xã hội và Tệ nạn Cộng sản tại các tỉnh và thị xã.

- Các Chi Xã hội và Tệ nạn Cộng sản tại các quận thuộc một số tỉnh.

7. Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ (20/8/1968 - 10/1969)

Theo Sắc lệnh số 115-SL/YT-XH-CT ngày 20/8/1968, Bộ Xã hội sáp nhập với Bộ Y tế và được cải danh với tên gọi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ. Theo đó, Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ có các cơ quan Trung ương và địa phương cụ thể như sau:

* ***Cơ quan Trung ương gồm có các cơ quan sau:***

- Nha Đổng lý Văn phòng.

- Khối Hành chính và Tiếp vận.

- Khối Cứu trợ.

- Khối Xã hội.

- Nha Kế hoạch, Pháp chế và Nghiên huấn (ngành Xã hội và Cứu trợ).

- Đoàn Thanh tra.

* ***Cơ quan địa phương:***

- Cơ quan địa phương ngành Y tế.

- Cơ quan địa phương ngành Xã hội và Cứu trợ.

8. Bộ Xã hội (10/1969 - 6/1974)

Năm 1969, Bộ Xã hội được tách khỏi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ và tổ chức lại theo Sắc lệnh số 144-SL/XH ngày 20/10/1969[1]. Trên cơ sở đó, Nghị định số 136-BXH/KHC/HC/NĐ đã ấn định cụ thể tổ chức của Bộ này như sau[2]:

* ***Cơ quan Trung ương:***

- Nha Đổng lý Văn phòng.

- Nha Tổng Thư ký.

---

1 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

2 Hồ sơ số 11, phông Bộ Xã hội.

- Nha Thanh tra đoàn.

- Khối Cứu trợ.

- Khối Xã hội.

* ***Cơ quan địa phương:***

- Các Văn phòng Thanh tra Đại diện Bộ Xã hội Liên tỉnh.

- Sở Xã hội Đô thành và các Ty Xã hội tại các tỉnh.

9. Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp (6/1974 - 30/4/1975)

Trong các năm 1973 - 1974, chính quyền VNCH đã tiến hành cải cách sâu rộng từ Trung ương đến địa phương, tăng thêm một số nhiệm vụ đối với một số Bộ do yêu cầu của xã hội. Trong tình hình chung, với Sắc lệnh số 124-SL/XH ngày 6/6/1974, Bộ Xã hội được cải danh lại với tên gọi Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp. Trên cơ sở đó, Nghị định số 272/BXH-KHLA/TTK ngày 13/8/1974 của Tổng trưởng Xã hội và Khẩn hoang lập ấp đã cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Bộ này như sau[1]:

* ***Về nhiệm vụ:***

Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp có nhiệm vụ xây dựng và phát triển một hệ thống cơ sở xã hội và dịch vụ xã hội tiến bộ để thực hiện hữu hiệu các hoạt động cứu trợ xã hội, phục hồi và phát triển song song với công cuộc phát triển kinh tế quốc gia qua chương trình khẩn hoang lập ấp.

* ***Về tổ chức:***

Cơ quan Trung ương.

- Thành phần chỉ đạo:

+ Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Xã hội và Đặc trách Khẩn hoang lập ấp.

+ Phụ tá kỹ thuật.

+ Phụ tá kế hoạch.

---

1 Hồ sơ số 23, phông Bộ Xã hội.

+ Phụ tá ngoại viện.

+ Đoàn chuyên viên đặc nhiệm.

+ Văn phòng Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Xã hội và Đặc trách Khẩn hoang lập ấp.

- Thành phần chuyên môn và hành chính:

+ Khối Thanh tra.

+ Nha nghiên cứu và chương trình.

+ Khối Chấp hành Trung ương.

+ Khối Yểm trợ.

Cơ quan địa phương:

- Tại Liên tỉnh mỗi Văn phòng Thanh tra Đại diện Bộ có một hoặc hai Thanh tra.

- Tại những tỉnh hay Liên tỉnh có chương trình Khẩn hoang lập ấp, có một Trung tâm Khẩn hoang lập ấp.

- Sở Xã hội Đô thành.

- Ty Xã hội và Khẩn hoang lập ấp tỉnh và thị xã.

***** Trong Lời nói đầu của Mục lục Hồ sơ phông Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp viết về lịch sử hình thành phông như sau:

Bộ Xã hội là một bộ có chức năng, nhiệm vụ không ổn định, được tách, sáp nhập nhiều lần.

Với Sắc lệnh số 31/XLN ngày 19/9/1949 ấn định chức Chưởng của Bộ Canh nông Xã hội và Lao động, Bộ Canh nông Xã hội và Lao động được thành lập.

Ngày 26/10/1950, Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã ban hành Nghị định số 615-YT/XH/VP nhằm cải tiến Bộ Y tế thành Bộ Y tế và Xã hội. Bộ Y tế và Xã hội ngoài nhiệm vụ trước đây được quy định cho ngành y tế nay còn tăng thêm quyền kiểm soát nhân công, sưu tầm thống kê về lao động, liên lạc với các tổ chức hay lao động quốc tế, cứu tế xã hội, thanh tra lao động, bài trừ và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

Ngày 22/10/1952, Bộ Y tế Xã hội được tách ra thành hai Bộ riêng biệt. Sau đó, Sắc lệnh số 145/CP ngày 10/5/1955 Bộ Xã hội sáp nhập vào Bộ Y tế thành Bộ Xã hội và Y tế.

Ngày 9/11/1956, Bộ Xã hội được tách ra khỏi Bộ Y tế bởi Sắc lệnh số 154-TTP.

Từ năm 1956 đến năm 1968, để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của ngành, Bộ Xã hội đã từng bước được bổ sung hoặc cải tổ bộ máy các cấp trực thuộc Bộ.

Ngày 20/8/1968, Bộ Xã hội sáp nhập với Bộ Y tế và được cải danh thành Bộ Y tế Xã hội Cứu trợ.

Ngày 20/10/1969, Bộ Xã hội được tách khỏi Bộ Y tế Xã hội Cứu trợ.

Ngày 6/6/1974, Bộ Xã hội được cải danh lại với tên gọi Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp có nhiệm vụ xây dựng và phát triển một hệ thống cơ sở xã hội và dịch vụ xã hội tiến bộ để thực hiện hữu hiệu các hoạt động cứu trợ xã hội, bảo trợ xã hội, phục hồi và phát triển song song với công cuộc phát triển kinh tế quốc gia qua chương trình khẩn hoang lập ấp.

Đến ngày 30/4/1975, ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp chính thức chấm dứt hoạt động.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp.

- Biên bản phiên họp của Bộ Xã hội.

- Các tập lưu nghị định, quyết định, phiếu trình, công văn, công điện của Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp.

- Tài liệu về việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp.

- Nghị định về trợ cấp cho các cơ sở xã hội.

- Tài liệu về việc cứu trợ, hồi cư, định cư nạn nhân chiến cuộc, các vùng bị lụt.

- Tài liệu về khẩn hoang lập ấp.

2. Tài liệu về tổ chức, cán bộ, khen thưởng

- Tài liệu về việc thành lập, tổ chức bộ máy của Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp.

- Tài liệu về việc tuyển dụng, cử, bổ nhiệm, điều động, thuyên chuyển, giải nhiệm, biệt phái, nâng ngạch, nâng lương của nhân viên Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp.

- Hồ sơ về công tác đào tạo cán bộ Bộ Xã hội.

- Hồ sơ cá nhân của Tổng trưởng Bộ Xã hội.

- Hồ sơ về công tác ân thưởng huân, huy chương cho nhân viên ngành xã hội.

PHÔNG NHA NGƯ NGHIỆP
(1963 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 16,9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1963 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** rách, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Nghị định số 356-BKT/NĐ ngày 25/6/1957 của Bộ Kinh tế thì Nha Ngư nghiệp là cơ quan thuộc Bộ Kinh tế[1].

Ngày 20/11/1963, với Nghị định số 83-TTP/VP thì Nha Ngư nghiệp được sáp nhập vào Bộ Cải tiến Nông thôn[2].

Năm 1965, Nha Ngư nghiệp là cơ quan trực thuộc Bộ Canh nông được quy định trong Nghị định số 985-CN ngày 2/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC/3 ngày 16/8/1965 với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức như sau[3]:

**** Chức năng, nhiệm vụ:***

- Soạn thảo và thực hiện chương trình phát triển ngư nghiệp.

- Sưu tầm, nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến kỹ thuật tân tiến trong lĩnh vực khai thác, chế biến và nuôi trồng thủy sản.

---

1 Hồ sơ số 9348, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Công báo VNCH năm 1963, tr. 57.

3 Công báo VNCH năm 1965, tr. 2775 và 3419.

- Soạn thảo và áp dụng luật lệ trong việc bảo tồn và khai thác thủy sản.

**** Cơ cấu tổ chức:***

- Giám đốc, Thanh tra, Phòng Văn thư, các Sở Khai thác Thủy sản, Kỹ nghệ Ngư sản, Kinh xã Ngư nghiệp, Dưỡng ngư và các Khu Ngư nghiệp.

- Năm 1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM ngày 17/3/1972 thì Nha Ngư nghiệp là cơ quan thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục.

- Ngày 30/3/1973, Tổng thống ban hành Sắc lệnh số 267-TT/SL cải danh Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục thành Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa thì Nha Ngư nghiệp thuộc Bộ này.

- Ngày 23/10/1973, Nha Ngư nghiệp thuộc Bộ Canh nông theo Sắc lệnh số 955-TT/SL.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Nha, Công ty.

- Hội nghị, đại hội thường niên.

- Công cán trong và ngoài nước.

- Tài liệu nguyên tắc về ngư nghiệp.

- Kế hoạch, dự án phát triển ngư nghiệp, nhập cảng tàu.

- Phúc trình về khảo cứu tiềm năng ngư nghiệp.

- Tiêu chuẩn điều giải các vụ vi phạm lãnh hải ngư nghiệp.

- Kỹ thuật đánh cá, mẫu lưới, chỉ sợi, ngư cụ.

- Dự án ngân sách, thỏa ước vay tiền của ADB, chương trình viện trợ Mỹ.

- Chứng từ chi tiêu, chứng từ xuất, nhập vật tư.

- Cứu trợ và huấn luyện ngư phủ.

PHÔNG NHA THỦY LÂM
(1951 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 99 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1951 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Thủy lâm khởi thủy là Nha Thủy lâm Đông Dương, ngày 30/3/1950 là ngày Chính phủ Pháp chuyển giao thẩm quyền Nha cho Chính phủ Việt Nam. Nghị định số 43-BCN/NĐ ngày 4/12/1952 ấn định tổ chức Bộ Canh nông trong đó có Nha Quốc gia Thủy lâm.

Nhiệm vụ của Nha Quốc gia Thủy lâm:

- Quản lý sự sản xuất và kỹ nghệ lâm sản, săn bắn và nuôi cá trên lục địa.

- Quy định việc đốn cây và tái tạo rừng rú.

- Nghiên cứu và sưu tầm lâm sản, săn bắn và nuôi cá trên lục địa.

- Tổ chức và kiểm soát các Nha Thủy lâm địa phương cùng các cơ sở thí nghiệm quốc gia và địa phương về lâm sản, săn bắn và nuôi cá trên lục địa.

Nghị định số 39-BCN/NĐ ngày 27/1/1959 của Bộ Canh nông quy định về tổ chức của Nha Quốc gia Thủy lâm, gồm có 1 Giám đốc điều khiển và 1 Phó Giám đốc phụ tá, các cơ quan trực thuộc và các cơ quan địa phương thừa hành, cụ thể như sau:

1. Cấp Trung ương:

- Phòng Hành chính và Công văn.
- Phòng Tài chánh và Ngoại viện.
- Sở Quy định lâm phần và Sản xuất lâm sản.
- Sở Bảo vệ thiên nhiên và Bồi dưỡng lâm phần.
- Sở Pháp chế tố tụng và Sưu tầm tài liệu.

2. Cấp địa phương:

- Cơ quan Kiểm soát: Khu Thủy lâm Liên tỉnh.
- Cơ quan Quản trị.

Chiếu Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 của Tổng thống VNCH là Nghị định ấn định tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn trong đó có Nha Quốc gia Thủy lâm, được đổi tên là Nha Lâm vụ và tiếp thu một phần các phương tiện của Nha Quốc gia Thủy lâm, với nhiệm vụ: Dự trù chính sách bồi bổ và khai khẩn lâm sản; Tổ chức và kiểm soát việc khai thác lâm sản đúng theo chính sách được duyệt ký; Nghiên cứu và ấn định kế hoạch thi hành các dự án kỹ nghệ, hay tiểu công nghệ phụ thuộc vào tài nguyên sâm lâm; Nghiên cứu và ấn định kế hoạch thi hành những dự án gầy dựng rừng.

Nghị định số 370-BCTNT/NĐ/HCPC ngày 5/9/1963 của Bộ Cải tiến Nông thôn ấn định tổ chức Nha Lâm vụ thuộc Bộ Cải tiến Nông thôn. Theo Nghị định này, Nha Lâm vụ được tổ chức như sau:

1. Cấp Trung ương:

- Các phòng và đoàn.
- Các Sở.

2. Cấp địa phương:

- Cơ quan kiểm soát: Khu Lâm vụ Liên tỉnh.
- Cơ quan quản trị: Hạt Lâm vụ.

Trong khuôn khổ kế hoạch tăng hiệu năng bộ máy hành chính, Nha Lâm vụ được đặt trực thuộc bộ Bộ Canh nông. Theo Nghị định

số 491-BCN/NĐ/HCTC/3 ngày 27/8/1965 của Bộ Canh nông cải tổ hệ thống tổ chức Nha Lâm vụ. Theo Nghị định này, Nha Lâm vụ được tổ chức như sau:

1. Cấp Trung ương:

- Các phòng:

+ Phòng Hành chính và Công văn.

+ Phòng Tài chính và Ngoại viện.

- Các sở:

+ Sở Kỹ thuật và Kế hoạch.

+ Sở Bảo vệ và Tái lập lâm phần.

+ Sở Quy định và Khai thác lâm sản.

+ Sở Pháp chế và Kiểm soát.

2. Cấp địa phương:

- Cơ quan kiểm soát.

- Cơ quan quản trị.

Nghị định số 910-BCCĐĐCN/HCTC-4/NĐ ngày 12/12/1968 của Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông ấn định tổ chức Nha Thủy lâm. Theo Nghị định này thì Nha Thủy lâm do một Giám đốc điều khiển và một Phó Giám đốc phụ tá và các cơ quan:

1. Các cơ quan Trung ương:

- Các phòng.

- Các sở.

2. Các cơ quan địa phương:

- Cơ quan kiểm soát.

- Cơ quan Quản trị.

Nghị định số 136-CCĐĐNNM/HCTC-4/NĐ ngày 7/2/1973 của Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục ấn định tổ chức nhiệm vụ Tổng Nha Nông nghiệp. Theo Nghị định này thì Nha Thủy

lâm trực thuộc Tổng Nha Nông nghiệp và có nhiệm vụ quản trị lâm phần và hướng dẫn phát triển lâm nghiệp.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Nha, sở, khu, hạt, và các ty trực thuộc.

- Hội nghị trong nước và quốc tế về bảo vệ rừng và thiên nhiên.

- Các văn bản pháp quy ấn định chế độ bảo vệ rừng.

- Báo cáo diện tích, kỹ thuật, bản đồ trồng cây.

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy.

- Văn kiện nguyên tắc ấn định quy chế ngạch thủy lâm và quản trị nhân viên.

- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên, hồ sơ cá nhân, huấn luyện nhân viên.

- Tài liệu học tập.

- Dự án, chứng từ chi phí tái thiết và trồng rừng.

- Tài liệu về thiết lập các khu rừng, quốc gia lâm viên.

- Tài liệu về cải hóa các khu rừng.

- Thống kê khai thác lâm sản.

- Săn bắn.

- Xuất nhập cảng gỗ.

- Tài liệu về hành chính, tài chính.

- Tập lưu công văn đi.

- Tập biên bản kiểm chứng, biên bản vi phạm lâm luật, đơn thư tố cáo.

- Tập lưu khế ước, hồ sơ điều tra các nhà khai thác gỗ.

PHÔNG BỘ CANH NÔNG VÀ KỸ NGHỆ
(28/11/1974 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 0,2 mét
* **Thời gian tài liệu:** 28/11/1974 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Năm 1974, Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 1.100-TT/SL ngày 28/11/1974 cải biến Bộ Canh nông thành Bộ Canh nông và Kỹ nghệ với sự sáp nhập của Nha Phát triển Kỹ nghệ từ Bộ Thương mại và Kỹ nghệ[1].

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Sắc lệnh, Nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ.

- Nghị định về việc ủy quyền cho Thứ trưởng Bộ Canh nông và Kỹ nghệ.

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại Tiếp tế.

PHÔNG NHA THỦY NÔNG VÀ CÔNG TÁC NÔNG THÔN (1963 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 7,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1963 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn được thành lập theo Nghị định số 199-CTNT/NĐ ngày 8/5/1962 của Bộ Cải tiến Nông thôn[1].

Năm 1965, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn được sáp nhập vào Bộ Canh nông bằng Nghị định số 468-BCN/NĐ/HCTC/3 ngày 16/8/1965[2].

Ngày 17/3/1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM thì Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn là cơ quan thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục[3].

Với Nghị định số 136-CCĐĐNNM/HCTC-4 ngày 7/2/1973, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Nha được quy định như sau[4]:

---

1 Công báo VNCH năm 1962, tr. 1584.

2 Công báo VNCH năm 1965, tr. 3419.

3 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

4 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

**** Chức năng và nhiệm vụ:***

- Phát triển và điều chế các nguồn lợi thủy ứng dụng vào nông nghiệp.

- Quản trị và kiểm soát việc sử dụng sông ngòi và nguồn nước về phương diện thủy nông.

- Nghiên cứu, tổ chức, thực hiện, quy định và kiểm soát các hệ thống thủy nông.

**** Cơ cấu tổ chức:***

- Phòng Điều hành.

- Phòng Ngân sách và Kế toán.

- Sở Điều thủy.

- Sở Quản thủy và Nông tác.

Ngày 3/4/1973, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn là cơ quan thuộc Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa theo Sắc lệnh số 267-TT/SL của Tổng thống VNCH[1].

Cơ quan này thuộc Bộ Canh nông khi Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa được đổi tên là Bộ Canh nông được quy định do Sắc lệnh số 955-TT/SL ngày 23/10/1973[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Kế hoạch, báo cáo hoạt động của Nha.

- Hội nghị.

- Bản đồ ranh giới các tỉnh.

- Hệ thống thủy nông, mực nước sông.

- Dự án hệ thống thủy nông.

- Tập họa đồ về công tác tu bổ các đập, kênh, mương, cống, kè, đê, đặt máy bơm nước.

- Sơ đồ hệ thống dẫn thủy.

---

1 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

PHÔNG VIỆN KHẢO CỨU NÔNG NGHIỆP
(1961 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1961 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1963, Nha Khảo cứu là một cơ quan thuộc Bộ Cải tiến Nông thôn theo Nghị định số 55-BCTNT/NĐ/HCTC ngày 4/2/1963[1].

Theo Nghị định số 985-CN ngày 2/7/1965[2] và Nghị định số 583 ngày 15/10/1965[3] thì Nha Khảo cứu thuộc Bộ Canh nông.

Sang nền Đệ Nhị Cộng hòa, Bộ Canh nông được cải danh thành Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông và Nha Khảo cứu lúc này được đổi tên là Viện Khảo cứu theo Nghị định số 834-BCCĐĐCN/HCTC[4].

Theo Nghị định số 136-CCĐĐNNM/HCTC-4 ngày 7/2/1973 Viện Khảo cứu là cơ quan trực thuộc Tổng nha Nông nghiệp, Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục[5].

---

1 Công báo VNCH năm 1963, tr. 575.

2 Công báo VNCH năm 1965, tr. 2775.

3 Công báo VNCH năm 1965, tr. 4497.

4 Công báo VNCH năm 1965, tr. 6541.

5 Hồ sơ số 9405, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Kể từ năm 1963, tuy có sự thay đổi cơ quan chủ quản và tên gọi nhưng cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Viện Khảo cứu cũng không có nhiều thay đổi.

**** Cơ cấu tổ chức:*** do một Giám đốc điều khiển và một Phó Giám đốc phụ tá.

- Phòng Điều hành.
- Phòng Ngân sách và Kế toán.
- Phòng Kế hoạch và Liên lạc.
- Sở Nông - Súc học.
- Sở Lâm học.
- Sở Địa học.
- Sở Biến chế.
- Thảo Cầm viên.
- Thư viện.
- Ty Nông nghiệp tỉnh, thị.

**** Chức năng, nhiệm vụ***

- Khảo cứu những vấn đề nông, lâm, súc về phương diện kỹ thuật.
- Khảo cứu điều kiện thổ nhưỡng và các kỹ thuật cải thiện đất đai, phân bón.
- Khảo cứu việc chế biến, bảo quản và sử dụng nông, lâm, súc sản và các phó sản liên hệ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động.
- Hội nghị, hội thảo về lai tạo giống lúa.
- Lưu công văn.

- Phúc trình công cán.

- Chăm sóc, thí nghiệm phân bón trên hoa màu.

- Tập biên bản tiếp nhận hạt giống, thực phẩm gia súc.

- Tài liệu liên quan đến hoạt động của các trung tâm thực nghiệm tại các tỉnh.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.

- Tài liệu nguyên tắc quản trị nhân viên, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên, hồ sơ cá nhân.

- Tài liệu hoạt động của nhân dân tự vệ, Đoàn Thanh niên Cộng hòa Nha Khảo cứu.

3. Tài liệu kế toán, tài vụ

- Bản kê xin cấp giống cỏ, phân bón, thiết bị máy móc, viện trợ.

- Dự thảo, kết toán ngân sách.

- Chứng từ lương, chứng từ chi tiêu, chứng minh quỹ ứng trước, chứng từ xây cất chuồng trại.

- Tập phiếu đặt hàng, phiếu khảo giá, phiếu giao hàng.

PHÔNG CÔNG TY CAO SU ĐÔNG DƯƠNG
(1956 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 19 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1956 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:**
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** giòn, gãy
* **Công cụ tra cứu:**

Tài liệu chưa được xác định nội dung.

PHÔNG CÔNG TY VÔ DANH ANH EM DENIS ĐÔNG DƯƠNG (1959 - 22/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 2 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1959 - 22/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Công ty vô danh Anh em Denis Đông Dương (Société anonyme Denis Frères de l'Indochine) được thành lập ngày 1/7/1922 với số vốn 2,5 triệu francs[(1)]. Công ty hoạt động trên toàn Đông Dương, Pháp và các thuộc địa. Công ty chuyên xuất, nhập khẩu, ủy thác, vận chuyển quá cảnh, vận tải biển, trang thiết bị tàu biển. Ngoài ra, Công ty còn tham gia khai thác nhiều đồn điền và hầm mỏ ở Đông Dương.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu về hành chính quản trị.
- Tài liệu về nhân sự.
- Tài liệu về kế toán.
- Các tập catalogue quảng cáo máy móc, thiết bị.

1 Dương Trung Quốc: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1919 - 1945)*, Nxb. Giáo dục, 2001, tr. 47.

PHÔNG HÃNG THUỐC LÁ MIC
(MANUFACTURES INDOCHINOISES DE CIGARETTES)
(1929 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 22,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1929 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:**

Năm 2006, TTLTQGII đã tiếp nhận khối tài liệu của Hãng Thuốc lá MIC từ Công ty Thuốc lá Sài Gòn theo Biên bản số 206/BB-TTII ngày 14/8/2006.

Tài liệu chưa được xác định nội dung.

PHÔNG NHA NGOẠI THƯƠNG
(1949 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 287 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:**
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Giám đốc Ngoại thương được thành lập ngày 7/6/1955 theo Nghị định số 33-KT/TTK/NĐ ngày 7/6/1955 của Bộ Kinh tế Quốc gia[1].

Ngày 25/6/1957 theo Nghị định số 356-BKT/NC/NĐ của Bộ Kinh tế, Nha Giám đốc Ngoại thương có tên gọi là Nha Ngoại thương[2].

Từ năm 1957, qua nhiều lần cải tổ của Bộ Kinh tế (sau này là Bộ Thương mại và Tiếp tế) nhưng về cơ bản chức năng, nhiệm vụ của Nha Ngoại thương hầu như không bị xáo trộn.

Theo Nghị định số 420-BKT/HC/NĐ ngày 18/10/1968 của Bộ Kinh tế, Nha Ngoại thương đặt dưới quyền điểu khiển của một Giám đốc, gồm có[3]:

1. Phòng Văn thư: trực thuộc Giám đốc Ngoại thương do 1 Chủ sự phụ trách.

---

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

3 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2. Sở Nghiên cứu và Trợ cấp: đặt dưới quyền điều khiển của 1 Chánh sự vụ, gồm có 2 phòng, mỗi phòng do 1 Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng Pháp chế và Tài liệu;

- Phòng Trợ cấp Xuất cảng.

3. Sở Xuất cảng: đặt dưới sự điều khiển của 1 Chánh sự vụ, gồm có 2 phòng. Mỗi phòng do 1 Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng cấp giấy phép xuất cảng;

- Phòng Tu chỉnh và Kế toán.

4. Sở Nhập cảng: đặt dưới quyền điều khiển của 1 Chánh sự vụ, gồm có 3 phòng, mỗi phòng do 1 Chủ sự phòng phụ trách

- Phòng Cấp giấy phép Nhập cảng;

- Phòng Cứu xét và Chương trình;

- Phòng Tu chỉnh và Kế toán.

5. Sở Định giá: đặt dưới sự điều khiển của 1 Chánh sự vụ, gồm có 2 phòng, mỗi phòng do 1 Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng Định giá hàng Nhập cảng;

- Phòng Định giá hàng Xuất cảng.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu của phông mới chỉ được xác định nội dung sơ bộ, cụ thể như sau:

1. Các mặt hoạt động chung (1949 - 1975)

- Các Sắc luật của Tổng thống VNCH và UBLĐQG, UBHPTW.

- Thông tư, huấn thị của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị định, thông cáo của Bộ Thương mại và Tiếp tế.

- Sưu tập các văn kiện, tài liệu của Bộ Thương mại và Tiếp tế.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ Thương mại và Tiếp tế, Nha Ngoại thương.

- Tập lưu các biên bản họp của Hội đồng Nội các.

- Tập lưu hồ sơ các phiên họp Hội đồng Nội các.

- Hồ sơ về Hội nghị hợp tác kinh tế.

- Tập lưu tập san "Chấn hưng kinh tế".

2. Tài liệu về nhập cảng (1962 - 1975)

- Tài liệu về chính sách, thể thức, thỏa ước nhập cảng.

- Tài liệu về chương trình viện trợ Mỹ.

- Nghị định của Nha Kiểm soát Kinh tế.

- Biên bản, báo cáo, tờ trình, phúc trình của các nha, sở.

- Thống kê hàng nhập xuất cảng.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Tiếp tế về kế hoạch nhập cảng.

- Hồ sơ về nhập cảng.

- Hồ sơ nguyên tắc về nhập, xuất cảng.

- Hồ sơ về sử dụng tín dụng, ngân khoản bồi thường chiến tranh, thỏa ước vay tiền.

3. Tài liệu về xuất cảng (1955 - 1975)

- Hồ sơ nguyên tắc về xuất cảng.

- Chương trình, báo cáo hoạt động của Bộ Thương mại và Tiếp tế và các nha, sở.

- Thống kê sản phẩm xuất cảng.

- Công văn trao đổi giữa các đối tác.

- Công văn về việc xuất cảng hàng hóa, thực phẩm.

- Hồ sơ về xuất cảng hàng hóa.

- Kế hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp.

- Tập lưu biên bản các phiên họp của Ủy ban Định giá, Ủy ban Liên bộ Trợ cấp Xuất cảng.

- Hồ sơ về giá xuất cảng.

- Hồ sơ về thuế xuất cảng.

4. Hoạt động yểm trợ (1949 - 1975)

- Hồ sơ về tổ chức bộ máy của Bộ và các nha, sở trực thuộc.

- Công văn, biên bản của Bộ Kinh tế.

- Tài liệu về nhân sự.

- Tài liệu về khen thưởng.

- Hồ sơ cá nhân.

5. Lưu công văn đi của Bộ Kinh tế và Nha Ngoại thương (1955 - 1975)

PHÔNG NHA CÔNG KỸ NGHỆ
(1951 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 69,70 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1951 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Kinh tế được thành lập theo Sắc lệnh số 28/KT ngày 10/9/1951[1]. Nghị định số 18-KT/TTK/NĐ ngày 2/4/1955 ấn định tổ chức Bộ Kinh tế Quốc gia[2]. Theo Điều 9: "Nha Tổng Giám đốc Khoáng chất, Kỹ nghệ và Thủ công" có nhiệm vụ: nghiên cứu đề nghị thi hành hoặc đề xuất thi hành các biệp pháp hành chính, kinh tế và lý tài liên quan đến sự điều hành, mở mang các kỹ nghệ khai thác và hoán cải.

Nghị định số 33-KT/TTK/NĐ ngày 7/6/1955 đã hủy bỏ Nghị định số 18-KT/TTK/NĐ ngày 2/4/1955[3]. Theo Điều 13 thì "Nha Tổng Giám đốc Khoáng chất, Kỹ nghệ và Công nghệ" có nhiệm vụ: nghiên cứu, đề nghị thi hành hoặc cho thi hành các biện pháp luật lệ, hành chính, chuyên môn, kinh tế và tài chính liên quan đến sự điều hành và phát triển các kỹ nghệ khai thác và chế biến.

---

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

3 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

Đến năm 1957, tại Nghị định số 356-BKT/NC/NĐ ngày 25/6/1957 về việc cải tổ Bộ Kinh tế Quốc gia, thì "Tổng nha Khoáng chất và Công Kỹ nghệ" có 3 phòng và 2 nha, trong đó "Nha Kỹ nghệ" đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc, có nhiệm vụ[1]:

- Cho Sở Ngoại thương biết ý kiến về việc nhập cảng, xuất cảng, những vật dụng trang bị và tiếp liệu kỹ nghệ, công nghệ.

- Phân phối và khảo sát sự sử dụng các nguyên liệu và sản phẩm hệ quan trọng.

- Cứu xét đơn xin mở, khuếch trương, hoặc di chuyển các xí nghiệp kỹ nghệ và công nghệ.

- Nghiên cứu chương trình khuếch trương kỹ nghệ.

- Thiết lập dự án về kỹ nghệ.

- Hóa giá một vài sản phẩm kỹ nghệ.

- Nghiên cứu quá trình khuếch trương và cải tiến công nghệ.

- Liên lạc giữa các cơ sở, các phòng cùng các hãng tư có nhiệm vụ chung về công nghệ để tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm công nghệ.

- Kiểm soát kỹ thuật các Hợp tác xã Công nghệ, tổ chức các công việc chung, nghiên cứu vấn đề phân công trong Hợp tác xã Công nghệ.

- Theo Nghị định số 40-BKT/NĐ ngày 29/1/1966 về việc cải tổ Bộ Kinh tế[2] và Sắc lệnh số 191-KT ngày 22/9/1965 ấn định lại tổ chức Bộ Kinh tế thì "Nha Công kỹ nghệ" thuộc các cơ quan Trung ương[3], có nhiệm vụ phụ trách các vấn đề liên quan đến sự điều hành và phát triển các ngành kỹ nghệ khai thác và chế biến.

Theo các Sắc lệnh và Nghị định kế tiếp thì cơ cấu tổ chức của Bộ Kinh tế lại có sự thay đổi để thích hợp với nhu cầu công vụ và đường lối hoạt động.

---

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

3 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

Sắc lệnh số 954-TT/SL ngày 23/10/1973 của Tổng thống VNCH đã cải danh Bộ Kinh tế thành Bộ Thương mại và Kỹ nghệ[1].

Theo Sắc lệnh số 102-SL/TMKN ngày 13/5/1974[2] của Thủ tướng và Nghị định số 255-BTMKN/HC/NĐ ngày 29/7/1974[3] của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ, ấn định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Bộ Thương mại và Kỹ nghệ thì "Nha Phát triển Kỹ nghệ" thuộc các cơ quan khối chấp hành Trung ương.

Sắc lệnh số 1.100-TT/SL ngày 28/11/1974 của Tổng Thống VNCH đã cải biến Bộ Thương mại và Kỹ nghệ thành Bộ Thương mại và Tiếp tế[4]; Tách "Nha Phát triển Kỹ nghệ" ra để sáp nhập vào Bộ Canh nông thành "Bộ Canh nông và Kỹ nghệ".

Đến năm 1975, Thủ tướng Chính phủ ra Sắc lệnh số 049-SL/CNKN ngày 28/3/1975 ấn định tổ chức và nhiệm vụ của Bộ Canh nông và Kỹ nghệ[5]. Theo Sắc lệnh này "Nha Công kỹ nghệ" trực thuộc Tổng Nha Phát triển Kỹ nghệ thuộc khối các cơ quan chấp hành Trung ương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo.

- Hội nghị, hội thảo, biên bản các phiên họp.

- Nghị định, quyết định và tài liệu nguyên tắc hướng dẫn hoạt động CKN.

- Các dự án về đầu tư đối với các ngành khai khoáng, luyện kim, chế tạo máy móc,..

---

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

3 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

4 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

5 Hồ sơ số 10284, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Các dự án đầu tư đối với các ngành chế biến thực phẩm, các sản phẩm nông ngư nghiệp, kỹ nghệ dệt may, hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm.

2. Tài liệu về tổ chức

- Tổ chức, hoạt động của các công ty thuộc ngành CKN.

3. Tài liệu về kế toán, tài vụ

- Bảng tổng kê tài sản, báo cáo tài chính, tờ khai hoạt động của các hợp tác xã dệt may, CKN.

- Hồ sơ hưởng đặc khoản đầu tư.

- Hồ sơ xin nhập cảng máy móc, nguyên liệu.

- Phúc trình các hợp đồng bảo hiểm dầu hỏa.

- Chứng từ chi phí cho hoạt động yểm trợ các kho xăng dầu.

- Bảng đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

- Giấy biên nhận về việc đóng lệ phí cấp bằng sáng chế.

- Hồ sơ chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

PHÔNG NHA NỘI THƯƠNG
(1955 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 88,4 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1955 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG.

- Theo Nghị định số 18-KT/TTK/NĐ ngày 2/4/1955 của Bộ Kinh tế Quốc gia ấn định tổ chức của Bộ Kinh tế và các cơ quan trực thuộc thì "Sở Nội thương" thuộc Nha Giám đốc Thương vụ[1].

- Nghị định số 494-TC/KT ngày 22/8/1955 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập "Nha Kinh tế Việt Nam" vào Bộ Tài chính và Kinh tế[2]; Theo Sự vụ lệnh số 110-KT/TTK/SVL ngày 5/10/1955 của Bộ Tài chính và Kinh tế thì "Sở Nội thương" thuộc Nha Tổng Giám đốc Thương vụ được sát nhập với Nha Kinh tế thành một cơ quan gọi là "Nha Nội thương"[3].

- Nghị định số 356-BKT/NC/NĐ ngày 25/6/1957[4] và Nghị định số 81-BKT/HC/NĐ ngày 27/2/1964[5] về việc cải tổ Bộ Kinh tế, đã ấn

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
3 Hồ sơ số 881, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
4 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
5 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

định tổ chức và nhiệm vụ của "Nha Nội Thương" trực thuộc Tổng Nha Thương vụ - Bộ Kinh tế.

- Sắc lệnh số 191-KT ngày 22/9/1965 của Chủ tịch UBHPTW đã ấn định lại tổ chức của Bộ Kinh tế[1]. Theo Sắc lệnh này "Nha Kiểm soát Kinh tế" thuộc các cơ quan Trung ương - Bộ Kinh tế, có nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 40-BKT/HC/NĐ ngày 29/1/1966[2].

- Sắc lệnh số 184-SL/HP/HC ngày 26/11/1966 của Chủ tịch UBHPTW đã tách Bộ Kinh tế thành 2 bộ: Thương mại và Công kỹ nghệ, theo Sắc lệnh này "Nha Kiểm soát kinh tế" thuộc Bộ Thương mại[3].

- Sắc lệnh số 35-SL/PTHT/PC ngày 15/12/1967 của Thủ tướng Chính phủ lại sát nhập Thương mại và Công kỹ nghệ thành Bộ Kinh tế[4].

- Theo Sắc lệnh số 83-SL/KT ngày 13/7/1968[5] và Nghị định số 420-BKT/HC/NĐ ngày 18/10/1968[6] về việc ấn định tổ chức và nhiệm vụ của Bộ Kinh tế thì "Nha kiểm soát Kinh tế" thuộc khối Thương mại - Bộ Kinh tế.

- Sắc lệnh số 954-TT/SL ngày 23/10/1973 của Tổng thống VNCH cải danh Bộ Kinh tế thành Bộ Thương mại về Kỹ nghệ[7]. Nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ được quy định tại Sắc lệnh số 102-SL/TMKN ngày 13/5/1974[8] của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 255-BTMKN/HC/NĐ ngày 29/7/1974[9] của Bộ Thương mại

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
3 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
4 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
5 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
6 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
7 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
8 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.
9 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

và Kỹ nghệ. Theo Sắc lệnh và Nghị định này, "Nha Phát triển Nội thương" thuộc khối các cơ quan chấp hành Trung ương.

- Ngày 28/11/1974, Tổng thống VNCH ra Sắc lệnh số 1100-TT/SL cải biến Bộ Thương mại và Kỹ nghệ thành Bộ Thương mại và Tiếp tế[(1)]; nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Thương mại và Tiếp tế được ấn định tại Sắc lệnh số 048-SL/TMTT ngày 28/3/1975 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó "Nha Nội thương" thuộc khối các cơ quan chấp hành Trung ương[(2)].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Phần lớn tài liệu đang trong tình trạng bó gói, các hồ sơ trong phông mới chỉ được xác định nội dung sơ bộ, cụ thể như sau:

1. Các mặt hoạt động chung (1957 - 1975)

- Phúc trình về tình hình kinh tế và hoạt động hàng tháng, hàng tuần của Nha Nội thương.

- Kế hoạch bình ổn giá, thống kê, báo cáo tình hình thị trường của các sở trực thuộc.

- Hồ sơ các phiên họp, hội nghị, hội thảo.

2. Điều hòa vật giá (1956 - 1975)

- Tài liệu của Tổng thống VNCH, Bộ Kinh tế, Nha Nội thương.

- Tài liệu của cơ quan phát triển kinh tế Hoa Kỳ.

- Hồ sơ về nghiên cứu giá lúa.

- Hồ sơ nguyên tắc về trừng mạo và cân lưỡng.

3. Kiểm tra Thương gia và xí nghiệp (1956 - 1975)

- Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Thương mại Tiếp tế và Nha Nội thương.

---

1 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 874, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

- Các hồ sơ nguyên tắc về vay tín dụng; thế chấp bất động sản; chế tạo bán các loại thực phẩm, nước uống; thành lập các công ty; mua bán tàng trữ vàng; hành nghề chế tạo, tồn trữ, phân phối phân bón;...

- Danh sách và địa chỉ các thương gia.

4. Yểm trợ (1949 - 1975)

- Tập lưu công văn của Bộ Thương mại Tiếp tế và Nha Nội thương.

PHÔNG TỔNG CUỘC THỰC PHẨM QUỐC GIA
(1966 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 34 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1966 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy, có một số đồ án thiết kế)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1966, với Sắc lệnh số 18-SL/HP/VP ngày 22/2/1966 của Chủ tịch UBHPTW, Tổng cuộc Tiếp tế được thành lập đặt trực thuộc Phủ Chủ tịch UBHPTW[(1)].

Tổng cuộc Tiếp tế có nhiệm vụ: thi hành kế hoạch ổn định mức giá cả; điều hòa tiếp tế, thu mua, tồn trữ, phân phối, xuất, nhập cảng các loại mễ cốc, thực phẩm và hóa phẩm; nghiên cứu và đệ trình Chính phủ chính sách về mễ cốc. Tổng cuộc Tiếp tế được giải tán khi tình hình tiếp tế trở lại mức bình thường.

Tổng cuộc Tiếp tế là một cơ quan công lập, có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị đặt dưới quyền quản trị của một HĐQT. Tổng cuộc Tiếp tế do một Tổng cuộc trưởng điều khiển, được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh của Chủ tịch UBHPTW và được xếp ngang hàng một Thứ ủy. Tổng cuộc Trưởng có một Phụ tá giúp việc, Phụ tá Tổng cuộc trưởng được xếp ngang hàng một Tổng Giám đốc. Bên cạnh HĐQT có một

1 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

Ủy ban Giám sát. Tổng cuộc Tiếp tế đặt trụ sở chính tại Sài Gòn. Tùy nhu cầu công vụ mà Tổng cuộc thiết lập cơ quan đại diện tại các địa phương trong toàn quốc.

Theo Nghị định số 681-NĐ/TCTT ngày 22/4/1966 của Chủ tịch UBHPTW, Tổng cuộc Tiếp tế gồm có những cơ quan Trung ương và những cơ quan đại diện ở địa phương[1]. Các cơ quan đại diện Tổng cuộc Tiếp tế tại các địa phương được thiết lập sau, tùy theo nhu cầu công vụ và phương tiện của Tổng cuộc Tiếp tế.

Ngày 26/5/1966, Chủ tịch UBHPTW ban hành Sắc lệnh số 91-SL/KTTC hủy bỏ Sắc lệnh số 18-SL/HP/VP ngày 22/2/1966 và Nghị định số 681-NĐ/TCTT ngày 22/4/1966[2]. Theo Sắc lệnh này, một cơ quan mệnh danh là Tổng cuộc Tiếp tế được thành lập đặt trực thuộc Tổng Bộ Kinh tế Tài chính. Tổng cuộc Tiếp tế được giải tán khi tình hình tiếp tế trở lại mức bình thường. Tổng cuộc Tiếp tế là một cơ quan công lập, có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị đặt dưới quyền quản trị của một HĐQT. Ngoài ra, Tổng cuộc Tiếp tế còn có một Ủy ban Giám sát. Ủy ban Giám sát có nhiệm vụ chỉ dẫn Tổng cuộc về phương diện ngân sách và kế toán, có quyền mở cuộc khám xét ngân quỹ, sổ sách kế toán và các văn kiện liên quan đến tài chính của Tổng cuộc, lập báo cáo giám sát đệ trình Chính phủ và thanh tra định kỳ hàng năm.

Tổng cuộc Tiếp tế được tổ chức theo các văn bản sau:

- Nghị định số 291-TBKTTC/NĐ ngày 7/6/1966 của Tổng Bộ Kinh tế Tài chính[3].

- Nghị định số 001-TUVề việcP/TCTT/NĐ ngày 10/4/1967 của Tổng Bộ Kinh tế Tài chính[4].

---

1 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

3 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

4 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

Năm 1970, Thủ tướng Chính phủ lại ban hành Sắc lệnh số 87-SL/KT ngày 20/7/1970 đặt Tổng cuộc Tiếp tế trực thuộc Bộ Kinh tế [1].

Năm 1971, Sắc lệnh số 007-SL/KT ngày 1/2/1971 của Thủ tướng Chính phủ hủy bỏ Điều 5 và Điều 10 Sắc lệnh số 91-SL/KTTC ngày 26/5/1966 ấn định thành phần và nhiệm vụ của Ủy ban Giám sát tại Tổng cuộc Tiếp tế[2]. Tổng cuộc Tiếp tế được đặt dưới sự kiểm soát thường xuyên tại chỗ của một kiểm soát viên tài chính.

Năm 1973, Tổng cuộc Tiếp tế được cải danh thành Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia đặt trực thuộc Bộ Thương mại và Kỹ nghệ do Sắc lệnh số 239-SL/TMKN ngày 4/12/1973 của Thủ tướng Chính phủ[3].

Theo Sắc lệnh này, Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia có nhiệm vụ thi hành các biện pháp nhằm ổn định thị trường và điều hòa tiếp tế về gạo và thực phẩm qua các nghiệp vụ:

- Thu mua, tồn trữ, chuyển vận và phân phối gạo nội địa để đảm bảo nhu cầu tiêu thụ của quân nhân, công chức và cán bộ.

- Nhập cảng gạo để lập kho dự trữ an toàn tùy theo nhu cầu nhằm ổn định thị trường tiêu thụ trong nước.

- Thu mua, tồn trữ, chuyển vận và phân phối các sản phẩm dinh dưỡng để điều hòa việc tiếp tế thực phẩm trên thị trường.

- Phân phối gạo và thực phẩm cho các địa phương khi có sự xáo trộn giá cả hoặc khi tư nhân không đủ khả năng cung cấp đầy đủ cho nhu cầu.

Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia được đặt dưới quyền quản trị của một HĐQT.

Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia được tổ chức theo Quyết định số 40-TCTPQG/HĐQT/QĐ ngày 21/1/1974 của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia[4].

---

1 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

2 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

3 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

4 Hồ sơ số 875, phông Bộ Thương mại và Tiếp tế.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông đã được chỉnh lý sơ bộ gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động hàng năm, hàng quý của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Hồ sơ về các hội nghị, hội thảo.

- Tập lưu biên bản họp của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia và các nha, sở.

- Biên bản các phiên họp hàng tháng của Đại diện Tổng cuộc Tiếp tế tại các quân khu, các vùng chiến thuật.

- Tập lưu sắc lệnh, nghị định, thông tư của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cuộc Tiếp tế.

- Tập lưu công điện, bưu điệp, công văn đi của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia và các Chi cuộc Tiếp tế.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về tổ chức bộ máy của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia và các chi nhánh.

- Hồ sơ bầu đại biểu vào HĐQT Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Huấn thị điều hành của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Thông tư về việc điều hành công tác của Ban Quản khố tại các nha, sở địa phương thuộc Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự: báo cáo tình hình nhân số, bảng cấp số nhân viên của Tổng cuộc và các Chi cuộc; danh sách quân nhân, cựu quân nhân biệt phái; tập quyết định, sự vụ lệnh về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sa thải, khen thưởng, kỷ luật, lương bổng của nhân viên; tập phiếu lý lịch của nhân viên; bảng thanh toán lương phụ cấp, hồ sơ cá nhân của nhân viên Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Tài liệu về ngân sách, phúc tra về việc quản lý ngân sách của Tổng cuộc Tiếp tế.

- Bảng kết toán tình hình kinh phí.

- Bảng kê các tàu chở gạo đến VNCH.

- Bảng tổng kết trị giá và số lượng gạo Mỹ tiếp nhận và phân phối tại các cảng Sài Gòn và miền Trung.

- Bảng kê chi phí cho từng tàu.

- Bảng kê số lượng gạo hư, thiếu.

- Bảng liệt kê chi phí bảo hiểm chuyên chở gạo nhập cảng.

- Bảng chiết tính của Tổng cuộc Tiếp tế về tình hình gạo nhập cảng.

- Bảng kê thanh toán tiền bán gạo nội địa.

- Bảng tổng kết các nhu yếu phẩm bán ra của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Hồ sơ về việc xây cất các kho thuộc Tổng cuộc Tiếp tế tại miền Trung.

PHÔNG BỘ TÀI CHÍNH
(1949 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 52,12 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung, Nhật, Hán
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Tài chính được thành lập bởi Sắc lệnh số 29-TC ngày 19/9/1949 ấn định chức chưởng của Bộ trưởng Bộ Tài chính[1].

Theo Sắc lệnh này, Bộ trưởng Bộ Tài chính có nhiệm vụ sau:

- Thiết lập và thi hành ngân sách quốc gia.

- Kiểm soát sự thi hành các ngân sách của các phần, các thành phố và các tỉnh.

- Đại diện và quản trị quốc gia tư sản.

- Kiểm soát việc điều khiển các quỹ hưu bổng và lương tuất của các viên chức.

- Soạn thảo và đảm nhiệm thi hành các luật lệ liên quan đến những vấn đề liên hệ với sự giao dịch về tài chính với khối Liên hiệp Pháp.

- Soạn thảo và đảm nhiệm thi hành những luật lệ các cơ quan tín dụng và đảm nhiệm kiểm soát việc quản trị các cơ quan nói trên về phương diện tài chính.

---

1 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Ngày 18/9/1952, theo Nghị định số 578-MFEN/Cab, Bộ Kinh tế được sát nhập vào Bộ Tài chính và được tổ chức lại thành Bộ Tài chính và Kinh tế Quốc gia[1].

Đến ngày 9/1/1953, Sắc lệnh số 3-CP của Quốc trưởng Việt Nam lại chia Bộ Tài chính và Kinh tế Quốc gia thành hai Bộ: Bộ Kinh tế và Bộ Tài chính[2].

Nghị định số 578-MFEN/Cab ngày 18/9/1952 ấn định tổ chức Bộ Tài chính bị hủy bỏ và thay thế bởi Nghị định số 761-BTC/VP ngày 7/5/1955[3].

Sau đó, nhiều sắc lệnh và nghị định khác được ban hành sửa đổi cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính để thích hợp với nhu cầu công vụ và đường lối chính trị tổng quát:

- Nghị định số 593-A/BTC/TU ngày 3/5/1958 sửa đổi và bổ túc Nghị định số 761-BTC/VP ngày 7/5/1955[4].

- Nghị định số 1512-BTC/TU ngày 23/11/1959[5].

- Sắc lệnh số 123-TTP ngày 28/5/1961[6].

- Sắc lệnh số 188-TC ngày 18/9/1965[7].

- Sắc lệnh số 20-SL/TC ngày 28/2/1968[8].

- Sắc lệnh số 22-SL/TC ngày 5/3/1968[9].

Đến năm 1974, với Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974 của Thủ tướng Chính phủ, một lần nữa nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 116.
2 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 116.
3 Hồ sơ số 10304 Phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 10304, Phông Phủ Thủ tướng VNCH.
5 Hồ sơ số 10304, Phông Phủ Thủ tướng VNCH.
6 Hồ sơ số 10304, Phông Phủ Thủ tướng VNCH.
7 Hồ sơ số 10304, Phông Phủ Thủ tướng VNCH.
8 Niên giám Hành chính năm 1971, tr. 165.
9 Hồ sơ số 10304, Phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Bộ Tài chính lại có sự thay đổi[1]. Theo Sắc lệnh này, Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, hoạch định và thi hành chính sách tài chính quốc nội.

- Tài chính công.

- Thuế vụ.

- Tiền tệ, tín dụng, hối đoái.

- Nghiên cứu, soạn thảo và ký kết các thỏa ước tài chính với các quốc gia khác hoặc các định chế tài chính quốc tế.

- Tham gia vào việc hoạch định và thi hành ngân sách quốc gia.

- Tham gia vào việc hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia và đề nghị các kế hoạch tương ứng nếu cần.

- Vận dụng các tài nguyên và phương diện tài chính nhằm trang trải công chi (thuế vụ, quan thuế, tài nguyên ngân khố, công trái,...).

- Quản trị các loại công trái, điều hòa công ngân trên toàn quốc.

- Soạn thảo các văn kiện quy định thể lệ tài chính và kế toán áp dụng cho các ngân sách quốc gia, địa phương, các cơ quan công lập tự trị, xí nghiệp quốc doanh, hợp doanh và các chương mục ngoại ngân sách.

- Kiểm soát về phương diện tài chính hoạt động của các cơ quan.

- Ngăn chặn và bài trừ các vụ trốn thuế và ẩn lậu hàng hóa nhằm bảo vệ guồng máy sản xuất quốc nội.

- Quản trị tư sản quốc gia.

- Cứu xét và thỏa hiệp việc thiết lập các khoản thâu về các dịch vụ do các công sở cung cấp.

- Lập bảng tường trình hàng năm về tình hình tài chính quốc gia.

Về cơ cấu tổ chức, Bộ Tài chính đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng Tài chính và gồm có:

---

1 Hồ sơ số 10304, Phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Các cơ quan Trung ương.

- Các cơ quan địa phương.

- Các cơ quan thuộc quyền giám hộ hoặc kiểm soát của Bộ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ, các nha, sở trực thuộc.

- Dự án ngân sách, dự án phát hành trái phiếu.

- Các văn bản pháp quy hướng dẫn về thiết lập quỹ, quản lý tiền tệ, tín dụng, thi hành thuế, sáng lập ngân hàng, kiểm soát chi tiêu,...

- Tài liệu về đầu tư, mua bán bất động sản, quyền tư hữu đất đai đô thị, xây cất sửa chữa công sở,...

- Tài liệu về công tác xuất, nhập khẩu, mua bán hàng hóa, vật tư, thiết bị, thuế nhập cảng.

- Tài liệu về các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Tài liệu về các cuộc kinh lý, công cán trong và ngoài nước.

- Biên bản các cuộc họp của Bộ Tài chính, các nha, sở trực thuộc.

- Tài liệu về công tác an ninh hành chính, phòng vệ cơ sở.

- Tập lưu công văn đi, sổ chuyển giao công văn.

- Sổ theo dõi các hoạt động của Bộ Tài chính, các nha, sở trực thuộc.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định về tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương.

- Nghị định, Quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

- Hồ sơ cá nhân.

- Tài liệu nguyên tắc về chế độ hưu bổng.

- Tài liệu về hoạt động của ngân hàng, thị trường chứng khoán.

- Tài liệu về việc thiết lập và hoạt động của các công ty sản xuất CKN.

- Tài liệu về tổ chức, quy chế và hoạt động của các công ty bảo hiểm.

- Tài liệu về việc thiết lập các quỹ bảo hiểm tổn thất do chiến tranh.

- Tài liệu về việc theo dõi, kiểm soát, thanh tra khiếu nại về hoạt động bảo hiểm.

- Tài liệu về điều tra, kiểm soát hoạt động tài chính của các bộ, các công ty.

- Hồ sơ điều tra các cá nhân tham nhũng của công.

PHÔNG TỔNG NHA QUAN THUẾ VIỆT NAM
(1951 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 594 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1951 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Đức, Trung, Hàn, Ấn, Lào, Nhật, Campuchia, Indonesia
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng nha Quan thuế Việt Nam (tiền thân là Nha Tổng Giám đốc Thương cảng) được thành lập ngày 1/1/1951 trực thuộc Bộ Tài chính[1].

Tổng nha Quan thuế Việt Nam được cải tổ bởi Nghị định số 835, 836-BTC/NV ngày 16/6/1959, theo đó, Tổng nha Quan thuế đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Giám đốc và có một phụ tá Phó Giám đốc[2].

Chức năng, nhiệm vụ của Tổng nha Quan thuế được bổ túc bởi Nghị định số 746-BTC/NV ngày 10/6/1960 và Nghị định số 1461-BTC/TV/CT ngày 23/8/1965[3].

---

1 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 299.

2 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 299.

3 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 299.

Tổng nha Quan thuế có nhiệm vụ:

- Thu các sắc thuế xuất, nhập khẩu trên lãnh thổ Việt Nam.

- Bài trừ gian lận thuế quan.

- Giúp cho các nha khác thu các sắc thuế chiếu theo luật lệ quy định các sắc thuế đó.

Theo Sắc lệnh số 188-SL/TC ngày 18/9/1965 thì Tổng nha Quan thuế thuộc các cơ quan ngoại thuộc trực thuộc Bộ Tài chính[1].

Sau đó, nhiều Nghị định được ban hành tiếp theo để sửa đổi và ấn định lại tổ chức của Tổng nha Quan thuế cho thích hợp với nhu cầu công vụ:

- Nghị định số 920-BTC/NV/NĐ ngày 10/8/1967 ấn định tổ chức của Tổng nha Quan thuế[2].

- Nghị định số 459-BTC/TW/NĐ ngày 26/4/1968 sửa đổi tổ chức của Tổng nha Quan thuế[3].

- Nghị định số 556-BTC/TW/NĐ ngày 9/8/1972 ấn định tổ chức của Tổng nha Quan thuế[4].

- Nghị định số 828-BTC/TW/NĐ ngày 18/11/1972 ấn định tổ chức của Tổng nha Quan thuế[5].

- Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974 của Thủ tướng Chính phủ, một lần nữa nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính lại có sự thay đổi, Tổng nha Quan thuế thuộc Khối chấp hành Trung ương trực thuộc Bộ Tài chính[6].

---

1 Hồ sơ số 1034, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Công báo VNCH năm 1967, tr. 4131.

3 Công báo VNCH năm 1968, tr. 2667.

4 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

5 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

6 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu về tổ chức

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định ấn định tổ chức bộ máy.

- Nghị định, sự vụ lệnh về nhân viên, hồ sơ cá nhân.

- Tài liệu nguyên tắc về quản trị nhân viên.

2. Tài liệu về hoạt động chuyên môn

- Luật, sắc lệnh, nghị định, quyết định hướng dẫn về công tác quan thuế.

- Dự thảo ngân sách.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của Tổng nha, các Ty Chánh thu, Ty Kiểm nã.

- Hội nghị, hội thảo về quan thuế.

- Tài liệu về hoạt động ngoại thương giữa Việt Nam và các nước.

- Thống kê hàng hóa ra, vào thực khố, kê khai hàng hóa của các tàu.

- Biên bản họp về việc xuất, nhập cảng hàng hóa.

- Giấy phép xuất, nhập cảng, danh sách tàu đi và đến.

- Tập phiếu nhập khẩu xuất khố để tiêu thụ, xuất khẩu, tái xuất, nhập bảo thuế khố.

- Lưu phiếu lưu hành của các Ty Kiểm nã.

- Tập phiếu kiểm soát hàng hóa, kiểm soát xe ra vào cảng, chất lượng sản phẩm.

- Tập đơn và phiếu xin lưu hành hàng hóa, xin nhập hàng hóa.

- Hồ sơ tố tụng vi phạm hải quan thuế khóa: hồ sơ nộp phạt, chứng chỉ khám nhập và bản tính thuế.

- Các loại sổ ghi hàng hóa tịch thu, thanh toán tiền với tư thương, đăng ký các loại phiếu.

- Chứng từ chi tiêu, cung cấp vật liệu, vật tư và tài liệu yểm trợ khác.

- Lưu công văn đi, đến.

- Sổ đăng ký công văn.

PHÔNG NHA TÀI NGUYÊN CÔNG SẢN
(1955 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 41,4 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1955 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Hán
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Sắc lệnh số 188-TC ngày 18/9/1965, Nghị định số 2157-BTC/TW/NĐ ngày 19/11/1965 quy định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, Nha Tài nguyên Công sản thuộc cơ quan Trung ương, đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc. Nha này gồm có 3 phòng, có nhiệm vụ như sau[1]:

+ Phòng Chuyển nhượng và Tạo mãi Công sản Quốc gia:

Nghiên cứu, soạn thảo, quản trị liên hệ những vấn đề sau:

- Tạo mãi, đổi nhượng, cho thuê công sản quốc gia;

- Trưng thu;

- Thi hành Dụ số 26 ngày 20/4/1956[2] và các văn kiện kế tiếp về việc chuyển nhượng bất động sản cho ngoại kiều.

---

1 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

+ Phòng Quản trị Công sản Quốc gia:

Nghiên cứu, soạn thảo, quản trị liên hệ những vấn đề sau:

- Đấu giá tài sản khuyết chủ, khai thác hầm đá, hầm mỏ;

- Sung dụng, cải dụng, cải loại công sản quốc gia;

- Đặc nhượng đất thành thị.

+ Phòng Quản trị Công ốc và Cư xá:

- Quản trị các cư xá và cao ốc (cấp phát, tu bổ);

- Thi hành việc sung dụng và cải dụng.

Sau đó, các Sắc lệnh và Nghị định kế tiếp ban hành ấn định, sửa đổi cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ các cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính:

- Nghị định số 98-BTC/TW/NĐ ngày 31/01/1967[1].

- Nghị định số 155-BTC/TW/NĐ ngày 17/02/1967[2]. Theo hai Nghị định này, Nha Tài nguyên Công sản đặt dưới quyền điều khiển của 1 giám đốc và có 2 sở, mỗi sở có 1 chánh sự vụ điều khiển hoạt động.

- Sắc lệnh số 22-SL/TC ngày 5/3/1968 cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính có sự thay đổi, Nha Tài nguyên Công sản thuộc Khối Thi hành trong tổ chức các cơ quan Trung ương của Bộ Tài chính[3].

- Nghị định số 386-BTC/TW/NĐ ngày 01/4/1968 quy định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan Trung ương thuộc Bộ Tài chính[4].

Đến năm 1974, với Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974 một lần nữa cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính lại thay đổi, Nha Tài nguyên Công sản thuộc Khối Chấp hành Trung ương trực thuộc Bộ Tài chính[5].

---

1 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
5 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, chấm dứt thời kỳ hoạt động của chế độ VNCH thì cũng chấm dứt hoạt động của Bộ Tài chính, trong đó có Nha Tài nguyên Công sản.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu về tổ chức

- Nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính và các nha, sở.

- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

- Hồ sơ theo dõi về lương bổng nhân viên.

2. Tài liệu về hoạt động chuyên môn

- Sắc lệnh, nghị định hướng dẫn việc quản trị công sản, cư xá, tài sản vắng chủ, tài sản vô thừa nhận, tài sản trưng dụng, tịch thâu, trưng mua, đấu giá bất động sản,...

- Các dự án ngân sách, chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động.

- Thông tư, sự vụ lệnh, công điện, huấn thị về việc tiếp nhận bất động sản do quân đội Hoa Kỳ chuyển giao.

- Các hồ sơ thi hành thỏa ước Việt - Pháp về công sản.

- Hồ sơ thanh toán bất động sản của tư sản Đông Dương cũ.

- Tài liệu mua, bán bất động sản làm trụ sở cho các cơ quan Chính phủ.

- Tài liệu ấn định giá thuê, mua tài nguyên công sản.

- Các hồ sơ về chứng thực, trước bạ tài sản.

- Bản đồ ruộng đất, bằng khoán điền thổ.

- Bản vẽ về việc xây cất một số chợ, trường học, công sở.

- Tài liệu về việc cho các cá nhân thuê, mua đất công sản, cư xá, cấp số nhà.

- Hồ sơ quản lý, theo dõi việc chuyển giao tài sản của các công ty.

- Hồ sơ cứu xét cho các ngoại kiều xin mua bất động sản.

- Tài liệu về điều tra, tịch thu, quản trị và hoàn trả tài sản của Bảo Đại và thuộc hạ, Ngô Đình Diệm và thuộc hạ, nhóm Bình Xuyên, tài sản của một số cá nhân làm ăn bất chính, của những người hoạt động cho Việt cộng.

- Tài liệu về sửa chữa công xa, cấp phát nhiên liệu.

- Lưu công văn đi, đến.

- Sổ theo dõi công văn.

PHÔNG KẾ TOÁN CUỘC TRUNG ƯƠNG
(1969 - 2/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 2,13 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1969 - 2/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Kế toán Cuộc Trung ương được thành lập bởi Sắc lệnh số 20-SL/TC ngày 28/2/1968 trực thuộc Bộ Tài chính[1]. Kế toán Cuộc Trung ương do một Tổng Giám đốc điều khiển, có nhiệm vụ thi hành các điều khoản ấn định tại Chương 12, Điều 47 Sắc luật số 19/SLU ngày 9/3/1966.

Với Sắc lệnh số 22-SL/TC ngày 5/3/1968, tổ chức của Bộ Tài chính có sự thay đổi, Kế toán Cuộc Trung ương thuộc các cơ quan ngoại thuộc của Bộ Tài chính[2].

Nghị định số 1416-BTC/TW/NĐ ngày 11/11/1968 đã ấn định tổ chức và điều hành của Kế toán Cuộc Trung ương[3].

Đến năm 1974, với Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974, một lần nữa cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính lại thay

1 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

đổi, Kế toán Cuộc Trung ương thuộc Khối Chấp hành Trung ương trực thuộc Bộ Tài chính[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

- Nghị định, sự vụ lệnh về quản trị nhân viên.
- Hồ sơ cá nhân.
- Ngân sách quốc gia.
- Hồ sơ các sắc thuế.
- Thi hành các lệnh trưng chi.
- Sử dụng quỹ ứng trước, quỹ xây cất công ốc, công thự, trường học, sửa chữa công xa.
- Tài liệu về giá cả.
- Tài liệu về xuất, nhập, kiểm kê vật liệu.
- Chứng phiếu lương bổng, chứng phiếu tạp chi.
- Chứng phiếu hóa đơn thanh toán phụ cấp, trợ cấp.
- Các chứng từ công phí.
- Tài liệu về ân thưởng, hưu liễm.
- Tài liệu học tập.

1 Hồ sơ số 10304, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

PHÔNG NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM
(1948 - 30/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 128,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1954 - 30/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Thỏa hiệp Quốc gia Liên kết ngày 29/12/1954 thì Chính phủ Pháp đã giao thẩm quyền phát hành tiền tệ cho các Chính phủ Ai Lao, Cao Miên và Việt Nam[1]. Trên cơ sở đó, Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam đã ban hành Dụ số 48 ngày 31/12/1954 về việc thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam[2]. Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và cũng nhằm củng cố tổ chức ngày càng hoàn thiện hơn, ngày 3/9/1966, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương đã ký Sắc luật số 020/SLU sửa đổi và bổ túc Dụ số 48 về tổ chức và nhiệm vụ của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam[3].

Theo đó, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam có nhiệm vụ sau:

- Có đặc quyền phát hành giấy bạc và tiền kim khí Việt Nam;

1 Niên giám Hành chính năm 1971.

2 Công báo VNCH năm 1955, tr. 311.

3 Công báo VNCH năm 1966, tr. 3844/27.

- Tạo lập một hệ thống tiền tệ thích nghi trong khuôn khổ Hiến pháp và luật lệ, góp phần vào việc ổn định và khuếch trương sản xuất;

- Bảo vệ giá trị tiền Việt Nam trong và ngoài nước;

- Nhận tiền ký thác, kiểm soát điều hành tín dụng và hối đoái;

- Cố vấn Chính phủ trong các vấn đề kinh tế và tài chính.

Ngân hàng Quốc gia Việt Nam có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị. Ngân hàng đặt dưới quyền điều khiển tổng quát của một Thống đốc và một Phó Thống đốc với nhiệm kỳ 5 năm. Việc quản trị Ngân hàng Quốc gia do một Hội đồng đảm nhiệm, do Thống đốc làm Chủ tịch.

Tổ chức của Ngân hàng Quốc gia gồm có:

+ Trực thuộc Thống đốc:
  - Văn phòng Thống đốc;
  - Nha Tổng Thư ký;
  - Nha Thanh tra Ngân hàng;
  - Nha Pháp chế.
+ Nha Tổng Giám đốc Ngân hàng:
  - Nha Ngoại vụ;
  - Nha Ngoại viện;
  - Nha Khảo cứu;
  - Nha Ngân quỹ;
  - Nha Phát hành.
+ Nha Tổng Giám đốc Hối đoái:
  - Nha Chuyển ngân;
  - Nha Kiểm soát Hối đoái;
  - Nha Điện toán.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu tổng hợp như: phúc trình hàng quý, năm của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Quỹ Phát triển Kinh tế Quốc gia, Nha Thanh tra Ngân hàng; hồ sơ các phiên họp của HĐQT Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Hội đồng Tối cao Tiền tệ Tín dụng, HĐQT của Việt Nam Thương tín.

- Tài liệu về nghiệp vụ kế toán, tài vụ, kho bạc, công tác tín dụng; nguyên tắc nhập cảng, hối suất, hối đoái, thể thức viện trợ Mỹ; sổ thu đổi ngoại tệ, sổ cái ngoại tệ;…

PHÔNG NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (NÔNG TÍN CUỘC) (1957 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 18 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1957 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp được thành lập bằng Sắc lệnh số 67-ĐT/CCĐĐ ngày 1/4/1957 với tên gọi là Quốc gia Nông tín Cuộc[1]. Theo Sắc lệnh này, Quốc gia Nông tín Cuộc là cơ quan thuộc Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa.

Năm 1959, Quốc gia Nông tín Cuộc được sáp nhập vào Phủ Tổng ủy Hợp tác xã và Nông tín theo Sắc lệnh số 41-TTP ngày 27/2/1959[2].

Năm 1965, với Sắc lệnh số 192-QGNTC ngày 22/9/1965 sửa đổi Sắc lệnh số 67-ĐT/CCĐĐ ngày 1/4/1957, thì Quốc gia Nông tín Cuộc là một cơ quan công lập có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị[3].

Năm 1967, Chủ tịch UBHPTW ban hành Sắc lệnh số 27-SL/CN ngày 31/1/1967 thành lập Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp thay thế cho Quốc gia Nông tín Cuộc[4].

---

1 Công báo VNCH năm 1957, tr. 1232.

2 Công báo VNCH năm 1959, tr. 813.

3 Công báo VNCH năm 1965, tr. 3831.

4 Công báo VNCH năm 1967, tr. 570.

Trong quá trình thành lập và phát triển, Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Phát triển kinh tế nông nghiệp;

- Cải thiện đời sống nông thôn;

- Góp phần thực hiện chính sách tín dụng nông nghiệp của Chính phủ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Toàn bộ tài liệu trong phông là hồ sơ vay tiền của các cá nhân để phát triển các nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

PHÔNG CHI NHÁNH NGÂN HÀNG BANGKOK TẠI SÀI GÒN (1961 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 5,4 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1961 - 1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Chi nhánh Ngân hàng Bangkok tại Sài Gòn là một chi nhánh của Bangkok Bank Limited (Thái Lan), được phép chính thức hoạt động tại Sài Gòn từ ngày 1/8/1961 theo Quyết định số 278-BTC/TN ngày 24/2/1961 của Bộ Tài chính.

Theo Biên bản họp của Hội đồng liên Bộ số 578-PT/VP/LB/M ngày 5/8/1961 về việc xem xét thỉnh cầu của Ngân hàng Bangkok xin được thừa nhận làm ngân hàng trung gian để thực hiện nhiệm vụ về chuyển ngân, xuất nhập cảng, sau khi thảo luận, Hội đồng liên Bộ nhất trí thừa nhận Bangkok Bank là một "ngân hàng trung gian".

Như vậy, Chi nhánh Ngân hàng Bangkok tại Sài Gòn là ngân hàng ngoại quốc, là một tổ chức tư nhân, là phương tiện hối đoái tiền tệ giữa nước này với nước khác.

Bangkok Bank hoạt động đến tháng 6/1974 thì chấm dứt sự tồn tại chi nhánh tại VNCH.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu nguyên tắc về tài chính.
- Thủ tục chứng chỉ xuất cảng.
- Biên bản họp.
- Tập lưu công văn đến.
- Tình hình tín dụng thư về nghiệp vụ nhập cảng theo thể thức viện trợ Mỹ.
- Tình hình tổng kết tín dụng thư đã mở.
- Bảng tường kê giấy phép xuất cảng có nạp ký thác.
- Bảng kê các nghiệp vụ mua chỉ tệ của khách hàng.
- Chi phí bảo hiểm rủi ro hàng năm.
- Sổ đăng ký các chi phiếu.
- Hồ sơ chuyển ngân.
- Tập lưu chuyển phiếu các đơn xin chuyển ngân.
- Tỷ giá hối đoái.

PHÔNG CƠ QUAN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ HOA KỲ (USAID) (1955 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 163,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1955 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** tài liệu trong phông chủ yếu là tiếng Anh; tài liệu bằng tiếng Việt, tiếng Pháp chiếm số lượng rất ít
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Đại diện cho Chính phủ Hoa Kỳ trong việc thực hiện các chương trình viện trợ Mỹ là Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (United States Agency for International Development - USAID). Tại VNCH, cơ quan này còn có tên gọi là Cơ quan Viện trợ Kinh tế Hoa Kỳ (United States Opérations Mission - USOM).

Ngay sau khi Ngô Đình Diệm về Sài Gòn ngày 26/4/1954 thì Viện trợ Mỹ đã có tại miền Nam Việt Nam qua sự chuyển ngân của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam từ ngày 3/12/1955. Với ý đồ lập nên một chính phủ tay sai và tạo thực lực cho chính phủ tay sai của Mỹ ở miền Nam Việt Nam nhằm bành trướng chủ nghĩa tư bản của Mỹ ở Đông Nam Á và tiêu diệt Cộng sản, Mỹ đã viện trợ cho VNCH. Viện trợ của Mỹ cho VNCH gồm viện trợ quân sự và viện trợ kinh tế. Viện trợ kinh tế trong khuôn khổ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ và

theo chương trình Thực phẩm (hay Nông phẩm) phục vụ Hòa bình (Food for Peace).

Trong khuôn khổ của chương trình Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, viện trợ Mỹ nhằm giúp VNCH cải thiện các điều kiện xã hội và kinh tế bằng cách trợ giúp về mặt tài chính và kỹ thuật. Viện trợ này chia làm 3 loại:

- Cho vay để phát triển (Development Loans).

- Viện trợ Thương mại hóa (Commercial Aids).

- Các loại viện trợ khu vực công như: viện trợ kỹ thuật và thặng dư (Technical Cooperation & Development Grands) nhằm thỏa mãn nhu cầu giáo dục bằng cách cấp học bổng, giảng dạy và huấn luyện kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực: canh nông, hành chính, kỹ nghệ, lao động và y tế; viện trợ chương trình (Projet Aid): những ngân khoản này được dùng để tài trợ các chương trình hạ tầng cơ sở có tính cách phi thương mại; các viện trợ khác như: định cư nạn nhân tỵ nạn Cộng sản, tài trợ các chương trình cảnh sát,...

Trong khuôn khổ chương trình Thực phẩm phục vụ Hòa bình, Viện trợ Mỹ nhằm giúp VNCH bằng các nông phẩm thặng dư ở Mỹ. Một số chương trình lớn như:

- Chương trình nhập cảng thương mại (CIP - Commercial Import Program). Mục đích của chương trình này là để cung cấp cho VNCH các nhu yếu phẩm mà trong nước còn thiếu hụt nhằm ổn định nền kinh tế VNCH.

- Chương trình Thực phẩm phục vụ hòa bình (PL.480): nhằm mục đích cung cấp các loại thực phẩm cho VNCH, cung cấp trực tiếp thực phẩm cho các chương trình thuộc Bộ Xã hội chứ không bán trên thị trường.

- Quỹ đối giá Viện trợ Mỹ là tổng số tiền VNCH thu hoạch được từ hai chương trình: Chương trình nhập cảng thương mại (CIP) và Chương trình Thực phẩm phục vụ Hòa bình (PL.480) tại Ngân hàng Quốc gia.

Theo tài liệu hiện có trong phông, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (United States Agency for International Development - USAID) tại VNCH vào năm 1973 được tổ chức như sau:

1. Văn phòng Giám đốc (Office of the Director), có trụ sở tại số 87 Lê Văn Duyệt;
2. Nha Điều hành (Associate Director for Management);
3. Nha Chương trình (Associate Director for Program);
4. Nha Tài vụ (Associate Director for Financial Management);
5. Nha Cố vấn Tài chính - Thương mại (Associate Director for Commercial and Capital Assistance);
6. Nha Phát triển Địa phương (Associate Director for Local Development);
7. Nha Nông nghiệp và Thực phẩm (Associate Director for Food and Agriculture);
8. Nha Cải cách Điền địa (Associate Director for Land Reform);
9. Nha Chính sách và Kế hoạch kinh tế (Associate Director for Economic Planning and Policy);
10. Nha Tái thiết và Cứu trợ (Associate Director for Relief and Rehabilitation).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Bảng cấp số nhân viên và danh sách nhân viên Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

- Bảng bố trí nhân sự tại các bộ phận của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

- Bảng phân phối nhân viên của tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

- Hồ sơ thực hiện các hợp đồng với các nhà thầu cung cấp nhân viên.

- Sổ theo dõi các hợp đồng nhân sự.

2. Tài liệu về hoạt động chuyên môn

- Tập lưu công văn đi, đến của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

- Tài liệu chỉ dẫn về công tác lưu trữ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

- Tài liệu chỉ đạo về công tác tài chính, kế toán, viện trợ.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo về vấn đề viện trợ cho VNCH.

- Tập lưu các dự án viện trợ cho các bộ, ngành, các địa phương.

- Tập báo cáo kiểm toán các Dự án viện trợ cho VNCH.

- Tài liệu kế toán khác như: ủy ngân, phân tích ngân khoản,...

- Tài liệu về ngân sách quốc gia VNCH.

- Tài liệu về việc giải ngân của ngân sách ngoại viện.

- Tài liệu phân tích, đối chiếu ngân sách ngoại viện.

- Tài liệu về tình hình ước chi và thanh toán các chương trình viện trợ Mỹ.

- Tài liệu về nhập cảng thương mại.

- Kế hoạch tài chính cho chương trình nhập cảng.

- Danh mục hàng hóa được nhập cảng với ngoại tệ của chương trình viện trợ nhập cảng thương mại.

- Tài liệu kiểm tra việc tiêu thụ hàng nhập cảng (dầu lửa, phân bón, sắt thép, máy móc, phụ tùng, chỉ, sợi dệt, các chất hóa học,...) theo chương trình nhập cảng thương mại (CIP).

- Phúc trình kiểm tra hàng nhập cảng trong các kho thương mại.

- Tài liệu về viện trợ và cung cấp chuyên gia cho các bộ, ngành: an ninh, quốc phòng, công nghiệp, nông nghiệp, điện lực, điện toán, giao thông, xây dựng, văn hóa, giáo dục, y tế, lao động, xã hội.

- Tài liệu về viện trợ cho các địa phương, phát triển nông thôn và cung cấp dịch vụ cho các vùng chiến thuật.

- Tài liệu về quỹ đặc biệt, thành lập quỹ phát triển kiểm soát quỹ ủy trị, giải ngân quỹ đối giá.

- Tài liệu về thanh toán lương, phụ cấp, công tác phí cho nhân viên Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ.

- Chương trình viện trợ của Mỹ cho các quốc gia trên thế giới.

- Tài liệu về việc kiểm tra chương trình viện trợ cho Campuchia.

- Tài liệu về kế hoạch cầu không vận cho Campuchia.

PHÔNG BỘ ĐẶC NHIỆM PHỐI HỢP VĂN HÓA - XÃ HỘI (1961 - 1963)

* **Số lượng tài liệu:** 4,71 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1961 - 1963
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** giòn, gãy
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH trên thực tế đã hoạt động và tồn tại từ năm 1961 - 1963. Song, trong quá trình sưu tầm tài liệu, tìm hiểu để biên soạn lịch sử đơn vị hình thành phông, chúng tôi chưa thấy có văn bản chính thức xác nhận sự thành lập của đơn vị này. Bên cạnh đó, chỉ có một số công văn đề nghị và bản thảo Sắc lệnh[1] về việc thành lập Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH. Căn cứ vào các văn bản hiện có, chúng tôi tóm tắt lịch sử đơn vị hình thành phông của Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH như sau:

Bộ trưởng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH có nhiệm vụ điều hòa, đôn đốc, phối hợp hoạt động của các Bộ Quốc gia Giáo dục, Công dân vụ, Y tế, Lao động và trình bày kế hoạch lên Tổng thống.

Các Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục, Công dân vụ, Y tế, Lao động đảm nhiệm trách vụ các Bộ sở quan trong phạm vi chuyên môn của mỗi Bộ.

---

1 Hồ sơ số 17, phông Bộ Đặc nhiệm Văn hóa Xã hội.

Bộ trưởng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH điều khiển các cơ sở VHXH có tính cách chung.

Trong nhiệm vụ phối hợp hoạt động các Bộ Quốc gia Giáo dục, Công dân vụ, Y tế, Lao động, Bộ trưởng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH phải được hỏi ý kiến về các vấn đề sau:

- Bổ nhiệm nhân viên các Bộ sở quan từ cấp Giám đốc trở lên;

- Dự án chương trình hoạt động, kế hoạch công tác do các Bộ sở quan soạn thảo.

Giúp việc Bộ trưởng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH có 2 nha và 1 Văn phòng Chánh danh.

Nha Đổng lý Văn phòng gồm:

- 1 Đổng lý Văn phòng.

- 4 chuyên viên xếp ngang hàng với 1 Tổng Giám đốc phụ trách nghiên cứu các dự án chương trình hoạt động và kế hoạch của 4 ngành Giáo dục, Công dân vụ, Y tế, Lao động;

- Một số chuyên viên trợ lực.

Nha Tổng Thư ký phụ trách:

- Các vấn đề hành chính, tài chính, nhân viên của các cơ quan thuộc Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH.

- Sưu tầm tài liệu.

Văn phòng Chánh danh gồm:

- 1 Chánh Văn phòng;

- 1 Tham chánh Văn phòng;

- 1 Bí thư;

- 1 hay nhiều công cán ủy viên.

Trong thời gian tồn tại, Bộ Đặc nhiệm Phối hợp VHXH đã đạt được những thành tựu nhất định trong sự phát triển chung của Nhà nước VNCH. Do yêu cầu của lịch sử, Tổng Bộ VHXH đã chấm dứt hoạt động vào năm 1963.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo về hoạt động của Bộ, các Nha, Trung tâm, Viện.

- Hồ sơ các phiên họp của Hội đồng Nội các, Hội đồng Liên bộ về VHXH.

- Hồ sơ tham dự các Hội nghị, đi công cán trong nước và quốc tế của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Hồ sơ về dự án, thành lập tổ chức bộ máy của Bộ, một số Viện, Trung tâm, Trường.

- Hồ sơ về tổ chức nhân sự của Bộ và các Bộ trực thuộc.

- Mở các khóa huấn luyện đối với cán bộ công chức.

- Tài liệu về tố cáo khiếu nại của các cá nhân và tập thể.

- Tài liệu về việc mượn vũ khí của Tổng Nha Bảo an.

- Tài liệu sưu tầm về hoạt động của các tổ chức khác ở Liên Xô, miền Bắc Việt Nam.

- Tập lưu công văn đi.

- Tập Sắc luật, Sắc lệnh, Nghị định, Công văn của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng và các Bộ.

3. Tài liệu về ngân sách, kế toán

4. Tài liệu giáo dục, văn hóa, xã hội

PHÔNG TỔNG BỘ VĂN HÓA XÃ HỘI
(1965 - 1967)

* **Số lượng tài liệu:** 13,34 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1965 - 1967
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, mối mọt, ố giòn
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng Bộ VHXH được thành lập theo Sắc lệnh số 178-VHXH của Chủ tịch UBHPTW ngày 25/8/1965[1]. Theo Sắc lệnh này, Tổng ủy viên VHXH trực tiếp điều hành 4 Bộ: Bộ Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Xã hội, Bộ Lao động. Sau đó, Bộ Lao động được tách khỏi Tổng Bộ và Bộ Thanh niên lại được sáp nhập vào khối VHXH. Do Sắc lệnh số 218-VHXH ngày 17/11/1965, 4 cơ quan: Nha Văn hóa, Nha Văn khố và Thư viện, Nha kỹ thuật và Viện Khảo cổ trước thuộc Bộ Giáo dục, được chuyển sang Tổng Bộ VHXH[2].

Sau khi nội các chiến tranh cải tổ lần thứ nhất, Tổng Bộ VHXH gồm 4 bộ: Giáo dục, Y tế, Xã hội, Cựu chiến binh. Khi Nội các Chiến tranh cải tổ lần thứ hai, thì Bộ Văn hóa[3] được thành lập và được đặt trực thuộc Tổng Bộ VHXH.

---

1 Công báo VNCH năm 1965, tr. 3288.

2 Phông Tổng Bộ VHXH-TTLTQGII.

3 Phông Tổng Bộ VHXH-TTLTQGII.

Nhiệm vụ của Tổng Bộ VHXH như sau:

Tổng Bộ VHXH do Tổng Ủy viên VHXH trực tiếp điều khiển, có nhiệm vụ tham gia ý kiến, đề xuất, nghiên cứu và soạn thảo các kế hoạch, chương trình, dự án liên quan đến những vấn đề giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thanh niên.

Tổ chức của Tổng Bộ VHXH bao gồm:

- Văn phòng;

- Hội đồng Hoạch định chính sách VHXH.

Tổ chức của Văn phòng Tổng Bộ VHXH được quy định do Nghị định số 16-VHXH/NĐ ngày 14/9/1965[1], sau đó được bổ túc bởi Nghị định số 158-VHXH/NĐ ngày 31/5/1966[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo về hoạt động của các Tổng Bộ, các Bộ, Nha, Trung tâm, Viện.

- Hồ sơ về các phiên họp của Hội đồng Nội các, Hội đồng Liên bộ về VHXH.

- Hồ sơ tham dự các hội nghị, đi công cán trong nước và quốc tế của Tổng Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Tập lưu công văn đi.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Hồ sơ về thành lập, cải tổ tổ chức bộ máy của Tổng Bộ, một số Viện, Trung tâm, Trường.

- Hồ sơ về tổ chức nhân sự của Tổng Bộ và các Bộ trực thuộc.

---

1 Phông Tổng Bộ VHXH-TTLTQGII.

2 Công báo VNCH năm 1966, tr. 2791.

- Bầu cử Quốc hội lập hiến, bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống và Thượng Nghị viện.

- Tập Sắc luật, Sắc lệnh, Nghị định, Công văn của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng và các Bộ.

3. Tài liệu về ngân sách, kế toán

- Tài liệu về ngân sách, kế toán nội bộ.

- Phân phối, điều chỉnh công ốc, công xa.

4. Tài liệu giáo dục, văn hóa, xã hội, đoàn thể

- Hồ sơ về các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao, giáo dục, xã hội, lao động.

- Hoạt động của các đoàn thể.

PHÔNG BỘ VĂN HÓA
(1967 - 1973)

* **Số lượng tài liệu:** 0,71 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1967 - 1973
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Văn hóa được thành lập do Sắc lệnh số 191-SL/VH ngày 6/12/1966[1] và được tổ chức do Nghị định số 93-VHXH/NĐ ngày 28/3/1967[2].

Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Văn hóa được quy định rất cụ thể, gồm: bảo tồn, xây dựng và phát huy văn hóa truyền thống cổ truyền, phù hợp với sự phát triển của văn hóa tiên tiến trên thế giới; sưu tầm, bảo tồn và tu bổ các di tích lịch sử; lưu trữ gìn giữ những tài liệu quốc gia; xây dựng và tu bổ các thư viện; phát triển sinh hoạt văn hóa thường xuyên trên mọi lĩnh vực; ấn hành những tác phẩm cổ tiêu biểu cho văn hóa dân tộc; bảo đảm và khuyến khích tự do sáng tác và quyền tác giả; kết hợp và giúp đỡ các tổ chức văn hóa trong và ngoài nước; liên lạc để trao đổi văn hóa và tiếp nhận viện trợ của các nước; thành lập các khu văn hóa tại các địa phương; phổ biến văn hóa và văn minh Việt Nam.

---

1 Hồ sơ số 9504, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9504, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ.
- Tài liệu về tổ chức của Ủy ban Điển chế Văn tự.
- Nghị định, quyết định về nhân sự.
- Biên bản họp.
- Tài liệu về biên dịch tự điển.
- Thông cáo về xây dựng.
- Tài liệu về tổ chức các ngày lễ trong và ngoài nước.
- Lưu công văn đến.

PHÔNG PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA (1968 - 1973)

* **Số lượng tài liệu:** 35,54 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1968 - 1973
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa được thành lập theo Sắc lệnh số 541-TT/SL ngày 19/11/1968 Tổng thống VNCH[1] Nguyễn Văn Thiệu ký, đề cử ông Mai Thọ Truyền đặc trách về văn hóa đồng thời các cơ quan thuộc khối văn hóa trong tổ chức Bộ VHGDTN ấn định do Sắc lệnh số 67-SL/VHGD-TN ngày 26/6/1968 nay được đặt thuộc quyền điều khiển của Quốc Vụ khanh đặc trách. Theo đó, các cơ quan thuộc khối văn hóa trong tổ chức Bộ VHGDTN thuộc quyền điều khiển của Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa.

Để hoàn thiện bộ máy Văn phòng Quốc Vụ khanh, ngày 7/3/1969 Tổng thống VNCH đã ra Sắc lệnh số 21-SL/QVK/VH về việc ấn định tổ chức Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa. Ngày 23/7/1969, Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa đã ban hành Nghị định số 219/QVK/VH/NĐ về việc thành

1 Công báo VNCH năm 1968, tr. 6717.

lập một "Ủy ban Dịch thuật" cạnh Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa.

Về nhiệm vụ:

- Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa có nhiệm vụ khai thác thành tích hoạt động văn hóa của các cơ quan văn hóa công lập, tư lập và tư nhân, đồng thời tổ chức các giải thưởng văn hóa và tìm biện pháp cải tiến, phát động các phong trào văn hóa. Ngoài ra, Văn phòng có nhiệm vụ cứu xét các văn kiện pháp lý liên quan đến các vấn đề văn hóa Việt Nam và tham gia Ủy ban Duyệt sáng tác - nghiên cứu,...

Về mặt tổ chức, Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa bao gồm:

- Văn phòng chánh danh;

- Các cơ quan Trung ương;

- Các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

Tuy nhiên, để tiện việc quản lý và hệ thống hóa tổ chức bộ máy, ngày 26/5/1973, Tổng thống VNCH đã ký Sắc lệnh số 490-TT/SL bãi bỏ Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa, các cơ sở thuộc Phủ Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa được sáp nhập vào Bộ Giáo dục và cải danh thành Bộ VHGDTN[(1)].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo hoạt động năm, tháng của Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa và các đơn vị trực thuộc.

- Biên bản họp chuyên môn; hồ sơ các cuộc hội thảo.

- Dự thảo kế hoạch phát triển Thư viện Quốc gia.

---

1 Công báo VNCH năm 1973, tr. 2510.

- Phúc trình công du ngoại quốc.

- Hồ sơ tổ chức các buổi lễ kỷ niệm truyền thống, tổ chức các buổi kịch nghệ.

- Hồ sơ thanh tra các vụ tố cáo về thi cử.

- Tài liệu về việc sử dụng công ốc, công thự, tiếp liệu, các hoạt động của HCQT.

- Tài liệu tham khảo về hội đàm Ba Lê.

- Tập lưu công văn.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.

- Tài liệu về cải cách thủ tục hành chính.

- Hồ sơ nhân viên.

PHÔNG BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ THANH NIÊN
(9/1948 - 28/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 770 mét
* **Thời gian tài liệu:** 9/1948 - 28/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Quốc gia Giáo dục và Nghi lễ là tiền thân của Bộ VHGDTN. Bộ Quốc gia Giáo dục và Nghi lễ được thành lập theo Sắc lệnh số 46-SG ngày 31/7/1948 của Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam[1].

Bộ VHGDTN là cơ quan Trung ương có nhiều lần thay đổi về tổ chức và được mang các tên gọi khác nhau như:

- Sắc lệnh số 33-GD ngày 19/9/1949 đổi tên thành Bộ Quốc gia Giáo dục[2].

- Sắc lệnh số 22-GD ngày 8/3/1952 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên[3].

- Sắc lệnh số 49-CP ngày 6/6/1952 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục[4].

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 151.
2 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 151.
3 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 151.
4 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 152.

- Sắc lệnh số 145-CP ngày 10/5/1955 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên[1].

- Sắc lệnh số 30-TTP ngày 3/12/1955 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục[2].

- Sắc lệnh số 6-QT/SL ngày 4/11/1964 đổi thành Bộ VHGD[3].

- Sắc lệnh số 040-B/QTSL ngày 16/2/1965 đổi thành Bộ Giáo dục[4].

- Sắc lệnh số 11-SL/VHGD ngày 19/1/1968 đổi thành Bộ VHGD[5].

- Sắc lệnh số 67-SL/VHGD ngày 26/6/1968 đổi thành Bộ VHGDTN[6].

- Sắc lệnh số 143-SL/GD ngày 20/10/1969 đổi thành Bộ Giáo dục[7].

- Sắc lệnh số 490-TT/SL ngày 26/5/1973 cải danh thành Bộ VHGDTN[8].

Với Sắc lệnh số 104-SL/VHGDTN ngày 15/5/1974, Thủ tướng Chính phủ đã ấn định nhiệm vụ của Bộ VHGDTN là nghiên cứu, soạn thảo và thi hành các luật lệ liên quan đến việc phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thanh niên và thể dục thể thao[9]. Cụ thể như sau:

+ Giáo dục:

- Tổ chức chương trình học, học vụ và thí vụ bậc tiểu học, trung học, đại học thuộc các ngành phổ thông, tổng hợp, kỹ thuật và chuyên nghiệp.

- Kiến thiết, tu tạo và phát triển các học đường.

- Đào tạo giáo chức các cấp, các ngành.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 152.
2 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 152.
3 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 352.
4 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 352.
5 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
6 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
7 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
8 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
9 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

+ Văn hóa:

- Phục hưng và phát triển nghệ thuật, hội họa, âm nhạc và kịch nghệ;

- Bảo tồn cổ tích lịch sử;

- Tổ chức thư viện và văn khố.

+ Thanh niên và Thể thao:

- Phát triển thể dục và thể thao;

- Đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên;

- Hướng dẫn và yểm trợ các hội đoàn thanh niên và các hiệp hội thể dục thể thao.

+ Khoa học:

- Khuyến khích và yểm trợ công cuộc sưu tầm và khảo cứu khoa học.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch báo cáo của Bộ, Nha, Sở, Ty trực thuộc.

- Hồ sơ về hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Hồ sơ công cán trong và ngoài nước.

- Hồ sơ xin mở tư thục, trung tiểu học, đại học, kỹ thuật và chuyên nghiệp; xin cứu xét giá trị văn bằng, xin học bổng du học.

- Nghị định về việc cấp học bổng.

- Hồ sơ xin chuyển ngân.

- Hồ sơ nghiên cứu các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn; các dự án hợp tác với nước ngoài.

- Bảng thống kê giáo dục trên toàn quốc; quy chế thi cử.

- Tài liệu về nguyên tắc thanh tra.

- Hồ sơ về công tác thanh tra thường kỳ và đột xuất.

- Dự án ngân sách; chương trình chi tiêu.

- Hồ sơ về công tác xây dựng các trường học.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy.

- Hồ sơ bầu cử các đại biểu vào Hội đồng VHGD tại các tỉnh.

- Tài liệu nguyên tắc về quản trị nhân viên; hồ sơ cá nhân; nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

- Hồ sơ về các lớp dạy đêm tại các trung tâm giáo dục.

PHÔNG NHA KHẢO THÍ
(1949 - 18/12/1974)

* **Số lượng tài liệu:** 9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 18/12/1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Cơ quan tiền thân của Nha Khảo thí là Nha Thanh tra và Khảo thí. Theo Nghị định số 1692-GD/PC/NĐ ngày 6/12/1965 của Tổng Bộ VHXH thì tổ chức của Bộ Giáo dục có Nha Thanh tra và Khảo thí được đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Ủy viên Giáo dục[1]. Năm 1967, Sở Khảo thí là cơ quan trực thuộc Bộ Giáo dục[2].

Ngày 26/6/1968, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 67-SL/VHGD-TN quy định về tổ chức của Bộ VHGD-TN[3]. Theo Nghị định này, Nha Khảo thí trực thuộc Tổng nha Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục, còn Ban Thanh tra Đặc biệt trực thuộc Tổng trưởng.

Từ năm 1969 - 1974, Bộ VHGD-TN có nhiều lần thay đổi về tổ chức. Tuy nhiên, với các Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 8/5/1972[4],

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 353.
3 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Sắc lệnh số 144-SL/GD ngày 6/10/1972[1] và Sắc lệnh số 104-SL/VHGD-TN ngày 15/5/1974[2] của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Khảo thí là cơ quan chuyên môn.

Nhiệm vụ của Nha Khảo thí được quy định cụ thể: phụ trách các dịch vụ về khảo thí liên quan đến các ngành học phổ thông, kỹ thuật, nông lâm súc và chuyên nghiệp bậc Trung học và Mỹ thuật; soạn thảo ấn loát, phân phối đề thi; kiểm điểm và định chuẩn các đề thi; nghiên cứu và áp dụng các phương thức bảo mật đề thi; nghiên cứu các loại đề thi; hướng dẫn giáo chức Trung tiểu học các ngành liên hệ soạn đề thi; lập phiếu giám thị và giám khảo; điều động, phân phối Hội đồng giám khảo, giám thị; ấn định các trung tâm thâu nhận hồ sơ dự thi, các địa điểm thiết lập hội đồng thi; phối hợp với các địa phương bảo vệ an ninh trường thi; nghiên cứu và phổ biến nguyên tắc thể lệ thi cử; cứu xét các đề nghị thưởng phạt giáo chức và thí sinh trong thi cử; cấp phát và điều chỉnh các chứng chỉ trúng tuyển; kiểm soát các chứng chỉ và văn bằng; thống kê kết quả các kỳ thi; lưu trữ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tập thông cáo về việc nhận đơn dự thi của thí sinh.
- Bảng kê các trung tâm, hội đồng thi.
- Tờ trình về diễn tiến tổ chức thi tú tài.
- Nghị định hủy kết quả thi.
- Danh sách thí sinh trúng tuyển đệ nhất cấp.
- Tập biên bản, kết quả kỳ thi tú tài 1 và 2.
- Bảng kê điểm số của hồ sơ xin du học.
- Lưu công văn, công điện.

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

PHÔNG NHA HỌC CHÁNH
(1952 - 28/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 212 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1952 - 28/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mối mọt, rách
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sắc lệnh số 104-SL/VHGDTN ngày 15/5/1974 ấn định tổ chức của Bộ VHGDTN[(1)]. Theo Sắc lệnh này thì Nha Học chánh nằm trong khối thành phần chuyên môn và học chánh thuộc các cơ quan Trung ương của Bộ VHGDTN.

Nghị định số 1522-VHGDTN/KHPC/PC/ND ngày 11/7/1974 ấn định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Bộ VHGDTN[(2)]. Theo Nghị định này, tổ chức và nhiệm vụ của Nha Học chánh được quy định như sau:

**** Nhiệm vụ:***

- Thực hiện kế hoạch chương trình giáo dục các ngành học bậc trung tiểu học công và tư.

- Đề nghị nhu cầu giáo chức và nhân viên văn phòng.

- Cho ý kiến về việc phân phối giáo chức và nhân viên cho địa phương.

---

1 Hồ sơ số 9504, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9504, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Theo dõi và báo cáo tình hình trường sở, nhân số.

- Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, thi hành kế hoạch, chương trình giáo dục.

- Kiểm soát tình trạng dạy giờ.

- Dự trù nhu cầu trang bị và phương tiện cho các trường.

+ Tổ chức:

Nha Học chánh được đặt dưới quyền điều khiển của 1 Giám đốc, có 2 Phó Giám đốc phụ tá (1 đặc trách Giáo dục Phổ thông, 1 đặc trách phần Giáo dục Kỹ thuật chuyên nghiệp và Mỹ thuật) gồm 1 Phòng Điều hành và 3 sở.

1. Phòng Điều hành

2. Sở Học chánh 1: do 1 Chánh sự vụ điều khiển, gồm có các Phòng:

- Phòng Trung học;

- Phòng Tiểu học;

- Phòng Giáo dục Tráng niên;

- Phòng Tư thục Trung học;

- Phòng Tư thục Tiểu học.

3. Sở Học chánh 2: do 1 Chánh sự vụ điều khiển, gồm có các Phòng:

- Phòng Kỹ thuật;

- Phòng Mỹ thuật;

- Phòng Nông Lâm súc;

- Phòng Huấn nghệ;

- Phòng Tư thục.

4. Sở Trang bị: do 1 Chánh sự vụ điều khiển gồm có:

- Phòng Trang bị Kỹ thuật và Mỹ thuật;

- Phòng Trang bị Trung và Tiểu học;

- Phòng Trang bị Nông Lâm súc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của Nha, và các Sở, Ty, Trường trực thuộc.

- Phúc trình về các hội nghị trong và ngoài nước.

- Tài liệu về việc đi công cán trong và ngoài nước, tiếp các phái đoàn ngoại quốc.

- Danh sách các trường.

- Thống kê giáo dục trung tiểu học trong toàn quốc.

- Hồ sơ về việc mở các lớp thanh toán mù chữ, mở trường trung học, tiểu học.

- Hồ sơ các lớp dạy đêm.

- Dự án về cải tổ chương trình giáo dục.

- Hồ sơ về giảng dạy, bế giảng năm học.

- Tài liệu về an ninh học đường.

- Hồ sơ thanh tra các trường học.

- Quy chế thi cử; nghị định, thông tư về việc mở các kỳ thi, danh sách thí sinh trúng tuyển của các hội đồng thi, bằng tốt nghiệp của thí sinh.

- Đề thi, bài kiểm tra trắc nghiệm.

- Tập lưu văn bằng.

- Tổ chức các kỳ thi sư phạm; mở lớp tu nghiệp giáo viên xã ấp, huấn luyện sư phạm.

- Triển lãm giáo dục nông lâm súc.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy (Tổng nha, Nha, Sở Học chánh, các trường trong toàn quốc).

- Hồ sơ bầu cử các đại biểu vào Hội đồng VHGD tại các tỉnh.

- Hồ sơ về việc thành lập, đổi tên các trường trung tiểu học.

- Nguyên tắc quản trị hành chính tài chính.

- Văn kiện quy chế ngạch giáo sư.

- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về công tác yểm trợ; xây dựng các trường trong toàn quốc, quỹ hiệu đoàn.

PHÔNG NHA SINH HOẠT QUỐC TẾ
(1953 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 345 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1953 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Sinh hoạt Quốc tế có tên gọi ban đầu là Nha Liên lạc Quốc tế và là cơ quan trực thuộc Tổng trưởng VHGD[1].

Bộ VHGD là đơn vị có nhiều thay đổi về tổ chức bộ máy, sau mỗi lần thay đổi thì Nha Sinh hoạt Quốc tế có các tên gọi và sự phụ thuộc như sau:

Theo Sắc lệnh số 67-SL/VHGD-TN ngày 26/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sinh hoạt Quốc tế có tên gọi Nha Công tác Quốc tế và là cơ quan trực thuộc Tổng trưởng VHGD-TN[2].

Căn cứ vào Sắc lệnh số 143-SL/GD ngày 20/10/1969 của Thủ tướng Chính phủ, Nha Công tác Quốc tế là cơ quan chuyên môn của Bộ Giáo dục[3].

Với Sắc lệnh số 104-SL/VHGDTN ngày 15/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sinh hoạt Quốc tế là tên gọi cuối cùng và là cơ

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

quan thuộc Khối Chấp hành Trung ương[1]. Nha Sinh hoạt Quốc tế được thiết lập trên cơ sở Nha Công tác Quốc tế và Nha Học bổng và Du học.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung: lập các thủ tục liên quan đến hội nghị, hội thảo liên quan đến các tổ chức quốc tế về văn hóa giáo dục - thanh niên; chỉ dẫn các thủ tục liên quan đến việc nhận, phân phối học bổng; du học học bổng và du học tự túc; chuyển ngân cho du học tự túc và du học có học bổng tại ngoại quốc; lập thống kê, nhật tu danh sách, theo dõi tình trạng, xét trình các biện pháp chế tài đối với nhân viên Bộ Văn hóa giáo dục thanh niên du học, tu nghiệp, quan sát tại ngoại quốc; thiết lập, phụ trách các dịch vụ liên quan đến việc điều hành các khóa huấn luyện, tu nghiệp.

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

PHÔNG TỔNG NHA THANH NIÊN
(1955 - 22/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 24 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1955 - 22/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 29/3/1954, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 258a/GD về việc thành lập Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và Thể thao trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục[1]. Tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và Thể thao được thay đổi nhiều lần qua các Nghị định sau:

- Nghị định số 249-TTP ngày 17/9/1959.
- Nghị định số 1177-TTP/CV ngày 20/11/1959.
- Nghị định số 804-TTP/TN ngày 5/7/1960.
- Nghị định số 844-TTP/TN ngày 12/7/1960.
- Nghị định số 145-TTP/TN ngày 7/02/1961.
- Nghị định số 146-TTP/TN ngày 7/02/1961.
- Nghị định số 346-TTP/TN ngày 6/4/1961.
- Nghị định số 752-CDV ngày 17/7/1962[2].

1 Công báo VNCH năm 1967, tr. 249.

2 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Từ năm 1964, trải qua nhiều lần thay đổi các chính thể của Nhà nước VNCH, Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và Thể thao còn một số lần thay đổi và mang những tên gọi khác nhau, cụ thể như sau:

- Sắc lệnh số 100-TTP ngày 17/2/1964 thiết lập Phủ Đặc ủy Thanh niên và Thể thao thay thế Bộ Thanh niên và Thể thao, đặt trực thuộc Phó Thủ tướng Đặc trách Bình định[1].

- Sắc lệnh số 327-TTP ngày 10/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ về việc đặt Phủ Đặc ủy Thanh niên và Thể thao trực thuộc Phủ Thủ tướng[2].

- Nghị định số 62-BTNTT/HC.3/NĐ ngày 11/3/1965 về việc ấn định tổ chức của Bộ Thanh niên và Thể thao[3].

- Sắc lệnh số 26-SL/P.Th.T ngày 29/11/1967 về việc thiết lập Nha Tổng Giám đốc Thanh niên đặt trực thuộc Phủ Thủ tướng[4].

- Sắc lệnh số 146-SL/Th.T/QTCS ngày 23/10/1969 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Nha Tổng Giám đốc Thanh niên trực thuộc Phủ Thủ tướng[5].

- Sắc lệnh số 083-SL/Th.T/QTCS ngày 21/7/1971 của Thủ tướng Chính phủ về việc đặt Nha Tổng Giám đốc Thanh niên trực thuộc Bộ Giáo dục[6].

- Sắc lệnh số 144-SL/VHGD ngày 6/10/1972 của Thủ tướng Chính phủ ấn định Tổng nha Thanh niên là cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ VHGD[7].

---

1 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
5 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
6 Hồ sơ số 7355, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
7 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung: thi hành chính sách thanh niên quốc gia, yểm trợ kỹ thuật thanh niên các hiệp hội, theo dõi sinh hoạt thanh niên trong mọi tầng lớp nhân dân, phát triển kỹ thuật về sinh hoạt thanh niên trong đại chúng, đoàn ngũ hóa thanh niên; thi hành chính sách thể dục thể thao quốc gia, theo dõi và khích lệ hoạt động thể dục thể thao toàn quốc, phát triển kỹ thuật thể dục thể thao về võ thuật.

PHÔNG NHA Y TẾ VÀ XÃ HỘI HỌC ĐƯỜNG (1959 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 5,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1959 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Y tế và Xã hội Học đường có cơ quan tiền thân là Sở Thanh niên và Xã hội Học đường. Sở Thanh niên và Xã hội Học đường được thiết lập do Nghị định số 824/GD/NĐ ngày 27/9/1956[1] và sau đó được bổ túc bởi Nghị định số 933-GD/NĐ ngày 5/7/1957 của Bộ Quốc gia Giáo dục[2]. Ngoài nhiệm vụ phát triển về hoạt động thể dục thể thao, Nha này còn có nhiệm vụ liên lạc với Bộ Xã hội và Y tế về các vấn đề có tính cách xã hội đối với học sinh, sinh viên và giáo chức.

Theo Sắc lệnh số 11-SL/VHGD ngày 19/01/1968 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức của Bộ VHGD, thì Nha Xã hội và Y tế Học đường thuộc Khối Thanh niên Học đường điều khiển[3]. Sau đó, Sắc lệnh số 67-SL/VHGD-TH ngày 26/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ đã đặt Nha Y tế và Xã hội Học đường trực thuộc Nha Tổng Thư ký[4]. Từ năm 1969 - 1974, Bộ VHGD và TN có nhiều lần cải tổ về mặt

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
4 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

tổ chức. Tuy nhiên, Nha Y tế và Xã hội Học đường vẫn là cơ quan chuyên môn được đặt ngang hàng với các Nha, Trung tâm khác thông qua các Sắc lệnh do Thủ tướng Chính phủ ban hành gồm:

- Sắc lệnh số 143-SL/GD ngày 20/10/1969[1].

- Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 8/5/1972[2].

- Sắc lệnh số 144-SL/GD ngày 6/10/1972[3].

- Sắc lệnh số 104-SL/VHGDTN ngày 15/5/1974[4].

Nha Y tế và Xã hội Học đường hoạt động và tồn tại đến tháng 4/1975.

Nhiệm vụ của Nha Y tế và Xã hội Học đường được quy định cụ thể như sau: khám bệnh, giám định sức khỏe, cho ý kiến hồ sơ bệnh lý của nhân viên trong các dịch vụ tổng quát; trang bị, phân phối dụng cụ và thuốc men cho các cơ sở y tế học đường, theo dõi tình trạng sức khỏe học sinh, sinh viên; huấn luyện, đào tạo nhân viên phụ trách y tế học đường; giảng dạy các khóa cứu thương cho các trường; cứu xét các vấn đề về xã hội học đường; cứu xét thiết lập các Trung tâm Y tế và Xã hội Học đường.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung: chương trình, kế hoạch, báo cáo của các Trung tâm Y tế Học đường các tỉnh; tài liệu về hội nghị hội thảo; các văn bản quy định thể lệ, tiêu chuẩn vệ sinh học đường; huấn luyện, đào tạo nhân viên phụ trách y tế học đường; giảng dạy các khóa cứu thương cho các trường; cứu xét các vấn đề về xã hội học đường; cứu xét thiết lập các Trung tâm Y tế và Xã hội Học đường; tài liệu về tổ chức, hành chính, tài chính, kế toán,...

---

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

4 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

PHÔNG NHA SINH HOẠT VĂN HÓA
(1959 - 18/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 5,27 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1959 - 18/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Nha Văn hóa khởi thủy là Phòng Văn hóa của Bộ Quốc gia Giáo dục và Lễ nghi thành lập ngày 11/7/1948[1], đổi là Sở Văn hóa và Mỹ thuật, Bộ Quốc gia Giáo dục ngày 23/5/1951[2], đổi là Nha Văn hóa thuộc Nha Tổng Giám đốc Học vụ và được đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc[3].

Ngày 19/1/1968, Thủ tướng Chính phủ đã ký Sắc lệnh số 11-SL/VHGD về việc củng cố lại tổ chức của Bộ VHGD[4]. Theo đó, Nha Văn hóa cùng một số nha khác thuộc Khối Văn hóa và do Thứ trưởng Văn hóa điều khiển.

Theo Sắc lệnh số 104-SL/VHGDTN ngày 15/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sinh hoạt Văn hóa là tên gọi cuối cùng và thuộc Khối Chấp hành Trung ương[5].

---

1 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 288.

2 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 288.

3 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 288.

4 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

5 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Nhiệm vụ của Nha Sinh hoạt Văn hóa được quy định rất cụ thể: thiết lập các chương trình sinh hoạt và chương trình liên quan đến việc bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc và hội nhập văn hóa từ bên ngoài thông qua các sinh hoạt hội nghị, diễn thuyết, hội thảo, triển lãm, biểu diễn, lễ kỷ niệm, tổ chức các giải thưởng trong và ngoài nước; nghiên cứu, thiết lập và phổ biến các quy luật và nguyên tắc cho mọi sinh hoạt văn hóa; cứu xét cấp phát các giấy phép liên quan đến hoạt động văn hóa; quảng bá và liên lạc với các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến sinh hoạt văn hóa; cứu xét và yểm trợ nhân sự, phương tiện cho các tổ chức, văn nghệ sĩ trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động văn hóa.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu: chương trình, kế hoạch, báo cáo của Nha, các phòng; phúc trình hồ sơ về hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; dịch, phát hành sách, tặng và cung cấp sách cho các trường học và cơ quan chính phủ; triển lãm sách và các tác phẩm hội họa, điêu khắc,…; tài liệu về XDCB, tổ chức, hành chính, tài chính, kế toán,...

PHÔNG NHA SINH HOẠT HỌC ĐƯỜNG
(1972 - 4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 2,4 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1972 - 4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 8/5/1972 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức của Bộ Giáo dục thì Nha Sinh hoạt Học đường là cơ quan chuyên môn[(1)].

Đến năm 1974, Bộ VHGDTN có thay đổi về tổ chức. Song, Nha Sinh hoạt Học đường vẫn được giữ nguyên và hoạt động đến tháng 4/1975.

Ngay từ khi mới thành lập, Nha Sinh hoạt Học đường đã đảm nhận một vai trò hết sức quan trọng, đó là: đoàn ngũ hóa mọi thành phần liên hệ đến học đường, giáo dục học sinh, sinh viên toàn quốc; phát triển nếp sống cộng đồng và sinh hoạt tập thể trong học đường; tạo ra môi trường học đường sinh hoạt lành mạnh và hữu dụng hóa sinh viên, học sinh đối với cộng đồng dân tộc; chu toàn nền giáo dục đại chúng và thực dụng về các phương diện: đức dục, mỹ dục, trí dục và thể dục.

---

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu: chương trình, kế hoạch, báo cáo của các phòng; dự thảo, dự án,…; tài liệu về tổ chức, hành chính, tài chính, văn thư.

PHÔNG NHA SƯU TẦM VÀ NGHIÊN CỨU
(1973 - 26/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 3,15 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1973 - 26/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 8/5/1972 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tổ Bộ Giáo dục, một số Nha và Trung tâm được thành lập, trong đó có Trung tâm Nghiên cứu, Sưu tầm và Phổ biến Tài liệu Giáo dục, tiền thân của Nha Sưu tầm và Nghiên cứu[1].

Với các Sắc lệnh kế tiếp cải tổ cơ cấu tổ chức của Bộ VHGD-TN thì Trung tâm Nghiên cứu, Sưu tầm và Phổ biến Tài liệu Giáo dục cũng có những thay đổi cho phù hợp.

Theo Sắc lệnh số 144-SL/GD ngày 6/10/1972 về tổ chức của Bộ Giáo dục, thì Trung tâm Nghiên cứu, Sưu tầm và Phổ biến Tài liệu Giáo dục được đổi tên là Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục[2]. Căn cứ theo Sắc lệnh số 104-SL/VHGD-TN ngày 15/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sưu tầm và Nghiên cứu là tên gọi cuối cùng, đơn vị này trực thuộc Khối Nghiên cứu Chương trình[3].

---

1 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3 Hồ sơ số 9509, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Nhiệm vụ, chức năng của Nha Sưu tầm và Nghiên cứu được quy định rất cụ thể. Theo đó, Nha Sưu tầm và Nghiên cứu có nhiệm vụ sưu tầm và nghiên cứu kế hoạch và nhu cầu cải tiến quản trị trong các cơ quan thuộc Bộ: nhu cầu phát triển của học sinh; kỹ thuật giáo dục để cải tiến điều kiện dạy và học; nhu cầu và điều kiện để phát triển văn hóa và sinh hoạt thanh niên thể dục thể thao; tương quan giữa VHGDTN với các sinh hoạt khác.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, tờ trình về hoạt động của các phòng.

- Tài liệu về việc công cán, thăm viếng của các phái đoàn trong và ngoài nước.

- Hồ sơ về các khóa hội thảo; dự thảo kế hoạch tổ chức đại hội giáo dục toàn quốc.

- Tài liệu hội thảo về việc bảo trợ nhi đồng.

- Kế hoạch soạn thảo chương trình học cho trung, tiểu học.

- Tài liệu về việc nhận xét tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ.

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy.

- Quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

- Tài liệu nghiên cứu về giáo dục.

2. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Dự án ngân sách.

- Dự án tài trợ in luận án cao học và tiến sĩ.

- Dự án khảo sát các vấn đề về giáo dục các cấp, hướng học, hướng nghiệp, giáo dục tại các địa phương.

- Tài liệu về việc dịch và in sách.

PHÔNG NHA VĂN KHỐ QUỐC GIA
(1957 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 69,86 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1957 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính, tài liệu kỹ thuật
* **Tình trạng vật lý:** giòn, gãy
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sau Hiệp định Genève năm 1954, chính quyền Pháp tại Đông Dương đã chuyển giao Văn khố và Thư viện lại cho Chính phủ VNCH.

Ngày 28/6/1957, Bộ Giáo dục ra Công lệnh số 570-GD/CL quy định: kể từ ngày 1/7/1957 Thư viện Nam phần được sáp nhập vào Tổng Thư viện và đổi thành Thư viện Quốc gia thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục.

Nha Văn khố Quốc gia có tên gọi ban đầu là Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia. Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được thành lập theo Sắc lệnh số 86/GD ngày 13/4/1959 và được đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục[1]. Ngày 20/8/1959, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục ban hành Nghị định số 1118-GD/NĐ ấn định tổ chức của Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia[2]. Theo Nghị định này, Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc và một Phó Giám đốc. Chức năng và nhiệm vụ của Nha này được quy định cụ thể như sau:

1 Hồ sơ số 10432, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 8566, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

- Về thư viện: tổ chức Thư viện Quốc gia và các thư viện thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục trên toàn cõi Việt Nam; kiểm soát các thư viện này và hướng dẫn về phương diện chuyên môn các thư viện thiết lập trong các cơ quan của Chính phủ; huấn luyện các chuyên viên về khoa thư viện hay mở các lớp tu nghiệp về khoa này cho viên chức các công sở.

- Về lưu trữ công văn: tổ chức, hướng dẫn và kiểm soát các Trung tâm Văn khố trong toàn quốc; tiếp nhận, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu của các Bộ, Nha, Sở hay các cơ quan phụ thuộc gởi về lưu trữ; hướng dẫn và giúp đỡ về phương diện chuyên môn việc tổ chức và điều hành các sở, phòng lưu trữ trong toàn quốc; tổ chức các khóa huấn luyện và tu nghiệp nhân viên chuyên môn về văn khố cho các công sở.

- Về nạp bản: thi hành thể lệ nạp bản các ấn phẩm trên toàn cõi Việt Nam. Tiếp nhận nạp phiếu và xếp theo quy tắc nhất định tất cả các ấn phẩm hay tài liệu nạp bản. Lập các thư mục hay ấn hành bảng kê các ấn phẩm đã nạp bản trong toàn quốc. Đăng danh sách các ấn phẩm đã nạp bản vào công báo VNCH mỗi kỳ tam cá nguyệt.

- Về thư tịch: soạn thảo thư tịch Việt Nam cho ấn hành những thư tịch này từng đợt một. Soạn thảo vựng tập pháp chế, cập nhật hóa những vựng tập này và cho ấn hành từng đợt.

Ngoài những nhiệm vụ nói trên, Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia còn được ủy phụ trách nghiên cứu, thi hành việc trao đổi văn hóa phẩm với ngoại quốc và các cơ quan văn hóa quốc tế.

**** Tổ chức:***

- Phòng Hành chính và Kế toán.

- Sở lưu trữ công văn và thư viện.

- Sở kỹ thuật.

Ngày 19/7/1963 Bộ Giáo dục ra Nghị định số 1057-GD/TC/NĐ về việc hợp thức hóa việc thiết lập chi nhánh Văn khố Đà Lạt. Theo Nghị định này, chi nhánh Văn khố Đà Lạt trực thuộc Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia. Chi nhánh do một chủ sự phòng điều khiển, có một số nhân viên giúp việc. Nha Văn khố Đà Lạt phụ trách:

- Thu thập, sắp xếp gìn giữ những tài liệu và hồ sơ cũ do cơ quan hành chính tại cao nguyên và Trung Nguyên Trung phần gửi lưu trữ.

- Thu thập, sắp xếp, gìn giữ tài liệu của cựu Văn phòng Quốc trưởng và Hoàng triều Cương thổ; sắp xếp và phiên dịch mục lục Châu bản của Cựu Triều đình Huế.

- Phân loại và làm phiếu các hồ sơ lưu trữ theo quy tắc nhất định;

- Giao thiệp với các cơ quan công quyền hay tư nhân cần lưu trữ và các bản sao những văn kiện này.

- Trừ sâu mọt và ẩm ướt các văn khố bằng biện pháp khoa học.

- Đặt mua dụng cụ và vật liệu đặc biệt cho Văn khố Đà Lạt.

- Nghị định số 1354-GD/PC/NĐ ngày 4/8/1964 của Bộ Giáo dục hợp thức hóa việc thiết lập Tổng Thư viện Sài Gòn trực thuộc Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia. Theo Nghị định, Tổng Thư viện đặt dưới quyền điều khiển của một quản thủ thư viện, mọi chi phí điều hành Tổng Thư viện do ngân sách Bộ Giáo dục đài thọ.

Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia hoạt động đến năm 1965 thì có sự thay đổi về cơ quan trực thuộc. Với Sắc lệnh số 218-VHXH ngày 17/11/1965 đã đặt Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia trực thuộc Tổng bộ Văn hóa Xã hội.

Nghị định số 322-QVK/VH/NĐ ngày 8/9/1971 của Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa về việc hợp thức hóa việc thiết lập chi nhánh Văn khố Huế. Theo Quyết định này, Chi nhánh Văn khố Huế trực thuộc Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia. Nha Văn khố Huế do một chủ sự phòng điều khiển có một nhân viên giúp việc.

Chi nhánh Văn khố Huế phụ trách:

- Thu thập, sắp xếp, lưu trữ những tài liệu và hồ sơ cũ do các cơ quan hành chính và chuyên môn tại Trung Nguyên Trung phần chuyển giao.

- Tiếp nhận, sắp xếp và lưu trữ những tài liệu và hồ sơ do các cơ quan hành chính và chuyên môn tại Trung Nguyên Trung phần chuyển giao.

- Phân loại, tổng kê các tài liệu, hồ sơ lưu trữ theo quy tắc nhất định.

- Phụ trách việc giúp đỡ các cơ quan công quyền hay tư nhân tham khảo tài liệu lưu trữ và cấp bản sao hay bản trích những tài liệu này.

- Bảo trì tài liệu văn khố bằng những biện pháp khoa học.

Sắc lệnh số 120-SL/QVK/VH ngày 8/10/1971 của Thủ tướng Chính phủ thiết lập Thư viện Quốc gia và đặt trực thuộc Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa[1].

Nghị định số 64-QVK/VH/NĐ ngày 14 tháng 3 năm 1972 do Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa ban hành đã chuyển phòng Nạp bản và giải tán Tổng Thư viện sáp nhập vào Thư viện Quốc gia.

Theo Sắc lệnh số 018-SL/QVK/VH ngày 28/1/1973 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được cải danh thành Nha Văn khố Quốc gia trực thuộc Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa[2].

Luật số 020/73 ngày 26/12/1973 đã quy định về văn khố tại Việt Nam gồm các mục: tài nguyên Văn khố, tổ chức điều hành, hình phạt và một số điều khoản phụ tạp khác.

Luật số 020/73 ngày 26/12/1973 về "Văn khố tại Việt Nam" cơ cấu mới chỉ thêm Ban chuyên viên Văn khố và Quản trị hồ sơ, các Ty văn khố địa phương ngoài ra không có gì thay đổi so với tổ chức ấn định bởi Nghị định 1118-GD/NĐ ngày 20/8/1959.

Đầu năm 1975, Nha Văn khố Quốc gia tiếp tục trình lên cấp trên việc sửa đổi cơ cấu để hoàn thiện tổ chức nhưng công việc đang dở dang thì miền Nam hoàn toàn giải phóng.

---

1 Hồ sơ số 8566, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 8566, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Như vậy, Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được thành lập năm 1959 trên cơ sở tách Thư viện Quốc gia Nam phần làm hai phần: Lưu trữ và Thư viện. Phần Thư viện chính là Thư viện Quốc gia (Theo Sắc lệnh số 33-GD ngày 19/9/1949[1], phần lưu trữ tuy không quy định thuộc Thư viện Quốc gia nhưng vẫn do Thư viện Quốc gia quản trị cho đến ngày ban hành Sắc lệnh số 86/GD ngày 13/4/1959 và Nghị định số 1118-GD/NĐ ngày 20/8/1959. Theo Sắc lệnh và Nghị định trên thì công tác thư viện và lưu trữ hoạt động độc lập, chung giữa lưu trữ và thư viện là Phòng Hành chính Kế toán và Sở Kỹ thuật. Vì vậy, khi Thư viện Quốc gia được thiết lập theo Sắc lệnh số 120-SL/QVK/VH ngày 8/10/1971 thì không ảnh hưởng tới công tác lưu trữ.

Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia hoạt động đến ngày 28/1/1973. Do việc cải danh thành Nha Văn khố Quốc gia, các phần vụ về thư viện, trao đổi văn hóa phẩm được chước miễn và trao sang Thư viện Quốc gia nên về tổ chức có sự thay đổi. Tuy nhiên, về cơ bản thì Nha Văn khố Quốc gia vẫn là một phông thống nhất với tên gọi sau cùng là Nha Văn khố Quốc gia.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, hoạt động của các nha, sở.
- Tài liệu về công cán trong và ngoài nước.
- Kê khai tài sản của công chức.
- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.
- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu về ký thác hồ sơ của các nha, sở.
- Tài liệu về quân dịch.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1957, tr. 151.

- Tập lưu công văn, sổ chuyển giao công văn.

- Kỷ yếu giải thưởng văn học nghệ thuật.

- Luật, sắc lệnh quy định bằng sáng chế, nhãn hiệu chế tạo và thương hiệu.

- Tài liệu về dự trù và thi hành ngân sách.

2. Tài liệu về nạp bản

- Hồ sơ về thể lệ nạp bản các ấn phẩm.

- Tài liệu về việc tiếp nhận các ấn phẩm, tài liệu nạp bản.

- Đăng công báo danh sách các ấn phẩm nạp bản.

3. Tài liệu về thư tịch

- Soạn thảo và ấn hành thư tịch, soạn thảo vựng tập pháp chế, cập nhật hóa vựng tập.

- Tài liệu thư tịch Việt Nam cung cấp cho UNESCO để soạn thảo sách.

- Tài liệu về triển lãm sách báo.

- Trích lục công báo.

4. Tài liệu về XDCB

PHÔNG TỔNG THƯ VIỆN
(1940 - 1956)

* **Số lượng tài liệu:** 0,54 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1940 - 1956
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Trước năm 1917, tổ chức Văn khố và Thư viện Đông Dương gần như chưa có một cơ cấu Trung ương mà tùy thuộc vào nhà cầm quyền hành chính của xứ Việt - Miên - Lào.

Nghị định ngày 29/11/1917 và Nghị định ngày 26/12/1918 của Toàn quyền Đông Dương đã thiết lập Tổng Nha Văn khố và Thư viện Trung ương đặt tại Hà Nội gồm:

- Các văn khố tại 5 xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao và Cao Miên.

- Thư viện Trung ương Hà Nội.

- Thư Viện Nam Kỳ.

Nghị định số 206/2358 ngày 25/7/1947 của Cao ủy Pháp tại Đông Dương đã đổi tên Nha Văn khố và Thư viện Đông Dương thành "Sở Văn khố và Thư viện Đông Dương". Ngày 15/6/1950, do Hiệp định ký kết giữa Pháp và Việt Nam, các hồ sơ lưu giữ tại Văn khố và Thư viện được chia ra cho Việt Nam, Pháp, Miên, Lào.

Thư viện Trung ương Hà Nội gồm các phòng sau:

- Phòng Văn thư.
- Phòng Đọc sách.
- Phòng cho mượn sách.
- Phòng Nhi đồng.
- Phòng Đóng sách.
- Phòng Báo chí.
- Ty Nạp bản.
- Phòng Thư tịch.
- Phòng Pháp chế.

Theo Hiệp định Pháp - Việt ngày 9/7/1953 Thư viện Trung ương Hà Nội được sáp nhập vào Viện Đại học Hà Nội và đổi tên là "Tổng Thư viện". Như vậy Tổng Thư viện nguyên là một trong những cơ quan còn lại của Nha Lưu trữ Công văn và Thư viện Đông Dương đặt tại Hà Nội. Hiệp định đình chiến Genève đã làm chuyển biến tình thế và Tổng thư viện Hà Nội đã được di chuyển vào Nam với một số ít nhân viên và một phần sách và báo chí hầu hết là của Công quản Nạp bản. Tổng Thư viện có trụ sở đặt tại trường Trung học Pétrus Ký và trực thuộc Viện Đại học.

Ngày 28/6/1957, Bộ Trưởng Quốc gia Giáo dục ra Công lệnh số 570-GD/SL sáp nhập Tổng Thư viện vào Thư viện Quốc gia Nam phần và đổi tên thành Thư viện Quốc gia đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau: tài liệu về tổ chức bộ máy của Tổng Thư viện, Phủ Cao ủy Pháp tại Hà Nội, nhân sự, hưu bổng, biệt phái; báo cáo hoạt động của Thư viện Hà Nội, công tác nạp bản, thư mục sách, tạp chí; công tác tu bổ, sửa chữa trụ sở; tài liệu về việc di chuyển tài liệu về Pháp, tài liệu gửi Phủ Cao ủy Pháp tại Sài Gòn.

PHÔNG THƯ VIỆN QUỐC GIA NAM VIỆT
(1945 - 1957)

* **Số lượng tài liệu:** 3,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1945 - 1957
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố giòn, gãy
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Thư viện Nam Kỳ được thiết lập theo Nghị định ngày 26/11/1902 của Thống soái Nam Kỳ và đặt trực thuộc Tòa Thượng thư Nam Kỳ Soái phủ. Năm 1917 Thư viện Nam Kỳ đặt dưới quyền kiểm soát của Nha Văn khố và Thư viện Đông Dương.

Từ năm 1918 các công văn giấy tờ của cơ quan Chính phủ Pháp tại Nam Kỳ quá 20 năm đều tập trung tại Thư viện Nam Kỳ trước khi gửi ra Sở Lưu trữ Công văn tại Hà Nội. Sở Lưu trữ Công văn tại Hà Nội có nhiệm vụ lựa chọn các tài liệu để giữ lại những tài liệu có giá trị, lập thành mục lục phục vụ cho cơ quan liên hệ mượn khi cần, tài liệu hết giá trị sẽ do một cơ quan định đoạt và đem tiêu hủy. Năm 1945 do chiến tranh nên lưu thông gián đoạn, các công văn đã tập trung tại Thư viện Nam Kỳ, không thể gửi ra Hà Nội, đồng thời vì thiếu chỗ nên Thư viện Nam Kỳ không nhận công văn cũ của các cơ quan nữa.

Theo Thông tư ngày 28/6/1946 của Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam, Thư viện Nam Kỳ được Pháp trao trả cho Chính phủ lâm thời Nam Kỳ (Nam Kỳ Quốc) trực thuộc Nha Học Chánh Nam Việt và đổi tên là "Thư viện Quốc gia Nam phần" đặt tại Sài Gòn.

Ngày 28/6/1957 Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục ra Công lệnh số 570-GD/CL sát nhập Thư viện Nam phần vào Tổng Thư viện và đổi thành "Thư viện Quốc gia" đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu về hành chính quản trị

- Hồ sơ nguyên tắc về quản trị nhân viên.
- Danh sách nhân viên.
- Tài liệu quy định tuổi về hưu, bảng lương.
- Tài liệu thuyên chuyển nhân viên.
- Tài liệu về lương bổng, phụ cấp nhân viên.
- Tài liệu kiểm kê tài sản.
- Tài liệu về đặt mua sách, báo, tạp chí.
- Ngân sách của Nha Văn khố và Thư viện Nam Việt.
- Tài liệu về xây dựng, tu bổ trụ sở.
- Tài liệu về cải cách hành chính.
- Tập lưu công văn.

2. Tài liệu về hoạt động chuyên môn

- Báo cáo hoạt động của Thư viện.
- Khung phân loại sắp xếp tài liệu lưu trữ, đĩa hát.
- Tài liệu về việc nộp lưu tài liệu lưu trữ.
- Công tác khai thác, sử dụng tài liệu.
- Cấp phát bản sao văn kiện, công báo.
- Tài liệu về chụp ảnh, và phim tài liệu lưu trữ.
- Trả lại các ấn phẩm bị tịch thu cho Hội Thông Thiên học.
- Tài liệu về nạp bản, trao đổi ấn phẩm.
- Tài liệu mở các lớp huấn luyện tu nghiệp.
- Tài liệu về việc kiểm duyệt báo chí, ấn phẩm.

PHÔNG TRƯỜNG QUỐC GIA TRANG TRÍ MỸ THUẬT (1940 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 4,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1940 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật có tên gọi đầu tiên là "Trường Mỹ nghệ Thực hành" được cải tổ theo Nghị định số 117-GD/NĐ ngày 31/1/1950 của Thủ tướng Chính phủ[1]. Theo Nghị định số 286-GD/HV/NĐ ngày 21/2/1961 trường được đổi danh hiệu và cải tổ thành Trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định[2].

Để phù hợp với tính chất và quy mô phát triển ngày càng cao của trường, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 694-NĐ/QVK/VH ngày 1/7/1970 về việc cải tổ Trường Trung học Trang trí Mỹ thuật thành Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật[3] đặt trực thuộc Nha Mỹ thuật. Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa đã ký Nghị định số 272-QVK/VH/NĐ ấn định tổ chức của trường[4]. Trường tồn tại và hoạt động đến ngày 30/4/1975.

1 Hồ sơ số 123, phông Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật.
2 Hồ sơ số 123, phông Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật.
3 Hồ sơ số 123, phông Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật.
4 Công báo VNCH năm 1971, tr. 5699.

Ngay từ khi mới thành lập, nhiệm vụ của trường được nêu cụ thể, gồm: cải tiến và nâng cao nền tiểu công nghệ và mỹ thuật Việt Nam; đào tạo họa viên, chuyên viên, trang trí gia lành nghề trong lĩnh vực trang trí mỹ thuật; bảo tồn và phát triển những tinh hoa của nền trang trí Đông phương và cổ truyền Việt Nam; đẩy mạnh công cuộc cải tiến chương trình giáo khoa theo đà tiến triển của thế giới để phát huy một nền trang trí mỹ thuật khai phóng và tiến bộ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Học vụ (1952 - 1975)

- Tài liệu về công tác tuyển sinh.
- Tài liệu về các kỳ thi học kỳ, tốt nghiệp.
- Sổ điểm danh.
- Học bạ.
- Chứng chỉ học trình cấp cho sinh viên.
- Hồ sơ của học sinh các lớp dự thính.
- Tài liệu về công tác học vụ.
- Tài liệu về việc hoãn dịch, nhập ngũ, động viên tại chỗ đối với sinh viên.
- Tài liệu về việc tổ chức cuộc thi sáng tác huy hiệu cho chương trình thiếu nhi tham gia sản xuất.

2. Tổ chức (1955 - 1975)

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu về lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường.
- Tài liệu nguyên tắc về nhân viên.
- Tài liệu về việc xin tuyển dụng nhân viên.
- Phiếu điều tra và sưu tra về hạnh kiểm và hành vi chính trị của các giáo sư.

- Chứng thư hành chính, giấy giới thiệu của trường.

- Tài liệu về việc các giáo sư xin dạy giờ, cử giáo viên dạy giờ.

- Danh sách nhân viên tham gia các khóa huấn luyện cán bộ hóa công chức.

- Hồ sơ cá nhân.

3. Kế toán (1940 - 1974)

- Tài liệu về dự trù ngân sách.

- Sổ thu chi quỹ của Trường Mỹ nghệ Thực hành (1940).

- Nhật ký thu, chi.

- Chứng từ lương bổng, phụ cấp nhân viên, thanh toán phụ cấp thâm niên công vụ.

- Tài liệu về việc xin bồi hoàn tiền hưu liễm của cá nhân.

- Tài liệu về việc xét cấp học bổng cho sinh viên.

- Tài liệu về việc kiểm soát quỹ của Nghiệp hội.

4. Lưu công văn (1970 - 1975)

- Sổ ghi công văn đi, tập lưu công văn đi.

PHÔNG TRƯỜNG QUỐC GIA CAO ĐẲNG MỸ THUẬT SÀI GÒN (1956 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1956 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn được thành lập theo Nghị định số 1192/GD ngày 31/12/1954 của Thủ tướng Chính phủ[1]. Nghị định số 1625-GD/NĐ ngày 11/10/1957 của Bộ Quốc gia Giáo dục đã ấn định tổ chức của Trường[2].

Trường có nhiệm vụ đào tạo nghệ sĩ để phát huy nền văn hóa Việt Nam về phương diện mỹ thuật thuần túy, đào tạo giáo sư chuyên về các ngành mỹ thuật để giảng dạy tại các trường trung học và tiểu học, đào tạo các giáo sư chuyên môn cho các trường mỹ nghệ và các cán bộ cho các ngành tiểu công nghệ.

Sau một thời gian hoạt động, Trường được cải tổ theo Nghị định số 695-NĐ/QVK/VH ngày 1/7/1970 của Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa[3].

---

1 Hồ sơ số 82, phông Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn.

2 Công báo VNCH năm 1957, tr. 4246.

3 Hồ sơ số 82, phông Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn.

Nghị định số 273-QVK/VH/NĐ ngày 03/8/1971 của Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa đã ấn định chi tiết tổ chức của Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn[1]. Trường do một Giám đốc điều khiển, có một phụ tá và một Chủ sự Phòng Văn thư. Bên cạnh có hai Hội đồng: Hội đồng Giáo sư và Hội đồng Tư vấn.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Học vụ (1960 - 1975)

- Tài liệu về các khóa tuyển sinh.
- Tài liệu về các khóa thi lên lớp, tốt nghiệp.
- Tài liệu về công tác học vụ.
- Phiếu cá nhân của sinh viên.
- Tài liệu về bảo vệ an ninh và kỷ luật học đường.
- Học bạ của sinh viên.
- Tài liệu về hoãn dịch, huấn luyện quân sự học đường.
- Cấp thẻ động viên tại chỗ cho các sinh viên.
- Tài liệu lễ trình diện lực lượng sinh viên học sinh phòng vệ hậu phương.
- Tài liệu hoạt động thể thao học đường.
- Tài liệu về các cuộc triển lãm, thi vẽ hội họa.
- Tài liệu về việc sinh viên tổ chức "Đêm thao thức" để phản đối Chính phủ Cao Miên sát hại Việt kiều.

2. Tài liệu chung (1960 - 1975)

- Tờ trình nguyệt để.
- Phúc trình hoạt động và dự trù ngân sách trong năm.
- Bảng đúc kết, thống kê thành quả hoạt động của trường.

---

1 Hồ sơ số 82, phông Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn.

3. Tổ chức (1961 - 1975)

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.

- Tài liệu liên quan đến nhân viên.

- Hồ sơ cá nhân.

- Tài liệu về việc thiết lập phiếu công chức.

- Tài liệu về tình trạng quân dịch của công chức nhà trường.

- Tài liệu về việc bàn giao công việc giữa cựu và tân Hiệu trưởng.

- Phiếu phê điểm nhân viên.

- Thống kê nhân viên, danh sách nhân viên.

- Hồ sơ xin tuyển dụng nhân viên.

4. Kế toán (1957 - 1975)

- Chứng từ thanh toán lương bổng nhân viên, thanh toán dạy giờ.

- Bảng ngân sách quốc gia của Trường.

- Tài liệu về thuế lương bổng nhân viên của Trường.

- Tài liệu về việc xin trợ cấp tài chính để đúc tượng Khổng Tử.

- Tài liệu về việc cấp học bổng cho sinh viên.

- Bảng đề nghị giải tỏa kinh phí hàng quý.

5. XDCB (1958 - 1975)

- Tài liệu về việc bàn giao nhà đất do Nha Xã hội Quân đội chiếm đóng để mở rộng Trung tâm Mỹ thuật Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ VHGD, Nha Mỹ thuật về việc sử dụng nhà Văn hóa và xin cấp đất trong khuôn viên trường để xây dựng Ty Bưu điện.

- Tài liệu về việc tân tạo, tu bổ, xây cất các lớp học.

- Tài liệu về việc xây dựng tượng cố họa sĩ Lê Văn Đệ.

- Tài liệu về việc cấp, bán, thu hồi nhà cho nhân viên của Trường tại cư xá Thanh Đa.

6. Lưu công văn (1963 - 1975)

- Tập lưu công văn.

- Tập công văn trao đổi.

7. Đoàn thể (1960 - 1975)

- Tài liệu về hoạt động của Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia.

- Tài về hoạt động của Chi đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia của Trường.

- Danh biểu kiến trúc sư.

PHÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC THỦ ĐỨC
(1962 - 1976)

* **Số lượng tài liệu:** 0,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1962 - 1976
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức trong quá trình tồn tại và phát triển đã có nhiều thành tích đáng kể. Trong quá trình đó, trường đã trải qua nhiều tên gọi tùy thuộc vào chức năng nhiệm vụ được giao. Tên gọi ban đầu là Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật (năm 1962)[1]. Theo Sắc lệnh số 107-SL/GD ngày 2/9/1970 sửa đổi điều 2 Sắc lệnh số 9-SL/VHGD ngày 19/1/1968 về việc thiết lập Trung tâm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, thì Trung tâm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ được xây cất tại quận Thủ Đức - Gia Định[2]. Năm 1972, trường được đổi tên thành Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Nguyễn Trường Tộ Thủ Đức[3]. Đến năm 1974, trường được nâng cấp thành Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức[4].

Tên gọi Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức tồn tại đến năm 1976.

---

1 Kỷ yếu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức.

2 Công báo VNCH năm 1970, tr. 6152.

3 Kỷ yếu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức.

4 Kỷ yếu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

1. Hồ sơ về hàng viện trợ của Hoa Kỳ cho các trường (1966 - 1967)

2. Tài liệu về việc tiếp nhận trang thiết bị viện trợ của trường (1972 - 1973)

- Sự vụ lệnh về việc đề cử các tiểu ban tiếp nhận trang thiết bị và vật tư.

- Danh sách máy và phụ tùng.

- Catalogue máy móc thiết bị.

3. Tài liệu về công xa (1972 - 1974)

- Sự vụ lệnh về việc thiết lập cơ quan bảo trì và tiếp liệu.

- Tài liệu về việc Nha Kỹ thuật cấp công xa cho các trường.

- Biểu kê khai công xa.

- Công văn của các trường về việc xin cấp công xa.

- Thẻ công xa.

- Tài liệu về việc cấp nhãn thuế cho công xa mang số ẩn tế.

- Tài liệu về việc nhượng xe hơi phế thải do cơ quan bạn viện trợ.

- Tài liệu về việc áp dụng thủ tục thu tiền bảo trì và sửa chữa công xa.

- Hồ sơ bàn giao công xa.

- Tờ trình về việc xin sử dụng xe buýt.

4. Biểu kê tài sản (1973)

- Biểu kê giao máy móc và phụ tùng.

- Các biên bản bàn giao.

5. Tài liệu liên quan đến cơ sở vật chất (1972 - 1973)

- Tài liệu về thủ tục tiếp nhận và kiểm kê tài sản.

- Công văn về việc xin sử dụng một phần kho của M.S.O và yểm trợ việc trang bị cơ sở.

- Tài liệu về tình trạng phòng ốc bị hư hỏng sau các tiếng nổ lớn đêm 14/2/1972.

- Công văn về việc thực tập của sinh viên tại Cơ quan Bảo trì và Tiếp liệu.

- Công văn về công tác xây cất Văn phòng Cơ quan Bảo trì và Tiếp liệu Thủ Đức.

6. Tài liệu về việc di chuyển máy móc thiết bị (1973)

- Công văn về việc chuyển nhượng, di dời máy móc.

- Công văn về việc hủy bỏ cuộc đấu thầu mua sắm dụng cụ máy móc.

- Công văn về việc chuyển máy móc từ Trường Bách Khoa đến Trung tâm Cao đẳng.

7. Hồ sơ hành chính (1970 - 1975)

- Thông tư về nguyên tắc hành chính.

- Công văn xin sử dụng các dấu thuộc Cơ quan Bảo trì Tiếp liệu.

- Thông tư về việc áp dụng danh xưng Bộ VHGDTN.

- Thông tư về việc cải tổ cơ cấu của Bộ và các Nha.

- Tài liệu về nhu cầu giáo sư, phân phối giáo sư.

- Tài liệu về việc điều hành trung tâm.

- Tài liệu về việc phân công phòng vệ dân sự tại Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật.

- Chứng thư thâm niên công vụ, bổ nhiệm, chuyển ngạch, thăng thưởng giáo sư.

PHÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM SÀI GÒN (1971 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 1,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1971 - 1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Biên bản tốt nghiệp và lên lớp qua các năm.
- Biên bản cấp tốc sinh ngữ (Anh, Pháp) (1971 - 1973).
- Bảng điểm cao học (1973 - 1974).
- Số lượng học sinh trong các lớp.

PHÔNG BỘ Y TẾ
(1948 - 30/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 296,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1948 - 30/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Thái
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố, giòn, mủn, rách, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1948, chính quyền của Bảo Đại được thực dân Pháp dựng lên. Ngay sau đó, Quốc trưởng Bảo Đại đã thành lập Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam, đứng đầu Nội các là Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân.

Ngày 25/9/1948, Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân ra Chỉ Dụ số 72 ấn định tổ chức các cơ quan Trung ương thuộc Bộ Y tế Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam[1].

Năm 1950, để phù hợp với tình hình lúc bấy giờ, Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã ban hành Nghị định số 615-YT/XH/VP ngày 26/10/1950 tổ chức lại Bộ Y tế thành Bộ Y tế và Xã hội[2].

Về nhiệm vụ, Bộ Y tế và Xã hội được tăng thêm quyền kiểm soát nhân công, sưu tầm thống kê về lao động, liên lạc với các tổ chức lao động quốc tế; cứu tế xã hội, thanh tra lao động, bài trừ và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

1 Công báo Việt Nam năm 1948, tr. 158.

2 Công báo Việt Nam năm 1950, tr. 669.

Ngày 22/10/1952, Bộ Y tế và Xã hội được tách thành 2 bộ riêng biệt. Do vậy, tổ chức Bộ Y tế được ấn định lại bởi Nghị định số 103-YT/VP ngày 22/10/1955[1]. Theo Nghị định này, tổ chức của Bộ Y tế được quy định như sau:

+ Văn phòng Tổng trưởng được đặt dưới quyền điều khiển của Đổng lý Văn phòng, có 1 Bí thư Trưởng và 2 Tham chính Văn phòng.

+ Nha Giám đốc Hành chính Tổng quát Nhân viên và Kế toán được đặt dưới quyền điều khiển của 1 Giám đốc gồm 1 sở và 4 phòng:

- Sở Pháp chế và sưu tầm tài liệu;

- Phòng Công văn và Văn khố;

- Phòng Kế toán;

- Phòng Nhân viên;

- Phòng Động viên Trưng tập và Kiểm tra.

+ Nha Tổng Giám đốc Y tế và Bệnh viện được đặt dưới quyền điều khiển của 1 Tổng Giám đốc, gồm 3 sở và 1 phòng:

- Sở Y tế Công cộng;

- Sở Bào chế Quốc gia Tiếp dược;

- Sở Vệ sinh Công cộng;

- Phòng Giao thiệp về kỹ thuật.

Theo Sắc lệnh số 145-CP ngày 10/5/1955 thì Bộ Y tế sáp nhập vào Bộ Xã hội với tên gọi mới là Bộ Xã hội và Y tế[2], và Nghị định số 722-HC/NĐ ngày 25/7/1956 đã quy định lại tổ chức hành chính Trung ương tại Bộ này[3].

Theo Sắc lệnh số 154-TTP ngày 9/11/1956, Bộ Y tế được tách ra khỏi Bộ Xã hội và mang danh xưng Bộ Y tế[4].

---

1 Công báo Việt Nam năm 1950, tr. 669.

2 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 378.

3 Hồ sơ số 4162, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

4 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 378.

Nghị định số 228-BYT/PC/NĐ ngày 7/1/1964 về việc thành lập Sở Y tế Hương thôn đặt trực thuộc Nha Đổng lý Văn phòng[1].

Nghị định số 1524- BYT/PC/NĐ ngày 11/5/1964 thiết lập Nha Tổng Thư ký tại Bộ Y tế[2].

Sắc lệnh số 260 -YT ngày 18/9/1964 về việc thiết lập Nha Tổng quản trị Chương trình Phát triển Y tế[3].

Sắc lệnh số 45-SL/YT ngày 18/3/1966[4] và Nghị định số 1683-BYT/PC/NĐ ngày 30/5/1966[5], đã quy định lại chức năng nhiệm vụ của Bộ Y tế.

Theo Sắc lệnh số 115-SL/YT-XH-CT ngày 20/8/1968, Bộ Y tế sáp nhập với Bộ Xã hội và được cải danh với tên gọi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ[6].

Năm 1969, Bộ Y tế được tách khỏi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ. Theo Sắc lệnh số 162-SL/YT ngày 7/11/1969, tổ chức Bộ Y tế gồm có các cơ quan Trung ương và cơ quan địa phương[7].

Năm 1973 - 1974, Chính phủ VNCH tiến hành cải cách hành chính sâu rộng từ Trung ương đến địa phương. Theo đó, Bộ Y tế được tổ chức lại bởi Sắc lệnh số 175-SL/YT ngày 23/7/1974[8]. Theo Sắc lệnh này, Bộ Y tế đặt dưới quyền giám hộ của Tổng trưởng Y tế, gồm có:

**** Cơ quan Trung ương:***

- Văn phòng Tổng trưởng;
- Thanh tra Đoàn;
- Khối Nghiên cứu Chương trình;

---

1 Công báo VNCH năm 1964, tr. 330.
2 Công báo VNCH năm 1964, tr. 1943.
3 Công báo VNCH năm 1964, tr. 3534.
4 Công báo VNCH năm 1966, tr. 3258.
5 Công báo VNCH năm 1966, tr. 1367.
6 Niên giám Hành chính năm 1967, tr. 378.
7 Hồ sơ số 6581, phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa.
8 Hồ sơ số 6581, phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa.

- Khối Chấp hành Trung ương;
- Khối Yểm trợ.

**** Các cơ quan trực thuộc:***

- Viện Quốc gia Y tế Công cộng;
- Viện Truyền máu Quốc gia;
- Các Bệnh viện Quốc gia;
- Các Trung tâm Y tế Toàn khoa;
- Các Trung tâm Huấn luyện Y tế tại các tỉnh;
- Các Trường Huấn luyện chuyên môn tại Trung ương.

**** Các cơ quan thuộc quyền giám hộ của Bộ gồm có:***

- Viện Pasteur Việt Nam;
- Viện Quốc gia Phục hồi.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung: kế hoạch y tế ngắn hạn, dài hạn, báo cáo nguyệt để, tài liệu hội nghị y tế toàn quốc, tài liệu về các chiến dịch y tế, hoạt động của các cơ sở y tế, tài liệu về hoạt động chuyên môn, XDCB, tổ chức, hành chính, tài chính, kế toán,...

PHÔNG BỘ LAO ĐỘNG
(1949 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 200 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật:** một số bị rách, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ Lao động được thành lập do Sắc lệnh số 31-XLN ngày 19/9/1949 ấn định chức chưởng của Bộ trưởng Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động[1].

Năm 1954, Nghị định số 56-LĐTN/NĐ ngày 31/12/1954 bãi bỏ Nghị định tổ chức Bộ Xã hội và Lao động và thay bằng Bộ Lao động và Thanh niên, đồng thời quy định cơ cấu tổ chức của Bộ này như sau[2]:

- Nha Đổng lý Văn phòng;
- Nha Tổng Thư ký;
- Hai nha chuyên môn:
  + Nha Tổng Thanh tra Lao động;
  + Nha Tổng Giám đốc Thanh niên.

Sau đó, tổ chức và chức năng của Bộ này còn được thay đổi nhiều lần qua các văn bản sau:

---

1 Hồ sơ số 4061, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Công báo VNCH năm 1955, tr. 234.

- Theo Nghị định số 31-GD/TN/NĐ ngày 26/11/1955, Nha Tổng giám đốc Thanh niên được đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên.

- Nghị định số 36-BLĐ/HC/NĐ ngày 1/2/1959 ấn định lại tổ chức của Bộ Lao động và Thanh niên[1].

- Nghị định số 72-BLĐ/HC/NĐ ngày 30/5/1964 lại thay đổi tổ chức Bộ Lao động[2].

- Sắc lệnh số 37-SL/LĐ ngày 9/3/1966 và Nghị định số 57/BLĐ/VP/NĐ ngày 15/4/1966[3].

- Sắc lệnh số 137-SL/LĐ ngày 12/10/1968 của Thủ tướng Chính phủ[4].

Cuối cùng, Sắc lệnh số 149-SL/LĐ ngày 4/7/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Lao động như sau[5]:

**** Nhiệm vụ:***

- Thi hành luật lệ lao động.

- Liên lạc với Tổ chức Quốc tế Lao động: thi hành nghĩa vụ quốc gia hội viên đối với tổ chức này.

- Thi hành các Quyết định của Ủy ban Quốc gia Nhân lực trong phạm vi nhân lực và nhân dụng.

- Điều hòa thị trường nhân công, đặc biệt chú trọng việc toàn dụng thương phế binh và cựu quân nhân.

- Tổ chức huấn nghệ công nhân.

- Phát triển chế độ an ninh xã hội cho công nhân.

- Cải thiện và phát triển chế độ an toàn và vệ sinh tại các xí nghiệp, công trường.

- Cải tiến giao tế lao động.

---

1 Công báo VNCH năm 1959, tr. 522.

2 Hồ sơ số 9523, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3 Hồ sơ số 9523, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

4 Hồ sơ số 9523, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

5 Hồ sơ số 9523, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

** Tổ chức:*

Bộ Lao động, đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng Lao động, gồm có các cơ quan Trung ương và các cơ quan địa phương.

1. Các cơ quan Trung ương gồm có:

- Thành phần chỉ đạo;

- Thành phần chuyên môn hành chính.

2. Các cơ quan địa phương gồm có:

- Sở Thanh tra Lao động Đô thành;

- Các Ty Lao động tỉnh, thị xã và liên tỉnh.

Ngoài các cơ quan trên, để kết hợp hoạt động của các cơ quan chuyên môn và hành chính theo chính sách và đường lối của Bộ, một Ủy ban Điều hợp được triệu tập định kỳ và bất thường tùy theo nhu cầu công vụ.

** Ủy ban Điều hợp có nhiệm vụ:*

- Thông đạt mục tiêu, đường lối và chương trình hoạt động của Bộ.

- Tìm hiểu thực trạng, khả năng và tinh thần của nhân viên, những khó khăn mà các cấp gặp phải để tạo sự thông cảm và sự hợp tác của mọi giới, tiếp nhận sáng kiến và đề nghị cải tiến.

- Phát huy sự thông cảm giữa giới chức hoạch định đường lối và giới chức thi hành.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự của Bộ.

- Tài liệu về chương trình, kế hoạch và báo cáo hoạt động của Bộ và các cơ quan trực thuộc.

- Các văn kiện pháp quy về lao động và thi hành luật lệ lao động.

- Tài liệu về thanh tra: hướng dẫn và lượng giá việc thi hành các chương trình công tác của Bộ tại Trung ương và địa phương, đề nghị các biện pháp thưởng, phạt,...

- Tài liệu về thị trường nhân công.

- Tài liệu về việc tổ chức huấn nghệ công nhân, cải thiện và phát triển chế độ an toàn, vệ sinh tại xí nghiệp, công trường, cải tiến chế độ giao tế lao động.

PHÔNG TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO CÔNG VIỆT NAM
(1950 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 3,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1950 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1949, "Hội Bảo vệ Quyền lợi chức nghiệp Thầy thợ các ngành CKN, Thương mại, Canh nông và các nghề tự do" được thành lập. Có thể nói rằng đây là một tổ chức đầu tiên có tính cách nghề nghiệp được thành lập tại Việt Nam sau gần 80 năm bị người Pháp cai trị. Nhưng trên thực tế, Hội này chỉ phát triển chậm chạp trong giới thuộc viên. Cho đến năm 1950, một tổ chức nghề nghiệp nữa được thành lập lấy tên là Liên đoàn Công nhân Tư Sở.

Sau khi thành lập, Liên đoàn Công nhân Tư Sở đã xúc tiến thành lập những nghiệp đoàn đầu tiên tại Sài Gòn - Chợ Lớn, những nghiệp đoàn đó là:

- Nghiệp đoàn Công nhân Khuân vác các Nhà máy gạo Chợ Lớn.
- Nghiệp đoàn Tài công Ghe chài.
- Nghiệp đoàn Tài công và Thủy thủ Sà Lang.
- Nghiệp đoàn thợ hớt tóc.

Nhờ sự giúp đỡ của đại diện Tổng Liên đoàn Lao công Pháp (CFTC), trụ sở của Tổng Liên đoàn Công nhân Tư Sở được đặt tại số 14 đường Lê Văn Duyệt (đường Nguyễn Văn Thinh cũ).

Tháng 10/1951, Liên đoàn Công nhân Tư Sở Việt Nam tham dự hội nghị của HĐQT Tổng Liên đoàn Lao công Quốc tế (C.I.S.C) nhóm tại Viene (Áo) và được thừa nhận là hội viên của tổ chức này.

Tháng 4/1952, Liên đoàn Công nhân Tư Sở đổi tên thành Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam.

* ***Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động:***

Theo bản điều lệ của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam thảo luận và chung quyết ngày 30/10/1974:

- Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam lấy nguyên tắc luân lý xã hội nhân bản làm phương châm hành động.

- Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam theo đuổi mục tiêu:

+ Xây dựng một phong trào nhất trí về nghiệp đoàn, dựa trên nguyên tắc hành động của Tổng Liên đoàn.

+ Đại diện các Nghiệp đoàn và Tổ chức gia nhập trước chính quyền, đoàn thể công hoặc tư trong và ngoài nước.

+ Thực hiện mọi thể chế hữu ích cho phong trào nhằm bảo vệ và thẳng tiến giai tầng công nông.

+ Lập, thương thảo và ký kết cộng đồng Hiệp ước lao động.

+ Thực hiện một lực lượng Liên hiệp chức nghiệp Quốc gia và Quốc tế.

+ Hùn vốn, vay mượn để mua cho thuê, cho mướn hay phân phối cho hộ riêng tất cả những thứ cần thiết cho nghề nghiệp của họ như nguyên liệu, dụng cụ, máy móc, phân bón, hột giống, cây, súc vật và thức ăn cho súc vật.

* ***Về tổ chức:***

Theo Điều 7 Chương 3 của Bản điều lệ, cơ cấu tổ chức của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam gồm:

- Hệ thống dọc: tất cả Liên đoàn chức nghiệp, kỹ nghệ quy tụ đoàn thể Nghiệp đoàn thuộc một nghề hoặc một ngành kỹ nghệ liên hệ trong phạm vi quốc gia.

- Hệ thống ngang: tất cả Liên hiệp địa phương quy tụ toàn thể Nghiệp đoàn thuộc mọi ngành trong phạm vi của từng vị trí địa dư (tỉnh).

* ***Cơ cấu quản trị Trung ương của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam gồm có:***

+ Đại hội Tổng Liên đoàn: là cơ quan quyết định tối cao của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, triệu tập 3 năm một lần.

+ Hội đồng Tổng Liên đoàn: là cơ quan chấp hành các quyết nghị của Đại hội đồng Tổng Liên đoàn gồm các ủy viên thường trực do Đại hội Tổng Liên đoàn bầu cử đích danh theo từng chức vụ trong nhiệm kỳ 3 năm.

+ Văn phòng Tổng Liên đoàn: là cơ quan chấp hành của Hội đồng Tổng Lao động gồm các ủy viên thường trực do Đại hội Tổng Lao động bầu cử đích danh theo từng chức vụ trong nhiệm kỳ 3 năm.

+ Ủy ban Quốc gia: là cơ quan quyết định thu hẹp của Đại hội Tổng Lao động.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu chủ yếu là tài liệu hành chính, nội dung phản ánh hoạt động của Nghiệp đoàn Công nhân Dầu hỏa - Hóa phẩm Việt Nam. Tài liệu của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam và các Nghiệp đoàn khác rất ít. Nội dung của tài liệu gồm có: tài liệu về Đại hội, các phiên họp; tài liệu về tổ chức, lao động, tiền lương, đoàn thể; tài liệu học tập, nghiên huấn; bản tin, lưu công văn.

PHÔNG SỞ LAO ĐỘNG ĐÔ THÀNH SÀI GÒN
(1957 - 15/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** 1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1957 - 15/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn, ố
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Sở Lao động Đô thành Sài Gòn được thành lập theo Nghị định số 36-BLĐ/HC ngày 1/2/1959 của Tổng trưởng Lao động[(1)].

Theo Nghị định này, Sở Lao động Đô thành Sài Gòn có nhiệm vụ kiểm soát việc thi hành các luật lệ lao động, các hoạt động của các xí nghiệp tại Đô thành Sài Gòn, giải quyết các vụ phân tranh lao động.

Tổ chức của Sở Lao động Đô thành Sài Gòn gồm có 4 phòng:

- Phòng Văn thư: có nhiệm vụ tiếp nhận, vào sổ, phân phát, gởi công văn; lưu trữ hồ sơ, thư viện; tập trung và phân phát công văn đánh máy; tập trung, kiểm soát hồ sơ trình ký; các công văn khác; các việc về quản trị nhân viên, quản trị vật liệu, kế toán, các việc hành chính.

- Phòng Kiểm soát: phụ trách kiểm soát việc thi hành luật lệ lao động và an ninh xã hội tại các xí nghiệp; xem xét, kiểm nhận sổ sách lao động; điều tra để thu thập tài liệu thống kê; phụ cấp gia đình,...; kiểm soát hoạt động nghiệp đoàn; kiểm soát việc thi hành luật lệ về đại biểu công nhân; tờ trình định kỳ của Sở.

---

1 Niên giám Hành chính năm 1963, tr. 329.

- Phòng Cá nhân Phân tranh: phụ trách việc hòa giải các tranh chấp lao động; lập hồ sơ tư Tòa án Lao động khi hòa giải không thành; Đại diện công nhân trước Tòa án.

- Phòng Cộng đồng Phân tranh: chịu trách nhiệm thụ lý các vụ cộng đồng phân tranh; hòa giải cộng đồng phân tranh; lập hồ sơ tư Hội đồng Trọng tài khi hòa giải không thành.

Đến năm 1971, để phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và điều kiện phát triển chung của xã hội, tổ chức Sở Lao động tại các địa phương đã được cải danh thành Sở hay Ty Thanh tra Lao động và An ninh Xã hội, các Sở, Ty này đặt trực thuộc Nha Thanh tra Trung ương thuộc Bộ Lao động[1].

Tại Sài Gòn, Sở Thanh tra Lao động và An ninh Xã hội Đô thành được cải tổ lại gồm 5 phòng:

- Phòng Văn thư;
- Phòng Cộng đồng Phân tranh;
- Phòng Cá nhân Phân tranh;
- Phòng Tìm việc;
- Phòng Kiểm soát và Thanh tra Xí nghiệp.

Như vậy, kể từ khi thành lập đến năm 1971, tổ chức của Sở Lao động Đô thành Sài Gòn đã được cải tổ lại, nhiệm vụ của cơ quan này được bổ sung thêm để đáp ứng cho yêu cầu của xã hội. Đây là một cơ quan kiểm soát việc thi hành các luật lệ lao động tại địa phương, sự tồn tại của nó đã góp phần thúc đẩy việc phát triển chung tại Sài Gòn lúc bấy giờ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Dự án ngân sách năm 1961 - 1971.
- Phúc trình hoạt động hàng tuần, hàng tháng.

1 Niên giám Hành chính năm 1971, tr. 318.

- Tài liệu nguyên tắc về nhân viên, kế toán, danh sách nhân viên,...

- Thông tư, Nghị định hướng dẫn các chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Công văn đi năm 1953 - 1962.

- Tài liệu về tranh chấp lao động, tai nạn lao động, về lãng công của giới cần lao; công tác hòa giải, phân tranh lao động,...

- Sổ theo dõi công văn đến.

PHÔNG HÃNG XĂNG DẦU SHELL
(1911 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 20 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1911 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Điều lệ của Công ty Shell Đông Dương và Công ty Shell Việt Nam.

- Tập biên bản họp Đại hội cổ đông Công ty Shell Việt Nam.

- Tập biên bản họp HĐQT Công ty Shell Việt Nam.

- Hồ sơ Đại hội nghiệp đoàn công nhân dầu hỏa và Hóa phẩm Việt Nam với Công ty Shell Việt Nam (1959 - 1974).

- Tập biên bản họp hàng tháng giữa Đại biểu công nhân và Ban Giám đốc Công ty Shell Việt Nam.

- Tập biên bản họp Đại biểu công nhân Công ty Shell Việt Nam.

- Báo cáo hoạt động hàng quý, năm của Công ty Shell Việt Nam và Campuchia.

- Tập lưu công văn đi của Công ty Shell Việt Nam.

- Tập công văn của Công ty Shell Việt Nam gởi các phòng, ban trực thuộc.

- Tập công văn trao đổi giữa Công ty Shell Việt Nam với các đơn vị trực thuộc công ty, với các công ty Shell London, Công ty Shell Hawaii (Mỹ), Hồng Kông, Malaysia, Philipines.

- Tập tài liệu về những thiệt hại do chiến tranh gây ra cho Công ty Shell Việt Nam.

2. Tài liệu về tổ chức

- Tài liệu về việc sát nhập và tách ra giữa hai Công ty Shell Đông Dương và Công ty Shell Việt Nam năm 1956.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy của Công ty Shell Việt Nam và Công ty Shell Campuchia.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự của Công ty Shell Việt Nam và các đơn vị.

- Danh sách, hồ sơ, tập thẻ, phiếu lương, sổ lương nhân viên.

3. Tài liệu về kỹ thuật

- Các bản vẽ, thiết kế kỹ thuật, họa đồ, hồ sơ xây dựng các hạng mục.

- Hồ sơ các trạm xăng tại các đơn vị.

4. Tài liệu về kế toán

- Tập các bản hợp đồng ký kết với các công ty khác.

- Ngoài ra còn một số tài liệu khác.

PHÔNG HÃNG XĂNG DẦU CALTEX
(1946 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 18 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1946 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tập lưu công văn, lưu chứng từ.
- Hồ sơ về việc tuyển dụng nhân viên, sổ đăng ký nhân viên.
- Biên bản, tài liệu về các phiên họp.
- Hồ sơ nhân viên Công ty Caltex Việt Nam.
- Tài liệu về lương, thưởng, trợ cấp cho nhân viên.
- Các báo cáo hoạt động hàng năm của công ty.
- Hồ sơ về các trạm xăng.
- Hồ sơ về việc khai thác dầu hỏa tại Việt Nam.
- Báo cáo bán hàng hàng tháng của Hãng Caltex Việt Nam.
- Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

2. Tài liệu về kế hoạch tài chính, tài vụ

- Kế hoạch tài chính của Caltex Việt Nam và Caltex Campuchia qua các giai đoạn.

- Kế hoạch hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Sổ theo dõi tiền mặt của Caltex Việt Nam.
- Sổ tổng hợp thu chi của Caltex Việt Nam.

PHÔNG HÃNG XĂNG DẦU ESSO, SHELL, CALTEX (1948 - 1976)

* **Số lượng tài liệu:** 6 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1948 - 1976
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Các tạp chí Shell.
- Các bản tin kinh tế (xuất bản hàng tuần tại Anh).
- Các tài liệu kỹ thuật dành riêng cho kỹ sư.
- Các Bản tin nhiên liệu hàng tuần.
- Lịch sử hãng xăng dầu Royal Dutch.

2. Tài liệu về hoạt động chuyên môn.

- Tài liệu hướng dẫn lập trạm xăng, tiếp thị và đầu tư sản phẩm, sử dụng bồn chứa nhiên liệu, sử dụng màu sắc các dụng cụ của hãng dầu Shell.
- Bảng giá nhiên liệu tại các tỉnh miền Nam Việt Nam.
- Khung phân loại tài liệu của hãng.
- Phương pháp tính hao hụt nhiên liệu.

- Dự thảo khung pháp loại quản trị hành chính.

- Các biện pháp an toàn PCCC nhiên liệu và để phòng tai nạn.

- Cẩm nang, sổ tay nhiên liệu Shell.

- Tập san petroleum Interligence.

- Báo cáo hàng năm về chuyên chở của hãng Shell.

- Kỹ thuật plastics trong các thiết bị của Shell.

- Danh mục sản phẩm bằng cao su tổng hợp do hãng Shell sản xuất.

- Tiêu chuẩn các thiết bị và dụng cụ của Shell.

- Cẩm nang đóng gói nhiên liệu ESSO.

- Bảng kê các hãng xăng Caltex tại các nước châu Á Thái Bình Dương.

- Tập tài liệu các trạm xăng Caltex tại Cần Thơ.

- Sổ đăng ký bồn bể của hãng ESSO tại các quốc gia trên thế giới.

- Danh mục nhiên liệu của hãng ESSO.

- Các bản vẽ kỹ thuật của hãng Shell và ESSO.

TÀI LIỆU THỜI KỲ CÁCH MẠNG

PHÔNG BỘ Y TẾ XÃ HỘI VÀ THƯƠNG BINH (1970 - 1976)

* **Số lượng tài liệu:** 67 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1970 - 1976
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** ố vàng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập vào ngày 6/6/1969. Ngày 11/6/1970, Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời ban hành Nghị định số 69/NĐ-PCT quy định nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh như sau[1]:

Bộ Y tế Xã hội và Thương binh là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, chủ trương của Chính phủ về công tác y tế, xã hội và thương binh.

Bộ Y tế Xã hội và Thương binh do Bộ trưởng phụ trách, có các Thứ trưởng giúp việc. Bộ máy của Bộ gồm:

- Vụ Phòng bệnh - Chữa bệnh;
- Vụ Xã hội - Thương binh;
- Vụ Tổ chức - Tuyên huấn;
- Cục quản lý Dược;
- Phòng Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em.

1 Hồ sơ số 36, phông Bộ Y tế Xã hội và Thương binh.

- Phòng Đông y;

- Văn phòng Bộ;

- Thanh tra của Bộ.

Ở cấp thành phố, khu, tỉnh, huyện,... bộ máy y tế xã hội và thương binh chịu sự lãnh đạo của chính quyền các cấp: đó là các sở ở thành phố và khu, ở cấp tỉnh và phân khu là ty và phòng ở cấp huyện,...

Tháng 4/1976, hoạt động của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh đã khép lại và chuyển sang một thời kỳ mới với sự kiện lịch sử "Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước ngày 25/4/1976".

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Kế hoạch và báo cáo của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh và các Ban Y tế, Dân y vùng, miền.

- Các cuộc họp của Văn phòng Bộ Y tế.

- Tập lưu công văn, công vụ lệnh,...

2. Tài liệu tổ chức

- Tài liệu về hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

- Tài liệu về công tác tuyên huấn.

- Tài liệu về hoạt động của địch trong địa bàn hoạt động của các cơ quan cách mạng.

- Tài liệu về công tác tiếp quản, công quản.

- Thống kê danh sách nhân viên y tế chế độ cũ ra trình diện và học tập cải tạo.

- Hồ sơ cá nhân của nhân viên y tế chế độ cũ.

- Tài liệu về hoạt động của các bệnh viện và các cơ sở y tế ở miền Nam sau ngày giải phóng.

- Tài liệu về việc quản lý nhà, đất và các cơ sở y tế của ngành y tế và thương binh xã hội.

- Tài liệu về công tác tổ chức bộ máy (kiện toàn tổ chức của Văn phòng Bộ Y tế và các cơ quan, đơn vị trực thuộc).

- Tài liệu về công tác tổ chức nhân sự (tuyển dụng, điều động, thuyên chuyển, nâng xếp lương, đào tạo,...).

PHÔNG LIÊN HIỆP CUNG ỨNG VẬT TƯ KHU VỰC II (20/5/1980 - 12/1985)

* **Số lượng tài liệu:** 50 mét
* **Thời gian tài liệu:** 20/5/1980 - 12/1985
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý**: chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II được thành lập theo Quyết định số 156/CP ngày 20/5/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc sửa đổi tổ chức bộ máy quản lý cung ứng vật tư của Bộ Vật tư[1].

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II ngày 17/5/1980[2] và Quyết định số 127/VT-QĐ ngày 30/5/1980[3] của Bộ Vật tư, thì Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II có nhiệm vụ:

- Cung ứng vật tư cho các đơn vị tiêu dùng và các huyện trong địa bàn được phân công theo chỉ tiêu kế hoạch và quy định của Nhà nước.

- Tổ chức nắm nhu cầu vật tư, khả năng sản xuất, xuất, nhập khẩu vật tư của các đơn vị, tổ chức trong khu vực để có kế hoạch đặt hàng.

---

1 Hồ sơ số 393, phông Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

2 Hồ sơ số 393, phông Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

3 Hồ sơ số 393, phông Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

- Tổ chức thu mua, khai thác triệt để nguồn vật tư sản xuất trong khu vực, vật tư tồn kho, phế liệu,... để tạo nguồn vật tư đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng trong khu vực.

- Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ KHKT trong lĩnh vực kinh doanh và cung ứng vật tư.

- Có trách nhiệm giúp Bộ và UBND các tỉnh, thành phố quy hoạch mạng lưới kinh doanh, cung ứng vật tư trong khu vực phụ trách trên cơ sở quy hoạch chung của ngành cũng như của địa phương.

Cơ cấu tổ chức của Liên hiệp bao gồm:

- Các phòng, ban nghiệp vụ: Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Kế toán - Tài vụ - Thống kê, Phòng Giá, Phòng Tổ chức Cán bộ và LĐTL, Phòng Kỹ thuật - Quản lý kho - XDCB, Phòng HCQT, Phòng Vật tư nội bộ, Ban Bảo vệ, Phòng Cung ứng Thiết bị Phụ tùng, Phòng Cung ứng Kim khí, Phòng Cung ứng Hóa chất Vật liệu Điện và Dụng cụ Cơ khí, Phòng Gia công Thu mua.

- Các đơn vị trực thuộc Liên hiệp: Công ty Phế liệu Kim khí, Chi nhánh Vật tư KHKT, Xí nghiệp Vận tải, Xí nghiệp Sửa chữa Xe máy, Viện Điều dưỡng và 16 Công ty Vật tư Tổng hợp tại các tỉnh, đặc khu từ Phú Khánh đến Minh Hải.

Ngày 1/1/1986, Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II chính thức giải thể và chuyển giao toàn bộ tổ chức, nhiệm vụ sang các Tổng Công ty ngành hàng thuộc Bộ Vật tư[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu về công tác tổ chức bộ máy (thành lập, giải thể, kiện toàn tổ chức,...).

- Tài liệu về công tác tổ chức nhân sự (tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, khen thưởng, nâng lương,...).

---

1 Hồ sơ số 393, phông Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

- Tài liệu về công tác thanh tra, bảo vệ, PCCC, chống tiêu cực, tham nhũng.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Liên hiệp II và các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về công tác kinh doanh, cung ứng vật tư.

- Tài liệu về công tác tài chính kế toán.

PHÔNG VĂN PHÒNG II BỘ VẬT TƯ
(1976 - 1983)

* **Số lượng tài liệu:** 1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1976 - 1983
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, mối mọt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Văn phòng II Bộ Vật tư được thành lập theo Quyết định số 47/VT-QĐ ngày 15/1/1977 của Bộ Vật tư[1]. Theo Quyết định này, Văn phòng II Bộ Vật tư có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi chức năng của Văn phòng Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu chỉ đạo: tập quyết định, chỉ thị, công văn của Hội đồng Chính phủ, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ.

- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của cơ quan.

- Tài liệu XDCB.

- Tập lưu công văn đi, đến.

- Tài liệu về nhân sự: tuyển dụng, điều động, thăng chức, lương bổng,...

1 Hồ sơ số 31, phông Văn phòng II Bộ Vật tư.

PHÔNG CÔNG TY VẬT TƯ THỨ LIỆU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1975 - 1995)

* **Số lượng tài liệu:** 0,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1975 - 1995
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở tiếp quản các đơn vị của chế độ cũ, chủ yếu là 2 đơn vị Cơ quan Tiếp vận Trung ương và Việt Nam Vận tải Công ty, gọi chung là Công ty Vật tư Phế liệu miền Nam[1].

Theo Quyết định số 266/TC/QĐ, ngày 24/7/1975 của Tổng Công ty Vật tư với tên gọi là Công ty Phế liệu miền Nam trực thuộc Tổng cục Vật tư.

Tháng 11/1976, Công ty Vật tư Phế liệu miền Nam đổi tên thành Công ty Phế liệu Khu vực II trực thuộc Tổng Công ty Kim khí thuộc Bộ Vật tư.

Ngày 18/12/1980, Công ty Phế liệu Khu vực II được chuyển sang trực thuộc Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II thuộc Bộ Vật tư và đổi thành Công ty Phế liệu Kim khí[2].

---

1 Hồ sơ số 01, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Hồ sơ số 09, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 408/VT-QĐ ngày 6/9/1985 đổi tên Công ty Phế liệu Kim khí thành Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Công ty Vật tư Thứ liệu Trung ương - Bộ Vật tư[1].

- Quyết định số 1278 ngày 12/12/1990 của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp, Công ty Vật tư Thứ liệu Trung ương sát nhập với Tổng Công ty Kim khí (bao gồm các đơn vị trực thuộc).

Ngày 28/5/1993, Bộ Thương mại ra Quyết định số 602/TM-TCCB thành lập doanh nghiệp nhà nước Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Kim khí - Bộ Thương mại[2].

Ngày 10/10/1993, với Quyết định số 549/TTg của Thủ tướng Chính phủ, hợp nhất Tổng Công ty Thép và Tổng Công ty Kim khí (bao gồm các đơn vị trực thuộc) thuộc Bộ Công nghiệp nặng thành Tổng Công ty thép Việt Nam - Bộ Công nghiệp nặng.

Ngày 25/12/1995, Quyết định số 457 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp sáp nhập Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp với Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Thiết bị Công nghiệp từ ngày 1/1/1996[3].

Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh qua nhiều lần đổi tên và sáp nhập từ năm 1975 đến năm 1995, nhưng tổ chức và nhiệm vụ của Công ty vẫn không thay đổi, cụ thể như sau:

* ***Tổ chức:***

- Đứng đầu Công ty là Giám đốc. Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Thương mại và Du lịch bổ nhiệm. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty theo nguyên tắc thủ trưởng và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty Kim khí, Bộ Thương mại và Du lịch về kết quả SXKD của Công ty. Giúp việc cho Giám đốc còn có các Phó Giám đốc và các Phòng ban sau:

---

1 Hồ sơ số 101, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Hồ sơ số 101, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

3 Hồ sơ số 101, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phòng Tổ chức Hành chính;

+ Phòng Kinh doanh;

+ Phòng Kế toán Tài vụ;

+ Các đơn vị trực thuộc Công ty: các xí nghiệp, cửa hàng,...

* ***Chức năng:***

- Khai thác, tận dụng các nguồn vật tư thứ liệu để tạo thêm ra vật tư nguyên liệu, sản phẩm và góp phần thực hiện lưu chuyển các mặt hàng kim khí chính phẩm của ngành, đáp ứng tốt cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội trong và ngoài nước.

* ***Nhiệm vụ:***

- Tổ chức điều tra, khảo sát tìm các nguồn vật tư thứ liệu và kim khí cũng như nhu cầu tiêu thụ, làm căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được giao về cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động,... để nâng cao năng suất, đảm bảo tự trang trải về tài chính. Quản lý và sử dụng đúng nguồn vốn theo chế độ hiện hành.

- Tổ chức tốt hoạt động SXKD từ việc thu mua, khai thác, vận chuyển, phân loại chọn lọc, gia công tái chế, phục hồi,... và tiêu thụ. Thường xuyên nghiên cứu KHKT, đầu tư, cải tiến nhằm mở rộng mặt hàng, tiết kiệm nguyên vật liệu.

- Ký kết các hợp đồng kinh tế.

- Chấp hành các chế độ, chính sách của Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi đối với cán bộ, công chức, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, chăm lo cải thiện đời sống cho CBCNV.

-Tổ chức tốt công tác an toàn bảo hộ lao động, giữ gìn an ninh, trật tự trong cơ quan và môi trường xung quanh, bảo vệ an toàn tài sản XHCN.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm 2 dạng: tài liệu hành chính chiếm số lượng ít như: kế hoạch, báo cáo, tài liệu chỉ đạo của cấp trên; tài liệu chứng từ kế toán tài vụ chiếm số lượng lớn trong phông.

Các tài liệu trên lưu trữ không đầy đủ, các báo cáo hoạt động năm, báo cáo quyết toán năm thiếu nhiều, nhật ký sổ cái cũng không đủ,...

PHÔNG CÔNG TY VẬT TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP (1977 - 1995)

* **Số lượng tài liệu:** 0,28 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1977 - 1995
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp trước đây là Xí nghiệp Vật tư Vận tải được thành lập theo Quyết định số 451/CL-CB ngày 2/6/1977 của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim và được đặt trực thuộc Công ty Cơ khí[1].

Ngày 16/9/1990, với Quyết định số 328/QĐ-CNNG-TCNS của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, chuyển giao Xí nghiệp Vật tư Vận tải về trực thuộc cơ quan thường trực của Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Xí nghiệp Vật tư Cơ khí Tổng hợp[2].

Quyết định số 217/QĐ/TCNSĐT ngày 5/5/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng thành lập lại Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp[3]. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 2B Phạm Ngọc Thạnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

---

1 Hồ sơ số 32, phông Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp.

2 Hồ sơ số 32, phông Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp.

3 Hồ sơ số 32, phông Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp.

Đến năm 1995, Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp sáp nhập với Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 457 ngày 25/12/1995[1] thành Công ty Thiết bị Công nghiệp. Công ty mới chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 1/1/1996.

**** Tổ chức của bộ máy Công ty gồm:***

- Phòng Tổ chức Hành Chính.
- Phòng Kinh doanh.
- Phòng Tài vụ.
- Phòng Kho vận.

* ***Chức năng:***

Kinh doanh vật, tư thiết bị công nghiệp, máy móc phục vụ nông nghiệp, xuất nhập khẩu vật tư máy móc, thiết bị công nghiệp.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần của tài liệu trong phông gồm 2 dạng: tài liệu hành chính chiếm số lượng ít như: kế hoạch, báo cáo, tài liệu chỉ đạo của cấp trên. Chiếm số lượng lớn trong phông là các chứng từ kế toán tài vụ. Các tài liệu trên lưu trữ không đầy đủ, các báo cáo hoạt động năm, báo cáo quyết toán năm thiếu nhiều, nhật ký sổ cái cũng không đủ.

1 Hồ sơ số 101, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

PHÔNG CÔNG TY KINH DOANH THÉP VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP (1996 - 2003)

* **Số lượng tài liệu:** 0,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1996 - 2003
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 25/12/1995, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 457 sáp nhập Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp và Công ty Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp từ ngày 1/1/1996[(1)].

Ngày 7/6/2000, HĐQT Tổng Công ty Thép Việt Nam ban hành Quyết định số 900/2000/QĐ/H/TC đổi tên Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp thành Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp.

Ngày 12/11/2003, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

---

1 Hồ sơ số 101, phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp có thời gian hoạt động liên tục từ năm 1996 đến năm 2003 thì ngừng hoạt động.

**** Chức năng nhiệm vụ:***

- Tổ chức kinh doanh, sản xuất, gia công và chế biến kim khí chính phẩm, vật tư thứ liệu, ứ đọng và các loại máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của các ngành, địa phương trong cả nước và xuất nhập khẩu.

- Tổ chức kinh doanh vật tư thứ liệu nhằm tạo vật tư thứ liệu.

- Nghiên cứu và cụ thể hóa các chế độ, chính sách đối với người lao động, tổ chức và quản lý lao động.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và địa phương nơi trú đóng theo quy định của Nhà nước.

**** Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:***

+ Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu:

  - Cửa hàng 252B Lý Thường Kiệt.

  - Cửa hàng 813A xa lộ Hà Nội - Thủ Đức.

+ Phòng Tổ chức Hành chính.

+ Phòng Tài chính Kế toán.

+ Các đơn vị trực thuộc:

  - Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 1;

  - Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 2.

  - Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 3.

  - Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 4.

  - Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 5.

  - Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 6.

- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 7.
- Xí nghiệp Kinh doanh sửa chữa và bảo hành xe máy (Xí nghiệp số 8).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm 2 dạng: tài liệu hành chính chiếm số lượng ít như: kế hoạch, báo cáo, tài liệu chỉ đạo của cấp trên; tài liệu chứng từ kế toán tài vụ chiếm số lượng lớn trong phông.

Các tài liệu trên lưu giữ không đầy đủ, các báo cáo hoạt động năm, báo cáo quyết toán năm thiếu nhiều, nhật ký sổ cái cũng không đủ.

PHÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1975 - 2005)

* **Số lượng tài liệu:** 1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1975 - 2005
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh với tên gọi ban đầu là Công ty Kim khí miền Nam được tách khỏi Công ty Kim khí - Thiết bị Phụ tùng theo Quyết định số 517/VT-QĐ ngày 30/12/1975[1]. Theo Quyết định này thì Công ty Kim khí miền Nam chịu trách nhiệm quản lý cung ứng các mặt hàng kim khí (kim khí đen, kim khí màu và các vật liệu hàn).

Quyết định số 765/VT-QĐ ngày 19/10/1976 chuyển Công ty Kim khí miền Nam về trực thuộc Tổng Công ty Kim khí của Bộ Vật tư[2].

Ngày 4/11/1976, theo Quyết định 827/VT-QĐ của Bộ Vật tư, Công ty Kim khí miền Nam đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II thuộc Tổng Công ty Kim khí[3].

---

1 Hồ sơ phông Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Hồ sơ số 31, phông Văn phòng II Bộ Vật tư.

3 Hồ sơ phông Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 1985, Quyết định số 746/VT-QĐ ngày 20/12/1985 của Bộ Vật tư đổi tên Công ty Kim khí Khu vực II thành Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Vật tư[1].

Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và tổ chức lại theo Quyết định số 595/TM-TCCB ngày 28/5/1993 của Bộ Thương mại[2].

Năm 1994 Tổng Công ty Kim khí trực thuộc Bộ Thương mại được chuyển sang trực thuộc Bộ Công nghiệp.

Ngày 21/11/1997 Tổng Công ty Thép Việt Nam ra Quyết định số 2042 QĐ/HĐQT về việc ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định này, Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập, đơn vị thành viên Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Quyết định số 183/2003/QĐ-BCN ngày 12/11/2003 của Bộ Công nghiệp về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị công Nghiệp vào Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Quyết định số 284/QĐ-BCN ngày 7/9/2005 của Bộ Công nghiệp chuyển Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian hoạt động liên tục từ năm 1975 đến tháng 9 năm 2005.

**** Tổ chức:***

- Ban Giám đốc;
- Các Phòng Nghiệp vụ:
  + Phòng Tổ chức - Hành chính;
  + Phòng Kế hoạch - Kinh doanh;

---

1 Hồ sơ phông Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Hồ sơ phông Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phòng Kế toán - Tài chính;

+ Phòng Đầu tư - Phát triển.

Ngoài các phòng chuyên môn, Công ty còn có các Xí nghiệp và Tổng kho trực thuộc.

Công ty có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Kinh doanh kim khí, kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của ngành thép và các ngành công nghiệp khác.

- Xây dựng mạng lưới kinh doanh và tổ chức thực hiện việc kinh doanh kim khí, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của ngành thép và các ngành công nghiệp khác.

- Tổ chức sản xuất, gia công hoặc liên doanh, liên kết với các đơn vị khác trong và ngoài nước để sản xuất các sản phẩm bằng thép.

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận chuyển, kho bãi, nhà xưởng, các hoạt động phụ trợ phục vụ SXKD và các dịch vụ, đại lý, ký gửi các mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề khác ngoài danh mục đã đăng ký nếu được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung.

- Nghiên cứu khả năng tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước để mở rộng và phát triển kinh doanh.

Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật; có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn do Công ty quản lý; có con dấu và được mở tài khoản tại Ngân hàng trong nước và nước ngoài tại Việt Nam,...

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu kế toán: chứng từ thu - chi, chứng từ cấp hàng kim khí cho các đơn vị, hợp đồng cung ứng vật tư, các loại sổ sách kế toán, kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán,...

- Tài liệu kế hoạch - kinh doanh: chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh, chứng từ hàng tàu, lệnh vận chuyển, cấp xuất hàng,...

- Tài liệu hành chính chiếm số lượng không nhiều, chủ yếu là các tập lưu công văn, các tài liệu liên quan đến tổ chức, LĐTL,...

PHÔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN (1976 - 1980)

* **Số lượng tài liệu:** 1,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1976 - 1980
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** một số hiện bị mờ mực và ố vàng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1976, Công ty Hóa chất Vật liệu Điện miền Nam là đơn vị trực thuộc Tổng cục Vật tư - Bộ Vật tư.

Năm 1977, Công ty Hóa chất Vật liệu Điện miền Nam được đổi tên thành Công ty Hóa chất Vật liệu Điện Khu vực II trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Vật liệu Điện và sau đó là Tổng Công ty Hóa chất Vật liệu Điện và Dụng cụ Cơ khí - Bộ Vật tư.

Nhiệm vụ của Công ty là quản lý kinh doanh và cung ứng vật tư kỹ thuật mặt hàng hóa chất và vật liệu điện cho các đơn vị và 14 Công ty Vật tư các tỉnh phía Nam: Lâm Đồng, Thuận Hải, Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Cửu Long, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải.

Ngày 30/5/1980, theo Quyết định số 127/VT-QĐ của Bộ Vật tư, Công ty Hóa chất Vật liệu Điện Khu vực II được chuyển thành Công ty Hóa chất Vật liệu Điện[1] trực thuộc Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

---

1 Hồ sơ số 393, phông Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

Tháng 12/1980, với Quyết định số 793/VT-QĐ ngày 11/12/1980 của Bộ Vật tư về việc tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II, thì Công ty Hóa chất Vật liệu Điện chính thức bị giải thể[1]. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty chuyển về các phòng chức năng của Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu của các cơ quan cấp trên về công tác quản lý cung ứng vật tư, cải tạo công thương nghiệp và công tác tài chính kế toán.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Công ty.

- Báo cáo tổng kết công tác hàng năm.

- Báo cáo kế hoạch cung ứng hóa chất, vật liệu điện của Công ty Vật tư các tỉnh.

1 Hồ sơ số 393, phông Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

PHÔNG XÍ NGHIỆP LIÊN HIỆP RƯỢU BIA NƯỚC GIẢI KHÁT II (1976 - 1993)

* **Số lượng tài liệu:** 17,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1976 - 1993
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngay sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Bộ Lương thực và Thực phẩm đã có Quyết định số 128e/LTTP-TC ngày 12/8/1976 về việc thành lập Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam[1].

Trên cơ sở tổ chức của Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam, ngày 18/6/1981, Bộ Công nghiệp Thực phẩm đã ra Quyết định số 625-CNTP/TCQ về việc chuyển Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam thành XNLH Rượu Bia Nước giải khát II[2].

Sau một thời gian hoạt động, để đơn giản hóa công tác quản lý, Bộ Công nghiệp nhẹ đã có Quyết định số 990/CNN-TCLĐ ngày 15/10/1993 về việc giải thể XNLH Rượu Bia Nước giải khát II và sáp nhập Văn phòng XNLH Rượu Bia Nước giải khát II vào Công ty Bia Sài Gòn[3].

---

1 Hồ sơ số 03, phông XNLHRBNGKII.

2 Hồ sơ số 150, phông XNLHRBNGKII.

3 Hồ sơ số 1048, phông XNLHRBNGKII.

Nhiệm vụ của Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam và sau này là XNLH Rượu Bia Nước giải khát II được quy định như sau:

- Có nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật tài chính 5 năm và kế hoạch hàng năm.

- Chịu trách nhiệm trước Bộ về toàn bộ hoạt động SXKD.

- Được Bộ ủy nhiệm và giao nhiệm vụ quản lý ngành từ khâu nguyên liệu đến chế biến ra các loại sản phẩm bảo đảm chất lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu theo kế hoạch nhà nước, phạm vi hoạt động từ Nghĩa Bình đến Minh Hải.

- Giúp Bộ nghiên cứu các chính sách, chế độ, biện pháp về hợp tác kinh tế, KHKT với nước ngoài. Tổ chức nghiên cứu KHKT và ứng dụng vào sản xuất.

- Trực tiếp xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCNV, quản lý CBCNV theo sự phân cấp của Bộ. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Sản xuất, mua bán các loại bia, cồn - rượu, nước giải khát, các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát và lương thực thực phẩm; kinh doanh vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát, lương thực, thực phẩm; xuất nhập khẩu các loại: sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng; hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát; cung cấp các dịch vụ đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, sửa chữa bảo trì về ngành bia - rượu - nước giải khát và lương thực thực phẩm.

Cơ cấu tổ chức của XNLH Rượu Bia - Nước giải khát II gồm có:

- Tổng Giám đốc điều hành chung và chịu trách nhiệm trước Bộ, giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Giám đốc.

- Các đơn vị sản xuất và phục vụ sản xuất bao gồm:

+ Nhà máy Rượu Bình Tây;

+ Nhà máy Bia Sài Gòn;

+ Nhà máy Nước ngọt Chương Dương;

+ Nhà máy Nước ngọt Hậu Giang;

+ Nhà máy Nước đá Sài Gòn;

+ Xưởng Cơ khí Rượu Bia;

+ Xưởng Sửa chữa ôtô Khánh Hội.

Các đơn vị trên hoạt động theo kế hoạch của XNLH, thực hiện chế độ hạch toán nội bộ, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, được Tổng Giám đốc ủy quyền mở tài khoản chuyên chi, và tài khoản chuyên thu và được giao dịch trong phạm vi cần thiết để bảo đảm cho hoạt động SXKD của đơn vị. Đối với đơn vị ở xa, có thể được thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập do Tổng Giám đốc XNLH quyết định.

- Các phòng chức năng quản lý gồm:

+ Phòng Kế hoạch;

+ Phòng Kỹ thuật;

+ Phòng KCS;

+ Phòng Vật tư;

+ Phòng Tiêu thụ;

+ Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính;

+ Phòng Tổ chức Lao động;

+ Văn phòng.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổ chức

- Tài liệu về tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ của Liên hiệp và các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về bàn giao, tiếp quản hãng BGI.

- Tài liệu về cải tạo, sản xuất ngành bia, rượu, nước giải khát.

- Báo cáo về tăng giảm lao động.

2. Kế hoạch

- Tài liệu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị.

- Kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về việc sửa chữa và xây dựng các công trình.

- Tài liệu về phương án xây dựng các đơn vị.

- Luận chứng KHKT của các đơn vị.

- Hợp tác lao động với nước ngoài.

3. Kế toán

- Tài liệu về bàn giao tài sản của các đơn vị.

- Tài liệu về TSCĐ của các đơn vị.

- Báo cáo về thu, chi của Liên hiệp và các đơn vị trực thuộc.

- Bảng kiểm kê TSCĐ của Công ty Rượu Bia miền Nam.

- Tài liệu về công tác quản lý tài sản nhà cửa.

- Tài liệu về tổng kết tài sản.

- Tài liệu về điều động tài sản.

- Báo cáo quyết toán của các đơn vị.

- Tài liệu về giao vốn cho các đơn vị.

4. Kỹ thuật

- Tài liệu về quản lý kỹ thuật, nghiên cứu, kế hoạch, thống kê sản phẩm công nghiệp.

- Tập bản vẽ các thiết bị máy móc của các đơn vị.

5. KCS

- Tài liệu về dụng cụ đo lường.

6. Vật tư

- Tài liệu về cung cấp vật tư, nguyên liệu.
- Tài liệu về phân bổ vật tư cho các đơn vị.

7. Tiêu thụ

- Báo cáo về tiêu thụ sản phẩm.

8. Văn phòng

- Tài liệu về công tác thanh tra, pháp chế, bảo vệ.
- Tài liệu về thi đua khen thưởng, khen thưởng sáng kiến.
- Tài liệu hướng dẫn về công tác lưu trữ.

PHÔNG TỔNG CÔNG TY BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (1979 - 2007)

* **Số lượng tài liệu:** 1,25 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1979 - 2007
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn có tên thương mại là Sabeco, được thành lập theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN ngày 6/5/2013 của Bộ Công nghiệp, trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển một số đơn vị như: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương, Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.

Ngày 1/6/1977 Tổng Công ty Rượu Bia miền Nam chính thức tiếp nhận và quản lý Nhà máy Bia Chợ Lớn từ hãng BGI và hình thành nên Nhà máy Bia Sài Gòn.

Năm 1988, Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc XNLH Rượu Bia Nước giải khát II.

Về nhiệm vụ của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn:

- Sản xuất, mua bán các loại bia, cồn, rượu, nước giải khát, các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát cho ngành lương thực thực phẩm.

- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát, lương thực, thực phẩm;

- Xuất nhập khẩu các loại: sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng; hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát;

- Cung cấp các dịch vụ đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, sửa chữa bảo trì về ngành Bia - Rượu - Nước giải khát và lương thực thực phẩm;

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch, triển lãm, thông tin, quảng cáo;

- Đầu tư kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, dịch vụ;

- Đầu tư kinh doanh tài chính, ngân hàng, chứng khoán, quỹ đầu tư, bảo hiểm. Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 97/2003/QĐ-BCN ngày 6/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, ngày 3/5/2004 HĐQT Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn đã ban hành Quyết định số 36/2004/QĐ-HĐQT quy định về "Quy chế, chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban, phân xưởng trực thuộc Tổng Công ty".

Theo đó cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty gồm các phòng, ban, phân xưởng trực thuộc:

- Phòng HCQT;

- Phòng Tổ chức LĐTL;

- Phòng Kế hoạch Tổng hợp;

- Phòng Tài chính Kế toán;

- Phòng Kỹ thuật;

- Phòng Cung ứng;

- Phòng Bảo đảm chất lượng;

- Phòng Tiêu thụ thị trường;

- Ban đầu tư XDCB;

- Phân xưởng bảo trì;

- Phân xưởng động lực;

- Phân xưởng lên men;

- Phân xưởng nấu bia;

- Phân xưởng chiết bia.

Năm 2004, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn Sabeco chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Hiện nay Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn Sabeco có tổng cộng 28 thành viên.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu: chương trình, kế hoạch, chỉ tiêu, báo cáo công tác, tổ chức bộ máy, hồ sơ nhân sự, báo cáo quyết toán, chứng từ thu chi, công tác quản lý kỹ thuật.

PHÔNG TỔNG CỤC CAO SU
(1975 - 1989)

* **Số lượng tài liệu:** 89,6 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1975 - 1989
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng cục Cao su là đơn vị có lịch sử hình thành phông tương đối phức tạp. Căn cứ Quyết định số 52/CP ngày 11/3/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc sửa đổi một số tổ chức của Bộ Nông nghiệp, trong đó có việc chuyển Tổng cục Cao su thành Tổng Công ty Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp[1]. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp đã có Quyết định số 216/NN-TC-QĐ ngày 23/7/1977 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng Công ty Cao su Việt Nam[2].

Đến năm 1980, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 30 và 31/1/1980, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 93-CP ngày 24/3/1980 về việc thành lập Tổng cục Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp[3].

---

1 Hồ sơ số 943, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 676, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

3 Hồ sơ số 943, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

Ngày 19/2/1981, Ban Thường vụ Quốc hội khóa 6 đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn việc thành lập Tổng cục Cao su trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 159/CP ngày 14/4/1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Cao su[1].

Năm 1990, thực hiện Nghị quyết số 244/HĐNN ngày 31/3/1990 của Hội đồng Nhà nước[2] và Chỉ thị số 113/CT ngày 5/4/1990 của HĐBT[3] Tổng cục Cao su bị giải thể, phần quản lý nhà nước ngành cao su được chuyển sang Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm, Văn phòng Tổng cục Cao su được sáp nhập vào Văn phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam. Như vậy, Tổng cục Cao su tồn tại và hoạt động đến năm 1990.

Về chức năng và nhiệm vụ, Tổng cục Cao su là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành cao su trong cả nước, xây dựng và phát triển sản xuất cao su theo đúng chính sách luật pháp của Nhà nước, bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất cao su phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổ chức (1975 - 1987)

- Danh sách CBCNV các đơn vị trực thuộc.
- Báo cáo thống kê về nhân viên.
- Tổ chức bộ máy của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc.
- Phương hướng xây dựng các công ty cao su mới ở Tây Nguyên.
- Tài liệu của Tổng cục về việc thực hiện chế độ chính sách.

1 Hồ sơ số 943, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 944, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

3 Hồ sơ số 944, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với các liệt sĩ, gia đình chính sách.

- Giải quyết chế độ hưu trí cho cán bộ.

- Tài liệu về khen thưởng kháng chiến trong ngành cao su, khen thưởng công tác.

- Tài liệu đề nghị khen thưởng cho chuyên gia, quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia.

- Xác nhận đảng viên cho cán bộ nhân viên, xác nhận lý lịch.

- Tài liệu kỷ luật.

- Tài liệu về thanh tra các vụ việc.

- Cải tiến chế độ, chính sách LĐTL trong ngành cao su.

2. Lao động tiền lương (1975 - 1987)

- Tài liệu về tiêu chuẩn phân cấp bậc kỹ thuật, lao động và chức danh ngành nghề thuộc ngành cao su.

- Bảng tổng hợp chức danh nghề nghiệp.

- Tài liệu về việc giao và điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch LĐTL cho các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch LĐTL của Tổng cục Cao su.

- Bảng tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch của Tổng cục Cao su.

- Báo cáo về tình hình nhân lực và tiền lương của Tổng Công ty hàng quý, hàng năm.

- Báo cáo về tăng giảm lao động của Tổng cục hàng quý, hàng năm.

- Tập Quyết định về việc nâng, xếp, điều chỉnh lương nhân viên của Tổng cục và các đơn vị.

- Tài liệu về việc phân bổ lao động, điều động lao động dân cư vào các nông trường cao su.

- Kế hoạch, báo cáo của Tổng cục và các đơn vị trực thuộc về việc tuyển lao động.

- Tài liệu về kỹ thuật an toàn nồi hơi của Tổng cục và các công ty.

- Báo cáo thống kê về tai nạn lao động.

- Quy định về chế độ trả lương khoán, lương sản phẩm và thưởng trong ngành cao su.

3. Văn phòng (1975 - 1987)

- Tập lưu công văn đi.

- Tập lưu báo cáo, biên bản họp.

- Tập lưu Quyết định về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự của các Vụ, Phòng, Ban trực thuộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác hàng quý, năm của Tổng cục.

- Đề án xây dựng ngành cao su của Tổng cục Cao su.

- Tài liệu về việc phân phối quản lý nhà ở cho CBCNV thuộc Tổng cục Cao su.

4. Đào tạo (1976 - 1986)

- Tài liệu của Tổng cục Cao su hướng dẫn về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Báo cáo thống kê về trình độ văn hóa, chuyên môn, KHKT của đội ngũ cán bộ Tổng Công ty Cao su.

- Tài liệu về việc đào tạo công nhân thuộc ngành cao su.

- Tài liệu về việc học sinh ngành cao su được tuyển học tại các trường đại học, các trường trung học chuyên nghiệp.

5. Khoa học kỹ thuật và sản xuất cao su (1978 - 1987)

- Tài liệu của Tổng Công ty hướng dẫn về công tác tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm.

- Tài liệu của Tổng cục về việc cải tiến bao bì.

- Chỉ tiêu, kế hoạch KHKT của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu về việc hợp tác KHKT giữa Tổng cục Cao su và các đơn vị trong và ngoài nước.

- Tài liệu thực hiện dự án VIE/80/007 về việc khôi phục và phát triển cao su.

- Các đề tài khoa học.

6. Kế toán - Tài vụ (1976 - 1989)

- Báo cáo của các công ty cao su về việc thực hiện kế hoạch tổng hợp, kế hoạch tài vụ.

- Tài liệu về việc bàn giao khu Ninh Hòa thuộc Công ty Cao su Dầu Tiếng cho Công ty Cao su Quản Lợi.

- Tài liệu về việc bàn giao TSCĐ của các đơn vị.

- Tài liệu của các công ty cao su về việc kiểm kê, kiểm tra thanh lý TSCĐ.

- Tài liệu của Công ty Cao su về tổng hợp kế hoạch tài chính.

- Báo cáo quyết toán của các công ty.

- Tài liệu về việc giao và điều chỉnh kế hoạch XDCB cho các công ty.

- Kế hoạch, báo cáo tổng hợp của các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo thực hiện công tác tài chính của các đơn vị.

7. Hợp tác Quốc tế (1985 - 1987)

- Tài liệu của Tổng cục Cao su về chế độ chính sách cho cán bộ, công nhân viên công tác tại Lào và Campuchia.

- Tài liệu của Vụ Hợp tác Quốc tế về quy chế xây dựng đơn hàng với các nước XHCN.

- Các đề án phát triển cao su.

- Báo cáo công tác hàng tháng, quý, 6 tháng của Vụ Hợp tác Quốc tế.

- Tài liệu về việc hợp tác với các nước XHCN.

- Tài liệu thỏa thuận về hợp tác kinh tế, KHKT giữa Tổng cục Cao su Việt Nam với Tổng cục Cao su Campuchia.

- Tài liệu về kế hoạch khôi phục, xây dựng ngành cao su Campuchia.

- Tổng kết việc thực hiện kế hoạch hợp tác 5 năm (1980 - 1985) giữa Tổng cục Cao su Việt Nam và Tổng cục Cao su Campuchia.

- Tài liệu về việc đoàn chuyên gia cao su Việt Nam khôi phục sản xuất, kinh doanh ngành cao su tại Campuchia.

- Tài liệu về việc gia công, chế biến mủ cao su giữa Việt Nam - Campuchia.

- Hiệp định Việt - Xô về trồng cao su, sản xuất và chế biến cao su thiên nhiên.

- Tài liệu của Viện Kinh tế Kỹ thuật cao su về việc xây dựng Phân viện Kinh tế Cao su Tây Nguyên do Liên Xô giúp.

- Tài liệu của Tổng cục Cao su về việc xin nhận viện trợ của Liên Xô.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Tiệp Khắc.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Cộng hòa Dân chủ Đức.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Bungari.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Cu Ba.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Mông Cổ.

- Tài liệu về ký kết hợp tác KHKT giữa Viện Kinh tế Cao su và Liên Hiệp Quốc.

- Tài liệu của HĐBT, Tổng cục Cao su Việt Nam, Campuchia về việc tặng thưởng huân chương cho chuyên gia.

8. Ban Cải tạo (1975 - 1987)

- Tài liệu của Tổng cục Cao su về việc cải tạo XHCN ngành cao su.

- Tài liệu của Phó Thủ tướng, Tổng Công ty Cao su về việc thu hồi tài sản của các công ty cao su Pháp và Pháp kiều ở miền Nam.

- Bảng tổng hợp về các đồn điền và vườn cây cao su tư nhân ở miền Nam.

- Tài liệu về việc trao lại quyền lãnh đạo Công ty Cao su Xuân Lộc của ông André Rrunsau cho hai ông Quang Quế Đơn và Trần Công Hiền.

- Tài liệu về việc bàn giao tài sản của Công ty SIPHLCD SPHXL cho Ban Cao su Đông Nam Bộ.

- Tài liệu về việc bàn giao nhà của Công ty SIPH cho Tổng cục Cao su.

- Tài liệu về khai nợ của Việt kiều trước khi xuất cảnh cho Ủy ban Quân quản.

- Hồ sơ các đồn điền SIPH ICD.

- Tài liệu về việc bàn giao tài sản Cửu Nam Công ty CENACO.

- Tài liệu về việc bàn giao tài chính cho Sở Tài chính của Công ty Cao su Đồng bằng Nam Bộ.

- Tập bản đồ các đồn điền cao su.

- Công văn và đơn đòi giải quyết thâm niên của công nhân cao su làm cho các đồn điền Pháp.

- Tài liệu của bà Nguyễn Thị Lương xin trả các cơ sở cao su tại Tỉnh Sông Bé cho Nhà nước.

- Đơn từ khiếu nại liên quan đến các đồn điền cao su tư nhân.

- Tài liệu về việc cải tạo XHCN cao su tư nhân thuộc khu vực quản lý của các công ty cao su.

9. Đời sống (1976 - 1986)

- Tài liệu của các cơ quan Trung ương, Tổng cục Cao su hướng dẫn công tác phục vụ đời sống của ngành cao su.

- Báo cáo công tác phục vụ đời sống của ngành cao su.

- Kế hoạch cung ứng hàng hóa phục vụ đời sống của ngành cao su.

10. Thanh tra (1978 - 1988)

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác thanh tra của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu của Tổng Công ty Cao su và các đơn vị trực thuộc về việc thực hiện Nghị quyết số 228/NQ-TW.

- Tài liệu về việc thanh tra các công ty cao su.

- Tài liệu về việc thanh tra, xét giải quyết khiếu tố, khiếu nại của các công ty.

- Đơn từ của ông Nguyễn Thành Lân về ngôi nhà số 567 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Kinh tế - Kế hoạch (1975 - 1989)

- Chỉ tiêu, kế hoạch, báo cáo công tác của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu về quản lý, cung ứng vật tư, thiết bị của các đơn vị.

- Tài liệu về việc cung ứng, mua bán, trao đổi, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước và quốc tế.

- Kế hoạch, báo cáo công tác XDCB, khai hoang trồng mới của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Chương trình, kế hoạch của Tổng cục Cao su về chỉ tiêu sản xuất và khai hoang trồng mới dài hạn.

- Tài liệu của Tổng cục Cao su và các đơn vị về kế hoạch xây dựng, phát triển sản xuất 5 năm và hàng năm.

- Tài liệu của Tổng cục Cao su về việc xây dựng và xét duyệt hoàn thành kế hoạch.

- Đề án về khôi phục và phát triển cao su giai đoạn 2.

12. Xây dựng cơ bản và khai hoang (1975 - 1987)

- Tài liệu của Tổng cục Cao su và các đơn vị trực thuộc về công tác XDCB.

- Tài liệu về việc tu bổ, sửa chữa các công trình kiến trúc, đường điện.

- Tài liệu của các công ty về công tác rà, phá bom mìn, khai hoang trồng mới, chăm sóc vườn cây.

PHÔNG TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM
(1975 - 1996)

* **Số lượng tài liệu:** 44,75 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1975 - 1996
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 32-HĐBT ngày 27/3/1989 của Hội đồng Chính phủ[(1)].

Nhằm thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 7/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh, ngày 29/4/1995 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 252/TTg về việc thành lập Tổng Công ty Cao su Việt Nam trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc Trung ương và địa phương[(2)].

Theo đó, Tổng Công ty Cao su Việt Nam là đơn vị có tư cách pháp nhân, chịu sự quản lý của Nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Tổng Công ty có nhiệm vụ nghiên cứu, khảo sát quy hoạch vùng trồng cao su, đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu; sản xuất sản phẩm cao su và thiết bị, phụ tùng ngành cao su; cung ứng, tiêu thụ, xuất nhập khẩu

1 Hồ sơ số 943, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 944, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

cao su, sản phẩm cao su, vật tư, máy móc, phụ tùng cho ngành cao su; thực hiện các dịch vụ phục vụ cho ngành cao su và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Văn phòng (1975 - 1996)

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác hàng quý, năm của Tổng Công ty.

- Tập lưu công văn đi.

- Tập lưu báo cáo, biên bản họp.

- Tập lưu Quyết định về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, lưu công văn đi của các Phòng, Ban trực thuộc.

2. Tổ chức (1977 - 1996)

- Báo cáo về công tác tổ chức, quản lý, tổ chức cán bộ.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.

- Danh sách CBCNV các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo thống kê về nhân viên.

- Phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, công tác trong và ngoài nước,...

3. Lao động tiền lương (1980 - 1996)

- Chỉ tiêu, kế hoạch, báo cáo LĐTL.

- Tài liệu về thực hiện đề án cải cách tiền lương.

- Tài liệu về biên chế của quỹ lương.

- Tập Quyết định về việc nâng, xếp, điều chỉnh lương nhân viên.

- Quy định về chế độ trả lương khoán, lương sản phẩm và thưởng trong ngành cao su.

- Tài liệu về định mức lao động, công tác khoán vườn cây.

- Tài liệu về việc sắp xếp lại lao động tại các Công ty Cao su.

- Tài liệu về việc xếp hạng doanh nghiệp nhà nước.

4. Kế hoạch và đầu tư (1977 - 1996)

- Chỉ tiêu, kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch của Tổng Công ty Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu về việc giao và điều chỉnh chỉ tiêu cho các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật các dự án thâm canh trồng mới cao su.

- Tài liệu về xét kế hoạch đầu tư của các đơn vị.

- Tài liệu về việc quản lý và sử dụng đất tại Tổng Công ty và các đơn vị.

- Tài liệu về hoạt động liên doanh với nước ngoài về trồng, chế biến cao su.

- Tài liệu phê duyệt kết quả đấu thầu về đầu tư XDCB.

5. Tài chính - kế toán (1976 - 1995)

- Kế hoạch, báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

- Báo cáo quyết toán hành chính sự nghiệp.

- Tài liệu về giao nhận vốn của Tổng Công ty.

6. Quản lý kỹ thuật (1976 - 1996)

- Báo cáo về công tác kỹ thuật nông nghiệp, cơ điện, sản xuất và chế biến cao su.

- Tài liệu về các đề tài nghiên cứu khoa học về cao su.

- Tài liệu về các cuộc hội thảo về kỹ thuật, quy trình sản xuất cao su.

7. Thanh tra - Bảo vệ - Quân sự (1975 - 1996)

- Báo cáo công tác thanh tra, bảo vệ của Tổng Công ty.

- Báo cáo công tác thanh tra, bảo vệ của các đơn vị.

- Tài liệu về việc thực hiện Quyết định số 240/HĐBT của HĐBT về đấu tranh chống tham nhũng tại Tổng Công ty và các đơn vị.

- Tài liệu về việc thanh tra một số vụ việc tại các đơn vị.

- Báo cáo việc thanh kiểm tra việc quản lý sử dụng đất tại Công ty Cao su Đồng Nai.

- Tài liệu về việc giải quyết đơn xin lại vườn cao su của cá nhân.

- Tài liệu về việc giải quyết các khiếu nại của các cá nhân về nhà ở, đất cao su.

- Tài liệu về việc kiểm tra tình hình tranh chấp đất đai của đồng bào xã Iaka với Công ty Cao su Chư Păh.

- Báo cáo công tác động viên quân sự của ngành cao su.

PHÔNG CÔNG TY VẬT TƯ THIẾT BỊ
(1977 - 1991)

* **Số lượng tài liệu:** 41,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1977 - 1991
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố vàng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Vật tư Thiết bị được thành lập bởi Quyết định số 103/TCTCS ngày 27/9/1977 của Tổng Công ty Cao su Việt Nam[1]; Công ty Vật tư Thiết bị là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có nhiệm vụ:

- Thu mua, chế biến, cung cấp và tiêu thụ các loại vật tư, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho các đơn vị toàn ngành cao su theo chỉ tiêu kế hoạch của Tổng Công ty.

- Tổ chức, kinh doanh, cung cấp các mặt hàng vật tư chuyên dùng cho ngành chế biến gỗ sản xuất bao bì, chế biến mủ, ép dầu, tận dụng phế liệu, phế phẩm của ngành để phục vụ sản xuất.

- Tổ chức kho cất giữ, bảo quản toàn bộ hàng hóa, vật tư, thiết bị chuyên dùng trong nước và nhập ngoại, điều chỉnh phân phối theo kế hoạch phục vụ sản xuất ngành.

- Được ký hợp đồng với các công ty, xí nghiệp nhà nước, mua, bán nguyên liệu, sản phẩm, công cụ vật tư phục vụ cho ngành cao su.

1 Hồ sơ số 59, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

- Nghiên cứu cải tiến biện pháp cung ứng vật tư, cải tiến sản xuất, tiết kiệm hạ phí lưu thông, bảo đảm thu nộp ngân sách cho Nhà nước.

- Đảm bảo đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong phạm vi Công ty.

Ngày 5/11/1982, Tổng Công ty Cao su ra Quyết định số 681/TCCB-QĐ về việc thành lập "Ban quản lý chương trình xây dựng Tổng kho" của Công ty Vật tư Thiết bị[1].

Ngày 24/11/1982, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 710/TCCB-QĐ về việc giao cho Công ty Vật tư Thiết bị tổ chức thực hiện nhiệm vụ cung ứng cao su (Theo Quyết định số 153/HĐBT ngày 15/12/1981 của Hội đồng Bộ trưởng):

- Tổ chức việc hợp đồng thu mua nguyên liệu cao su của các công ty, nông trường cao su trực thuộc Tổng cục Cao su quản lý và của các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức sản xuất cao su theo kế hoạch trên giao.

- Tổ chức việc cung ứng nguyên liệu cao su cho các Bộ, các Tổng cục, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có sản phẩm cao su theo chỉ tiêu phân bổ của Nhà nước.

Quyết định số 745/TCCB-QĐ ngày 25/11/1982 của Tổng cục Cao su về việc thành lập Chi nhánh Công ty Vật tư Thiết bị tại Hà Nội trực thuộc Công ty Vật tư Thiết bị[2].

Ngày 21/12/1983, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 42/TCCB-QĐ về việc thành lập Chi nhánh Công ty Vật tư Thiết bị tại Tây Nguyên trực thuộc Công ty Vật tư Thiết bị[3].

---

1 Hồ sơ số 59, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 59, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

3 Hồ sơ số 59, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu của Phòng Kế hoạch

- Tài liệu hướng dẫn của Tổng cục Cao su về công tác cung ứng vật tư, thiết bị và thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm.

- Tập công văn đi, đến của Phòng Kế hoạch.

- Chỉ tiêu, kế hoạch và báo cáo hoàn thành kế hoạch của Công ty Vật tư Thiết bị.

- Kế hoạch và báo cáo tình hình xuất, nhập, tồn, cung ứng, thu mua vật tư, thiết bị, hóa chất, nhiên liệu và cao su của Công ty Vật tư Thiết bị và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ theo dõi việc cung ứng máy móc cho khách hàng trong và ngoài ngành cao su theo chỉ tiêu.

- Báo cáo quyết toán vật tư, thiết bị, máy móc, nhiên liệu, cao su của Công ty Vật tư Thiết bị, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trong và ngoài ngành cao su.

- Tài liệu về giá cả vật tư, thiết bị, nhiên liệu, cao su.

- Hồ sơ kiểm kê hàng hóa, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, cao su.

- Sổ sách theo dõi nhập xuất, cung ứng vật tư, thiết bị, cao su.

2. Tài liệu của Phòng Cung ứng Vật tư

- Tài liệu hướng dẫn cung ứng, phân phối chỉ tiêu vật tư cho các đơn vị trong và ngoài ngành cao su.

- Kế hoạch và báo cáo công tác của Phòng Cung ứng Vật tư.

- Hồ sơ về công tác tiếp nhận, phân phối vật tư, hàng hóa nhập khẩu.

- Báo cáo hàng hóa, vật tư, thiết bị trao đổi hợp tác giữa Việt Nam và các nước.

- Báo cáo xuất, nhập, tồn kho, kiểm kê hàng hóa, vật tư, thiết bị tại các Tổng kho thuộc Công ty Vật tư Thiết bị.

- Hồ sơ theo dõi việc phân phối, mua bán, trao đổi vật tư giữa Công ty Vật tư Thiết bị với các đơn vị trong và ngoài ngành cao su.

- Hồ sơ về việc xử lý vật tư, hàng hóa chậm luân chuyển, kém phẩm chất.

- Công văn đi, đến của Phòng Cung ứng Vật tư.

3. Tài liệu của Phòng Kỹ thuật

- Công văn đi, đến của Phòng Kỹ thuật.

- Lý lịch, biên bản giao nhận xe, máy.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện công tác sửa chữa đại tu xe, máy các loại.

- Biên bản kiểm tra kỹ thuật xe, máy, hàng hóa tại các kho thuộc Công ty Vật tư Thiết bị.

- Biên bản nghiệm thu và bàn giao các loại xe, máy, thiết bị.

- Biên bản giám định hàng hóa nhập khẩu.

- Hợp đồng kinh tế về gia công, đại tu, sửa chữa của Công ty Vật tư Thiết bị với các đơn vị.

- Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa của Công ty Vật tư Thiết bị với các đơn vị.

- Biên bản kiểm kê xe, máy, thiết bị tại các kho thuộc Công ty Vật tư Thiết bị.

4. Tài liệu của Phòng Kế toán Tài vụ

- Tập công văn đi, đến của Phòng Tài vụ.

- Kế hoạch tài vụ và báo cáo quyết toán hàng quý, năm của Công ty Vật tư Thiết bị.

- Kế hoạch và báo cáo thu, chi tiền mặt.

- Nhật ký chứng từ và chứng từ theo dõi các tài khoản.

- Phiếu thu, chi, chứng từ thu, chi tiền mặt.

- Sổ cái, sổ quỹ, sổ TSCĐ, sổ giao nhận chứng từ, sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết vật tư.

- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu vận chuyển vật tư hàng hóa.
- Hợp đồng mua bán, trao đổi vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- Chứng từ nhập, xuất kho.
- Báo cáo nhập, xuất, tồn kho vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- Báo cáo cân đối, luân chuyển vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- Hồ sơ kiểm kê tài sản.
- Hồ sơ sửa chữa, xây dựng và quyết toán các công trình XDCB.
- Bảng lương, thưởng, ăn trưa của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Hồ sơ về công nợ.

PHÔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU
(1977 - 1991)

* **Số lượng tài liệu:** 52,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1977 - 1991
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố vàng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su được thành lập theo Nghị định số 120-HĐBT ngày 13/9/1984 của Hội đồng Bộ trưởng[1].

Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su là một đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, được cấp vốn, có tài khoản và con dấu riêng.

Công ty Xuất Nhập khẩu có nhiệm vụ sau:

- Xuất khẩu cao su nguyên liệu theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, theo các Hiệp định và Nghị định thư mà Nhà nước đã ký kết với nước ngoài.

- Nhập khẩu vật tư, kỹ thuật chuyên dùng phục vụ việc trồng cao su, khai thác và chế biến mủ cao su theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và theo quy chế chung của HĐBT.

Ngày 3/5/1985, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 20/TCCB-QĐ về việc thành lập Phòng Nhập khẩu thuộc Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su[2].

---

1 Hồ sơ số 53, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 53, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

Ngày 3/12/1986, Tổng cục Cao su ra Quyết định số 26/TCCB-QĐ về việc tạm thời xếp hạng cho Công ty Xuất Nhập khẩu cao su vào loại Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu hạng I[1].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Phòng Kế hoạch

- Tài liệu hướng dẫn, chỉ đạo lập kế hoạch và thực hiện công tác xuất nhập khẩu, thanh toán, giao nhận hàng hóa, vật tư, thiết bị, cước phí vận chuyển.

- Tập lưu công văn đi, đến của Phòng Kế hoạch, Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Chỉ tiêu, kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch hàng năm của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch xuất - nhập khẩu, sử dụng vật tư, thiết bị, nhiên liệu của các đơn vị trong ngành cao su hàng năm.

- Kế hoạch và báo cáo tình hình vận chuyển của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su hàng năm.

- Tài liệu về công tác giá cả các loại vật tư, thiết bị, nguyên liệu cao su.

- Hợp đồng mua bán, trao đổi, xuất - nhập khẩu hàng hóa vật tư, thiết bị, cao su của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hồ sơ về việc đối chiếu công nợ với khách hàng của Công ty Xuất Nhập khẩu cao su.

- Sổ theo dõi hợp đồng thanh lý hợp đồng của Công ty Xuất Nhập khẩu cao su.

- Hồ sơ về công tác kiểm kê, đối chiếu hàng hóa, vật tư, thiết bị, nhiên liệu tồn kho.

---

1 Hồ sơ số 53, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

- Hóa đơn, chứng từ, phiếu xuất nhập kho, lệnh giao hàng, giấy báo hàng về.

- Sổ giao nhận chứng từ, cấp phát hàng hóa, vật tư, thiết bị, nhiên liệu.

2. Phòng Xuất - Nhập khẩu

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo công tác xuất nhập khẩu của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Công văn trao đổi của Công ty Xuất Nhập khẩu cao su với các đơn vị khách hàng.

- Hồ sơ về việc xuất khẩu cao su cho khách hàng theo tàu hàng năm.

- Hợp đồng mua bán cao su, ủy thác xuất nhập khẩu cao su, hàng hóa, vật tư, thiết bị.

- Chứng từ thanh toán cho các đơn vị trong ngành cao su.

- Hồ sơ về việc nhập khẩu hàng hóa, máy móc, vật tư, thiết bị của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa, máy móc, vật tư, thiết bị của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hóa đơn, chứng từ hàng hóa, vật tư, thiết bị nhập khẩu của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hợp đồng mua bán, trao đổi hàng hóa, vật tư, thiết bị giữa Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su với các đơn vị có nhu cầu.

- Sổ sách theo dõi xuất nhập hàng hóa, vật tư, thiết bị của Phòng Xuất Nhập khẩu.

3. Phòng Kế toán Tài vụ

- Tập công văn đi, đến của Phòng Tài vụ - Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Kế hoạch tài vụ và báo cáo quyết toán của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su hàng năm.

- Nhật ký chứng từ các tài khoản.

- Chứng từ thu, chi, chứng từ ngân hàng.

- Hợp đồng kinh tế; hồ sơ thanh toán hàng hóa, vật tư, thiết bị xuất nhập khẩu.

- Hồ sơ về công tác xây dựng sửa chữa các công trình XDCB.

- Hồ sơ theo dõi TSCĐ, thuế, giá, lương.

- Hồ sơ kiểm kê tài sản hàng năm.

- Hồ sơ công nợ.

- Sổ sách theo dõi hàng hóa, vật tư, thiết bị, tài khoản, chứng từ, thu chi, quỹ tiền mặt, ngoại tệ.

PHÔNG CÔNG TY PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG
(1979 - 1989)

* **Số lượng tài liệu:** 5,4 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1979 - 1989
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố vàng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Công ty Cung ứng Phục vụ Đời sống ngành Cao su (gọi tắt là Công ty Phục vụ Đời sống) được thành lập theo Quyết định số 764/TCCB-QĐ ngày 27/8/1980 của Tổng Công ty Cao su[1].

Ngày 9/6/1982, Tổng cục Cao su có Quyết định số 399/TCCB-QĐ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công ty Phục vụ Đời sống Tổng cục Cao su[2]. Theo Quyết định này, Công ty Phục vụ Đời sống là một đơn vị kế hoạch của ngành cao su, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng theo chế độ hiện hành của Nhà nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục Cao su.

Quyết định số 34/TCCB-QĐ ngày 10/4/1987 của Tổng cục Cao su xếp hạng Công ty Phục vụ Đời sống là "Tổng Công ty loại II"[3].

---

1 Hồ sơ số 2511, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 2511, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

3 Hồ sơ số 2511, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

Ngày 8/4/1988, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 13/TCCB-QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công ty Phục vụ Đời sống[1].

Ngày 27/10/1989, Tổng Công ty Cao su đã ban hành Quyết định số 13/TCCB-QĐ giải thể Công ty Phục vụ Đời sống trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Tài liệu hướng dẫn của cấp trên về công tác tổ chức cán bộ, LĐTL, thanh tra, bảo vệ.

- Tập lưu công văn đi của Công ty Phục vụ Đời sống về công tác tổ chức cán bộ, LĐTL, thanh tra, bảo vệ.

- Quyết định của Tổng cục Cao su về việc giao chỉ tiêu kế hoạch lao động hàng năm cho Công ty Phục vụ Đời sống.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch tổ chức, LĐTL, bảo hộ lao động của Công ty Phục vụ Đời sống hàng năm.

- Biên bản bàn giao nhiệm vụ giữa các phòng, ban, cá nhân thuộc Công ty Phục vụ Đời sống.

- Hồ sơ về công tác tổ chức bộ máy của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về công tác tổ chức nhân sự của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Tập lưu các Quyết định về nhân sự, điều động, tuyển dụng, thuyên chuyển, tiếp nhận, nâng lương, cho nghỉ việc, nghỉ hưu, kỷ luật, khen thưởng.

---

1 Hồ sơ số 2511, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 2512, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

- Danh sách CBCNV Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ cá nhân CBCNV Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu tố, khiếu nại.

2. Phòng Kế hoạch

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Công ty Phục vụ Đời sống hàng năm.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện phân phối hàng hóa, lương thực theo định lượng cho toàn ngành cao su của Công ty Phục vụ Đời sống.

- Kế hoạch và báo cáo quyết toán lương thực cung cấp cho ngành cao su.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện công tác XDCB của Công ty Phục vụ Đời sống.

- Hồ sơ về công tác xây dựng, sửa chữa các công trình XDCB của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Tập lưu công văn đi của Phòng Kế hoạch, Công ty Phục vụ Đời sống.

3. Phòng Kế toán

- Chỉ tiêu kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán hàng năm.

- Hồ sơ quyết toán ngân sách và quyết toán cấp bù.

- Kế hoạch lương thực và báo cáo thanh quyết toán lương thực của các đơn vị trong ngành cao su.

- Hồ sơ về công tác kiểm kê tài sản.

- Bảng kê các tài khoản nộp ngân sách.

- Hồ sơ bàn giao tài sản.

- Hồ sơ công nợ.

- Sổ cái, sổ quỹ, sổ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, sổ theo dõi chứng từ, sổ theo dõi công nợ.

- Chỉ tiêu kế hoạch vốn XDCB và quyết toán các công trình XDCB.

PHÔNG TRƯỜNG KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ CAO SU (1978 - 1991)

* **Số lượng tài liệu:** 1,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1978 - 1991
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố vàng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Theo Quyết định số 216/NN-TC-QĐ ngày 23/7/1977 của Bộ Nông nghiệp về việc quy định chức năng và tổ chức bộ máy của Tổng Công ty Cao su Việt Nam thì "Trường Nghiệp vụ Cao su" thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam[1].

Quyết định số 44-NN-TCCB/QĐ tháng 2/1978 của Bộ Nông nghiệp về việc thành lập Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su trực thuộc Tổng Công ty Cao su[2]. Trường có nhiệm vụ:

- Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ về cao su.

- Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ kỹ thuật chế biến mủ cao su.

- Bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý kinh tế cho cán bộ nghiệp vụ của ngành cao su.

- Bổ túc văn hóa cho học sinh trước khi vào học chuyên môn. Trường đặt địa điểm tại Hớn Quản - Sông Bé.

---

1 Hồ sơ số 27, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

2 Hồ sơ số 48, phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

Đến năm 1985, tại Quyết định số 63/TCCB-QĐ ngày 19/11/1985 của Tổng cục Cao su Việt Nam đã chuyển địa điểm Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su (trực thuộc Tổng cục Cao su) từ huyện Bình Long - Sông Bé về huyện Gò Dầu - Tây Ninh.

Tại Quyết định này, Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su tiếp nhận, quản lý và sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị của Trường Trung học Phổ thông vừa học vừa làm thuộc Công ty Cao su Tây Ninh.

Chuyển sang địa điểm mới Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su tiếp tục thực hiện nhiệm vụ như đã quy định tại Quyết định thành lập số 44/TCCB-QĐ tháng 2/1978; tiếp tục sử dụng con dấu và được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước địa phương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tập Quyết định về việc bổ nhiệm, điều động, tuyển dụng, đề bạt, nâng lương, giải quyết chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật và phân phối học sinh tốt nghiệp của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Tập giấy thôi trả lương.

- Dự toán ngân sách, kế hoạch thu chi tiền mặt của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Báo cáo quyết toán, báo cáo thu chi tiền mặt của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Chỉ tiêu kế hoạch kinh phí XDCB và báo cáo tình hình thực hiện vốn XDCB của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Hồ sơ các công trình sửa chữa, XDCB của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Sổ nhật ký chứng từ thu, chi tiền mặt, theo dõi hạn mức kinh phí, theo dõi tạm ứng.

- Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết ngân sách, sổ quyết toán hàng năm của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Sổ quỹ, sổ kho hạn mức kinh phí, sổ theo dõi chứng từ thu, chi kinh phí đại học tại chức, sổ kiểm kê tài sản.

- Sổ sách theo dõi về kiến thiết cơ bản.

PHÔNG CÔNG TY LIÊN DOANH VIETSOVLIGHTER (1989 - 1999)

* **Số lượng tài liệu:** 122,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1989 - 1999
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Nga
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 30/8/1989, Bộ trưởng Bộ Kinh tế Đối ngoại ký Quyết định cấp Giấy phép đầu tư số 72/KTĐN-GPĐT thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter[1]. Theo đó, các bên tham gia liên doanh gồm:

- Bên Việt Nam: Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển pha sông - Bộ GTVT.

- Bên nước ngoài: Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển Viễn Đông (Thành phố Vladivostok) và Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển Đen (Thành phố Odessa) - Bộ Hàng hải Liên Xô.

Trụ sở Xí nghiệp đặt tại Hà Nội, chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng. Lĩnh vực hoạt động là kinh doanh khai thác vận chuyển bằng tàu chở sà lan. Thời hạn hoạt động là 20 năm.

Ngày 15/1/1991, 13/3/1992 và 31/1/1994, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ra các Quyết định sửa đổi Giấy phép đầu tư số 72/KTĐN-GPĐT[2]. Theo đó, bên Việt Nam tham gia liên doanh gồm:

---

1 Hồ sơ số 94, phông Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter.

2 Hồ sơ số 94, phông Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter.

- Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển pha sông;

- Liên hiệp các Xí nghiệp Vận tải thủy II;

- Công ty Dịch vụ Vận tải 3;

- Công ty Vận tải biển Hải Phòng.

Trụ sở Xí nghiệp được chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/11/1997, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra Quyết định số 270/BKH-QLDA về việc giải thể trước thời hạn Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter[(1)].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổ chức bộ máy

- Quyết định về việc thành lập, giải thể Xí nghiệp.

- Quyết định của Tổng Giám đốc về việc thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc.

- Quyết định, thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tăng lương nhân viên.

- Thành lập Ban Thanh lý Xí nghiệp.

- Hồ sơ nhân sự.

2. Hoạt động của đơn vị và các đơn vị trực thuộc

- Báo cáo hoạt động kinh doanh, quyết toán của Xí nghiệp và các đơn vị.

- Công văn trao đổi với các đối tác.

- Hợp đồng kinh tế với các đối tác.

- Hồ sơ các tàu hàng.

- Chứng từ các loại.

- Hoạt động của Ban Thanh lý.

---

1 Hồ sơ số 94, phông Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter.

PHÔNG BAN KINH TÀI R
(1962 - 1977)

* **Số lượng tài liệu:** 6,9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1962 - 1977
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ (viết tay).

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Báo cáo tổng kết của các tỉnh về tình hình kinh tế tài chính.

- Báo cáo của các tỉnh miền Nam về tình hình sản xuất nông nghiệp và dân số.

- Tập lưu công văn đi và đến của Ban Kinh tài R.

- Bản kế hoạch công tác của các ban trong Ban Kinh tài R về các mặt hoạt động kinh tế tài chính.

- Một số bức thư điện khẩn và mật, tập thông tin, thông tư, chỉ thị, thông báo của Thường vụ Trung ương Cục và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam chỉ đạo về các hoạt động quản lý kinh tế.

- Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch xây dựng của Ban Kinh tế kế hoạch.

- Danh sách các xí nghiệp quốc doanh (khối công nghiệp) thuộc khu vực Sài Gòn - Gia Định.

- Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất của khối công nghiệp.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự

- Hồ sơ về nhân sự và tổ chức của Ban Kinh tài R.

3. Tài liệu về kinh tế, tài chính, kế toán

- Các dự thảo về kinh tế của Trung ương Cục, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Dự toán ngân sách của Ban Kinh tài R.

- Biên bản các cuộc họp giữa Ban Kinh tài R với các ban khác.

- Báo cáo của Ban Kinh tài R về sổ sách, thu, chi của Kho bạc.

- Đề án công tác sản xuất ở nông thôn của Ban Kinh tài R.

- Tập tài liệu của Ban Kinh tài R nghiên cứu về: chính sách thuế khóa, về chương trình tạm phục hồi sinh hoạt, chính sách nhiên liệu.

- Tập đơn từ, thư khiếu tố, khiếu nại của nhân dân và cơ quan xí nghiệp về nhà cửa, đất đai, tài sản, xe cộ, tiền bạc, hàng hóa,... của nhân dân và các tỉnh phía Nam.

SƯU TẬP TÀI LIỆU
TẠI KHU DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CÔN ĐẢO
(1947 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 0,14 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1947 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: ảnh, file scan
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Địa phương chí Côn Sơn năm 1961.

- Sổ gác ngày và đêm trại 2.

- Bức thư của Trung ương Cục gửi đi Côn Đảo ngày 1/1/1970.

- Báo cáo của chị em nữ tù Côn Đảo về Nhà lao Tân Hiệp năm 1970.

- Báo cáo tình hình Côn Đảo năm 1970.

- Bức thư của Thành ủy gửi ra Côn Đảo ngày 21/1/1970.

- Bức thư của Trung ương Cục gửi đi Côn Đảo ngày 1/1/1971.

- Bức thư của Thành ủy gửi ra Côn Đảo ngày 18/2/1970.

- Thư ngỏ gởi anh em binh sĩ, sĩ quan, công chức giám thị tại Côn Đảo của những người bệnh tật khu B tháng 12/1972.

- Bản báo cáo tình hình Côn Đảo của bộ phận lãnh đạo Chuồng Cọp tháng 7/1972.

- Thư của 124 anh em tù bệnh tật gửi Ủy ban Giám sát Quốc tế ở miền Nam Việt Nam, Tổ Giám sát Quốc tế Biên Hòa ngày 16/2/1973.

- Tập thơ khí tiết (1975).

- Tập thơ thương về (1975).

- Sổ kiểm soát tử (1947 - 1975).

- Thư gửi A60 về tình hình Côn Đảo (không rõ tác giả và thời gian).

- Tranh "Tù nhân lao động khổ sai trong khu trừng giới" Bagne II.

- Tranh màu do tù nhân Côn Đảo vẽ "Phòng Cấm cố".

- Tranh màu do tù nhân Côn Đảo vẽ "Côn Lôn có sở Tìm tòi".

- Ảnh chụp bìa tài liệu học tập của tù nhân Côn Đảo.

- Ảnh chụp sơ kết tình hình Nhà tù Côn Đảo dưới thời Mỹ - ngụy (1957 - 1975).

PHÔNG ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG TỔNG CỤC THUẾ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1991 - 1998)

* **Số lượng tài liệu:** 0,50 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1991 - 1998
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Bộ phận đại diện của Tổng cục Thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 525-TC/TCCB ngày 12/10/1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó bộ phận có nhiệm vụ: giúp Cục trưởng nắm tình hình, đôn đốc kiểm tra, thanh tra Cục Thuế các tỉnh phía Nam trong việc thu thuế và thu khác của Nhà nước trên địa bàn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của Tổng cục Thuế trong việc lập kế hoạch, báo cáo tình hình thu thuế cho Tổng cục và các cơ quan hữu quan; hướng dẫn và giải đáp những vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ cho Cục Thuế các tỉnh phía Nam; tham dự các cuộc họp liên quan đến công tác thuế; thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách thuế.

Đến năm 1993, để nâng cao hiệu quả công tác của bộ phận đại diện, Tổng cục Thuế đã ban hành Quyết định số 139-TCT/TCCB ngày 30/3/1993 ban hành quy chế công tác của bộ phận đại diện Tổng cục Thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định này, bộ phận đại diện được tổ chức như sau:

- Tổ nghiệp vụ quốc doanh.

- Tổ nghiệp vụ ngoài quốc doanh.

- Tổ nghiệp vụ thuế xuất nhập khẩu và đầu tư.

- Tổ thuế nông nghiệp.

- Tổ thanh tra.

- Tổ HCQT, tài vụ, máy tính.

- Tổ tổ chức cán bộ đào tạo thi đua tuyên truyền.

- Tổ kế hoạch, kế toán, thống kê.

- Tổ ấn chỉ.

Năm 2003, Chính phủ đã cải tổ hàng loạt các cơ quan chức năng thuộc các Bộ. Theo đó, Tổng cục Thuế được thành lập theo Quyết định số 218/2003/QĐ ngày 28/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định này, Đại diện Tổng cục Thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh là một đơn vị quản lý nhà nước tại phía Nam.

Đại diện Tổng cục Thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Đại diện phía Nam) có nhiệm vụ giúp Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra tình hình quản lý thu thuế, thực hiện công tác thanh tra và công tác hậu cần tại các tỉnh phía Nam. Ngoài ra, còn thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác do Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế giao.

Đại diện Tổng cục Thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh có con dấu riêng, có tài khoản riêng.

* ***Về tổ chức:***

Theo Quyết định số 188/2003/QĐ-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì tổ chức của Đại diện phía Nam như sau:

- Lãnh đạo Đại diện phía Nam của Trưởng Đại diện và một số Phó Đại diện. Trưởng Đại diện chịu trách nhiệm trước Tổng cục Trưởng về điều hành toàn bộ hoạt động của Đại diện phía Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được giao. Các Phó Đại diện

chịu trách nhiệm trước Trưởng Đại diện phía Nam về các nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức của Đại diện phía Nam có 2 phòng: Phòng Thanh tra và Phòng Hậu cần. Các phòng này chịu sự quản lý trực tiếp của Trưởng Đại diện, đồng thời chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của các ban có liên quan thuộc Tổng cục Thuế.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Kế hoạch, báo cáo công tác hàng năm, 6 tháng, 9 tháng của Tổng cục Thuế và các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch, báo cáo công tác thu thuế hàng năm, 6 tháng, 9 tháng của Tổng cục Thuế và các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo thống kê tình hình thực hiện thu các loại thuế của Cục Thuế tỉnh.

- Hội nghị về công tác thuế của Tổng cục Thuế và các đơn vị trực thuộc.

- Tập công văn của Chính phủ, các Bộ, các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế.

- Sổ theo dõi công văn đi, đến.

- Tài liệu hướng dẫn về công tác thuế, công tác ấn chỉ, lương, tổ chức cán bộ.

- Báo cáo thống kê tổng hợp về công tác thu thuế của Cục Thuế các tỉnh.

- Kế hoạch, báo cáo về việc sử dụng ấn chỉ, báo cáo xuất nhập tồn kho ấn chỉ, thanh quyết toán ấn chỉ của Đại diện Tổng cục Thuế ở Thành phố Hồ Chí Minh và Cục Thuế tỉnh.

- Chứng từ nhận ấn chỉ, bảng kiểm kê ấn chỉ, sổ theo dõi ấn chỉ.

- Hủy ấn chỉ không còn giá trị sử dụng, xác minh hóa đơn, xử lý mất ấn chỉ.

2. Tài liệu về tổ chức, cán bộ, thi đua, lương, khen thưởng

- Tài liệu về công tác thi đua khen thưởng, công tác tổ chức cán bộ, tổ chức bộ máy.

- Tài liệu về công tác chống tham nhũng, chống tiêu cực của ngành thuế.

- Tài liệu về lương, phụ cấp lương, thưởng vật chất.

3. Tài liệu về thuế

- Tài liệu thanh kiểm tra việc chấp hành về thuế của các đơn vị.

- Tài liệu việc giải quyết khiếu nại về thu thuế của các đơn vị.

- Tài liệu về việc hoàn thuế, miễn thuế cho các đơn vị.

- Tài liệu về liên doanh đầu tư.

- Tài liệu về công tác thu các loại thuế nông nghiệp, nhà đất, tài nguyên.

- Tài liệu về công tác thu thuế đối với các đơn vị quốc doanh, ngoài quốc doanh của Cục Thuế các tỉnh.

- Tài liệu giải đáp về các chính sách thuế.

PHÔNG TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM (1975 - 2004)

* **Số lượng tài liệu:** 10,11 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1975 - 2004
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Kế hoạch, báo cáo công tác LĐTL của Tổng Công ty Lương thực miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về quỹ đất, quỹ nhà của Tổng Công ty Lương thực Trung ương 2 và các đơn vị trực thuộc.

2. Tài liệu về tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng

- Hồ sơ về tổ chức bộ máy của Tổng Công ty Lương thực miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Danh sách cán bộ kháng chiến bị địch bắt tù đày của Tổng Công ty Lương thực miền Nam, Tổng kho 1 năm 1979.

- Báo cáo tổng hợp tình hình nhân sự của Tổng Công ty Lương thực Trung ương 2 và các đơn vị trực thuộc.

- Tập Quyết định của Tổng Công ty Lương thực miền Nam về việc xếp hạng doanh nghiệp cho các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về sắp xếp lại các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Lương thực miền Nam.

- Tài liệu về thi đua khen thưởng, các kế hoạch, báo cáo của Tổng Công ty Lương thực miền Nam về công tác thi đua khen thưởng.

3. Tài liệu về kế toán

- Hồ sơ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch, báo cáo, xét duyệt hoàn thành kế hoạch SXKD của Tổng Công ty Lương thực miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ quyết toán, bảng quyết toán, bảng tổng kết tài sản, báo cáo thanh toán, kế hoạch tài vụ, báo cáo quyết toán tài chính, hồ sơ xét duyệt quyết toán, hồ sơ xin cấp vốn, giải quyết thanh toán các khoản tồn tại, bảng cân đối tài khoản, hồ sơ kế hoạch tài vụ của Tổng Công ty Lương thực miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch, báo cáo công tác thanh tra của Tổng Công ty Lương thực miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

PHÔNG CÔNG TY THUỐC LÁ SÀI GÒN
(1977 - 2004)

* **Số lượng tài liệu:** 2,25 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1977 - 2004
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Năm 1929, một nhóm Hoa kiều ở Chợ Lớn hùn vốn nhau lập ra Công ty Trung Huê, chuyên sản xuất bán công nghiệp các loại thuốc vấn. Do kỹ thuật hạn chế, sản phẩm chưa gây được ấn tượng, Công ty Trung Huê nhanh chóng tan vỡ, buộc phải bán lại Nhà máy cho tư bản Pháp. Ngày 5/7/1929, Hãng thuốc lá M.I.C của Pháp chính thức đi vào hoạt động.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Hãng thuốc lá M.I.C vẫn còn đại diện ở lại quản lý, điều hành, đến ngày 5/6/1975, đại diện R.Cellier bỏ về nước. Ngày 6/6/1975, Ủy ban Quân quản chính thức tiếp quản Nhà máy. Ngày 28/12/1977, Hãng thuốc lá M.I.C chính thức đổi tên thành Nhà máy Thuốc lá Sài Gòn thuộc XNLH Thuốc lá miền Nam.

Căn cứ vào Quyết định số 153/2004/NĐ-CP ngày 9/8/2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý Tổng Công ty nhà nước và chuyển đổi Tổng Công ty nhà nước, Công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, và trên cơ sở đề nghị của HĐQT Tổng Công ty

Thuốc lá Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 319/2005/QĐ-TTg ngày 6/12/2005[1] về việc chuyển nhà máy Thuốc lá Sài Gòn thành Công ty TNHH một thành viên. Ngày 28/12/2005, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam có Quyết định số 120/QĐ-TLVN[2] về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Thuốc lá Sài Gòn.

Như vậy, sau khi Nhà máy Thuốc lá Sài Gòn chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên, tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, phân xưởng đã ổn định.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy gồm có:

- Văn phòng;

- 15 phòng ban chuyên môn;

- 6 phân xưởng;

- 8 đơn vị phục vụ và phụ trợ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung sau:

* **Phòng Tổ chức - Hành chính:**

- Báo cáo hoạt động và thành tích công tác hàng năm.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.

- Tài liệu về việc bàn giao nhiệm vụ của Ban Giám đốc.

- Tài liệu về nhân sự (tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, điều động, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, nâng lương.

- Tài liệu về công tác bảo hộ lao động, công tác vệ sinh an toàn lao động.

- Tài liệu về công tác BHXH, bảo hiểm tai nạn cho CBCNV.

---

1 Tham chiếu Quyết định số 120/QĐ-TLVN ngày 28/12/2005.

2 Phông Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Tài liệu về việc bồi thường tai nạn lao động cho CBCNV.

- Tài liệu về công tác LĐTL (đơn giá tiền lương, điều chỉnh hệ số tay nghề).

- Tài liệu về việc xây dựng các chức danh, nghề nặng nhọc độc hại.

- Tài liệu về công tác thanh tra.

- Tài liệu về công tác văn thư (Lưu quyết định, lưu công văn đi).

- Tài liệu về công tác lưu trữ (xác định giá trị tài liệu).

- Hóa đơn thanh toán cước bưu chính.

- Tài liệu về thuê đất.

- Tài liệu về việc phân phối nhà ở cho CBCNV.

- Phiếu xuất vật tư, văn phòng phẩm.

* **Trạm y tế:**

- Tài liệu về theo dõi sức khỏe CBCNV.

- Tài liệu về quản lý và cấp phát thuốc.

* **Đội bảo vệ:**

- Sổ giao ca, sổ theo dõi khách ra vào; sổ theo dõi xe ra vào.

- Sổ theo dõi thuốc gia công, xuất thuốc mẫu ra cổng, vật tư, hàng khuyến mãi.

- Phiếu theo dõi nhận hàng.

- Sổ theo dõi hệ thống PCCC.

- Sổ giao công văn đến.

- Sổ theo dõi CBCNV vi phạm nội quy.

* **Phòng Tài chính - Kế toán:**

- Tài liệu của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tổng cục, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam hướng dẫn chỉ đạo về công tác tài chính kế toán.

- Kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán, báo cáo kiểm toán.

- Hồ sơ về giá thành.

- Chứng từ thu chi, chứng từ ngân hàng, tạm ứng, vận chuyển, chi hoa hồng.

- Bảng lương, thưởng, thanh toán nhà ăn, thanh toán thuốc y tế.

- Bảng kê các tài khoản.

- Tài liệu về việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành luật thuế, các chế độ tài chính kế toán.

- Bảng kê thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Tài liệu về công nợ.

- Hợp đồng kinh tế.

- Báo cáo tổng hợp tiêu thụ.

- Tài liệu về gia công thuốc lá.

- Hóa đơn thuốc lá bao.

- Chứng từ hàng xuất khẩu.

- Chứng từ nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu, phụ tùng, vật tư.

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

- Tài liệu về việc kiểm kê, phụ tùng.

- Báo cáo về TSCĐ, khấu hao, tăng giảm, bảo hiểm, thanh lý TSCĐ.

- Tài liệu về việc giao nhận, mua bán tài sản.

- Tổng hợp vốn đầu tư XDCB.

- Báo cáo tình hình đầu tư XDCB.

- Dự án di dời Nhà máy Thuốc lá Sài Gòn.

- Các dự án đầu tư máy móc thiết bị.

* **Phòng Kế hoạch - Vật tư**

- Tài liệu về giá thành.
- Hợp đồng kinh tế.
- Lệnh điều động vật tư.
- Hóa đơn bán thuốc lá.
- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho.
- Biên bản thế chấp vàng của đại lý.

* **Phòng tiêu thụ:**

- Hợp đồng kinh tế.
- Lệnh điều động hàng.
- Hóa đơn GTGT.
- Báo cáo hóa đơn bán hàng.
- Hóa đơn thanh toán cước vận chuyển.

* **Kho thành phẩm:**

- Báo cáo nhập xuất tồn kho thành phẩm.
- Báo cáo khách hàng nhận hàng trong ngày.
- Báo cáo số hóa đơn trong ngày.
- Bảng kê sản xuất, xuất kho và tồn kho hàng ngày.
- Lệnh giao hàng.
- Thẻ kho.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Biên bản giao nhận hàng hóa.

* **Phòng K.C.S:**

- Hợp đồng vật liệu, nguyên liệu.
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

* **Phân xưởng Sợi:**

- Sổ theo dõi kế hoạch sản xuất hàng ngày.
- Sổ giao nhận sợi thành phẩm.
- Phiếu xuất nhập nguyên liệu, vật liệu.
- Sổ tồn kho gia liệu.
- Bảng theo dõi độ ẩm không khí.
- Sổ theo dõi vận hành của các máy.
- Sổ giao ca sản xuất.
- Bảng kết quả điểm bình hút.

PHÔNG TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM
(1975 - 2005)

* **Số lượng tài liệu:** 19,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1975 - 2005
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tập lưu quyết định, công văn, thông báo của HĐQT Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Báo cáo hoạt động SXKD của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Tập Công văn "mật" của Chính phủ, Kiểm toán Doanh nghiệp Nhà nước, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Hồ sơ về việc kiểm kê nhà, đất đai, kho bãi.

2. Tài liệu về tổ chức, cán bộ, tiền lương, thi đua khen thưởng

- Tập Quyết định của XNLH Thuốc lá II về công tác tổ chức bộ máy.

- Hồ sơ về việc thành lập, tiếp nhận, bàn giao các Công ty Liên doanh Thuốc lá.

- Hồ sơ về dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Báo cáo thống kê cán bộ, nhân viên của các đơn vị thuộc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Hồ sơ, tài liệu về công tác tiền lương, công tác thi đua khen thưởng của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Điều lệ về tổ chức hoạt động và tổ chức kinh doanh của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về việc nhận phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Báo cáo Hội nghị sơ kết công tác tổ chức LĐTL của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Hồ sơ về việc xếp hạng doanh nghiệp các đơn vị thành viên Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

- Hồ sơ về Đại hội thi đua của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

3. Tài liệu về tài chính, kế toán

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Tập Quyết định của Liên hiệp Thuốc lá Việt Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch và báo cáo hoạt động của Hội liên hiệp Thuốc lá.

- Tài liệu kiểm tra xây dựng các đơn vị trực thuộc.

- Quyết toán vốn đầu tư XDCB và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

- Hồ sơ về việc hợp tác đầu tư, vốn, kỹ thuật giữa Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo quyết toán của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ kiểm soát việc tuân theo pháp luật tại Liên hiệp Thuốc lá Việt Nam.

- Báo cáo công tác thanh tra của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

PHÔNG TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II
(1976 - 2010)

* **Số lượng tài liệu:** 50 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1976 - 2010
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 thắng lợi, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Ngày 5/8/1975, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Quyết định số 9/QĐ-75 thành lập tại Phủ Chủ tịch một Sở Lưu trữ Công văn nhằm giúp Chính phủ quản lý tập trung thống nhất lưu trữ ở các ngành, nghiên cứu trình Chính phủ ban hành các chế độ, nguyên tắc, lập hồ sơ, nộp lưu hồ sơ, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ lưu trữ chuyên môn, nghiệp vụ, tập trung các tài liệu của cơ quan Mỹ - ngụy. Trước mắt là tài liệu của Nha Văn khố quốc gia của ngụy quyền cũ và chi nhánh của Nha Văn khố tại Đà Lạt.

Ngày 29/11/1976, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 252/BT (chuyển tổ chức Sở Lưu trữ thuộc Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để thành lập Kho Lưu trữ Trung ương II thuộc Cục Lưu trữ đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo quyết định trên, Kho Lưu trữ Trung ương II có một trưởng kho phụ trách, giúp việc cho trưởng kho có từ 1 đến 2 phó trưởng kho.

Ngày 17/12/1976, Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 72-QĐ/TC quy định nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Kho Lưu trữ Trung ương II đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 72-QĐ/TC ngày 17/12/1976, Kho Lưu trữ Trung ương II có nhiệm vụ:

- Sưu tầm, thu thập, bảo quản những tài liệu lưu trữ (tài liệu bằng giấy, phim, ảnh, bản đồ, đĩa ghi âm,… thuộc nhiệm vụ Kho Lưu trữ nhà nước quản lý) của các cơ quan Trung ương thuộc chính quyền cũ trong thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc và thời kỳ Mỹ - ngụy ở miền Nam.

- Thống kê sắp xếp, chỉnh lý khoa học tài liệu, phục vụ nghiên cứu, khai thác về các mặt.

- Quản lý cán bộ, nhân viên, quản lý công tác hành chính, quản trị, bảo vệ, điều hành công việc hàng ngày theo các chế độ hiện hành của Nhà nước và sự phân cấp của Cục Lưu trữ.

- Kho Lưu trữ Trung ương II được mở tài khoản, quản lý kinh phí theo chế độ kế toán cấp 2 và được sử dụng con dấu để giao dịch.

Tổ chức bộ máy của Kho Lưu trữ Trung ương II gồm:

1. Tổ phụ trách khối tài liệu lưu trữ thời kỳ phong kiến và Pháp thuộc.

2. Tổ phụ trách khối tài liệu lưu trữ thời kỳ Mỹ - ngụy.

3. Tổ tư liệu và phục vụ khai thác.

4. Tổ hành chính - quản trị.

5. Tổ bảo vệ.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Kho Lưu trữ Trung ương II, do không có đủ cán bộ và phần việc để bố trí nên ngày 16/7/1977, Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng ra Công văn số 172/TCCB đồng ý thành lập bốn tổ công tác tại Kho Lưu trữ Trung ương II với nhiệm vụ cụ thể của từng tổ như sau:

1. Tổ phụ trách khối tài liệu lưu trữ thời kỳ phong kiến và Pháp thuộc.

2. Tổ phụ trách khối tài liệu thời kỳ Mỹ - ngụy.

3. Tổ tư liệu và phục vụ khai thác.

4. Tổ hành chính, quản trị và tổ chức bảo vệ.

Năm 1982, Pháp lệnh Bảo vệ tài liệu Lưu trữ Quốc gia do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ban hành bằng Lệnh số 08/CT-HĐNN ngày 11/12/1982, xác định cơ quan lưu trữ nhà nước ở Trung ương trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 1/3/1984, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 34/HĐBT đổi Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng thành Cục Lưu trữ nhà nước trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Ngày 5/9/1985, Cục Lưu trữ nhà nước ban hành các quyết định thành lập các phòng và các phân kho chuyên môn thuộc Kho Lưu trữ Trung ương II.

1. Phân kho lưu trữ tài liệu Cách mạng.

2. Phân kho tài liệu phong kiến Pháp thuộc.

3. Phân kho tài liệu lưu trữ Mỹ - ngụy.

4. Phòng Hành chính - Quản trị.

5. Phòng Tổ chức Sử dụng tài liệu lưu trữ.

Ngày 8/8/1988, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 223-CT cho phép đổi tên các Kho Lưu trữ nhà nước Trung ương (ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) thành các Trung tâm Lưu trữ quốc gia.

Ngày 6/9/1988, Cục Lưu trữ nhà nước Việt Nam ra Quyết định số 386-QĐTC đổi tên các Kho Lưu trữ nhà nước Trung ương thành các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, trong đó đổi tên Kho Lưu trữ nhà nước Trung ương II thành Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Ngoài những điểm đã quy định tại Quyết định 225-BT ngày 29/11/1976 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng về

việc thành lập Kho Lưu trữ Trung ương II đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II còn có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ của các cơ quan có tài liệu lưu trữ thuộc nguồn nộp lưu của trung tâm, chuẩn bị tài liệu để giao nộp vào các trung tâm lưu trữ quốc gia.

- Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu và các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nghiệp vụ của Trung tâm, của đơn vị theo sự phân cấp của Cục.

Ngày 17/3/1999, Cục Lưu trữ nhà nước ra Quyết định số 20/QĐ-LTNN quy định tổ chức bộ máy của Trung tâm Lưu trữ quốc gia gồm:

- Phòng thu thập và bổ sung tài liệu.

- Phòng chỉnh lý.

- Phòng Tổ chức sử dụng.

- Phòng Bảo quản tài liệu.

- Phòng Hành chính - Quản trị - Tổ chức.

Ngày 2/6/1999 Cục Lưu trữ nhà nước ra Văn bản số 248/LTNN-TCCB quy định chức năng nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

1. Phòng thu thập, bổ sung tài liệu.

2. Phòng Chỉnh lý.

3. Phòng Bảo quản tài liệu.

4. Phòng Tổ chức Sử dụng.

5. Phòng Hành chính - Quản trị - Tổ chức.

Ngày 6/4/2004, Cục Trưởng Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước ra Quyết định số 34/QĐ-VTLTNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Ngày 17/6/2005, Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước ra Quyết định số 257/QĐ-VTLTNN thành lập phòng tin học và công cụ tra cứu thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Ngày 26/5/2009, Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước ra Quyết định số 118/QĐ-VTLTNN thành lập Phòng Kế toán thuộc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Ngày 27/11/2009, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II ra Quyết định số 422/QĐ-TTII quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kế toán. Theo quyết định trên, phòng Kế toán có chức năng giúp Giám đốc Trung tâm quản lý và điều hành công tác kế toán, tài chính, quản lý tài sản của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Ngày 20/5/2010, Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước ra Quyết định số 119/QĐ-VTLTNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Theo quyết định trên, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II có chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức sau:

1. Vị trí và chức năng

Trung tâm Lưu trữ quốc gia II là tổ chức sự nghiệp thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước có chức năng sưu tầm, thu thập, chỉnh lý, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu, tư liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức Trung ương và cá nhân thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc, Mỹ - ngụy và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn từ Đồng Nai vào phía Nam theo quy định của pháp luật và quy định của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

Trung tâm Lưu trữ quốc gia II có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và trụ sở làm việc đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Sưu tầm, thu thập, bổ sung tài liệu, tư liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo thẩm quyền được giao.

- Phân loại, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu, tư liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm.

- Bảo vệ, bảo quản an toàn tài liệu, tư liệu lưu trữ.

- Lập bản sao bảo hiểm tài liệu lưu trữ quý hiếm (ở dạng số hóa) theo quy định phân cấp của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

- Tu bổ, phục chế tài liệu, tư liệu lưu trữ bị hư hỏng của Trung tâm theo quy định phân cấp của Cục trưởng Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

- Xây dựng và quản lý hệ thống công cụ thống kê, tra cứu tài liệu, tư liệu lưu trữ.

- Thực hiện các hình thức tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu, tư liệu lưu trữ bảo quản tại Trung tâm.

- Thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn công tác của Trung tâm.

- Thực hiện các dịch vụ lưu trữ theo quy định pháp luật.

- Quản lý tổ chức, biên chế, cơ sở vật chất kỹ thuật, vật tư, tài sản và kinh phí của Trung tâm theo quy định phân cấp của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

3. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Trung tâm:

+ Trung tâm Lưu trữ quốc gia II có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

+ Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II do Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

+ Các Phó Giám đốc do Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

- Cơ cấu tổ chức:

+ Phòng Thu thập tài liệu.

+ Phòng Chỉnh lý tài liệu.

+ Phòng Bảo quản tài liệu.

+ Phòng Công bố và Giới thiệu tài liệu.

+ Phòng Tin học và Công cụ tra cứu.

+ Phòng Tu bổ - Bảo hiểm tài liệu.

+ Phòng đọc.

+ Phòng Hành chính - Tổ chức.

+ Phòng Kế toán.

+ Phòng Bảo vệ và Phòng cháy chữa cháy.

Giám đốc TTLTQGII quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trung tâm.

Như vậy, qua các văn bản trình bày trên, TTLTQGII là một phông tài liệu hoạt động liên tục từ khi thành lập đến nay. Tuy tổ chức của Trung tâm II có thay đổi theo thời gian để phù hợp với sự phát triển của ngành, nhưng nhìn chung cơ cấu tổ chức rõ ràng và ổn định.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Nội dung tài liệu phản ánh hoạt động của từng đơn vị trong phông, chủ yếu vẫn là công tác bảo quản và phục vụ nghiên cứu của độc giả.

- Báo cáo công tác.

- Tài liệu về nâng cấp các phông tài liệu: tài liệu Hán - Nôm, phong kiến Pháp thuộc, tài liệu Mỹ - ngụy.

- Tài liệu về công tác khai thác, sử dụng tài liệu.

- Tài liệu về công tác tin học.

- Tài liệu về công tác thu thập.

- Tài liệu về công tác bảo quản.

- Tài liệu về công tác tổ chức.

- Tài liệu về công tác hành chính - quản trị.

Ngoài ra, còn có tài liệu về kế toán tài vụ: các tập chứng từ…, dạng này chiếm tỷ lệ không nhiều.

TÀI LIỆU NGHE - NHÌN

SƯU TẬP TÀI LIỆU MICROFILM
(1833 - 17/5/1897)

* **Số lượng tài liệu:** 161 cuộn
* **Thời gian tài liệu:** microfilm của Mỹ, từ năm 1833 - 17/5/1897; Microfilm Châu bản triều Nguyễn thời Gia Long và Minh Mạng
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Anh, Hán
* **Loại hình tài liệu:** microfilm
* **Tình trạng vật lý:** một số cuộn đã bị bết dính
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Khối tài liệu microfilm hiện vđang bảo quản tại TTLTQGII, gồm 2 khối khác nhau, được hình thành trong thời kỳ hoạt động của Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia VNCH.

1. Khối microfilm do Thư viện Quốc hội Mỹ gửi tặng: 97 cuốn

Ngày 4/4/1961, một thỏa ước về trao đổi ấn phẩm công giữa VNCH và Mỹ được ký kết. Đại diện cho phía VNCH là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu, còn phía Mỹ là Đại sứ Mỹ tại VNCH Elbridge Durbrow. Theo thỏa ước này, hai bên sẽ định kỳ hàng năm trao đổi các ấn phẩm công cho nhau, riêng phía Viettt Nam, cơ quan đứng ra tiếp nhận là Thư viện Quốc gia.

2. Khối microfilm chụp các bộ Châu bản triều Nguyễn: 64 cuốn

Ngày 22/5/1964, Chủ tịch Hội Việt Mỹ gửi Công văn cho Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH về việc Hội Việt Mỹ xin được

tài trợ kinh phí để chụp khối Châu bản triều Nguyễn ra microfilm và đề nghị sau đó sẽ xin in một bản để tặng Thư viện John F. Kennedy. Việc này đã được Bộ Quốc gia Giáo dục đồng ý bằng Văn bản số 3549-GD/VP. Tiếp theo đó, theo đề xuất của Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia, Bộ Quốc gia Giáo dục đã cho chụp hai khối Châu bản đã được thống kê và có mục lục là Châu bản triều Gia Long và Minh Mạng, gồm:

- Châu bản triều Gia Long: 5 cuốn.

- Châu bản triều Minh Mạng: 59 cuốn.

Khối microfilm này được tiến hành chụp tại Huế.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm:

- Microfilm chụp các ấn phẩm thời Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln.

- Microfilm chụp các bộ Châu bản triều Nguyễn.

SƯU TẬP TÀI LIỆU GHI ÂM
(1967 - 22/4/1975)

* **Số lượng tài liệu:** - 597 cuộn băng gốc
  - 599 cuộn băng sao
  - 122 đĩa CD-Rom
  - 429 giờ phát
* **Thời gian tài liệu:** 1967 - 22/4/1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu nghe nhìn (băng ghi âm sự kiện)
* **Tình trạng vật lý:** băng gốc bị nấm mốc nặng, giòn, mủn, nhiều cuộn băng bị đứt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sưu tập tài liệu ghi âm có nguồn gốc từ Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, gồm các băng ghi âm sự kiện về hoạt động của Quốc Hội, bầu cử Tổng thống (1969); hoạt động của Hội đồng đô - tỉnh - thị (1971 - 1972); hoạt động của Chính phủ (1968 - 22/4/1975); hoạt động của Tổng thống và Phu nhân (1968 - 12/1973); và hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, đoàn thể (1969 - 1973).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm các nội dung:

1. Tài liệu về hoạt động của Quốc hội, bầu cử Tổng thống (1969)

- Thông điệp của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu trong kỳ họp Quốc hội.

- Thảo luận tại phiên họp Quốc hội.

- Bài nói chuyện của Liên danh Dân chủ Nguyễn Văn Thiệu và Trần Văn Hương về cuộc bầu cử Tổng thống VNCH.

2. Tài liệu về hoạt động của Hội đồng đô - tỉnh - thị (1971 - 1972)

Các cuộc tiếp xúc giữa Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với các Nghị viên đô - thị - tỉnh,...

3. Tài liệu về hoạt động của Chính phủ (1968 - 22/4/1975)

- Các phiên họp Hội đồng Nội các của Chính phủ VNCH, Hội đồng Tổng trưởng, Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương, Hội đồng Tái thiết và Phát triển Quốc gia, Hội đồng Cố vấn, Hội đồng các Sắc tộc,...

- Các cuộc hội thảo về bình định xây dựng tại các Vùng Chiến thuật, về kế hoạch cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa phương, về cải tổ hành chính công vụ, về vấn đề trợ cấp cho phế binh, cựu chiến binh và gia đình tử sĩ, về việc bài trừ mại dâm.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại cuộc Hội thảo về Thông tin Tuyên truyền, các phiên họp về bình định phát triển, Đại hội CSQG toàn quốc, phiên họp các tướng lĩnh Trung ương và Tư lệnh Quân khu, lễ ra mắt Hội đồng Nội các mới.

- Lễ ra mắt Tân Nội các Chính phủ VNCH do Trần Thiện Khiêm làm Thủ tướng.

- Cuộc họp báo của Tổng trưởng Kinh tế và Tổng trưởng Tài chính VNCH.

- Phiên họp tổng kết Kế hoạch Tấn công và Hồi chánh đặc biệt.

- Lời phát biểu của đại diện Chính phủ VNCH tại các cuộc triển lãm quốc tế ở Nhật Bản (1970).

- Diễn văn của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại cuộc họp Hội đồng Tổng trưởng Giáo dục Đông Nam Á.

- Các chỉ thị của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại các cuộc hội thảo.

- Các bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và các thành viên Ủy ban Liên bộ trong cuộc hội thảo về bài trừ ma túy.

- Các báo cáo của các Tư lệnh Quân khu I, II, III, IV trong cuộc hội thảo về bài trừ ma túy.

- Các báo cáo của các tỉnh tại phiên họp Hội đồng Tái thiết và Phát triển.

- Báo cáo của Trung tâm Điều hợp, Văn phòng Thường trực Bài trừ tệ đoan xã hội, Bộ Cựu Chiến binh, Bộ Nội vụ tại phiên họp Hội đồng Tổng trưởng.

- Báo cáo kết quả hoạt động của Chính phủ và bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại buổi tiếp các nghị viên đô - tỉnh - thị.

- Báo cáo của Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương và Huấn thị của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Tỉnh trưởng.

- Các báo cáo của Trung tâm Điều hợp Bình định và Phát triển Trung ương, Bộ Kế hoạch, Quốc Vụ khanh Khẩn hoang lập ấp, Tổng trưởng Bộ Xã hội, Tổng trưởng Bộ Cựu chiến binh, Tổng ủy trưởng Công vụ, Trung tướng Tổng Cục trưởng Tổng Cục Chiến tranh Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu, Phòng Nhì, Trung tướng Phụ tá An ninh thuộc Khối cộng đồng Tình báo Quốc gia, Tổng trưởng Tài chính, Tổng trưởng Kinh tế tại cuộc hội thảo về vấn đề tái thiết và phát triển quốc gia.

- Bài nói chuyện của Tổng trưởng Cải cách Điền địa tại Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Vũng Tàu.

- Huấn thị của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Phát triển Liên khu III và IV.

- Bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Trần Thiện Khiêm tại lễ khởi công xây dựng Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp.

- Cuộc tiếp xúc giữa Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và Ủy ban Liên bộ Hậu phương Yểm trợ Tiền tuyến.

- Bài phát biểu của Tổng cục trưởng Tổng cục Chiến tranh Chính trị nhân ngày Quân lực VNCH.

- Thuyết trình về Hiệp định Paris của đại diện Phái đoàn VNCH dự Hội nghị Paris.

4. Tài liệu về hoạt động của Tổng thống và Phu nhân (1968 - 12/1973)

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với cán bộ quân đội về xây dựng hương thôn, với Nhân dân tự vệ các tỉnh Bình Định, Pleiku, với thân hào nhân sĩ Vùng II Chiến thuật, Trường Bộ binh Thủ Đức, Vùng III Chiến thuật, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tòa Hành chính Ninh Thuận.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với đồng bào Công giáo, với công binh nhân lễ Giáng sinh.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với sinh viên Sài Gòn, giới lập pháp, tân sĩ quan Hải quân, lực lượng Fulro, Quân đoàn 1, đồng bào tỉnh Quảng Tín, Long Khánh, Gò Công.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với quân nhân Tiểu đoàn 11 Nhảy dù, Tiểu đoàn 38 Biệt động, Bộ Tâm lý chiến, Trung đoàn 33 Không quân, Binh chủng Hải quân Cát Lái, binh sĩ Tiểu đoàn 1/15 - Sư đoàn 9 Bộ binh, binh sĩ Trung đoàn 1, Trung đoàn 3, Trung đoàn 54, Sư đoàn 1 Bộ binh nhân dịp Tết Kỷ Dậu.

- Bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với binh sĩ tỉnh Tây Ninh, địa phương quân, quốc dân đồng bào, Tiểu đoàn 2 Thủy quân Lục chiến, lực lượng cảnh sát, Sư đoàn 5, Trường Quốc gia Nghĩa Tử, Học viên Cao đẳng Quốc phòng, cán bộ dân vận toàn quốc, Hội Hướng đạo Việt Nam, Đảng viên Đảng Dân chủ, Trường Đào tạo Tỉnh trưởng và Sĩ quan.

- Các huấn từ của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu.

- Các bài diễn văn của Tổng thống VNCH nhân lễ Quốc khánh VNCH, lễ khai mạc Đại hội Chiến tranh Chính trị, Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Đà Lạt, lễ khởi công xây dựng Công trường Cộng Hòa, Công trường Tự Do, Đài Chiến hữu Việt - Mỹ, Nhà máy Điện Cần Thơ.

- Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tiếp kiến đại diện các đảng phái, đoàn thể, các giới, dân biểu Hạ Nghị viện.

- Các thông điệp của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân lễ Giáng sinh, lễ Quốc khánh, Tết Trung thu, ngày Hội Phật giáo Thế giới.

- Các cuộc họp báo của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu sau các chuyến công du.

- Tổng thống VNCH trả lời chương trình "Người dân muốn biết" của VTX trên Đài Truyền hình.

- Bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tiễn quân đội Hoa Kỳ về nước.

- Tổng thống VNCH nói chuyện với giới quân sự địa phương.

- Tổng thống VNCH tiếp khách quốc tế.

- Các huấn từ của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu trong các khóa huấn luyện quân sự.

- Các bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp khánh thành các công trình xây dựng lớn: Đài Truyền hình Nha Trang, Trường Quốc gia Hành chính,...

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại Lễ cấp phát Chứng chỉ Kiến điền, với hội thảo viên Cải cách Điền địa - phát triển nông ngư nghiệp, với lãnh đạo Phật giáo và đồng bào Việt gốc Miên.

- Bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại các Trường học Trương Vĩnh Ký, Chu Văn An, Trường Gia Long, Trường Quốc gia Nghĩa Tử.

- Bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Nhân dân tự vệ, Viện Đại học Y khoa Sài Gòn,...

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu về cuộc bầu cử Tổng thống.

- Các bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp tiếp phái đoàn dân biểu, nghị sĩ và ngoại giao đoàn.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với quân nhân các đơn vị quân sự: Bộ binh, Pháo binh, Thủy quân lục chiến.

- Nhật lệnh của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân ngày Quân lực VNCH.

- Bài phát biểu của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại buổi thuyết trình về Dự luật Quy chế Đại học, Lễ khai mạc Phiên tòa Đại hình Sài Gòn.

- Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tiếp các Tỉnh trưởng, Tổng trưởng, dân biểu, nghị sĩ, đại diện giới tư pháp toàn quốc, các Chủ tịch Hội đồng đô - tỉnh - thị.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu với đồng bào toàn quốc trên hệ thống truyền hình.

- Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tiếp các Tỉnh trưởng.

- Lời kêu gọi của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp Tết Nguyên đán.

- Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tiếp đại diện các đoàn thể tôn giáo, đảng phái chính trị, các thành phần Chính phủ.

- Bài nói chuyện của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nhân Đại hội các cộng đồng Sắc tộc trên toàn quốc.

- Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tiếp Đại diện Hội đồng các Sắc tộc.

- Bài phát biểu của Phu nhân Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Hội Phụ nữ Việt Nam tại lễ quyên góp tiền để xây dựng Bệnh viện Vì Dân.

5. Tài liệu về hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, đoàn thể (1969 - 1973)

- Các cuộc hội thảo của đại diện các đảng phái, đoàn thể.

- Cuộc họp báo nhân lễ ra mắt Mặt trận Quốc gia Dân chủ Xã hội.

- Phiên họp của Ban vận động thành lập Mặt trận Nhân dân Tranh thủ Hòa bình và Thực thi Quyền dân tộc tự quyết.

- Đại hội Đảng Dân chủ.

- Các phiên họp của Đảng Dân chủ.

- Diễn văn của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Liên đoàn Lao công Việt Nam.

SƯU TẬP TÀI LIỆU VIDEO
(15/1/1974 - 19/1/1974)

* **Số lượng tài liệu:** 21 cuộn
* **Thời gian tài liệu:** 15/1/1974 - 19/1/1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu nghe nhìn (băng Video)
* **Tình trạng vật lý:** nấm, mốc, giòn, xuất hiện vết rạn nứt trên mặt băng,… hư hỏng nặng
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Băng Video về các phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội tu chỉnh Hiến pháp năm 1967 (Luật 001/1974 ngày 22/1/1974 sửa đổi các điều 52, 80, 114 của Hiến pháp 1967).

Văn thư của Quốc hội ngày 12/01/1974 đính kèm Bản viện dẫn lý do và bản dự luật tu chỉnh Hiến pháp năm 1967[(1)].

Phúc trình của Ủy ban Liên viện Quốc hội nghiên cứu đề nghị tu chỉnh Hiến pháp ngày 16/1/1974[(2)].

Tờ trình ngày 16/1/1974 của Văn phòng Liên lạc Quốc hội thuộc Bộ trưởng Phủ Thủ tướng về việc tu chỉnh Hiến pháp[(3)].

---

1 Hồ sơ số 8663, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 8663, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

3 Hồ sơ số 8663, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

Quyết định số 11-TNV/CTĐH/QĐ ngày 17/1/1974[1] của Chủ tịch Thượng Nghị viện và Văn thư số 308/TNV/CTĐH ngày 17/1/1974[2] của Thượng Nghị viện gửi Thủ tướng VNCH về việc triệu tập một phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội để thảo luận và biểu quyết dự luật "Tu chỉnh Hiến pháp ngày 1/4/1967" do 105 vị dân biểu và 42 vị nghị sĩ đề nghị.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm các nội dung sau

- Nội dung các phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội về việc tu chỉnh Hiến pháp năm 1967.

- Các cuốn băng có ký hiệu 1, 2, 3: Cuộc họp thảo luận tu chỉnh Hiến pháp hồi 15h thứ 3 ngày 15/1/1974.

- Các cuốn băng có ký hiệu 1, 2, 3, 4: Cuộc họp thảo luận tu chỉnh Hiến pháp hồi 10h thứ 4 ngày 16/1/1974.

- Các cuốn băng có ký hiệu 6, 7, 9, 10, 11, 12: Cuộc họp thảo luận tu chỉnh Hiến pháp hồi 16h90' thứ 4 ngày 16/1/1974.

- Các cuốn băng có ký hiệu 6, 7, 8, 9, 11: Phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội về việc tu chỉnh Hiến pháp năm 1967.

1 Hồ sơ số 8663, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

2 Hồ sơ số 8663, phông Phủ Thủ tướng VNCH

SƯU TẬP TÀI LIỆU PHIM
(1939 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 40,234 tấm phim
* **Thời gian tài liệu:** 1939 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:**
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu nghe nhìn (phim, ảnh)
* **Tình trạng vật lý:** một số bị nấm, mốc
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Trước ngày 1/11/1963 "Phòng Phim ảnh" trực thuộc Phủ Tổng thống.

Sự vụ Văn thư số 65-SVVT ngày 20/2/1964 của Thủ tướng Chính phủ về việc sát nhập "Sở Báo chí" của Văn phòng Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng vào "Sở Báo chí" Phủ Thủ tướng[1].

Nghị định số 442-TTP/NN ngày 28/2/1964 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tại Phủ Thủ tướng "Nha Báo chí"[2].

Sự vụ lệnh số 70-TTP/NN ngày 20/5/1964 của Thủ tướng Chính phủ về việc đặt "Ban Phim ảnh" Phủ Thủ tướng thuộc "Nha Báo chí" Phủ Thủ tướng[3].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA TÀI LIỆU

Khối tài liệu này ghi lại những sự kiện, hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và các nhân vật cấp cao trong bộ máy lãnh đạo của VNCH. Nội dung chủ yếu như sau:

1 Hồ sơ số 7612, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
2 Hồ sơ số 7612, phông Phủ Thủ tướng VNCH.
3 Hồ sơ số 7612, phông Phủ Thủ tướng VNCH.

1. Hoạt động của Quốc hội

- Các phiên họp của Thượng viện.

- Các phiên họp của Hạ viện.

2. Hoạt động của Tổng thống, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng

- Phát biểu, đọc thông điệp trước Lưỡng viện Quốc hội.

- Tiếp tân, hội đàm ngoại giao.

- Tiếp kiến các phái đoàn trong và ngoài nước.

- Lễ ký kết các hiệp định, hiệp ước và các văn bản quan trọng khác.

- Chủ tọa các buổi lễ quan trọng.

- Họp báo, tiếp ký giả.

- Đi công du nước ngoài.

- Đi kinh lý tại các địa phương.

- Tham dự các buổi lễ.

- Thăm hỏi các đơn vị quân đội.

- Thăm hỏi các cơ sở, tổ chức dân sự khác.

3. Hoạt động của Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tân, hội đàm ngoại giao.

- Tiếp kiến các phái đoàn trong và ngoài nước.

- Lễ ký kết các hiệp định, hiệp ước và các văn bản quan trọng khác.

- Chủ tọa các buổi lễ quan trọng.

- Họp báo, tiếp ký giả.

- Đi công du nước ngoài.

- Đi kinh lý tại các địa phương.

- Tham dự các buổi lễ.

- Thăm hỏi các đơn vị quân đội.

- Thăm hỏi các cơ sở, tổ chức dân sự khác.

4. Hoạt động của các nhân vật khác

- Hoạt động của Phu nhân Tổng thống, Phu nhân Thủ tướng, Bà Ngô Đình Nhu.

- Hoạt động của các bộ trưởng, các nhân vật quan trọng.

5. Các hoạt động khác

- Hoạt động của quân lực VNCH, hợp tác quân sự với ngoại bang.

- Hoạt động dân - chính - đảng.

- Hoạt động tôn giáo.

SƯU TẬP TÀI LIỆU ẢNH
(1939 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 104,800 tấm
* **Thời gian tài liệu:** 1939 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:**
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu ảnh
* **Tình trạng vật lý:** ảnh rửa trước giải phóng nước ảnh còn tốt, nhưng ảnh trong tình trạng bị cong, vênh, một số bị rách và ố vàng, ảnh rửa từ phim năm 2006 trong tình trạng tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Sưu tập tài liệu ảnh có nguồn gốc từ các cơ quan thuộc chế độ ngụy quyền Sài Gòn, từ các phông tài liệu lưu trữ và 40.234 ảnh được tráng rửa thuộc Đề án đối với khối tài liệu phim trong 2 năm 2006 - 2007.

Nội dung của Sưu tập ảnh ghi lại những hoạt động của các nhân vật cao cấp trong bộ máy chính quyền Quốc gia Việt Nam và VNCH như: Quốc trưởng, Tổng thống, Phó Tổng thống, Chủ tịch UBLĐQG, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương và hoạt động của các Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

Trong đó, có một số ảnh quý hiếm như: tư liệu ảnh về Chiến tranh thế giới lần thứ hai, hoạt động của phái đoàn Quốc hội Việt Nam đi Paris dự Hội nghị Fontainebleau từ ngày 16/4/1946 đến ngày 23/5/1946 do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn và tư liệu ảnh về đám tang Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969.

Ngoài ra còn một số ảnh về các hoạt động của chính quyền Quốc gia Việt Nam và VNCH, ảnh về các mục tiêu phá hoại của ngụy quyền

Sài Gòn ở miền Bắc, các hoạt động của Phái đoàn Liên hiệp quân sự hai bên và bốn bên.

Tài liệu ảnh được hệ thống theo phương án mặt hoạt động - thời gian, gồm 10 mục như sau

- Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

- Phái đoàn Quốc hội Việt Nam đi Paris dự Hội nghị Fontainebleau.

- Hoạt động của Quốc trưởng.

- Hoạt động của Tổng thống, Phó Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa.

- Hoạt động của Tổng thống, Phó Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa và Phu nhân.

- Hoạt động của Chủ tịch UBLĐQG.

- Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBHPTW.

- Hoạt động của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Phu nhân.

- Hoạt động của các nhân vật khác.

- Các hoạt động khác.

SƯU TẬP TÀI LIỆU ĐĨA HÁT

* **Số lượng tài liệu:** 3,951 đĩa
* **Thời gian tài liệu:** trước năm 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Pháp, Trung,…
* **Loại hình tài liệu**: đĩa
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

TTLTQGII đang quản lý khối tài liệu đĩa hát có thời gian từ trước năm 1975. Đây là khối tài liệu quý, hiếm chủ yếu được tiếp quản từ Phòng Nạp bổn - Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia, Phủ Tổng thống VNCH. Sưu tập gồm: 2.787 đĩa 45 và 1.164 đĩa 30. Trung tâm II đã tiến hành chỉnh lý và xử lý xong trong 2 năm 2009 - 2010, với thời lượng thực tế 655 giờ phát và hơn 9.000 tác phẩm.

Thành phần tài liệu chủ yếu gồm: ca nhạc, cải lương, nhạc không lời, nhạc giao hưởng.

TÀI LIỆU
KHOA HỌC KỸ THUẬT

SƯU TẬP TÀI LIỆU BẢN ĐỒ THỜI KỲ PHÁP THUỘC VÀ MỸ - NGỤY (1852 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 23.296 bản đồ, trong đó:
  - 6.052 bản đồ thời kỳ Pháp thuộc
  - 17.244 bản đồ thời kỳ Mỹ - ngụy
  - Bản chính: 8.784 bản
  - Bản trùng, bản sao: 14.512 bản
* **Thời gian tài liệu:** 1852 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:**
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu KHKT (giấy, giấy bồi vải, bản calque, bản đồ nổi)
* **Tình trạng vật lý:** phần lớn tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc bị hư hỏng, ố, giòn, rách, mục; một số ít bị hư hỏng nặng; bản đồ thời kỳ Mỹ - ngụy còn tương đối tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Khối tài liệu bản đồ do TTLTQGII quản lý được sản sinh trong thời kỳ Pháp thuộc và thời kỳ Mỹ - ngụy. Trước năm 1975, khối tài liệu bản đồ này do Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thuộc chính quyền VNCH nắm giữ. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, các cán bộ lưu trữ thuộc Kho Lưu trữ Trung ương II (nay là TTLTQGII) đã thu gom từ nhiều nguồn, song nguồn chủ yếu vẫn là các bản đồ nạp bản cho Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia. Ngoài ra, còn một số bản đồ không rõ thuộc phông lưu trữ nào cũng đã được thu thập đưa về khối này.

Nhóm tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc có kích thước nhỏ nhất là từ 200 - 220 cm x 270 - 370 cm, nhóm tài liệu có kích thước lớn nhất từ 1.275 - 1.880 cm x 1.335 - 2.190 cm.

Nhóm tài liệu thời kỳ Mỹ - ngụy có kích thước nhỏ nhất từ 420 - 495 cm x 520 - 780 cm và nhóm tài liệu có kích thước lớn nhất từ 1.000 - 2195 x 1360 - 3310 cm. Các bản đồ thời kỳ Mỹ - ngụy chủ yếu do Sở Đồ bản Quân đội Hoa Kỳ ấn hành hoặc do Phân cục Địa dư Đà Lạt, Nha Địa dư Quốc gia Việt Nam (Đà Lạt) xuất bản.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm các nội dung sau:

1. Tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc

Nội dung chủ yếu của tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc gồm:

- Bản đồ địa hình của các tỉnh Bắc, Trung, Nam Kỳ do Phòng Địa hình Đông Dương, Sở Địa hình - Bộ Thuộc địa Pháp xuất bản.

- Bản đồ hình thể, kinh tế, chính trị của châu Á, châu Phi.

- Bản đồ hành chính của các tỉnh trong nước, các nước Đông Dương, các nước trên thế giới.

- Bản đồ kinh tế, chính trị, khí hậu, nông nghiệp, chủng tộc Đông Dương, các nước trong Liên bang Đông Dương, các tỉnh thuộc Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ.

- Bản đồ các thuộc địa của Pháp: châu Phi thuộc Pháp, Đông Dương thuộc Pháp, Ấn Độ, Guyane.

- Bản đồ Nam Kỳ, Campuchia, Miến Điện, Quảng Đông, Quảng Tây, Hàn Quốc, Nhật Bản của Hội Truyền giáo Pháp.

- Bản đồ chính trị châu Âu, Trung Quốc, Úc.

- Bản đồ nhượng đất của Pháp ở Thượng Hải.

- Bản đồ biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- Bản đồ quân sự Bắc Kỳ, Lai Châu, vùng Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Bản đồ chiến sự Bắc Âu trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945).

- Bản đồ kinh tế Đông Dương.

- Bản đồ giao thông Đông Dương (Trung Kỳ, Nam Việt, Sài Gòn, Đà Lạt, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Ban Mê Thuột, Phnôm-Pênh, Korat, Khong, Battambang, Lào); bản đồ giao thông Ý; bản đồ đường sắt Đông Dương năm 1885 - 1936; bản đồ giao thông đường bộ ở Bắc thành phố Huế; bản đồ đường sá và hành chính tỉnh Thái Bình; bản đồ giao thông đường bộ của Lào; bản đồ hàng không Tonlé - Sap.

- Bản đồ thủy văn nước Pháp, Quảng Đông, Vịnh Bắc Bộ, Campuchia, Thái Lan.

- Bản đồ khí tượng thủy văn của Trạm Phú Liễn, bản đồ theo dõi lũ, mưa ở Bắc Kỳ.

- Bản đồ về thiên văn học ở vùng Á châu.

- Bản đồ địa chất Nam Việt, Campuchia, Lào; bản đồ địa hình và địa chất Cao Bằng; bản đồ địa chất Sài Gòn, Nha Trang; bản đồ địa chất Trung Âu, Bắc Mỹ, Pháp, Ấn Độ, Anh, Bỉ, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Đức, Ý, Áo, Nga, Marốc, Algérie, Tuy-ni-si, Chilé, Áchentina.

- Bản đồ thương mại của người Hoa ở thành phố Chợ Lớn.

- Bản đồ du lịch Đông Dương, vùng phụ cận Chapa.

- Bản đồ các vùng trồng lúa ở Đông Dương, Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, các tỉnh Kiến An, Vĩnh Yên, Hưng Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa.

- Bản đồ thảo mộc, thổ nhưỡng Đắk Lắk.

- Bản đồ địa bạ tỉnh Phú Yên.

- Bản đồ đồng bằng trung tâm châu Âu.

- Bản đồ lâm nghiệp Nam Kỳ, Trung Kỳ, Campuchia, Lào.

- Bản đồ nhân khẩu Đông Dương.

- Các quyển ATLAS bao gồm các bản đồ về lịch sử, địa lý, chính trị, kinh tế, hình thể của châu Á, châu Âu, châu Phi như ATLAS

Vidal Lablache gồm: Bản đồ lịch sử khu vực Địa Trung Hải thế kỷ VII-Ve trước công nguyên; bản đồ lịch sử châu Âu thế kỷ X - XIII; bản đồ lịch sử nước Pháp (bản đồ thành phố Paris năm 1789, bản đồ Versaille năm 1789, Paris trong cuộc cách mạng 1790 - 1795, bản đồ chiến tranh Napoléon Đệ Nhất); bản đồ châu Âu thế kỷ XIV - XVI; bản đồ nước Pháp thế kỷ XIV - XVII; bản đồ hành chính, quân sự, biên giới, giao thông, công nghiệp của nước Pháp; bản đồ nước Đức và Bắc Ý trong cuộc chiến tranh 1618 - 1648; bản đồ Hoa Kỳ thế kỷ XVIII - XIX; bản đồ hình thể, chính trị, lịch sử của Ý, Đức; bản đồ các thuộc địa của Anh; bản đồ hình thể, chính trị, kinh tế của châu Á, châu Phi.

- Các quyển ATLAS các vùng thuộc địa của Pháp như: Guadeloupe, Guyane, Madagascar, Martinique, Nam Kỳ, Réunion, Sénégal.

- Các quyển ATLAS nghiên cứu về thủy văn khu vực sông Mé Kong, vịnh Thái Lan, Vịnh Bắc Bộ và các khu vực khác trên thế giới do Nha Địa dư - Bộ Thuộc địa Pháp xuất bản.

2. Tài liệu bản đồ thời kỳ Mỹ - ngụy

Nội dung chủ yếu của tài liệu bản đồ thời kỳ Mỹ - ngụy gồm:

- Bản đồ địa lý đại cương Bắc phần, Trung phần, Nam phần.

- Bản đồ hành chính VNCH, vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, tỉnh Gò Công, Lạng Sơn,...

- Bản đồ địa giới hành chính Đô thành Sài Gòn, quận Thủ Đức, Nhà Bè, Quảng Xuyên, Bình Chánh, Tân Bình, Hóc Môn, Gò Vấp, tỉnh Gia Định, quận Dĩ An, Đức Tu, Long Thành, Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa, quận Cần Giuộc, Rạch Kiến, Bến Lức.

- Bản đồ hành chính và quân sự tỉnh Phong Dinh, Gia Định, Tây Ninh, Bình Định, Biên Hòa, Thừa Thiên, Quảng Nam, Kon Tum, Quảng Trị, Thái Bình, Lào Cai, Điện Biên Phủ, Đồ Sơn.

- Bản đồ địa hình, hình thể Đông Nam Á, VNCH, Nam phần, các tỉnh Nam Việt, Trung Việt, Bắc Lào, Bắc Thái Lan, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện và các tỉnh trong khu vực Đông Dương.

- Bản đồ quân sự: Bản đồ chiến lược tỉnh Định Tường, Kiến Tường, Chương Thiện, Hậu Nghĩa, Phước Tuy; Bản đồ hành quân hỗn hợp Huế - Muang Xépon (Việt Nam - Lào); Bản đồ hành quân Trung phần - Lào; Bản đồ hành quân hỗn hợp Quảng Ngãi, Kon Tum, Muang Mai (Việt Nam - Lào); Bản đồ hành quân Kon Tum, Quy Nhơn, Huế, Đảo Hải Nam (Trung Quốc); Bản đồ hành quân hỗn hợp khu vực Quảng Ngãi, Kon Tum, Quy Nhơn; Điện Biên Phủ, Sài Gòn, Lai Châu, Long Xuyên, Virachey, Orang, Phnôm-pênh, Prey Veng (Campuchia), Chavan, Saravan, Muang Mai (Lào), Fu Ninh, Lung Ching (Trung Quốc), Chang Wat Chanthaburi, Chang Wat Nakhon Ratchasima (Thái Lan). Bản đồ hành quân vùng Quảng Trị - Thừa Thiên - Quảng Nam (có ghi vị trí đóng quân của các lực lượng đặc biệt của Hoa Kỳ và VNCH); Bản đồ quân sự Quân khu II.

- Bản đồ tin tức các nước Campuchia, Lào, Thái Lan, Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt.

- Bản đồ chiến lược Eurasia - châu Âu.

- Bản đồ tin tức tình báo: Tập nghiên cứu căn cứ địa và khu vực hoạt động của Việt cộng Bắc Việt.

- Bản đồ kinh tế Việt Nam.

- Bản đồ giao thông: Bản đồ hình thể và đường sá Campuchia, Lào, Việt Nam, bản đồ đường sá Bắc Việt, Bắc Lào, Đông Nam Á, Bắc Thái Lan, Philippines, bản đồ đường sá Sài Gòn, Cần Thơ, Tây Ninh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Huế, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Lâm Đồng, Quảng Đức, Tuyên Đức, Vinh, Sơn Tây, Lạng Sơn, Lai Châu, Lào Cai, Lào, Thái Lan, Phnôm-Pênh, Siem Reap, Savanakhet, Battambang, Ream, Khong. Bản đồ hướng dẫn đường hàng không; Bản đồ hàng không khu vực Nam Việt, Trung Việt; Bản đồ phi trường Sài Gòn. Bản đồ thủy vận Nam phần Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, cửa sông Mé Kong.

- Bản đồ địa chất Việt Nam, Campuchia, Lào, Sài Gòn, Hà Nội, Cao Bằng, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn, Vĩnh Long, Pak Nam, Băng Kok, Mong Tzeu, Vientiane, Luang Prabang.

- Bản đồ canh nông tỉnh Phước Long.

- Bản đồ thổ nhưỡng VNCH.

- Bản đồ thổ nhưỡng và thảo mộc Đắc Lắk, Phú Yên.

- Bản đồ thảo mộc VNCH.

- Bản đồ thủy nông Phan Rang.

- Bản đồ lâm nghiệp: Fimom.

- Bản đồ dân số miền Nam Việt Nam.

- Bản đồ mật độ dân số VNCH.

- Đặc biệt là trong khối tài liệu bản đồ thời kỳ Mỹ - ngụy có một số bản đồ nổi do Sở Đồ bản Quân đội Hoa Kỳ xuất bản bao gồm bản đồ các tỉnh Bắc, Trung Việt và miền Đông Nam Bộ, bản đồ các tỉnh thuộc Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Philippines.

PHÔNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CẦU MỸ THUẬN
(1994 - 2002)

* **Số lượng tài liệu:** 4,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1994 - 2002
* **Ngôn ngữ tài liệu:** chủ yếu là tiếng Việt
* **Loại hình tài liệu:** chủ yếu là tài liệu hành chính (giấy), có một số bản vẽ kỹ thuật
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận được thành lập theo Quyết định số 950/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/6/1994 của Bộ GTVT (sau đổi tên thành Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận)[1].

Quyết định số 3820/QĐ/TCCB-LĐ ngày 11/8/1995 của Bộ GTVT quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận[2].

Quyết định số 737/TTg ngày 10/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án đầu tư khả thi cầu Mỹ Thuận[3].

Quyết định số 2982/KHĐT ngày 27/5/1995 của Bộ GTVT cho phép Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận tiến hành chuẩn bị đầu tư công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51[4].

---

1 Hồ sơ số 01, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.
2 Hồ sơ số 01, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.
3 Hồ sơ số 01, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.
4 Hồ sơ số 561, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

Quyết định số 3820/QĐ/TCCB-LĐ ngày 11/8/1995 của Bộ GTVT quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận[1].

Quyết định số 3871/KHĐT ngày 18/12/1995 của Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư và thực hiện thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51 cho Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận[2].

Quyết định số 475/TTg ngày 17/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51 đoạn Km 5+000-Km 73+600 Biên Hòa - Vũng Tàu[3].

Quyết định số 1923/KHĐT ngày 24/7/1996 của Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư nâng cấp Quốc lộ 51 cho Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận[4].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng đường nối từ Quốc lộ 1 vào cầu Mỹ Thuận, bờ bắc tỉnh Tiền Giang.
- Xây dựng trạm thu phí cầu Mỹ Thuận (nhà trạm, nhà điều hành).
- Cung cấp và lắp đặt thiết bị thu phí - Dự án cầu Mỹ Thuận.
- Sửa chữa nâng cấp cầu Chéo - tỉnh Tiền Giang.
- Xây dựng đường song hành bờ bắc - tỉnh Tiền Giang.
- Xây dựng cầu song hành bờ bắc - tỉnh Tiền Giang.
- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bờ bắc - tỉnh Tiền Giang.
- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng nút giao thông bờ nam.
- Xây dựng nút giao thông bờ nam - phần cầu vượt.
- Xây dựng nút giao thông bờ nam - phần tuyến.
- Xây dựng khu tái định cư Vĩnh Long.

---

1 Hồ sơ số 01, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

2 Hồ sơ số 561, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

3 Hồ sơ số 712, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

4 Hồ sơ số 561, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

- Xây dựng đường ra, vào công trường và Nhà máy Phân bón Cửu Long - tỉnh Vĩnh Long.

- Dò tìm, xử lý bom mìn vật nổ Dự án cầu Mỹ Thuận.

- Phần cầu chính do phía Úc thi công.

- Dự án bảo vệ bờ thượng lưu cầu Mỹ Thuận.

- Đường nối hai đường song hành bờ bắc cầu Mỹ Thuận.

- Đường ra vào Nhà máy Phân bón Cửu Long - giai đoạn 3.

- Hồ sơ thuyết minh và các văn bản liên quan đến dự án.

- Hồ sơ dự toán và phê duyệt dự án.

- Hồ sơ về khảo sát địa hình, địa chất công trình và công tác dò tìm, xử lý bom mìn vật nổ.

- Hồ sơ mời thầu, đấu thầu, kết quả xét thầu và chỉ định thầu.

- Các hợp đồng thiết kế, thi công các hạng mục và biên bản thanh lý.

- Bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công.

- Hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán phát sinh và khối lượng phát sinh.

- Báo cáo thẩm định, kết quả nghiên cứu vật liệu, chứng chỉ thí nghiệm vật liệu.

- Báo cáo kết quả, chất lượng của tư vấn giám sát và quản lý hợp đồng thi công.

- Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các công trình và hạng mục.

- Hồ sơ hoàn công và bàn giao công trình.

- Chương trình duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra công trình.

- Nhật ký thi công, nhật ký công trình.

PHÔNG CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO NÂNG CẤP QUỐC LỘ 51
(1996 - 2001)

* **Số lượng tài liệu:** 15,9 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1996 - 2001
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận được thành lập theo Quyết định số 950/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/6/1994 của Bộ GTVT (sau đổi tên thành Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận)[1].

Quyết định số 2982/KHĐT ngày 27/5/1995 của Bộ GTVT cho phép Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận tiến hành chuẩn bị đầu tư công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51[2].

Quyết định số 3820/QĐ/TCCB-LĐ ngày 11/8/1995 của Bộ GTVT quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận[3].

Quyết định số 3871/KHĐT ngày 18/12/1995 của Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư và thực hiện thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51 cho Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận[4].

---

1 Hồ sơ số 01, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

2 Hồ sơ số 561, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

3 Hồ sơ số 01, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

4 Hồ sơ số 561, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

Quyết định số 475/TTg ngày 17/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51 đoạn Km 5+000-Km 73+600 Biên Hòa - Vũng Tàu[1].

Quyết định số 1923/KHĐT ngày 24/7/1996 của Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư nâng cấp Quốc lộ 51 cho Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận[2].

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Thành phần tài liệu trong phông gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Hồ sơ địa chất thủy văn bao gồm

- Đoạn từ Km 5-Km 24.
- Đoạn từ Km 24-Km 43.
- Đoạn từ Km 43-Km 74 + 436.1

2. Hồ sơ xét thầu, thiết kế, bản vẽ thi công và thực hiện thi công các hạng mục của công trình bao gồm

- Đoạn từ Km 5-Km 9 (hợp đồng số 1).
- Đoạn từ Km 9-Km 13 (hợp đồng số 2).
- Đoạn từ Km 13-Km 17 (hợp đồng số 3).
- Đoạn từ Km 17-Km 21 (hợp đồng số 4).
- Đoạn từ Km 21-Km 24 (hợp đồng số 5).
- Đoạn từ Km 24-Km 28 (hợp đồng số 6).
- Đoạn từ Km 28-Km 32 (hợp đồng số 7).
- Đoạn từ Km 32-Km 36 (hợp đồng số 8).
- Đoạn từ Km 36-Km 40 (hợp đồng số 9).
- Đoạn từ Km 40-Km 43 (hợp đồng số 10).
- Cầu: Sông Buông, Suối Đôn, Nước Trong, Quán Thủ (hợp đồng số 11).

---

1 Hồ sơ số 712, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

2 Hồ sơ số 561, phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận.

- Cầu: Quán Tre, Suối Cả, Thái Thiện, Thị Vải (hợp đồng số 12).

- Đoạn từ Km 43-Km 46 (hợp đồng số 13).

- Đoạn từ Km 46-Km 49 (hợp đồng số 14).

- Đoạn từ Km 49-Km 52 (hợp đồng số 15).

- Đoạn từ Km 52-Km 55 (hợp đồng số 16).

- Đoạn từ Km 55-Km 58 (hợp đồng số 17).

- Đoạn từ Km 58-Km 61 (hợp đồng số 18).

- Đoạn từ Km 61-Km 64 (hợp đồng số 19).

- Đoạn từ Km 64-Km 67 (hợp đồng số 20).

- Đoạn từ Km 67-Km 74 (hợp đồng số 22).

- Cầu: Sông Dinh, Rạch Ván (hợp đồng số 23).

- Thi công dải tôn sóng, dải phân cách và mặt đường Trạm Thu phí T1 (hợp đồng số 533B).

- Nhà trạm và Khu Điều hành Trạm Thu phí T1 (hợp đồng số 1534).

- Hệ thống an toàn giao thông Km 5-Km 74+100 (hợp đồng số 225).

- Lắp đặt dải phân cách đoạn từ Km 5-Km 74+100 (hợp đồng số 552B).

- Cầu thô sơ dành cho người đi bộ đoạn từ Km 58-Km 74+100 (hợp đồng số 1183).

- Giá Pooctic từ Km 0+670-Km 74+65 (hợp đồng số 554).

3. Hồ sơ hoàn công bao gồm

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Giai đoạn chuẩn bị xây dựng.

- Quá trình thực hiện dự án.

4. Hồ sơ thiết kế điều chỉnh bổ sung và thiết kế bổ sung toàn tuyến. Nội dung của tài liệu bao gồm

- Hồ sơ thuyết minh và các văn bản liên quan đến dự án.

- Hồ sơ dự toán và phê duyệt dự án.

- Hồ sơ về khảo sát địa hình, địa chất công trình.

- Hồ sơ mời thầu, đấu thầu, kết quả xét thầu và chỉ định thầu.

- Các hợp đồng thiết kế, thi công các hạng mục và biên bản thanh lý.

- Bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công.

- Hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán phát sinh và khối lượng phát sinh.

- Báo cáo thẩm định, kết quả nghiên cứu vật liệu, chứng chỉ thí nghiệm vật liệu.

- Báo cáo kết quả, chất lượng của tư vấn giám sát và quản lý hợp đồng thi công.

- Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các công trình và hạng mục.

- Hồ sơ hoàn công và bàn giao công trình.

- Chương trình duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra công trình.

- Nhật ký thi công, nhật ký công trình.

PHÔNG BAN QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ VŨNG TÀU (1982 - 1993)

* **Số lượng tài liệu:** 122,5 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1982 - 1993
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Nga, Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu XDCB (giấy, bản vẽ kỹ thuật bằng giấy scan, giấy thường), tài liệu hành chính
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Ngày 19/6/1981, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã ký Hiệp định Liên Chính phủ về hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam. Để triển khai Hiệp định này, Chính phủ hai nước đã thành lập Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro với các đối tác đại diện cho hai phía tham gia là Tổng cục Dầu khí Việt Nam (tiền thân của PetroVietnam) và Liên đoàn Kinh tế Đối ngoại Cộng hòa Liên bang Nga (Zarubenzhneft). Đây là mô hình liên doanh kinh tế với nước ngoài đầu tiên tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại Việt Nam.

Sau khi thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu đã được thành lập. Ban này có nhiệm vụ thực hiện việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của Liên doanh.

Trong thời gian từ năm 1982 - 1993, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu đã tiến hành xây dựng rất nhiều công trình phục vụ cho hoạt động của ngành dầu khí.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Tài liệu trong phông có một phần là tài liệu quản lý hành chính, còn lại là tài liệu XDCB các công trình của Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu, cụ thể như sau:

1. Tài liệu tổng hợp

- Tài liệu tổ chức bộ máy, quy chế làm việc.

- Tài liệu chỉ đạo chung về XDCB cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

- Báo cáo thực hiện XDCB.

- Tài liệu bàn giao công trình cho Xí nghiệp Liên doanh sau khi thực hiện xong.

2. Tài liệu về XDCB

- Xây dựng các khu nhà làm việc.

- Xây dựng các khu nhà ở.

- Xây dựng các kho chứa.

- Xây dựng các công trình khác.

- Bản vẽ kỹ thuật.

PHÔNG CÔNG TRÌNH THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN KHÍ BẠCH HỔ - THỦ ĐỨC CỦA CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ (1991 - 2001)

* **Số lượng tài liệu:** 72,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1991 - 2001
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Nội dung tài liệu phản ánh sự chỉ đạo, lãnh đạo, đầu tư, xây dựng công trình trọng điểm của Nhà nước đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng sản xuất có hiệu quả.

PHÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ MÁY LIÊN DOANH THUỐC LÁ BAT-VINATABA (2001 - 2005)

* **Số lượng tài liệu:** 6 mét
* **Thời gian tài liệu:** 2001 - 2005
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong phông gồm:

- Tài liệu pháp lý về việc xây dựng công trình.

- Các thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

- Bản vẽ hệ thống phòng cháy, thoát nước, điều hòa không khí, thông gió, nước cấp, hệ thống điện, kiến trúc tòa nhà,...

- Tài liệu nghiệm thu chất lượng công tác xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- Bảng kê danh mục các thiết bị, lý lịch thiết bị máy móc lắp đặt trong công trình.

- Báo cáo, phiếu kết quả thử nghiệm thép vằn, bê tông các hạng mục.

- Tài liệu hướng dẫn vận hành các thiết bị.

- Nhật ký theo dõi công trình.

PHÔNG ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - TRUNG LƯƠNG (2004 - 2012)

* **Số lượng tài liệu:** 224 mét
* **Thời gian tài liệu:** 2004 - 2012
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu hành chính (giấy)
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là một công trình được xây dựng nối Thành phố Hồ Chí Minh với Tiền Giang nói riêng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, đây là dự án thành phần thuộc dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương được xây dựng theo Quyết định số 1286/QĐ-TTg ngày 6/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư Dự án xây dựng Đường ô tô cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (giai đoạn 1).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang, dài 38,9km, điểm đầu: nút giao thông Chợ Đệm trên địa phận huyện Bình Chánh - Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cuối nút giao thông Thân Cửu Nghĩa trên địa phận huyện Châu Thành - tỉnh Tiền Giang.

Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản: đây là tuyến đường cao tốc, có mặt cắt ngang được quy hoạch 8 làn xe cao tốc (2 luồng xe), mỗi

luồng 4 làn xe cao tốc. Các tuyến đường nối có mặt cắt ngang quy hoạch từ 4 đến 6 làn xe.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG

Nội dung tài liệu chủ yếu của phông gồm: hồ sơ hoàn công hạng mục: giếng cát; cọc khoan nhồi; bệ - thân - xà mũ các mố; bệ - thân - xà mũ các trụ; sản xuất, vận chuyển và lao lắp dầm super T, kết cấu phần trên nhịp; thảm bê tông.

SƯU TẬP BẢN VẼ, BẢN ĐỒ
(KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ VII)
(1941 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 24,852 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1941 - 1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Pháp, Anh, Việt
* **Loại hình tài liệu**: bản vẽ (bản vẽ cuộn, bản vẽ treo), bản đồ (ảnh chụp) trên các chất liệu: giấy, plastic, giấy nylon, giấy dầu
* **Tình trạng vật lý:** ố vàng, giòn, rách, chữ mờ
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu gồm các bản vẽ, bản đồ các tuyến đường, các cây cầu, cống, quốc lộ,… trong quá trình thiết kế và thi công.

TÀI LIỆU CÁ NHÂN
GIA ĐÌNH - DÒNG HỌ

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
NHÀ THƠ BẢO ĐỊNH GIANG
(1963 - 1975)

* **Số lượng tài liệu:** 0,7 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1963 - 1975
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy, ấn phẩm, băng video
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Nhà thơ Bảo Định Giang sinh năm 1919 tại xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, mất năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông là con của một gia đình địa chủ bị phá sản tại một làng ven Đồng Tháp Mười. Với tinh thần hiếu học, ông đã xin ngụ ở chùa để theo đuổi nghiệp đèn sách. Sau đó, ông mở lớp học tại chùa. Khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 bùng nổ, ông đã tham gia giành chính quyền và sau đó vào Đồng Tháp Mười gia nhập quân đội kháng chiến. Từ khi tập kết ra Bắc cho đến ngày thống nhất nước nhà, ông đã giữ nhiều trọng trách tại Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Tại đây, ông là cầu nối giữa các văn nghệ sĩ tại chiến trường miền Nam với Hội. Ông là một nhà thơ có rất nhiều sáng tác gắn liền với cuộc kháng chiến của dân tộc và ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu. Với những công lao đóng góp của ông cho văn học nghệ thuật Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ, ông đã

được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, đặc biệt ông đã được nhận Giải thưởng Nhà nước năm 2001.

Vào cuối những năm 60 và đầu những năm 70 của thế kỷ trước, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đầy khó khăn, ác liệt nhưng cũng rất hào hùng và oanh liệt. Chính vào thời gian này, các văn nghệ sĩ cùng nhiều thanh niên cả nước đã lên đường vào Nam chiến đấu. Và từ chiến trường miền Nam, các văn nghệ sĩ đã có nhiều bài viết, thư từ gửi cho Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Người nhận và xử lý thông tin trong các thư này là nhà thơ Bảo Định Giang. Sau ngày miền Nam giải phóng, nhà thơ Bảo Định Giang đã trở về miền Nam và ông mang theo toàn bộ các lá thư quý giá ngày ấy của đồng nghiệp.

Năm 2001, Nhà thơ Bảo Định Giang đã hiến tặng toàn bộ số thư của các văn nghệ sĩ chiến đấu tại chiến trường miền Nam và một số ấn phẩm cho TTLTQGII.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần của sưu tập tài liệu gồm: thư của 134 văn nghệ sĩ từ chiến trường miền Nam gửi ra miền Bắc, trong đó có các thư của các nhạc sĩ, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng như: Trần Hoàn, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Khoa Điềm, Dương Thị Xuân Quý, Chu Cẩm Phong, Anh Đức,… Ngoài ra, còn có một số ấn phẩm của ông đã được xuất bản, băng video về lễ mừng thượng thọ ông.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
NHẠC SĨ LƯU CẦU
(1958 - 1992)

* **Số lượng tài liệu:** 0,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1958 - 1992
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy (viết tay)
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Nhạc sĩ Lưu Cầu tên thật là Nguyễn Hoàn Cầu - bút danh Lê Chính Nghĩa. Ông sinh ngày 30/11/1930, quê quán Sóc Trăng.

Nhạc sĩ Lưu Cầu sống tại Sài Gòn từ năm 1940. Ông được giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Năm 1945, ông hoạt động trong tổ chức của Đoàn Thanh niên Tiền phong Phan Bội Châu (Phú Nhuận). Vào đêm 24/8/1945, trong khí thế cùng cả nước giành chính quyền ở khắp ba miền, với nhiệt huyết cách mạng của tuổi trẻ, ông đã cùng với lực lượng trí thức và nhân dân yêu nước miền Nam bao vây Dinh Toàn quyền (Dinh Thống Nhất ngày nay) và giành chính quyền vào ngày 25/8/1945.

Năm 1947, ông hoạt động ở Ban Tuyên truyền Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đặc Khu Sài Gòn - Chợ Lớn thuộc khu vực Gò Xoài, Vườn Thơm, Láng Le (huyện Bình Chánh ngày nay).

Năm 1948, ông tham gia kháng chiến tại Đài Tiếng nói Nam Bộ Kháng chiến ở rừng U Minh Hạ (Bạc Liêu). Tại đây, ông cùng các chiến sĩ cách mạng Nam Bộ vượt biển tập kết ra Bắc, chuyến tàu đã

cặp bến tại bãi biển Sầm Sơn (Hải Phòng) vào sáng ngày Mồng Một Tết Xuân Ất Mùi (năm 1955).

Từ năm 1955 - 1976, ông làm việc tại Đài Tiếng nói Việt Nam. Cuối năm 1976, ông trở về miền Nam và làm việc tại Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Hiện nay, ông rất khỏe mạnh và sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông vẫn nghiên cứu và sáng tác rất đều đặn.

Từ khi tập kết ra Bắc cho đến nay, ông sáng tác một số bản giao hưởng và rất nhiều ca khúc gắn liền với cuộc kháng chiến của dân tộc và ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu. Với những công lao đóng góp của ông cho nền âm nhạc Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ, ông đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, đặc biệt ông đã được nhận Giải thưởng Nhà nước năm 2001.

Năm 2006, Nhạc sĩ Lưu Cầu đã hiến tặng một số tác phẩm cho TTLTQGII.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

1. Hợp xướng

- Cửu Long Giang - năm 1958.
- Tuyến đầu Tổ quốc (không rõ năm sáng tác).
- Xanh xanh Cần Giờ - năm 2003.

2. Ca khúc

- Khu rừng miền Đông - năm 1950.
- Thu đông chiến thắng - tháng 12/1950.
- Người lái xe đêm Trường Sơn - năm 1968.
- Nông dân hành khúc - năm 1979.
- Nói với lòng tôi - năm 1980.
- Bài ca biệt động thành - năm 1982.
- Mộ hoa - năm 1985.
- Giữ dạ sắt đinh - năm 1992.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN CỦA NGUYÊN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM LỮ MINH CHÂU (1958 - 1992)

* **Số lượng tài liệu:** 0,2 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1958 - 1992
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy, sách, vải
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Nội dung tài liệu phản ánh quá trình hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian từ năm 1970 - 2007, nội dung cơ bản gồm:

- Giới thiệu vài nét về tổ chức Ban Tài chính Đặc biệt trực thuộc Trung ương Cục miền Nam với các bí số: B6, D270, N2683 năm 1974 - 2007.

- Quy ước trong giao dịch để đảm bảo bí mật (1970 - 1973).

- Quy ước nhận tiền của nước ngoài năm 1970.

- Điện và thơ giao dịch giữa N2683 với Thường vụ Trung ương Cục miền Nam năm 1974 - 2/1975.

- Báo cáo của N2683 về Trung ương Cục miền Nam (X4 là bí số của đồng chí Phạm Hùng) năm 1974 - 2/1975.

- Điện giao dịch giữa Hà Nội (B29) với miền Nam (N2683) năm 1974 - 2/1975.

- Điện, bạch thư giao dịch qua lại giữa N2683 với Ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam năm 1973 - 3/1975.

- Bạch thư của SK gửi 37, 150 với 28 năm 1974.

- Giao dịch nội bộ bằng điện đài và bạch thơ giữa 37 với 55 năm 1974 - 3/1975.

- Giao dịch nội bộ giữa 37 và 3C năm 1974.

- Giao dịch nội bộ bằng điện đài và bạch thơ giữa 37 chỉ đạo SK năm 1974 - 2/1975.

- Báo cáo giao tiền hàng tháng của một cánh 2175 cho một chỗ của Ban Kinh tài (C32) năm 1974.

- Phiếu giao nhận tiền giữa nội thành Sài Gòn với một điểm ở vùng ven đô năm 1971.

- Phiếu báo giá vùng cửa khẩu về Trung ương Cục, Ban Kinh tài (bao thơ) năm 1974 - 1/1975.

- Biên bản hủy tài liệu, điện để đảm bảo bí mật năm 1974.

- Băng tay K3 được phát tại Sài Gòn ngày 1/5/1975 (K3 là bí số của Ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định).

- Tập tài liệu nghiên cứu về nghị quyết và lý luận năm 1974.

- Khăn tay, lịch tay (năm 1953), thư (1952) của ông bà Lữ Minh Châu gửi tặng nhau trong kháng chiến.

- Ấn phẩm "Đồng Đôla trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước" do Nhà xuất bản Công an Nhân dân phát hành năm 2003.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
NHẠC SĨ XUÂN HỒNG
(1995 - 1998)

* **Số lượng tài liệu:** 1 nhạc phẩm, 1 ấn phẩm, 1 băng hình ca nhạc, 1 hồi ký
* **Thời gian tài liệu:** 1995 - 1998
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy (viết tay, đánh máy)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Nhạc sĩ Xuân Hồng (tên thật là Nguyễn Hồng Xuân) sinh ngày 12/2/1928 tại Tây Ninh. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945, giữ nhiều chức vụ trong chính quyền và đoàn thể cách mạng tại tỉnh Tây Ninh. Ông sáng tác âm nhạc từ năm 1950. Từ năm 1967 - 1968, ông được giao nhiệm vụ là Trưởng đoàn Múa hát Quân Giải phóng miền Nam đi thăm và biểu diễn tại một số nước XHCN, Phó đoàn Đại biểu Thanh niên miền Nam đi dự Hội nghị Festival lần thứ 9 tại Sofia. Năm 1969 - 1972, ông học tại Trường Đại học Âm nhạc Việt Nam. Năm 1973, ông trở lại chiến trường miền Nam. Từ năm 1976 - 1995, ông sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Tổng Thư ký Hội Âm nhạc Thành phố, Phó Tổng Thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Những sáng tác của ông gắn liền với cuộc kháng chiến của dân tộc, ca ngợi cuộc sống. Ông đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Đặc biệt, với các sáng tác *Xuân chiến khu*, *Bài ca may áo*, *Tiếng chày trên sóc BomBo*, *Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh*, *Người mẹ của tôi*, ông đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh vào năm 2000. Ông mất vào ngày 14/5/1996 sau một cơn bệnh đột ngột.

Năm 2001, gia đình Nhạc sĩ Xuân Hồng, đại diện là chị Hồng Loan, con gái của nhạc sĩ, đã hiến tặng cho TTLTQGII một số sáng tác của ông.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm 5 sáng tác:

- "Đôi mắt em" được sáng tác năm 1995.
- Hồi ký (đánh máy được photocopy).
- Băng hình ca nhạc phát hành năm 1997.
- Ấn phẩm âm nhạc xuất bản năm 1998.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
NHÀ VĂN NGUYỄN KHẢI
(1994 - 1999)

* **Số lượng tài liệu:** 6 tác phẩm
* **Thời gian tài liệu:** 1994 - 1999
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy (viết tay)
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Nhà văn Nguyễn Khải sinh ngày 3/12/1930 tại Hà Nội. Ông vào bộ đội đầu năm 1947, viết báo từ năm 1949 và có bài được in ở báo Quân khu năm 1951. Ông hiện sống tại Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là Nhà văn Quân đội, đã được Nhà nước trao Giải thưởng Hồ Chí Minh do những đóng góp cho nền văn học nước nhà, đặc biệt ông còn đạt giải thưởng văn học khối ASEAN.

Năm 2001, Nhà văn Nguyễn Khải đã hiến tặng 6 tác phẩm văn học cho TTLTQGII.

Thành phần của tài liệu gồm các tác phẩm:

- "Má hồng" được sáng tác năm 1994.
- "Danh phận" sáng tác năm 1995.
- "Sống giữa đám đông" sáng tác năm 1995.
- "Đàn ông" sáng tác năm 1997.
- "Nhóm bạn thời kháng chiến" được sáng tác năm 1997.
- "Sống ở đời" được sáng tác năm 1999.

SƯU TẬP TÀI LIỆU
GIA ĐÌNH ANH HÙNG LAO ĐỘNG - NGHỆ SĨ NHÂN DÂN PHẠM KHẮC
(1999 - 2012)

* **Số lượng tài liệu:** 3 hồ sơ
* **Thời gian tài liệu:** 1999 - 2012
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** ấn phẩm, tranh
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm 3 ấn phẩm:

- Ấn phẩm "Ký ức thời gian" của Phạm Khắc và Đặng Ái Việt, xuất bản năm 1999.

- Ấn phẩm "Mê Kông ký sự" của Phạm Khắc xuất bản năm 2009.

- Ấn phẩm "Chân dung Mẹ" tranh ký họa của Họa sĩ Đặng Ái Việt, xuất bản năm 2012.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
GS. TS. TRẦN VĂN KHÊ
(1951 - 2013)

* **Số lượng tài liệu:** 31 hồ sơ
* **Thời gian tài liệu:** 1951 - 2013
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh, Nga
* **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy (bản scan, viết tay), tài liệu được ghi trên DVD, sách, ảnh,..
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tập tài liệu về Hội nghị những người được giải thưởng của Hội đồng Quốc tế Âm nhạc UNESCO, tổ chức tại Pháp năm 1980 - 1981.

- Bằng danh sự của GS.TS. và tài liệu về liên hoan Quốc tế Âm nhạc tổ chức tại Liên Xô, từ ngày 5 đến ngày 11/5/1999.

- Tập tài liệu về các văn bằng khen thưởng quốc tế của GS.TS Trần Văn Khê năm 1951 - 1999.

- Ảnh chân dung và thẻ Hội viên của GS.TS. Trần Văn Khê.

- Hồ sơ về việc nhận giải thưởng tại Việt Nam của GS.TS. Trần Văn Khê năm 1974 - 2009.

- Hồi ký của GS.TS. Trần Văn Khê năm 2010 (2 tập).

- Tự truyện "Những câu chuyện từ trái tim" của GS.TS. Trần Văn Khê năm 2010.

- DVD phim tài liệu "Trần Văn Khê - Người truyền lửa" năm 2010.

- Tập ảnh về phòng trưng bày và bộ nhạc cụ của GS.TS. Trần Văn Khê năm 2011.

- Danh mục sách theo chủ đề của Thư viện Trần Văn Khê tập 1, 2.

- DVD cơ sở dữ liệu về Thư viện Trần Văn Khê năm 2012.

- Bài viết của GS.TS. và các bài viết về GS.TS. Trần Văn Khê năm 2007 - 2013.

- DVD và chương trình hoạt động văn hóa nghệ thuật của GS.TS. Trần Văn Khê năm 2010 - 2013.

- Các quyển "Du ký" của GS.TS. Trần Văn Khê.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN CỦA NHÀ NGHIÊN CỨU SỬ HỌC TRẦN VIẾT NGẠC (1945 - 1966)

* **Số lượng tài liệu:**
* **Thời gian tài liệu:** 1945 - 1966
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh, Hán
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy, files scan
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Bản dịch tiếng Anh bộ luật của nhà Thanh (Trung Quốc) năm 1966 sưu tầm tại Thư viện Đại học Los Angeles (Mỹ) năm 1996.

- Bản thảo dịch sách "ABC xã hội tư tưởng sử" của học giả nổi tiếng Trung Quốc Úy Nam Từ Dật Tiều do cụ Huỳnh Thúc Kháng thực hiện năm 1945.

- Sách giới thiệu Di cảo của Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng "Bước đầu trên con đường lịch sử tư tưởng xã hội" của Nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc.

SƯU TẬP TÀI LIỆU HIẾN TẶNG CỦA GIA ĐÌNH CỤ PHAN CHÂU TRINH (1911 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 0,8 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1911 - 1974
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy (bản thảo đánh máy, bản viết tay, sách,…)
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán, Pháp, Việt
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm:

- Tiểu sử cụ Phan Châu Trinh.

- Các bài diễn thuyết.

- Tài liệu thư từ và các tác phẩm văn học trong quá trình hoạt động của Cụ.

- Tài liệu về tang lễ và điếu văn của đồng bào gửi khi nghe tin Cụ mất.

- Tài liệu liên quan đến cụ Huỳnh Thúc Kháng.

- Tài liệu khác.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
GIÁO SƯ TIẾN SĨ KHOA HỌC THÁI VĂN TRỪNG
(1962 - 1999)

* **Số lượng tài liệu:** 0,3 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1962 - 1999
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Nga
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy (bản thảo đánh máy, ấn phẩm, báo cắt), ảnh, băng Video
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Thái Văn Trừng sinh ngày 17/11/1917 tại Đà Nẵng, cựu học sinh Trường Quốc học Huế. Sau 2 năm học Trường Đại học Y khoa, 3 năm học ở Trường Đại học Nông Lâm Brévier, năm 1943 ông tốt nghiệp kỹ sư lâm nghiệp và được bổ nhiệm làm hạt trưởng quản lý rừng ở Đầm Dơi, Gành Hào, Cà Mau. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông tham gia Nam Bộ Kháng chiến và sau đó chuyển về Trung Bộ phụ trách quân Lâm chính Thanh Nghệ Tĩnh, Phó Giám đốc khu Lâm chính Khu IV, Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật Lâm nghiệp.

Từ năm 1953, ông làm công tác nghiên cứu KHKT lâm nghiệp tại Viện Khảo cứu Nông Lâm, Học viện Nông Lâm. Năm 1961, ông được bổ nhiệm làm Trưởng Phòng Thực vật thổ nhưỡng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp.

Năm 1962, ông được sang Liên Xô làm luận án tiến sĩ ngành sinh học, ông là người Việt Nam đầu tiên được cấp học vị tiến sĩ khoa học của Liên Xô.

Năm 1963, ông được đề bạt làm Phó Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp. Năm 1982, ông được chuyển sang Viện Khoa học Việt Nam làm Giám đốc Bảo tàng Thực vật, Viện này sau chuyển thành Phân viện Sinh thái tại Thành phố Hồ Chí Minh (1988), nay thuộc Viện Sinh học Nhiệt đới. Trên bình diện quốc tế, ông được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Thực vật Quốc tế ở Leningrat (1975). Ông nghỉ hưu vào năm 1991 và sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù nghỉ hưu nhưng ông vẫn được cử làm cố vấn khoa học về tài nguyên môi trường. Ông qua đời năm 2004 tại nhà riêng.

Giáo sư Tiến sĩ Khoa học Thái Văn Trừng đã có nhiều cống hiến cho ngành lâm nghiệp và nền sinh học Việt Nam. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học của Giáo sư về lâm sinh như: Bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ với đề tài "Thảm thực vật rừng Việt Nam" được công bố vào đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX; trồng rừng trên động cát di động trên đồi trọc vùng trung du, trồng rừng nguyên liệu, trồng cây thuốc dưỡng tán rừng. Đặc biệt, từ năm 1983, Giáo sư được giao thực hiện đề tài phục hồi các hệ sinh thái rừng bị chiến tranh hóa học của Mỹ hủy diệt ở miền Nam Việt Nam và năm 1993 đã tạo được mô hình Củ Chi, phục hồi hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới Sao dầu. Sau hơn 30 năm tiếp tục nghiên cứu các hệ sinh thái rừng nhiệt đới bị chiến tranh hóa học hủy diệt ở miền Nam Việt Nam, Giáo sư đã khái quát hóa và bổ sung nhiều luận điểm khoa học để hoàn thành công trình "Hệ sinh thái rừng nhiệt đới - Thảm thực vật rừng nhiệt đới Việt Nam". Đây là công trình đặt nền móng đầu tiên cho việc nghiên cứu quần thể thực vật rừng nhiệt đới ở nước ta, là công trình có giá trị cao về lý luận và thực tiễn, góp phần trong công tác đào tạo các thế hệ nhằm kế tiếp truyền thống và phát triển nền khoa học sinh học ở Việt Nam.

Ngoài công tác nghiên cứu khoa học, Giáo sư Tiến sĩ đã tham gia tích cực vào công tác giáo dục đào tạo. Nhiều tiến sĩ, thạc sĩ và sinh

viên trưởng thành đã được Giáo sư truyền thụ cho nhiều kiến thức khoa học; tâm huyết với nghề, với sự phát triển của ngành, nghiêm túc và tận tụy trong nghiên cứu khoa học. Ở bất cứ cương vị công tác nào, dù khó khăn gian khổ Giáo sư Tiến sĩ cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Với công lao đóng góp trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, hoạt động khoa học, với phẩm chất đạo đức trong sáng của mình, Giáo sư Tiến sĩ đã được Đảng và Nhà nước đánh giá cao và được tặng thưởng:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000.

- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

- Huân chương Lao động hạng Nhất.

- Huân chương vì Sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc và Phát triển Rừng.

Ngoài ra, Giáo sư Tiến sĩ còn nhận được giải thưởng Cành cọ Vàng về khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.

Tháng 10/2006, con trai út của Giáo sư là Thái Kiên Chí thay mặt gia đình đã hiến tặng một số tư liệu cho TTLTQGII.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Luận án Tiến sĩ "Phát sinh quần thể và phân loại thảm thực vật rừng Việt Nam", 1962. Bản thảo bằng tiếng Pháp.

- Luận án Tiến sĩ "Phát sinh quần thể và phân loại thảm thực vật rừng Việt Nam", 1962 (Tiếng Nga).

- Ấn phẩm "Thảm thực vật rừng Việt Nam", 1963, Nxb. KHKT (có bút tích của tác giả).

- Ấn phẩm "Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam", 1999, Nxb. KHKT.

- Thư của ông Andrây A. Yachenko - Khmelevsky gửi ông Thái Văn Trừng về việc bảo vệ Luận án Tiến sĩ, 12/3/1961 (Tiếng Pháp).

- Báo cắt đưa tin ông Thái Văn Trừng bảo vệ Luận án Tiến sĩ, 1962 (Tiếng Nga).

- Báo cắt "Prađa" số 151 ngày 31/5/1963, báo cắt "Les Nouvelles de Moscou" số 23 (612) ngày 8/6/1963 đưa tin ông Thái Văn Trừng bảo vệ Luận án Tiến sĩ, 1963 (Tiếng Nga, tiếng Pháp, có bút tích của tác giả).

- Ảnh chụp Chủ tịch nước Trần Đức Lương chúc Tết GS.TSKH Thái Văn Trừng, 2000.

- Băng Video do Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ghi lại một số hình ảnh của GS.TSKH Thái Văn Trừng với tựa đề "Bước chân không mỏi".

SƯU TẬP TÀI LIỆU, TƯ LIỆU HIẾN TẶNG CỦA NHÀ SOẠN NHẠC, NHÀ VĂN, NHÀ THƠ, NHÀ KHOA HỌC LÊ VĂN TUẤN (1911 - 1974)

* **Số lượng tài liệu:** 22 tài liệu
* **Thời gian tài liệu:** 1911 - 1974
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Anh
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy (bản scan), tài liệu được ghi trên DVD
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học Lê Văn Tuấn tên thật là Lê Văn Tuấn, sinh năm 1952, nguyên quán Đức Thọ, Hà Tĩnh. Ông tốt nghiệp ngành Kỹ sư Năng lượng tại Đại học Bách khoa Minsk Belarus - Liên Xô cũ.

Ông từng được vinh danh là một nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc, nhà khoa học, kỷ lục gia Việt Nam - kỷ lục gia châu Á - kỷ lục gia Thế giới về sự sáng tạo âm nhạc Cror, người được Liên hiệp các Hội UNESCO Thế giới (WFUCA) vinh danh là Nhà khoa học, Thành viên Hội đồng Xác lập Tổ chức Kỷ lục Việt Nam, Ủy viên BCH Hội Kỷ lục Việt Nam,... Cụ thể:

- Ngày 27/1/2011, ông nhận bằng xác lập kỷ lục Việt Nam trở thành Kỷ lục gia Việt Nam.

- Ngày 19/8/2011, tại Đại hội UNESCO Thế giới lần thứ 8, ông được Liên hiệp các Hội UNESCO Thế giới (WFUCA) vinh danh là nhà Khoa học Thế giới với tác phẩm *Giọt nước mắt của Đấng tạo hóa và học thuyết vũ trụ*.

- Ngày 9/9/2011, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã tiếp nhận các tác phẩm thi ca văn học, văn hóa, âm nhạc và khoa học của ông và đưa vào lưu trữ.

- Ngày 27/10/2012, tổ chức kỷ lục châu Á đã trao bằng Kỷ lục châu Á cho cuốn sách âm nhạc *Giọt nước mắt cho Đại dương và âm nhạc Cror*.

- Ngày 13/11/2012, ông được Bộ trưởng Bộ Nội vụ tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Lưu trữ".

- Ngày 29/1/2013, ông được Chủ tịch Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam trao tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp UNESCO".

…

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Nội dung tài liệu phông gồm: 22 tài liệu, tư liệu gồm có giấy chứng nhận của Liên hiệp các Hội UNESCO, các tác phẩm theo thể loại sách nghiên cứu, truyện, thơ, âm nhạc, cụ thể gồm:

- Giấy chứng nhận của Liên hiệp Thế giới các Câu lạc bộ, Trung tâm và Hiệp hội thuộc UNESCO (WFUCA) cấp cho nhà soạn nhạc, nhà văn, nhà khoa học Lê Văn Tuấn vì đã có những đóng góp giá trị đối với Hội nghị lần thứ 8 của WFUCA tổ chức tại Hà Nội từ ngày 18 đến 22 tháng 8 năm 2011.

*** Về sách:**

- Giọt nước mắt cho Đại dương và âm nhạc Cror - xác lập kỷ lục Việt Nam cho cuốn sách về âm nhạc được ấn loát với kích thước lớn nhất.

- Giọt nước mắt cho Đại dương và âm nhạc Cror.

- Giọt nước mắt của Đấng tạo hóa và học thuyết vũ trụ (tiếng Việt).

- Giọt nước mắt của Đấng tạo hóa và học thuyết vũ trụ (tiếng Anh).

- Quà tặng từ trái tim (tập 1).

- Quà tặng từ trái tim (tập 2).

*** Về truyện:**

- Bài ca con Linh Dương (truyện thiếu nhi).

- Mr. BEO (truyện thiếu nhi).

*** Về thơ: 7 tập thơ:**

- Tập 1: Chảy trong lòng đất (Nxb. Hội Nhà văn, 2007).

- Tập 2: Mùa hoa bưởi nở trên sa mạc (Nxb. Văn học, 2007).

- Tập 3: Sương mai còn ướt trên mặt sóng (Nxb. Văn học, 2007).

- Tập 4: Bài ca con chim Cắt (Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2007).

- Tập 5: Mật mã trường sinh (Nxb. Văn nghệ, 2007).

- Tập 6: Hòa bình trên đỉnh văn minh (Nxb. Thanh niên, 2007).

- Tập 7: Ân tình non nước (Nxb. Văn học, 2007).

*** Về âm nhạc:**

- Tuyển tập tác phẩm âm nhạc "Nơi chốn của linh hồn".

- Album "Tình non nước - Kinh Kong và nhà thơ".

- Album "Hồn trong thơ".

- Album "Sa mạc còn xanh".

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN
NHẠC SĨ NGUYỄN VĂN TÝ
(1949 - 1999)

* **Số lượng tài liệu:** 0,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1949 - 1999
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy (bản thảo viết tay)
* **Tình trạng vật lý**: bình thường
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý quê gốc ở Phúc Yên thuộc đất vua Hùng. Bố mẹ ông phải đi làm công nhân ở Nhà máy Xe lửa Trường Thi tại Vinh, tỉnh Nghệ An, và ông được sinh ra tại đây vào năm 1924. Trước Cách mạng tháng Tám, từ năm 1944, ông đã bí mật tham gia hoạt động cách mạng và tham gia giành chính quyền ở Vinh. Từ năm 1947, ông làm Trưởng Phòng Thông tin Tuyên truyền tại huyện Thanh Chương (Nghệ An). Cuối năm 1949, ông được kết nạp vào Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1953 đến 1984, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng của các tổ chức văn nghệ. Với những công lao đóng góp của ông cho nền âm nhạc Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ, ông đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, đặc biệt ông đã được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh. Hiện ông sống tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2001, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý đã hiến tặng 3 tác phẩm âm nhạc cho TTLTQGII.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm 3 tác phẩm âm nhạc:

- "Ai xây chiến lũy" được sáng tác năm 1949.
- "Anh đi tìm tôm trên biển cả" được sáng tác năm 1983.
- "Trở về" được sáng tác năm 1999.

SƯU TẬP BỨC TRANH MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TRẦN THỊ VIẾT DO HỌA SĨ ĐẶNG ÁI VIỆT TẶNG (2010)

* **Số lượng tài liệu:** tác phẩm
* **Thời gian tài liệu:** 2010
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt
* **Loại hình tài liệu:** tranh
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

Thành phần tài liệu trong sưu tập gồm: Bức tranh sơn dầu chân dung Mẹ Việt Nam Anh hùng Trần Thị Viết (1829 - 2011). Quê ấp Cả Gừa, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Chân dung vẽ ngày 24/12/2010. Bức tranh có 2 chữ ký: Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Thị Kim Ngân, ký ngày 7/2/2011.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CỦA TƯỚNG LĨNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM Ở NAM BỘ (1936 - 2012)

* **Số lượng tài liệu:** 0,15 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1936 - 2012
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Campuchia
* **Loại hình tài liệu**: tài liệu giấy, bản scan, ảnh, ấn phẩm, tài liệu được ghi trên DVD
* **Tình trạng vật lý:** tốt
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sưu tập tài liệu của tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam ở Nam Bộ được hình thành trên cơ sở các quy định của pháp luật về việc sưu tầm tài liệu của các cá nhân, gia đình dòng họ tiêu biểu được quy định tại Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia ngày 4/4/2001 (được thay thế bằng Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011) và được cụ thể hóa tại Quy chế Sưu tầm tài liệu lưu trữ ngày 16/4/2010 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

Năm 2008, TTLTQGII đã xin ý kiến chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước triển khai sưu tầm tài liệu của các tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng thời xây dựng phương án, đề xuất với Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước và tiến hành triển khai thử nghiệm.

Trong năm 2008, Trung tâm II đã liên hệ được 9 vị tướng và tổ chức sưu tầm được tài liệu của 5 vị tướng. Đồng thời, đã xây dựng

được một số văn bản, biểu mẫu đặc thù cho bộ sưu tầm tài liệu tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam ở Nam Bộ (bìa hồ sơ, giấy tiếp nhận, công văn đề nghị hiến tặng tài liệu, tùy bút của các tướng lĩnh…).

Năm 2009, được sự chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước về triển khai rộng đề án, Lãnh đạo Trung tâm II quyết định giao công tác sưu tầm tài liệu của các tướng lĩnh về đơn vị chuyên môn - Phòng Thu thập tài liệu. Trên cơ sở kết quả ban đầu, Phòng Thu thập đã hoàn thiện quy trình, biểu mẫu và lập kế hoạch cụ thể của công tác sưu tầm tài liệu tướng lĩnh.

Đến nay, Trung tâm II đã tiếp nhận được 2.637 tài liệu, tư liệu và kỷ vật của 29 tướng lĩnh hiến tặng. Trong đó, ngoài những tài liệu liên quan đến cá nhân các tướng lĩnh, đặc biệt còn có những tài liệu liên quan đến các sự kiện lịch sử của đất nước: sự kiện Trại Davis giai đoạn 1973 - 1975, sự kiện rút quân tình nguyện Việt Nam từ Campuchia về nước năm 1987,…

Tất cả tài liệu sưu tầm về đều được sắp xếp, chỉnh lý khoa học và đều tạo được bản sao kỹ thuật số, ngoài tác dụng sao bảo hiểm, còn là sản phẩm gửi tặng lại cho các tướng lĩnh để tạo niềm tin và cũng để các tướng lĩnh hiểu thêm về mục tiêu, ý nghĩa của công tác sưu tầm tài liệu lưu trữ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Nội dung sưu tập tài liệu gồm tài liệu cá nhân (tiểu sử, ảnh, giấy chứng nhận, huân chương, hồi ký,...) trong quá trình hoạt động của một số tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam ở Nam Bộ.

1. Hồ sơ Thiếu tướng Mai Văn Phúc, Phó Tư lệnh Quân khu 7 (1979 - 2009).
2. Hồ sơ Thiếu tướng Vũ Văn Thược, Nguyên Tư lệnh Quân đoàn 4 (1956 - 2010).
3. Hồ sơ Trung tướng Vũ Trọng Cảnh, Nguyên Phó Tư lệnh Phòng không (1951 - 2008).

4. Hồ sơ Trung tướng Lê Văn Tri, Nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật quốc phòng (1955 - 2000).
5. Hồ sơ Thiếu tướng Đặng Huyền Phương, Nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần (1955 - 2009).
6. Hồ sơ Thiếu tướng Phùng Đình Ấm, Nguyên Phó Tư lệnh Mặt trận 779 (1949 - 2003).
7. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Hồng Phúc, Nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 7 (1976 - 2004).
8. Hồ sơ Thiếu tướng Đoàn Văn Khoan, Nguyên Hiệu phó Chính trị Trường Quân sự Quân khu 7 (1956 - 2005).
9. Hồ sơ Thiếu tướng Huỳnh Nghĩ, Nguyên Phó Giám đốc Học viện Lục quân (1986 - 2008).
10. Hồ sơ Thiếu tướng Trần Đối, Nguyên Phó Tư lệnh Mặt trận 479 (1958 - 2007).
11. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Văn Kiệp, Nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương (1954 - 2006).
12. Hồ sơ Trung tướng Nguyễn Xuân Hòa, Nguyên Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 7 (1974 - 2010).
13. Hồ sơ Thiếu tướng Phan Khắc Hy, Nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Kinh tế - Bộ Quốc phòng (1953 - 2006).
14. Hồ sơ Thiếu tướng Bùi Nam Hà, Nguyên Phó Tổng Thanh tra Bộ Quốc phòng (1951 - 2005).
15. Hồ sơ Thiếu tướng Trần Thành Lập, Nguyên Chỉ huy phó Chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hồ Chí Minh (1969 - 2006).
16. Hồ sơ Thiếu tướng Đoàn Bá Khánh, Nguyên Tư lệnh Hải quân (1954 - 1984).
17. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Minh Long, Nguyên Cục phó Cục Tác chiến (1936 - 2008).

18. Hồ sơ Thiếu tướng Hoàng Kim, Nguyên Phó Tư lệnh Quân đoàn 4 (1948 - 2006).
19. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Doanh, Nguyên Phó Tư lệnh Quân đoàn 4 (1966 - 2010).
20. Hồ sơ Thiếu tướng Lê Xuân, Nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần (1965 - 2006).
21. Hồ sơ Trung tướng Lê Nam Phong, Nguyên Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Lục quân 2 (1954 - 2009).
22. Hồ sơ Thiếu tướng Hoàng Lê, Nguyên Phó Giám đốc Học viện Lục quân (1982 - 2009).
23. Hồ sơ Thiếu tướng Vũ Hải, Nguyên Hiệu trưởng Trường 481 (1961 - 2008).
24. Hồ sơ Thiếu tướng Hoàng Niệm, Nguyên Phó Tư lệnh Bộ đội Thông tin (1955 - 2009).
25. Hồ sơ Thiếu tướng Mai Xuân Tần, Nguyên Đoàn trưởng Đoàn 478 (1954 - 2011).
26. Hồ sơ Thiếu tướng Mai Xuân Vĩnh, Nguyên Tư lệnh Quân chủng Hải quân (1958 - 2011).
27. Hồ sơ Thiếu tướng Lê Khả, Nguyên Phó Tổng Cục trưởng, Tổng cục Du lịch (1954 - 2007).
28. Hồ sơ Thiếu tướng Lưu Vũ Súy, Nguyên Hiệu phó Trường 481 (1955 - 2009).
29. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Thế Kỷ, Nguyên Cục trưởng Cục Hành chính - Bộ Tổng Tham mưu (1954 - 2011).
30. Hồ sơ Chuẩn Đô đốc Lê Kế Lâm, Nguyên Giám đốc Học viện Hải quân (1970 - 2011).
31. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Văn Tiết, Nguyên Phó Cục trưởng Cục nghiên cứu - Bộ Quốc phòng (1991 - 2008).

32. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Văn Phê, Nguyên Chỉ huy trưởng - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Dương (1984 - 2011).
33. Hồ sơ Trung tướng Trần Nhẫn Nguyên, Tư lệnh Quân chủng Phòng không (1969 - 2012).
34. Hồ sơ Trung tướng Nguyễn Văn Thái, Nguyên Chính ủy Học viện Lục quân (1958 - 2009).
35. Hồ sơ về "Trại Davis" năm 1973 - 1975 do Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn hiến tặng.
36. Hồ sơ Trung tướng Hoàng Nghĩa Khánh, Cục trưởng Cục Tác chiến
37. Hồ sơ Thượng tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam.
38. Hồ sơ Trung tướng Dương Cự Tẩm.
39. Hồ sơ Thiếu tướng Võ Văn Thạnh, Chính ủy Quân khu 9.
40. Hồ sơ Trung tướng Lê Thanh, Phó Tư lệnh Bộ đội biên phòng.
41. Hồ sơ Thượng tướng Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu 7.
42. Hồ sơ Trung tướng Nguyễn Văn Chia, Tư lệnh Quân Khu 7.
43. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Thị Định, Phó Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam.
44. Hồ sơ Thượng tướng Hoàng Cầm, Tổng Thanh tra Quân đội nhân dân Việt Nam.
45. Hồ sơ Trung tướng Nguyễn Năng Nguyễn.
46. Hồ sơ Thiếu tướng Nguyễn Minh Chữ, Phó Tư lệnh Quân khu 9.
47. Hồ sơ Thiếu tướng Trần Văn Danh, Phó Tư lệnh Quân khu 7 kiêm Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.
48. Hồ sơ Phó Đô đốc Đỗ Xuân Công, Tư lệnh Quân chủng Hải quân.
49. Hồ sơ Chuẩn đô đốc Trần Văn Giang, Chính ủy Quân chủng Hải quân.

TƯ LIỆU

SƯU TẬP SÁCH BỔ TRỢ
(1865 - 2014)

* **Số lượng tài liệu:** 556 mét giá
* **Thời gian tài liệu:** 1865 - 2014
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Hán, Việt, Pháp, Anh, Trung...
* **Loại hình tài liệu:** quyển
* **Tình trạng vật lý:** phần lớn sách bị ố vàng, giòn, mục
* **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ, thẻ tra cứu chuyên đề, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sưu tập sách bổ trợ đang bảo quản tại Kho Tư liệu - TTLTQGII được hình thành từ thời Pháp thuộc, trong đó có những cuốn sách có từ những ngày đầu thực dân Pháp xâm chiếm nước ta. Đó là những cuốn niên giám hành chính của chính quyền thuộc địa tại Đông Dương và Nam Kỳ.

Sưu tập sách ban đầu do Sở Văn khố Thư viện Nam Kỳ của Pháp thu thập và lưu giữ, sau đó đến Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thời kỳ VNCH và cuối cùng là TTLTQGII quản lý. Sưu tập này luôn được bổ sung những sách mới.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Hiện nay, Sưu tập sách bổ trợ được bảo quản riêng biệt thành 3 khối khác nhau:

- Sách đã được thống kê phân loại sơ bộ: được phân loại theo 2 tiêu chí: theo kích thước (lớn, vừa, nhỏ) và theo ngôn ngữ (ngoại ngữ, Việt ngữ).

- Sách tham khảo.

- Sách dự trữ.

Ngoài ra còn một số sách mới được nhập kho, sau khi phân phông tài liệu thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ VNCH hiện còn chưa được phân loại; sách do các cá nhân, tổ chức hiến tặng,…

Nội dung sơ bộ như sau:

1. Sách đã được thống kê phân loại

Được phân loại theo các đề tài với các nội dung sau:

a. Tác phẩm tổng quát

Gồm các tác phẩm liên quan đến thư tịch học, thư viện học, báo chí, nguyên tắc về các hội đoàn.

b. Triết học và các đề tài liên quan

- Triết học tổng quát.

- Quan điểm triết học.

- Các học thuyết triết học từ cổ đại đến nay.

c. Tôn giáo

- Bản thể tôn giáo.

- Lịch sử các tôn giáo.

- Giáo lý các tôn giáo.

- Xung đột tôn giáo.

d. Khoa học xã hội

- Thống kê và phương pháp thống kê xã hội học.

- Chính trị học.

- Kinh tế học.

- Luật pháp.

- Hành chính.

- Các đoàn thể.

- Giáo dục.
- Thương mại.
- Phong tục tập quán.

e. Ngôn ngữ

- Ngôn ngữ học.
- Tìm hiểu, hướng dẫn dạy, học một số ngôn ngữ.

f. Các môn khoa học thuần túy

- Toán, lý, hóa, sinh vật học,…
- Nhân chủng học.

g. Các môn khoa học thực nghiệm

- Y khoa.
- Kỹ thuật nông nghiệp.
- Thương nghiệp.
- Nhà máy, công xưởng.

h. Mỹ thuật

- Kiến trúc.
- Hội họa.
- Nhiếp ảnh.
- Âm nhạc.
- Giải trí.

i. Văn học

- Nghiên cứu và phê bình văn học.
- Văn học Việt Nam.
- Văn học nước ngoài.

j. Địa lý, lịch sử

- Địa lý tổng quát.
- Địa lý thế giới.

- Địa lý Việt Nam.

- Lịch sử tổng quát.

- Lịch sử thế giới.

- Lịch sử Việt Nam.

2. Sách tham khảo

- Từ điển bách khoa thế giới.

- Từ điển tiếng Việt.

- Từ điển Việt - Anh; Việt - Pháp; Việt - Nga,...; Từ điển Anh - Việt; Pháp - Việt; Nga - Việt,...

- Từ điển chuyên ngành các loại.

3. Sách dự trữ

Là những sách sau khi phân loại vẫn còn giữ lại những bản dự trữ để bổ sung khi cần thiết.

SƯU TẬP CÔNG BÁO
(1862 - 2014)

* **Số lượng tài liệu:** 249 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1862 - 2014
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp
* **Loại hình tài liệu:** quyển rời, nhiều quyển đóng thành tập
* **Tình trạng vật lý:**
  - Khối công báo thời Pháp thuộc đã xuống cấp, hầu hết giấy đều bị giòn, mủn, mục, nát
  - Khối Công báo thời kỳ VNCH và Công báo Cộng hòa XHCN Việt Nam hiện nay còn tốt
* **Công cụ tra cứu:** bộ thẻ tra cứu, mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sưu tập công báo bảo quản tại Kho Tư liệu - TTLTQGII hình thành từ khi Pháp xâm lược nước ta.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, có rất nhiều loại công báo đã được xuất bản và hiện đang được lưu giữ tại Trung tâm II như: Nam Kỳ Tập san (Bulletin Officiel de la Cochinchine), Đông Pháp Tập san (Journal Officiel de l'Indochine), Nam Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administrative de la Cochinchine)[(1)],...

Sau khi trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã lập ra Liên bang Đông Dương "độc lập" trong Khối Liên hiệp Pháp. Trong thời gian ngắn ngủi đó, một loại công báo của chính quyền này cũng kịp

1 Sưu tập công báo - Kho Tư liệu - TTLTQGII.

ra đời, đó là Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise)[1].

Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn sau đó, Liên bang Đông Dương mà Pháp dựng lên đã nhanh chóng sụp đổ, và thay vào đó, một chính quyền thân Pháp và phương Tây được dựng lên là "Chính phủ Quốc gia Việt Nam". Cũng từ đây, một loại công báo mới cũng ra đời, đó là Công báo Việt Nam. Loại công báo này tiếp tục tồn tại và sau đó được chính quyền Ngô Đình Diệm cho đổi tên thành Công báo VNCH và tồn tại đến tháng 3/1975.

Khối công báo cuối cùng là công báo của Nhà nước ta hiện nay: Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công báo này bắt đầu được lưu giữ tại Trung tâm II từ năm 1976, sau khi nước ta thống nhất hoàn toàn.

Sưu tập công báo là một phần tư liệu rất cần thiết, bổ trợ cho tài liệu lưu trữ qua các thời kỳ, từ thời Pháp thuộc đến nay.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Sưu tập công báo được chia ra thành 4 thời kỳ tách biệt: thời Pháp thuộc, thời kỳ Chính phủ Quốc gia Việt Nam, thời kỳ VNCH và thời kỳ cách mạng từ năm 1975 đến nay. Mặc dù trải qua các thời kỳ lịch sử với các chế độ chính trị khác nhau, nhưng công báo đều có một nội dung chủ đạo là phản ánh hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền đương thời thông qua các văn bản pháp quy. Thành phần và nội dung cụ thể như sau:

1. Công báo thời Pháp thuộc

1.1. Nam Kỳ Tập san (Bulletin Officiel de la Cochinchine - B.O.C)

Đây là khối công báo đầu tiên của thực dân Pháp được thiết lập và ấn hành trên lãnh thổ Việt Nam. Được thành lập vào năm 1862 và phát hành liên tục cho tới năm 1888; bị đình bản vào năm này và được thay thế bằng Công báo Đông Dương (B.O.I), ấn bản Nam Kỳ - Cambodge[2].

---

1 Khối công báo - Kho Tư liệu - TTLTQGII.

2 Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 - page 41.

1.2. Đông Dương Tập san (Bulletin Officiel de l'Indochine - B.O.I)

Được thành lập vào năm 1888 để thay thế cho 2 tờ Nam Kỳ Công báo (B.O.C) và Bảo hộ Tân văn. Nó được chia thành 2 ấn bản: Nam Kỳ - Cambodge và Bắc Kỳ - Trung Kỳ. Tới năm 1902, nó lại được nhập lại làm một và bị đình bản vào năm 1923[1].

1.3. Đông Pháp Công báo (Journal Officiel de l'Indochine - J.O.I.F)

Công báo J.O.I.F ban đầu có tên gọi là Courrier de Saigon. Nó được Đề đốc De La Grandière thành lập vào ngày 1/1/1864. Sau đó, vào năm 1879 nó được lấy tên là Công báo chính thức Nam Kỳ (Journal Officiel de la Cochinchine). Đến năm 1889, nó mới lấy tên là Đông Pháp chính thức công báo và được chia thành 2 ấn bản: Nam Kỳ - Cambodge và Trung Kỳ - Bắc Kỳ. Một bản được in tại Sài Gòn, bản còn lại được in tại Hà Nội. Từ năm 1902, sự phân chia này bị bãi bỏ[2]. Nó tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945, sau đó bị thay thế bằng Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise).

1.4. Nam Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administratif de la Cochinchine - B.A.C)

Công báo này được chính thức thiết lập vào năm 1901, xuất bản tại Nam Kỳ và nó tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945[3].

1.5. Bắc Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administratif du Tonkin - B.A.T)

Công báo này được chính thức thiết lập vào năm 1901, xuất bản tại Bắc Kỳ và nó tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945.

1.6. Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise - J.O.F.I) và các công báo khác

---

1 Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 - page 41.

2 Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 -page 40.

3 Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 -page 41.

Công báo Liên bang Đông Dương (J.O.F.I) bắt đầu được ấn hành vào tháng 11/1945 để thay thế cho Đông Pháp Công báo (J.O.I.F). Nó tiếp tục cho đến tháng 6/1947 thì bị đình bản và được thay thế bằng Công báo Đông Dương (Journal Officiel de l'Indochine - J.O.I).

Công báo Đông Dương tiếp tục xuất bản cho đến tháng 6/1951 thì lại được thay thế bằng Công báo của Cao ủy Pháp tại Đông Dương (Bulletin Officiel du Haut Commisariat de France en Indochine- B.O.H.C.F.I).

Tiếp theo đó, từ 1/1/1953 đến 30/12/1954, Công báo của Tổng Ủy viên Pháp tại Đông Dương (Bulletin Officiel du Commisariat Général de France en Indochine - B.O.C.G.F.I) lại thay thế cho B.O.H.C.F.I và sau đó kết thúc thời kỳ hiện diện của các loại công báo Pháp tại Việt Nam.

1.7. Các loại công báo khác

- Bắc Kỳ Bảo hộ Quốc ngữ Công báo: 1936 - 1945.

- Bắc Kỳ (Bắc phần, Bắc Việt) hành chính nguyệt san: 1946 - 1954.

- Trung phần Việt Nam Công báo (1948), Trung phần Việt Nam Hành chính Tập san (1949), Hành chính Tập san Trung phần Việt Nam (1950), Hành chính Tập san Trung Việt (1951 - 1954).

- Quan báo Nam Bộ Việt Nam: tiếp theo Công báo B.A.C của Pháp, Công báo này là của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: 1/9/1945 - 12/1945 (Đóng chung với cuốn B.A.C - 1945).

- Công báo Cộng hòa Nam Kỳ (Journal Officiel de la République de Cochinchine - J.O.R.C) (1946-1947), Công báo Nam phần Việt Nam (1948), Công văn Tập san Nam phần Việt Nam (1949), Tập san Nam Việt (1950 - 1956).

1.8. Các ấn phẩm bổ trợ công báo

- Mục lục các loại công báo kể trên.

- Tuyển tập các văn bản lập quy tại Đông Dương, Nam Kỳ (có chú thích thêm vị trí văn bản đó trên công báo và được sắp xếp theo thứ tự thời gian và theo vấn đề) từ năm 1889 - 1937.

2. Công báo thời kỳ Chính phủ Quốc gia Việt Nam

Công báo Việt Nam được xuất bản lần đầu tiên vào ngày 4/6/1948. Đây là công báo do Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam cho xuất bản. Công báo này tiếp tục xuất bản cho đến ngày 25/10/1955.

3. Công báo thời kỳ VNCH

3.1. Công báo VNCH

Sau khi lật đổ Bảo Đại bằng cuộc trưng cầu dân ý ngày 25/10/1955, Ngô Đình Diệm ngay lập tức cải tổ bộ máy chính quyền và cho đặt quốc hiệu là VNCH. Cũng từ đó, Công báo Việt Nam của thể chế trước đó đã được thay bằng Công báo VNCH. Tại thời điểm này còn một vài loại công báo khác, như đã đề cập ở trên, vẫn còn hoạt động. Tuy nhiên, kể từ tháng 10/1956, trên phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam chỉ còn một loại công báo duy nhất là Công báo VNCH. Công báo này còn tiếp tục xuất bản cho đến ngày chế độ VNCH sụp đổ vào năm 1975. Số cuối cùng của công báo này được phát hành vào ngày 15/3/1975.

3.2. Các ấn phẩm bổ trợ công báo

Có nhiều ấn phẩm bổ trợ như: Pháp quy chính yếu mục lục (1948 - 1974), Quy pháp vựng tập (1959 -1973), mục lục công báo.

4. Công báo thời kỳ cách mạng (từ 1975 đến nay)

Khối công báo này có từ khi đất nước ta thống nhất (năm 1975) đến nay. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, suốt một thời gian dài, khối công báo này không được lưu giữ tại TTLTQGII. Sau năm 1975, một số công báo mới được thu thập về Trung tâm II, tuy nhiên còn thiếu nhiều. Những năm gần đây, Trung tâm đặt mua thì mới lưu giữ được đầy đủ.

SƯU TẬP BÁO
(1968 - 2015)

* **Số lượng tài liệu:** 154,1 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1968 - 2015
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh, Trung,…
* **Loại hình tài liệu:** báo tờ, báo quyển
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** bộ thẻ tra cứu theo tên loại, mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sưu tập báo, quá trình hoạt động của Phòng Nạp bản - Sở Kỹ thuật - Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thời kỳ VNCH. Cơ quan này tiếp nhận những sách báo nộp lưu chiểu được xuất bản trong lãnh thổ VNCH hoặc được nhập khẩu về Việt Nam, sau đó lưu giữ lại theo từng loại.

Sau khi tiếp quản Kho lưu trữ của chính quyền cũ, TTLTQGII tiếp tục lưu giữ các ấn phẩm trên, đồng thời tiếp tục đặt mua các ấn phẩm báo thời kỳ mới để bổ sung vào nguồn tư liệu lưu trữ của cơ quan.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Hiện nay khối báo tại Kho Tư liệu tạm thời được bảo quản riêng biệt thành 2 khối khác nhau:

- Báo trước năm 1975.

- Báo thời kỳ cách mạng (từ năm 1975 đến nay).

1. Báo trước năm 1975

Được chia làm 2 loại: báo Việt ngữ và ngoại ngữ.

- *Báo Việt ngữ*: các báo này đại diện cho chính quyền, đoàn thể hoặc do một số tư nhân độc lập đứng ra xuất bản tại lãnh thổ VNCH.

- *Báo ngoại văn*: là những số báo của nước ngoài có bài viết đề cập đến chính quyền, tình hình chiến sự,… của Việt Nam.

2. Báo thời kỳ cách mạng (từ năm 1975 đến nay)

Các báo này là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và các cơ quan đoàn thể đang hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, như: Nhân dân, Sài Gòn Giải phóng,…

SƯU TẬP TẠP CHÍ
(1964 - 2015)

* **Số lượng tài liệu:** 203 mét
* **Thời gian tài liệu:** 1964 - 2015
* **Ngôn ngữ tài liệu:** Việt, Pháp, Anh, Trung,…
* **Loại hình tài liệu:** tạp chí
* **Tình trạng vật lý:** bình thường
* **Công cụ tra cứu:** bộ thẻ tra cứu theo tên loại, mục lục hồ sơ, CSDL.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sưu tập tạp chí đang bảo quản tại Kho Tư liệu - TTLTQGII bắt đầu được hình thành trong quá trình hoạt động của Phòng Nạp bản - Sở Kỹ thuật - Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thời kỳ VNCH. Cơ quan này tiếp nhận những sách báo nộp lưu chiểu được xuất bản trong lãnh thổ VNCH hoặc được nhập khẩu về Việt Nam, sau đó lưu giữ lại theo từng loại.

Sau khi tiếp quản Kho lưu trữ của chính quyền cũ, TTLTQGII tiếp tục lưu giữ các ấn phẩm trên, đồng thời tiếp tục đặt mua các ấn phẩm tạp chí thời kỳ mới để bổ sung vào nguồn tư liệu lưu trữ của cơ quan.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP

Hiện nay khối tạp chí tại Kho Tư liệu tạm thời được bảo quản riêng biệt thành 2 khối khác nhau:

- Tạp chí trước năm 1975.

- Tạp chí thời kỳ cách mạng (từ năm 1975 đến nay).

1. Tạp chí trước năm 1975

Được chia làm 2 loại: tạp chí Việt ngữ và ngoại ngữ.

- *Tạp chí Việt ngữ*: các tạp chí này đại diện cho chính quyền, đoàn thể hoặc do một số tư nhân độc lập đứng ra xuất bản tại lãnh thổ VNCH.

- *Tạp chí ngoại văn*: là những số tạp chí của nước ngoài có bài viết đề cập đến chính quyền, tình hình chiến sự,… của Việt Nam.

2. Tạp chí thời kỳ cách mạng (từ năm 1975 đến nay)

Các tạp chí này là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và các cơ quan đoàn thể đang hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, như: Tạp chí Cộng sản, Thanh niên, Tuổi trẻ,…

SƯU TẬP BÁO CẮT
TỪ VỤ KHỦNG BỐ 11/9/2001
ĐẾN CUỘC CHIẾN AFGANIXTAN

Ngày 11/9/2001, nước Mỹ bị tấn công khủng bố tại Tòa tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới (WTC), Lầu Năm Góc. Đây là một sự kiện gây chấn động không phải chỉ đối với nước Mỹ mà còn đối với toàn thế giới. Tiếp theo đó, do nghi ngờ Afganixtan tiếp tay và bao che cho Bin Laden, kẻ tình nghi số 1 gây ra vụ khủng bố kinh hoàng nói trên, Mỹ đã tiến hành cuộc chiến lật đổ Chính phủ Taliban tại nước này.

Những sự kiện này đã thu hút được sự chú ý của tất cả các hãng thông tấn, báo chí từ khắp nơi trên thế giới. Mọi báo, đài đều liên tục đưa tin về các sự kiện nóng hổi này.

Ông Bùi Văn Quế, một độc giả ngụ tại 107 Trần Huy Liệu - quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh đã bỏ công sưu tầm các bài viết trên các mặt báo xuất bản tại Việt Nam và lập thành sưu tập báo cắt với chủ đề: "Từ khủng bố 11/9 đến cuộc chiến Afganixtan".

Ngày 22/12/2005, ông Bùi Văn Quế đã hiến tặng toàn bộ sưu tập trên cho TTLTQGII. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với độc giả về bộ sưu tập quý giá này.

Thời gian:

Từ: 12/9/2001 - 26/10/2001.

Số lượng:

Khoảng 1 mét giá. Báo cắt dán trên khổ giấy A4 đóng thành 17 tập, gồm 3.508 trang.

Nội dung gồm các vấn đề sau:

1. Vụ khủng bố 11/9/2001.
2. Kết quả điều tra của Mỹ về cuộc khủng bố 11/9.
3. Mỹ chuẩn bị tiến hành cuộc chiến chống Afganixtan để trả đũa.
4. Cuộc chiến lật đổ Chính phủ Taliban tại Afganixtan của Mỹ.

SƯU TẬP HÁT BỘI

Ngày 29/6/2010, ông Bùi Văn Quế tiếp tục hiến tặng cho TTLTQGII bộ sưu tập báo cắt với chủ đề "Hát Bội toàn tập" cho TTLTQGII. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với độc giả về bộ sưu tập quý giá này và trân trọng cảm ơn ông Bùi Văn Quế về sự đóng góp của ông đối với Lưu trữ quốc gia.

Số lượng: Khoảng 2,5 mét giá. Báo cắt dán trên khổ giấy A4 đóng thành 57 tập.

Mục lục

Lời nói đầu.....5
Bảng chữ viết tắt 9

TÀI LIỆU TRƯỚC NĂM 1945

Tài liệu thời kỳ phong kiến 13
- Sưu tập tài liệu Sổ bộ Hán - Nôm (1819 - 1918) 13
- Sưu tập tài liệu Mộc bản (Bản dập) (1802 - 1945) 18
- Sưu tập tài liệu Hán - Nôm về Cống Quận công Trần Đức Hòa (1564 - 1715)..... 23
- Sưu tập Sắc phong của các vua nhà Nguyễn cho dòng họ Mạc tại Hà Tiên, Kiên Giang (1822 - 1850)..... 24
- Sưu tập tài liệu Hán - Nôm tại Vĩnh Long (1804 - 1869) 25
- Sưu tập tài liệu từ vi ảnh 26
- Sưu tập thư tịch cổ Chăm tại Ninh Thuận và Bình Thuận.....28

Tài liệu thời kỳ Pháp thuộc..... 29
- Phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ (1859 - 1945) 29
- Phông Hội đồng Tư mật Nam Kỳ (1864 - 1932)..... 56
- Phông Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ (1880 - 1926) 61
- Phông Tòa Hòa giải rộng quyền Tây Ninh (1888 - 1914)..... 67
- Phông Sở Thương chánh Nam Kỳ (1892 - 1928) 70
- Phông Tòa Đốc lý Sài Gòn (1880 - 1940) 74
- Phông Tòa Đốc lý Chợ Lớn (1908 - 1911)..... 78
- Phông Văn phòng tỉnh Bà Rịa (1867 - 1929) 81
- Phông Văn phòng tỉnh Bạc Liêu (1865 - 1913)..... 86

- Phông Văn phòng tỉnh Bến Tre (1867 - 1930) 89
- Phông Văn phòng tỉnh Cần Thơ (1888 - 1915) 91
- Phông Văn phòng tỉnh Châu Đốc (1911 - 1930) 93
- Phông Văn phòng tỉnh Chợ Lớn (1864 - 1924) 95
- Phông Văn phòng tỉnh Hà Tiên (1893 - 1924) 97
- Phông Văn phòng tỉnh Long Xuyên (1896 - 1934) 99
- Phông Văn phòng tỉnh Mỹ Tho (1873 - 1935) 101
- Phông Văn phòng tỉnh Rạch Giá (1877 - 1933) 104
- Phông Văn phòng tỉnh Sa Đéc (1882 - 1924) 107
- Phông Văn phòng tỉnh Tân An (1862 - 1934) 109
- Phông Văn phòng tỉnh Trà Vinh (1910 - 1925) 111
- Phông Văn phòng tỉnh Vĩnh Long (1868 - 1923) 113
- Phông Nha Thủy lâm Đông Dương (1921 - 4/1950) 115
- Phông Sở Lúa gạo Đông Dương (1930 - 1952) 122
- Phông Công ty Bia và Nước đá Đông Dương (B.G.I) (1927 - 1977) 127
- Phông Công ty Cao su Đông Dương (1837 - 1975) 129
- Phông Công ty Cao su Đất Đỏ (1924 - 1976) 132
- Sưu tập tài liệu sưu tầm tại Pháp (1922 - 1945) 135

TÀI LIỆU SAU NĂM 1945

Tài liệu thời kỳ Chính phủ Quốc gia Việt Nam 141

- Phông phủ Thủ hiến Nam Việt (9/1945 - 4/8/1954) 141
- Phông Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam (1948 - 25/10/1955) 146

Tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa 154

- Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa 154
- Phông Hội đồng Quân nhân Cách mạng (1/11/1963 - 14/6/1965) 183
- Phông Ủy ban lãnh đạo Quốc gia (14/6/1965 - 31/10/1967) 187
- Phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa (1967 - 30/4/1975) 189
- Phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954 - 1975) 209
- Phông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần (4/8/1954 - 1959) 219
- Phông Nha Tổng quản trị (1969 - 1975) 222
- Phông Hội đồng Kinh tế Xã hội (1969 - 1975) 226

- Phông Hội đồng Văn hóa Giáo dục (1969 - 1975) 229
- Phông Hội đồng các sắc tộc (1969 - 1975) 232
- Phông Tổng Nha Đặc trách phát triển người Việt gốc Miên (1969 - 1975)..... 235
- Phông Tổng Nha Ngân sách và Ngoại viện (1949 - 4/1975) 238
- Phông Phủ Tổng ủy Di cư tỵ nạn (-) 241
- Phông Phủ Tổng ủy Tân sinh nông thôn (-) 242
- Phông Phủ Tổng ủy công vụ (1933 - 1975) 243
- Phông Hội đồng An ninh và Phát triển (1965 - 1975)..... 246
- Phông Học viện Hành chính Quốc gia (1953 - 1974) 249
- Phông Viện Tu nghiệp Quốc gia (1971 - 1975) 251
- Phông Tòa án Lao động Sài Gòn (1955 - 1975) 253
- Phông Bộ Phát triển Sắc tộc (1967 - 1975)..... 255
- Phông Bộ Công chánh và Giao thông (1948 - 1966) 260
- Phông Bộ Giao thông Vận tải (1966 - 1968) 265
- Phông Bộ Công chánh (1966 - 1968)..... 267
- Phông Bộ Công chánh và Giao thông vận tải (1968 - 1969)..... 271
- Phông Nha Kiều lộ Việt Nam Cộng hòa (1960 - 1973) 275
- Phông Bộ Giao thông và Bưu điện (1969 - 1973)..... 276
- Phông Bộ Công chánh (1969 - 1973)..... 279
- Phông Bộ Công chánh và Giao thông (1973 - 1975) 282
- Phông Nha Viễn thông Việt Nam (1952 - 4/1975)..... 285
- Phông Công ty Điện lực Việt Nam, thuộc Bộ Giao thông Công chánh, Việt Nam Cộng hòa 288
- Phông Tổng cuộc Phát triển Gia cư (1951 - 29/4/1975) 289
- Phông Nhà máy Xi măng Hà Tiên (1961 - 1975) 293
- Phông Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957 - 1963) 295
- Phông Bộ Cải tiến nông thôn (1961 - 1965) 299
- Phông Bộ Canh nông (1952 - 1974)..... 301
- Phông Nha Canh nông (1952 - 1975) 304
- Phông Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp (1949 - 1975) 310
- Phông Nha Ngư nghiệp (1963 - 4/1975) 319
- Phông Nha Thủy lâm (1951 - 1975) 321
- Phông Bộ Canh nông và Kỹ nghệ (28/11/1974 - 4/1975)..... 325
- Phông Nha Thủy nông và Công tác nông thôn (1963 - 4/1975) 326

- Phông Viện Khảo cứu Nông nghiệp (1961 - 4/1975) 328
- Phông Công ty Cao su Đông Dương (1956 - 1975) 331
- Phông Công ty Vô danh Anh em Denis Đông Dương (1959 - 22/4/1975) 332
- Phông Hãng Thuốc lá Mic (Manufactures Indochinoises de Cigarettes) (1929 - 1975) 333
- Phông Nha Ngoại thương (1949 - 1975) 334
- Phông Nha Công kỹ nghệ (1951 - 1975) 338
- Phông Nha Nội thương (1955 - 1975) 342
- Phông Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia (1966 - 1975) 346
- Phông Bộ Tài chính (1949 - 4/1975) 351
- Phông Tổng Nha Quan thuế Việt Nam (1951 - 4/1975) 356
- Phông Nha Tài nguyên Công sản (1955 - 4/1975) 360
- Phông Kế toán cuộc Trung ương (1969 - 2/1975) 364
- Phông Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (1948 - 30/4/1975) 366
- Phông Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp (Nông tín cuộc) (1957 - 4/1975) 369
- Phông Chi nhánh Ngân hàng Bankok tại Sài Gòn (1961 - 1974) 371
- Phông Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) (1955 - 1975) 373
- Phông Bộ Đặc nhiệm phối hợp Văn hóa Xã hội (1961 - 1963) 378
- Phông Tổng bộ Văn hóa Xã hội (1965 - 1967) 381
- Phông Bộ Văn hóa (1967 - 1973) 384
- Phông Phủ Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa (1968 - 1973) 386
- Phông Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên (9/1948 - 28/4/1975) 389
- Phông Nha Khảo thí (1949 - 18/12/1974) 393
- Phông Nha Học chánh (1952 - 28/4/1975) 395
- Phông Nha Sinh hoạt Quốc tế (1953 - 1975) 399
- Phông Tổng Nha Thanh niên (1955 - 22/4/1975) 401
- Phông Nha Y tế và Xã hội Học đường (1959 - 4/1975) 404
- Phông Nha Sinh hoạt Văn hóa (1959 - 18/4/1975) 406
- Phông Nha Sinh hoạt Học đường (1972 - 4/1975) 408
- Phông Nha Sưu tầm và Nghiên cứu (1973 - 26/4/1975) 410
- Phông Nha Văn khố Quốc gia (1957 - 1975) 412
- Phông Tổng Thư viện (1940 - 1956) 418
- Phông Thư viện Quốc gia Nam Việt (1945 - 1957) 420

- Phông Trường Quốc gia trang trí Mỹ thuật (1940 - 1975) 422
- Phông Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn (1956 - 1975) 425
- Phông Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức (1962 - 1976) 429
- Phông Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn (1971 - 1974) 432
- Phông Bộ Y tế (1948 - 30/4/1975) 433
- Phông Bộ Lao động (1949 - 1975) 437
- Phông Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam (1950 - 1975) 441
- Phông Sở Lao động Đô thành Sài Gòn (1957 - 15/4/1975) 444
- Phông Hãng Xăng dầu SHELL (1911 - 1975) 447
- Phông Hãng Xăng dầu CALTEX (1946 - 1975) 449
- Phông Hãng Xăng dầu ESSO, SHELL, CALTEX (1948 - 1976) 451

Tài liệu thời kỳ cách mạng 453

- Phông Bộ Y tế Xã hội và Thương binh (1970 - 1976) 453
- Phông Liên hiệp cung ứng Vật tư Khu vực II (20/5/1980 - 31/12/1985) 456
- Phông Văn phòng II Bộ Vật tư (1976 - 1983) 459
- Phông Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 1995) 460
- Phông Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp (1976 - 1995) 464
- Phông Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp (1996 - 2003) 466
- Phông Công ty cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2005) 469
- Phông Công ty Hóa chất Vật liệu Điện (1976 - 1980) 473
- Phông Xí nghiệp Liên hiệp Rượu Bia Nước giải khát II (1976 - 1993) ... 475
- Phông Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (1979 - 2007) 480
- Phông Tổng Cục Cao su (1975 - 1989) 483
- Phông Tổng Công ty Cao su Việt Nam (1975 - 1996) 492
- Phông Công ty Vật tư thiết bị (1977 - 1991) 496
- Phông Công ty Xuất Nhập khẩu cao su (1977 - 1991) 501
- Phông Công ty Phục vụ đời sống (1979 - 1989) 505
- Phông Trường Kỹ thuật nghiệp vụ cao su (1978 - 1991) 509
- Phông Công ty Liên doanh Vietsovlighter (1989 - 1999) 512
- Phông Ban Kinh tài R (1962 - 1977) 514

- Sưu tập tài liệu tại Khu Di tích lịch sử Cách mạng Côn Đảo (1947 - 1975)..... 516
- Phông Đại diện Văn phòng Tổng cục Thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991 - 1998)..... 518
- Phông Tổng Công ty Lương thực miền Nam (1975 - 2004) 522
- Phông Công ty Thuốc lá Sài Gòn (1977 - 2004) 524
- Phông Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam (1975 - 2005) 530
- Phông Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (1976 - 2010) 533

TÀI LIỆU NGHE - NHÌN

- Sưu tập tài liệu microfilm (1833 - 17/5/1897)..... 543
- Sưu tập tài liệu ghi âm (1967 - 22/4/1975) 545
- Sưu tập tài liệu video (15/1/1974 - 19/1/1974) 552
- Sưu tập tài liệu phim (1939 - 1975)..... 554
- Sưu tập tài liệu ảnh (1939 - 1975)..... 557
- Sưu tập tài liệu đĩa hát..... 559

TÀI LIỆU KHOA HỌC KỸ THUẬT

- Sưu tập tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc và Mỹ ngụy (1852 - 1975).. 563
- Phông Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận (1994 - 2002) 569
- Phông Công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 51 (1996 - 2001) 572
- Phông Ban Quản lý công trình dầu khí Vũng Tàu (1982 - 1993) 576
- Phông Công trình thu gom và vận chuyển khí Bạch Hổ - Thủ Đức của Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (1991 - 2001)..... 578
- Phông Công trình xây dựng Nhà máy Liên doanh Thuốc lá Bat - Vinataba (2001 - 2005) 579
- Phông Đường ô tô cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (2004 - 2012)..... 580
- Sưu tập bản vẽ, bản đồ (Khu quản lý đường bộ VII) (1941 - 1974) 582

TÀI LIỆU CÁ NHÂN - GIA ĐÌNH - DÒNG HỌ

- Sưu tập tài liệu cá nhân Nhà thơ Bảo Định Giang (1963 - 1975)..... 585
- Sưu tập tài liệu cá nhân Nhạc sĩ Lưu Cầu (1958 - 1992) 587
- Sưu tập tài liệu cá nhân của nguyên Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Lữ Minh Châu (1958 - 1992)..... 589
- Sưu tập tài liệu cá nhân Nhạc sĩ Xuân Hồng (1995 - 1998) 591
- Sưu tập tài liệu cá nhân Nhà văn Nguyễn Khải (1994 - 1999)..... 593
- Sưu tập tài liệu gia đình Anh hùng Lao động - Nghệ sĩ Nhân dân Phạm Khắc (1999 - 2012)..... 594
- Sưu tập tài liệu cá nhân Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê (1951 - 2013)..... 595
- Sưu tập tài liệu cá nhân Nhà nghiên cứu sử học Trần Viết Ngạc (1945 - 1966)..... 597
- Sưu tập tài liệu hiến tặng của gia đình cụ Phan Châu Trinh (1911 - 1974)..... 598
- Sưu tập tài liệu cá nhân Giáo sư Tiến sĩ Khoa học Thái Văn Trừng (1962 - 1999)..... 599
- Sưu tập tài liệu, tư liệu hiến tặng của Nhà soạn nhạc, Nhà văn, Nhà thơ, Nhà khoa học Lê Văn Tuấn (1911 - 1974)..... 603
- Sưu tập tài liệu cá nhân Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý (1949 - 1999) 606
- Sưu tập bức tranh Mẹ Việt Nam Anh hùng Trần Thị Viết do Họa sĩ Đặng Ái Việt tặng (2010) 608
- Sưu tập tài liệu của tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam ở Nam Bộ (1936 - 2012)..... 609

TƯ LIỆU

- Sưu tập sách bổ trợ (1865 - 2014)..... 617
- Sưu tập công báo (1862 - 2014) 621
- Sưu tập báo (1968 - 2015)..... 626
- Sưu tập tạp chí (1964 - 2015) 628
- Sưu tập báo cắt từ vụ khủng bố 11/9/2001 đến cuộc chiến Afganixtan.. 630
- Sưu tập hát bội..... 632

SÁCH CHỈ DẪN

CÁC PHÔNG VÀ SƯU TẬP LƯU TRỮ BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập : **NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG**
Sửa bản in : **LÊ THỊ KIM HỒNG**
Trình bày : **MẠNH HẢI**
Bìa : **NGUYÊN UYÊN**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225
Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn -** Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 39 433 868**

Số lượng: 400 cuốn. Khổ 16 x 24 cm
Tại: Xí nghiệp in Fahasa
Địa chỉ: 774 Trường Chinh, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
XNĐKXB số: 48-2016/CXBIPH/128-302/THTPHCM cấp ngày 07/1/2016
QĐXB số: 29/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 18/01/2016
ISBN: 978 - 604 - 58 - 4771 - 8
In xong và nộp lưu chiểu quí I năm 2016.

Cuốn sách giới thiệu toàn bộ các phông, sưu tập lưu trữ hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, nhằm cung cấp những thông tin tổng quan về thành phần, nội dung tài liệu có trong các phông, sưu tập lưu trữ để giúp độc giả tiếp cận, khai thác nhanh chóng và hiệu quả nguồn tài liệu lưu trữ do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý.